TẠNG LUẬT
(*VINAYAPIṬAKA*)

ĐẠI PHẨM
(*MAHĀVAGGA*)

LỜI GIỚI THIỆU

Mahāvagga (*Đại phẩm*) và *Cullavagga* (*Tiểu phẩm*) thuộc *Vinayapiṭaka* (*tạng Luật*) gồm các vấn đề có liên quan với nhau đã được sắp xếp thành từng chương. Tên gọi chung cho hai phẩm này là *Khandhaka.* Chúng tôi tạm gọi tên là bộ *Hợp phần*; *Khandha* có nghĩa là khối, nhóm, uẩn, ... Tiếp vĩ ngữ "*ka*" trong trường hợp này có ý nghĩa là thuộc về, có liên quan, ...

Mahāvagga (*Đại phẩm*) được chia làm mười chương:

1. Chương 1 nói về sự khởi đầu của giáo pháp được tính từ lúc đức Thế Tôn chứng đắc quả Vô thượng Chánh đẳng giác và bao gồm quá trình hình thành nghi thức cho xuất gia và tu lên bậc trên trở thành Tỳ-khưu cùng một số vấn đề liên quan đến việc huấn luyện các vị xuất gia.

2. Chương 2 giảng giải về lễ *Uposatha* với nguyên nhân ban đầu là lời thỉnh cầu của đức Vua Seniya Bimbisāra và nhiều vấn đề có liên quan đến việc tiến hành cuộc lễ như việc ấn định ranh giới (*sīmā*) và nhà hành lễ *Uposatha*, việc sám hối, việc đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*), v.v... Việc gìn giữ sự hợp nhất của hội chúng là điểm được nhấn mạnh ở chương này.

3. Chương 3 giảng giải về việc vào mùa [an cư] mưa. Tuy chỉ được ghi lại trong hai tụng phẩm nhưng nội dung của chương này trình bày những sự việc có liên quan đến 1/3 thời gian sống và tu tập của vị Tỳ-khưu. Chương này cần được xem xét kỹ lưỡng vì có những tư liệu mới chưa được trình bày trong các tài liệu về Luật đã được phổ biến.

4. Chương 4 giảng giải về lễ *Pavāraṇā* (Tự tứ), tức là một trong những hình thức góp ý nhau về đời sống tu tập có liên quan đến giới luật. Hành sự của lễ *Pavāraṇā* tuy chỉ được tiến hành một lần trong năm sau ba tháng cư trú mùa mưa nhưng có tầm quan trọng tương đương với lễ *Uposatha*, nhằm bảo tồn sự trong sạch, đồng thời tính hợp nhất của hội chúng.

5. Chương 5 nói về da thú có liên quan đến đời sống của các vị Tỳ-khưu, ví dụ như giày dép, v.v... Câu chuyện xuất gia của thanh niên Soṇa Koḷivisa ở đầu chương giới thiệu về sự nỗ lực tinh tấn của vị Tỳ-khưu trẻ tuổi này, dẫu rằng do chính sự tinh tấn quá mức này đã là chướng ngại cho sự chứng đắc của vị ấy nhưng cũng là một ví dụ để chúng ta thấy được động cơ tu tập của các vị xuất gia vào thời đức Phật còn tại tiền.

6. Chương 6 nói về dược phẩm và các cách thức chữa bệnh. Chương này gồm có 4 tụng phẩm đề cập đến cách thức chữa trị một số bệnh thông thường,

về một số quy định đã được áp dụng trong thời kỳ khó khăn về vật thực, về đức tin vững chắc của nữ cư sĩ Suppiyā, về vấn đề thọ dụng cá và thịt trong Phật giáo, ngoài ra còn có câu chuyện về kỹ nữ Ambapālī và một số vấn đề khác vẫn còn có được sự ứng dụng thực tiễn trong thời hiện tại.

7. Chương 7 giảng giải về lễ dâng y *Kaṭhina*. Đây là cuộc phước thí có tầm vóc quan trọng vì sự thành tựu của *Kaṭhina* không những có ảnh hưởng đến phước báu của người thí chủ mà còn có liên quan đến sự tu tập của các vị Tỳ-khưu. Sự giảng giải chi tiết với những sự việc tương phản của chương này có lẽ không ngoài mục đích trình bày một số điểm tế nhị cần đến sự chú tâm suy xét.

8. Chương 8 là chương về y phục giảng giải về loại y và các vấn đề có liên quan về nhiều phương diện. Điểm thú vị ở chương này là tụng phẩm mở đầu với câu chuyện về thầy thuốc Jīvaka Komārabhacca và tài năng chữa bệnh của vị này, đáng ngạc nhiên là việc giải phẫu ở đầu và ở bụng đã được tiến hành vào thời gian cách đây hơn 2.500 năm.

9. Chương 9 được đặt tên theo một sự kiện xảy ra ở Campā nêu lên một tiền lệ không tốt đẹp về việc sử dụng sức mạnh tập thể để áp đặt hành phạt sai trái lên cá nhân. Thời bấy giờ còn có đức Phật là vị quan tòa để phân xử, trong thời hiện tại trách nhiệm xem xét lại sự việc được trao cho các hội chúng Tỳ-khưu ở những trú xứ khác nếu có sự thỉnh cầu. Các điều giảng giải trong chương này không ngoài việc trình bày khuôn mẫu trong việc tiến hành các hành sự, khả năng thực hiện của hội chúng đối với các loại hành sự khác nhau tùy thuộc vào số lượng Tỳ-khưu hiện diện, và một số nguyên tắc cần được áp dụng để bảo đảm tính chất đúng Pháp đúng Luật của hành sự. Các hành sự của hội chúng cùng với việc thu hồi các hành sự ấy cũng được trình bày ở chương này gồm có: hành sự khiển trách, hành sự chỉ dạy, hành sự xua đuổi, hành sự hòa giải, và ba loại hành sự án treo.

10. Chương thứ 10 nói về sự việc chia rẽ hội chúng ở Kosambī từ lúc khởi đầu đến hồi kết thúc. Mầm mống chia rẽ trong câu chuyện này chỉ là một sự tranh cãi về một điều Luật không quan trọng, từ sự xung đột cá nhân đã lan rộng đến tập thể và trở nên căng thẳng không những đưa đến ẩu đả giữa các Tỳ-khưu mà còn khiến cho đức Phật đã bỏ đi vào rừng sâu sống với sự phục vụ của voi và khỉ. Yếu tố đưa đến việc giải quyết sự chia rẽ này là hành động tẩy chay tích cực của các cư sĩ ở thành Kosambī, cuối cùng sự tranh tụng được giải quyết do sự phục thiện của vị Tỳ-khưu sai trái. Câu chuyện về Hoàng tử Dīghāvu và nếp sống sinh hoạt của ba vị Đại đức Anuruddha, Nandiya, Kimbila nhằm đề cao sự sống chung hòa ái và không thù hận lẫn nhau là yếu tố quan trọng cần được xây dựng và duy trì trong đời sống tập thể.

***

Bản dịch này được hoàn thành là một sự nỗ lực học tập của bản thân. Chúng tôi cố ý ghi lại lời văn tiếng Việt rất gần với cấu trúc Pāli nhằm phục vụ các độc

giả đang tiến hành nghiên cứu lời dạy của đức Phật dựa vào văn bản gốc. Tài liệu này sẽ giảm bớt nỗi khó nhọc trong việc tra cứu từ điển, đồng thời gợi ý cho quý vị phương thức giải quyết một số cấu trúc của câu văn Pāli. Các độc giả đã học xong phần văn phạm Pāli sơ cấp được khuyến khích nên đọc tài liệu này đối chiếu với văn bản gốc, tức là *Vinayapiṭaka*. Kiến thức về văn phạm Pāli của quý vị sẽ được trau giồi thêm mỗi khi đối diện vấn đề. Đối với quý độc giả phổ thông, hy vọng lời văn tiếng Việt tạm đủ phần trong sáng để giúp quý vị hiểu được vấn đề đang được trình bày. Xin quý vị lượng thứ về văn phong tiếng Việt vì việc đó nằm ngoài mục tiêu của chúng tôi. Ngưỡng mong sẽ nhận được những lời chỉ dạy của các bậc cao minh và các sự khuyến khích góp ý của quý độc giả. Xin quý vị email về: dinda@u.washington.edu.

Bản dịch của chúng tôi được thực hiện và trình bày theo văn bản Pāli La-tinh từ *Compact Disk BUDSIR IV* của trường Đại học Mahidol ở thủ đô Bangkok, Thái Lan.

Động cơ chính cho việc thực hiện bản dịch *Đại phẩm* (*Mahāvagga*) này nhờ vào sự khuyến khích và góp ý của các vị: Hòa thượng Khánh Hỷ, Thượng tọa Giác Nguyên, Thượng tọa Chánh Kiến, Đại đức Tiến sĩ Trí Quảng, Đại đức Tâm An, Sư cô Liễu Pháp, Dr. Bình Anson, Đạo hữu Lương Xuân Lộc, bà Diệu Đài, gia đình Nguyễn Ngọc Vivian. Không có sự khích lệ của quý vị, bản dịch này không thể hoàn thành. Phước báu này hoàn toàn thuộc về các vị. Mong sao các ước nguyện của quý vị sẽ được thành tựu như ý và nhanh chóng y như việc chúng tôi đã hoàn tất bản dịch này.

Xin chân thành ghi nhận công đức của Thượng tọa Tiến sĩ Bửu Chánh về *CD Tam tạng BUDSIR IV*, Thượng tọa Bodhinando (Canada), Đại đức Hộ Phạm, Đại đức Giác Hạnh và Sư cô Nguyên Hương về *CD Tam tạng Chaṭṭha Saṅgāyana* và các bản dịch Anh ngữ, cũng như những sự động viên và ý kiến đóng góp trong thời gian chúng tôi thực hiện bản dịch này.

Công đức này xin dâng đến Hòa thượng trụ trì và chư Tăng chùa Sri Jayawardhanaramaya, Colombo, Tích Lan đã bảo bọc và tạo điều kiện thuận lợi cho chúng tôi trong công việc học tập và nghiên cứu Phật pháp trong thời gian qua.

Mong sao hết thảy chúng sanh đều được tấn hóa trong ánh hào quang của Chánh pháp.

Colombo, ngày 27 tháng 10 năm 2003

Bhikkhu Indacanda

(Trương Đình Dũng)

(*Hiệu đính lần thứ nhất hoàn tất ngày 05-9-2004*)

I. CHƯƠNG TRỌNG YẾU

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại Uruvelā, bên bờ sông Nerañjarā, nơi cội cây Bồ-đề và vừa mới thành tựu quả vị Chánh đẳng giác.

2. Khi ấy, đức Thế Tôn đã ngồi với thế kiết-già ở cội cây Bồ-đề trong bảy ngày, hưởng niềm an lạc của sự giải thoát.

3. Khi ấy, vào canh một của đêm, đức Thế Tôn đã suy nghiệm về sự sanh khởi tùy thuận theo điều kiện thuận chiều và nghịch chiều rằng:

4. "Vô minh duyên cho các hành [sanh khởi], các hành duyên cho thức [sanh khởi], thức duyên cho danh sắc [sanh khởi], danh sắc duyên cho sáu xứ [sanh khởi], sáu xứ duyên cho xúc [sanh khởi], xúc duyên cho thọ [sanh khởi], thọ duyên cho ái [sanh khởi], ái duyên cho thủ [sanh khởi], thủ duyên cho hữu [sanh khởi], hữu duyên cho sanh [sanh khởi], sanh duyên cho lão, tử, sầu, bi, khổ, ưu, não sanh khởi. Như thế là sự sanh khởi của toàn bộ khổ uẩn này.

5. Nhưng chính do sự diệt tận hoàn toàn không còn tham ái của vô minh [đưa đến] sự diệt tận của các hành, do sự diệt tận của các hành [đưa đến] sự diệt tận của thức, do sự diệt tận của thức [đưa đến] sự diệt tận của danh sắc, do sự diệt tận của danh sắc [đưa đến] sự diệt tận của sáu xứ, do sự diệt tận của sáu xứ [đưa đến] sự diệt tận của xúc, do sự diệt tận của xúc [đưa đến] sự diệt tận của thọ, do sự diệt tận của thọ [đưa đến] sự diệt tận của ái, do sự diệt tận của ái [đưa đến] sự diệt tận của thủ, do sự diệt tận của thủ [đưa đến] sự diệt tận của hữu, do sự diệt tận của hữu [đưa đến] sự diệt tận của sanh, do sự diệt tận của sanh [đưa đến] lão, tử, sầu, bi, khổ, ưu, não bị diệt tận. Như thế là sự diệt tận của toàn bộ khổ uẩn này."

6. Sau đó, khi đã hiểu được ý nghĩa sự việc ấy, rồi vào lúc ấy đức Thế Tôn đã thốt lên lời cảm hứng này:

"Quả vậy, khi các pháp hiện rõ đến vị Bà-la-môn đang tinh cần tham thiền thì tất cả điều nghi hoặc của vị ấy được rũ sạch, từ đó nhận biết rằng [mọi] việc là có nguyên nhân."

7. Sau đó, vào canh giữa của đêm, đức Thế Tôn đã suy nghiệm về sự sanh khởi tùy thuận theo điều kiện thuận chiều và nghịch chiều rằng: "Vô minh duyên cho các hành [sanh khởi], các hành duyên cho thức [sanh khởi], thức duyên cho danh sắc [sanh khởi], danh sắc duyên cho sáu xứ [sanh khởi], ...(nt)... Như thế là sự sanh khởi của toàn bộ khổ uẩn này. ...(nt)... là sự diệt tận [của toàn bộ khổ uẩn này]."

8. Sau đó, khi đã hiểu được ý nghĩa sự việc ấy rồi, chính vào lúc ấy đức Thế Tôn đã thốt lên lời cảm hứng này:

"Quả vậy, khi các pháp hiện rõ đến vị Bà-la-môn đang tinh cần tham thiền thì tất cả điều nghi hoặc của vị ấy được rũ sạch, từ đó đã hiểu được sự tiêu hoại của các duyên."

9. Sau đó, vào canh cuối của đêm, đức Thế Tôn đã suy nghiệm về sự sanh khởi tùy thuận theo điều kiện thuận chiều và nghịch chiều rằng: "Vô minh duyên cho các hành [sanh khởi], các hành duyên cho thức [sanh khởi], thức duyên cho danh sắc [sanh khởi], danh sắc duyên cho sáu xứ [sanh khởi], ...(nt)... Như thế là sự sanh khởi của toàn bộ khổ uẩn này. ...(nt)... là sự diệt tận [của toàn bộ khổ uẩn này]."

10. Sau đó, khi đã hiểu được ý nghĩa sự việc ấy, rồi vào lúc ấy đức Thế Tôn đã thốt lên lời cảm hứng này:

"Quả vậy, khi các pháp hiện rõ đến vị Bà-la-môn đang tinh cần tham thiền, trong khi đánh tan binh đội của Ma vương, [vị ấy] hiển hiện tợ như ánh mặt trời đang rọi sáng không gian."

Dứt phần giảng về sự giác ngộ.

*****

1. Sau đó, khi bảy ngày trôi qua, đức Thế Tôn đã xuất khỏi định ấy, rồi từ cội cây Bồ-đề đã đi đến cây si của những người chăn dê,[1] sau khi đến đã ngồi xuống với thế kiết-già ở cội cây si của những người chăn dê trong bảy ngày, hưởng niềm an lạc của sự giải thoát.

2. Khi ấy, có vị Bà-la-môn nọ thuộc nhóm chuyên luyện về âm "hum, hum" đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã tỏ vẻ thân thiện với đức Thế Tôn, sau khi trao đổi lời xã giao thân thiện rồi đã đứng một bên. Khi đã đứng một bên, vị Bà-la-môn ấy đã nói với đức Thế Tôn điều này: "Này Ngài Gotama, [khả năng] đến đâu [mới gọi] là Bà-la-môn? Việc trở thành Bà-la-môn có bao nhiêu điều kiện?"

3. Sau khi hiểu được ý nghĩa sự việc ấy, rồi vào lúc ấy đức Thế Tôn đã thốt lên lời cảm hứng này:

"Vị Bà-la-môn nào có ác pháp đã được ngăn trừ, là vị không làm tiếng 'hum hum', đã thoát khỏi điều ô nhiễm, có bản thân đã được thu thúc, là vị thông thạo các bộ Vệ-đà, sống theo đời Phạm hạnh; vị ấy có thể thuyết giảng một cách đúng đắn lời nói của Phạm thiên; vị ấy không có khuyết điểm về bất cứ điều gì ở trên thế gian."

Dứt phần giảng về [cội cây si của những] người chăn dê.

*****

[1] Cây si của những người chăn dê (Ajapālanigrodha): Bản dịch tiếng Anh của Rhys Davids và Hermann Oldenberg dẫn chứng tài liệu và giải thích rằng: 1. Các người chăn dê dùng bóng mát của cây si (Nigrodha) để nghỉ ngơi nên được gọi là cây si của những người chăn dê. 2. Cây si đã được một đứa bé chăn dê trồng trong thời gian Bồ-tát Siddhattha hành khổ hạnh 6 năm.

1. Sau đó, khi bảy ngày trôi qua, đức Thế Tôn đã xuất khỏi định ấy rồi từ cội cây si của những người chăn dê đã đi đến cây Mucalinda, sau khi đến đã ngồi xuống với thế kiết-già ở cội cây Mucalinda trong bảy ngày, hưởng niềm an lạc của sự giải thoát.

2. Vào lúc bấy giờ, có đám mây đen lớn sái mùa xuất hiện. Trong bảy ngày, trời mưa, có gió lạnh và đầy mây.

3. Khi ấy, rồng chúa Mucalinda đã rời khỏi chỗ ngụ của mình, dùng đuôi quấn quanh cơ thể của đức Thế Tôn bảy vòng và phồng lớn mang rồi duy trì ở phía trên đầu của đức Thế Tôn [nghĩ rằng]: "Chớ để đức Thế Tôn bị lạnh, chớ để đức Thế Tôn bị nóng, chớ để đức Thế Tôn bị xúc chạm bởi ruồi, muỗi, gió, nắng và các loài bò sát."

4. Sau đó, khi bảy ngày trôi qua, rồng chúa Mucalinda sau khi biết rằng bầu trời đã trở nên trong sáng và mây đã tan nên đã nới lỏng thân khỏi cơ thể của đức Thế Tôn, rồi thay đổi hình dạng của chính bản thân và biến thành hình dạng của người thanh niên, đứng ở phía trước đức Thế Tôn, tay chắp lại, bày tỏ thái độ cung kính đến đức Thế Tôn.

5. Sau khi đã hiểu được ý nghĩa sự việc ấy, rồi vào lúc ấy, đức Thế Tôn đã thốt lên lời cảm hứng này:

"Sự sống cách ly là an lạc đối với vị hoan hỷ đang xem xét pháp đã được nghe. Sự không oán hận, không hãm hại mạng sống chúng sanh là niềm hạnh phúc ở trên đời.

Việc dứt được ái tình, sự vượt lên trên các dục là niềm an lạc ở trên đời. Và điều gì là sự thoát ra khỏi tự ngã, điều ấy chính là sự an lạc tối thượng."

Dứt phần giảng về cây Mucalinda.

*****

1. Sau đó, khi bảy ngày trôi qua, đức Thế Tôn đã xuất khỏi định ấy, rồi từ cội cây Mucalind đã đi đến cây Rājāyatana, sau khi đến đã ngồi xuống với thế kiết-già ở cội cây Rājāyatana trong bảy ngày, hưởng niềm an lạc của sự giải thoát.

2. Vào lúc bấy giờ, có các thương buôn Tapassu và Bhallikā đang đi đường xa từ Ukkalā đến khu vực ấy. Khi ấy, vị thiên thần là thân quyến cùng huyết thống của các thương buôn Tapassu và Bhallikā đã nói với các thương buôn Tapassu và Bhallikā điều này:

– Này các bác, đức Thế Tôn này đang ngự ở cội cây Rājāyatana, là vị đầu tiên được hoàn toàn giác ngộ. Hãy đi và bày tỏ lòng thành kính đến đức Thế Tôn ấy với bánh bột gạo và mật viên. Điều ấy sẽ đem lại cho các bác sự lợi ích và sự an vui lâu dài.

3. Khi ấy, các thương buôn Tapassu và Bhallikā đã mang theo bánh bột gạo và mật viên đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi đứng một bên. Khi đã đứng một bên, các thương buôn Tapassu và Bhallikā đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn hãy thọ lãnh bánh bột gạo và mật viên của chúng tôi. Điều ấy sẽ đem lại cho chúng tôi sự lợi ích và sự an vui lâu dài.

4. Khi ấy, đức Thế Tôn đã khởi ý điều này: "Các đức Như Lai không thọ lãnh ở [hai] tay, vậy Ta nên thọ lãnh bánh bột gạo và mật viên bằng vật gì?" Khi ấy, bốn vị Đại Thiên vương dùng tâm biết được ý nghĩ suy tầm của đức Thế Tôn, nên đã dâng lên đức Thế Tôn bốn cái bình bát làm bằng đá từ bốn phương [nói rằng]: "Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn hãy thọ lãnh bánh bột gạo và mật viên ở đây." Đức Thế Tôn đã thọ lãnh bánh bột gạo và mật viên trong bình bát mới làm bằng đá,[2] và sau khi thọ lãnh đã thọ dụng.

5. Sau đó, các thương buôn Tapassu và Bhallikā đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, chúng con đây xin đi đến nương nhờ đức Thế Tôn và giáo pháp. Xin đức Thế Tôn chấp nhận chúng con là các nam cư sĩ đã đi đến nương nhờ kể từ hôm nay cho đến trọn đời.

Và họ đã trở thành những nam cư sĩ đọc hai câu [nương nhờ][3] đầu tiên ở thế gian.

Dứt phần giảng về cây Rājāyatana.

*****

1. Sau đó, khi bảy ngày trôi qua, đức Thế Tôn đã xuất khỏi định ấy, rồi từ cội cây Rājāyatana đã đi đến cây si của những người chăn dê. Ở nơi ấy, đức Thế Tôn ngụ tại cội cây si của những người chăn dê.

2. Sau đó, trong khi đức Thế Tôn đang thiền tịnh ở nơi thanh vắng, có ý nghĩ suy tầm như vầy đã sanh khởi: "Pháp này đã được Ta chứng ngộ là [Pháp] thâm sâu, khó lĩnh hội, khó nhận thức, thanh tịnh, cao quý, vượt trên lý luận, tinh tế, sẽ được hiểu biết bởi các bậc trí. Tuy nhiên, chúng sanh này có sự thỏa thích trong ngũ dục, được thỏa thích trong ngũ dục, được vui sướng trong ngũ dục. Quả vậy, đối với chúng sanh có sự thỏa thích trong ngũ dục, được thỏa thích trong ngũ dục, được vui sướng trong ngũ dục thì vấn đề này khó lĩnh hội, tức là tính chất của duyên và sự sanh khởi tùy thuận theo điều kiện. Còn có vấn đề này còn khó lĩnh hội hơn nữa, tức là sự yên lặng của tất cả các hành, sự dứt

---

[2] Ngài Buddhaghosa giải thích rằng đức Phật đã chú nguyện thành một bình bát mới từ 4 bình bát bằng đá ấy (*VinA*. V. 960).

[3] Nghĩa là đi đến nương nhờ đức Thế Tôn và đi đến nương nhờ Giáo pháp, vì Hội chúng Tỳ-khưu vào lúc bấy giờ chưa được hình thành (ND).

bỏ tất cả mầm mống của sự tái sanh, sự diệt tận ái, sự không còn dục tình, sự tịch diệt, Niết-bàn. Hơn nữa, nếu Ta thuyết giảng giáo pháp và những người khác không thể hiểu được Ta, điều ấy sẽ đem lại sự mệt mỏi cho Ta, điều ấy sẽ đem lại sự phiền toái cho Ta."

3. Rồi những lời kệ kỳ diệu này chưa từng được nghe trước đây trong thời quá khứ đã hiện khởi đến đức Thế Tôn: "[Pháp này] đã được Ta chứng đắc một cách khó khăn, giờ đây khỏi phải thuyết giảng. Pháp này không dễ dàng được hiểu thấu đáo bởi những kẻ chìm đắm trong ái dục và sân hận. [Pháp này] đi ngược dòng [đời], tinh tế, thâm sâu, khó lĩnh hội, vi diệu, những kẻ thỏa thích ái dục, bị che phủ bởi tăm tối dày đặc, không thể nhận thức được."

4. Trong khi đắn đo, cân nhắc như thế ấy, tâm của đức Thế Tôn thiên về [khuynh hướng] không ra sức nỗ lực và không thuyết giảng giáo pháp. Khi ấy, vị Phạm thiên Sahampati dùng tâm biết được ý nghĩ suy tầm của đức Thế Tôn nên đã khởi ý điều này: "Như thế này thì thế gian bị tiêu diệt! Như thế này thì thế gian bị hủy hoại! Bởi vì tâm của đức Như Lai, bậc A-la-hán, đấng Chánh Biến Tri thiên về [khuynh hướng] không ra sức nỗ lực và không thuyết giảng giáo pháp."

5. Sau đó, cũng giống như người đàn ông có sức mạnh có thể duỗi ra cánh tay đã được co lại, hoặc có thể co lại cánh tay đã được duỗi ra; tương tợ như thế, vị Phạm thiên Sahampati đã biến mất ở cõi Phạm thiên và hiện ra ở phía trước đức Thế Tôn. Khi ấy, Phạm thiên Sahampati đã đắp thượng y một bên vai, quỳ đầu gối bên phải trên mặt đất, rồi chắp tay hướng về đức Thế Tôn và đã nói điều này:

– Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn hãy thuyết giảng giáo pháp, xin đấng Thiện Thệ hãy thuyết giảng giáo pháp. Có những hạng người sanh lên có tầm nhìn ít bị vấy bụi, sẽ là những người hiểu được giáo pháp, [nhưng] do việc không nghe giáo pháp sẽ bị tha hóa.

Phạm thiên Sahampati đã nói điều ấy, sau khi nói điều ấy còn nói thêm điều khác nữa:

– Trước đây, ở trong xứ Magadha đã xuất hiện pháp không thanh tịnh, được nghĩ ra bởi những người có sự ô nhiễm. Xin Ngài hãy mở ra cánh cửa bất tử này. Hãy [để cho chúng sanh] lắng nghe giáo pháp đã được chứng ngộ bởi bậc Vô Nhiễm.

Như người đứng trên tảng đá ở đỉnh đầu của ngọn núi, cũng giống như người nhìn xem nhân loại ở xung quanh, tương tợ như thế ấy, hỡi bậc Trí, Ngài hãy bước lên tòa lâu đài được xây bằng giáo pháp. Hỡi bậc Thông Hiểu Rộng là bậc đã thoát khỏi buồn đau, xin Ngài hãy nhìn xuống xem nhân loại bị đắm chìm trong sầu khổ, bị hành hạ bởi sự sanh và sự già.

Hỡi vị Anh Hùng, người đã chiến thắng trận đấu, xin Ngài hãy đứng lên. Hỡi người hướng dẫn đoàn xe, vị không vướng nợ nần, xin Ngài hãy du hành

ở thế gian. Xin đức Thế Tôn hãy thuyết giảng giáo pháp, sẽ có nhiều người hiểu được.

6. Sau đó, khi đã hiểu được yêu cầu của vị Phạm thiên, đức Thế Tôn thuận theo lòng thương tưởng chúng sanh đã dùng Phật nhãn quán xét thế gian. Trong khi dùng Phật nhãn quán xét thế gian, đức Thế Tôn đã nhìn thấy các chúng sanh có tầm nhìn bị vấy bụi ít và có tầm nhìn bị vấy bụi nhiều, có giác quan sắc sảo và có giác quan cùn lụt, có tánh khí tốt và có tánh khí tồi, có thể hiểu được một cách nhanh chóng và có thể hiểu được một cách khó khăn, [và nhìn thấy] một số chúng sanh đang sống có sự nhìn thấy nỗi sợ hãi trong tội lỗi và [sự tái sanh vào] những đời sống khác.

Cũng giống như ở hồ sen xanh, hoặc ở hồ sen hồng, hoặc ở hồ sen trắng, có một số sen xanh, hoặc sen hồng, hoặc sen trắng được sanh ra ở trong nước, được phát triển ở trong nước, không vươn ra khỏi nước và được nuôi dưỡng chìm ở bên trong [nước]; có một số sen xanh, hoặc sen hồng, hoặc sen trắng được sanh ra ở trong nước, được phát triển ở trong nước, sống ngang bằng mặt nước; và có một số sen xanh, hoặc sen hồng, hoặc sen trắng được sanh ra ở trong nước, được phát triển ở trong nước, vươn lên khỏi nước và tồn tại không bị thấm nước; tương tợ như thế, đức Thế Tôn trong khi dùng Phật nhãn quán xét thế gian đã nhìn thấy các chúng sanh có tầm nhìn bị vấy bụi ít và có tầm nhìn bị vấy bụi nhiều, có giác quan sắc sảo và có giác quan cùn lụt, có tánh khí tốt và có tánh khí tồi, có thể hiểu được một cách nhanh chóng và có thể hiểu được một cách khó khăn, [và nhìn thấy] một số chúng sanh đang sống có sự nhìn thấy nỗi sợ hãi trong tội lỗi và [sự tái sanh vào] những đời sống khác; sau khi nhìn thấy, đã nói với vị Phạm thiên Sahampati bằng bài kệ này: "Các cánh cửa bất tử đã được mở ra cho những người có sự lắng nghe. Hãy khiến chúng từ bỏ tà tín. Này Phạm thiên, với suy nghĩ về việc tổn hại, Ta đã không thuyết giảng pháp cao quý tuyệt vời cho nhân loại."

Khi ấy, vị Phạm thiên Sahampati [nghĩ rằng]: "Ta đã tạo ra cơ hội cho đức Thế Tôn thuyết giảng giáo pháp" nên đã đảnh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiễu quanh và đã biến mất ngay tại chỗ ấy.

Dứt phần giảng về sự thỉnh cầu của vị Phạm thiên.

*****

1. Sau đó, đức Thế Tôn đã khởi ý điều này: "Ta nên thuyết giảng giáo pháp đến ai trước tiên? Ai sẽ hiểu được giáo pháp này một cách thật nhanh chóng?" Khi ấy, đức Thế Tôn đã khởi ý điều này: "Vị Āḷāra Kālāma này là vị sáng trí, kinh nghiệm, thông minh, đã lâu nay có bản thể bị ít ô nhiễm, hay là Ta nên thuyết giảng giáo pháp đến Āḷāra Kālāma trước tiên? Vị ấy sẽ hiểu được giáo pháp này một cách thật nhanh chóng." Khi ấy, có vị thiên thần không hiện hình đã thông báo đến đức Thế Tôn rằng:

– Bạch Ngài, vị Āḷāra Kālāma đã từ trần được bảy ngày rồi.

Và trí của đức Thế Tôn cũng đã khởi lên rằng: "Vị Āḷāra Kālāma đã từ trần được bảy ngày rồi." Khi ấy, đức Thế Tôn đã khởi ý điều này: "Vị Āḷāra Kālāma thuộc hạng người cao cả, bởi vì nếu nghe được giáo pháp này, vị ấy có thể hiểu được một cách thật nhanh chóng."

2. Sau đó, đức Thế Tôn đã khởi ý điều này: "Ta nên thuyết giảng giáo pháp đến ai trước tiên? Ai sẽ hiểu được giáo pháp này một cách thật nhanh chóng?" Khi ấy, đức Thế Tôn đã khởi ý điều này: "Vị Uddaka Rāmaputta này là vị sáng trí, kinh nghiệm, thông minh, lâu nay đã có bản thể bị ít ô nhiễm, hay là Ta nên thuyết giảng giáo pháp đến Uddaka Rāmaputta trước tiên? Vị ấy sẽ hiểu được giáo pháp này một cách thật nhanh chóng." Khi ấy, có vị thiên thần không hiện hình đã thông báo đến đức Thế Tôn rằng:

– Bạch Ngài, vị Uddaka Rāmaputta đã từ trần vào đêm qua.

Và trí của đức Thế Tôn cũng đã khởi lên rằng: "Vị Uddaka Rāmaputta đã từ trần vào đêm qua." Khi ấy, đức Thế Tôn đã khởi ý điều này: "Vị Uddaka Rāmaputta thuộc hạng người cao cả, bởi vì nếu nghe được giáo pháp này vị ấy có thể hiểu được một cách thật nhanh chóng."

3. Sau đó, đức Thế Tôn đã khởi ý điều này: "Ta nên thuyết giảng giáo pháp đến ai trước tiên? Ai sẽ hiểu được giáo pháp này một cách thật nhanh chóng?" Khi ấy, đức Thế Tôn đã khởi ý điều này: "Các Tỳ-khưu nhóm năm vị có nhiều công đức đối với Ta, các vị này đã phục vụ Ta trong khi Ta có sự nỗ lực quyết tâm,[4] hay là Ta nên thuyết giảng giáo pháp đến các Tỳ-khưu nhóm năm vị trước tiên?" Khi ấy, đức Thế Tôn đã khởi ý điều này: "Giờ đây, các Tỳ-khưu nhóm năm vị này trú ngụ ở nơi nào?" Với thiên nhãn thanh tịnh vượt trội loài người, đức Thế Tôn đã nhìn thấy các Tỳ-khưu nhóm năm vị đang trú ngụ tại thành Bārāṇasī, ở Isipatana, nơi vườn Nai. Sau đó, khi đã ngự tại Uruvelā theo như ý thích, đức Thế Tôn đã ra đi du hành về phía thành Bārāṇasī.

4. Đạo sĩ lõa thể Upaka đã nhìn thấy đức Thế Tôn đang đi đường xa, ở khoảng giữa Gayā và cội Bồ-đề, sau khi nhìn thấy đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Này đạo hữu, các giác quan của đạo hữu được trầm tĩnh, màu da được thanh tịnh và trong sáng. Này đạo hữu, vì ai mà đạo hữu đã xuất gia? Ai là thầy của đạo hữu? Đạo hữu ưa thích pháp của vị nào?

Khi được nói như thế, đức Thế Tôn đã nói với đạo sĩ lõa thể Upaka bằng những lời kệ này:

"Ta là bậc Vượt Trên Tất Cả, là người hiểu biết toàn bộ, không còn bị vướng mắc trong tất cả các pháp, đã dứt bỏ tất cả, đã được giải thoát trong việc đoạn tận tham ái, sau khi tự mình chứng đắc thì ai có thể chỉ dạy [được Ta]?

---

[4] Đức Thế Tôn đề cập đến sự phục vụ của 5 vị này trong thời gian Ngài hành khổ hạnh 6 năm. Điểm cần lưu ý là đức Thế Tôn dùng từ "Bhikkhu" dịch là "Tỳ-khưu" để gọi 5 vị này, dầu các vị chưa trở thành đệ tử và chưa tu tập theo giáo pháp của Ngài (ND).

Không có ai là thầy của Ta, người tương đương với Ta không tìm thấy, trong thế gian luôn cả cõi trời, không có ai là đối thủ của Ta.

Bởi vì Ta là bậc A-la-hán, bậc Vô Thượng Sư ở trên đời. Chỉ mình Ta là bậc Chánh Đẳng Giác, Ta có được trạng thái mát mẻ, Niết-bàn.

Ta đi đến thành Kāsī để chuyển vận bánh xe giáo pháp. Ta sẽ đánh lên tiếng trống bất tử ở thế gian đang bị tối tăm."

– Này đạo hữu, theo như đạo hữu cho biết thì đạo hữu xứng đáng là bậc Chiến Thắng Vô Biên.

[Đức Phật đáp lại rằng:]

– Này Upaka, quả vậy, tương đương với Ta là các bậc Chiến Thắng đã đạt đến việc đoạn tận các lậu hoặc. Ta đã chiến thắng các ác pháp, vì thế Ta là bậc Jina.

5. Khi được nói như thế, đạo sĩ lõa thể Upaka đã nói rằng: "Này đạo hữu, có thể là như vậy." Rồi đã gục gặc cái đầu, rẽ sang con đường khác và bỏ đi.

6. Sau đó, trong khi tuần tự du hành, đức Thế Tôn đã ngự đến thành Bārāṇasī, Isipatana, nơi vườn Nai và đã đi đến gặp các Tỳ-khưu nhóm năm vị. Các Tỳ-khưu nhóm năm vị đã nhìn thấy đức Thế Tôn từ đàng xa đang đi lại, sau khi nhìn thấy các vị đã bàn bạc với nhau rằng: "Này các vị, Sa-môn Gotama ấy đang đi đến. Ông ta là kẻ lợi dưỡng, bỏ dở dang việc nỗ lực và đã quay trở lại cuộc sống sung túc. Ông ta không đáng để đảnh lễ, không đáng để đứng dậy, y bát của ông ta không đáng để đón nhận; tuy nhiên chỗ ngồi nên được xếp đặt, nếu ông ta muốn thì ông ta cứ việc ngồi."

7. Nhưng khi đức Thế Tôn càng đi đến gần các Tỳ-khưu nhóm năm vị, thì các Tỳ-khưu nhóm năm vị ấy đã không thể tuân theo điều thỏa thuận của họ. Trong khi không tuân theo, họ đã đi ra tiếp đón đức Thế Tôn, một vị đã nhận lấy y bát của đức Thế Tôn, một vị đã sắp đặt chỗ ngồi, một vị đã đem lại nước rửa chân, ghế kê chân, tấm chà chân. Đức Thế Tôn đã ngồi xuống ở chỗ ngồi được sắp đặt sẵn. Sau khi ngồi xuống, đức Thế Tôn đã rửa hai chân. Tuy nhiên, các vị vẫn xưng hô với đức Thế Tôn bằng tên và bằng tiếng gọi "Đạo hữu."

Khi được gọi như thế, đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ-khưu nhóm năm vị điều này:

– Này các Tỳ-khưu, chớ xưng hô với Như Lai bằng tên và bằng tiếng gọi "Đạo hữu." Này các Tỳ-khưu, Như Lai là bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác. Này các Tỳ-khưu, hãy lắng tai nghe, Ta sẽ giảng dạy pháp bất tử đã đạt được, Ta sẽ thuyết giảng giáo pháp. Trong khi thực hành theo như đã được giảng dạy thì chẳng bao lâu sau, ngay trong kiếp hiện tại này, các vị nhờ vào thắng trí của mình sẽ chứng ngộ, đạt đến và an trú vào mục đích tối thượng ấy của Phạm hạnh. Vì mục đích này mà những người con trai của các gia đình cao quý rời nhà xuất gia một cách chân chánh, sống không nhà.

8. Khi được nói như thế, các Tỳ-khưu nhóm năm vị đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Này Đạo hữu Gotama, thậm chí với hạnh kiểm ấy, bằng sự thực hành ấy, bằng việc theo đuổi khổ hạnh ấy còn không đạt đến pháp thượng nhân và sự siêu việt của tri kiến xứng đáng với bậc Thánh, còn giờ đây là kẻ lợi dưỡng, bỏ dở dang việc nỗ lực và đã quay trở lại cuộc sống sung túc, làm thế nào Đạo hữu lại đạt đến pháp thượng nhân và sự siêu việt của tri kiến xứng đáng với bậc Thánh?

Khi được nói như thế, đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ-khưu nhóm năm vị điều này:

– Này các Tỳ-khưu, Như Lai không phải là kẻ lợi dưỡng, không bỏ dở dang việc nỗ lực và đã không quay trở lại cuộc sống sung túc. Này các Tỳ-khưu, Như Lai là bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác. Này các Tỳ-khưu, hãy lắng tai nghe, Ta sẽ giảng dạy pháp bất tử đã đạt được, Ta sẽ thuyết giảng giáo pháp. Trong khi thực hành theo như đã được giảng dạy thì chẳng bao lâu sau, ngay trong kiếp hiện tại này, các vị nhờ vào thắng trí của mình sẽ chứng ngộ, đạt đến và an trú vào mục đích tối thượng ấy của Phạm hạnh. Vì mục đích này mà những người con trai của các gia đình cao quý rời nhà xuất gia một cách chân chánh, sống không nhà.

Đến lần thứ nhì, các Tỳ-khưu nhóm năm vị đã nói với đức Thế Tôn điều này: ...(nt)... Đến lần thứ nhì, đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ-khưu nhóm năm vị điều này: ...(nt).

Đến lần thứ ba, các Tỳ-khưu nhóm năm vị đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Này Đạo hữu Gotama, thậm chí với hạnh kiểm ấy, bằng sự thực hành ấy, bằng việc theo đuổi khổ hạnh ấy còn không đạt đến pháp thượng nhân và sự siêu việt của tri kiến, xứng đáng với bậc Thánh, còn giờ đây là kẻ lợi dưỡng, bỏ dở dang việc nỗ lực và đã quay trở lại cuộc sống sung túc, làm thế nào Đạo hữu lại đạt đến pháp thượng nhân và sự siêu việt của tri kiến, xứng đáng với bậc Thánh?

9. Khi được nói như thế, đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ-khưu nhóm năm vị rằng:

– Này các Tỳ-khưu, các vị có nhận biết rằng điều này đã không được Ta nói ra như vầy trước đây hay không?

– Bạch Ngài, điều này đúng là không có [nói].[5]

– Này các Tỳ-khưu, Như Lai là bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác. Này các Tỳ-khưu, hãy lắng tai nghe, Ta sẽ giảng dạy pháp bất tử đã đạt được, Ta sẽ thuyết giảng giáo pháp. Trong khi thực hành theo như đã được giảng dạy thì chẳng bao lâu sau, ngay trong kiếp hiện tại này, các vị nhờ vào thắng trí của mình sẽ chứng ngộ, đạt đến và an trú vào mục đích tối thượng ấy của Phạm

[5] Lúc này, 5 vị không gọi đức Phật là "*Āvuso*" nữa, mà gọi là "*Bhante*", tỏ ý tôn trọng (ND).

hạnh. Vì mục đích này mà những người con trai của các gia đình cao quý rời nhà xuất gia một cách chân chánh, sống không nhà.

Đức Thế Tôn đã có thể thuyết phục các Tỳ-khưu nhóm năm vị. Sau đó, các Tỳ-khưu nhóm năm vị đã lắng nghe đức Thế Tôn, đã lắng tai, đã thiết lập tâm hướng đến trí chứng ngộ. Khi ấy, đức Thế Tôn đã bảo các Tỳ-khưu nhóm năm vị rằng:

10. – Này các Tỳ-khưu, đây là hai cực đoan mà bậc xuất gia không nên thực hành: Đây là sự say đắm về dục lạc trong các dục, kém cỏi, thô thiển, tầm thường, không cao thượng, không đem lại lợi ích và đây là sự gắn bó với việc hành hạ bản thân, đau khổ, không cao thượng, không đem lại lợi ích. Này các Tỳ-khưu, sau khi không tiếp cận cả hai cực đoan ấy, lối thực hành trung đạo đã được Như Lai tự mình giác ngộ khiến cho mắt được thấy, khiến cho trí được sáng,[2] dẫn đến tịch tịnh, thắng trí, hoàn toàn giác ngộ, Niết-bàn.

11. Này các Tỳ-khưu, lối thực hành trung đạo ấy đã được Như Lai tự mình giác ngộ khiến cho mắt được thấy, khiến cho trí được sáng, dẫn đến tịch tịnh, thắng trí, hoàn toàn giác ngộ, Niết-bàn là thế nào? Đó chính là Thánh đạo tám chi phần, tức là sự hiểu biết chân chánh, suy nghĩ chân chánh, lời nói chân chánh, nghề nghiệp chân chánh, nuôi mạng chân chánh, tinh tấn chân chánh, ghi nhớ chân chánh, định tâm chân chánh. Này các Tỳ-khưu, lối thực hành trung đạo ấy đã được Như Lai tự mình giác ngộ khiến cho mắt được thấy, khiến cho trí được sáng,[6] dẫn đến tịch tịnh, thắng trí, hoàn toàn giác ngộ, Niết-bàn.

12. Này các Tỳ-khưu, đây là chân lý cao thượng, tức là sự khổ: Sanh cũng là khổ, già cũng là khổ, bệnh cũng là khổ, chết cũng là khổ, sự gắn bó với những gì không ưa thích cũng là khổ, sự chia lìa với những gì ưa thích cũng là khổ, không đạt được điều ước muốn cũng là khổ; một cách tóm tắt, năm sự bám víu ở các uẩn là khổ.

13. Này các Tỳ-khưu, đây là chân lý cao thượng, tức là nguyên nhân của khổ. Điều ấy chính là ái đưa đến tái sanh, liên kết với khoái lạc và say đắm, có sự thỏa thích ở nơi này nơi khác, tức là dục ái, hữu ái, phi hữu ái.

14. Này các Tỳ-khưu, đây là chân lý cao thượng, tức là sự diệt khổ. Điều ấy là sự dứt bỏ, sự dứt ra khỏi, sự giải thoát, sự không còn chỗ nương tựa, sự diệt tận và dứt bỏ lòng say đắm không còn dư sót của chính ái ấy.

15. Này các Tỳ-khưu, đây là chân lý cao thượng, tức là sự thực hành theo con đường đưa đến sự diệt khổ. Đó chính là Thánh đạo tám chi phần, tức là sự hiểu biết chân chánh, suy nghĩ chân chánh, ...(nt)... định tâm chân chánh.

16. Này các Tỳ-khưu, Ta có được [pháp] nhãn đã sanh khởi, trí đã sanh khởi, tuệ đã sanh khởi, minh đã sanh khởi, ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: "Đây là chân lý cao thượng tức là sự khổ." Này các Tỳ-khưu, hơn nữa, Ta có được ...(nt)... "Đây là chân lý cao thượng, tức là

[6] Dịch sát nghĩa sẽ là "có sự tạo ra con mắt, có sự tạo ra trí tuệ" (ND).

sự khổ cần được hiểu rõ." Này các Tỳ-khưu, hơn nữa, Ta có được [pháp] nhãn đã sanh khởi, trí đã sanh khởi, tuệ đã sanh khởi, minh đã sanh khởi, ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: "...(nt)... đã được hiểu rõ."

17. Này các Tỳ-khưu, Ta có được [pháp] nhãn đã sanh khởi, trí đã sanh khởi, tuệ đã sanh khởi, minh đã sanh khởi, ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: "Đây là chân lý cao thượng, tức là nguyên nhân của khổ." Này các Tỳ-khưu, hơn nữa, Ta có được ...(nt)... "Đây là chân lý cao thượng, tức là nguyên nhân của khổ cần được dứt bỏ." Này các Tỳ-khưu, hơn nữa, Ta có được [pháp] nhãn đã sanh khởi, trí đã sanh khởi, tuệ đã sanh khởi, minh đã sanh khởi, ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: "...(nt)... đã được dứt bỏ."

18. Này các Tỳ-khưu, Ta có được [pháp] nhãn đã sanh khởi, trí đã sanh khởi, tuệ đã sanh khởi, minh đã sanh khởi, ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: "Đây là chân lý cao thượng, tức là sự diệt khổ." Này các Tỳ-khưu, hơn nữa, Ta có được ...(nt)... "Đây là chân lý cao thượng, tức là sự diệt khổ cần được chứng ngộ." Này các Tỳ-khưu, hơn nữa, Ta có được [pháp] nhãn đã sanh khởi, ...(nt)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: "...(nt)... đã được chứng ngộ."

19. Này các Tỳ-khưu, Ta có được [pháp] nhãn đã sanh khởi, ...(nt)... ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: "Đây là chân lý cao thượng, tức là sự thực hành theo con đường đưa đến sự diệt khổ." Này các Tỳ-khưu, hơn nữa, Ta có được ...(nt)... "Đây là chân lý cao thượng, tức là sự thực hành theo con đường đưa đến sự diệt khổ cần được tu tập." Này các Tỳ-khưu, hơn nữa, Ta có được [pháp] nhãn đã sanh khởi, trí đã sanh khởi, tuệ đã sanh khởi, minh đã sanh khởi, ánh sáng đã sanh khởi đối với các pháp trước đây chưa từng được nghe: "...(nt)... đã được tu tập."

20. Này các Tỳ-khưu, và cho đến khi nào tri kiến thấy đúng thực chất của Ta về ba luân [vòng xoay] và mười hai thể [tính chất], về bốn chân lý cao thượng này chưa được thực sự thanh tịnh; này các Tỳ-khưu, cho đến khi ấy, Ta chưa công bố là Ta đã hoàn toàn giác ngộ về Vô thượng Chánh đẳng giác ở trong thế gian tính luôn cõi của chư Thiên, cõi Ma vương, cõi Phạm thiên, cho đến dòng dõi Sa-môn, Bà-la-môn, các hạng chư thiên và loài người.

21. Và này các Tỳ-khưu, bởi vì tri kiến thấy đúng thực chất của Ta về ba luân và mười hai thể ở bốn chân lý cao thượng này đã được thực sự thanh tịnh; này các Tỳ-khưu, khi ấy Ta đã công bố là Ta đã hoàn toàn giác ngộ về Vô thượng Chánh đẳng giác ở trong thế gian tính luôn cõi của chư Thiên, cõi Ma vương, cõi Phạm thiên, cho đến dòng dõi Sa-môn, Bà-la-môn, các hạng chư thiên và loài người. Hơn nữa, trí tuệ và sự thấy biết của Ta đã sanh khởi: "Sự giải thoát tâm của Ta là không thể thay đổi, đây là lần sanh cuối cùng, giờ đây không còn tái sanh nữa."

22. Hơn nữa, trong khi bài kinh này được thuyết giảng, pháp nhãn không nhiễm bụi trần, không vết nhơ đã sanh khởi đến Đại đức Koṇḍañña: "Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt."

23. Hơn thế nữa, khi bánh xe pháp được chuyển vận bởi đức Thế Tôn, chư thiên ở địa cầu đã đồn đãi lời rằng: "Bánh xe pháp vô thượng ấy đã được đức Thế Tôn chuyển vận ở Bārāṇasī, tại Isipatana, nơi vườn Nai không thể bị chuyển vận nghịch lại bởi Sa-môn, Bà-la-môn, thiên nhân, Ma vương, Phạm thiên, hoặc bất cứ ai ở trên đời."

24. Sau khi nghe được tiếng đồn của chư thiên ở địa cầu, chư thiên ở cõi Tứ Đại Thiên Vương đã đồn đãi lời rằng: ...(nt)... Sau khi nghe được tiếng đồn của chư thiên ở cõi Tứ Đại Thiên Vương, chư thiên ở cõi Đạo-lợi đã đồn đãi lời rằng: ...(nt)... chư thiên ở cõi Dạ-ma, ...(nt)... chư thiên ở cõi Đẩu-suất, ...(nt)... chư thiên ở cõi Hóa Lạc, ...(nt)... chư thiên ở cõi Tha Hóa Tự Tại, ...(nt)... chư thiên thuộc hàng Phạm thiên đã đồn đãi lời rằng: "Bánh xe pháp vô thượng ấy đã được đức Thế Tôn chuyển vận ở Bārāṇasī tại Isipatana, nơi vườn Nai không thể bị chuyển vận nghịch lại bởi Sa-môn, Bà-la-môn, thiên nhân, Ma vương, Phạm thiên, hoặc bất cứ ai ở trên đời."

25. Vào thời khắc ấy, vào giây phút ấy, lời đồn đãi ấy đã đi đến các cõi trời Phạm thiên. Và mười ngàn thế giới này đã bị lay chuyển, rung động, chấn động. Và ánh sáng tuyệt vời không thể đo lường đã hiện ra ở thế gian, vượt quá năng lực siêu phàm của chư thiên. Khi ấy, đức Thế Tôn đã thốt lên lời cảm hứng rằng: "Koṇḍañña đã hiểu được! Koṇḍañña đã hiểu được!" Bởi thế, chính từ "Aññākoṇḍañña"[7] này đã trở thành tên gọi của Đại đức Koṇḍañña.

26. Sau đó, khi đã thấy được pháp, đã thành tựu được pháp, đã hiểu được pháp, đã thấm nhuần pháp, hoài nghi đã không còn, sự lưỡng lự đã dứt hẳn, đã thành tựu niềm tin vào giáo pháp của bậc Đạo sư, không còn cần sự trợ duyên của người khác, Đại đức Aññākoṇḍañña đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, con có thể xuất gia trong sự hiện diện của đức Thế Tôn không? Con có thể tu lên bậc trên không?

Đức Thế Tôn đã nói rằng:

– Này Tỳ-khưu, hãy đến. Pháp đã khéo được thuyết giảng, hãy thực hành Phạm hạnh một cách đúng đắn để chấm dứt khổ đau.

Chính lời nói ấy đã là sự tu lên bậc trên của vị Đại đức ấy.

27. Sau đó, đức Thế Tôn đã giáo huấn, đã giảng dạy các vị Tỳ-khưu còn lại bằng bài pháp thoại. Khi ấy, trong lúc được giáo huấn, được giảng dạy bởi đức Thế Tôn bằng bài pháp thoại, pháp nhãn không nhiễm bụi trần, không vết nhơ đã sanh khởi đến Đại đức Vappa và Đại đức Bhaddiya: "Điều gì có bản tánh

[7] "*Aññākoṇḍañña*" = *Aññā* + *koṇḍañña*, nghĩa là "Koṇḍañña đã hiểu." Tên gọi này được phát xuất từ lời nói của đức Phật: "*Aññāsi vata bho Koṇḍañño. Aññāsi vata bho Koṇḍañño*" (ND).

được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt." Khi đã thấy được pháp, đã thành tựu được pháp, đã hiểu được pháp, đã thấm nhuần pháp, hoài nghi đã không còn, sự lưỡng lự đã dứt hẳn, đã thành tựu niềm tin vào giáo pháp của bậc Đạo sư, không còn cần sự trợ duyên của người khác, các vị ấy đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, chúng con có thể xuất gia trong sự hiện diện của đức Thế Tôn không? Chúng con có thể tu lên bậc trên không?

Đức Thế Tôn đã nói rằng:

– Này các Tỳ-khưu, hãy đến. Pháp đã khéo được thuyết giảng, hãy thực hành Phạm hạnh một cách đúng đắn để chấm dứt khổ đau.

Chính lời nói ấy đã là sự tu lên bậc trên của các Đại đức ấy.

28. Sau đó, với bữa ăn đã được mang lại, đức Thế Tôn đã giáo huấn, đã giảng dạy các vị Tỳ-khưu còn lại bằng bài pháp thoại. Nhóm sáu vị sống bằng vật mà ba vị Tỳ-khưu đi khất thực và mang về.

29. Khi ấy, trong lúc được giáo huấn, được giảng dạy bởi đức Thế Tôn bằng bài pháp thoại, pháp nhãn không nhiễm bụi trần, không vết nhơ đã sanh khởi đến Đại đức Mahānāma và Đại đức Assaji: "Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt." Khi đã thấy được pháp, đã thành tựu được pháp, đã hiểu được pháp, đã thấm nhuần pháp, hoài nghi đã không còn, sự lưỡng lự đã dứt hẳn, đã thành tựu niềm tin vào giáo pháp của bậc Đạo sư, không còn cần sự trợ duyên của người khác, các vị ấy đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, chúng con có thể xuất gia trong sự hiện diện của đức Thế Tôn không? Chúng con có thể tu lên bậc trên không?

Đức Thế Tôn đã nói rằng:

– Này các Tỳ-khưu, hãy đến. Pháp đã khéo được thuyết giảng, hãy thực hành Phạm hạnh một cách đúng đắn để chấm dứt khổ đau.

Chính lời nói ấy đã là sự tu lên bậc trên của các Đại đức ấy.

30. Sau đó, đức Thế Tôn đã bảo các Tỳ-khưu nhóm năm vị rằng:

– Này các Tỳ-khưu, sắc là vô ngã.[8] Này các Tỳ-khưu, bởi vì nếu sắc này là ngã thì sắc này không thể đi đến bệnh hoạn và có thể đạt được ở sắc [theo ý muốn] rằng: "Sắc của ta hãy là như vầy, sắc của ta đừng trở thành như vầy." Này các Tỳ-khưu, chính vì sắc là vô ngã, do đó, sắc đi đến bệnh hoạn và không thể đạt được ở sắc [theo ý muốn] rằng: "Sắc của ta hãy là như vầy, sắc của ta đừng trở thành như vầy."

31. Này các Tỳ-khưu, thọ là vô ngã. Này các Tỳ-khưu, bởi vì nếu thọ này là ngã thì thọ này không thể đi đến bệnh hoạn và có thể đạt được ở thọ [theo ý muốn] rằng: "Thọ của ta hãy là như vầy, thọ của ta đừng trở thành như vầy."

[8] Tốt hơn nên dịch là "sắc không phải là ngã" hoặc "sắc không phải là ta" (ND).

Này các Tỳ-khưu, chính vì thọ là vô ngã, do đó, thọ đi đến bệnh hoạn và không thể đạt được ở thọ [theo ý muốn] rằng: "Thọ của ta hãy là như vầy, thọ của ta đừng trở thành như vầy."

32. Này các Tỳ-khưu, tưởng là vô ngã. ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, các hành là vô ngã. Này các Tỳ-khưu, bởi vì nếu các hành này là ngã thì các hành này không thể đi đến bệnh hoạn và có thể đạt được ở các hành [theo ý muốn] rằng: "Các hành của ta hãy là như vầy, các hành của ta đừng trở thành như vầy." Này các Tỳ-khưu, chính vì các hành là vô ngã, do đó, các hành đi đến bệnh hoạn và không thể đạt được ở các hành [theo ý muốn] rằng: "Các hành của ta hãy là như vầy, các hành của ta đừng trở thành như vầy."

33. Này các Tỳ-khưu, thức là vô ngã. Này các Tỳ-khưu, bởi vì nếu thức này là ngã thì thức này không thể đi đến bệnh hoạn và có thể đạt được ở thức [theo ý muốn] rằng: "Thức của ta hãy là như vầy, thức của ta đừng trở thành như vầy." Này các Tỳ-khưu, chính vì thức là vô ngã, do đó, thức đi đến bệnh hoạn và không thể đạt được ở thức [theo ý muốn] rằng: "Thức của ta hãy là như vầy, thức của ta đừng trở thành như vầy."

34. Này các Tỳ-khưu, các vị nghĩ gì về sắc ấy, là thường hay vô thường?

– Bạch Ngài, là vô thường.

– Vậy cái gì [đã] là vô thường thì cái ấy là khổ hay lạc?

– Bạch Ngài, là khổ.

– Vậy cái gì [đã] là vô thường, khổ, có trạng thái thay đổi, có phải là hợp lý khi quán xét về cái ấy rằng: "Cái này là của ta, cái này là ta, cái này là tự ngã của ta?"

– Bạch Ngài, điều ấy không [hợp lý].

– Này các Tỳ-khưu, thọ ...(nt)... tưởng ...(nt)... các hành ...(nt)... thức là thường hay vô thường?

– Bạch Ngài, là vô thường.

– Vậy cái gì [đã] là vô thường thì cái ấy là khổ hay lạc?

– Bạch Ngài, là khổ.

– Vậy cái gì [đã] là vô thường, khổ, có trạng thái thay đổi, có phải là hợp lý khi quán xét về cái ấy rằng: "Cái này là của ta, cái này là ta, cái này là tự ngã của ta?"

– Bạch Ngài, điều ấy không hợp lý.

35. – Này các Tỳ-khưu, như thế, trong trường hợp này, bất cứ sắc nào thuộc về quá khứ, hiện tại, vị lai, là trong thân, hay ngoài thân, thô kệch, hay vi tế, kém cỏi, hay cao quý, ở xa, hay ở gần, nên thấy được toàn bộ sắc ấy đúng như bản chất thật sự bằng trí tuệ chân chánh [như vầy]: "Cái này không phải là của ta, cái này không phải là ta, cái này không phải là tự ngã của ta." Bất cứ thọ nào

...(nt)... bất cứ tưởng nào ...(nt)... bất cứ các hành nào ...(nt)... bất cứ thức nào thuộc về quá khứ, hiện tại, vị lai, là trong thân, hay ngoài thân, thô kệch, hay vi tế, kém cỏi, hay cao quý, ở xa hay ở gần, nên thấy được toàn bộ thức ấy đúng như bản chất thật sự bằng trí tuệ chân chánh [như vầy]: "Cái này không phải là của ta, cái này không phải là ta, cái này không phải là tự ngã của ta."

36. Này các Tỳ-khưu, trong khi thấy được như thế, vị Thánh đệ tử có sự học hỏi không còn hứng thú trong sắc, không còn hứng thú trong thọ, không còn hứng thú trong tưởng, không còn hứng thú trong các hành, không còn hứng thú trong thức; trong khi không còn hứng thú, vị ấy không còn say đắm; do không còn say đắm, vị ấy được giải thoát; trong khi được giải thoát, trí khởi lên rằng: "Đã được giải thoát." Vị ấy biết được rằng: "Sự tái sanh đã cạn kiệt, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm, không còn gì khác [phải làm] đối với bản thể [A-la-hán] này nữa."

37. Đức Thế Tôn đã giảng về điều ấy. Được hoan hỷ, các Tỳ-khưu nhóm năm vị đã vô cùng thích thú với lời dạy của đức Thế Tôn. Hơn thế nữa, trong khi bài kinh này được thuyết giảng, tâm của các Tỳ-khưu nhóm năm vị đã không còn chấp thủ và đã được giải thoát khỏi các lậu hoặc.

38. Vào lúc bấy giờ, trên thế gian có sáu vị A-la-hán.

Tụng phẩm thứ nhất.

*****

1. Vào lúc bấy giờ, ở Bārāṇasī có người con trai gia đình danh giá tên Yasa, là con trai nhà đại phú, có vóc dáng mảnh mai. Chàng trai có ba tòa lâu đài: Một dành cho mùa lạnh, một dành cho mùa nóng, một dành cho mùa mưa. Vào bốn tháng mùa mưa, ở trong tòa lâu đài dành cho mùa mưa, trong lúc được phục vụ bởi các nữ công tấu nhạc, chàng không bước xuống phía dưới của tòa lâu đài.

2. Khi ấy, người con trai gia đình danh giá Yasa là người được thừa hưởng, được sở hữu năm phần dục lạc,[9] trong lúc đang được phục vụ, chàng trai đã thiếp ngủ trước rồi đám người hầu cũng đã thiếp ngủ. Và cây đèn dầu được đốt trọn đêm.

3. Khi ấy, người con trai gia đình danh giá Yasa đã thức dậy trước và đã nhìn thấy đám hầu thiếp của mình đang ngủ, cây đàn ở khuỷu tay của nàng nọ, cái trống con ở cổ của nàng kia, cái trống ở đùi của nàng khác, nàng nọ có [đầu tóc] xổ ra, nàng kia nhểu nước dãi, các nàng khác thì nói lảm nhảm, chàng nghĩ rằng bãi tha ma đã đến ở trong tầm tay. Sau khi nhìn thấy, chàng trai đã thấy rõ được điều bất lợi và đã lập tâm ở sự chán nản.

4. Khi ấy, người con trai gia đình danh giá Yasa đã thốt lên lời cảm thán rằng: "Thật là chán nản! Thật là khổ sở!"

[9] Khoái lạc sanh lên do 5 giác quan: Mắt, tai, mũi, lưỡi và thân (ND).

5. Sau đó, người con trai gia đình danh giá Yasa đã mang vào đôi hài bằng vàng ròng và đi đến cánh cửa lớn của dinh thự. Các phi nhân đã mở cánh cửa ra [nghĩ rằng]: "Chớ có ai gây trở ngại đến việc rời nhà xuất gia, sống không nhà của người con trai gia đình danh giá Yasa."

6. Sau đó, người con trai gia đình danh giá Yasa đã đi đến cổng thành phố. Các phi nhân đã mở cánh cửa ra [nghĩ rằng]: "Chớ có ai gây trở ngại đến việc rời nhà xuất gia, sống không nhà của người con trai gia đình danh giá Yasa."

7. Sau đó, người con trai gia đình danh giá Yasa đã đi đến Isipatana, chỗ vườn Nai. Vào lúc bấy giờ, đức Thế Tôn, sau khi thức dậy trong đêm, vào lúc hừng sáng, đang đi kinh hành ở ngoài trời, đức Thế Tôn đã nhìn thấy người con trai gia đình danh giá Yasa từ đàng xa đang đi lại, sau khi nhìn thấy đã rời đường kinh hành và ngồi xuống trên chỗ ngồi được sắp đặt sẵn. Khi ấy, ở không xa đức Thế Tôn, người con trai gia đình danh giá Yasa đã thốt lên lời cảm thán rằng: "Thật là chán nản! Thật là khổ sở!"

8. Khi ấy, đức Thế Tôn đã nói với người con trai gia đình danh giá Yasa điều này:

– Này Yasa, việc này không chán nản, việc này không khổ sở. Này Yasa, hãy đến và ngồi xuống. Ta sẽ thuyết giảng giáo pháp cho ngươi.

Khi ấy, người con trai gia đình danh giá Yasa [nghĩ rằng]: "Nghe nói việc này không chán nản, việc này không khổ sở" nên mừng rỡ phấn chấn, rồi đã cởi ra đôi hài bằng vàng ròng và đi đến gần đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi người con trai gia đình danh giá Yasa đã ngồi xuống một bên, đức Thế Tôn đã thuyết pháp theo thứ lớp đến người con trai gia đình danh giá Yasa. Tức là Ngài đã giảng giải bài thuyết về bố thí, bài thuyết về giới cấm, bài thuyết về cõi trời; sự tai hại, sự thấp kém, sự ô nhiễm của các dục, sự lợi ích của việc xuất ly. Khi đức Thế Tôn biết được người con trai gia đình danh giá Yasa có tâm đã sẵn sàng, dễ uốn nắn, không còn chướng ngại, hướng thượng, tịnh tín, Ngài đã phô bày pháp thuyết giảng đã được chư Phật khai mở là khổ, tập, diệt, đạo. Cũng giống như tấm vải đã được làm sạch, không còn vết nhơ, có thể nhuộm màu một cách toàn vẹn; tương tợ như thế, ngay tại chỗ ngồi ấy, pháp nhãn không nhiễm bụi trần, không vết nhơ đã sanh khởi đến người con trai gia đình danh giá Yasa: "Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt."

9. Sau đó, mẹ của người con trai gia đình danh giá Yasa đã đi lên tòa lâu đài, trong khi không nhìn thấy người con trai gia đình danh giá Yasa, nên đã đi đến gặp người gia chủ đại phú, sau khi đến đã nói với người gia chủ đại phú điều này:

– Gia chủ ơi, không có nhìn thấy con trai ông là Yasa.

Khi ấy, người gia chủ đại phú đã phân công cho các sứ giả phi ngựa bốn phương, còn chính bản thân đã đi đến Isipatana, chỗ vườn Nai. Người gia chủ

đại phú đã nhìn thấy dấu vết [in xuống đất] của đôi hài bằng vàng ròng, sau khi nhìn thấy đã đi theo chính dấu vết ấy. Đức Thế Tôn đã nhìn thấy người gia chủ đại phú từ đàng xa đang đi lại, sau khi nhìn thấy đức Thế Tôn đã khởi ý điều này: "Hay là Ta nên thi triển thần thông để cho người gia chủ đại phú ngồi ở đây không thể nhìn thấy người con trai gia đình danh giá Yasa đang ngồi ở đây." Rồi đức Thế Tôn đã thi triển thần thông như thế ấy.

10. Sau đó, người gia chủ đại phú đã đi đến gần đức Thế Tôn, sau khi đến đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, vậy chớ đức Thế Tôn có thể nhìn thấy người con trai gia đình danh giá Yasa không?

– Này gia chủ, như thế thì ông hãy ngồi xuống đi. Có lẽ khi ông ngồi xuống ở đây, ông có thể nhìn thấy người con trai gia đình danh giá Yasa đang ngồi ở đây.

11. Khi ấy, người gia chủ đại phú [nghĩ rằng]: "Nghe nói khi ta ngồi xuống ở chính nơi đây, ta sẽ nhìn thấy người con trai gia đình danh giá Yasa đang ngồi ở đây" nên mừng rỡ, phấn chấn, rồi đã đảnh lễ đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Khi người gia chủ đại phú đã ngồi xuống một bên, đức Thế Tôn đã thuyết pháp theo thứ lớp đến người gia chủ đại phú. ...(nt)... không còn cần sự trợ duyên của người khác, [người gia chủ đại phú] đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, thật là tuyệt vời! Bạch Ngài, thật là tuyệt vời! Bạch Ngài, giống như người có thể lật ngửa vật đã được úp lại, mở ra vật đã bị che kín, chỉ đường cho kẻ lạc lối, đem lại cây đèn dầu nơi bóng tối [nghĩ rằng]: "Những người có mắt sẽ nhìn thấy được các hình dáng"; tương tợ như thế, pháp đã được đức Thế Tôn giảng rõ bằng nhiều phương tiện. Bạch Ngài, con đây xin đi đến nương nhờ đức Thế Tôn, Giáo pháp và Hội chúng Tỳ-khưu. Xin đức Thế Tôn chấp nhận con là nam cư sĩ đã đi đến nương nhờ kể từ hôm nay cho đến trọn đời.

Và ông ta đã trở thành vị nam cư sĩ đọc ba câu [nương nhờ][10] đầu tiên ở thế gian.

12. Sau đó, trong khi giáo pháp đang được giảng giải cho người cha thì người con trai gia đình danh giá Yasa, trong khi quán sát bản chất như đã được thấy, như đã được biết, tâm của vị ấy đã không còn chấp thủ và đã được giải thoát khỏi các lậu hoặc. Khi ấy, đức Thế Tôn đã khởi ý điều này: "Trong khi giáo pháp đang được giảng giải cho người cha thì người con trai gia đình danh giá Yasa, trong khi quán sát bản chất như đã được thấy, như đã được biết, tâm của vị ấy đã không còn chấp thủ và đã được giải thoát khỏi các lậu hoặc. Người con trai gia đình danh giá Yasa quả không thể nào quay trở lại đời sống thấp kém để thọ hưởng các dục lạc giống như trước đây khi còn ở tại gia, hay là Ta nên thu hồi sự thi triển thần thông ấy?"

---

[10] Vị nam cư sĩ đọc 3 câu (*tevācikо*): Lúc bấy giờ, trên thế gian này đã có 6 vị Tỳ-khưu A-la-hán, tức là Hội chúng Tỳ-khưu đã hiện hữu. Vì thế, khi đi đến nương nhờ vào Ba ngôi báu, người gia chủ này đã đọc 3 câu nương nhờ là "Con đây xin đi đến nương nhờ đức Thế Tôn. Con đây xin đi đến nương nhờ Giáo pháp. Con đây xin đi đến nương nhờ Hội chúng Tỳ-khưu" (ND).

13. Sau đó, đức Thế Tôn đã thu hồi sự thi triển thần thông ấy. Người gia chủ đại phú đã nhìn thấy người con trai gia đình danh giá Yasa đang ngồi, sau khi nhìn thấy, đã nói với người con trai gia đình danh giá Yasa điều này:

– Này Yasa yêu quý, mẹ của con đã phải than vãn và sầu muộn. Hãy đem lại cho mẹ cuộc sống.

14. Khi ấy, người con trai gia đình danh giá Yasa đã ngước nhìn đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn đã nói với người gia chủ đại phú điều này:

– Này gia chủ, ngươi nghĩ gì về việc ấy [là việc] người con trai gia đình danh giá Yasa đã thấy, đã biết được pháp bằng trí của vị Hữu học, bằng sự hiểu biết của vị Hữu học cũng giống ngươi vậy? Chàng trai ấy trong khi quán sát bản chất như đã được thấy, như đã được biết, tâm đã không còn chấp thủ và đã được giải thoát khỏi các lậu hoặc. Này gia chủ, có thể nào Yasa quay trở lại đời sống thấp kém để thọ hưởng các dục lạc giống như trước đây khi còn ở tại gia hay không?

– Bạch Ngài, điều ấy không thể nào.

– Này gia chủ, người con trai gia đình danh giá Yasa quả đã thấy, đã biết được pháp bằng trí của vị Hữu học, bằng sự hiểu biết của vị Hữu học cũng giống ngươi vậy. Chàng trai ấy trong khi quán sát bản chất như đã được thấy, như đã được biết, tâm đã không còn chấp thủ và đã được giải thoát khỏi các lậu hoặc. Này gia chủ, Yasa không thể nào quay trở lại đời sống thấp kém để thọ hưởng các dục lạc giống như trước đây khi còn ở tại gia.

15. – Bạch Ngài, thật là lợi ích cho người con trai gia đình danh giá Yasa! Thật khéo thành tựu cho người con trai gia đình danh giá Yasa! Như là việc tâm của người con trai gia đình danh giá Yasa đã không còn chấp thủ và đã được giải thoát khỏi các lậu hoặc. Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn nhận lời con về bữa thọ trai ngày mai, cùng với người con trai gia đình danh giá Yasa là Sa-môn hầu cận.

Đức Thế Tôn đã nhận lời bằng thái độ im lặng.

16. Khi ấy, người gia chủ đại phú hiểu được sự nhận lời của đức Thế Tôn nên đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiễu quanh, rồi ra đi. Sau đó, khi người gia chủ đại phú ra đi không lâu, người con trai gia đình danh giá Yasa đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, con có thể xuất gia trong sự hiện diện của đức Thế Tôn không? Con có thể tu lên bậc trên không?

Đức Thế Tôn đã nói rằng:

– Này Tỳ-khưu, hãy đến. Pháp đã khéo được thuyết giảng, hãy thực hành Phạm hạnh một cách đúng đắn để chấm dứt khổ đau.

Chính lời nói ấy đã là sự tu lên bậc trên của Đại đức ấy.

Vào lúc bấy giờ, trên thế gian có bảy vị A-la-hán.

Dứt sự xuất gia của Yasa.

*****

1. Khi ấy, vào buổi sáng, đức Thế Tôn đã mặc y, cầm y bát, đi đến tư gia của người gia chủ đại phú cùng với Đại đức Yasa là Sa-môn hầu cận, sau khi đến đã ngồi xuống ở chỗ ngồi được sắp đặt sẵn. Khi ấy, người mẹ và người vợ cũ của Đại đức Yasa đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn đã thuyết pháp theo thứ lớp đến các người nữ ấy. Tức là Ngài đã giảng giải bài thuyết về bố thí, bài thuyết về giới cấm, bài thuyết về cõi trời; sự tai hại, sự thấp kém, sự ô nhiễm của các dục và sự lợi ích của việc xuất ly. Khi đức Thế Tôn biết được các người nữ ấy có tâm đã sẵn sàng, dễ uốn nắn, không còn chướng ngại, hướng thượng, tịnh tín, Ngài đã phô bày pháp thuyết giảng đã được chư Phật khai mở là khổ, tập, diệt, đạo. Cũng giống như tấm vải đã được làm sạch, không còn vết nhơ, có thể nhuộm màu một cách toàn vẹn; tương tợ như thế, ngay tại chỗ ngồi ấy, pháp nhãn không nhiễm bụi trần, không vết nhơ đã sanh khởi đến các người nữ ấy: "Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt." Khi đã thấy được pháp, đã thành tựu được pháp, đã hiểu được pháp, đã thấm nhuần pháp, hoài nghi đã không còn, sự lưỡng lự đã dứt hẳn, đã thành tựu niềm tin vào giáo pháp của bậc Đạo sư, không còn cần sự trợ duyên của người khác, các người nữ ấy đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, thật là tuyệt vời! Bạch Ngài, thật là tuyệt vời! ...(nt)... Bạch Ngài, chúng con đây xin đi đến nương nhờ đức Thế Tôn, Giáo pháp và Hội chúng Tỳ-khưu. Xin đức Thế Tôn chấp nhận chúng con là các nữ cư sĩ đã đi đến nương nhờ kể từ hôm nay cho đến trọn đời.

Và các người nữ ấy đã trở thành những nữ cư sĩ đọc ba câu đầu tiên ở thế gian.

2. Sau đó, khi đã tự tay làm hài lòng, toại ý đức Thế Tôn và Đại đức Yasa với thức ăn hảo hạng loại cứng, loại mềm, đến khi đức Thế Tôn đã thọ thực xong, bàn tay đã rời khỏi bình bát, người mẹ, người cha và người vợ cũ của Đại đức Yasa đã ngồi xuống một bên. Khi ấy, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi cho người mẹ, người cha và người vợ cũ của Đại đức Yasa bằng bài pháp thoại, rồi đã từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

3. Bốn người bạn tại gia của Đại đức Yasa [tên] Vimala, Subāhu, Puṇṇaji, Gavampati là những người con trai của các gia đình đại phú và khá giả ở thành Bārāṇasī đã nghe được rằng: "Nghe nói người con trai gia đình danh giá Yasa đã cạo bỏ râu tóc, khoác lên các tấm vải màu ca-sa và rời nhà xuất gia, sống không nhà." Sau khi nghe, các người ấy đã khởi ý điều này: "Pháp và Luật ấy chắc chắn không phải là tầm thường! Việc xuất gia ấy không phải là tầm thường khi mà người con trai gia đình danh giá Yasa đã cạo bỏ râu tóc, khoác lên các tấm vải màu ca-sa và rời nhà xuất gia, sống không nhà!" Các người ấy đã đi đến gặp Đại đức Yasa, sau khi đến đã đảnh lễ Đại đức Yasa rồi đứng một bên. Khi ấy, Đại đức Yasa đã dẫn bốn người bạn tại gia ấy đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Đại đức Yasa đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, bốn người bạn tại gia này của con [tên] Vimala, Subāhu, Puṇṇaji, Gavampati là những người con trai của các gia đình đại phú và khá giả ở thành Bārāṇasī. Xin đức Thế Tôn hãy giáo huấn và giảng dạy cho những người này.

4. Đức Thế Tôn đã thuyết pháp theo thứ lớp đến những người ấy. Tức là Ngài đã giảng giải bài thuyết về bố thí, bài thuyết về giới cấm, bài thuyết về cõi trời; sự tai hại, sự thấp kém, sự ô nhiễm của các dục và sự lợi ích của việc xuất ly. Khi đức Thế Tôn biết được những người ấy có tâm đã sẵn sàng, dễ uốn nắn, không còn chướng ngại, hướng thượng, tịnh tín, Ngài đã phô bày pháp thuyết giảng đã được chư Phật khai mở là khổ, tập, diệt, đạo. Cũng giống như tấm vải đã được làm sạch, không còn vết nhơ, có thể nhuộm màu một cách toàn vẹn; tương tợ như thế, ngay tại chỗ ngồi ấy, pháp nhãn không nhiễm bụi trần, không vết nhơ đã sanh khởi đến những người ấy: "Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt." Khi đã thấy được pháp, đã thành tựu được pháp, đã hiểu được pháp, đã thấm nhuần pháp, hoài nghi đã không còn, sự lưỡng lự đã dứt hẳn, đã thành tựu niềm tin vào giáo pháp của bậc Đạo sư, không còn cần sự trợ duyên của người khác, những người ấy đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, chúng con có thể xuất gia trong sự hiện diện của đức Thế Tôn không? Chúng con có thể tu lên bậc trên không?

Đức Thế Tôn đã nói rằng:

– Này các Tỳ-khưu, hãy đến. Pháp đã khéo được thuyết giảng, hãy thực hành Phạm hạnh một cách đúng đắn để chấm dứt khổ đau.

Chính lời nói ấy đã là sự tu lên bậc trên của các Đại đức ấy. Sau đó, đức Thế Tôn đã giáo huấn, đã giảng dạy cho các vị Tỳ-khưu ấy bằng bài pháp thoại. Trong khi được giáo huấn, được giảng dạy bởi đức Thế Tôn bằng bài pháp thoại, tâm của các vị ấy đã không còn chấp thủ và đã được giải thoát khỏi các lậu hoặc.

Vào lúc bấy giờ, trên thế gian có mười một vị A-la-hán.

Dứt sự xuất gia của bốn người bạn tại gia.

*****

1. Những người bạn tại gia của Đại đức Yasa có số lượng năm mươi [người] là những người con trai của các gia đình kỳ cựu và các gia đình kế tự trong xứ sở đã nghe rằng: "Nghe nói người con trai gia đình danh giá Yasa đã cạo bỏ râu tóc, khoác lên các tấm vải màu ca-sa và rời nhà xuất gia, sống không nhà." Sau khi nghe, các người ấy đã khởi ý điều này: "Pháp và Luật ấy chắc chắn không phải là tầm thường! Việc xuất gia ấy không phải là tầm thường khi mà người con trai gia đình danh giá Yasa đã cạo bỏ râu tóc, khoác lên các tấm vải màu ca-sa và rời nhà xuất gia, sống không nhà!" Các người ấy đã đi đến gặp Đại đức

Yasa, sau khi đến đã đảnh lễ Đại đức Yasa rồi đứng một bên. Khi ấy, Đại đức Yasa đã dẫn các người bạn tại gia có số lượng là năm mươi [người] ấy đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Đại đức Yasa đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, những người bạn tại gia này của con có số lượng năm mươi [người] là những người con trai của các gia đình đầu tiên hoặc kế tục trong xứ sở. Xin đức Thế Tôn hãy giáo huấn và giảng dạy cho những người này.

2. Đức Thế Tôn đã thuyết pháp theo thứ lớp đến những người ấy. Tức là Ngài đã giảng giải bài thuyết về bố thí, bài thuyết về giới cấm, bài thuyết về cõi trời; sự tai hại, sự thấp kém, sự ô nhiễm của các dục và sự lợi ích của việc xuất ly. ...(nt)... khổ, tập, diệt, đạo. Cũng giống như tấm vải đã được làm sạch, không còn vết nhơ, có thể nhuộm màu một cách toàn vẹn; tương tợ như thế, ngay tại chỗ ngồi ấy, pháp nhãn không nhiễm bụi trần, không vết nhơ đã sanh khởi đến những người ấy: "Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt." Khi đã thấy được pháp, đã thành tựu được pháp, đã hiểu được pháp, đã thấm nhuần pháp, hoài nghi đã không còn, sự lưỡng lự đã dứt hẳn, đã thành tựu niềm tin vào giáo pháp của bậc Đạo sư, không còn cần sự trợ duyên của người khác, những người ấy đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, chúng con có thể xuất gia trong sự hiện diện của đức Thế Tôn không? Chúng con có thể tu lên bậc trên không?

Đức Thế Tôn đã nói rằng:

– Này các Tỳ-khưu, hãy đến. Pháp đã khéo được thuyết giảng, hãy thực hành Phạm hạnh một cách đúng đắn để chấm dứt khổ đau.

Chính lời nói ấy đã là sự tu lên bậc trên của các Đại đức ấy. Sau đó, đức Thế Tôn đã giáo huấn, đã giảng dạy cho các vị Tỳ-khưu ấy bằng bài pháp thoại. Trong lúc được giáo huấn, được giảng dạy bởi đức Thế Tôn bằng bài pháp thoại, tâm của các vị ấy đã không còn chấp thủ và đã được giải thoát khỏi các lậu hoặc.

Vào lúc bấy giờ, trên thế gian có sáu mươi mốt vị A-la-hán.

3. Sau đó, đức Thế Tôn đã bảo các vị Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, Ta đã thoát khỏi tất cả các sự trói buộc thuộc về cõi trời và loài người. Này các Tỳ-khưu, các ngươi cũng đã thoát khỏi tất cả các sự trói buộc thuộc về cõi trời và loài người. Này các Tỳ-khưu, hãy cất bước du hành vì lợi ích của nhiều người, vì an lạc của nhiều người, vì lòng thương xót thế gian, vì sự tiến hóa, sự lợi ích, sự an vui của chư thiên và nhân loại, chớ đi hai người chung một [đường]. Này các Tỳ-khưu, hãy thuyết giảng giáo pháp toàn hảo ở đoạn đầu, toàn hảo ở đoạn giữa và toàn hảo ở đoạn kết, thành tựu về ý nghĩa, thành tựu về văn tự, giảng giải về Phạm hạnh thanh tịnh một cách trọn vẹn và đầy đủ. Có những hạng người sanh lên bị ít ô nhiễm sẽ là những người

hiểu được giáo pháp, [nhưng] do việc không nghe giáo pháp sẽ bị tha hóa. Này các Tỳ-khưu, Ta cũng sẽ đi đến ngôi làng của Senāni ở Uruvelā cho việc thuyết giảng giáo pháp.

4. Sau đó, Ma vương tội lỗi đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã nói với đức Thế Tôn bằng những lời kệ này:

– Ngài đã bị trói buộc bởi tất cả các sự trói buộc thuộc về cõi trời và loài người. Ngài đã bị trói buộc bởi sự trói buộc lớn lao. Này vị Sa-môn, Ngài không thoát khỏi ta!

[Đức Thế Tôn đáp lại rằng:]

– Ta đã được thoát khỏi tất cả các sự trói buộc thuộc về cõi trời và loài người. Ta đã được thoát khỏi sự trói buộc lớn lao. Này kẻ gây tử vong, ngươi đã bị thua rồi.

– Sự trói buộc này, có sự di chuyển ở khoảng không và hoạt động ở trong tâm. Ta sẽ trói buộc Ngài lại bằng vật ấy. Này vị Sa-môn, Ngài không thoát khỏi ta!

– Các sắc, các thinh, các hương, các vị và các xúc là các niềm thích thú của tâm. Sự mong muốn của Ta ở điều ấy đã không còn. Này kẻ gây tử vong, ngươi đã bị thua rồi.

Khi ấy, Ma vương tội lỗi [nghĩ rằng]: "Đức Thế Tôn đã nhận ra ta rồi! Đấng Thiện Thệ đã nhận ra ta rồi!" nên xấu hổ, bực bội, rồi đã biến mất ngay tại chỗ ấy.

Dứt phần giảng về Ma vương là phần thứ mười một.

*****

1. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu thuộc nhiều phương khác nhau, thuộc nhiều xứ sở khác nhau đã dẫn theo những người có ý muốn xuất gia, những người có ý muốn tu lên bậc trên, [nghĩ rằng]: "Đức Thế Tôn sẽ cho họ xuất gia, sẽ cho họ tu lên bậc trên." Trong trường hợp ấy, chính các vị Tỳ-khưu luôn cả những người có ý muốn xuất gia và những người có ý muốn tu lên bậc trên đều mệt nhọc. Khi ấy, đức Thế Tôn trong lúc thiền tịnh ở nơi thanh vắng, có ý nghĩ suy tầm như vầy đã sanh khởi: "Hiện nay, các vị Tỳ-khưu thuộc nhiều phương khác nhau, thuộc nhiều xứ sở khác nhau đã dẫn theo những người có ý muốn xuất gia, những người có ý muốn tu lên bậc trên [nghĩ rằng]: 'Đức Thế Tôn sẽ cho họ xuất gia và sẽ cho họ tu lên bậc trên.' Trong trường hợp ấy, chính các vị Tỳ-khưu luôn cả những người có ý muốn xuất gia và những người có ý muốn tu lên bậc trên đều mệt nhọc; hay là Ta nên cho phép các vị Tỳ-khưu rằng: 'Này các Tỳ-khưu, kể từ nay, ở trong mọi phương, ở trong mọi xứ sở, chính các ngươi hãy cho xuất gia, hãy cho tu lên bậc trên.'"

2. Sau đó, vào lúc chiều tối, đức Thế Tôn đã xuất khỏi thiền tịnh rồi nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng Tỳ-khưu lại, đã thuyết pháp thoại, rồi đã bảo các vị Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, ở đây, trong lúc Ta thiền tịnh ở nơi thanh vắng, có ý nghĩ suy tầm như vầy đã sanh khởi: "Hiện nay, các vị Tỳ-khưu thuộc nhiều phương khác nhau, thuộc nhiều xứ sở khác nhau đã dẫn theo những người có ý muốn xuất gia, những người có ý muốn tu lên bậc trên [nghĩ rằng]: 'Đức Thế Tôn sẽ cho họ xuất gia, sẽ cho họ tu lên bậc trên.' Trong trường hợp ấy, chính các vị Tỳ-khưu, luôn cả những người có ý muốn xuất gia và những người có ý muốn tu lên bậc trên đều mệt nhọc; hay là Ta nên cho phép các vị Tỳ-khưu rằng: 'Này các Tỳ-khưu, kể từ nay ở trong mọi phương, ở trong mọi xứ sở, chính các ngươi hãy cho xuất gia, hãy cho tu lên bậc trên.'"

3. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép "kể từ nay ở trong mọi phương, ở trong mọi xứ sở, chính các ngươi hãy cho xuất gia, hãy cho tu lên bậc trên." Và này các Tỳ-khưu, nên cho xuất gia như vầy, nên cho tu lên bậc trên như vầy: Trước tiên, nên bảo cạo bỏ râu tóc, bảo khoác lên các tấm vải màu ca-sa, bảo đắp thượng y một bên vai, bảo đảnh lễ ở chân các vị Tỳ-khưu, bảo ngồi chồm hổm, bảo chắp tay lên và nên bảo rằng: "Ngươi hãy nói như vầy:

Tôi đi đến đức Phật là nơi nương nhờ [Tôi xin quy y Phật].

Tôi đi đến Giáo pháp là nơi nương nhờ [Tôi xin quy y Pháp].

Tôi đi đến Hội chúng là nơi nương nhờ [Tôi xin quy y Tăng].[11]

Lần thứ nhì, tôi đi đến đức Phật là nơi nương nhờ.

Lần thứ nhì, tôi đi đến Giáo pháp là nơi nương nhờ.

Lần thứ nhì, tôi đi đến Hội chúng là nơi nương nhờ.

Lần thứ ba, tôi đi đến đức Phật là nơi nương nhờ.

Lần thứ ba, tôi đi đến Giáo pháp là nơi nương nhờ.

Lần thứ ba, tôi đi đến Hội chúng là nơi nương nhờ."

Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép sự xuất gia, sự tu lên bậc trên bằng ba sự đi đến nương nhờ này.

Dứt phần giảng về sự xuất gia, sự tu lên bậc trên bằng ba sự đi đến nương nhờ là phần thứ mười hai.

*****

[11] *Saṅgha*: Được dịch âm thành Tăng-già, nói ngắn gọn là Tăng. *Saṅgha* có ý nghĩa thông thường là hội chúng, tập thể, v.v... và được thiếng liêng hóa khi đề cập đến 3 ngôi Tam bảo: Phật, Pháp, Tăng. Điều cần lưu ý ở đây là từ "*Saṅgha*" cũng được dùng cho Tỳ-khưu-ni: *Bhikkhunīsaṅgha* = hội chúng Tỳ-khưu-ni, Tỳ-khưu-ni Tăng (tương tợ như ở *bhikkhusaṅgha* = hội chúng Tỳ-khưu, Tỳ-khưu Tăng). Tuy nhiên, hiện nay có khuynh hướng dùng chữ "Tăng" chỉ dành riêng cho phái nam, ví dụ như: "Tứ chúng gồm có Tăng, Ni, thiện nam, tín nữ", hoặc "Kính bạch chư Đại đức Tăng, Ni" hoặc bình dân hơn như "ông Tăng, bà Ni", v.v... Chữ "Tăng" này chỉ tương đương với từ "*Bhikkhu*" (Tỳ-khưu) chứ không phải là "*Saṅgha*" như ở trên (ND).

1. Sau đó, khi đã sống qua mùa mưa, đức Thế Tôn đã bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, Ta có các sự tác ý đúng đắn, có các sự tinh tấn chân chánh đúng đắn, đã đạt đến sự Giải thoát vô thượng, đã chứng ngộ sự Giải thoát vô thượng. Này các Tỳ-khưu, ngay cả các ngươi cũng có các sự tác ý đúng đắn, có các sự tinh tấn chân chánh đúng đắn, [các ngươi] hãy đạt đến sự Giải thoát vô thượng, hãy chứng ngộ sự Giải thoát vô thượng.

2. Sau đó, Ma vương tội lỗi đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã nói với đức Thế Tôn bằng bài kệ này:

– Ngài đã bị trói buộc bởi tất cả các sự trói buộc thuộc về cõi trời và loài người. Ngài đã bị trói buộc bởi sự trói buộc của tử thần. Này vị Sa-môn, Ngài không thoát khỏi ta!

[Đức Thế Tôn đáp lại rằng:]

– Ta đã được thoát khỏi tất cả các sự trói buộc thuộc về cõi trời và loài người. Ta đã được thoát khỏi sự trói buộc của tử thần. Này kẻ gây tử vong, ngươi đã bị thua rồi.

Khi ấy, Ma vương tội lỗi [nghĩ rằng]: "Đức Thế Tôn đã nhận ra ta rồi! Đấng Thiện Thệ đã nhận ra ta rồi!" nên xấu hổ, bực bội, rồi đã biến mất ngay tại chỗ ấy.

3. Sau đó, khi đã ngự tại thành Bārāṇasī theo như ý thích, đức Thế Tôn đã ra đi, du hành về phía Uruvelā. Khi ấy, đức Thế Tôn đã rời đường lộ đi đến khu rừng rậm nọ, sau khi đến đã đi sâu vào trong khu rừng rậm ấy và đã ngồi xuống ở gốc cây nọ.

4. Vào lúc bấy giờ, những người bạn thuộc nhóm các vương tử có số lượng ba mươi [người] cùng với những người vợ đang du ngoạn ở trong khu rừng rậm ấy. Một người không có vợ. Cô gái điếm đã được dẫn đến cho nhu cầu của vị ấy. Rồi trong khi những người ấy đang lơ đễnh du ngoạn, cô gái điếm ấy đã cầm lấy gói đồ rồi tẩu thoát.

5. Sau đó, những người bạn ấy trong lúc giúp đỡ bạn bè, trong lúc tìm kiếm người đàn bà ấy, trong khi lang thang ở khu rừng rậm ấy, đã nhìn thấy đức Thế Tôn đang ngồi ở gốc cây nọ, sau khi nhìn thấy, đã đi đến gần đức Thế Tôn, sau khi đến đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, vậy chớ đức Thế Tôn có nhìn thấy người đàn bà không?

– Này các vương tử, các vị có chuyện gì với người đàn bà?

– Bạch Ngài, ở đây, chúng tôi là những người bạn thuộc nhóm các vương tử có số lượng ba mươi [người] đã cùng với những người vợ du ngoạn ở trong khu rừng rậm này. Một người không có vợ. Cô gái điếm đã được dẫn đến cho nhu cầu của vị ấy. Bạch Ngài, rồi trong khi chúng tôi đang lơ đễnh du ngoạn, cô gái điếm ấy đã cầm lấy gói đồ rồi tẩu thoát. Bạch Ngài, là những người bạn trong lúc giúp đỡ bạn bè, trong lúc tìm kiếm người đàn bà ấy, chúng tôi đây lang thang đi đến khu rừng rậm này.

6. – Này các vương tử, các vị nghĩ thế nào về việc các vị nên tìm kiếm người đàn bà và việc các vị nên tìm kiếm lấy chính mình, đối với các vị việc nào quan trọng hơn?

– Bạch Ngài, đối với chúng tôi, việc chúng tôi nên tìm kiếm lấy chính mình là việc quan trọng hơn.

– Này các vương tử, chính vì việc ấy, các vị hãy ngồi xuống, Ta sẽ thuyết giảng giáo pháp cho các vị.

– Bạch Ngài, xin vâng.

Rồi những người bạn thuộc nhóm các vương tử ấy đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.

7. Đức Thế Tôn đã thuyết pháp theo thứ lớp đến các vị ấy. Tức là Ngài đã giảng giải bài thuyết về bố thí, bài thuyết về giới cấm, bài thuyết về cõi trời; sự tai hại, sự thấp kém, sự ô nhiễm của các dục và sự lợi ích của việc xuất ly. Khi đức Thế Tôn biết được các vị ấy có tâm đã sẵn sàng, dễ uốn nắn, không còn chướng ngại, hướng thượng, tịnh tín, Ngài đã phô bày pháp thuyết giảng đã được chư Phật khai mở là khổ, tập, diệt, đạo. Cũng giống như tấm vải đã được làm sạch, không còn vết nhơ, có thể nhuộm màu một cách toàn vẹn; tương tợ như thế, ngay tại chỗ ngồi ấy, pháp nhãn không nhiễm bụi trần, không vết nhơ đã sanh khởi đến các vị ấy: "Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt."

Khi đã thấy được pháp, đã thành tựu được pháp, đã hiểu được pháp, đã thấm nhuần pháp, hoài nghi đã không còn, sự lưỡng lự đã dứt hẳn, đã thành tựu niềm tin vào giáo pháp của bậc Đạo sư, không còn cần sự trợ duyên của người khác, các vị ấy đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, chúng con có thể xuất gia trong sự hiện diện của đức Thế Tôn không? Chúng con có thể tu lên bậc trên không?

Đức Thế Tôn đã nói rằng:

– Này các Tỳ-khưu, hãy đến. Pháp đã khéo được thuyết giảng, hãy thực hành Phạm hạnh một cách đúng đắn để chấm dứt khổ đau.

Chính lời nói ấy đã là sự tu lên bậc trên của các Đại đức ấy.

Dứt câu chuyện về những người bạn thuộc nhóm các vương tử.

Tụng phẩm thứ nhì.

*****

1. Sau đó, trong khi tuần tự du hành, đức Thế Tôn đã ngự đến Uruvelā. Vào lúc bấy giờ, có ba vị đạo sĩ bện tóc đang cư trú ở Uruvelā là Uruvelakassapa, Nadīkassapa và Gayākassapa.

Trong số các vị ấy, đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa là vị lãnh đạo, vị hướng dẫn, vị quan trọng nhất, vị đứng đầu, vị thủ lĩnh của năm trăm đạo sĩ bện tóc.

Đạo sĩ bện tóc Nadīkassapa là vị lãnh đạo, vị hướng dẫn, vị quan trọng nhất, vị đứng đầu, vị thủ lĩnh của ba trăm đạo sĩ bện tóc. Đạo sĩ bện tóc Gayākassapa là vị lãnh đạo, vị hướng dẫn, vị quan trọng nhất, vị đứng đầu, vị thủ lĩnh của hai trăm đạo sĩ bện tóc.

2. Khi ấy, đức Thế Tôn đã đi đến khu ẩn cư của đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa, sau khi đến đã nói với đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa điều này:

– Này Kassapa, nếu không trở ngại cho ngươi thì chúng ta có thể ngụ một đêm trong nhà thờ lửa.

– Này vị Đại Sa-môn, quả là không trở ngại cho tôi. [Tuy nhiên] ở đây có con rồng chúa dữ tợn, có pháp thuật, là con rắn có nọc độc khủng khiếp, không thể để cho nó hại Ngài được.

Đến lần thứ nhì, đức Thế Tôn đã nói với đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa điều này:

– Này Kassapa, nếu không trở ngại cho ngươi thì chúng ta có thể ngụ một đêm trong nhà thờ lửa.

– Này vị Đại Sa-môn, quả là không trở ngại cho tôi. [Tuy nhiên] ở đây có con rồng chúa dữ tợn, có pháp thuật, là con rắn có nọc độc khủng khiếp, không thể để cho nó hại Ngài được.

Đến lần thứ ba, đức Thế Tôn đã nói với đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa điều này:

– Này Kassapa, nếu không trở ngại cho ngươi thì chúng ta có thể ngụ một đêm trong nhà thờ lửa.

– Này vị Đại Sa-môn, quả là không trở ngại cho tôi. [Tuy nhiên] ở đây có con rồng chúa dữ tợn, có pháp thuật, là con rắn có nọc độc khủng khiếp, không thể để cho nó hại Ngài được.

– Biết đâu nó có thể không hại Ta. Này Kassapa, ngươi hãy cho phép [Ta cư ngụ] nhà thờ lửa đi.

– Này vị Đại Sa-môn, Ngài hãy cư ngụ một cách thoải mái.

Sau đó, đức Thế Tôn đã đi vào nhà thờ lửa, sắp đặt tấm thảm trải bằng cỏ rồi ngồi xuống, xếp [chân] thế kiết-già, giữ thân thẳng, tập trung niệm ở phía trước.

3. Khi ấy, con rồng ấy đã nhìn thấy đức Thế Tôn đi vào, sau khi nhìn thấy trở nên bực bội nên đã phun khói. Khi ấy, đức Thế Tôn đã khởi ý điều này: "Có lẽ Ta không nên làm thương tổn đến lớp vỏ, làn da, thịt, gân, xương, tủy của con rồng này mà chỉ nên dùng lửa [của Ta] làm cho lửa [của nó] bị kiệt quệ thôi." Sau đó, đức Thế Tôn đã thi triển phép thần thông có hình thức như thế và đã phun khói. Khi ấy, con rồng không chịu nổi sự khổ sở nên đã phun ra lửa. Đức Thế Tôn cũng đã nhập thiền đề mục lửa và đã phun ra lửa. Trong khi cả hai đều có trạng thái rực sáng, ngôi nhà thờ lửa như là bị đốt cháy, bị phát cháy, có trạng thái rực sáng. Khi ấy, những đạo sĩ bện tóc ấy đã vây xung quanh nhà thờ lửa và nói như vầy:

– Quả thật vị Đại Sa-môn có vóc dáng xinh đẹp đã bị con rồng hãm hại!

Sau đó, khi trải qua đêm ấy, đức Thế Tôn đã không làm thương tổn đến lớp vỏ, làn da, thịt, gân, xương, tủy của con rồng này mà đã dùng lửa [của Ngài] làm cho lửa [của nó] bị kiệt quệ, rồi bỏ vào trong bình bát và đưa cho đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa xem [nói rằng]:

– Này Kassapa, đây là con rồng của ngươi. Lửa của nó đã bị lửa [của Ta] làm cho kiệt quệ.

Khi ấy, đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa đã khởi ý điều này: "Vị Đại Sa-môn quả thật có đại thần lực, có đại oai lực bởi vì vị ấy đã dùng lửa [của vị ấy] làm cho lửa của con rồng chúa dữ tợn, có pháp thuật, là con rắn có nọc độc khủng khiếp bị kiệt quệ, nhưng vị ấy không phải là vị A-la-hán giống như ta đây."

4. Ở Nerañjarā, đức Thế Tôn đã nói với đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa rằng:

– Này Kassapa, nếu không trở ngại cho ngươi thì đêm nay hãy để Ta ngụ ở nơi thờ phụng lửa.

– Này vị Đại Sa-môn, quả chẳng có trở ngại cho tôi. Chỉ vì muốn được yên tâm mà tôi ngăn cản Ngài. Nơi đây có con rồng chúa dữ tợn, có pháp thuật, là con rắn có nọc độc khủng khiếp, không thể để cho nó hại Ngài được.

– Biết đâu nó có thể không hại Ta. Này Kassapa, ngươi hãy cho phép [Ta cư ngụ] nhà thờ lửa đi.

Sau khi biết được điều ấy là "đã được cho phép", Ngài đã đi vào, không khiếp đảm, đã lìa nỗi sợ hãi.

Thấy vị ẩn sĩ đã đi vào, con rồng chúa có ý bực bội, đã phun khói. Vị Chúa của loài người, với tâm hòa dịu, với ý cao cả, tại nơi đó cũng đã phun khói.

Và không nén được nỗi bực tức, con rồng chúa đã phun lửa như là cơn hỏa hoạn. Vị Chúa của loài người, thiện xảo về các đề mục lửa, tại nơi đó cũng đã phun lửa.

Trong khi cả hai đều có trạng thái rực sáng, các đạo sĩ bện tóc đã vây xung quanh nhà thờ lửa và nói rằng:

– Đương nhiên là vị Đại Sa-môn có vóc dáng xinh đẹp bị con rồng hãm hại!

Rồi đêm đã qua đi, các ngọn lửa của rồng chúa chẳng còn, còn các ngọn lửa của vị có thần lực vẫn tồn tại và có nhiều màu sắc.

Các ngọn lửa nhiều màu sắc từ cơ thể của vị Aṅgīrasa có các màu sắc trong suốt, xanh, đỏ, tím, vàng.

Sau khi đặt con rồng vào bình bát, Ngài đã đưa ra cho vị Bà-la-môn xem:

– Này Bà-la-môn, đây là con rồng của ngươi. Lửa của nó đã bị kiệt quệ vì ngọn lửa [của Ta].[12]

[12] Ngài Buddhaghosa cho biết đây là các lời kệ được lưu truyền về sau này (*VinA*. V. 971).

5. Khi ấy, đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa vô cùng hoan hỷ với sự kỳ diệu thần thông này của đức Thế Tôn nên đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Này vị Đại Sa-môn, hãy cư ngụ ngay tại đây, tôi có thức ăn trường kỳ cho Ngài.

Điều kỳ diệu thứ nhất.

*****

6. Sau đó, đức Thế Tôn đã cư ngụ trong khu rừng rậm nọ, không xa khu ẩn cư của đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa. Khi ấy, vào lúc đêm khuya, bốn vị Đại Thiên vương có hào quang rực rỡ đã làm chói sáng toàn bộ khu rừng rậm, rồi đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi đứng ở bốn phương, giống như là những khối lửa khổng lồ.

Sau đó, khi trải qua đêm ấy, đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Này vị Đại Sa-môn, đã đến giờ, thức ăn đã chuẩn bị xong. Này vị Đại Sa-môn, trong lúc đêm khuya, những ai có hào quang rực rỡ đã làm chói sáng toàn bộ khu rừng rậm rồi đã đi đến gặp Ngài, sau khi đến đã đảnh lễ Ngài rồi đứng ở bốn phương, giống như là những khối lửa khổng lồ vậy?

– Này Kassapa, các vị ấy là bốn vị Đại Thiên vương đã đi đến gặp Ta để nghe pháp.

Khi ấy, đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa đã khởi ý điều này: "Vị Đại Sa-môn quả thật có đại thần lực, có đại oai lực bởi vì ngay cả bốn vị Đại Thiên vương còn đi đến gặp để nghe pháp, nhưng vị ấy không phải là vị A-la-hán giống như ta đây."

Sau đó, đức Thế Tôn đã thọ thực bữa ăn của vị đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa rồi đã cư ngụ ở ngay trong khu rừng rậm ấy.

Điều kỳ diệu thứ nhì.

*****

7. Sau đó, trong lúc đêm khuya, vị chúa của chư thiên Sakka có hào quang rực rỡ đã làm chói sáng toàn bộ khu rừng rậm rồi đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi đứng một bên, giống như là khối lửa khổng lồ còn rực rỡ hơn và thù thắng hơn những hào quang đầy màu sắc trước đây nữa.

Sau đó, khi trải qua đêm ấy, đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Này vị Đại Sa-môn, đã đến giờ, thức ăn đã chuẩn bị xong. Này vị Đại Sa-môn, trong lúc đêm khuya, người nào có hào quang rực rỡ đã làm chói sáng toàn bộ khu rừng rậm rồi đã đi đến gặp Ngài, sau khi đến đã đảnh lễ Ngài rồi

đứng một bên, giống như là khối lửa khổng lồ còn rực rỡ hơn và thù thắng hơn những hào quang đầy màu sắc trước đây nữa vậy?

– Này Kassapa, vị ấy là chúa của chư thiên Sakka đã đi đến gặp Ta để nghe pháp.

Khi ấy, đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa đã khởi ý điều này: "Vị Đại Sa-môn quả thật có đại thần lực, có đại oai lực bởi vì ngay cả chúa của chư thiên Sakka còn đi đến gặp để nghe pháp, nhưng vị ấy không phải là vị A-la-hán giống như ta đây."

Sau đó, đức Thế Tôn đã thọ thực bữa ăn của vị đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa rồi đã cư ngụ ở ngay trong khu rừng rậm ấy.

Điều kỳ diệu thứ ba.

*****

8. Sau đó, trong lúc đêm khuya, vị Phạm thiên Sahampati có hào quang rực rỡ đã làm chói sáng toàn bộ khu rừng rậm, rồi đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi đứng một bên, giống như là khối lửa khổng lồ còn rực rỡ hơn và thù thắng hơn những hào quang đầy màu sắc trước đây nữa.

9. Sau đó, khi trải qua đêm ấy, đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Này vị Đại Sa-môn, đã đến giờ, thức ăn đã chuẩn bị xong. Này vị Đại Sa-môn, trong lúc đêm khuya, người nào có hào quang rực rỡ đã làm chói sáng toàn bộ khu rừng rậm rồi đã đi đến gặp Ngài, sau khi đến đã đảnh lễ Ngài rồi đứng một bên, giống như là khối lửa khổng lồ còn rực rỡ hơn và thù thắng hơn những hào quang đầy màu sắc trước đây nữa vậy?

– Này Kassapa, vị ấy là Phạm thiên Sahampati đã đi đến gặp Ta để nghe pháp.

Khi ấy, đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa đã khởi ý điều này: "Vị Đại Sa-môn quả thật có đại thần lực, có đại oai lực bởi vì vị Phạm thiên Sahampati còn đi đến gặp để nghe pháp, nhưng vị ấy không phải là vị A-la-hán giống như ta đây."

Sau đó, đức Thế Tôn đã thọ thực bữa ăn của vị đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa rồi đã cư ngụ ở ngay trong khu rừng rậm ấy.

Điều kỳ diệu thứ tư.

*****

10. Vào lúc bấy giờ, buổi đại lễ cúng tế của đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa đã đến. Và toàn bộ dân chúng ở Aṅga và Magadha đem lại nhiều thức ăn loại cứng, loại mềm với ý định tham dự. Khi ấy, đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa đã khởi ý điều này: "Giờ đây, buổi đại lễ cúng tế của ta đã đến, toàn bộ dân chúng ở Aṅga và Magadha sẽ đem lại nhiều thức ăn loại cứng, loại mềm và tham dự.

Nếu vị Đại Sa-môn thực hiện sự kỳ diệu của thần thông trước đám đông thì lợi lộc và sự trọng vọng sẽ tăng trưởng cho vị Đại Sa-môn, còn lợi lộc và sự trọng vọng của ta sẽ bị giảm đi; vậy thì vị Đại Sa-môn không thể đi đến vào ngày mai."

11. Khi ấy, đức Thế Tôn dùng tâm biết được ý nghĩ suy tầm của đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa nên đã đi đến xứ Kuru ở phương Bắc, từ nơi ấy đã đem lại đồ ăn khất thực và đã thọ thực ở hồ Anotatta, rồi đã nghỉ trưa ở ngay tại nơi ấy.

12. Sau đó, khi trải qua đêm ấy, đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Này vị Đại Sa-môn, đã đến giờ, thức ăn đã chuẩn bị xong. Này vị Đại Sa-môn, việc gì khiến Ngài đã không đi đến ngày hôm qua? Tuy nhiên, chúng tôi cũng có nhớ đến Ngài rằng: "Việc gì khiến vị Đại Sa-môn không đi đến?" Phần chia về thức ăn loại cứng và loại mềm đã được để dành cho Ngài.

13. – Này Kassapa, thế không phải ngươi đã khởi ý điều này: "Giờ đây, buổi đại lễ cúng tế của ta đã đến, toàn bộ dân chúng ở Aṅga và Magadha sẽ đem lại nhiều thức ăn loại cứng, loại mềm và tham dự. Nếu vị Đại Sa-môn thực hiện sự kỳ diệu của thần thông trước đám đông thì lợi lộc và sự trọng vọng sẽ tăng trưởng cho vị Đại Sa-môn, còn lợi lộc và sự trọng vọng của ta sẽ bị giảm đi; vậy thì vị Đại Sa-môn không thể đi đến vào ngày mai."

14. Này Kassapa, Ta đây dùng tâm biết được ý nghĩ suy tầm của ngươi nên đã đi đến xứ Kuru ở phương Bắc, từ nơi ấy, đã đem lại đồ ăn khất thực và đã thọ thực ở hồ Anotatta, rồi đã nghỉ trưa ở ngay tại nơi ấy.

15. Khi ấy, đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa đã khởi ý điều này: "Vị Đại Sa-môn quả thật có đại thần lực, có đại oai lực bởi vì vị ấy còn biết được tâm bằng tâm, nhưng vị ấy không phải là vị A-la-hán giống như ta đây."

Sau đó, đức Thế Tôn đã thọ thực bữa ăn của vị đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa rồi đã cư ngụ ở ngay trong khu rừng rậm ấy.

Điều kỳ diệu thứ năm.

*****

1. Vào lúc bấy giờ, có vải *paṃsukūla*[13] đã phát sanh đến đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn đã khởi ý điều này: "Vậy Ta có thể giặt vải *paṃsukūla* ở đâu?" Khi ấy, vị chúa của chư thiên Sakka dùng tâm biết được ý nghĩ suy tầm của đức Thế Tôn nên đã dùng tay đào thành cái hồ nước, rồi nói với đức Thế Tôn điều này: "Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn hãy giặt vải *paṃsukūla* ở đây." Sau đó, đức Thế Tôn đã khởi ý điều này: "Vậy Ta có thể nhồi vải *paṃsukūla* ở nơi vật gì?" Khi ấy, vị chúa của chư thiên Sakka dùng tâm biết được ý nghĩ suy tầm của đức Thế Tôn nên đã mang lại tảng đá lớn rồi nói với đức Thế Tôn điều này:

[13] Vải *paṃsukūla*: Chủ yếu là vải quấn thây người chết, được đem bỏ ở bãi tha ma, hoặc là vải nhặt ở các đống rác. Ở một vài chỗ, chúng tôi đã dịch là "vải dơ bị quăng bỏ" (ND).

– Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn hãy nhồi vải *paṃsukūla* ở đây.

Sau đó, đức Thế Tôn đã khởi ý điều này: "Vậy Ta có thể nắm vào vật gì và bước lên?" Khi ấy, vị thiên thần ngụ ở cây Kakudha dùng tâm biết được ý nghĩ suy tầm của đức Thế Tôn nên đã uốn cong cành cây xuống [nói rằng]:

– Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn hãy nắm vào đây và bước lên.

Sau đó, đức Thế Tôn đã khởi ý điều này: "Vậy Ta có thể phơi khô vải *paṃsukūla* ở nơi vật gì?" Khi ấy, vị chúa của chư thiên Sakka dùng tâm biết được ý nghĩ suy tầm của đức Thế Tôn nên đã mang lại tảng đá lớn, rồi nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn hãy phơi khô vải *paṃsukūla* ở đây.

2. Sau đó, khi trải qua đêm ấy, đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Này vị Đại Sa-môn, đã đến giờ, thức ăn đã chuẩn bị xong. Này vị Đại Sa-môn, có phải trước kia, cái hồ nước này không có ở đây, giờ cái hồ nước này lại có ở đây? Trước kia, hòn đá này không được đem lại, do ai mà hòn đá này đã được đem lại? Trước kia, cành của cây Kakudha này không bị uốn cong xuống, giờ cành cây này đây đã bị uốn cong xuống?

3. – Này Kassapa, trường hợp này là vải *paṃsukūla* đã được phát sanh đến Ta. Ta đây đã khởi ý điều này: "Vậy Ta có thể giặt vải *paṃsukūla* ở đâu?" Khi ấy, vị chúa của chư thiên Sakka dùng tâm biết được ý nghĩ suy tầm của Ta nên đã dùng tay đào thành cái hồ nước rồi nói với Ta điều này: "Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn hãy giặt vải *paṃsukūla* ở đây." Cái hồ này đây đã được đào bằng bàn tay bởi hạng không phải là người. Này Kassapa, Ta đây đã khởi ý điều này: "Vậy Ta có thể nhồi vải *paṃsukūla* ở nơi vật gì?" Khi ấy, vị chúa của chư thiên Sakka dùng tâm biết được ý nghĩ suy tầm của Ta nên đã mang lại tảng đá lớn: "Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn hãy nhồi vải *paṃsukūla* ở đây." Hòn đá này đây đã được đem lại bởi hạng không phải là người. Này Kassapa, Ta đây đã khởi ý điều này: "Vậy Ta có thể nắm vào vật gì và bước lên?" Khi ấy, vị thiên thần ngụ ở cây Kakudha dùng tâm biết được ý nghĩ suy tầm của Ta nên đã uốn cong cành cây xuống: "Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn hãy nắm vào đây và bước lên." Cây Kakudha này đây là vật để tay nắm vào. Này Kassapa, Ta đây đã khởi ý điều này: "Vậy Ta có thể phơi khô vải *paṃsukūla* ở nơi vật gì?" Khi ấy, vị chúa của chư thiên Sakka dùng tâm biết được ý nghĩ suy tầm của Ta nên đã mang lại tảng đá lớn: "Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn hãy phơi khô vải *paṃsukūla* ở đây." Hòn đá này đây đã được đem lại bởi hạng không phải là người.

Khi ấy, đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa đã khởi ý điều này: "Vị Đại Sa-môn quả thật có đại thần lực, có đại oai lực bởi vì vị chúa của chư thiên Sakka còn phải phục vụ, nhưng vị ấy không phải là vị A-la-hán giống như ta đây."

Sau đó, đức Thế Tôn đã thọ thực bữa ăn của vị đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa rồi đã cư ngụ ở ngay trong khu rừng rậm ấy.

4. Sau đó, khi trải qua đêm ấy, đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Này vị Đại Sa-môn, đã đến giờ, thức ăn đã chuẩn bị xong.

– Này Kassapa, ngươi hãy đi rồi Ta đến.

Sau khi bảo vị đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa đi, Ngài đã hái trái cây từ cây Jambu,[14] do cây Jambu mà Jambudīpa[15] được biết tiếng, rồi đã đi đến trước và ngồi ở nhà thờ lửa. Vị đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa đã nhìn thấy đức Thế Tôn ngồi trong nhà thờ lửa, sau khi nhìn thấy, đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Này vị Đại Sa-môn, Ngài đã đi đến bằng con đường nào? Tôi đã ra đi trước Ngài, vậy mà Ngài đây đã đi đến trước và ngồi ở nhà thờ lửa.

– Này Kassapa, trong trường hợp này, sau khi bảo ngươi đi, Ta đã hái trái cây từ cây Jambu, do cây Jambu mà Jambudīpa được biết tiếng, rồi đã đi đến trước và ngồi ở nhà thờ lửa. Này Kassapa, trái cây Jambu này đạt được màu sắc, đạt được hương thơm, đạt được mùi vị, nếu ngươi thích thì hãy ăn đi.

– Này vị Đại Sa-môn, thôi đi. Chính Ngài đã mang nó lại thì chính Ngài hãy ăn nó.

Khi ấy, đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa đã khởi ý điều này: "Vị Đại Sa-môn quả thật có đại thần lực, có đại oai lực bởi vì sau khi bảo ta đi trước, vị ấy đã hái trái cây từ cây Jambu, do cây Jambu mà Jambudīpa được biết tiếng, rồi đi đến trước và ngồi ở nhà thờ lửa, nhưng vị ấy không phải là vị A-la-hán giống như ta đây."

Sau đó, đức Thế Tôn đã thọ thực bữa ăn của vị đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa rồi đã cư ngụ ở ngay trong khu rừng rậm ấy.

5. Sau đó, khi trải qua đêm ấy, đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Này vị Đại Sa-môn, đã đến giờ, thức ăn đã chuẩn bị xong.

– Này Kassapa, ngươi hãy đi rồi Ta đến.

Sau khi bảo vị đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa đi, Ngài đã hái trái xoài không xa cây Jambu, do cây Jambu mà Jambudīpa được biết tiếng, ...(nt)... trái Āmalakī không xa cây Jambu, ...(nt)... trái Harītakī không xa cây Jambu, ...(nt)... đã đi đến cõi trời Đạo-lợi hái bông hoa của cây san hô, rồi đã đi đến trước và ngồi ở nhà thờ lửa. Vị đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa đã nhìn thấy đức Thế Tôn ngồi trong nhà thờ lửa, sau khi nhìn thấy đã nói với đức Thế Tôn điều này:

---

[14] Trái Jambu giống trái mận (miền Nam) hoặc đào đỏ (miền Trung) nhưng nhỏ hơn (ND).

[15] Jambudīpa, dịch là đảo Jambu, tức là bán đảo Ấn Độ (ND).

– Này vị Đại Sa-môn, Ngài đã đi đến bằng con đường nào? Tôi đã ra đi trước Ngài vậy mà Ngài đã đi đến trước và ngồi ở nhà thờ lửa.

– Này Kassapa, trong trường hợp này, sau khi bảo ngươi đi, Ta đã đi đến cõi trời Đạo-lợi hái bông hoa của cây san hô, rồi đã đi đến trước và ngồi ở nhà thờ lửa. Này Kassapa, bông hoa của cây san hô này đạt được màu sắc, đạt được hương thơm.

Khi ấy, đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa đã khởi ý điều này: "Vị Đại Sa-môn quả thật có đại thần lực, có đại oai lực bởi vì sau khi bảo ta đi trước, vị ấy đã đi đến cõi trời Đạo-lợi hái bông hoa của cây san hô, rồi đã đi đến trước và ngồi ở nhà thờ lửa, nhưng vị ấy không phải là vị A-la-hán giống như ta đây."

6. Vào lúc bấy giờ, các vị đạo sĩ bện tóc ấy có ước muốn thờ phụng lửa, không thể chẻ nhỏ các thanh củi được. Khi ấy, các vị đạo sĩ bện tóc ấy đã khởi ý điều này: "Chắc chắn là do năng lực thần thông của vị Đại Sa-môn nên chúng ta không thể nào chẻ nhỏ các thanh củi được!" Khi ấy, đức Thế Tôn đã nói với vị đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa điều này:

– Này Kassapa, hãy khiến các thanh củi được chẻ nhỏ.

– Này vị Đại Sa-môn, hãy khiến chúng được chẻ nhỏ.

Ngay lập tức, năm trăm thanh củi đã được chẻ nhỏ. Khi ấy, đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa đã khởi ý điều này: "Vị Đại Sa-môn quả thật có đại thần lực, có đại oai lực bởi vì ngay cả các thanh củi cũng không chẻ nhỏ được, nhưng vị ấy không phải là vị A-la-hán giống như ta đây."

7. Vào lúc bấy giờ, các vị đạo sĩ bện tóc ấy có ước muốn thờ phụng lửa, không thể đốt lên ngọn lửa được. Khi ấy, các vị đạo sĩ bện tóc ấy đã khởi ý điều này: "Chắc chắn là do năng lực thần thông của vị Đại Sa-môn nên chúng ta không thể nào đốt lên ngọn lửa được!" Khi ấy, đức Thế Tôn đã nói với vị đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa điều này:

– Này Kassapa, hãy khiến các ngọn lửa được đốt lên.

– Này vị Đại Sa-môn, hãy khiến chúng được đốt lên.

Ngay lập tức, năm trăm ngọn lửa đã được đốt lên. Khi ấy, đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa đã khởi ý điều này: "Vị Đại Sa-môn quả thật có đại thần lực, có đại oai lực bởi vì ngay cả các ngọn lửa cũng không đốt lên được, nhưng vị ấy không phải là vị A-la-hán giống như ta đây."

8. Vào lúc bấy giờ, các vị đạo sĩ bện tóc ấy, sau khi thờ phụng lửa, không thể dập tắt ngọn lửa được. Khi ấy, các vị đạo sĩ bện tóc ấy đã khởi ý điều này: "Chắc chắn là do năng lực thần thông của vị Đại Sa-môn nên chúng ta không thể nào dập tắt các ngọn lửa được!" Khi ấy, đức Thế Tôn đã nói với vị đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa điều này:

– Này Kassapa, hãy khiến các ngọn lửa được dập tắt.

– Này vị Đại Sa-môn, hãy khiến chúng được dập tắt.

Ngay lập tức, năm trăm ngọn lửa đã được dập tắt. Khi ấy, đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa đã khởi ý điều này: "Vị Đại Sa-môn quả thật có đại thần lực, có đại oai lực bởi vì ngay cả các ngọn lửa cũng không dập tắt được, nhưng vị ấy không phải là vị A-la-hán giống như ta đây."

9. Vào lúc bấy giờ, trong khoảng thời gian tám đêm của mùa đông lạnh lẽo, vào lúc tuyết rơi, các vị đạo sĩ bện tóc ấy hụp xuống và trồi lên trong dòng sông Nerañjarā, rồi lại thực hiện những hành động trồi lên hụp xuống. Khi ấy, đức Thế Tôn đã làm hiện ra các chảo lửa có số lượng năm trăm cái ở chỗ các vị đạo sĩ bện tóc ấy đã lội lên và sưởi ấm. Khi ấy, các vị đạo sĩ bện tóc ấy đã khởi ý điều này: "Chắc chắn là do năng lực thần thông của vị Đại Sa-môn cho nên các chảo lửa này đã được hiện ra." Khi ấy, vị đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa đã khởi ý điều này: "Vị Đại Sa-môn quả thật có đại thần lực, có đại oai lực bởi vì vị ấy còn làm hiện ra các chảo lửa nhiều đến mức này, nhưng vị ấy không phải là vị A-la-hán giống như ta đây."

10. Vào lúc bấy giờ, có đám mây đen lớn sái mùa đã đổ mưa tạo thành trận lũ lụt lớn. Trong khu vực nào đức Thế Tôn cư ngụ thì nước không tràn đến khu vực ấy. Khi ấy, đức Thế Tôn đã khởi ý điều này: "Hay là Ta nên đẩy nước ra xung quanh rồi đi kinh hành ở khoảng giữa, trên mặt đất có phủ lớp đất bụi?" Sau đó, đức Thế Tôn đã đẩy nước ra xung quanh rồi đi kinh hành ở khoảng giữa, trên mặt đất có phủ lớp đất bụi. Khi ấy, vị đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa [nghĩ rằng]: "Chỉ mong sao vị Đại Sa-môn không bị nước cuốn trôi đi!", rồi đã cùng nhiều vị đạo sĩ bện tóc đi thuyền đến khu vực đức Thế Tôn cư ngụ. Vị đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa đã nhìn thấy đức Thế Tôn đang đi kinh hành ở khoảng giữa, trên mặt đất có phủ lớp đất bụi sau khi đã đẩy nước ra xung quanh, sau khi nhìn thấy, đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Này vị Đại Sa-môn, Ngài có đây không?

– Này Kassapa, có Ta đây.

Đức Thế Tôn đã bay lên không trung và đứng xuống ở chiếc thuyền. Khi ấy, vị đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa đã khởi ý điều này: "Vị Đại Sa-môn quả thật có đại thần lực, có đại oai lực bởi vì ngay cả nước [lũ] cũng không làm gì được, nhưng vị ấy không phải là vị A-la-hán giống như ta đây."

11. Khi ấy, đức Thế Tôn đã khởi ý điều này: "Đã lâu nay, kẻ rồ dại này chỉ khởi ý rằng: 'Vị Đại Sa-môn quả thật có đại thần lực, có đại oai lực, nhưng vị ấy không phải là vị A-la-hán giống như ta đây.' Hay là Ta nên làm cho vị đạo sĩ bện tóc này phải nao núng? " Sau đó, đức Thế Tôn đã nói với vị đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa điều này:

– Này Kassapa, ngươi chẳng phải là A-la-hán và cũng chẳng đạt được con đường đưa đến quả vị A-la-hán. Thậm chí ngươi cũng không có đường lối thực

hành để ngươi có thể trở thành A-la-hán hoặc đạt được con đường đưa đến quả vị A-la-hán.

12. Khi ấy, vị đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa đã quỳ xuống, đê đầu ở hai bàn chân của đức Thế Tôn và đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, con có thể xuất gia trong sự hiện diện của đức Thế Tôn không? Con có thể tu lên bậc trên không?

– Này Kassapa, ngươi là vị lãnh đạo, vị hướng dẫn, vị quan trọng nhất, vị đứng đầu, vị thủ lĩnh của năm trăm đạo sĩ bện tóc. Ngươi hãy thông báo đến các vị ấy. Các vị ấy sẽ làm theo cách các vị ấy suy tính. Các vị suy tính như thế nào thì các vị sẽ làm như thế ấy.

13. Sau đó, vị đạo sĩ bện tóc Uruvelakassapa đã đi đến gặp các đạo sĩ bện tóc ấy, sau khi đến đã nói với các đạo sĩ bện tóc ấy điều này:

– Này các ông, ta muốn thực hành Phạm hạnh theo vị Đại Sa-môn. Các ông suy tính như thế nào thì các ông hãy làm như thế ấy.

– Ngài ơi, chúng tôi có niềm tin với vị Đại Sa-môn đã lâu nay. Nếu ngài thực hành Phạm hạnh theo vị Đại Sa-môn, hết thảy tất cả chúng tôi sẽ thực hành Phạm hạnh theo vị Đại Sa-môn.

14. Sau đó, các vị đạo sĩ bện tóc ấy đã quăng trôi theo dòng nước các chùm tóc, các bện tóc, các đồ đạc, các dụng cụ thờ lửa rồi đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã quỳ xuống, đê đầu ở hai bàn chân của đức Thế Tôn và đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, chúng con có thể xuất gia trong sự hiện diện của đức Thế Tôn không? Chúng con có thể tu lên bậc trên không?

Đức Thế Tôn đã nói rằng:

– Này các Tỳ-khưu, hãy đến. Pháp đã khéo được thuyết giảng, hãy thực hành Phạm hạnh một cách đúng đắn để chấm dứt khổ đau.

Chính lời nói ấy đã là sự tu lên bậc trên của các Đại đức ấy.

15. Đạo sĩ bện tóc Nadīkassapa đã nhìn thấy các chùm tóc, các bện tóc, các đồ đạc, các dụng cụ thờ lửa ở dòng nước đang trôi chảy, sau khi nhìn thấy, đã khởi ý điều này: "Chớ có việc gì nguy hiểm xảy ra cho anh trai của ta!", rồi đã phái các đạo sĩ bện tóc [nói rằng]: "Các vị hãy đi và tìm hiểu xem các anh trai của ta [thế nào]." Còn bản thân cùng với ba trăm đạo sĩ bện tóc đã đi đến gặp Đại đức Uruvelakassapa, sau khi đến đã nói với Đại đức Uruvelakassapa điều này:

– Này Kassapa, điều này là tốt hơn hay sao?

– Này đệ, đúng vậy. Điều này là tốt hơn.

Sau đó, các đạo sĩ bện tóc ấy đã quăng trôi theo dòng nước các chùm tóc, các bện tóc, các đồ đạc, các dụng cụ thờ lửa rồi đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau

khi đến đã quỳ xuống, đê đầu ở hai bàn chân của đức Thế Tôn và đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, chúng con có thể xuất gia trong sự hiện diện của đức Thế Tôn không? Chúng con có thể tu lên bậc trên không?

Đức Thế Tôn đã nói rằng:

– Này các Tỳ-khưu, hãy đến. Pháp đã khéo được thuyết giảng, hãy thực hành Phạm hạnh một cách đúng đắn để chấm dứt khổ đau.

Chính lời nói ấy đã là sự tu lên bậc trên của các Đại đức ấy.

16. Đạo sĩ bện tóc Gayākassapa đã nhìn thấy các chùm tóc, các bện tóc, các đồ đạc, các dụng cụ thờ lửa ở dòng nước đang trôi chảy, sau khi nhìn thấy, đã khởi ý điều này: "Chớ có việc gì nguy hiểm xảy ra cho các anh trai của ta!" rồi đã phái các đạo sĩ bện tóc [nói rằng]: "Các vị hãy đi và tìm hiểu xem các anh trai của ta [thế nào]." Còn bản thân cùng với hai trăm đạo sĩ bện tóc đã đi đến gặp Đại đức Uruvelakassapa, sau khi đến đã nói với Đại đức Uruvelakassapa điều này:

– Này Kassapa, điều này là tốt hơn hay sao?

– Này đệ, đúng vậy. Điều này là tốt hơn.

17. Sau đó, các đạo sĩ bện tóc ấy đã quăng trôi theo dòng nước các chùm tóc, các bện tóc, các đồ đạc, các dụng cụ thờ lửa rồi đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã quỳ xuống, đê đầu ở hai bàn chân của đức Thế Tôn và đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, chúng con có thể xuất gia trong sự hiện diện của đức Thế Tôn không? Chúng con có thể tu lên bậc trên không?

Đức Thế Tôn đã nói rằng:

– Này các Tỳ-khưu, hãy đến. Pháp đã khéo được thuyết giảng, hãy thực hành Phạm hạnh một cách đúng đắn để chấm dứt khổ đau.

Chính lời nói ấy đã là sự tu lên bậc trên của các Đại đức ấy.

Do nguyện lực của đức Thế Tôn, năm trăm thanh củi đã không chẻ ra được rồi đã được chẻ ra, các ngọn lửa đã không đốt lên được rồi đã được đốt lên, đã không dập tắt được rồi đã được dập tắt, năm trăm chảo lửa đã được làm hiện ra. Theo cách thức ấy, có ba ngàn năm trăm điều kỳ diệu.

18. Sau đó, khi đã ngự tại Uruvelā theo như ý thích, đức Thế Tôn đã ra đi, du hành về phía đỉnh Gayā cùng với đại chúng Tỳ-khưu gồm có một ngàn vị Tỳ-khưu, hết thảy tất cả đều là các đạo sĩ bện tóc trước đây. Tại nơi đó, ở Gayā, đức Thế Tôn ngự tại đỉnh Gayā cùng với một ngàn vị Tỳ-khưu. Tại nơi đó, đức Thế Tôn đã bảo các vị Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, tất cả đều bị cháy rực. Và này các Tỳ-khưu, cái gì là tất cả đều bị cháy rực? Này các Tỳ-khưu, mắt bị cháy rực, các sắc bị cháy rực, sự

nhận thức của mắt bị cháy rực, sự tiếp xúc của mắt bị cháy rực, tức là sự cảm thọ được sanh lên do duyên tiếp xúc của mắt là lạc, hay là khổ, hoặc không khổ không lạc cũng đều bị cháy rực. Bị cháy rực bởi điều gì? Ta nói rằng: "Bị cháy rực bởi lửa tham, bởi lửa sân, bởi lửa si. Bị cháy rực bởi sanh, bởi già, bởi chết, bởi những nỗi buồn rầu, bởi những điều ta thán, bởi những nỗi khổ đau, bởi những sự bất mãn, bởi những điều thất vọng."

Tai bị cháy rực, các âm thanh bị cháy rực, ...(nt)... Mũi bị cháy rực, các mùi bị cháy rực, ...(nt)... Lưỡi bị cháy rực, các vị nếm bị cháy rực, ...(nt)... Thân bị cháy rực, các sự xúc chạm bị cháy rực, ...(nt)… Ý bị cháy rực, các pháp bị cháy rực, sự nhận thức của ý bị cháy rực, sự tiếp xúc của ý bị cháy rực, tức là sự cảm thọ được sanh lên do duyên tiếp xúc của ý là lạc, hay là khổ, hoặc không khổ không lạc cũng đều bị cháy rực. Bị cháy rực bởi điều gì? Ta nói rằng: "Bị cháy rực bởi lửa tham, bởi lửa sân, bởi lửa si. Bị cháy rực bởi sanh, bởi già, bởi chết, bởi những nỗi buồn rầu, bởi những điều ta thán, bởi những nỗi khổ đau, bởi những sự bất mãn, bởi những điều thất vọng." Này các Tỳ-khưu, trong khi nhìn thấy như thế, vị Thánh đệ tử có sự học hỏi không còn hứng thú đến mắt, không còn hứng thú đến các sắc, không còn hứng thú đến sự nhận thức của mắt, không còn hứng thú đến sự tiếp xúc của mắt, tức là không còn hứng thú đến sự cảm thọ được sanh lên do duyên tiếp xúc của mắt là lạc, hay là khổ, hoặc không khổ không lạc.

[Vị ấy] không còn hứng thú đến tai, không còn hứng thú đến các âm thanh, ...(nt)... không còn hứng thú đến mũi, không còn hứng thú đến các mùi, ...(nt)... không còn hứng thú đến lưỡi, không còn hứng thú đến các vị nếm, ...(nt)... không còn hứng thú đến thân, không còn hứng thú đến các sự xúc chạm, ...(nt)... không còn hứng thú đến ý, không còn hứng thú đến các pháp, không còn hứng thú đến sự nhận thức của ý, không còn hứng thú đến sự tiếp xúc của ý, tức là không còn hứng thú đến sự cảm thọ được sanh lên do duyên tiếp xúc của ý là lạc, hay là khổ, hoặc không khổ không lạc; trong khi không còn hứng thú, vị ấy không còn tham ái; do không còn tham ái, vị ấy được giải thoát; trong khi được giải thoát, trí khởi lên rằng: "Đã được giải thoát." Vị ấy biết được rằng: "Sự tái sanh đã cạn kiệt, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm, không còn gì khác [phải làm] đối với bản thể [A-la-hán] này nữa."

19. Và trong khi bài kinh này được thuyết giảng, tâm của một ngàn vị Tỳ-khưu ấy đã không còn chấp thủ và đã được giải thoát khỏi các lậu hoặc.

Dứt phần giảng về "Bị cháy rực."

Dứt tụng phẩm "Sự kỳ diệu ở Uruvelā" là thứ ba.

*****

1. Sau đó, khi đã ngự tại Uruvelā theo như ý thích, đức Thế Tôn đã ra đi, du hành về phía thành Rājagaha cùng với đại chúng Tỳ-khưu gồm có một ngàn vị Tỳ-khưu, hết thảy tất cả đều là các đạo sĩ bện tóc trước đây. Trong khi tuần tự du hành, Ngài đã ngự đến thành Rājagaha. Tại nơi đó, ở thành Rājagaha, đức Thế Tôn ngự tại khu rừng Laṭṭhi, nơi điện thờ Suppatiṭṭha. Đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã nghe được rằng: "Chắc chắn là Ngài Sa-môn Gotama, con trai dòng Sakya, từ dòng dõi Sakya đã xuất gia, đã ngự đến thành Rājagaha và trú ở thành Rājagaha, tại khu rừng Laṭṭhi, nơi điện thờ Suppatiṭṭha. Tiếng tăm tốt đẹp về Ngài Gotama ấy đã được lan rộng ra như vầy: Đức Thế Tôn ấy là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Tối Thượng, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Vị ấy, với thắng trí của mình, sau khi chứng ngộ đã công bố về thế gian này, tính luôn cõi chư Thiên, cõi Ma vương, cõi Phạm thiên, cho đến dòng dõi Sa-môn, Bà-la-môn, chư thiên và loài người. Vị ấy thuyết giảng giáo pháp toàn hảo ở đoạn đầu, toàn hảo ở đoạn giữa và toàn hảo ở đoạn kết, thành tựu về ý nghĩa, thành tựu về văn tự, giảng giải về Phạm hạnh thanh tịnh một cách trọn vẹn và đầy đủ. Tốt thay cho việc diện kiến các vị A-la-hán như thế ấy!"

2. Sau đó, đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha được tháp tùng bởi một trăm hai mươi ngàn[16] Bà-la-môn và gia chủ người xứ Magadha, đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Còn một trăm hai mươi ngàn Bà-la-môn và gia chủ người xứ Magadha ấy, một số đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên, một số đã tỏ vẻ thân thiện với đức Thế Tôn, sau khi trao đổi lời xã giao thân thiện rồi ngồi xuống một bên, một số đã chắp tay cúi chào đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên, một số đã xưng tên họ trước đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên, một số có thái độ im lặng rồi ngồi xuống một bên.

3. Khi ấy, một trăm hai mươi ngàn Bà-la-môn và gia chủ người xứ Magadha ấy đã khởi ý điều này: "Vị Đại Sa-môn thực hành Phạm hạnh theo Uruvelakassapa, hay là Uruvelakassapa thực hành Phạm hạnh theo vị Đại Sa-môn?" Khi ấy, đức Thế Tôn dùng tâm biết được ý nghĩ suy tầm của một trăm hai mươi ngàn Bà-la-môn và gia chủ người xứ Magadha ấy nên đã nói với Đại đức Uruvelakassapa bằng bài kệ này:

4. – Kẻ trú ở Uruvelā, người giáo huấn các đạo sĩ khổ hạnh, sau khi thấy điều gì, mà đã từ bỏ ngọn lửa? Này Kassapa, Ta hỏi ngươi điều này: "Tại sao việc thờ lửa của ngươi bị từ bỏ?"

---

[16] Một trăm hai mươi ngàn (*dvādasanahuta* = *dvādasa* + *nahuta* = 12 *nahuta*). Ngài Buddhaghosa giải thích: 1 *nahuta* = 10.000, như vậy 12 *nahuta* = 120.000 (*VinA*. V. 972). Trong khi đó, từ điển *A Dictionary of the Pali Language* của Robert Caesar Childers ghi: 1 *nahuta* = $10.000.000^4$, tức là 28 con số không (0) sau con số một, như thế 12 *nahuta* là một con số quá lớn, không hợp lý trong trường hợp này.

– Việc cúng tế đề cập đến các hình ảnh, các âm thanh, các mùi vị, dục lạc và đàn bà. Sau khi nhận biết rằng "việc ấy là ô nhiễm" trong các mầm mống tái sanh, vì thế con đã không thích thú các việc hy sinh [hay] các việc cúng tế.

[Đức Thế Tôn nói với Kassapa:]

– Và ở đây, tâm của ngươi đã không thích thú đối với các hình ảnh, các âm thanh và các mùi vị, như thế thì giờ đây, ở thế giới nhân thiên [cái gì] là được tâm thích thú? Này Kassapa, hãy nói với Ta về điều ấy.

– Sau khi đã nhìn thấy đạo lộ thanh tịnh, không mầm mống tái sanh, không có gì [về tham ái], không bị trói buộc trong dục lạc và hiện hữu, không còn những thứ khác [sanh, lão, tử, v.v...], không thể đạt đến bằng đường lối nào khác, vì thế con đã không thích thú các việc hy sinh [hay] các việc cúng tế.

5. Sau đó, Đại đức Uruvelakassapa đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp thượng y một bên vai, quỳ xuống đê đầu ở hai bàn chân của đức Thế Tôn và nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, đức Thế Tôn là bậc Đạo sư của con, con là người đệ tử. Bạch Ngài, đức Thế Tôn là bậc Đạo sư của con, con là người đệ tử.

Khi ấy, một trăm hai mươi ngàn Bà-la-môn và gia chủ người xứ Magadha ấy đã khởi ý điều này: "Uruvelakassapa thực hành Phạm hạnh theo vị Đại Sa-môn." Sau đó, đức Thế Tôn dùng tâm biết được ý nghĩ suy tầm của một trăm hai mươi ngàn Bà-la-môn và gia chủ người xứ Magadha ấy nên đã thuyết pháp theo thứ lớp đến những người ấy. Tức là Ngài đã giảng giải bài thuyết về bố thí, bài thuyết về giới cấm, bài thuyết về cõi trời; sự tai hại, sự thấp kém, sự ô nhiễm của các dục và sự lợi ích của việc xuất ly. Khi đức Thế Tôn biết được những người ấy có tâm đã sẵn sàng, dễ uốn nắn, không còn chướng ngại, hướng thượng, tịnh tín, Ngài đã phô bày pháp thuyết giảng đã được chư Phật khai mở là khổ, tập, diệt, đạo. Cũng giống như tấm vải đã được làm sạch, không còn vết nhơ, có thể nhuộm màu một cách toàn vẹn; tương tợ như thế, ngay tại chỗ ngồi ấy, pháp nhãn không nhiễm bụi trần, không vết nhơ đã sanh khởi đến một trăm hai mươi ngàn Bà-la-môn và gia chủ người xứ Magadha ấy có đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đứng đầu: "Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt." Mười ngàn người đã tuyên bố bản thân là cư sĩ.

6. Sau đó, khi đã thấy được pháp, đã thành tựu được pháp, đã hiểu được pháp, đã thấm nhuần pháp, hoài nghi đã không còn, sự lưỡng lự đã dứt hẳn, đã thành tựu niềm tin vào giáo pháp của bậc Đạo sư, không còn cần sự trợ duyên của người khác, đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, trước đây khi còn là hoàng tử, trẫm đã có năm điều ước nguyện, giờ đây các điều ấy đã được thành tựu cho trẫm. Bạch Ngài, trước

đây, khi còn là hoàng tử, trẫm đã khởi ý điều này: "Ước gì họ tấn phong ta làm vua!" Bạch Ngài, đó là điều ước nguyện thứ nhất của trẫm; giờ đây, điều ấy đã được thành tựu cho trẫm. "Ước gì bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác đi vào vương quốc của ta đây!" Bạch Ngài, đó là điều ước nguyện thứ nhì của trẫm; giờ đây, điều ấy đã được thành tựu cho trẫm. "Ước gì ta được tỏ lòng tôn kính đến đức Thế Tôn ấy!" Bạch Ngài, đó là điều ước nguyện thứ ba của trẫm; giờ đây điều ấy đã được thành tựu cho trẫm. "Ước gì đức Thế Tôn ấy thuyết giảng giáo pháp cho ta!" Bạch Ngài, đó là điều ước nguyện thứ tư của trẫm; giờ đây điều ấy đã được thành tựu cho trẫm. "Ước gì ta có thể hiểu được giáo pháp của đức Thế Tôn ấy!" Bạch Ngài, đó là điều ước nguyện thứ năm của trẫm; giờ đây điều ấy đã được thành tựu cho trẫm. Bạch Ngài, trước đây khi còn là hoàng tử, trẫm đã có năm điều ước nguyện này; giờ đây các điều ấy đã được thành tựu cho trẫm.

7. Bạch Ngài, thật là tuyệt vời! Bạch Ngài, thật là tuyệt vời! Bạch Ngài, giống như người có thể lật ngửa vật đã được úp lại, mở ra vật đã bị che kín, chỉ đường cho kẻ lạc lối, đem lại cây đèn dầu nơi bóng tối [nghĩ rằng]: "Những người có mắt sẽ nhìn thấy được các hình dáng"; tương tợ như thế, pháp đã được đức Thế Tôn chỉ rõ bằng nhiều phương tiện. Bạch Ngài, trẫm đây xin đi đến nương nhờ đức Thế Tôn, Giáo pháp và Hội chúng Tỳ-khưu. Xin đức Thế Tôn chấp nhận trẫm là nam cư sĩ đã đi đến nương nhờ kể từ hôm nay cho đến trọn đời. Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn nhận lời trẫm về bữa thọ trai vào ngày mai cùng với hội chúng Tỳ-khưu.

Đức Thế Tôn đã nhận lời bằng thái độ im lặng.

8. Khi ấy, đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha hiểu được sự nhận lời của đức Thế Tôn nên đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiễu quanh rồi ra đi. Sau đó, khi trải qua đêm ấy, đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã cho người chuẩn bị thức ăn hảo hạng loại cứng, loại mềm rồi sai người thông báo thời giờ đến đức Thế Tôn: "Bạch Ngài, đã đến giờ, thức ăn đã chuẩn bị xong." Khi ấy vào buổi sáng, đức Thế Tôn đã mặc y, cầm y bát, đi vào thành Rājagaha cùng với đại chúng Tỳ-khưu gồm có một ngàn vị Tỳ-khưu, hết thảy tất cả đều là các đạo sĩ bện tóc trước đây. Vào lúc bấy giờ, chúa của chư thiên, Sakka đã biến thành hình dáng của người thanh niên đi phía trước hội chúng Tỳ-khưu có đức Phật đứng đầu, ngâm nga những lời kệ này:

9. "Vị đã tự rèn luyện, đã hoàn toàn giải thoát, cùng những vị trước đây là các đạo sĩ bện tóc [giờ] đã được rèn luyện, đã hoàn toàn giải thoát. Với sắc màu vàng khối, đức Thế Tôn đã đi vào thành Rājagaha.

Vị đã được thanh tịnh, đã hoàn toàn giải thoát, cùng những vị trước đây là các đạo sĩ bện tóc [giờ] đã được thanh tịnh, đã hoàn toàn giải thoát. Với sắc màu vàng khối, đức Thế Tôn đã đi vào thành Rājagaha.

Vị đã được tự do, đã hoàn toàn giải thoát, cùng những vị trước đây là các đạo sĩ bện tóc [giờ] đã được tự do, đã hoàn toàn giải thoát. Với sắc màu vàng khối, đức Thế Tôn đã đi vào thành Rājagaha.

Vị đã tự vượt qua, đã hoàn toàn giải thoát, cùng những vị trước đây là các đạo sĩ bện tóc [giờ] đã được vượt qua, đã hoàn toàn giải thoát. Với sắc màu vàng khối, đức Thế Tôn đã đi vào thành Rājagaha.

Đấng Thập Trú,[17] Thập Lực, bậc thông hiểu mười pháp[18] và đã thành đạt mười điều,[19] đức Thế Tôn ấy được tháp tùng bởi một ngàn vị, đã đi vào thành Rājagaha."

Dân chúng sau khi nhìn thấy chúa của chư thiên, Sakka đã nói như vầy: "Chàng thanh niên trẻ này thật đẹp trai! Chàng thanh niên trẻ này thật duyên dáng! Chàng thanh niên trẻ này thật đáng tin! Chàng thanh niên trẻ này là thuộc về ai vậy?" Khi được nói như thế, chúa của chư thiên, Sakka đã nói với đám người ấy bằng bài kệ này:

"Vị nào là bậc trí tuệ, đã được rèn luyện về mọi mặt, là vị trong sạch, không có đối thủ, là bậc A-la-hán, đấng Thiện Thệ ở thế gian, ta là người phục vụ cho vị ấy."

10. Sau đó, đức Thế Tôn đã đi đến tư dinh của đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha, sau khi đến đã ngồi xuống trên chỗ ngồi được sắp đặt sẵn cùng với hội chúng Tỳ-khưu. Khi ấy, đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã tự tay làm hài lòng và toại ý hội chúng Tỳ-khưu có đức Phật đứng đầu với thức ăn hảo hạng loại cứng, loại mềm. Đến khi đức Thế Tôn đã thọ thực xong, bàn tay đã rời khỏi bình bát, đức vua đã ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã khởi ý điều này: "Đức Thế Tôn nên ngụ ở nơi nào đây? Đối với Ngài, chỗ ấy không nên xa làng mạc lắm, cũng không quá gần, thuận tiện cho việc tới lui, dân chúng có thể đi đến mỗi khi có ước muốn, ban ngày không đông đảo, ban đêm ít âm thanh, ít tiếng ồn, gió bị hạn chế, tách biệt với dân chúng, thích hợp cho việc thiền tịnh." Rồi đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã khởi ý điều này: "Khu vườn Veḷuvana này của chúng ta là không xa làng mạc lắm, cũng không quá gần, thuận tiện cho việc tới lui, dân chúng có thể đi đến mỗi khi có ước muốn, ban ngày không đông đảo, ban đêm ít âm thanh, ít tiếng ồn, gió bị hạn chế, tách biệt với dân

---

[17] Đấng Thập Trú (Dasavāso): Là vị có sự cư trú trong 10 pháp của bậc Thánh. HT. Thích Minh Châu dịch là "Mười Thánh cư" (xin xem *Kinh Trường bộ*, *Kinh Phúng tụng*, phần 10 pháp, hoặc *Kinh Tăng chi bộ*, chương 10 pháp, phẩm 2).

[18] Thông hiểu mười pháp (*dasadhammavidū*): Là vị thông hiểu về 10 đường lối tạo nghiệp (liên quan đến thân có 3, liên quan đến khẩu có 4 và liên quan đến ý có 3).

[19] Thành đạt 10 điều (*dasabhi cupeto*): Là thành tựu 10 pháp của bậc Vô học gồm có: Chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh cần, chánh niệm, chánh định, chánh trí, chánh giải thoát (*Kinh Tăng chi bộ*, chương 10 pháp, phẩm 11). Ba điều này đã được triển khai dựa vào lời giải thích ngắn gọn của *Chú giải* (*VinA*. V. 973).

chúng, thích hợp cho việc thiền tịnh, hay là ta nên dâng khu vườn Veḷuvana đến hội chúng Tỳ-khưu có đức Phật đứng đầu?"

11. Sau đó, đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã cầm lấy bình nước làm bằng vàng rưới nước lên đức Thế Tôn [nói rằng]: "Bạch Ngài, trẫm dâng khu vườn Veḷuvana này đến hội chúng Tỳ-khưu có đức Phật đứng đầu." Đức Thế Tôn đã thọ lãnh khu vườn. Khi ấy, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi cho đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha bằng bài pháp thoại rồi đã từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: "Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [thọ nhận] khu vườn."

12. Vào lúc bấy giờ, vị du sĩ Sañjaya cư trú tại thành Rājagaha cùng với tập thể du sĩ đông đảo gồm có hai trăm năm mươi vị du sĩ. Vào lúc bấy giờ, Sāriputta và Moggallāna thực hành Phạm hạnh theo du sĩ Sañjaya. Họ đã giao ước với nhau rằng: "Người nào chứng đạt sự bất tử trước phải thông báo cho vị kia hay." Khi ấy vào buổi sáng, Đại đức Assaji đã mặc y, cầm y bát đi vào thành Rājagaha để khất thực. Vị ấy có mắt nhìn xuống, đã thành tựu các oai nghi, tạo được sự ngưỡng mộ khi đi tới bước lui, lúc nhìn ngắm, khi cử động co duỗi.

13. Du sĩ Sāriputta đã nhìn thấy Đại đức Assaji là vị có mắt nhìn xuống, đã thành tựu các oai nghi, tạo được sự ngưỡng mộ khi đi tới bước lui, lúc nhìn ngắm, khi cử động co duỗi, đang đi khất thực trong thành Rājagaha. Sau khi nhìn thấy, đã khởi ý điều này: "Đây chính là vị Tỳ-khưu trong số các vị thật sự là A-la-hán trên thế gian, hoặc là đã đạt được con đường đưa đến quả vị A-la-hán. Hay là ta nên đến gần vị Tỳ-khưu này và hỏi rằng: 'Thưa Đại đức, Đại đức đã được xuất gia có liên quan đến vị nào?' hoặc là 'Ai là thầy của Đại đức?' hoặc là 'Đại đức ưa thích pháp của vị nào?'"

14. Khi ấy, du sĩ Sāriputta đã khởi ý điều này: "Không phải lúc để hỏi vị Tỳ-khưu này, vị ấy đã đi vào xóm nhà và đang đi khất thực. Hay là ta nên đi sát theo sau vị Tỳ-khưu này là vị biết đạo lộ đang được học tập bởi những kẻ mong cầu sự lợi ích?" Sau đó, khi đã đi khất thực ở trong thành Rājagaha xong, Đại đức Assaji đã cầm lấy đồ ăn khất thực đi trở về. Khi ấy, du sĩ Sāriputta đã đi đến gần Đại đức Assaji, sau khi đến đã tỏ vẻ thân thiện với Đại đức Assaji, sau khi trao đổi lời xã giao thân thiện rồi đã đứng một bên. Khi đã đứng một bên, du sĩ Sāriputta đã nói với Đại đức Assaji điều này: "Thưa Đại đức, các giác quan của ngài thật thanh tịnh, màu sắc cơ thể thật trong sáng và thuần khiết. Thưa Đại đức, Đại đức đã được xuất gia có liên quan đến vị nào? Ai là thầy của Đại đức? Đại đức ưa thích pháp của vị nào?"

15. – Này đạo hữu, có vị Đại Sa-môn con trai dòng Sakya, từ dòng họ Sakya đã xuất gia. Ta đã được xuất gia có liên quan đến đức Thế Tôn ấy. Đức Thế Tôn ấy là Đạo sư của ta và ta ưa thích pháp của đức Thế Tôn ấy.

– Vị Đạo sư của Đại đức đã thuyết về điều gì? Đã giảng về điều gì?

– Này đạo hữu, ta là vị mới tu, được xuất gia chưa bao lâu, vừa mới đến với Pháp và Luật này, ta không thể thuyết giảng giáo pháp một cách chi tiết cho đạo hữu được; tuy nhiên, ta sẽ nói cho đạo hữu ý nghĩa một cách tóm tắt.

Khi ấy, du sĩ Sāriputta đã nói với Đại đức Assaji điều này:

– Thưa Đại đức, hãy là vậy đi. Xin hãy nói ít hoặc nhiều, xin hãy giảng thuần ý nghĩa cho tôi. Tôi chỉ cần ý nghĩa thôi, ngài nói nhiều từ làm chi?

Khi ấy, Đại đức Assaji đã nói với du sĩ Sāriputta lời dạy này thuộc về giáo pháp:

"*Các pháp nào có nguồn sanh khởi do nhân, đức Như Lai đã nói về nhân của chúng và về sự diệt tắt của chúng, bậc Đại Sa-môn đã có lời dạy như thế.*"

Sau đó, khi đã nghe được lời dạy thuộc về giáo pháp này thì pháp nhãn không nhiễm bụi trần, không vết nhơ đã sanh khởi đến du sĩ Sāriputta: "Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt."

"Đây chính là giáo pháp, nếu chỉ bấy nhiêu thôi mà đã thấu triệt được Niết-bàn không sầu muộn [là pháp] đã không được nhìn thấy, đã trôi qua hàng vạn kiếp."

16. Sau đó, du sĩ Sāriputta đã đi đến gặp du sĩ Moggallāna. Du sĩ Moggallāna đã nhìn thấy du sĩ Sāriputta từ đàng xa đang đi lại, sau khi nhìn thấy đã nói với du sĩ Sāriputta điều này:

– Này bạn, các giác quan của bạn thật thanh tịnh, màu sắc cơ thể thật trong sáng và thuần khiết. Này bạn, chắc hẳn là bạn đã chứng đạt sự bất tử?

– Này bạn, đúng vậy. Tôi đã chứng đạt sự bất tử.

– Này bạn, bạn đã chứng đạt sự bất tử bằng cách như thế nào?

– Này bạn, ở đây, tôi đã nhìn thấy vị Tỳ-khưu Assaji là vị có mắt nhìn xuống, đã thành tựu các oai nghi, tạo được sự ngưỡng mộ khi đi tới bước lui, lúc nhìn ngắm, khi cử động co duỗi, đang đi khất thực trong thành Rājagaha. Sau khi nhìn thấy, đã khởi ý điều này: "Đây chính là vị Tỳ-khưu trong số các vị thật sự là A-la-hán trên thế gian, hoặc là đã đạt được con đường đưa đến quả vị A-la-hán. Hay là ta nên đến gần vị Tỳ-khưu này và hỏi rằng: 'Thưa Đại đức, Đại đức đã được xuất gia có liên quan đến vị nào?' hoặc là 'Ai là thầy của Đại đức?' hoặc là 'Đại đức ưa thích pháp của vị nào?'" Này bạn, khi ấy, tôi đây đã khởi ý điều này: "Không phải lúc để hỏi vị Tỳ-khưu này, vị ấy đã đi vào xóm nhà và đang đi khất thực, hay là ta nên đi sát theo sau vị Tỳ-khưu này là vị biết đạo lộ đang được học tập bởi những kẻ mong cầu sự lợi ích?"

17. Này bạn, sau khi đi khất thực ở trong thành Rājagaha xong, vị Tỳ-khưu Assaji đã cầm lấy đồ ăn khất thực đi trở về. Này bạn, khi ấy, tôi đã đi đến gần vị Tỳ-khưu Assaji, sau khi đến đã tỏ vẻ thân thiện với vị Tỳ-khưu Assaji, sau khi trao đổi lời xã giao thân thiện rồi đã đứng một bên. Này bạn, khi đã đứng một

bên, tôi đã nói với vị Tỳ-khưu Assaji điều này: "Thưa Đại đức, các giác quan của ngài thật thanh tịnh, màu sắc cơ thể thật trong sáng và thuần khiết. Thưa Đại đức, Đại đức đã được xuất gia có liên quan đến vị nào? Ai là thầy của Đại đức? Đại đức ưa thích pháp của vị nào?"

"Này đạo hữu, có vị Đại Sa-môn con trai dòng Sakya, từ dòng họ Sakya đã xuất gia. Ta đã được xuất gia có liên quan đến đức Thế Tôn ấy. Đức Thế Tôn ấy là Đạo sư của ta và ta ưa thích pháp của đức Thế Tôn ấy."

"Vị Đạo sư của Đại đức đã thuyết về điều gì? Đã giảng về điều gì?"

"Này đạo hữu, ta là vị mới tu, được xuất gia chưa bao lâu, vừa mới đến với Pháp và Luật này, ta không thể thuyết giảng giáo pháp một cách chi tiết cho đạo hữu được; tuy nhiên, ta sẽ nói cho đạo hữu ý nghĩa một cách tóm tắt."

"Xin hãy nói ít hoặc nhiều, xin hãy giảng thuần ý nghĩa cho tôi. Tôi chỉ cần ý nghĩa thôi, ngài nói nhiều từ làm chi?"

Này bạn, khi ấy, vị Tỳ-khưu Assaji đã nói với tôi lời dạy khái quát về giáo pháp:

"Các pháp nào có nguồn sanh khởi do nhân, đức Như Lai đã nói về nhân của chúng và về sự diệt tắt của chúng, bậc Đại Sa-môn đã có lời dạy như thế."

Sau đó, khi đã nghe được lời dạy khái quát này về giáo pháp thì pháp nhãn không nhiễm bụi trần, không vết nhơ đã sanh khởi đến du sĩ Moggallāna: "Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt."

"*Đây chính là giáo pháp, nếu chỉ bấy nhiêu thôi mà đã thấu triệt được Niết-bàn không sầu muộn [là pháp] đã không được nhìn thấy, đã trôi qua hàng vạn kiếp.*"

18. Sau đó, du sĩ Moggallāna đã nói với du sĩ Sāriputta điều này:

– Này bạn, chúng ta hãy đi đến với đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn ấy là bậc Đạo sư của chúng ta.

– Này bạn, hai trăm năm mươi du sĩ này sống ở đây đang nương tựa vào chúng ta và đang trông nom chúng ta, chúng ta hãy thông báo đến các vị ấy, các vị suy tính như thế nào thì các vị sẽ làm như thế ấy.

19. Sau đó, Sāriputta và Moggallāna đã đi đến gặp các vị du sĩ ấy, sau khi đến đã nói với các vị du sĩ ấy điều này:

– Này các đạo hữu, chúng tôi đi đến với đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn ấy là bậc Đạo sư của chúng tôi.

– Chúng tôi sống ở đây nương tựa vào các Đại đức và đang trông nom các Đại đức, nếu các Đại đức sẽ thực hành Phạm hạnh theo vị Đại Sa-môn hết thảy tất cả chúng tôi sẽ thực hành Phạm hạnh theo vị Đại Sa-môn.

Sau đó, Sāriputta và Moggallāna đã đi đến gặp du sĩ Sañjaya, sau khi đến đã nói với du sĩ Sañjaya điều này:

– Này Đại đức, chúng tôi đi đến với đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn ấy là bậc Đạo sư của chúng tôi.

– Này các Đại đức, thôi đủ rồi. Chớ có đi. Chính tất cả ba chúng ta sẽ quản trị nhóm người này.

Đến lần thứ nhì, ...(nt)... Đến lần thứ ba, Sāriputta và Moggallāna đã nói với du sĩ Sañjaya điều này:

– Này Đại đức, chúng tôi đi đến với đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn ấy là bậc Đạo sư của chúng tôi.

– Này các Đại đức, thôi đủ rồi. Chớ có đi. Chính tất cả ba chúng ta sẽ quản trị nhóm người này.

20. Sau đó, Sāriputta và Moggallāna đã đưa hai trăm năm mươi du sĩ ấy đi đến Veḷuvana. Về phần du sĩ Sañjaya, ngay tại chỗ ấy máu nóng đã ứa ra từ miệng.

Đức Thế Tôn đã nhìn thấy Sāriputta và Moggallāna từ đàng xa đang đi lại, sau khi nhìn thấy, đã bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, họ là hai người bạn, Kolita và Upatissa, đang đi đến. Họ sẽ trở thành một cặp đệ tử của Ta, một cặp [đệ tử] xuất sắc, đứng đầu.

Khi hai vị có lãnh vực trí tuệ thâm sâu, [đã chứng] Niết-bàn vô thượng, đã được giải thoát, còn chưa đến được Veḷuvana, bậc Đạo sư đã nói với các vị [Tỳ-khưu] ấy rằng: "Họ là hai người bạn, Kolita và Upatissa, đang đi đến. Họ sẽ trở thành một cặp đệ tử của Ta, một cặp [đệ tử] xuất sắc, đứng đầu."

21. Sau đó, Sāriputta và Moggallāna đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã quỳ xuống đê đầu đảnh lễ ở hai bàn chân của đức Thế Tôn và đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, chúng con có thể xuất gia trong sự hiện diện của đức Thế Tôn không? Chúng con có thể tu lên bậc trên không?

Đức Thế Tôn đã nói rằng:

– Này các Tỳ-khưu, hãy đến! Pháp đã khéo được thuyết giảng, hãy thực hành Phạm hạnh một cách đúng đắn để chấm dứt khổ đau.

Chính lời nói ấy đã là sự tu lên bậc trên của các Đại đức ấy.

22. Vào lúc bấy giờ, những người con trai gia đình danh giá ở xứ Magadha là những người có nhiều tiếng tăm thực hành Phạm hạnh theo đức Thế Tôn. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Sa-môn Gotama đã tạo ra khuynh hướng không con cái, Sa-môn Gotama đã gây nên cảnh vợ không chồng, Sa-môn Gotama đã gây nên sự đổ vỡ của các gia đình. Hiện nay, cùng với ông ta, một ngàn vị đạo sĩ bện tóc đã xuất gia, hai trăm năm mươi du sĩ này của Sañjaya đã xuất gia, và những người con trai gia đình danh giá này ở xứ Magadha là những người có nhiều tiếng tăm đang thực hành Phạm hạnh theo Sa-môn Gotama." Hơn nữa, khi gặp các vị Tỳ-khưu họ đã quở trách bằng bài kệ này:

"Quả là vị Đại Sa-môn đã đi đến thành Giribbaja thuộc xứ Magadha. Sau khi đã dẫn đi toàn bộ, Sañjaya giờ đây sẽ dẫn người nào đi?"

23. Các Tỳ-khưu đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, tiếng đồn đãi ấy sẽ không tồn tại lâu, sẽ tồn tại chỉ được bảy ngày, khi trải qua bảy ngày thì sẽ biến mất. Này các Tỳ-khưu, chính vì việc ấy, những người nào quở trách các ngươi bằng bài kệ này:

"Quả là vị Đại Sa-môn đã đi đến thành Giribbaja thuộc xứ Magadha. Sau khi đã dẫn đi toàn bộ, Sañjaya giờ đây sẽ dẫn người nào đi?"

Các ngươi hãy quở trách lại họ bằng bài kệ này:

"Đúng vậy, các bậc Đại Hùng, các đức Như Lai dẫn dắt bằng Chánh pháp. Những người có sự nhận thức thì có điều ganh tị gì với những vị đang dẫn đi bằng Chánh pháp?"

Vào lúc bấy giờ, dân chúng khi gặp các vị Tỳ-khưu đã quở trách bằng bài kệ này:

"Quả là vị Đại Sa-môn đã đi đến thành Giribbaja thuộc xứ Magadha. Sau khi đã dẫn đi toàn bộ, Sañjaya giờ đây sẽ dẫn người nào đi?"

Các vị Tỳ-khưu đã quở trách lại những người ấy bằng bài kệ này:

"Đúng vậy, các bậc Đại Hùng, các đức Như Lai dẫn dắt bằng Chánh pháp. Những người có sự nhận thức thì có điều ganh tị gì với những vị đang dẫn đi bằng Chánh pháp?"

24. Dân chúng nghĩ rằng: "Nghe nói các Sa-môn Thích tử dẫn dắt bằng Chánh pháp không phải bằng phi Pháp." Tiếng đồn ấy đã tồn tại chỉ có bảy ngày, sau khi trải qua bảy ngày, đã biến mất.

Dứt sự xuất gia của Sāriputta và Moggallāna.
Dứt tụng phẩm thứ tư.

*****

1. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu không có thầy tế độ, trong khi không được giáo huấn và không được giảng dạy nên mặc y luộm thuộm, trùm y luộm thuộm, hoàn toàn không đúng quy cách rồi đi khất thực. Trong khi dân chúng đang ăn, các vị đưa ra bình bát đã mở ở phía trên thức ăn loại mềm; các vị đưa ra bình bát đã mở ở phía trên thức ăn loại cứng; các vị đưa ra bình bát đã mở ở phía trên thức ăn có hương vị; các vị đưa ra bình bát đã mở ở phía trên thức uống; các vị còn tự mình yêu cầu súp và cơm rồi thọ thực; các vị sống gây nên sự náo nhiệt, sự ồn ào ở trong nhà ăn.

2. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Sa-môn Thích tử lại mặc y luộm thuộm, trùm y luộm thuộm, hoàn toàn không đúng quy cách rồi đi khất thực? Trong khi dân chúng đang ăn, các vị lại đưa ra bình bát đã mở

ở phía trên thức ăn loại mềm; các vị lại đưa ra bình bát đã mở ở phía trên thức ăn loại cứng; các vị lại đưa ra bình bát đã mở ở phía trên thức ăn có hương vị; các vị lại đưa ra bình bát đã mở ở phía trên thức uống; các vị còn tự mình yêu cầu súp và cơm rồi thọ thực; các vị sống gây nên sự náo nhiệt, sự ồn ào ở trong nhà ăn giống như các Bà-la-môn trong bữa ăn của các Bà-la-môn vậy?"

3. Các Tỳ-khưu đã nghe được dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, tự biết đủ, khiêm tốn, có hối hận, ưa thích sự học tập, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các vị Tỳ-khưu lại mặc y luộm thuộm, trùm y luộm thuộm, hoàn toàn không đúng quy cách rồi đi khất thực? Trong khi dân chúng đang ăn, các vị lại đưa ra bình bát đã mở ở phía trên thức ăn loại mềm; các vị lại đưa ra bình bát đã mở ở phía trên thức ăn loại cứng; các vị lại đưa ra bình bát đã mở ở phía trên thức ăn có hương vị; các vị lại đưa ra bình bát đã mở ở phía trên thức uống; các vị còn tự mình yêu cầu súp và cơm rồi thọ thực; các vị sống gây nên sự náo nhiệt, sự ồn ào ở trong nhà ăn vậy?" Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

4. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng Tỳ-khưu lại và đã hỏi các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu mặc y luộm thuộm, trùm y luộm thuộm, hoàn toàn không đúng quy cách rồi đi khất thực? Trong khi dân chúng đang ăn, các vị đưa ra bình bát đã mở ở phía trên thức ăn loại mềm; các vị đưa ra bình bát đã mở ở phía trên thức ăn loại cứng; các vị đưa ra bình bát đã mở ở phía trên thức ăn có hương vị; các vị đưa ra bình bát đã mở ở phía trên thức uống; các vị còn tự mình yêu cầu súp và cơm rồi thọ thực; các vị sống gây nên sự náo nhiệt, sự ồn ào ở trong nhà ăn, có đúng không vậy?

5. – Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– Này các Tỳ-khưu, thật không đúng đắn cho những kẻ rồ dại ấy, thật không hợp lẽ, không thích đáng, không xứng pháp Sa-môn, không được phép, không nên làm! Này các Tỳ-khưu, vì sao những kẻ rồ dại ấy lại mặc y luộm thuộm, trùm y luộm thuộm, hoàn toàn không đúng quy cách rồi đi khất thực? Trong khi dân chúng đang ăn, các vị lại đưa ra bình bát đã mở ở phía trên thức ăn loại mềm; các vị lại đưa ra bình bát đã mở ở phía trên thức ăn loại cứng; các vị lại đưa ra bình bát đã mở ở phía trên thức ăn có hương vị; các vị lại đưa ra bình bát đã mở ở phía trên thức uống; các vị còn tự mình yêu cầu súp và cơm rồi thọ thực; các vị sống gây nên sự náo nhiệt, sự ồn ào ở trong nhà ăn? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, hay làm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin. Này các Tỳ-khưu, hơn nữa, chính sự việc này đem lại sự không có niềm tin ở những kẻ chưa có đức tin và làm thay đổi [niềm tin] của một số người đã có đức tin.

6.[20] Sau đó, khi đã khiển trách các vị Tỳ-khưu ấy bằng nhiều phương thức, đức Thế Tôn đã chê trách về sự khó khăn trong việc cấp dưỡng, sự khó khăn trong việc ăn uống, sự tầm cầu quá nhiều, sự không biết đủ, sự kết phe nhóm, sự biếng nhác; và bằng nhiều phương thức, Ngài đã ngợi khen về sự dễ dàng trong việc cấp dưỡng, sự dễ dàng trong việc ăn uống, sự ít tầm cầu, sự biết đủ, sự từ khước, sự tiết chế, sự hài hòa, sự đoạn giảm, sự ra sức tinh tấn. Ngài đã nói pháp thoại thích đáng và phù hợp cho các Tỳ-khưu rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vị thầy tế độ. Này các Tỳ-khưu, vị thầy tế độ sẽ gợi lên ở người đệ tử[21] tâm của người con và người đệ tử sẽ gợi lên ở vị thầy tế độ tâm của người cha. Như thế, trong khi sống cùng nhau, có sự tôn kính, có sự phục tùng, có sự cư xử hài hòa với nhau, họ sẽ đạt đến sự lớn mạnh, sự tăng trưởng, sự phát triển trong Pháp và Luật này.

Và này các Tỳ-khưu, vị thầy tế độ nên được xác định như vầy: [Người đệ tử] nên đắp thượng y một bên vai, đảnh lễ ở chân, ngồi chồm hổm, chắp tay lên và nên nói như vầy: "Bạch ngài, xin ngài hãy là thầy tế độ của con. Bạch ngài, xin ngài hãy là thầy tế độ của con. Bạch ngài, xin ngài hãy là thầy tế độ của con." [Vị thầy tế độ nên nói rằng:] "Tốt rồi!" hay là "Được nhẹ nhàng rồi!" hay là "Đúng rồi!" hay là "Được phù hợp rồi!" hay là "Hãy làm cho thành tựu với sự hoan hỷ!" [Nếu] vị [thầy tế độ] bày tỏ bằng thân, bày tỏ bằng lời nói, bày tỏ bằng thân và lời nói thì vị thầy tế độ đã được xác định. [Nếu] vị ấy không bày tỏ bằng thân, không bày tỏ bằng lời nói, không bày tỏ bằng thân và lời nói, vị thầy tế độ đã không được xác định.

9. Này các Tỳ-khưu, người đệ tử nên thực hành bổn phận đúng đắn đối với vị thầy tế độ. Đây là bổn phận đúng đắn trong trường hợp này: Nên thức dậy vào lúc sáng sớm, cởi dép ra, đắp thượng y một bên vai, rồi nên dâng gỗ chà răng, nên dâng nước súc miệng và nên sắp xếp chỗ ngồi. Nếu có cháo, nên rửa tô rồi đem cháo lại. Khi thầy đã uống cháo xong, nên dâng nước, nên nhận lại tô, để ở chỗ thấp, rửa một cách cẩn thận, không làm trầy, rồi đem cất.

10. Khi thầy tế độ đã đứng dậy, nên thu xếp chỗ ngồi. Nếu khu vực ấy có rác bẩn thì nên quét khu vực ấy. Nếu thầy tế độ có ý định đi vào làng, nên trao y lót trong, nên nhận lại y lót trong [đã thay đổi], nên trao dây thắt lưng, nên gấp y hai lớp thành nếp rồi dâng lên, nên trao bình bát còn đẫm nước sau khi đã rửa sạch. Nếu thầy tế độ muốn có vị Sa-môn hầu cận đi theo, [người đệ tử] nên mặc y nội tròn đều với sự che phủ ba vòng tròn, buộc dây thắt lưng, gấp y hai lớp thành nếp rồi đắp lên, thắt lại dây buộc, rửa bình bát và cầm lấy, rồi nên đi theo làm vị Sa-môn hầu cận cho thầy tế độ. Không nên đi quá xa, không nên đi quá gần. Nên nhận lấy bình bát được [vị thầy] hoán đổi.

---

[20] Do đánh số nhầm từ bản gốc Pāli (không có số 7, 8) nên dịch giả giữ nguyên số lại như vậy để dễ đối chiếu (BBT).

[21] *Saddhivihārika* dịch sát theo từ là "vị sống chung trú xá."

11. Khi thầy tế độ đang nói, không nên cắt ngang lời nói nửa chừng. Khi thầy tế độ có khả năng phạm tội lúc đang nói thì nên ngăn lại. Khi quay trở về, nên đi về trước tiên và sắp xếp chỗ ngồi. Nên đem lại nước rửa chân, ghế kê chân, tấm chà chân. Nên đi ra rước y và bình bát. Nên trao y lót trong [trước đây], nên nhận lại y lót trong [mặc lúc đi]. Nếu y bị thấm mồ hôi, nên phơi ở chỗ nắng trong chốc lát. Và không nên để luôn y ở chỗ nắng, nên gấp y lại. Trong khi gấp y nên lùi phần góc vào bốn ngón tay rồi gấp y lại [nghĩ rằng]: "Không nên để nếp gấp ở phần chính giữa."[22] Nên đặt dây thắt lưng ở phần y đã gấp lại.

12. Nếu có đồ ăn khất thực và thầy tế độ có ý muốn thọ dụng thì nên dâng nước [rửa] rồi đem đồ ăn khất thực lại. Nên hỏi ý thầy tế độ về nước uống. Khi thầy ăn xong nên dâng nước [rửa], nên nhận lại bình bát, để ở chỗ thấp, rửa một cách cẩn thận, không làm trầy, nên làm ráo nước, rồi đem phơi ở chỗ nắng trong chốc lát. Và không nên để luôn bình bát ở chỗ nắng. Nên đem cất y và bình bát. Trong khi đặt bình bát xuống, nên dùng một tay ôm bình bát, tay kia sờ ở phía dưới giường hoặc phía dưới ghế rồi nên đặt bình bát xuống. Và không nên đặt bình bát trên mặt đất không được trải lót. Trong khi máng y, nên dùng một tay cầm y, tay kia vuốt sào treo y hoặc dây phơi y, nên để mép y phía bên kia, còn chỗ gấp y lại ở bên này, rồi máng y xuống.

13. Khi thầy tế độ đã đứng dậy, nên thu xếp chỗ ngồi. Nên dọn dẹp nước rửa chân, ghế kê chân, tấm chà chân. Nếu khu vực ấy có rác bẩn thì nên quét khu vực ấy. Nếu thầy tế độ có ý muốn tắm, nên chuẩn bị việc tắm. Nếu có nhu cầu về nước lạnh, nên chuẩn bị nước lạnh; nếu có nhu cầu về nước nóng, nên chuẩn bị nước nóng.

14. Nếu thầy tế độ có ý muốn đi vào nhà tắm hơi, nên trộn bột tắm, nên tẩm ướt đất sét. Nên lấy ghế ngồi của nhà tắm hơi rồi đi đến từ phía sau lưng và trao ghế ngồi của nhà tắm hơi cho thầy tế độ, nên nhận lấy y và để xuống một bên, nên trao bột tắm, nên trao đất sét. Nếu có nỗ lực, nên đi vào nhà tắm hơi. Trong khi đi vào nhà tắm hơi, nên thoa đất sét lên mặt, nên che kín cả phía trước lẫn phía sau rồi đi vào nhà tắm hơi. Không nên chen vào [chỗ] các Tỳ-khưu trưởng lão rồi ngồi xuống. Không nên xua đuổi các Tỳ-khưu mới tu khỏi chỗ ngồi. Ở trong nhà tắm hơi nên kỳ cọ cho thầy tế độ. Trong khi rời khỏi nhà tắm hơi, nên cầm lấy cái ghế ngồi của nhà tắm hơi, nên che kín cả phía trước lẫn phía sau rồi rời khỏi nhà tắm hơi.

15. Lúc ở trong nước nên kỳ cọ cho thầy tế độ. Khi đã tắm xong nên đi ra [khỏi nước] trước tiên, nên lau khô nước ở thân thể của mình, quấn y lại, rồi nên lau khô nước ở thân thể của thầy tế độ. Nên trao y lót trong. Nên trao y hai lớp. Nên cầm lấy ghế ngồi của nhà tắm hơi, đi về trước và sắp xếp chỗ ngồi. Nên

[22] Nếu gấp đôi y lại sẽ có đường gấp ở chính giữa, và trong khi thường xuyên làm như vậy thì phần chính giữa này sẽ bị sờn. Cách gấp y như vầy để hạn chế điều ấy (*VinA*. V. 979).

đem lại nước rửa chân, ghế kê chân, tấm chà chân. Nên hỏi ý thầy tế độ về nước uống. Nếu có ý muốn thỉnh [thầy] đọc tụng, nên thỉnh [thầy] đọc tụng. Nếu có ý muốn hỏi đạo thì có thể hỏi đạo.

16. Ở trú xá nào thầy tế độ cư ngụ, nếu trú xá ấy có rác bẩn, nếu có nỗ lực thì nên làm sạch sẽ. Trong khi làm sạch sẽ trú xá, trước tiên nên đem y bát ra ngoài rồi để xuống ở một góc; nên đem vật lót ngồi và tấm trải nằm ra ngoài rồi để xuống ở một góc; nên đem nệm gối ra ngoài rồi để xuống ở một góc; nên hạ thấp cái giường rồi đem ra ngoài một cách khéo léo, không làm trầy [mặt đất], không va chạm vào cánh cửa lớn và khung cửa rồi để xuống ở một góc; nên hạ thấp cái ghế rồi đem ra ngoài một cách khéo léo, không làm trầy [mặt đất], không va chạm vào cánh cửa lớn và khung cửa rồi để xuống ở một góc, nên đem khung giường ra ngoài rồi để xuống ở một góc.

17. Nên đem ống nhổ ra ngoài rồi để xuống ở một góc, nên đem tấm ván kê đầu ra ngoài rồi để xuống ở một góc, nên xem xét tấm trải nền được xếp đặt như thế nào rồi đem ra ngoài và để xuống ở một góc. Nếu ở trú xá có mạng nhện, trước tiên nên gỡ xuống khỏi tấm màn che, nên lau chùi các lỗ thông gió và các hốc kẹt. Nếu tường được sơn màu đỏ bị đốm loang lổ, nên thấm khăn ướt chà xát mạnh rồi lau sạch. Nếu nền được sơn màu đen bị đốm loang lổ, nên thấm khăn ướt chà xát mạnh rồi lau sạch. Nếu phần nền không được thực hiện, nên rưới nước rồi quét [nghĩ rằng]: "Không nên để trú xá bị tràn ngập bụi bặm."

18. Sau khi gom rác lại rồi nên đem đổ bỏ ở một góc. Sau khi phơi nắng tấm trải nền, nên làm sạch sẽ, đập giũ rồi đem vào trong và sắp đặt như đã được sắp đặt [trước đây]. Sau khi phơi nắng khung giường, nên lau chùi rồi đem vào trong và để lại ở vị trí như cũ. Sau khi phơi nắng giường, nên làm sạch sẽ, đập giũ, hạ thấp xuống rồi đem vào trong một cách khéo léo, không làm trầy [mặt đất], không va chạm vào cánh cửa lớn và khung cửa rồi sắp đặt như đã được sắp đặt [trước đây]. Sau khi phơi nắng ghế, nên làm sạch sẽ, đập giũ, hạ thấp xuống rồi đem vào trong một cách khéo léo, không làm trầy [mặt đất], không va chạm vào cánh cửa lớn và khung cửa rồi sắp đặt như đã được sắp đặt [trước đây]. Sau khi phơi nắng nệm gối, nên làm sạch sẽ, đập giũ rồi đem vào trong và sắp đặt như đã được sắp đặt [trước đây]. Sau khi phơi nắng vật lót ngồi và tấm trải nằm, nên làm sạch sẽ, đập giũ rồi đem vào trong và sắp đặt như đã được sắp đặt [trước đây]. Sau khi phơi nắng ống nhổ, nên lau chùi rồi đem vào trong và để lại ở vị trí như cũ. Sau khi phơi nắng tấm ván kê đầu, nên lau chùi rồi đem vào trong và để lại ở vị trí như cũ.

19. Nên đem cất y và bình bát. Trong khi đặt bình bát xuống, nên dùng một tay ôm bình bát, tay kia sờ ở phía dưới giường hoặc phía dưới ghế rồi nên đặt bình bát xuống. Không nên đặt bình bát trên mặt đất không được trải lót. Trong khi máng y, nên dùng một tay cầm y, tay kia vuốt sào treo y hoặc dây phơi y, nên để mép y phía bên kia, còn chỗ gấp y lại ở bên này, rồi máng y xuống.

20. Nếu các cơn gió có bụi thổi từ hướng Đông, các cửa sổ hướng Đông nên được khép lại. Nếu các cơn gió có bụi thổi từ hướng Tây, các cửa sổ hướng Tây nên được khép lại. Nếu các cơn gió có bụi thổi từ hướng Bắc, các cửa sổ hướng Bắc nên được khép lại. Nếu các cơn gió có bụi thổi từ hướng Nam, các cửa sổ hướng Nam nên được khép lại. Nếu thời tiết lạnh, các cửa sổ nên mở ra vào ban ngày và khép lại vào ban đêm. Nếu thời tiết nóng, các cửa sổ nên khép lại vào ban ngày và mở ra vào ban đêm.

21. Nếu phòng có rác bẩn, nên quét phòng. Nếu cổng có rác bẩn, nên quét cổng. Nếu phòng hội họp có rác bẩn, nên quét phòng hội họp. Nếu nhà để đốt lửa có rác bẩn, nên quét nhà để đốt lửa. Nếu nhà vệ sinh có rác bẩn, nên quét nhà vệ sinh. Nếu nước uống không có, nên đem nước uống lại. Nếu nước rửa không có, nên đem nước rửa lại. Nếu hũ nước súc miệng không có nước, nên đổ nước vào hũ nước súc miệng.

22. Nếu sự bực bội sanh khởi ở thầy tế độ, người đệ tử nên làm cho dịu đi, hoặc nhờ vị khác làm cho dịu đi, hoặc nên tiến hành việc giảng pháp cho vị thầy. Nếu nỗi nghi hoặc sanh khởi ở thầy tế độ, người đệ tử nên làm cho tan biến, hoặc nhờ vị khác làm cho tan biến, hoặc nên tiến hành việc giảng pháp cho vị thầy. Nếu tà kiến sanh khởi ở thầy tế độ, người đệ tử nên phân giải, hoặc nhờ vị khác phân giải, hoặc nên tiến hành việc giảng pháp cho vị thầy.

23. Nếu thầy tế độ bị phạm tội nặng, xứng đáng hình phạt *Parivāsa*, người đệ tử nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để hội chúng có thể ban hình phạt *Parivāsa* cho thầy tế độ?"

24. Nếu thầy tế độ xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu, người đệ tử nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để hội chúng có thể đưa thầy tế độ về lại [hình phạt] ban đầu?"

25. Nếu thầy tế độ xứng đáng hình phạt *Mānatta*, người đệ tử nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để hội chúng có thể ban hình phạt *Mānatta* cho thầy tế độ?"

26. Nếu thầy tế độ xứng đáng sự giải tội, người đệ tử nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để hội chúng có thể giải tội cho thầy tế độ?"

27. Nếu hội chúng có ý định thực hiện hành sự khiển trách, hoặc chỉ dạy, hoặc xua đuổi, hoặc hòa giải, hoặc án treo đối với thầy tế độ, người đệ tử nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để hội chúng có thể khỏi thực hiện hành sự đối với thầy tế độ, hoặc đổi thành nhẹ hơn?" Khi hội chúng đã thực hiện hành sự khiển trách, hoặc chỉ dạy, hoặc xua đuổi, hoặc hòa giải, hoặc án treo đối với thầy tế độ, người đệ tử nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để thầy tế độ có thể làm bổn phận một cách nghiêm chỉnh, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi và hội chúng có thể thu hồi hành sự này?"

28. Nếu y của thầy tế độ cần phải giặt, người đệ tử nên giặt hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để y của thầy tế độ được giặt?" Nếu y của thầy tế

độ cần phải may, người đệ tử nên may hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để y của thầy tế độ được may?" Nếu thuốc nhuộm của thầy tế độ cần phải nấu, người đệ tử nên nấu hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để thuốc nhuộm của thầy tế độ được nấu?" Nếu y của thầy tế độ cần phải nhuộm, người đệ tử nên nhuộm hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để y của thầy tế độ được nhuộm?" Trong khi nhuộm y, nên nhuộm bằng cách đảo tới đảo lui cho khéo léo, không nên bỏ đi khi nước nhỏ giọt chưa ngừng.

29. Không có phép của thầy tế độ, không nên cho bình bát đến người khác, không nên thọ lãnh bình bát của người khác, không nên cho y đến người khác, không nên thọ lãnh y của người khác, không nên cho vật dụng đến người khác, không nên thọ lãnh vật dụng của người khác, không nên cạo tóc cho người khác, không nên bảo người khác cạo tóc, không nên kỳ cọ người khác, không nên bảo người khác kỳ cọ, không nên hầu hạ người khác, không nên bảo người khác hầu hạ, không nên làm Sa-môn hầu cận cho người khác, không nên nhận người khác làm Sa-môn hầu cận, không nên mang đồ ăn khất thực lại giùm người khác, không nên nhờ người khác mang giùm đồ ăn khất thực lại.

30. Chưa xin phép thầy tế độ, không nên đi vào làng, không nên đi đến mộ địa, không nên bỏ đi hướng khác. Nếu thầy tế độ bị bệnh nên phục vụ cho đến trọn đời, nên chờ đợi [đến khi] vị ấy có sự hồi phục.

Dứt phận sự đối với thầy tế độ.

*****

1. Này các Tỳ-khưu, vị thầy tế độ nên thực hành bổn phận đúng đắn đối với người đệ tử. Đây là bổn phận đúng đắn trong trường hợp này: Này các Tỳ-khưu, thầy tế độ nên quan tâm đến người đệ tử, nên giúp đỡ bằng sự đọc tụng, bằng sự vấn hỏi, bằng sự giáo huấn, bằng sự giảng dạy.

2. Nếu thầy tế độ có bình bát và người đệ tử không có bình bát, thầy tế độ nên cho bình bát đến người đệ tử, hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để bình bát có thể phát sanh đến đệ tử?"

3. Nếu thầy tế độ có y và người đệ tử không có y, thầy tế độ nên cho y đến người đệ tử, hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để y có thể phát sanh đến đệ tử?"

4. Nếu thầy tế độ có vật dụng và người đệ tử không có vật dụng, thầy tế độ nên cho vật dụng đến người đệ tử, hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để vật dụng có thể phát sanh đến đệ tử?"

5. Nếu người đệ tử bị bệnh, [vị thầy tế độ] nên thức dậy vào lúc sáng sớm. Nên trao gỗ chà răng. Nên trao nước súc miệng. Nên sắp xếp chỗ ngồi. Nếu có cháo, nên rửa tô rồi đem cháo lại. Khi người đệ tử đã uống cháo xong, nên trao nước [rửa], nên nhận lại tô, để ở chỗ thấp, rửa một cách cẩn thận, không làm

trầy, rồi đem cất. Khi người đệ tử đã đứng dậy, nên thu xếp chỗ ngồi. Nếu khu vực ấy có rác bẩn thì nên quét khu vực ấy.

6. Nếu người đệ tử có ý định đi vào làng, nên trao y lót trong, nên nhận lại y lót trong [đã thay đổi], nên trao dây thắt lưng, nên gấp y hai lớp thành nếp rồi trao cho. Nên trao bình bát còn đẫm nước sau khi đã rửa sạch. [Nghĩ rằng]: "Đến lúc vị ấy sắp trở về", nên sắp xếp chỗ ngồi. Nên đem lại nước rửa chân, ghế kê chân, tấm chà chân. Nên đi ra rước y và bình bát. Nên trao y lót trong [trước đây], nên nhận lại y lót trong [mặc lúc đi]. Nếu y bị thấm mồ hôi, nên phơi ở chỗ nắng trong chốc lát. Và không nên để luôn y ở chỗ nắng. Nên gấp y lại. Trong khi gấp y nên lùi phần góc vào bốn ngón tay rồi gấp y lại [nghĩ rằng]: "Không nên để nếp gấp ở phần chính giữa." Nên đặt dây thắt lưng ở phần y đã gấp lại.

7. Nếu có đồ ăn khất thực và người đệ tử có ý muốn thọ dụng thì nên trao nước [rửa] rồi đem đồ ăn khất thực lại. Nên hỏi ý người đệ tử về nước uống. Khi người đệ tử ăn xong, nên trao nước [rửa]. Nên nhận lại bình bát, để ở chỗ thấp, rửa một cách cẩn thận, không làm trầy, nên làm ráo nước, rồi đem phơi ở chỗ nắng trong chốc lát. Và không nên để luôn bình bát ở chỗ nắng.

8. Nên đem cất y và bình bát. Trong khi đặt bình bát xuống, nên dùng một tay ôm bình bát, tay kia sờ ở phía dưới giường hoặc phía dưới ghế rồi nên đặt bình bát xuống, không nên đặt bình bát trên mặt đất không được trải lót. Trong khi máng y, nên dùng một tay cầm y, tay kia vuốt sào treo y hoặc dây phơi y, nên để mép y phía bên kia, còn chỗ gấp y lại ở bên này, rồi máng y xuống.

9. Khi người đệ tử đã đứng dậy, nên thu xếp chỗ ngồi. Nên dọn dẹp nước rửa chân, ghế kê chân, tấm chà chân. Nếu khu vực ấy có rác bẩn thì nên quét khu vực ấy. Nếu người đệ tử có ý muốn tắm, nên chuẩn bị việc tắm. Nếu có nhu cầu về nước lạnh, nên chuẩn bị nước lạnh; nếu có nhu cầu về nước nóng, nên chuẩn bị nước nóng.

10. Nếu người đệ tử có ý muốn đi vào nhà tắm hơi, nên trộn bột tắm, nên tẩm ướt đất sét. Nên lấy ghế ngồi của nhà tắm hơi, đi đến, trao ghế ngồi của nhà tắm hơi, nhận lấy y, rồi nên để xuống một bên. Nên trao bột tắm. Nên trao đất sét. Nếu có nỗ lực, nên đi vào nhà tắm hơi. Trong khi đi vào nhà tắm hơi, nên thoa đất sét lên mặt, nên che kín cả phía trước lẫn phía sau rồi đi vào nhà tắm hơi. Không nên chen vào [chỗ] các Tỳ-khưu trưởng lão rồi ngồi xuống. Không nên xua đuổi các Tỳ-khưu mới tu khỏi chỗ ngồi. Ở trong nhà tắm hơi, nên kỳ cọ cho người đệ tử. Trong khi rời khỏi nhà tắm hơi, nên cầm lấy cái ghế ngồi của nhà tắm hơi, nên che kín cả phía trước lẫn phía sau rồi rời khỏi nhà tắm hơi.

11. Lúc ở trong nước, nên kỳ cọ cho người đệ tử. Khi đã tắm xong, nên đi ra [khỏi nước] trước tiên, nên lau khô nước ở thân thể của mình, quấn y lại, rồi nên lau khô nước ở thân thể của người đệ tử. Nên trao y lót trong. Nên trao y hai lớp. Nên cầm lấy ghế ngồi của nhà tắm hơi, đi về trước và sắp xếp chỗ ngồi. Nên đem lại nước rửa chân, ghế kê chân, tấm chà chân. Nên hỏi ý người đệ tử

về nước uống. Ở trú xá nào người đệ tử cư ngụ, nếu trú xá ấy có rác bẩn, nếu có nỗ lực thì nên làm sạch sẽ.

12. Trong khi làm sạch sẽ trú xá, trước tiên nên đem y bát ra ngoài rồi để xuống ở một góc; nên đem vật lót ngồi và tấm trải nằm ra ngoài rồi để xuống ở một góc; nên đem nệm gối ra ngoài rồi để xuống ở một góc; nên hạ thấp cái giường rồi đem ra ngoài một cách khéo léo, không làm trầy [mặt đất], không va chạm vào cánh cửa lớn và khung cửa rồi để xuống ở một góc; nên hạ thấp cái ghế rồi đem ra ngoài một cách khéo léo, không làm trầy [mặt đất], không va chạm vào cánh cửa lớn và khung cửa rồi để xuống ở một góc; nên đem khung giường ra ngoài rồi để xuống ở một góc.

13. Nên đem ống nhổ ra ngoài rồi để xuống ở một góc, nên đem tấm ván kê đầu ra ngoài rồi để xuống ở một góc, nên xem xét tấm trải nền được xếp đặt như thế nào rồi đem ra ngoài và để xuống ở một góc. Nếu ở trú xá có mạng nhện, trước tiên, nên gỡ xuống khỏi tấm màn che, nên lau chùi các lỗ thông gió và các hốc kẹt. Nếu tường được sơn màu đỏ bị đốm loang lổ, nên thấm khăn ướt chà xát mạnh rồi lau sạch. Nếu nền được sơn màu đen bị đốm loang lổ, nên thấm khăn ướt chà xát mạnh rồi lau sạch. Nếu nền không được thực hiện, nên rưới nước rồi quét [nghĩ rằng]: "Không nên để trú xá bị tràn ngập bụi bặm."

14. Sau khi gom rác lại rồi nên đem đổ bỏ ở một góc. Sau khi phơi nắng tấm trải nền, nên làm sạch sẽ, đập giũ rồi đem vào trong và sắp đặt như đã được sắp đặt [trước đây]. Sau khi phơi nắng khung giường, nên lau chùi rồi đem vào trong và để lại ở vị trí như cũ. Sau khi phơi nắng giường, nên làm sạch sẽ, đập giũ, hạ thấp xuống rồi đem vào trong một cách khéo léo, không làm trầy [mặt đất], không va chạm vào cánh cửa lớn và khung cửa rồi sắp đặt như đã được sắp đặt [trước đây]. Sau khi phơi nắng ghế, nên làm sạch sẽ, đập giũ, hạ thấp xuống rồi đem vào trong một cách khéo léo, không làm trầy [mặt đất], không va chạm vào cánh cửa lớn và khung cửa rồi sắp đặt như đã được sắp đặt [trước đây]. Sau khi phơi nắng nệm gối, nên làm sạch sẽ, đập giũ rồi đem vào trong và sắp đặt như đã được sắp đặt [trước đây]. Sau khi phơi nắng vật lót ngồi và tấm trải nằm, nên làm sạch sẽ, đập giũ rồi đem vào trong và sắp đặt như đã được sắp đặt [trước đây]. Sau khi phơi nắng ống nhổ, nên lau chùi rồi đem vào trong và để lại ở vị trí như cũ. Sau khi phơi nắng tấm ván kê đầu, nên lau chùi rồi đem vào trong và để lại ở vị trí như cũ.

15. Nên đem cất y và bình bát. Trong khi đặt bình bát xuống, nên dùng một tay ôm bình bát, tay kia sờ ở phía dưới giường hoặc phía dưới ghế rồi nên đặt bình bát xuống. Không nên đặt bình bát trên mặt đất không được trải lót. Trong khi máng y, nên dùng một tay cầm y, tay kia vuốt sào treo y hoặc dây phơi y, nên để mép y phía bên kia, còn chỗ gấp y lại ở bên này, rồi máng y xuống.

16. Nếu các cơn gió có bụi thổi từ hướng Đông, các cửa sổ hướng Đông nên được khép lại. Nếu các cơn gió có bụi thổi từ hướng Tây, các cửa sổ hướng Tây

nên được khép lại. Nếu các cơn gió có bụi thổi từ hướng Bắc, các cửa sổ hướng Bắc nên được khép lại. Nếu các cơn gió có bụi thổi từ hướng Nam, các cửa sổ hướng Nam nên được khép lại. Nếu thời tiết lạnh, các cửa sổ nên mở ra vào ban ngày và khép lại vào ban đêm. Nếu thời tiết nóng, các cửa sổ nên khép lại vào ban ngày và mở ra vào ban đêm.

17. Nếu phòng có rác bẩn, nên quét phòng. Nếu cổng có rác bẩn, nên quét cổng. Nếu phòng hội họp có rác bẩn, nên quét phòng hội họp. Nếu nhà để đốt lửa có rác bẩn, nên quét nhà để đốt lửa. Nếu nhà vệ sinh có rác bẩn, nên quét nhà vệ sinh. Nếu nước uống không có, nên đem nước uống lại. Nếu nước rửa không có, nên đem nước rửa lại. Nếu hũ nước súc miệng không có nước, nên đổ nước vào hũ nước súc miệng.

18. Nếu sự bực bội sanh khởi ở người đệ tử, vị thầy tế độ nên làm cho dịu đi, hoặc nhờ vị khác làm cho dịu đi, hoặc nên tiến hành việc giảng pháp cho vị ấy. Nếu nỗi nghi hoặc sanh khởi ở người đệ tử, vị thầy tế độ nên làm cho tan biến, hoặc nhờ vị khác làm cho tan biến, hoặc nên tiến hành việc giảng pháp cho vị ấy. Nếu tà kiến sanh khởi ở người đệ tử, vị thầy tế độ nên phân giải, hoặc nhờ vị khác phân giải, hoặc nên tiến hành việc giảng pháp cho vị ấy.

19. Nếu người đệ tử bị phạm tội nặng, xứng đáng hình phạt *Parivāsa*, vị thầy tế độ nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để hội chúng có thể ban hình phạt *Parivāsa* cho đệ tử?"

20. Nếu người đệ tử xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu, vị thầy tế độ nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để hội chúng có thể đưa đệ tử về lại [hình phạt] ban đầu?"

21. Nếu người đệ tử xứng đáng hình phạt *Mānatta*, vị thầy tế độ nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để hội chúng có thể ban hình phạt *Mānatta* cho đệ tử?"

22. Nếu người đệ tử xứng đáng sự giải tội, vị thầy tế độ nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để hội chúng có thể giải tội cho đệ tử?"

24.[23] Nếu hội chúng có ý định thực hiện hành sự khiển trách, hoặc chỉ dạy, hoặc xua đuổi, hoặc hòa giải, hoặc án treo đối với người đệ tử, vị thầy tế độ nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để hội chúng có thể khỏi thực hiện hành sự đối với đệ tử, hoặc đổi thành nhẹ hơn?" Khi hội chúng đã thực hiện hành sự khiển trách, hoặc chỉ dạy, hoặc xua đuổi, hoặc hòa giải, hoặc án treo đối với người đệ tử, vị thầy tế độ nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để đệ tử có thể làm bổn phận một cách nghiêm chỉnh, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi và hội chúng có thể thu hồi hành sự này?"

25. Nếu y của người đệ tử cần phải giặt, vị thầy tế độ nên chỉ dẫn: "Ngươi nên giặt như vầy", hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để y của đệ tử

[23] Do đánh số nhầm từ bản gốc Pāli (không có số 23) nên dịch giả giữ nguyên số lại như vậy để dễ đối chiếu (BBT).

được giặt?" Nếu y của người đệ tử cần phải may, vị thầy tế độ nên chỉ dẫn: "Ngươi nên may như vầy", hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để y của đệ tử được may?" Nếu thuốc nhuộm của người đệ tử cần phải nấu, vị thầy tế độ nên chỉ dẫn: "Ngươi nên nấu như vầy", hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để thuốc nhuộm của đệ tử được nấu?" Nếu y của người đệ tử cần phải nhuộm, vị thầy tế độ nên chỉ dẫn: "Ngươi nên nhuộm như vầy", hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để y của đệ tử được nhuộm?" Trong khi nhuộm y, nên đảo tới đảo lui cho khéo léo. Không nên bỏ đi khi nước nhỏ giọt chưa ngừng. Nếu người đệ tử bị bệnh, nên phục vụ cho đến trọn đời, nên chờ đợi [đến khi] vị ấy có sự hồi phục."

Dứt phận sự đối với đệ tử.

*****

1. Vào lúc bấy giờ, các người đệ tử không thực hành bổn phận đúng đắn đối với các vị thầy tế độ. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các người đệ tử lại không thực hành bổn phận đúng đắn đối với các vị thầy tế độ?"

2. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các người đệ tử không thực hành bổn phận đúng đắn đối với các vị thầy tế độ, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy. ...(nt).

Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, người đệ tử không nên không thực hành bổn phận đúng đắn đối với các vị thầy tế độ; vị nào không thực hành đúng đắn thì phạm tội *Dukkaṭa*.

[Các người đệ tử] vẫn không thực hành phận sự đúng đắn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép đuổi đi người [đệ tử] không thực hành phận sự đúng đắn. Và này các Tỳ-khưu, nên đuổi đi như vầy: "Ta đuổi ngươi đi", hay là "Đừng có quay trở lại đây", hay là "Hãy đem đi y bát của ngươi", hay là "Ta không giúp đỡ ngươi nữa." [Nếu] vị [thầy tế độ] bày tỏ bằng thân, bày tỏ bằng lời nói, bày tỏ bằng thân và lời nói thì người đệ tử đã bị đuổi đi. [Nếu] vị ấy không bày tỏ bằng thân, không bày tỏ bằng lời nói, không bày tỏ bằng thân và lời nói thì người đệ tử không bị đuổi đi.

3. Vào lúc bấy giờ, những người đệ tử bị đuổi đi đã không xin lỗi. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép xin lỗi.

Các người [đệ tử] vẫn không xin lỗi. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, người [đệ tử] bị đuổi đi không nên không xin lỗi; vị nào không xin lỗi thì phạm tội *Dukkaṭa*.

4. Vào lúc bấy giờ, khi được xin lỗi, các vị thầy tế độ không tha thứ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép tha thứ.

Các vị [thầy tế độ] vẫn không tha thứ. Những người đệ tử bỏ đi, [hoặc] hoàn tục, [hoặc] theo ngoại đạo. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, khi được xin lỗi không nên không tha thứ; vị nào không tha thứ thì phạm tội *Dukkaṭa*.

5. Vào lúc bấy giờ, các vị thầy tế độ đuổi đi những người [đệ tử] thực hành phận sự đúng đắn, không đuổi đi những người [đệ tử] không thực hành phận sự đúng đắn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên đuổi đi người [đệ tử] thực hành phận sự đúng đắn; vị nào đuổi đi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Và này các Tỳ-khưu, không nên không đuổi đi người [đệ tử] không thực hành phận sự đúng đắn; vị nào không đuổi đi thì phạm tội *Dukkaṭa*.

6. Này các Tỳ-khưu, nên đuổi đi người đệ tử có năm yếu tố: Đối với thầy tế độ, không có nhiều lòng yêu mến, không có nhiều niềm tin, không có nhiều nể nang, không có nhiều kính trọng, [và] không có nhiều sự rèn luyện.[24] Này các Tỳ-khưu, nên đuổi đi người đệ tử có năm yếu tố này.

7. Này các Tỳ-khưu, không nên đuổi đi người đệ tử có năm yếu tố: Đối với thầy tế độ, có nhiều lòng yêu mến, có nhiều niềm tin, có nhiều nể nang, có nhiều kính trọng, [và] có nhiều sự rèn luyện. Này các Tỳ-khưu, không nên đuổi đi người đệ tử có năm yếu tố này.

8. Này các Tỳ-khưu, người đệ tử là đáng bị đuổi đi khi có năm yếu tố: Đối với thầy tế độ, không có nhiều lòng yêu mến, không có nhiều niềm tin, không có nhiều nể nang, không có nhiều kính trọng, [và] không có nhiều sự rèn luyện. Này các Tỳ-khưu, người đệ tử là đáng bị đuổi đi khi có năm yếu tố này.

9. Này các Tỳ-khưu, người đệ tử là không đáng bị đuổi đi khi có năm yếu tố: Đối với thầy tế độ, có nhiều lòng yêu mến, có nhiều niềm tin, có nhiều nể nang, có nhiều kính trọng, [và] có nhiều sự rèn luyện. Này các Tỳ-khưu, người đệ tử là không đáng bị đuổi đi khi có năm yếu tố này.

10. Này các Tỳ-khưu, vị thầy tế độ là vượt qua quy định khi không đuổi đi, không vượt qua quy định khi đuổi đi người đệ tử có năm yếu tố: Đối với thầy tế độ, không có nhiều lòng yêu mến, không có nhiều niềm tin, không có nhiều nể nang, không có nhiều kính trọng, [và] không có nhiều sự rèn luyện. Này các Tỳ-khưu, vị thầy tế độ là vượt qua quy định khi không đuổi đi, không vượt qua quy định khi đuổi đi người đệ tử có năm yếu tố này.

11. Này các Tỳ-khưu, vị thầy tế độ là vượt qua quy định khi đuổi đi, không vượt qua quy định khi không đuổi đi người đệ tử có năm yếu tố: Đối với thầy tế

[24] Ngài Buddhaghosa giải thích là sự rèn luyện về tâm từ (*VinA.* V. 983).

độ, có nhiều lòng yêu mến, có nhiều niềm tin, có nhiều nể nang, có nhiều kính trọng, [và] có nhiều sự rèn luyện. Này các Tỳ-khưu, vị thầy tế độ là vượt qua quy định khi đuổi đi, không vượt qua quy định khi không đuổi đi người đệ tử có năm yếu tố này.

12. Vào lúc bấy giờ, có người Bà-la-môn nọ [tên Rādha] đã đi đến gặp các Tỳ-khưu và thỉnh cầu sự xuất gia. Các Tỳ-khưu đã không ưng thuận cho người ấy xuất gia. Người ấy trong khi không đạt được sự xuất gia ở nơi các Tỳ-khưu đã trở nên ốm o, cằn cỗi, xuống sắc, có vẻ xanh xao, thân hình nổi đầy gân.

13. Đức Thế Tôn đã nhìn thấy người Bà-la-môn ấy ốm o, cằn cỗi, xuống sắc, có vẻ xanh xao, thân hình nổi đầy gân, sau khi nhìn thấy, đã bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, việc gì khiến người Bà-la-môn ấy ốm o, cằn cỗi, xuống sắc, có vẻ xanh xao, thân hình nổi đầy gân vậy?

– Bạch Ngài, người Bà-la-môn ấy đã đi đến gặp các Tỳ-khưu và thỉnh cầu sự xuất gia. Các Tỳ-khưu đã không ưng thuận cho người ấy xuất gia. Người ấy trong khi không đạt được sự xuất gia ở nơi các Tỳ-khưu đã trở nên ốm o, cằn cỗi, xuống sắc, có vẻ xanh xao, thân hình nổi đầy gân.

14. Khi ấy, đức Thế Tôn đã bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, có vị nào nhớ được điều tốt đẹp của người Bà-la-môn ấy?

Khi được nói như vậy, Đại đức Sāriputta đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, con nhớ được điều tốt đẹp của người Bà-la-môn ấy.

– Này Sāriputta, ngươi nhớ được điều tốt đẹp gì của người Bà-la-môn ấy?

– Bạch Ngài, trường hợp này là khi con đang đi khất thực ở trong thành Rājagaha, người Bà-la-môn ấy đã sai người cho một muỗng vật thực. Bạch Ngài, đó là điều tốt đẹp của người Bà-la-môn ấy mà con nhớ được.

– Này Sāriputta, tốt lắm, tốt lắm! Này Sāriputta, bởi vì những người tốt là những người biết ơn và nhớ ơn đã thọ. Này Sāriputta, chính vì điều ấy, ngươi hãy cho người Bà-la-môn ấy xuất gia và tu lên bậc trên.

– Bạch Ngài, con cho người Bà-la-môn ấy xuất gia và tu lên bậc trên như thế nào?

15. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, việc tu lên bậc trên bằng ba sự đi đến nương nhờ [tam quy] đã được Ta cho phép, kể từ nay Ta hủy bỏ việc ấy. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép tu lên bậc trên bằng hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư. Và này các Tỳ-khưu, nên cho tu lên bậc trên như vầy, hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực:

16. "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị này tên [như vầy] có ý muốn tu lên bậc trên với Đại đức tên [như vầy]. Nếu là thời điểm thích hợp

cho hội chúng, hội chúng nên cho vị tên [như vầy] tu lên bậc trên với thầy tế độ tên [như vầy]. Đây là lời đề nghị.

17. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị này tên [như vầy] có ý muốn tu lên bậc trên với Đại đức tên [như vầy]. Hội chúng cho vị tên [như vầy] tu lên bậc trên với thầy tế độ tên [như vầy]. Đại đức nào đồng ý sự tu lên bậc trên của vị tên [như vầy] với thầy tế độ tên [như vầy] xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

18. Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị này tên [như vầy] có ý muốn tu lên bậc trên với Đại đức tên [như vầy]. Hội chúng cho vị tên [như vầy] tu lên bậc trên với thầy tế độ tên [như vầy]. Đại đức nào đồng ý sự tu lên bậc trên của vị tên [như vầy] với thầy tế độ tên [như vầy] xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

19. Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị này tên [như vầy] có ý muốn tu lên bậc trên với Đại đức tên [như vầy]. Hội chúng cho vị tên [như vầy] tu lên bậc trên với thầy tế độ tên [như vầy]. Đại đức nào đồng ý sự tu lên bậc trên của vị tên [như vầy] với thầy tế độ tên [như vầy] xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

20. Vị tên [như vầy] đã được hội chúng cho tu lên bậc trên với thầy tế độ tên [như vầy]. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

21. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ thực hiện hành động sai trái liền ngay sau khi được tu lên bậc trên. Các vị Tỳ-khưu đã nói như vầy:

– Này Đại đức, chớ có hành động như thế, điều ấy không được phép.

Vị ấy đã nói như vầy:

– Tôi đâu có thỉnh cầu các Đại đức rằng: "Các Đại đức hãy cho tôi tu lên bậc trên." Tại sao các ngài khi chưa được tôi thỉnh cầu mà đã cho tu lên bậc trên?

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên cho tu lên bậc trên người không thỉnh cầu; vị nào ban phép tu lên bậc trên thì phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép, ban phép tu lên bậc trên đối với người đã thỉnh cầu. Và này các Tỳ-khưu, nên được thỉnh cầu như vầy:

Vị có ý muốn tu lên bậc trên ấy nên đi đến hội chúng Tỳ-khưu, đắp thượng y một bên vai, đảnh lễ ở chân các vị Tỳ-khưu, ngồi chồm hổm, chắp tay lên, và nên nói với hội chúng như vầy: "Bạch các ngài, tôi thỉnh cầu hội chúng sự tu lên bậc trên. Bạch các ngài, vì lòng thương xót, xin hội chúng hãy tế độ tôi." Nên được thỉnh cầu đến lần thứ nhì. Nên được thỉnh cầu đến lần thứ ba. Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực:

"Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị này tên [như vầy] có ý muốn tu lên bậc trên với Đại đức tên [như vầy]. Vị tên [như vầy] thỉnh cầu hội

chúng sự tu lên bậc trên với thầy tế độ tên [như vầy]. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên cho vị tên [như vầy] tu lên bậc trên với thầy tế độ tên [như vầy]. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị này tên [như vầy] có ý muốn tu lên bậc trên với Đại đức tên [như vầy]. Vị tên [như vầy] thỉnh cầu hội chúng sự tu lên bậc trên với thầy tế độ tên [như vầy]. Hội chúng cho vị tên [như vầy] tu lên bậc trên với thầy tế độ tên [như vầy]. Đại đức nào đồng ý sự tu lên bậc trên của vị tên [như vầy] với thầy tế độ tên [như vầy] xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. ...(nt).

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. ...(nt).

Vị tên [như vầy] đã được hội chúng cho tu lên bậc trên với thầy tế độ tên [như vầy]. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

22. Vào lúc bấy giờ, ở trong thành Rājagaha, sự tuần tự của các bữa trai phạn gồm các thức ăn hảo hạng được tiến hành đều đặn. Khi ấy, có người Bà-la-môn nọ đã khởi ý điều này: "Những Sa-môn Thích tử này có giới luật thoải mái, có sở hành thoải mái, sau khi thọ thực thức ăn ngon rồi nằm ngủ ở những cái giường kín gió, hay là ta nên xuất gia nơi các Sa-môn Thích tử này?"

23. Sau đó, người Bà-la-môn ấy đã đi đến gặp các Tỳ-khưu thỉnh cầu sự xuất gia. Các Tỳ-khưu đã cho người ấy xuất gia, đã cho tu lên bậc trên. Khi người ấy đã được xuất gia, sự tuần tự của các bữa ăn đã hết. Các vị Tỳ-khưu đã nói như vầy:

– Này Đại đức, hãy đến. Hôm nay, chúng ta sẽ đi khất thực.

Vị ấy đã nói như vầy:

– Này các Đại đức, tôi đã không xuất gia vì nguyên nhân này: "Ta sẽ đi khất thực." Nếu các vị cho tôi thì tôi sẽ ăn, nếu các vị không cho tôi thì tôi sẽ hoàn tục.

– Này Đại đức, có phải ngài đã xuất gia vì nguyên nhân của bao tử?

– Này các Đại đức, đúng vậy.

24. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao vị Tỳ-khưu lại xuất gia trong Pháp và Luật khéo được thuyết giảng như vầy vì nguyên nhân của bao tử?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

25. – Này Tỳ-khưu, nghe nói ngươi đã xuất gia vì nguyên nhân của bao tử, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– Này kẻ rồ dại, vì sao ngươi lại xuất gia trong Pháp và Luật khéo được thuyết giảng như vầy vì nguyên nhân của bao tử? Này kẻ rồ dại, sự việc này

không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, hay làm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin, ...(nt).

Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

26. – Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vị đang ban phép tu lên bậc trên chỉ dẫn về bốn pháp nương nhờ: Việc xuất gia nương vào thức ăn do khất thực, trong trường hợp ấy, ngươi nên thể hiện sự nỗ lực cho đến hết đời. Vật thọ lãnh ngoại lệ là bữa ăn dâng hội chúng, bữa ăn được chỉ định, sự mời thỉnh, bữa ăn theo thẻ, vào mỗi nửa tháng, vào ngày *Uposatha*, vào ngày đầu của mỗi nửa tháng.

Việc xuất gia nương vào y làm bằng vải dơ bị quăng bỏ, trong trường hợp ấy, ngươi nên thể hiện sự nỗ lực cho đến hết đời. Vật thọ lãnh ngoại lệ là [y làm bằng] sợi lanh, bông vải, tơ lụa, sợi len, gai thô, chỉ bố.

Việc xuất gia nương vào chỗ trú ngụ là gốc cây trong trường hợp ấy, ngươi nên thể hiện sự nỗ lực cho đến hết đời. Vật thọ lãnh ngoại lệ là trú xá, nhà một mái, tòa nhà dài, khu nhà lớn, hang động.

Việc xuất gia nương vào dược phẩm là nước tiểu gia súc trong trường hợp ấy, ngươi nên thể hiện sự nỗ lực cho đến hết đời. Vật thọ lãnh ngoại lệ là bơ lỏng, bơ đặc, dầu ăn, mật ong, đường mía.

Dứt tụng phẩm về phận sự đối với thầy tế độ là thứ năm.

*****

1. Vào lúc bấy giờ, có chàng thanh niên nọ đã đi đến gặp các Tỳ-khưu và thỉnh cầu sự xuất gia. Các Tỳ-khưu đã chỉ dẫn cho chàng trai về các pháp nương nhờ trước. Chàng trai đã nói như vầy:

– Thưa các ngài, nếu khi tôi đã được xuất gia, các ngài mới chỉ dẫn về các pháp nương nhờ thì tôi còn có thể thích thú. Thưa các ngài, giờ đây, tôi sẽ không xuất gia. Đối với tôi, các pháp nương nhờ là ghê tởm đáng ghét.

2. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên chỉ dẫn về các pháp nương nhờ trước; vị nào chỉ dẫn thì phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép chỉ dẫn về các pháp nương nhờ liền ngay sau khi đã được tu lên bậc trên.

3. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu đã ban phép tu lên bậc trên với tập thể là nhóm hai vị, nhóm ba vị. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên ban phép tu lên bậc trên với tập thể là nhóm ít hơn mười vị; vị nào ban phép tu lên bậc trên thì phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép ban phép tu lên bậc trên với tập thể là nhóm mười vị hoặc nhóm trên mười vị.

4. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu chỉ được một năm, hai năm đã cho đệ tử tu lên bậc trên. Ngay cả Đại đức Upasena, con trai của Vaṅganta, được một năm đã cho người đệ tử tu lên bậc trên. Khi đã sống qua mùa [an cư] mưa là được

hai năm, vị ấy đã đưa người đệ tử được một năm đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Điều này đã trở thành thông lệ của chư Phật Thế Tôn là niềm nở với các Tỳ-khưu đi đến.

5. Khi ấy, đức Thế Tôn đã nói với Đại đức Upasena, con trai của Vaṅganta điều này:

– Này các Tỳ-khưu, sức khoẻ có khá không? Mọi việc có được tốt đẹp không? Các ngươi đi đến đường xa có được ít mệt nhọc không?

– Bạch Thế Tôn, sức khoẻ có khá. Bạch Thế Tôn, mọi việc được tốt đẹp. Và bạch Ngài, chúng con đi đường xa ít có mệt nhọc.

6. Các đấng Như Lai dầu biết vẫn hỏi, dầu biết các vị vẫn không hỏi, biết đúng thời, các vị mới hỏi; biết đúng thời, các vị vẫn không hỏi; có liên quan đến lợi ích, các đấng Như Lai mới hỏi và không [hỏi việc] không có liên quan đến lợi ích; khi không có liên quan đến lợi ích, các đấng Như Lai có cách để cắt đứt vấn đề. Chư Phật Thế Tôn hỏi các Tỳ-khưu với hai lý do: "Chúng ta sẽ thuyết giảng giáo pháp hoặc là chúng ta sẽ quy định điều học cho các đệ tử."

7. Khi ấy, đức Thế Tôn đã nói với Đại đức Upasena, con trai của Vaṅganta điều này:

– Này Tỳ-khưu, ngươi được bao nhiêu năm?

– Bạch Thế Tôn, con được hai năm.

– Còn vị Tỳ-khưu này được bao nhiêu năm?

– Bạch Thế Tôn, được một năm.

– Vị Tỳ-khưu này là gì của ngươi?

– Bạch Thế Tôn, là đệ tử của con.

8. Đức Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– Này kẻ rồ dại, thật không đúng đắn, không hợp lẽ, không thích đáng, không xứng pháp Sa-môn, không được phép, không nên làm! Này kẻ rồ dại, vì sao [trong khi] ngươi còn cần được những người khác giáo huấn giảng dạy lại nghĩ đến giáo huấn giảng dạy người khác? Này kẻ rồ dại, ngươi trở thành đa đoan quá nhanh chóng, tức là việc kết nạp đồ chúng. Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).

Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, vị dưới mười năm không nên ban phép tu lên bậc trên; vị nào ban phép tu lên bậc trên thì phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vị mười năm hoặc trên mười năm được ban phép tu lên bậc trên.

9. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu ngu dốt, thiếu kinh nghiệm [nghĩ rằng]: "Ta được mười năm! Ta được mười năm!" rồi ban phép tu lên bậc trên. [Các trường hợp] những thầy tế độ ngu dốt và các đệ tử sáng trí được phát hiện, những thầy tế độ thiếu kinh nghiệm và các đệ tử có kinh nghiệm được phát

hiện, những thầy tế độ nghe ít và các đệ tử nghe nhiều được phát hiện, những thầy tế độ trí kém và các đệ tử trí tuệ được phát hiện.

10. Có vị nọ trước đây theo ngoại đạo, trong khi được thầy tế độ nói về vấn đề thuộc giáo pháp, đã bắt bẻ lời dạy của thầy tế độ rồi chuyển sang [tu tập ở] lãnh vực của chính ngoại đạo ấy.

11. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các vị Tỳ-khưu ngu dốt, thiếu kinh nghiệm [nghĩ rằng]: 'Ta được mười năm! Ta được mười năm!' rồi ban phép tu lên bậc trên khiến [các trường hợp] những thầy tế độ ngu dốt và các đệ tử sáng trí được phát hiện, những thầy tế độ thiếu kinh nghiệm và các đệ tử có kinh nghiệm được phát hiện, những thầy tế độ nghe ít và các đệ tử nghe nhiều được phát hiện, những thầy tế độ trí kém và các đệ tử trí tuệ được phát hiện?"

12. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các vị Tỳ-khưu ngu dốt thiếu kinh nghiệm [nghĩ rằng]: "Ta được mười năm! Ta được mười năm!" rồi ban phép tu lên bậc trên khiến [các trường hợp] những thầy tế độ ngu dốt và các đệ tử sáng trí được phát hiện, những thầy tế độ thiếu kinh nghiệm và các đệ tử có kinh nghiệm được phát hiện, những thầy tế độ nghe ít và các đệ tử nghe nhiều được phát hiện, những thầy tế độ trí kém và các đệ tử trí tuệ được phát hiện, có đúng không vậy?

13. – Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– Này các Tỳ-khưu, vì sao những kẻ rồ dại ấy là ngu dốt, thiếu kinh nghiệm lại [nghĩ rằng]: 'Ta được mười năm! Ta được mười năm!' rồi ban phép tu lên bậc trên khiến [các trường hợp] những thầy tế độ ngu dốt ...(nt)... và các đệ tử trí tuệ được phát hiện? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).

Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, vị ngu dốt, thiếu kinh nghiệm không nên ban phép tu lên bậc trên; vị nào ban phép tu lên bậc trên thì phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vị Tỳ-khưu có kinh nghiệm, đủ năng lực với mười năm hoặc trên mười năm được ban phép tu lên bậc trên.

14. Vào lúc bấy giờ, trong khi các vị thầy tế độ rời đi, hoàn tục, từ trần, qua bên nhóm khác, các Tỳ-khưu trở thành không có thầy dạy học và trong khi không được giáo huấn, không được giảng dạy [nên đã] mặc y luộm thuộm, trùm y luộm thuộm, hoàn toàn không đúng quy cách rồi đi khất thực.

15. Trong khi dân chúng đang ăn, các vị đưa ra bình bát đã mở ở phía trên thức ăn loại mềm; các vị đưa ra bình bát đã mở ở phía trên thức ăn loại cứng, ở phía trên thức ăn có hương vị, ở phía trên thức uống; các vị còn tự mình yêu

cầu súp và cơm rồi thọ thực; các vị sống gây nên sự náo nhiệt, sự ồn ào ở trong nhà ăn.

16. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Sa-môn Thích tử lại mặc y luộm thuộm, trùm y luộm thuộm, hoàn toàn không đúng quy cách rồi đi khất thực. Trong khi dân chúng đang ăn, các vị lại đưa ra bình bát đã mở ở phía trên thức ăn loại mềm, các vị lại đưa ra bình bát đã mở ở phía trên thức ăn loại cứng, ở phía trên thức ăn có hương vị, ở phía trên thức uống, các vị còn tự mình yêu cầu súp và cơm rồi thọ thực, các vị sống gây nên sự náo nhiệt, sự ồn ào ở trong nhà ăn giống như các Bà-la-môn trong bữa ăn của các Bà-la-môn vậy?"

17. Các Tỳ-khưu đã nghe được dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt).

18. – Này các Tỳ-khưu, nghe nói ...(nt)... có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy. ...(nt).

Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vị thầy dạy học. Này các Tỳ-khưu, vị thầy dạy học sẽ gợi lên ở người học trò tâm của người con và người học trò sẽ gợi lên ở vị thầy dạy học tâm của người cha. Như thế, trong khi sống cùng nhau có sự tôn kính, có sự phục tùng, có sự cư xử hài hòa với nhau, họ sẽ đạt đến sự lớn mạnh, sự tăng trưởng, sự phát triển trong Pháp và Luật này.

19. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép sống nương nhờ mười năm và vị mười năm được ban cho sự nương nhờ. Và này các Tỳ-khưu, vị thầy dạy học nên được xác định như vầy: [Người học trò] nên đắp thượng y một bên vai, đảnh lễ ở chân, ngồi chồm hổm, chắp tay lên và nên nói như vầy: "Bạch ngài, xin ngài hãy là thầy dạy học của con. Con sẽ sống nương nhờ vào Đại đức. Bạch ngài, xin ngài hãy là thầy dạy học của con. Con sẽ sống nương nhờ vào Đại đức. Bạch ngài, xin ngài hãy là thầy dạy học của con. Con sẽ sống nương nhờ vào Đại đức." [Vị thầy dạy học nên nói rằng]: "Tốt rồi!" hay là "Được nhẹ nhàng rồi!" hay là "Đúng rồi!" hay là "Được phù hợp rồi!" hay là "Hãy làm cho thành tựu với sự hoan hỷ!" [Nếu] vị [thầy dạy học] bày tỏ bằng thân, bày tỏ bằng lời nói, bày tỏ bằng thân và lời nói thì vị thầy dạy học đã được xác định. [Nếu] vị ấy không bày tỏ bằng thân, không bày tỏ bằng lời nói, không bày tỏ bằng thân và lời nói, vị thầy dạy học đã không được xác định.

20. Này các Tỳ-khưu, người học trò nên thực hành bổn phận đúng đắn đối với vị thầy dạy học. Đây là bổn phận đúng đắn trong trường hợp này: Nên thức dậy vào lúc sáng sớm, cởi dép ra, đắp thượng y một bên vai, rồi nên dâng gỗ chà răng, nên dâng nước súc miệng, nên sắp xếp chỗ ngồi. Nếu có cháo, nên rửa tô rồi đem cháo lại. Khi thầy đã uống cháo xong, nên dâng nước, nhận lại tô, để ở chỗ thấp, rửa một cách cẩn thận, không làm trầy, rồi đem cất.

21. Khi thầy dạy học đã đứng dậy, nên thu xếp chỗ ngồi. Nếu khu vực ấy có rác bẩn thì nên quét khu vực ấy. Nếu thầy dạy học có ý định đi vào làng, nên trao y lót trong, nên nhận lại y lót trong [đã thay đổi], nên trao dây thắt lưng, nên gấp y hai lớp thành nếp rồi dâng lên. Nên trao bình bát còn đầm nước sau khi đã rửa sạch. Nếu thầy dạy học muốn có Sa-môn hầu cận đi theo, vị ấy nên mặc y nội tròn đều với sự che phủ ba vòng tròn, buộc dây thắt lưng, nên gấp y hai lớp thành nếp rồi trùm lên, thắt lại dây buộc, rửa bình bát và cầm lấy, rồi nên đi theo làm Sa-môn hầu cận cho thầy dạy học. Không nên đi quá xa, không nên đi quá gần. Nên nhận lấy bình bát được [vị thầy] hoán đổi.

22. Khi thầy dạy học đang nói, không nên cắt ngang lời nói nửa chừng. Khi thầy dạy học có khả năng phạm tội lúc đang nói thì nên ngăn lại. Khi quay trở về, nên đi về trước tiên và sắp xếp chỗ ngồi. Nên đem lại nước rửa chân, ghế kê chân, tấm chà chân. Nên đi ra rước y và bình bát. Nên trao y lót trong [trước đây], nên nhận lại y lót trong [mặc lúc đi]. Nếu y bị thấm mồ hôi, nên phơi ở chỗ nắng trong chốc lát. Và không nên để luôn y ở chỗ nắng, nên gấp y lại. Trong khi gấp y, nên lùi phần góc vào bốn ngón tay rồi gấp y lại [nghĩ rằng]: "Không nên để nếp gấp ở phần chính giữa." Nên đặt dây thắt lưng ở phần y đã gấp lại.

23. Nếu có đồ ăn khất thực và thầy dạy học có ý muốn thọ dụng thì nên dâng nước [rửa] rồi đem đồ ăn khất thực lại. Nên hỏi ý thầy dạy học về nước uống. Khi thầy ăn xong, nên dâng nước [rửa], nên nhận lại bình bát, để ở chỗ thấp, rửa một cách cẩn thận, không làm trầy, nên làm ráo nước, rồi đem phơi ở chỗ nắng trong chốc lát. Và không nên để luôn bình bát ở chỗ nắng, nên đem cất y và bình bát. Trong khi đặt bình bát xuống, nên dùng một tay ôm bình bát, tay kia sờ ở phía dưới giường hoặc phía dưới ghế rồi nên đặt bình bát xuống. Và không nên đặt bình bát trên mặt đất không được trải lót. Trong khi máng y, nên dùng một tay cầm y, tay kia vuốt sào treo y hoặc dây phơi y, nên để mép y phía bên kia, còn chỗ gấp y lại ở bên này, rồi máng y xuống.

24. Khi thầy dạy học đã đứng dậy, nên thu xếp chỗ ngồi. Nên dọn dẹp nước rửa chân, ghế kê chân, tấm chà chân. Nếu khu vực ấy có rác bẩn thì nên quét khu vực ấy. Nếu thầy dạy học có ý muốn tắm, nên chuẩn bị việc tắm. Nếu [thầy dạy học] có nhu cầu về nước lạnh, nên chuẩn bị nước lạnh; nếu có nhu cầu về nước nóng, nên chuẩn bị nước nóng.

25. Nếu thầy dạy học có ý muốn đi vào nhà tắm hơi, nên trộn bột tắm, nên tẩm ướt đất sét. Nên lấy ghế ngồi của nhà tắm hơi rồi đi đến từ phía sau lưng và trao ghế ngồi của nhà tắm hơi cho thầy dạy học, nên nhận lấy y và để xuống một bên, nên trao bột tắm, nên trao đất sét. Nếu có nỗ lực, nên đi vào nhà tắm hơi. Trong khi đi vào nhà tắm hơi, nên thoa đất sét lên mặt, nên che kín cả phía trước lẫn phía sau rồi đi vào nhà tắm hơi. Không nên chen vào [chỗ] các Tỳ-khưu trưởng lão rồi ngồi xuống. Không nên xua đuổi các Tỳ-khưu mới tu khỏi

chỗ ngồi. Ở trong nhà tắm hơi, nên kỳ cọ cho thầy dạy học. Trong khi rời khỏi nhà tắm hơi, nên cầm lấy cái ghế ngồi của nhà tắm hơi, nên che kín cả phía trước lẫn phía sau rồi rời khỏi nhà tắm hơi.

26. Lúc ở trong nước, nên kỳ cọ cho thầy dạy học. Khi đã tắm xong, nên đi ra [khỏi nước] trước tiên, nên lau khô nước ở thân thể của mình, quấn y lại, rồi nên lau khô nước ở thân thể của thầy dạy học. Nên trao y lót trong. Nên trao y hai lớp. Nên cầm lấy ghế ngồi của nhà tắm hơi, đi về trước và sắp xếp chỗ ngồi. Nên đem lại nước rửa chân, ghế kê chân, tấm chà chân. Nên hỏi ý thầy dạy học về nước uống. Nếu có ý muốn thỉnh [thầy] đọc tụng, nên thỉnh [thầy] đọc tụng. Nếu có ý muốn hỏi đạo thì có thể hỏi đạo.

27. Ở trú xá nào thầy dạy học cư ngụ, nếu trú xá ấy có rác bẩn, nếu có nỗ lực thì nên làm sạch sẽ. Trong khi làm sạch sẽ trú xá, trước tiên nên đem y bát ra ngoài rồi để xuống ở một góc; nên đem vật lót ngồi và tấm trải nằm ra ngoài rồi để xuống ở một góc; nên đem nệm gối ra ngoài rồi để xuống ở một góc; nên hạ thấp cái giường rồi đem ra ngoài một cách khéo léo, không làm trầy [mặt đất], không va chạm vào cánh cửa lớn và khung cửa rồi để xuống ở một góc; nên hạ thấp cái ghế rồi đem ra ngoài một cách khéo léo, không làm trầy [mặt đất], không va chạm vào cánh cửa lớn và khung cửa rồi để xuống ở một góc; nên đem khung giường ra ngoài rồi để xuống ở một góc.

28. Nên đem ống nhổ ra ngoài rồi để xuống ở một góc, nên đem tấm ván kê đầu ra ngoài rồi để xuống ở một góc, nên xem xét tấm trải nền được xếp đặt như thế nào, rồi đem ra ngoài và để xuống ở một góc. Nếu ở trú xá có mạng nhện, trước tiên nên gỡ xuống khỏi tấm màn che, nên lau chùi các lỗ thông gió và các hốc kẹt. Nếu tường được sơn màu đỏ bị đốm loang lổ, nên thấm khăn ướt chà xát mạnh rồi lau sạch. Nếu nền được sơn màu đen bị đốm loang lổ, nên thấm khăn ướt chà xát mạnh rồi lau sạch. Nếu nền không được thực hiện, nên rưới nước rồi quét [nghĩ rằng]: "Không nên để trú xá bị tràn ngập bụi bặm."

29. Sau khi gom rác lại rồi nên đem đổ bỏ ở một góc. Sau khi phơi nắng tấm trải nền, nên làm sạch sẽ, đập giũ, rồi đem vào trong và sắp đặt như đã được sắp đặt [trước đây]. Sau khi phơi nắng khung giường, nên lau chùi, rồi đem vào trong và để lại ở vị trí như cũ. Sau khi phơi nắng giường, nên làm sạch sẽ, đập giũ, hạ thấp xuống, rồi đem vào trong một cách khéo léo, không làm trầy [mặt đất], không va chạm vào cánh cửa lớn và khung cửa rồi sắp đặt như đã được sắp đặt [trước đây]. Sau khi phơi nắng ghế, nên làm sạch sẽ, đập giũ, hạ thấp xuống rồi đem vào trong một cách khéo léo, không làm trầy [mặt đất], không va chạm vào cánh cửa lớn và khung cửa rồi sắp đặt như đã được sắp đặt [trước đây]. Sau khi phơi nắng nệm gối, nên làm sạch sẽ, đập giũ rồi đem vào trong và sắp đặt như đã được sắp đặt [trước đây]. Sau khi phơi nắng vật lót ngồi và đồ trải nằm, nên làm sạch sẽ, đập giũ rồi đem vào trong và sắp đặt như đã được sắp đặt [trước đây]. Sau khi phơi nắng ống nhổ, nên lau chùi rồi đem vào trong và

để lại ở vị trí như cũ. Sau khi phơi nắng tấm ván kê đầu, nên lau chùi rồi đem vào trong và để lại ở vị trí như cũ.

30. Nên đem cất y và bình bát. Trong khi đặt bình bát xuống, nên dùng một tay ôm bình bát, tay kia sờ ở phía dưới giường hoặc phía dưới ghế rồi nên đặt bình bát xuống. Không nên đặt bình bát trên mặt đất không được trải lót. Trong khi máng y, nên dùng một tay cầm y, tay kia vuốt sào treo y hoặc dây phơi y, nên để mép y phía bên kia, còn chỗ gấp y lại ở bên này, rồi máng y xuống.

31. Nếu các cơn gió có bụi thổi từ hướng Đông, các cửa sổ hướng Đông nên được khép lại. Nếu các cơn gió có bụi thổi từ hướng Tây, các cửa sổ hướng Tây nên được khép lại. Nếu các cơn gió có bụi thổi từ hướng Bắc, các cửa sổ hướng Bắc nên được khép lại. Nếu các cơn gió có bụi thổi từ hướng Nam, các cửa sổ hướng Nam nên được khép lại. Nếu thời tiết lạnh, các cửa sổ nên mở ra vào ban ngày và khép lại vào ban đêm. Nếu thời tiết nóng, các cửa sổ nên khép lại vào ban ngày và mở ra vào ban đêm.

32. Nếu phòng có rác bẩn, nên quét phòng. Nếu cổng có rác bẩn, nên quét cổng. Nếu phòng hội họp có rác bẩn, nên quét phòng hội họp. Nếu nhà để đốt lửa có rác bẩn, nên quét nhà để đốt lửa. Nếu nhà vệ sinh có rác bẩn, nên quét nhà vệ sinh. Nếu nước uống không có, nên đem nước uống lại. Nếu nước rửa không có, nên đem nước rửa lại. Nếu hũ nước súc miệng không có nước, nên đổ nước vào hũ nước súc miệng.

33. Nếu sự bực bội sanh khởi ở thầy dạy học, người học trò nên làm cho dịu đi, hoặc nhờ vị khác làm cho dịu đi, hoặc nên tiến hành việc giảng pháp cho vị thầy. Nếu nỗi nghi hoặc sanh khởi ở thầy dạy học, người học trò nên làm cho tan biến, hoặc nhờ vị khác làm cho tan biến, hoặc nên tiến hành việc giảng pháp cho vị thầy. Nếu tà kiến sanh khởi ở thầy dạy học, người học trò nên phân giải, hoặc nhờ vị khác phân giải, hoặc nên tiến hành việc giảng pháp cho vị thầy.

34. Nếu thầy dạy học bị phạm tội nặng, xứng đáng hình phạt *Parivāsa*, người học trò nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để hội chúng có thể ban hình phạt *Parivāsa* cho thầy dạy học?"

35. Nếu thầy dạy học xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu, người học trò nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để hội chúng có thể đưa thầy dạy học về lại [hình phạt] ban đầu?"

36. Nếu thầy dạy học xứng đáng hình phạt *Mānatta*, người học trò nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để hội chúng có thể ban hình phạt *Mānatta* cho thầy dạy học?"

37. Nếu thầy dạy học xứng đáng sự giải tội, người học trò nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để hội chúng có thể giải tội cho thầy dạy học?"

38. Nếu hội chúng có ý định thực hiện hành sự khiển trách, hoặc chỉ dạy, hoặc xua đuổi, hoặc hòa giải, hoặc án treo đối với thầy dạy học, người học trò

nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để hội chúng có thể khởi thực hiện hành sự đối với thầy dạy học, hoặc đổi thành nhẹ hơn?" Khi hội chúng đã thực hiện hành sự khiển trách, hoặc chỉ dạy, hoặc xua đuổi, hoặc hòa giải, hoặc án treo đối với vị thầy dạy học, người học trò nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để thầy dạy học có thể làm bổn phận một cách nghiêm chỉnh, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi và hội chúng có thể thu hồi hành sự này?"

39. Nếu y của thầy dạy học cần phải giặt, người học trò nên giặt hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để y của thầy dạy học được giặt?" Nếu y của thầy dạy học cần phải may, người học trò nên may hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để y của thầy dạy học được may?" Nếu thuốc nhuộm của thầy dạy học cần phải nấu, người học trò nên nấu hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để thuốc nhuộm của thầy dạy học được nấu?" Nếu y của thầy dạy học cần phải nhuộm, người học trò nên nhuộm hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để y của thầy dạy học được nhuộm?" Trong khi nhuộm y, nên đảo tới đảo lui cho khéo léo. Không nên bỏ đi khi nước nhỏ giọt chưa ngừng.

40. Không có phép của thầy dạy học, không nên cho bình bát đến người khác. Không nên thọ lãnh bình bát của người khác. Không nên cho y đến người khác. Không nên thọ lãnh y của người khác. Không nên cho vật dụng đến người khác. Không nên thọ lãnh vật dụng của người khác. Không nên cạo tóc cho người khác. Không nên bảo người khác cạo tóc. Không nên kỳ cọ người khác. Không nên bảo người khác kỳ cọ. Không nên hầu hạ người khác. Không nên bảo người khác hầu hạ. Không nên làm Sa-môn hầu cận cho người khác. Không nên nhận người khác làm vị Sa-môn hầu cận. Không nên mang đồ ăn khất thực lại giùm người khác. Không nên nhờ người khác mang giùm đồ ăn khất thực lại.

41. Chưa xin phép thầy dạy học không nên đi vào làng, không nên đi đến mộ địa, không nên bỏ đi hướng khác. Nếu thầy dạy học bị bệnh, nên phục vụ cho đến trọn đời, nên chờ đợi [đến khi] vị ấy có sự hồi phục.

Dứt phận sự đối với thầy dạy học.

*****

1. Này các Tỳ-khưu, vị thầy dạy học nên thực hành bổn phận đúng đắn đối với người học trò. Đây là bổn phận đúng đắn trong trường hợp này: Này các Tỳ-khưu, thầy dạy học nên quan tâm đến người học trò, nên giúp đỡ bằng sự đọc tụng, bằng sự vấn hỏi, bằng sự giáo huấn, bằng sự giảng dạy.

2. Nếu thầy dạy học có bình bát và người học trò không có bình bát, thầy dạy học nên cho bình bát đến người học trò, hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để bình bát có thể phát sanh đến học trò?"

3. Nếu thầy dạy học có y và người học trò không có y, thầy dạy học nên cho y đến người học trò, hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để y có thể phát sanh đến học trò?"

4. Nếu thầy dạy học có vật dụng và người học trò không có vật dụng, thầy dạy học nên cho vật dụng đến người học trò, hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để vật dụng có thể phát sanh đến học trò?"

5. Nếu người học trò bị bệnh, [vị thầy dạy học] nên thức dậy vào lúc sáng sớm. Nên trao gỗ chà răng. Nên trao nước súc miệng. Nên sắp xếp chỗ ngồi. Nếu có cháo, nên rửa tô rồi đem cháo lại. Khi người học trò đã uống cháo xong, nên cho nước, nhận lại tô, để ở chỗ thấp, rửa một cách cẩn thận, không làm trầy, rồi đem cất.

6. Khi người học trò đã đứng dậy, nên thu xếp chỗ ngồi. Nếu khu vực ấy có rác bẩn thì nên quét khu vực ấy. Nếu người học trò có ý định đi vào làng, nên trao y lót trong, nên nhận lại y lót trong [đã thay đổi], nên trao dây thắt lưng, nên gấp y hai lớp thành nếp rồi trao cho. Nên trao bình bát còn đẫm nước sau khi đã rửa sạch. [Nghĩ rằng]: "Đến lúc vị ấy sắp trở về", nên sắp xếp chỗ ngồi. Nên đem lại nước rửa chân, ghế kê chân, tấm chà chân. Nên đi ra rước y và bình bát. Nên trao y lót trong [trước đây], nên nhận lại y lót trong [mặc lúc đi]. Nếu y bị thấm mồ hôi, nên phơi ở chỗ nắng trong chốc lát. Và không nên để luôn y ở chỗ nắng, nên gấp y lại. Trong khi gấp y, nên lùi phần góc vào bốn ngón tay rồi gấp y lại [nghĩ rằng]: "Không nên để nếp gấp ở phần chính giữa." Nên đặt dây thắt lưng ở phần y đã gấp lại.

7. Nếu có đồ ăn khất thực và người học trò có ý muốn thọ dụng thì nên trao nước [rửa] rồi đem đồ ăn khất thực lại. Nên hỏi ý người học trò về nước uống. Khi người học trò ăn xong nên trao nước [rửa]. Nên nhận lại bình bát, để ở chỗ thấp, rửa một cách cẩn thận, không làm trầy, nên làm ráo nước rồi đem phơi ở chỗ nắng trong chốc lát. Và không nên để luôn bình bát ở chỗ nắng.

8. Nên đem cất y và bình bát. Trong khi đặt bình bát xuống, nên dùng một tay ôm bình bát, tay kia sờ ở phía dưới giường hoặc phía dưới ghế rồi nên đặt bình bát xuống. Và không nên đặt bình bát trên mặt đất không được trải lót. Trong khi máng y, nên dùng một tay cầm y, tay kia vuốt sào treo y hoặc dây phơi y, nên để mép y phía bên kia, còn chỗ gấp y lại ở bên này, rồi máng y xuống.

9. Khi người học trò đã đứng dậy, nên thu xếp chỗ ngồi. Nên dọn dẹp nước rửa chân, ghế kê chân, tấm chà chân. Nếu khu vực ấy có rác bẩn thì nên quét khu vực ấy. Nếu người học trò có ý muốn tắm, nên chuẩn bị việc tắm. Nếu [người học trò] có nhu cầu về nước lạnh, nên chuẩn bị nước lạnh; nếu có nhu cầu về nước nóng, nên chuẩn bị nước nóng.

10. Nếu người học trò có ý muốn đi vào nhà tắm hơi, nên trộn bột tắm, nên tẩm ướt đất sét. Nên lấy ghế ngồi của nhà tắm hơi, đi đến, trao ghế ngồi của nhà tắm hơi, nhận lấy y, rồi để xuống một bên. Nên trao bột tắm. Nên trao đất sét. Nếu có nỗ lực, nên đi vào nhà tắm hơi. Trong khi đi vào nhà tắm hơi, nên thoa đất sét lên mặt, nên che kín cả phía trước lẫn phía sau rồi đi vào nhà tắm hơi. Không nên chen vào [chỗ] các Tỳ-khưu trưởng lão rồi ngồi xuống. Không nên xua đuổi các Tỳ-khưu mới tu khỏi chỗ ngồi. Ở trong nhà tắm hơi, nên kỳ

cọ cho người học trò. Trong khi rời khỏi nhà tắm hơi, nên cầm lấy cái ghế ngồi của nhà tắm hơi, nên che kín cả phía trước lẫn phía sau rồi rời khỏi nhà tắm hơi.

11. Lúc ở trong nước, nên kỳ cọ cho người học trò. Khi đã tắm xong, nên đi ra [khỏi nước] trước tiên, nên lau khô nước ở thân thể của mình, quấn y lại, rồi nên lau khô nước ở thân thể của người học trò. Nên trao y lót trong. Nên trao y hai lớp. Nên cầm lấy ghế ngồi của nhà tắm hơi, đi về trước và sắp xếp chỗ ngồi. Nên đem lại nước rửa chân, ghế kê chân, tấm chà chân. Nên hỏi ý người học trò về nước uống.

12. Ở trú xá nào người học trò cư ngụ, nếu trú xá ấy có rác bẩn, nếu có nỗ lực thì nên làm sạch sẽ. Trong khi làm sạch sẽ trú xá, trước tiên nên đem y bát ra ngoài rồi để xuống ở một góc; nên đem vật lót ngồi và tấm trải nằm ra ngoài rồi để xuống ở một góc; nên đem nệm gối ra ngoài rồi để xuống ở một góc; nên hạ thấp cái giường rồi đem ra ngoài một cách khéo léo, không làm trầy [mặt đất], không va chạm vào cánh cửa lớn và khung cửa rồi để xuống ở một góc; nên hạ thấp cái ghế rồi đem ra ngoài một cách khéo léo, không làm trầy [mặt đất], không va chạm vào cánh cửa lớn và khung cửa rồi để xuống ở một góc; nên đem khung giường ra ngoài rồi để xuống ở một góc; nên đem ống nhổ ra ngoài rồi để xuống ở một góc; nên đem tấm ván kê đầu ra ngoài rồi để xuống ở một góc; nên xem xét tấm trải nền được xếp đặt như thế nào, rồi đem ra ngoài và để xuống ở một góc.

13. Nếu ở trú xá có mạng nhện, trước tiên nên gỡ xuống khỏi tấm màn che, nên lau chùi các lỗ thông gió và các hốc kẹt. Nếu tường được sơn màu đỏ bị đốm loang lổ, nên thấm khăn ướt chà xát mạnh rồi lau sạch. Nếu nền được sơn màu đen bị đốm loang lổ, nên thấm khăn ướt chà xát mạnh rồi lau sạch. Nếu nền không được thực hiện, nên rưới nước rồi quét [nghĩ rằng]: "Không nên để trú xá bị tràn ngập bụi bặm." Sau khi gom rác lại rồi nên đem đổ bỏ ở một góc.

14. Sau khi phơi nắng tấm trải nền, nên làm sạch sẽ, đập giũ rồi đem vào trong và sắp đặt như đã được sắp đặt [trước đây]. Sau khi phơi nắng khung giường, nên lau chùi rồi đem vào trong và để lại ở vị trí như cũ. Sau khi phơi nắng giường, nên làm sạch sẽ, đập giũ, hạ thấp xuống rồi đem vào trong một cách khéo léo, không làm trầy [mặt đất], không va chạm vào cánh cửa lớn và khung cửa rồi sắp đặt như đã được sắp đặt [trước đây]. Sau khi phơi nắng ghế, nên làm sạch sẽ, đập giũ, hạ thấp xuống, rồi đem vào trong một cách khéo léo, không làm trầy [mặt đất], không va chạm vào cánh cửa lớn và khung cửa rồi sắp đặt như đã được sắp đặt [trước đây]. Sau khi phơi nắng nệm gối, nên làm sạch sẽ, đập giũ, rồi đem vào trong và sắp đặt như đã được sắp đặt [trước đây]. Sau khi phơi nắng vật lót ngồi và tấm trải nằm, nên làm sạch sẽ, đập giũ, rồi đem vào trong và sắp đặt như đã được sắp đặt [trước đây].

15. Sau khi phơi nắng ống nhổ, nên lau chùi rồi đem vào trong và để lại ở vị trí như cũ. Sau khi phơi nắng tấm ván kê đầu, nên lau chùi rồi đem vào

trong và để lại ở vị trí như cũ. Nên đem cất y và bình bát. Trong khi đặt bình bát xuống, nên dùng một tay ôm bình bát, tay kia sờ ở phía dưới giường hoặc phía dưới ghế rồi nên đặt bình bát xuống. Không nên đặt bình bát trên mặt đất không được trải lót. Trong khi máng y, nên dùng một tay cầm y, tay kia vuốt sào treo y hoặc dây phơi y, nên để mép y phía bên kia, còn chỗ gấp y lại ở bên này, rồi máng y xuống.

16. Nếu các cơn gió có bụi thổi từ hướng Đông, các cửa sổ hướng Đông nên được khép lại. Nếu các cơn gió có bụi thổi từ hướng Tây, các cửa sổ hướng Tây nên được khép lại. Nếu các cơn gió có bụi thổi từ hướng Bắc, các cửa sổ hướng Bắc nên được khép lại. Nếu các cơn gió có bụi thổi từ hướng Nam, các cửa sổ hướng Nam nên được khép lại. Nếu thời tiết lạnh, các cửa sổ nên mở ra vào ban ngày và khép lại vào ban đêm. Nếu thời tiết nóng, các cửa sổ nên khép lại vào ban ngày và mở ra vào ban đêm.

17. Nếu phòng có rác bẩn, nên quét phòng. Nếu cổng có rác bẩn, nên quét cổng. Nếu phòng hội họp có rác bẩn, nên quét phòng hội họp. Nếu nhà để đốt lửa có rác bẩn, nên quét nhà để đốt lửa. Nếu nhà vệ sinh có rác bẩn, nên quét nhà vệ sinh. Nếu nước uống không có, nên đem nước uống lại. Nếu nước rửa không có, nên đem nước rửa lại. Nếu hũ nước súc miệng không có nước, nên đổ nước vào hũ nước súc miệng.

18. Nếu sự bực bội sanh khởi ở người học trò, vị thầy dạy học nên làm cho dịu đi, hoặc nhờ vị khác làm cho dịu đi, hoặc nên tiến hành việc giảng pháp cho vị ấy. Nếu nỗi nghi hoặc sanh khởi ở người học trò, vị thầy dạy học nên làm cho tan biến, hoặc nhờ vị khác làm cho tan biến, hoặc nên tiến hành việc giảng pháp cho vị ấy. Nếu tà kiến sanh khởi ở người học trò, vị thầy dạy học nên phân giải, hoặc nhờ vị khác phân giải, hoặc nên tiến hành việc giảng pháp cho vị ấy.

19. Nếu người học trò bị phạm tội nặng, xứng đáng hình phạt *Parivāsa*, vị thầy dạy học nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để hội chúng có thể ban hình phạt *Parivāsa* cho học trò?"

20. Nếu người học trò xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu, vị thầy dạy học nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để hội chúng có thể đưa học trò về lại [hình phạt] ban đầu?"

21. Nếu người học trò xứng đáng hình phạt *Mānatta*, vị thầy dạy học nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để hội chúng có thể ban hình phạt *Mānatta* cho học trò?"

22. Nếu người học trò xứng đáng sự giải tội, vị thầy dạy học nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để hội chúng có thể giải tội cho học trò?"

23. Nếu hội chúng có ý định thực hiện hành sự khiển trách, hoặc chỉ dạy, hoặc xua đuổi, hoặc hòa giải, hoặc án treo đối với người học trò, vị thầy dạy học nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để hội chúng có thể khỏi thực hiện hành sự đối với học trò, hoặc đổi thành nhẹ hơn?" Khi hội chúng đã thực hiện hành

sự khiển trách, hoặc chỉ dạy, hoặc xua đuổi, hoặc hòa giải, hoặc án treo đối với người học trò, vị thầy dạy học nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để học trò có thể làm bổn phận một cách nghiêm chỉnh, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi và hội chúng có thể thu hồi hành sự này?"

24. Nếu y của người học trò cần phải giặt, vị thầy dạy học nên chỉ dẫn: "Ngươi nên giặt như vầy", hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để y của học trò được giặt?" Nếu y của học trò cần phải may, vị thầy dạy học nên chỉ dẫn: "Ngươi nên may như vầy", hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để y của học trò được may?" Nếu thuốc nhuộm của người học trò cần phải nấu, vị thầy dạy học nên chỉ dẫn: "Ngươi nên nấu như vầy", hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để thuốc nhuộm của học trò được nấu?" Nếu y của người học trò cần phải nhuộm, vị thầy dạy học nên chỉ dẫn: "Ngươi nên nhuộm như vầy", hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để y của học trò được nhuộm?" Trong khi nhuộm y, nên đảo tới đảo lui cho khéo léo. Không nên bỏ đi khi nước nhỏ giọt chưa ngừng. Nếu người học trò bị bệnh, nên phục vụ cho đến trọn đời, nên chờ đợi [đến khi] vị ấy có sự hồi phục.

Dứt phận sự đối với học trò.

*****

1. Vào lúc bấy giờ, các người học trò không thực hành bổn phận đúng đắn đối với các vị thầy dạy học. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, người học trò nên thực hành bổn phận đúng đắn đối với các vị thầy dạy học; vị nào không thực hành đúng đắn thì phạm tội *Dukkaṭa*.

[Các người học trò] vẫn không thực hành phận sự đúng đắn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép đuổi đi người [học trò] không thực hành phận sự đúng đắn. Và này các Tỳ-khưu, nên đuổi đi như vầy: "Ta đuổi ngươi đi", hay là "Đừng có quay trở lại đây", hay là "Hãy đem đi y bát của ngươi", hay là "Ta không giúp đỡ ngươi nữa." [Nếu] vị [thầy dạy học] bày tỏ bằng thân, bày tỏ bằng lời nói, bày tỏ bằng thân và lời nói, thì người học trò đã bị đuổi đi. [Nếu] vị ấy không bày tỏ bằng thân, không bày tỏ bằng lời nói, không bày tỏ bằng thân và lời nói thì người học trò không bị đuổi đi.

2. Vào lúc bấy giờ, những người học trò bị đuổi đi không xin lỗi. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép xin lỗi.

Các người [học trò] vẫn không xin lỗi. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, người [học trò] bị đuổi đi không nên không xin lỗi; vị nào không xin lỗi thì phạm tội *Dukkaṭa*.

3. Vào lúc bấy giờ, trong khi được xin lỗi, các vị thầy dạy học không tha thứ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép tha thứ.

Các vị [thầy dạy học] vẫn không tha thứ. Những người học trò rời đi, [hoặc] hoàn tục, [hoặc] theo ngoại đạo. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, trong khi được xin lỗi không nên không tha thứ; vị nào không tha thứ thì phạm tội *Dukkaṭa*.

4. Vào lúc bấy giờ, các vị thầy dạy học đuổi đi những người [học trò] thực hành phận sự đúng đắn, không đuổi đi những người [học trò] không thực hành phận sự đúng đắn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên đuổi đi người [học trò] thực hành phận sự đúng đắn; vị nào đuổi đi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, không nên không đuổi đi người [học trò] không thực hành phận sự đúng đắn; vị nào không đuổi đi thì phạm tội *Dukkaṭa*.

5. Này các Tỳ-khưu, nên đuổi đi người học trò có năm yếu tố: Đối với thầy dạy học, không có nhiều lòng yêu mến, không có nhiều đức tin, không có nhiều nể nang, không có nhiều kính trọng, [và] không có nhiều sự rèn luyện. Này các Tỳ-khưu, nên đuổi đi người học trò có năm yếu tố này.

6. Này các Tỳ-khưu, không nên đuổi đi người học trò có năm yếu tố: Đối với thầy dạy học, có nhiều lòng yêu mến, có nhiều đức tin, có nhiều nể nang, có nhiều kính trọng, [và] có nhiều sự rèn luyện. Này các Tỳ-khưu, không nên đuổi đi người học trò có năm yếu tố này.

7. Này các Tỳ-khưu, người học trò là đáng bị đuổi đi khi có năm yếu tố: Đối với thầy dạy học, không có nhiều lòng yêu mến, không có nhiều đức tin, không có nhiều nể nang, không có nhiều kính trọng, [và] không có nhiều sự rèn luyện. Này các Tỳ-khưu, người học trò là đáng bị đuổi đi khi có năm yếu tố này.

8. Này các Tỳ-khưu, người học trò là không đáng bị đuổi đi khi có năm yếu tố: Đối với thầy dạy học, có nhiều lòng yêu mến, có nhiều đức tin, có nhiều nể nang, có nhiều kính trọng, [và] có nhiều sự rèn luyện. Này các Tỳ-khưu, người học trò là không đáng bị đuổi đi khi có năm yếu tố này.

9. Này các Tỳ-khưu, vị thầy dạy học là vượt qua quy định khi không đuổi đi, không vượt qua quy định khi đuổi đi người học trò có năm yếu tố: Đối với thầy dạy học, không có nhiều lòng yêu mến, không có nhiều đức tin, không có nhiều nể nang, không có nhiều kính trọng, [và] không có nhiều sự rèn luyện. Này các Tỳ-khưu, vị thầy dạy học là vượt qua quy định khi không đuổi đi, không vượt qua quy định khi đuổi đi người học trò có năm yếu tố này.

10. Này các Tỳ-khưu, vị thầy dạy học là vượt qua quy định khi đuổi đi, không vượt qua quy định khi không đuổi đi người học trò có năm yếu tố: Đối với thầy dạy học, có nhiều lòng yêu mến, có nhiều đức tin, có nhiều nể nang,

có nhiều kính trọng, [và] có nhiều sự rèn luyện. Này các Tỳ-khưu, vị thầy dạy học là vượt qua quy định khi đuổi đi, không vượt qua quy định khi không đuổi đi người học trò có năm yếu tố này.

11. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu ngu dốt, thiếu kinh nghiệm [nghĩ rằng]: "Ta được mười năm! Ta được mười năm!" rồi ban cho sự nương nhờ. [Các trường hợp] những thầy dạy học ngu dốt và các học trò sáng trí được phát hiện, những thầy dạy học thiếu kinh nghiệm và các học trò có kinh nghiệm được phát hiện, những thầy dạy học nghe ít và các học trò nghe nhiều được phát hiện, những thầy dạy học trí kém và các học trò trí tuệ được phát hiện.

12. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các vị Tỳ-khưu ngu dốt, thiếu kinh nghiệm [nghĩ rằng]: 'Ta được mười năm! Ta được mười năm!' rồi ban cho sự nương nhờ khiến [các trường hợp] những thầy dạy học ngu dốt và các học trò sáng trí được phát hiện, những thầy dạy học thiếu kinh nghiệm và các học trò có kinh nghiệm được phát hiện, những thầy dạy học nghe ít và các học trò nghe nhiều được phát hiện, những thầy dạy học trí kém và các học trò trí tuệ được phát hiện?"

13. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói ...(nt)... có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy. ...(nt).

Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, vị ngu dốt, thiếu kinh nghiệm không nên ban cho sự nương nhờ; vị nào ban cho thì phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vị Tỳ-khưu có kinh nghiệm, đủ năng lực với mười năm hoặc trên mười năm được ban cho sự nương nhờ.

Dứt tụng phẩm về phận sự đối với thầy dạy học là thứ sáu.

*****

1. Vào lúc bấy giờ, trong khi các vị thầy dạy học và thầy tế độ rời đi, hoàn tục, từ trần, chuyển qua nhóm khác, các vị Tỳ-khưu không biết các trường hợp đình chỉ sự nương nhờ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, đây là năm trường hợp đình chỉ sự nương nhờ ở thầy tế độ: Thầy tế độ rời đi, hoặc hoàn tục, hoặc từ trần, hoặc chuyển qua nhóm khác, hoặc sự ra lệnh [đuổi đi] là thứ năm. Này các Tỳ-khưu, đây là năm trường hợp đình chỉ sự nương nhờ ở thầy tế độ.

2. Này các Tỳ-khưu, đây là sáu trường hợp đình chỉ sự nương nhờ ở thầy dạy học: Thầy dạy học rời đi, hoặc hoàn tục, hoặc từ trần, hoặc chuyển qua nhóm khác, hoặc sự ra lệnh [đuổi đi] là thứ năm, hoặc đã được gặp lại thầy tế độ. Này các Tỳ-khưu, đây là sáu trường hợp đình chỉ sự nương nhờ ở thầy dạy học.

3. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên để cho Sa-di phục vụ: Là vị không thành tựu Vô học giới uẩn, không thành tựu Vô học định uẩn, không thành tựu Vô học tuệ uẩn, không thành tựu Vô học giải thoát uẩn, không thành tựu Vô học giải thoát tri kiến uẩn. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên để cho Sa-di phục vụ.

4. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên để cho Sa-di phục vụ: Là vị thành tựu Vô học giới uẩn, thành tựu Vô học định uẩn, thành tựu Vô học tuệ uẩn, thành tựu Vô học giải thoát uẩn, thành tựu Vô học giải thoát tri kiến uẩn. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên để cho Sa-di phục vụ.

5. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên để cho Sa-di phục vụ: Là vị bản thân không thành tựu Vô học giới uẩn và không là người khuyến khích kẻ khác đạt được Vô học giới uẩn; bản thân không thành tựu Vô học định uẩn và không là người khuyến khích kẻ khác đạt được Vô học định uẩn; bản thân không thành tựu Vô học tuệ uẩn và không là người khuyến khích kẻ khác đạt được Vô học tuệ uẩn; bản thân không thành tựu Vô học giải thoát uẩn và không là người khuyến khích kẻ khác đạt được Vô học giải thoát uẩn; bản thân không thành tựu Vô học giải thoát tri kiến uẩn và không là người khuyến khích kẻ khác đạt được Vô học giải thoát tri kiến uẩn. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên để cho Sa-di phục vụ.

6. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên để cho Sa-di phục vụ: Là vị bản thân thành tựu Vô học giới uẩn và là người khuyến khích kẻ khác đạt được Vô học giới uẩn; bản thân thành tựu Vô học định uẩn và là người khuyến khích kẻ khác đạt được Vô học định uẩn; bản thân thành tựu Vô học tuệ uẩn và là người khuyến khích kẻ khác đạt được Vô học tuệ uẩn; bản thân thành tựu Vô học giải thoát uẩn và là người khuyến khích kẻ khác đạt được Vô học giải thoát uẩn; bản thân thành tựu Vô học giải thoát tri kiến uẩn và là người khuyến khích kẻ khác đạt được Vô học giải thoát tri kiến uẩn. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên để cho Sa-di phục vụ.

7. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên để cho Sa-di phục vụ: Là vị không có đức tin, không có sự hổ thẹn [tội lỗi], không có sự ghê sợ [tội lỗi], biếng nhác, có niệm bị quên lãng. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên để cho Sa-di phục vụ.

8. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên để cho Sa-di phục vụ: Là vị có đức tin, có sự hổ thẹn [tội lỗi], có sự ghê sợ [tội lỗi], có sự nỗ lực tinh tấn, có niệm được thiết lập. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên để cho Sa-di phục vụ.

9. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên để cho Sa-di phục vụ: Là vị bị hư hỏng về giới thuộc tăng thượng giới,[25] bị hư hỏng về hạnh kiểm thuộc tăng thượng hạnh,[26] bị hư hỏng về tri kiến thuộc tri kiến cực đoan,[27] ít học hỏi, trí kém. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên để cho Sa-di phục vụ.

10. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên để cho Sa-di phục vụ: Là vị không bị hư hỏng về giới thuộc tăng thượng giới, không bị hư hỏng về hạnh kiểm thuộc tăng thượng hạnh, không bị hư hỏng về tri kiến thuộc tri kiến cực đoan, nghe nhiều, có trí tuệ. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên để cho Sa-di phục vụ.

11. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên để cho Sa-di phục vụ: Là vị không có khả năng để phục vụ hoặc kiếm người phục vụ cho đệ tử hay học trò bị bệnh, để làm cho dịu đi hoặc nhờ người làm cho dịu đi sự bực bội [ở đệ tử hay học trò], để làm cho tan biến hoặc nhờ người làm cho tan biến đúng theo pháp nỗi nghi hoặc đã sanh khởi [ở đệ tử hay học trò], không biết về sự phạm tội, không biết cách thoát khỏi tội. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên để cho Sa-di phục vụ.

12. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên để cho Sa-di phục vụ: Là vị có khả năng để phục vụ hoặc kiếm người phục vụ cho đệ tử hay học trò bị bệnh, để làm cho dịu đi hoặc nhờ người làm cho dịu đi sự bực bội [ở đệ tử hay học trò], để làm cho tan biến hoặc nhờ người làm cho tan biến đúng theo pháp nỗi nghi hoặc đã sanh khởi [ở đệ tử hay học trò], biết về sự phạm tội, biết cách thoát khỏi tội. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên để cho Sa-di phục vụ.

---

[25] Ngài Buddhaghosa giải thích rằng tăng thượng giới (*adhisīla*) gồm có 4 tội *Pārājika* và 13 tội *Saṅghādisesa*. (*VinA*. V. 989).

[26] Tăng thượng hạnh (*ajjhācāra*) là các tội khác thuộc về 5 nhóm tội còn lại (*Sđd.*).

[27] Tri kiến cực đoan (*atidiṭṭhi*) là từ bỏ chánh kiến và chấp nhận hữu biên kiến (*Sđd.*). Xem phần giải thích về hữu biên kiến (*antaggāhikādiṭṭhi*) trong *Paṭisambhidāmagga* (*Phân tích đạo*), *TTTĐPGVN*, tập 8, tr. 888-92; *TTPV*, tập 37, tr. 286-95.

13. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên để cho Sa-di phục vụ: Là vị không có khả năng để huấn luyện các điều học thuộc về phận sự căn bản,[28] để hướng dẫn các điều học thuộc về phần đầu của Phạm hạnh,[29] để hướng dẫn về Thắng pháp, để hướng dẫn về Thắng luật,[30] để phân tách đúng theo pháp xu hướng tà kiến đã sanh khởi cho đệ tử hay học trò. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên để cho Sa-di phục vụ.

14. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên để cho Sa-di phục vụ: Là vị có khả năng để huấn luyện các điều học thuộc về phận sự căn bản, để hướng dẫn các điều học thuộc về phần đầu của Phạm hạnh, để hướng dẫn về Thắng pháp, để hướng dẫn về Thắng luật, để phân tách đúng theo pháp xu hướng tà kiến đã sanh khởi cho đệ tử hay học trò. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên để cho Sa-di phục vụ.

15. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên để cho Sa-di phục vụ: Là vị không biết về sự phạm tội, không biết về sự không phạm tội, không biết về sự phạm tội nhẹ, không biết về sự phạm tội nặng; hơn nữa, đối với vị này, hai bộ Giới bổn (*Pātimokkha*) không khéo được truyền thừa một cách chi tiết, không khéo được phân tích, không khéo thuộc nằm lòng, không khéo được xác định theo từng điều học và từng phần phụ thuộc. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên để cho Sa-di phục vụ.

16. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên để cho Sa-di phục vụ: Là vị biết về sự phạm tội, biết về sự không phạm tội, biết về sự phạm tội nhẹ, biết về sự phạm tội nặng; hơn nữa, đối với vị này, hai bộ Giới bổn (*Pātimokkha*) khéo được truyền thừa một cách chi tiết, khéo được phân tích, khéo thuộc nằm lòng, khéo được xác định theo từng điều và từng phần phụ thuộc. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên để cho Sa-di phục vụ.

17. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên để cho Sa-di phục

---

[28] Ngài Buddhaghosa giải thích về các điều học thuộc về phận sự căn bản (*ābhisamācārikā sikkhā*) là các phận sự được quy định ở trong *Khandhaka*, tức là *Mahāvagga* (*Đại phẩm*) và *Cullavagga* (*Tiểu phẩm*) (*VinA*. V. 990).

[29] Còn các điều học thuộc về phần đầu của Phạm hạnh (*ādibrahmacariyikā sikkhā*) là phần quy định dành cho bậc Hữu học, tức là hai phần Giới bổn (*Pātimokkha*) đã được quy định cho Tỳ-khưu và Tỳ-khưu-ni (*Sđd.*).

[30] Hướng dẫn về Thắng pháp là có khả năng hướng dẫn về sự phân biệt danh sắc, và hướng dẫn về Thắng luật là hướng dẫn về toàn bộ tạng Luật (*Sđd.*).

vụ: Là vị không biết về sự phạm tội, không biết về sự không phạm tội, không biết về sự phạm tội nhẹ, không biết về sự phạm tội nặng, chưa đủ mười năm. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên để cho Sa-di phục vụ.

18. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên để cho Sa-di phục vụ: Là vị biết về sự phạm tội, biết về sự không phạm tội, biết về sự phạm tội nhẹ, biết về sự phạm tội nặng, được mười năm hoặc hơn mười năm. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên để cho Sa-di phục vụ.

Dứt mười sáu nhóm năm của phần "Nên ban phép tu lên bậc trên."

*****

1. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có sáu yếu tố này không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên để cho Sa-di phục vụ: Là vị không thành tựu Vô học giới uẩn, không thành tựu Vô học định uẩn, không thành tựu Vô học tuệ uẩn, không thành tựu Vô học giải thoát uẩn, không thành tựu Vô học giải thoát tri kiến uẩn, chưa đủ mười năm. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có sáu yếu tố này không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên để cho Sa-di phục vụ.

2. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có sáu yếu tố này nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên để cho Sa-di phục vụ: Là vị thành tựu Vô học giới uẩn, thành tựu Vô học định uẩn, thành tựu Vô học tuệ uẩn, thành tựu Vô học giải thoát uẩn, thành tựu Vô học giải thoát tri kiến uẩn, được mười năm hoặc hơn mười năm. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có sáu yếu tố này nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên để cho Sa-di phục vụ.

3. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có sáu yếu tố khác nữa không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên để cho Sa-di phục vụ: Là vị bản thân không thành tựu Vô học giới uẩn và không là người khuyến khích kẻ khác đạt được Vô học giới uẩn; bản thân không thành tựu Vô học định uẩn và không là người khuyến khích kẻ khác đạt được Vô học định uẩn; bản thân không thành tựu Vô học tuệ uẩn và không là người khuyến khích kẻ khác đạt được Vô học tuệ uẩn; bản thân không thành tựu Vô học giải thoát uẩn và không là người khuyến khích kẻ khác đạt được Vô học giải thoát uẩn; bản thân không thành tựu Vô học giải thoát tri kiến uẩn và không là người khuyến khích kẻ khác đạt được Vô học giải thoát tri kiến uẩn, chưa đủ mười năm. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có sáu yếu tố này không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên để cho Sa-di phục vụ.

4. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có sáu yếu tố này nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên để cho Sa-di phục vụ: Là vị bản thân thành tựu

Vô học giới uẩn và là người khuyến khích kẻ khác đạt được Vô học giới uẩn; bản thân thành tựu Vô học định uẩn và là người khuyến khích kẻ khác đạt được Vô học định uẩn; bản thân thành tựu Vô học tuệ uẩn và là người khuyến khích kẻ khác đạt được Vô học tuệ uẩn; bản thân thành tựu Vô học giải thoát uẩn và là người khuyến khích kẻ khác đạt được Vô học giải thoát uẩn; bản thân thành tựu Vô học giải thoát tri kiến uẩn và là người khuyến khích kẻ khác đạt được Vô học giải thoát tri kiến uẩn, được mười năm hoặc hơn mười năm. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có sáu yếu tố này nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên để cho Sa-di phục vụ.

5. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có sáu yếu tố khác nữa không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên để cho Sa-di phục vụ: Là vị không có đức tin, không có sự hổ thẹn [tội lỗi], không có sự ghê sợ [tội lỗi], biếng nhác, có niệm bị quên lãng, chưa đủ mười năm. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có sáu yếu tố này không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên để cho Sa-di phục vụ.

6. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có sáu yếu tố nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên để cho Sa-di phục vụ: Là vị có đức tin, có sự hổ thẹn [tội lỗi], có sự ghê sợ [tội lỗi], có sự nỗ lực tinh tấn, có niệm được thiết lập, được mười năm hoặc hơn mười năm. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có sáu yếu tố này nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên để cho Sa-di phục vụ.

7. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có sáu yếu tố khác nữa không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên để cho Sa-di phục vụ: Là vị bị hư hỏng về giới thuộc tăng thượng giới, bị hư hỏng về hạnh kiểm thuộc tăng thượng hạnh, bị hư hỏng về tri kiến thuộc tri kiến cực đoan, ít học hỏi, trí kém, chưa đủ mười năm. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có sáu yếu tố này không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên để cho Sa-di phục vụ.

8. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có sáu yếu tố nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên để cho Sa-di phục vụ: Là vị không bị hư hỏng về giới thuộc tăng thượng giới, không bị hư hỏng về hạnh kiểm thuộc tăng thượng hạnh, không bị hư hỏng về tri kiến thuộc tri kiến cực đoan, nghe nhiều, có trí tuệ, được mười năm hoặc hơn mười năm. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có sáu yếu tố này nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên để cho Sa-di phục vụ.

9. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có sáu yếu tố khác nữa không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên để cho Sa-di phục vụ: Là vị không có khả năng để phục vụ, hoặc kiếm người phục vụ cho đệ tử hay học trò bị bệnh, để làm cho dịu đi hoặc nhờ người làm cho dịu đi sự bực bội [ở đệ tử hay học trò], để làm cho tan biến hoặc nhờ người làm cho tan biến đúng theo pháp nỗi nghi hoặc đã sanh khởi [ở đệ tử hay học trò], không biết về tội, không biết cách thoát khỏi tội, chưa đủ mười năm. Này các Tỳ-khưu, vị

Tỳ-khưu có sáu yếu tố này không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên để cho Sa-di phục vụ.

10. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có sáu yếu tố nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên để cho Sa-di phục vụ: Là vị có khả năng để phục vụ hoặc kiếm người phục vụ cho đệ tử hay học trò bị bệnh, để làm cho dịu đi hoặc nhờ người làm cho dịu đi sự bực bội [ở đệ tử hay học trò], để làm cho tan biến hoặc nhờ người làm cho tan biến đúng theo pháp nỗi nghi hoặc đã sanh khởi [ở đệ tử hay học trò], biết về tội, biết cách thoát khỏi tội, được mười năm hoặc hơn mười năm. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có sáu yếu tố này nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên để cho Sa-di phục vụ.

11. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có sáu yếu tố khác nữa không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên để cho Sa-di phục vụ: Là vị không có khả năng để huấn luyện các điều học thuộc về phận sự căn bản, để hướng dẫn các điều học thuộc về phần đầu của Phạm hạnh, để hướng dẫn về Thắng pháp, để hướng dẫn về Thắng luật, để phân tách đúng theo pháp xu hướng tà kiến đã sanh khởi cho đệ tử hay học trò, chưa đủ mười năm. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có sáu yếu tố này không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên để cho Sa-di phục vụ.

12. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có sáu yếu tố nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên để cho Sa-di phục vụ: Là vị có khả năng để huấn luyện các điều học thuộc về phận sự căn bản, để hướng dẫn các điều học thuộc về phần đầu của Phạm hạnh, để hướng dẫn về Thắng pháp, để hướng dẫn về Thắng luật, để phân tách đúng theo pháp xu hướng tà kiến đã sanh khởi cho đệ tử hay học trò, được mười năm hoặc hơn mười năm. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có sáu yếu tố này nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên để cho Sa-di phục vụ.

13. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có sáu yếu tố khác nữa không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên để cho Sa-di phục vụ: Là vị không biết về sự phạm tội, không biết về sự không phạm tội, không biết về sự phạm tội nhẹ, không biết về sự phạm tội nặng; hơn nữa, đối với vị này, hai bộ Giới bổn (*Pātimokkha*) không khéo được truyền thừa một cách chi tiết, không khéo được phân tích, không khéo thuộc nằm lòng, không khéo được xác định theo từng điều và từng phần phụ thuộc, chưa đủ mười năm. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có sáu yếu tố này không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên cho nương nhờ, không nên để cho Sa-di phục vụ.

14. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có sáu yếu tố khác nữa nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên để cho Sa-di phục vụ: Là vị biết về sự phạm tội, biết về sự không phạm tội, biết về sự phạm tội nhẹ, biết về sự phạm tội nặng; hơn nữa, đối với vị này, hai bộ Giới bổn (*Pātimokkha*) khéo được truyền thừa một cách chi tiết, khéo được phân tích, khéo thuộc nằm lòng, khéo

được xác định theo từng điều và từng phần phụ thuộc, được mười năm hoặc hơn mười năm. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có sáu yếu tố này nên ban phép tu lên bậc trên, nên cho nương nhờ, nên để cho Sa-di phục vụ.

Dứt mười bốn nhóm sáu
của phần "Nên ban phép tu lên bậc trên."

*****

1. Vào lúc bấy giờ, có người trước đây theo ngoại đạo, trong khi được thầy tế độ nói về vấn đề thuộc giáo pháp, đã bắt bẻ lời dạy của thầy tế độ rồi chuyển sang [tu tập ở] lãnh vực của chính ngoại đạo ấy. Người ấy đã quay trở lại lần nữa và thỉnh cầu các Tỳ-khưu sự tu lên bậc trên. Các Tỳ-khưu đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, người nào trước đây theo ngoại đạo, trong khi được thầy tế độ nói về vấn đề thuộc giáo pháp, đã bắt bẻ lời dạy của thầy tế độ rồi chuyển sang [tu tập ở] lãnh vực của chính ngoại đạo ấy, người ấy đi đến thì không nên cho tu lên bậc trên.

2. Này các Tỳ-khưu, còn có hạng người khác, trước đây theo ngoại đạo, mong mỏi sự xuất gia trong Pháp và Luật này, mong mỏi việc tu lên bậc trên, nên ban cho vị ấy bốn tháng *Parivāsa*.[31] Này các Tỳ-khưu, nên ban cho như vầy: Trước tiên, nên bảo cạo bỏ râu tóc, bảo khoác lên các tấm vải màu ca-sa, bảo đắp thượng y một bên vai, bảo đảnh lễ ở chân các vị Tỳ-khưu, bảo ngồi chồm hổm, bảo chắp tay lên và nên bảo rằng: "Ngươi hãy nói như vầy: 'Tôi đi đến đức Phật là nơi nương nhờ. Tôi đi đến Giáo pháp là nơi nương nhờ. Tôi đi đến Hội chúng là nơi nương nhờ. Lần thứ nhì, tôi đi đến đức Phật là nơi nương nhờ. Lần thứ nhì, tôi đi đến Giáo pháp là nơi nương nhờ. Lần thứ nhì, tôi đi đến Hội chúng là nơi nương nhờ. Lần thứ ba, tôi đi đến đức Phật là nơi nương nhờ. Lần thứ ba, tôi đi đến Giáo pháp là nơi nương nhờ. Lần thứ ba, tôi đi đến Hội chúng là nơi nương nhờ.'"

3. Này các Tỳ-khưu, người trước đây theo ngoại đạo ấy nên đi đến hội chúng, nên đắp thượng y một bên vai, nên đảnh lễ ở chân các Tỳ-khưu, ngồi chồm hổm, chắp tay lên và nên nói như vầy: "Bạch các ngài, tôi tên [như vầy] trước đây theo ngoại đạo, mong mỏi việc tu lên bậc trên trong Pháp và Luật này. Bạch các ngài, tôi đây thỉnh cầu hội chúng bốn tháng *Parivāsa*." Nên được thỉnh cầu lần thứ nhì. Nên được thỉnh cầu lần thứ ba.

4. Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị này tên [như vầy] trước đây theo ngoại đạo, mong mỏi việc tu lên bậc trên trong Pháp và Luật này. Vị

[31] *Parivāsa*: Trường hợp vị Tỳ-khưu phạm tội *Saṅghādisesa* có che giấu, muốn được trong sạch trở lại phải xin hành phạt cũng có tên là *Parivāsa*. Tuy có tên gọi giống nhau nhưng phận sự thực hành không giống nhau (ND).

ấy thỉnh cầu hội chúng bốn tháng *Parivāsa*. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho vị tên [như vầy] trước đây theo ngoại đạo bốn tháng *Parivāsa*. Đây là lời đề nghị.

5. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị này tên [như vầy] trước đây theo ngoại đạo, mong mỏi việc tu lên bậc trên trong Pháp và Luật này. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng bốn tháng *Parivāsa*. Hội chúng ban cho vị tên [như vầy] trước đây theo ngoại đạo, bốn tháng *Parivāsa*. Đại đức nào đồng ý việc ban cho bốn tháng *Parivāsa* đến vị tên [như vầy] trước đây theo ngoại đạo, xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

6. Bốn tháng *Parivāsa* đã được hội chúng ban cho vị tên [như vầy] trước đây theo ngoại đạo. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

7. Này các Tỳ-khưu, người trước đây theo ngoại đạo như thế này là người đạt yêu cầu, như thế này là người không đạt yêu cầu. Này các Tỳ-khưu, người trước đây theo ngoại đạo như thế nào là người không đạt yêu cầu? Này các Tỳ-khưu, trường hợp người trước đây theo ngoại đạo đi vào làng quá sớm và trở về quá trễ. Này các Tỳ-khưu, người trước đây theo ngoại đạo như thế ấy là người không đạt yêu cầu.

8. Này các Tỳ-khưu, còn có điều khác nữa, người trước đây theo ngoại đạo lai vãng với đĩ điếm, hoặc lai vãng với góa phụ, hoặc lai vãng với gái lỡ thời, hoặc lai vãng với người vô căn, hoặc lai vãng với Tỳ-khưu-ni. Này các Tỳ-khưu, người trước đây theo ngoại đạo như thế ấy là người không đạt yêu cầu.

9. Này các Tỳ-khưu, còn có điều khác nữa, có những công việc lớn nhỏ gì đó cần phải làm đối với các vị có Phạm hạnh. Trong những trường hợp ấy, người trước đây theo ngoại đạo lại không khéo léo, không năng động, không có sự tìm tòi cách giải quyết các vấn đề ấy, không đủ khả năng làm, không đủ khả năng hướng dẫn [người khác làm]. Này các Tỳ-khưu, người trước đây theo ngoại đạo như thế ấy là người không đạt yêu cầu.

10. Này các Tỳ-khưu, còn có điều khác nữa, người trước đây theo ngoại đạo không có ước muốn mãnh liệt đối với việc đọc tụng, đối với việc học hỏi, đối với tăng thượng giới, đối với tăng thượng tâm, đối với tăng thượng tuệ.[32] Này các Tỳ-khưu, người trước đây theo ngoại đạo như thế ấy là người không đạt yêu cầu.

11. Này các Tỳ-khưu, còn có điều khác nữa, người trước đây theo ngoại đạo trở nên giận dữ, không hoan hỷ, không hài lòng với lời chê bai nói về vị thầy, về quan điểm, về điều mong mỏi, về điều khao khát, về điều nắm giữ của phái ngoại đạo mà từ đó người ấy đã chuyển sang; trở nên hoan hỷ, phấn chấn, hài lòng với

[32] Ngài Buddhaghosa giải thích về tăng thượng giới (*adhisīla*) là Giới bổn (*Pātimokkha*), tăng thượng tâm (*adhicitta*) là sự tu tập các loại định hợp thế, tăng thượng tuệ (*adhipaññā*) là sự tu tập [các tâm] đạo siêu thế (*VinA*. V. 993).

lời chê bai nói về đức Phật, về Giáo pháp, hoặc về Hội chúng; trở nên hoan hỷ, phấn chấn, hài lòng với lời khen ngợi nói về vị thầy, về quan điểm, về điều mong mỏi, về điều khao khát, về điều nắm giữ của phái ngoại đạo mà từ đó người ấy đã chuyển sang; trở nên giận dữ, không hoan hỷ, không hài lòng với lời khen ngợi nói về đức Phật, về Giáo pháp, hoặc về Hội chúng. Này các Tỳ-khưu, đây là điểm chủ yếu trong việc không đạt yêu cầu của người trước đây theo ngoại đạo. Này các Tỳ-khưu, người trước đây theo ngoại đạo như thế ấy là người không đạt yêu cầu. Này các Tỳ-khưu, người trước đây theo ngoại đạo đã đi đến [nếu] là người không đạt yêu cầu như thế ấy thì không nên cho tu lên bậc trên.

12. Này các Tỳ-khưu, người trước đây theo ngoại đạo như thế nào là người đạt yêu cầu? Này các Tỳ-khưu, trường hợp người trước đây theo ngoại đạo đi vào làng không quá sớm và trở về không quá trễ. Này các Tỳ-khưu, người trước đây theo ngoại đạo như thế ấy là người đạt yêu cầu.

13. Này các Tỳ-khưu, còn có điều khác nữa, người trước đây theo ngoại đạo không lai vãng với đĩ điếm, không lai vãng với góa phụ, không lai vãng với gái lỡ thời, không lai vãng với người vô căn, không lai vãng với Tỳ-khưu-ni. Này các Tỳ-khưu, người trước đây theo ngoại đạo như thế ấy là người đạt yêu cầu.

14. Này các Tỳ-khưu, còn có điều khác nữa, có những công việc lớn nhỏ gì đó cần phải làm đối với các vị có Phạm hạnh. Trong những trường hợp ấy, người trước đây theo ngoại đạo là khéo léo, năng động, có sự tìm tòi cách giải quyết các vấn đề ấy, có đủ khả năng làm, có đủ khả năng hướng dẫn [người khác làm]. Này các Tỳ-khưu, người trước đây theo ngoại đạo như thế ấy là người đạt yêu cầu.

15. Này các Tỳ-khưu, còn có điều khác nữa, người trước đây theo ngoại đạo có ước muốn mãnh liệt đối với việc đọc tụng, đối với việc học hỏi, đối với tăng thượng giới, đối với tăng thượng tâm, đối với tăng thượng tuệ. Này các Tỳ-khưu, người trước đây theo ngoại đạo như thế ấy là người đạt yêu cầu.

16. Này các Tỳ-khưu, còn có điều khác nữa, người trước đây theo ngoại đạo trở nên hoan hỷ, phấn chấn, hài lòng với lời chê bai nói về vị thầy, về quan điểm, về điều mong mỏi, về điều khao khát, về điều nắm giữ của phái ngoại đạo mà từ đó người ấy đã chuyển sang; trở nên giận dữ, không hoan hỷ, không hài lòng với lời chê bai nói về đức Phật, về Giáo pháp, hoặc về Hội chúng; trở nên giận dữ, không hoan hỷ, không hài lòng với lời khen ngợi nói về vị thầy, về quan điểm, về điều mong mỏi, về điều khao khát, về điều nắm giữ của phái ngoại đạo mà từ đó người ấy đã chuyển sang; trở nên hoan hỷ, phấn chấn, hài lòng với lời khen ngợi nói về đức Phật, về Giáo pháp, hoặc về Hội chúng. Này các Tỳ-khưu, đây là điểm chủ yếu trong việc đạt yêu cầu của người trước đây theo ngoại đạo. Này các Tỳ-khưu, người trước đây theo ngoại đạo như thế ấy là người đạt yêu cầu. Này các Tỳ-khưu, người trước đây theo ngoại đạo đã đi đến [nếu] là người đạt yêu cầu như thế ấy thì nên cho tu lên bậc trên.

17. Này các Tỳ-khưu, nếu người trước đây theo ngoại đạo là trần truồng đi đến, y là trách nhiệm thuộc về thầy tế độ, cần được tìm kiếm. Nếu người có tóc chưa được cắt đi đến thì hội chúng nên được thông báo về việc cạo tóc. Này các Tỳ-khưu, những người nào là các vị thờ lửa, là các đạo sĩ bện tóc, [nếu] các vị ấy đã đi đến thì nên cho tu lên bậc trên, không cần ban cho *Parivāsa* đến những người ấy. Lý do của điều ấy là gì? Này các Tỳ-khưu, những người ấy là những người thuyết về nghiệp, là những người thuyết về nhân quả. Này các Tỳ-khưu, nếu người trước đây theo ngoại đạo là người thuộc dòng Sakya đi đến, [nếu] người ấy đã đi đến thì nên cho tu lên bậc trên, không cần ban cho *Parivāsa* đến người ấy. Này các Tỳ-khưu, Ta ban cho đặc ân ngoại lệ này đến các thân quyến.

Dứt phần giảng về người trước đây theo ngoại đạo.
Tụng phẩm thứ bảy.

*****

1. Vào lúc bấy giờ, có năm thứ bệnh phát triển rộng khắp trong dân chúng xứ Magadha là bệnh cùi, bệnh mụt nhọt, bệnh chàm, bệnh lao phổi, bệnh động kinh. Những người mắc phải năm thứ bệnh đi đến gặp Jīvaka Komārabhacca và nói như vầy:

– Thưa thầy, tốt đẹp thay, thầy hãy điều trị cho chúng tôi.

– Các ngài ơi, tôi có nhiều phận sự, có nhiều việc cần phải làm. Và tôi còn phải phục vụ đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha, các cung phi và hội chúng Tỳ-khưu có đức Phật đứng đầu nữa; tôi không thể điều trị [các ngài] được.

– Thưa thầy, tất cả tài sản hãy là của thầy và chúng tôi sẽ là đầy tớ của thầy. Tốt đẹp thay, thầy hãy điều trị cho chúng tôi.

– Các ngài ơi, tôi có nhiều phận sự, có nhiều việc cần phải làm. Và tôi còn phải phục vụ đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha, các cung phi và hội chúng Tỳ-khưu có đức Phật đứng đầu nữa; tôi không thể điều trị [các ngài] được.

2. Khi ấy, những người dân ấy đã khởi ý điều này: "Những Sa-môn Thích tử này có giới luật thoải mái, có sở hành thoải mái, sau khi thọ thực thức ăn ngon rồi nằm ngủ ở những cái giường kín gió, hay là chúng ta nên xuất gia nơi các Sa-môn Thích tử? Trong trường hợp ấy, chính các vị Tỳ-khưu sẽ chăm sóc [chúng ta] và Jīvaka Komārabhacca sẽ điều trị."

3. Sau đó, những người dân ấy đã đi đến gặp các Tỳ-khưu và thỉnh cầu sự xuất gia. Các Tỳ-khưu đã cho họ xuất gia, đã cho tu lên bậc trên. Và chính các Tỳ-khưu đã chăm sóc họ và Jīvaka Komārabhacca đã điều trị.

4. Vào lúc bấy giờ, trong lúc chăm sóc nhiều Tỳ-khưu bị bệnh, các vị Tỳ-khưu sống có nhiều sự xin xỏ, có nhiều sự yêu cầu: "Hãy bố thí vật thực dành cho người bệnh, hãy bố thí vật thực dành cho người chăm sóc bệnh, hãy bố thí dược phẩm dành cho người bệnh." Ngay cả Jīvaka Komārabhacca, trong lúc điều trị nhiều Tỳ-khưu bị bệnh, đã xao lãng phận sự nào đó đối với đức vua.

5. Và có người đàn ông nọ cũng mắc phải năm thứ bệnh, đã đi đến gặp Jīvaka Komārabhacca và đã nói điều này:

– Thưa thầy, tốt đẹp thay, thầy hãy điều trị cho tôi.

– Ngài ơi, tôi có nhiều phận sự, có nhiều việc cần phải làm. Và tôi còn phải phục vụ đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha, các cung phi và hội chúng Tỳ-khưu có đức Phật đứng đầu nữa; tôi không thể điều trị [ngài] được.

– Thưa thầy, tất cả tài sản hãy là của thầy và tôi sẽ là đầy tớ của thầy. Tốt đẹp thay, thầy hãy điều trị cho tôi.

– Ngài ơi, tôi có nhiều phận sự, có nhiều việc cần phải làm. Và tôi còn phải phục vụ đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha, các cung phi và hội chúng Tỳ-khưu có đức Phật đứng đầu nữa; tôi không thể điều trị [ngài] được.

6. Khi ấy, người đàn ông ấy đã khởi ý điều này: "Những Sa-môn Thích tử này có giới luật thoải mái, có sở hành thoải mái, sau khi thọ thực thức ăn ngon rồi nằm ngủ ở những cái giường kín gió, hay là ta nên xuất gia nơi các Sa-môn Thích tử? Trong trường hợp ấy, chính các vị Tỳ-khưu sẽ chăm sóc [ta] và Jīvaka Komārabhacca sẽ điều trị; khi khỏi bệnh, ta đây sẽ hoàn tục."

7. Sau đó, người đàn ông ấy đã đi đến gặp các Tỳ-khưu và thỉnh cầu sự xuất gia. Các Tỳ-khưu đã cho người ấy xuất gia, đã cho tu lên bậc trên. Và chính các Tỳ-khưu đã chăm sóc người ấy và Jīvaka Komārabhacca đã điều trị. Người ấy khi khỏi bệnh đã hoàn tục.

8. Jīvaka Komārabhacca đã nhìn thấy người đàn ông hoàn tục ấy, sau khi nhìn thấy đã nói với người đàn ông ấy điều này:

– Thưa ngài, có phải ngài đã xuất gia nơi các Tỳ-khưu không?

– Thưa thầy, đúng vậy.

– Thưa ngài, điều gì khiến ngài đã làm việc như thế?

9. Khi ấy, người đàn ông ấy đã kể lại sự việc ấy cho Jīvaka Komārabhacca. Jīvaka Komārabhacca phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

– Tại sao các Đại đức lại cho người bị mắc phải năm thứ bệnh xuất gia?

10. Sau đó, Jīvaka Komārabhacca đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Jīvaka Komārabhacca đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, tốt đẹp thay các ngài Đại đức không cho người bị mắc phải năm thứ bệnh xuất gia.

11. Khi ấy, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi cho Jīvaka Komārabhacca bằng bài pháp thoại. Sau đó, khi đã được đức Thế Tôn chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi bằng bài pháp thoại, Jīvaka Komārabhacca đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiễu quanh rồi ra đi.

12. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, không nên cho người bị mắc phải năm chứng bệnh xuất gia; vị nào cho xuất gia thì phạm tội *Dukkaṭa*.

13. Vào lúc bấy giờ, vùng biên địa của đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha bị [trộm cướp] dấy loạn. Khi ấy, đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã ra lệnh cho các quan đại thần lãnh đạo quân đội rằng:

– Này các khanh, hãy đi và thu hồi lại vùng biên địa.

– Tâu Bệ hạ, xin vâng.

Các quan đại thần lãnh đạo quân đội đã đáp lại đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha.

14. Khi ấy, các chiến sĩ danh tiếng lẫy lừng đã khởi ý điều này: "Là những người say mê chiến trận, trong khi đi [đánh trận], chúng ta tạo nghiệp ác và gây ra nhiều điều bất thiện. Với phương kế gì chúng ta có thể tránh được việc ác và có thể làm việc lành?"

15. Khi ấy, các chiến sĩ ấy đã khởi ý điều này: "Những vị Sa-môn Thích tử này là những vị thực hành giáo pháp, thực hành sự bình thản, thực hành Phạm hạnh, nói lời chân thật, có giới hạnh, có thiện pháp, nếu chúng ta có thể xuất gia nơi các Sa-môn Thích tử, như vậy chúng ta có thể tránh được việc ác và có thể làm việc lành."

16. Sau đó, các chiến sĩ ấy đã đi đến gặp các Tỳ-khưu và thỉnh cầu sự xuất gia. Các Tỳ-khưu đã cho họ xuất gia, đã cho tu lên bậc trên. Các quan đại thần lãnh đạo quân đội đã hỏi các binh sĩ của đức vua rằng:

– Này các khanh, sao các chiến sĩ tên [như vầy] và tên [như vầy] lại không hiện diện?

– Thưa Tướng quân, các chiến sĩ tên [như vầy] và tên [như vầy] đã xuất gia nơi các vị Tỳ-khưu.

Các quan đại thần lãnh đạo quân đội phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Sa-môn Thích tử lại cho binh sĩ của đức vua xuất gia?" Các quan đại thần lãnh đạo quân đội đã trình sự việc ấy lên đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha.

17. Khi ấy, đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã hỏi các quan đại thần phụ trách tòa án rằng:

– Này các khanh, người cho binh sĩ của đức vua xuất gia phạm vào điều gì?

– Tâu Bệ hạ, đầu của thầy tế độ nên bị chặt đi, lưỡi của vị đọc tuyên ngôn nên bị rút ra, một phần xương sườn của nhóm [các vị chứng minh] nên bị bẻ gãy.

18. Sau đó, đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã nói với đức Thế Tôn

điều này: "Bạch Ngài, có những vị vua không có đức tin, không có mộ đạo, những vị ấy có thể hãm hại các Tỳ-khưu chỉ vì chuyện không đáng gì. Bạch Ngài, tốt đẹp thay các ngài Đại đức không cho binh sĩ của đức vua xuất gia."

19. Khi ấy, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi cho đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha bằng bài pháp thoại. Sau đó, khi đã được đức Thế Tôn chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi bằng bài pháp thoại, đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiễu quanh rồi ra đi.

20. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, không nên cho binh sĩ của đức vua xuất gia; vị nào cho xuất gia thì phạm tội *Dukkaṭa*.

21. Vào lúc bấy giờ, kẻ cướp có mang chuỗi ngón tay[33] đã được xuất gia ở nơi các Tỳ-khưu. Dân chúng khi nhìn thấy trở nên sợ hãi, hoảng hốt, bỏ chạy, rẽ sang hướng khác, quay mặt chỗ khác, đóng cửa lại. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Sa-môn Thích tử lại cho kẻ cướp có mang biểu tượng xuất gia?" Các Tỳ-khưu đã nghe được dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên cho kẻ cướp có mang biểu tượng xuất gia; vị nào cho xuất gia thì phạm tội *Dukkaṭa*.

22. Vào lúc bấy giờ, đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã ra thông báo rằng: "Những người nào đã xuất gia nơi các vị Sa-môn Thích tử, không được phép làm bất cứ điều gì đến những người ấy. Giáo pháp đã khéo được thuyết giảng, hãy để các vị thực hành Phạm hạnh một cách đúng đắn, ngõ hầu chấm dứt khổ đau."

23. Vào lúc bấy giờ, có người đàn ông nọ sau khi thực hiện vụ trộm đã bị giam trong ngục. Người ấy đã phá ngục tẩu thoát và đã được xuất gia ở nơi các Tỳ-khưu. Dân chúng sau khi nhìn thấy đã nói như vầy: "Chính người này là kẻ cướp phá ngục. Nào, chúng ta hãy dẫn gã ấy đi." Một số người đã nói như vầy: "Này các ngài, chớ có nói như thế. Đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã ra thông báo rằng: 'Những người nào đã xuất gia nơi các vị Sa-môn Thích tử, không được phép làm bất cứ điều gì đến những người ấy. Giáo pháp đã khéo được thuyết giảng, hãy để các vị thực hành Phạm hạnh một cách đúng đắn, ngõ hầu chấm dứt khổ đau.'"

---

[33] *Coro aṅgulimālo*: Mới xem qua dễ lầm tưởng với kẻ cướp tên Aṅgulimāla trong bài kệ tụng về Tám Phật Lực. Dịch giả I. B. Horner đã nêu lên điều này với lý do không có chữ "*nāma*" (tên là) hoặc "*iti*" như thường được dùng trong trường hợp danh từ riêng; hơn nữa, ở đây vị này được xuất gia ở nơi các Tỳ-khưu, còn vị kia được xuất gia theo lối "*ehi bhikkhu*" với đức Phật. Thêm vào đó, sự biến đổi từ nữ tánh sang nam tánh của *mālā* trong cụm từ "*aṅgulimālo*" xác định đây là trường hợp "*bahubbīhi*" làm phận sự của tính từ (ND).

24. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Các vị Sa-môn Thích tử này không phải lo sợ nữa rồi. Không được phép làm bất cứ điều gì đến các vị này! Nhưng tại sao các Sa-môn Thích tử lại cho kẻ cướp phá ngục xuất gia?"

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên cho kẻ cướp phá ngục xuất gia; vị nào cho xuất gia thì phạm tội *Dukkaṭa*.

25. Vào lúc bấy giờ, có người đàn ông nọ sau khi thực hiện vụ trộm đã tẩu thoát và đã được xuất gia ở nơi các Tỳ-khưu. Người ấy đã bị cáo thị tầm nã ở hoàng cung rằng: "Được nhìn thấy tại đâu thì được giết tại đấy." Dân chúng đã nói như vầy: "Chính người này là kẻ cướp bị cáo thị tầm nã. Nào, chúng ta hãy giết gã ấy đi." Một số người đã nói như vầy: "Này các ngài, chớ có nói như thế. Đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã ra thông báo rằng: 'Những người nào đã xuất gia nơi các vị Sa-môn Thích tử, không được phép làm bất cứ điều gì đến những người ấy. Giáo pháp đã khéo được thuyết giảng, hãy để các vị thực hành Phạm hạnh một cách đúng đắn, ngõ hầu chấm dứt khổ đau.'"

26. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Các vị Sa-môn Thích tử này không phải lo sợ nữa rồi. Không được phép làm bất cứ điều gì đến các vị này! Nhưng tại sao các Sa-môn Thích tử lại cho kẻ cướp bị cáo thị tầm nã xuất gia?"

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên cho kẻ cướp bị cáo thị tầm nã xuất gia; vị nào cho xuất gia thì phạm tội *Dukkaṭa*.

27. Vào lúc bấy giờ, có người đàn ông nọ bị xử hình phạt đánh bằng roi đã được xuất gia ở nơi các Tỳ-khưu. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Sa-môn Thích tử lại cho kẻ bị xử hình phạt đánh bằng roi xuất gia?"

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên cho kẻ bị xử hình phạt đánh bằng roi xuất gia; vị nào cho xuất gia thì phạm tội *Dukkaṭa*.

28. Vào lúc bấy giờ, có người đàn ông nọ bị xử hình phạt đóng dấu đã được xuất gia ở nơi các Tỳ-khưu. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Sa-môn Thích tử lại cho kẻ bị xử hình phạt đóng dấu xuất gia?"

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên cho kẻ bị xử hình phạt đóng dấu xuất gia; vị nào cho xuất gia thì phạm tội *Dukkaṭa*.

29. Vào lúc bấy giờ, có người đàn ông nọ là kẻ thiếu nợ đã bỏ trốn và đã được xuất gia ở nơi các Tỳ-khưu. Những người chủ nợ đã nhìn thấy và nói như vầy: "Chính người này là kẻ thiếu nợ của chúng ta. Nào, chúng ta hãy dẫn gã ấy đi." Một số người đã nói như vầy: "Này các ngài, chớ có nói như thế. Đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã ra thông báo rằng: 'Những người nào đã xuất gia nơi các vị Sa-môn Thích tử, không được phép làm bất cứ điều gì đến những

người ấy. Giáo pháp đã khéo được thuyết giảng, hãy để các vị thực hành Phạm hạnh một cách đúng đắn, ngõ hầu chấm dứt khổ đau.'"

30. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Các vị Sa-môn Thích tử này không phải lo sợ nữa rồi. Không được phép làm bất cứ điều gì đến các vị này! Nhưng tại sao các Sa-môn Thích tử lại cho kẻ thiếu nợ xuất gia?"

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên cho kẻ thiếu nợ xuất gia; vị nào cho xuất gia thì phạm tội *Dukkaṭa*.

31. Vào lúc bấy giờ, có người nô tỳ nọ đã bỏ trốn và đã được xuất gia ở nơi các Tỳ-khưu. Những người chủ đã nhìn thấy và nói như vầy: "Chính người này là kẻ nô tỳ của chúng ta. Nào chúng ta hãy dẫn gã ấy đi." Một số người đã nói như vầy: "Này các ngài, chớ có nói như thế. Đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã ra thông báo rằng: 'Những người nào đã xuất gia nơi các vị Sa-môn Thích tử, không được phép làm bất cứ điều gì đến những người ấy. Giáo pháp đã khéo được thuyết giảng, hãy để các vị thực hành Phạm hạnh một cách đúng đắn, ngõ hầu chấm dứt khổ đau.'"

32. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Các vị Sa-môn Thích tử này không phải lo sợ nữa rồi. Không được phép làm bất cứ điều gì đến các vị này! Nhưng tại sao các Sa-môn Thích tử lại cho kẻ nô tỳ xuất gia?"

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên cho kẻ nô tỳ xuất gia; vị nào cho xuất gia thì phạm tội *Dukkaṭa*.

33. Vào lúc bấy giờ, có người thợ bạc bị sói đầu nọ, sau khi cãi vã với cha mẹ đã đi đến tu viện và đã được xuất gia ở nơi các Tỳ-khưu. Sau đó, cha mẹ của người thợ bạc bị sói đầu ấy, trong khi tìm kiếm người thợ bạc bị sói đầu ấy, đã đi đến tu viện và đã hỏi các Tỳ-khưu rằng: "Thưa các ngài, vậy chớ các ngài có nhìn thấy người trai trẻ hình dáng như thế này không?" Các vị Tỳ-khưu trong khi không biết nên đã nói rằng: "Chúng tôi không biết", trong khi không nhìn thấy nên đã nói rằng: "Chúng tôi không nhìn thấy."

34. Sau đó, cha mẹ của người thợ bạc bị sói đầu ấy, trong lúc tìm kiếm người thợ bạc bị sói đầu ấy, nhìn thấy [người ấy] đã được xuất gia ở nơi các Tỳ-khưu nên phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Những Sa-môn Thích tử này thật vô liêm sỉ, giới hạnh xấu xa, là những kẻ nói láo, trong khi biết lại nói rằng: 'Chúng tôi không biết', trong khi nhìn thấy lại nói rằng: 'Chúng tôi không nhìn thấy.' Người trai trẻ này đã được xuất gia ở nơi các Tỳ-khưu."

35. Các Tỳ-khưu đã nghe được cha mẹ của người thợ bạc bị sói đầu ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thông báo đến hội chúng về việc cạo tóc.

36. Vào lúc bấy giờ, trong thành Rājagaha có nhóm mười bảy thiếu niên là bạn bè. Thiếu niên Upāli là thủ lãnh của họ. Khi ấy, cha mẹ của Upāli đã khởi ý điều này: "Có phương kế gì để sau khi chúng ta từ trần, Upāli có thể sống thoải mái và không bị cực nhọc?"

37. Rồi cha mẹ của Upāli đã khởi ý điều này: "Nếu Upāli có thể học chữ viết, như thế sau khi chúng ta từ trần, Upāli có thể sống thoải mái và không bị cực nhọc."

38. Rồi cha mẹ của Upāli đã khởi ý điều này: "Nếu Upāli học chữ viết thì các ngón tay sẽ bị đau. Nếu Upāli có thể học tính toán, như thế, sau khi chúng ta từ trần, Upāli có thể sống thoải mái và không bị cực nhọc."

39. Rồi cha mẹ của Upāli đã khởi ý điều này: "Nếu Upāli học tính toán thì ngực sẽ bị đau. Nếu Upāli có thể học hội họa, như thế sau khi chúng ta từ trần, Upāli có thể sống thoải mái và không bị cực nhọc."

40. Rồi cha mẹ của Upāli đã khởi ý điều này: "Nếu Upāli học hội họa thì các con mắt sẽ bị đau. Còn những Sa-môn Thích tử này có giới luật thoải mái, có sở hành thoải mái, sau khi thọ thực thức ăn ngon rồi nằm ngủ ở những cái giường kín gió, nếu Upāli có thể xuất gia nơi các Sa-môn Thích tử, như thế sau khi chúng ta từ trần, Upāli có thể sống thoải mái và không bị cực nhọc."

41. Thiếu niên Upāli đã nghe được cuộc nói chuyện trao đổi ấy của cha mẹ. Sau đó, thiếu niên Upāli đã đi đến gặp những thiếu niên ấy, sau khi đến đã nói với những thiếu niên ấy điều này: "Này các bạn, hãy đi. Chúng ta sẽ xuất gia nơi các Sa-môn Thích tử."

42. Sau đó, những thiếu niên ấy, từng người một đã đi đến gặp cha mẹ của mình và đã nói điều này: "Hãy cho phép con rời nhà xuất gia, sống không nhà." Khi ấy, cha mẹ của những thiếu niên ấy [nghĩ rằng]: "Tất cả những đứa trẻ này có ước muốn giống nhau, có ý định tốt đẹp" nên đã chấp thuận. Chúng đã đi đến gặp các Tỳ-khưu và thỉnh cầu sự xuất gia. Các Tỳ-khưu đã cho chúng xuất gia, đã cho tu lên bậc trên. Những thiếu niên ấy, trong đêm vào lúc hừng sáng, sau khi thức dậy đã khóc lóc: "Hãy cho cháo, hãy cho thức ăn, hãy cho vật nhai."

43. Các Tỳ-khưu đã nói như vầy: "Này các Sư đệ, hãy chờ đến khi trời sáng, nếu có cháo thì các đệ sẽ húp cháo, nếu có thức ăn thì các đệ sẽ ăn, nếu có vật nhai thì các đệ sẽ nhai; còn nếu không có cháo, hoặc thức ăn, hoặc vật nhai thì các đệ sẽ ăn sau khi đi khất thực."

44. Trong khi được nói như thế bởi các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu [thiếu niên] ấy vẫn khóc lóc: "Hãy cho cháo, hãy cho thức ăn, hãy cho vật nhai", rồi đại tiện, tiểu tiện ở chỗ nằm ngồi.

45. Đức Thế Tôn, trong đêm vào lúc hừng sáng, sau khi thức dậy đã nghe tiếng của các đứa trẻ, sau khi nghe đã bảo Đại đức Ānanda rằng: "Này Ānanda, tiếng của các đứa trẻ ấy là gì vậy?"

46. Khi ấy, Đại đức Ānanda đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu trong khi biết vẫn cho tu lên bậc trên người chưa đến hai mươi tuổi, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– Này các Tỳ-khưu, vì sao những kẻ rồ dại ấy trong khi biết vẫn cho tu lên bậc trên người chưa đến hai mươi tuổi? Này các Tỳ-khưu, người chưa đến hai mươi tuổi không có khả năng chịu đựng đối với sự lạnh, sự nóng, sự đói, sự khát, các sự xúc chạm bởi ruồi, muỗi, gió, nắng và các loài bò sát, các lối nói lăng mạ công kích, có khuynh hướng không cam chịu các cảm thọ khổ, nhức nhối, khốc liệt, sắc bén, gay gắt, không chút thích thú, khó chịu, chết người, thuộc về cơ thể đã sanh khởi.

47. Này các Tỳ-khưu, người đã được hai mươi tuổi, có khả năng chịu đựng đối với sự lạnh, sự nóng, sự đói, sự khát, các sự xúc chạm bởi ruồi, muỗi, gió, nắng và các loài bò sát, các lối nói lăng mạ công kích, có khuynh hướng cam chịu các cảm thọ khổ, nhức nhối, khốc liệt, sắc bén, gay gắt, không chút thích thú, khó chịu, chết người thuộc về cơ thể đã sanh khởi. Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).

Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, người chưa đến hai mươi tuổi, trong khi biết, không nên cho tu lên bậc trên; vị nào cho tu lên bậc trên thì nên được hành xử theo pháp.[34]

48. Vào lúc bấy giờ, có gia đình nọ bị chết bởi bệnh dịch hạch. Người cha và người con trai của gia đình ấy là [những người] còn sót lại. Họ đã xuất gia nơi các Tỳ-khưu rồi đi khất thực chung với nhau. Khi ấy, lúc đồ ăn khất thực được bố thí đến người cha, đứa trẻ ấy đã chạy lại gần và nói điều này: "Cha yêu quý, hãy cho con với. Cha yêu quý, hãy cho con với." Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Những Sa-môn Thích tử này không có Phạm hạnh. Đứa trẻ này đã được sanh ra bởi Tỳ-khưu-ni."

49. Các Tỳ-khưu đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, đứa trẻ dưới mười lăm tuổi không nên cho xuất gia; vị nào cho xuất gia thì phạm tội *Dukkaṭa*.

50. Vào lúc bấy giờ, gia đình hộ độ có đức tin mộ đạo của Đại đức Ānanda bị chết bởi bệnh dịch hạch. Và có hai đứa trẻ trai là [những người] còn sót lại. Khi nhìn thấy các vị Tỳ-khưu, chúng theo thói quen được phép trước đây đã chạy đến gần. Các Tỳ-khưu đã đuổi [chúng] đi. Trong khi bị các vị Tỳ-khưu đuổi đi, chúng đã khóc.

---

[34] Liên quan đến tội *Pācittiya* 65 về cho tu lên bậc trên người kém hai mươi tuổi (ND).

51. Khi ấy, Đại đức Ānanda đã khởi ý điều này: "Đức Thế Tôn đã quy định rằng: 'Đứa trẻ dưới mười lăm tuổi không nên cho xuất gia'; và những đứa trẻ này dưới mười lăm tuổi, vậy bằng phương cách gì để những đứa trẻ này không thể bị tiêu hoại đây?" Sau đó, Đại đức Ānanda đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này Ānanda, những đứa trẻ ấy có khả năng để đuổi các con quạ bay đi không?

– Bạch Thế Tôn, chúng có khả năng.

Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép xuất gia đứa trẻ dưới mười lăm tuổi là trẻ [có thể] đuổi được quạ.

52. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya có hai Sa-di là Kaṇṭaka và Mahaka. Chúng đã làm điều tồi bại với nhau. Các vị Tỳ-khưu phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Sa-di lại thực hành điều sai trái có hình thức như thế ấy?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, một vị không nên để cho hai Sa-di phục vụ; vị nào để cho phục vụ thì phạm tội *Dukkaṭa*.

53. Vào lúc bấy giờ, đức Thế Tôn đã sống mùa mưa ở ngay tại nơi ấy, trong thành Rājagaha, mùa lạnh ở tại nơi ấy, mùa nóng ở tại nơi ấy. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Các hướng đi của các Sa-môn Thích tử bị tắt nghẽn, tăm tối. Các hướng đi không còn được các vị này nhận ra nữa."

54. Các Tỳ-khưu đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn đã bảo Đại đức Ānanda rằng:

– Này Ānanda, hãy đi, cầm lấy chìa khóa, và thông báo cho các vị Tỳ-khưu ở dãy phòng rằng: "Này các Đại đức, đức Thế Tôn muốn ra đi, du hành ở đến núi Dakkhiṇāgiri.[35] Đại đức nào có ý thích thì hãy đi."

– Bạch Thế Tôn, xin vâng.

Nghe theo lời đức Thế Tôn, Đại đức Ānanda đã cầm lấy chìa khóa và đã thông báo cho các vị Tỳ-khưu ở dãy phòng rằng:

– Này các Đại đức, đức Thế Tôn muốn ra đi, du hành đến núi Dakkhiṇāgiri. Đại đức nào có ý thích thì hãy đi.

Các vị Tỳ-khưu đã nói như vầy:

– Này Đại đức Ānanda, đức Thế Tôn đã quy định là sống nương nhờ mười năm, vị mười năm được cho nương nhờ. Và [nếu] chúng tôi đi đến nơi ấy thì sự nương nhờ sẽ cần được xác định [ở nơi ấy]. Và việc cư trú sẽ là ngắn ngủi và sẽ

[35] *Dakkhiṇāgiri* nghĩa là "ngọn núi ở phía Nam." Tuy nhiên, ở phía Nam của thành Rājagaha có ngọn núi tên là Dakkhiṇāgiri, vì là địa danh cho nên giữ nguyên không dịch (ND).

quay trở về lại, rồi sự nương nhờ sẽ cần được xác định lại. Nếu các thầy tế độ hoặc thầy dạy học của chúng tôi sẽ đi thì chúng tôi cũng sẽ đi, nếu các thầy tế độ hoặc thầy dạy học của chúng tôi sẽ không đi thì chúng tôi cũng sẽ không đi. Này Đại đức Ānanda, tâm tư nhẹ nhàng là điều sẽ được nhận biết ở chúng tôi.

55. Sau đó, đức Thế Tôn đã ra đi, du hành đến núi Dakkhiṇāgiri với hội chúng Tỳ-khưu là nhóm số lượng ít ỏi. Sau đó, khi đã ngự tại núi Dakkhiṇāgiri theo như ý thích, đức Thế Tôn đã quay trở về lại thành Rājagaha. Khi ấy, đức Thế Tôn đã bảo Đại đức Ānanda rằng: "Này Ānanda, vì sao Như Lai đã ra đi, du hành đến núi Dakkhiṇāgiri với hội chúng Tỳ-khưu là nhóm số lượng ít ỏi?" Khi ấy, Đại đức Ānanda đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vị Tỳ-khưu có kinh nghiệm, đủ năng lực sống nương nhờ năm năm, vị không có kinh nghiệm thì trọn đời.

56. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố không nên sống không nương nhờ: Là vị không thành tựu Vô học giới uẩn, không thành tựu Vô học định uẩn, không thành tựu Vô học tuệ uẩn, không thành tựu Vô học giải thoát uẩn, không thành tựu Vô học giải thoát tri kiến uẩn. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này không nên sống không nương nhờ.

57. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố được sống không nương nhờ: Là vị thành tựu Vô học giới uẩn, thành tựu Vô học định uẩn, thành tựu Vô học tuệ uẩn, thành tựu Vô học giải thoát uẩn, thành tựu Vô học giải thoát tri kiến uẩn. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này được sống không nương nhờ.

58. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa không nên sống không nương nhờ: Là vị không có đức tin, không có sự hổ thẹn [tội lỗi], không có sự ghê sợ [tội lỗi], biếng nhác, có niệm bị quên lãng. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này không nên sống không nương nhờ.

59. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố được sống không nương nhờ: Là vị có đức tin, có sự hổ thẹn [tội lỗi], có sự ghê sợ [tội lỗi], có sự nỗ lực tinh tấn, có niệm được thiết lập. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này được sống không nương nhờ.

60. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa không nên sống không nương nhờ: Là vị bị hư hỏng về giới thuộc tăng thượng giới, bị hư hỏng về hạnh kiểm thuộc tăng thượng hạnh, bị hư hỏng về tri kiến thuộc tri kiến cực đoan, ít học hỏi, trí kém. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này không nên sống không nương nhờ.

61. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố được sống không nương nhờ: Là vị không bị hư hỏng về giới thuộc tăng thượng giới, không bị hư hỏng về hạnh kiểm thuộc tăng thượng hạnh, không bị hư hỏng về tri kiến thuộc tri

kiến cực đoan, nghe nhiều, có trí tuệ. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này được sống không nương nhờ.

62. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa không nên sống không nương nhờ: Là vị không biết về sự phạm tội, không biết về sự không phạm tội, không biết về sự phạm tội nhẹ, không biết về sự phạm tội nặng; hơn nữa, đối với vị này, hai bộ Giới bổn (*Pātimokkha*) không khéo được truyền thừa một cách chi tiết, không khéo được phân tích, không khéo thuộc nằm lòng, không khéo được xác định theo từng điều và từng phần phụ thuộc. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này không nên sống không nương nhờ.

63. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố được sống không nương nhờ: Là vị biết về sự phạm tội, biết về sự không phạm tội, biết về sự phạm tội nhẹ, biết về sự phạm tội nặng đối với vị này; hơn nữa, đối với vị này, hai bộ Giới bổn (*Pātimokkha*) khéo được truyền thừa một cách chi tiết, khéo được phân tích, khéo thuộc nằm lòng, khéo được xác định theo từng điều và từng phần phụ thuộc. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này được sống không nương nhờ.

64. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa không nên sống không nương nhờ: Là vị không biết về sự phạm tội, không biết về sự không phạm tội, không biết về sự phạm tội nhẹ, không biết về sự phạm tội nặng, chưa đủ năm năm. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này không nên sống không nương nhờ.

65. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố được sống không nương nhờ: Là vị biết về sự phạm tội, biết về sự không phạm tội, biết về sự phạm tội nhẹ, biết về sự phạm tội nặng, được năm năm hoặc hơn năm năm. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này được sống không nương nhờ.

66. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có sáu yếu tố này không nên sống không nương nhờ: Là vị không thành tựu Vô học giới uẩn, không thành tựu Vô học định uẩn, không thành tựu Vô học tuệ uẩn, không thành tựu Vô học giải thoát uẩn, không thành tựu Vô học giải thoát tri kiến uẩn, chưa đủ năm năm. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có sáu yếu tố này không nên sống không nương nhờ.

67. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có sáu yếu tố này được sống không nương nhờ: Là vị thành tựu Vô học giới uẩn, thành tựu Vô học định uẩn, thành tựu Vô học tuệ uẩn, thành tựu Vô học giải thoát uẩn, thành tựu Vô học giải thoát tri kiến uẩn, được năm năm hoặc hơn năm năm. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có sáu yếu tố này được sống không nương nhờ.

68. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có sáu yếu tố khác nữa không nên sống không nương nhờ: Là vị không có đức tin, không có sự hổ thẹn [tội lỗi], không có sự ghê sợ [tội lỗi], biếng nhác, có niệm bị quên lãng, chưa đủ năm năm. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có sáu yếu tố này không nên sống không nương nhờ.

69. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có sáu yếu tố được sống không nương nhờ: Là vị có đức tin, có sự hổ thẹn [tội lỗi], có sự ghê sợ [tội lỗi], có sự nỗ lực

tinh tấn, có niệm được thiết lập, được năm năm hoặc hơn năm năm. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có sáu yếu tố này được sống không nương nhờ.

70. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có sáu yếu tố khác nữa không nên sống không nương nhờ: Là vị bị hư hỏng về giới thuộc tăng thượng giới, bị hư hỏng về hạnh kiểm thuộc tăng thượng hạnh, bị hư hỏng về tri kiến thuộc tri kiến cực đoan, ít học hỏi, trí kém, chưa đủ năm năm. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có sáu yếu tố này không nên sống không nương nhờ.

71. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có sáu yếu tố được sống không nương nhờ: Là vị không bị hư hỏng về giới thuộc tăng thượng giới, không bị hư hỏng về hạnh kiểm thuộc tăng thượng hạnh, không bị hư hỏng về tri kiến thuộc tri kiến cực đoan, nghe nhiều, có trí tuệ, được năm năm hoặc hơn năm năm. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có sáu yếu tố này được sống không nương nhờ.

72. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có sáu yếu tố khác nữa không nên sống không nương nhờ: Là vị không biết về sự phạm tội, không biết về sự không phạm tội, không biết về sự phạm tội nhẹ, không biết về sự phạm tội nặng đối với vị này; hơn nữa, đối với vị này, hai bộ Giới bổn (*Pātimokkha*) không khéo được truyền thừa một cách chi tiết, không khéo được phân tích, không khéo thuộc nằm lòng, không khéo được xác định theo từng điều và từng phần phụ thuộc, chưa đủ năm năm. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có sáu yếu tố này không nên sống không nương nhờ.

73. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có sáu yếu tố được sống không nương nhờ: Là vị biết về sự phạm tội, biết về sự không phạm tội, biết về sự phạm tội nhẹ, biết về sự phạm tội nặng; hơn nữa, đối với vị này, hai bộ Giới bổn (*Pātimokkha*) khéo được truyền thừa một cách chi tiết, khéo được phân tích, khéo thuộc nằm lòng, khéo được xác định theo từng điều và từng phần phụ thuộc, được năm năm hoặc hơn năm năm. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có sáu yếu tố này được sống không nương nhờ.

Dứt tụng phẩm "Không phải lo sợ" là thứ tám.

*****

1. Sau đó, khi đã ngự tại thành Rājagaha theo như ý thích, đức Thế Tôn đã ra đi, du hành về phía thành Kapilavatthu. Trong khi tuần tự du hành, Ngài đã ngự đến thành Kapilavatthu.

2. Tại nơi đó, giữa dân chúng dòng Sakya, đức Thế Tôn ngự ở thành Kapilavatthu, tại tu viện Nigrodha. Khi ấy vào buổi sáng, đức Thế Tôn đã mặc y, cầm y bát, đi đến tư dinh của Suddhodana dòng Sakya,[36] sau khi đến đã ngồi xuống trên chỗ ngồi được sắp đặt sẵn.

[36] Suddhodana dòng Sakya tức là đức Vua Tịnh Phạn dòng Thích-ca. Tịnh Phạn là từ dịch nghĩa của *Suddhodana* (*Suddha* = trong sạch + *odana* = cơm). Thích-ca là từ dịch âm của Sakya. Một số tên gọi khác cũng đã được dịch âm như là Sĩ-đạt-ta (Siddhattha), Da-du-đà-la (Yasodharā), La-hầu-la (Rāhula), Ma-da (Mayā), Kiều-đàm-di (Gotamī) (ND).

3. Khi ấy, Hoàng hậu, mẹ của Rāhula đã nói với Hoàng tử Rāhula điều này:

– Này Rāhula, người kia là cha của con. Hãy đi và cầu xin phần thừa kế.

Khi ấy, Hoàng tử Rāhula đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đứng ở phía trước đức Thế Tôn [nói rằng]:

– Này vị Sa-môn, bóng che của Ngài thật an lạc.

4. Sau đó, đức Thế Tôn đã từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi. Khi ấy, Hoàng tử Rāhula đã theo sát phía sau đức Thế Tôn [nói rằng]:

– Này vị Sa-môn, hãy ban cho con phần thừa kế. Này vị Sa-môn, hãy ban cho con phần thừa kế.

Khi ấy, đức Thế Tôn đã bảo Đại đức Sāriputta rằng:

– Này Sāriputta, như thế thì ngươi hãy cho Hoàng tử Rāhula xuất gia.

– Bạch Ngài, con cho Hoàng tử Rāhula xuất gia như thế nào?

5. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép việc xuất gia Sa-di bằng ba sự đi đến nương nhờ [tam quy]. Và này các Tỳ-khưu, nên cho xuất gia như vầy: Trước tiên, nên cho cạo bỏ râu tóc, cho choàng lên các tấm vải màu ca-sa, cho đắp thượng y một bên vai, bảo đảnh lễ ở chân các vị Tỳ-khưu, bảo ngồi chồm hổm, bảo chắp tay lên và nên bảo rằng: "Ngươi hãy nói như vầy: Tôi đi đến đức Phật là nơi nương nhờ. Tôi đi đến Giáo pháp là nơi nương nhờ. Tôi đi đến Hội chúng là nơi nương nhờ. Lần thứ nhì, tôi đi đến đức Phật là nơi nương nhờ. Lần thứ nhì, tôi đi đến Giáo pháp là nơi nương nhờ. Lần thứ nhì, tôi đi đến Hội chúng là nơi nương nhờ. Lần thứ ba, tôi đi đến đức Phật là nơi nương nhờ. Lần thứ ba, tôi đi đến Giáo pháp là nơi nương nhờ. Lần thứ ba, tôi đi đến Hội chúng là nơi nương nhờ." Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép việc xuất gia Sa-di bằng ba sự đi đến nương nhờ này.

6. Khi ấy, Đại đức Sāriputta đã cho Hoàng tử Rāhula xuất gia. Sau đó, Suddhodana dòng Sakya đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Suddhodana dòng Sakya đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, trẫm thỉnh cầu đức Thế Tôn một điều ước muốn.

– Này vị Gotama, các đấng Như Lai đã vượt khỏi các điều ước muốn.

– Bạch Ngài, điều ấy là hợp lý, điều ấy không bị chê trách.

– Này vị Gotama, xin hãy nói.

– Bạch Ngài, khi đức Thế Tôn đã xuất gia, đau khổ đã khởi lên ở trẫm không phải là ít, tương tự như vậy trong việc Nandā,[37] [nhưng là sự đau khổ] vô

[37] Nandā là con trai của đức Vua Suddhodana và bà Mahāpajāpatī Gotamī, tức em cùng cha khác mẹ với đức Phật (ND).

cùng mãnh liệt trong việc Rāhula. Bạch Ngài, lòng thương yêu đối với người con trai cắt vào da, sau khi cắt vào da, nó cắt vào lớp da trong; sau khi cắt vào lớp da trong, nó cắt vào thịt; sau khi cắt vào thịt, nó cắt vào gân; sau khi cắt vào gân, nó cắt vào xương; sau khi cắt vào xương, nó đạt đến tủy xương rồi trú [ở đó]. Bạch Ngài, tốt đẹp thay các ngài Đại đức không nên cho người con trai chưa được phép của cha mẹ xuất gia.

7. Khi ấy, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi cho Suddhodana dòng Sakya bằng bài pháp thoại. Sau đó, khi đã được đức Thế Tôn chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi bằng bài pháp thoại, Suddhodana dòng Sakya đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiễu quanh rồi ra đi.

8. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, không nên cho người con trai chưa được phép của cha mẹ xuất gia; vị nào cho xuất gia thì phạm tội *Dukkaṭa*.

Dứt phần giảng về câu chuyện của Rāhula.

*****

1. Sau đó, khi đã ngự tại thành Kapilavatthu theo như ý thích, đức Thế Tôn đã ra đi, du hành về phía thành Sāvatthi. Trong khi tuần tự du hành, Ngài đã ngự đến thành Sāvatthi. Tại nơi đó, trong thành Sāvatthi, đức Thế Tôn ngự ở Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, gia đình hộ độ của Đại đức Sāriputta đã gởi đứa trẻ trai đến Đại đức Sāriputta [nói rằng]: "Xin ngài Trưởng lão hãy cho đứa trẻ này xuất gia."

2. Khi ấy, Đại đức Sāriputta đã khởi ý điều này: "Đức Thế Tôn đã quy định rằng: 'Một vị không nên để cho hai Sa-di phục vụ' và ta đây đã có Sa-di Rāhula. Vậy ta nên thực hành như thế nào?" Rồi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vị Tỳ-khưu có kinh nghiệm, đủ năng lực một mình được để cho hai Sa-di phục vụ, hoặc để cho nhiều [Sa-di] phục vụ với số lượng mà vị ấy vẫn có đủ khả năng để giáo huấn và giảng dạy.

3. Sau đó, các vị Sa-di đã khởi ý điều này: "Chúng ta có bao nhiêu điều học? Và chúng ta nên học tập về vấn đề gì?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép mười điều học đến các Sa-di và [cho phép] các Sa-di học tập về các điều học ấy: Việc tránh xa sự giết hại mạng sống, việc tránh xa sự lấy vật không được cho, việc tránh xa điều phi Phạm hạnh [sự hành dâm], việc tránh xa sự nói dối, việc tránh xa trường hợp dễ duôi uống chất say là rượu và chất lên men, việc tránh xa sự ăn phi thời, việc tránh xa sự múa hát đờn và xem trình diễn, việc tránh xa trường hợp đeo vòng hoa

thoa vật thơm và tô điểm bằng đồ trang sức, việc tránh xa chỗ nằm ngồi cao và rộng lớn, việc tránh xa sự thọ lãnh vàng bạc. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép mười điều học này đến các Sa-di và [cho phép] các Sa-di học tập về các điều học này.

4. Vào lúc bấy giờ, các Sa-di sống không tôn kính, không vâng lời, có lối cư xử không hòa nhã đối với các Tỳ-khưu. Các vị Tỳ-khưu phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Sa-di lại sống không tôn kính, không vâng lời, có lối cư xử không hòa nhã đối với các Tỳ-khưu?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thực thi hình phạt đối với vị Sa-di có năm yếu tố: Là vị ra sức làm cho các Tỳ-khưu không được lợi lộc; ra sức làm cho các Tỳ-khưu không được sự lợi ích; ra sức làm cho các Tỳ-khưu không có chỗ ngụ; mắng nhiếc, gièm pha các Tỳ-khưu; chia rẽ các Tỳ-khưu [này] với các Tỳ-khưu [khác]. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thực thi hình phạt đối với vị Sa-di có năm yếu tố này.

5. Khi ấy, các Tỳ-khưu đã khởi ý điều này: "Hình phạt gì nên được thực hiện?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thực hiện sự ngăn cấm.

6. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu thực hiện sự ngăn cấm toàn bộ khu vực tu viện của hội chúng đối với các Sa-di. Các Sa-di trong khi không thể đi vào tu viện nên rời đi, hoàn tục, chuyển sang ngoại đạo. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên thực hiện sự ngăn cấm toàn bộ khu vực tu viện của hội chúng; vị nào thực hiện thì phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thực hiện sự ngăn cấm ở chỗ [Tỳ-khưu] sinh sống hoặc ở chỗ [Tỳ-khưu] lui tới.

7. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu thực hiện sự ngăn cấm thức ăn theo đường miệng đối với các Sa-di. Dân chúng trong lúc làm nước cháo và bữa ăn dâng hội chúng, nói với các Sa-di như vầy: "Này các ngài, hãy đến và húp cháo. Này các ngài, hãy đến và thọ dụng bữa ăn." Các vị Sa-di nói như vầy: "Này các đạo hữu, không thể được. Các Tỳ-khưu đã thực hiện sự ngăn cấm." Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Đại đức lại thực hiện sự ngăn cấm thức ăn theo đường miệng đối với các Sa-di?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên thực hiện sự ngăn cấm thức ăn theo đường miệng; vị nào thực hiện thì phạm tội *Dukkaṭa*.

Dứt câu chuyện về hình phạt.

*****

1. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư không hỏi các vị thầy tế độ lại thực hiện sự ngăn cấm đối với các Sa-di. Các vị thầy tế độ tìm kiếm [hỏi rằng]: "Vì sao các Sa-di của chúng tôi lại không được nhìn thấy?" Các Tỳ-khưu đã nói như vầy: "Này các Đại đức, các vị Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã thực hiện sự ngăn cấm." Các vị thầy tế độ phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư không hỏi chúng tôi lại thực hiện sự ngăn cấm đối với các Sa-di của chúng tôi?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, chưa hỏi các vị thầy tế độ không nên thực hiện sự ngăn cấm; vị nào thực hiện thì phạm tội *Dukkaṭa*.

2. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã dụ dỗ các Sa-di của các Tỳ-khưu trưởng lão. Các vị Trưởng lão bị mệt nhọc trong khi tự mình lấy gỗ chà răng và nước súc miệng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên dụ dỗ tập thể của vị khác; vị nào dụ dỗ thì phạm tội *Dukkaṭa*.

3. Vào lúc bấy giờ, Sa-di tên Kaṇṭaka của Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya đã làm nhơ Tỳ-khưu-ni tên Kaṇṭakī. Các Tỳ-khưu phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao vị Sa-di lại thực hành điều sai trái có hình thức như thế?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép trục xuất Sa-di có mười yếu tố này: Là kẻ giết hại mạng sống, là kẻ lấy vật không được cho, là kẻ phi Phạm hạnh [hành dâm], là kẻ nói dối, là kẻ uống chất say, là kẻ phỉ báng đức Phật, phỉ báng Giáo pháp, phỉ báng Hội chúng, là kẻ có tri kiến sai trái, là kẻ làm nhơ Tỳ-khưu-ni. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép trục xuất vị Sa-di có mười yếu tố này.

4. Vào lúc bấy giờ, có người vô căn nọ đã được xuất gia ở nơi các Tỳ-khưu. Người ấy đi đến gặp các vị Tỳ-khưu trẻ rồi nói như vầy: "Này các Đại đức, hãy đi đến. Hãy làm điều nhơ nhớp với tôi." Các vị Tỳ-khưu đuổi đi: "Này kẻ vô căn, tiêu mất đi! Này kẻ vô căn, biến mất đi! Ai mà cần đến ngươi?" Bị các Tỳ-khưu xua đuổi, người ấy đi đến gặp các Sa-di to bự lớn xác rồi nói như vầy: "Này các Đại đức, hãy đi đến. Hãy làm điều nhơ nhớp với tôi." Các vị Sa-di đuổi đi: "Này kẻ vô căn, tiêu mất đi! Này kẻ vô căn, biến mất đi! Ai mà cần đến ngươi?"

5. Người ấy khi bị các vị Sa-di xua đuổi lại đi đến gặp những người chăn voi, những người giữ ngựa rồi nói như vầy: "Này các đạo hữu, hãy đi đến. Hãy làm điều nhơ nhớp với tôi." Những người chăn voi, những người giữ ngựa đã làm điều nhơ nhớp. Những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Những Sa-môn Thích tử này là những kẻ vô căn. Những người nào trong bọn họ không phải là những kẻ vô căn thì những người ấy làm điều nhơ nhớp với những kẻ vô căn. Như vậy, chính tất cả những người này không có Phạm hạnh."

6. Các Tỳ-khưu đã nghe được những người chăn voi, những người giữ ngựa phàn nàn, phê phán, chê bai. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, kẻ vô căn chưa được tu lên bậc trên thì không nên cho tu lên bậc trên, đã tu lên bậc trên rồi thì nên trục xuất. (1)

7. Vào lúc bấy giờ, có người con trai của gia đình bị khánh tận, không còn thân quyến nọ, là người mảnh mai. Khi ấy, người con trai của gia đình bị khánh tận, không còn thân quyến ấy đã khởi ý điều này: "Ta là người mảnh mai, không đủ khả năng để đạt đến tài sản chưa có, hoặc làm tăng trưởng tài sản đã có, với phương kế gì để ta có thể sống thoải mái và không bị cực nhọc?"

8. Rồi người con trai của gia đình bị khánh tận, không còn thân quyến ấy đã khởi ý điều này: "Những Sa-môn Thích tử này có giới luật thoải mái, có sở hành thoải mái, sau khi thọ thực thức ăn ngon rồi nằm ngủ ở những cái giường kín gió, hay là ta nên tự mình chuẩn bị y bát, cạo bỏ râu tóc, khoác lên các mảnh vải màu ca-sa, đi đến tu viện và chung sống với các Tỳ-khưu?"

9. Sau đó, người con trai của gia đình bị khánh tận, không còn thân quyến ấy, đã tự mình chuẩn bị y bát, cạo bỏ râu tóc, khoác lên các mảnh vải màu ca-sa, đi đến tu viện và đảnh lễ các vị Tỳ-khưu. Các vị Tỳ-khưu đã nói như vầy:

– Này Đại đức, Đại đức được bao nhiêu năm?

– Được bao nhiêu năm? Này các Đại đức, điều ấy là gì vậy?

– Này Đại đức, ai là thầy tế độ của Đại đức?

– Thầy tế độ? Này các Đại đức, điều ấy là gì vậy?

Các vị Tỳ-khưu đã nói với Đại đức Upāli điều này:

– Này Đại đức Upāli, hãy thẩm tra người đã xuất gia này đi.

10. Sau đó, người con trai của gia đình bị khánh tận không còn thân quyến ấy, trong khi đang được Đại đức Upāli thẩm tra, đã kể lại sự việc ấy. Đại đức Upāli đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu. Các Tỳ-khưu đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, kẻ trộm tướng mạo [Tỳ-khưu][38] chưa được tu lên bậc trên thì không nên cho tu lên bậc trên, đã tu lên bậc trên rồi thì nên trục xuất. Này các Tỳ-khưu, kẻ đã đi theo ngoại đạo chưa được tu lên bậc trên thì không nên cho tu lên bậc trên, đã tu lên bậc trên rồi thì nên trục xuất. (2-3)

11. Vào lúc bấy giờ, có con rồng nọ lo ngại, xấu hổ và chán ghét với sự xuất thân là loài rồng. Sau đó, con rồng ấy đã khởi ý điều này: "Với phương kế gì ta có thể hoàn toàn thoát khỏi sự xuất thân là loài rồng và có thể thành tựu bản thể của loài người một cách nhanh chóng?" Khi ấy, con rồng ấy đã khởi ý điều này:

---

[38] "*Theyyasaṃvāsaka*" nghĩa là kẻ sống chung theo lối trộm cắp. *Chú giải* đề cập 3 loại "*theyyasaṃvāsaka*": "*Liṅgatthenaka*" (kẻ trộm tướng mạo) nghĩa là kẻ tự mình xuất gia rồi đi đến tu viện và không biết gì về các điều quy định, "*saṃvāsatthenaka*" (kẻ trộm trong việc cộng trú) nghĩa là vị Sa-di đã hoàn tục rồi đi đến tu viện nói dối là Tỳ-khưu và có biết về các điều quy định, hạng thứ ba "*ubhayatthenaka*" (kẻ trộm theo cả hai cách) nghĩa là kẻ tự mình xuất gia rồi đi đến tu viện và có biết về các điều quy định (*VinA*. V. 1016-17).

"Những vị Sa-môn Thích tử này là những vị thực hành giáo pháp, thực hành sự bình thản, thực hành Phạm hạnh, nói lời chân thật, có giới hạnh, có thiện pháp; nếu ta có thể xuất gia nơi các vị Sa-môn Thích tử, như thế ta có thể hoàn toàn thoát khỏi sự xuất thân là loài rồng và có thể thành tựu bản thể của loài người một cách nhanh chóng."

12. Sau đó, con rồng ấy với hình dáng của người thanh niên đã đi đến gặp các vị Tỳ-khưu và thỉnh cầu sự xuất gia. Các vị Tỳ-khưu đã cho người ấy xuất gia, đã cho tu lên bậc trên. Vào lúc bấy giờ, con rồng ấy cùng với vị Tỳ-khưu khác ngụ trong trú xá ở chỗ giáp ranh. Khi ấy, trong đêm vào lúc hừng sáng, vị Tỳ-khưu ấy thức dậy và đi kinh hành ở ngoài trời.

13. Sau đó, trong khi vị Tỳ-khưu ấy đã đi ra ngoài, con rồng ấy hết lo âu nên đã chìm vào giấc ngủ. Toàn bộ trú xá đã bị tràn ngập bởi [thân của] con rồng và các vòng thân còn ló ra khỏi các cửa sổ. Sau đó, vị Tỳ-khưu ấy [nghĩ rằng]: "Ta sẽ đi vào trú xá", trong lúc đẩy cánh cửa đã nhìn thấy toàn bộ trú xá bị tràn ngập bởi [thân của] con rồng và các vòng thân đang ló ra khỏi các cửa sổ, sau khi nhìn thấy [trở nên] sợ hãi và đã kêu thét lên. Các vị Tỳ-khưu đã chạy lại và nói với vị Tỳ-khưu ấy điều này:

– Này Đại đức, vì sao Đại đức lại kêu thét lên vậy?

– Này các Đại đức, toàn bộ trú xá này bị tràn ngập bởi [thân của] con rồng và các vòng thân còn ló ra khỏi các cửa sổ.

14. Khi ấy, con rồng ấy sau khi thức giấc bởi tiếng động ấy đã ngồi xuống trên chỗ ngồi của mình. Các vị Tỳ-khưu đã nói như vầy:

– Này đệ, ngươi là ai vậy?

– Thưa các ngài, tôi là rồng.

– Này đệ, vì sao ngươi lại biến thành hình dạng như thế này?

15. Khi ấy, con rồng ấy đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu. Các Tỳ-khưu đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng Tỳ-khưu lại và nói với con rồng ấy điều này:

– Các ngươi là loài rồng không có được pháp tiến bộ trong Pháp và Luật này. Này rồng, ngươi hãy đi đi. Và hãy tiến hành *Uposatha*[39] vào ngày mười bốn, ngày mười lăm và ngày thứ tám của mỗi nửa tháng ở ngay nơi ấy, như thế, ngươi sẽ hoàn toàn thoát khỏi sự xuất thân là loài rồng và sẽ thành tựu bản thể của loài người một cách nhanh chóng.

16. Khi ấy, con rồng ấy [nghĩ rằng]: "Nghe nói ta không có được pháp tiến bộ trong Pháp và Luật này" [trở nên] đau khổ, rầu rĩ, trong khi đang trào ra nước mắt đã khóc rống lên rồi bỏ đi. Sau đó, đức Thế Tôn đã bảo các Tỳ-khưu rằng:

---

[39] Vào các ngày này, các cư sĩ thường thọ trì 8 giới hoặc 10 giới một ngày đêm (ND).

– Này các Tỳ-khưu, đây là hai lý do đưa đến việc hiện ra bản thể thật của loài rồng, là khi nó thực hiện việc lứa đôi với rồng cái và khi nó hết lo âu rồi chìm vào giấc ngủ. Này các Tỳ-khưu, hai lý do này đưa đến việc hiện ra bản thể thật của loài rồng. Này các Tỳ-khưu, loài thú chưa được tu lên bậc trên thì không nên cho tu lên bậc trên, đã tu lên bậc trên rồi thì nên trục xuất. (4)

17. Vào lúc bấy giờ, có người thanh niên nọ là kẻ đã đoạt đi mạng sống của người mẹ. Người ấy lo ngại, xấu hổ và chán ghét với hành động ác độc ấy. Sau đó, người thanh niên ấy đã khởi ý điều này: "Với phương kế gì ta có thể thực hiện sự thoát ly đối với nghiệp ác ấy?" Khi ấy, người thanh niên ấy đã khởi ý điều này: "Những vị Sa-môn Thích tử này là những vị thực hành giáo pháp, thực hành sự bình thản, thực hành Phạm hạnh, nói lời chân thật, có giới hạnh, có thiện pháp; nếu ta có thể xuất gia nơi các vị Sa-môn Thích tử, như thế ta có thể thực hiện sự thoát ly đối với nghiệp ác ấy."

18. Sau đó, người thanh niên ấy đã đi đến gặp các Tỳ-khưu và thỉnh cầu sự xuất gia. Các Tỳ-khưu đã nói với Đại đức Upāli điều này:

– Này Đại đức Upāli, cũng trước đây, con rồng với hình dáng của người thanh niên đã được xuất gia ở nơi các Tỳ-khưu. Này Đại đức Upāli, hãy thẩm tra người thanh niên này.

19. Sau đó, trong khi được Đại đức Upāli thẩm tra, người thanh niên ấy đã kể lại sự việc ấy. Đại đức Upāli đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu. Các Tỳ-khưu đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, kẻ giết mẹ chưa được tu lên bậc trên thì không nên cho tu lên bậc trên, đã tu lên bậc trên rồi thì nên trục xuất. (5)

20. Vào lúc bấy giờ, có người thanh niên nọ là kẻ đã đoạt đi mạng sống của người cha. Người ấy lo ngại, xấu hổ và chán ghét với nghiệp ác ấy. Sau đó, người thanh niên ấy đã khởi ý điều này: "Với phương kế gì ta có thể thực hiện sự thoát ly đối với nghiệp ác ấy?" Khi ấy, người thanh niên ấy đã khởi ý điều này: "Những vị Sa-môn Thích tử này là những vị thực hành giáo pháp, thực hành sự bình thản, thực hành Phạm hạnh, nói lời chân thật, có giới hạnh, có thiện pháp; nếu ta có thể xuất gia nơi các vị Sa-môn Thích tử, như thế ta có thể thực hiện sự thoát ly đối với nghiệp ác ấy."

21. Sau đó, người thanh niên ấy đã đi đến gặp các Tỳ-khưu và thỉnh cầu sự xuất gia. Các Tỳ-khưu đã nói với Đại đức Upāli điều này:

– Này Đại đức Upāli, cũng trước đây, con rồng với hình dáng của người thanh niên đã được xuất gia ở nơi các Tỳ-khưu. Này Đại đức Upāli, hãy thẩm tra người thanh niên này.

22. Sau đó, trong khi được Đại đức Upāli thẩm tra, người thanh niên ấy đã kể lại sự việc ấy. Đại đức Upāli đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu. Các Tỳ-khưu đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, kẻ giết cha chưa được tu lên bậc trên thì không nên cho tu lên bậc trên, đã tu lên bậc trên rồi thì nên trục xuất. (6)

23. Vào lúc bấy giờ, có nhiều vị Tỳ-khưu đi đường xa từ Sāketa đến thành Sāvatthi. Giữa đường bọn cướp đã xuất hiện; chúng đã cướp bóc một số Tỳ-khưu và đã giết chết một số Tỳ-khưu. Các binh lính của đức vua phát xuất từ thành Sāvatthi đã bắt được một số kẻ cướp. Một số kẻ cướp đã tẩu thoát. Những kẻ tẩu thoát ấy đã xuất gia ở nơi các Tỳ-khưu. Những kẻ nào đã bị bắt thì bị đưa đi tử hình.

24. Những kẻ đã được xuất gia ấy đã nhìn thấy những kẻ cướp ấy đang bị đưa đi tử hình, sau khi nhìn thấy đã nói như vầy: "May mắn thay chúng ta đã tẩu thoát, nếu hôm nay chúng ta bị bắt, chúng ta cũng có thể bị giết y như thế này." Các vị Tỳ-khưu đã nói như vầy: "Này các Đại đức, các vị đã nói điều gì vậy?" Khi ấy, những kẻ đã được xuất gia ấy đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu. Các Tỳ-khưu đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, các vị Tỳ-khưu ấy là các vị A-la-hán. Này các Tỳ-khưu, kẻ giết A-la-hán chưa được tu lên bậc trên thì không nên cho tu lên bậc trên, đã tu lên bậc trên rồi thì nên trục xuất. (7)

25. Vào lúc bấy giờ, có nhiều vị Tỳ-khưu-ni đi đường xa từ Sāketa đến thành Sāvatthi. Giữa đường, bọn cướp đã xuất hiện; chúng đã cướp bóc một số Tỳ-khưu-ni, đã làm nhơ nhớp một số Tỳ-khưu-ni. Các binh lính của đức vua phát xuất từ thành Sāvatthi đã bắt được một số kẻ cướp. Một số kẻ cướp đã tẩu thoát. Những kẻ tẩu thoát ấy đã xuất gia ở nơi các Tỳ-khưu. Những kẻ nào đã bị bắt thì bị đưa đi tử hình.

26. Những kẻ đã được xuất gia ấy đã nhìn thấy những kẻ cướp ấy đang bị đưa đi tử hình, sau khi nhìn thấy đã nói như vầy: "May mắn thay chúng ta đã tẩu thoát. Nếu hôm nay chúng ta bị bắt, chúng ta cũng có thể bị giết y như thế này." Các vị Tỳ-khưu đã nói như vầy: "Này các Đại đức, các vị đã nói điều gì vậy?" Khi ấy, những kẻ đã được xuất gia ấy đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu. Các Tỳ-khưu đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, kẻ làm nhơ Tỳ-khưu-ni chưa được tu lên bậc trên thì không nên cho tu lên bậc trên, đã tu lên bậc trên rồi thì nên trục xuất. Này các Tỳ-khưu, kẻ làm chia rẽ hội chúng chưa được tu lên bậc trên thì không nên cho tu lên bậc trên, đã tu lên bậc trên rồi thì nên trục xuất. Này các Tỳ-khưu, kẻ làm chảy máu [đức Phật] chưa được tu lên bậc trên thì không nên cho tu lên bậc trên, đã tu lên bậc trên rồi thì nên trục xuất. (8-9-10)

27. Vào lúc bấy giờ, có người lưỡng căn nọ[40] đã được xuất gia ở nơi các Tỳ-khưu. Người ấy hành động [như người nam] rồi bảo [người nam khác] hành động [với mình]. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

[40] Người có cả hai bộ phận sinh dục nam và nữ (ND).

– Này các Tỳ-khưu, người lưỡng căn chưa được tu lên bậc trên thì không nên cho tu lên bậc trên, đã tu lên bậc trên rồi thì nên trục xuất. (11)

Dứt mười một câu chuyện về người chưa được tu lên bậc trên.

*****

1. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu cho tu lên bậc trên người không có thầy tế độ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên cho tu lên bậc trên người không có thầy tế độ; vị nào cho tu lên bậc trên thì phạm tội *Dukkaṭa*. (1)

2. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu cho tu lên bậc trên với hội chúng là thầy tế độ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên cho tu lên bậc trên với hội chúng là thầy tế độ; vị nào cho tu lên bậc trên thì phạm tội *Dukkaṭa*. (2)

3. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu cho tu lên bậc trên với nhóm [hai hoặc ba vị Tỳ-khưu] là thầy tế độ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên cho tu lên bậc trên với nhóm [hai hoặc ba vị Tỳ-khưu] là thầy tế độ; vị nào cho tu lên bậc trên thì phạm tội *Dukkaṭa*. (3)

4. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu cho tu lên bậc trên với kẻ vô căn là thầy tế độ. ...(nt)... cho tu lên bậc trên với kẻ trộm tướng mạo [Tỳ-khưu] là thầy tế độ. ...(nt)... cho tu lên bậc trên với kẻ đã đi theo ngoại đạo là thầy tế độ. ...(nt)... cho tu lên bậc trên với loài thú là thầy tế độ. ...(nt)... cho tu lên bậc trên với kẻ giết mẹ là thầy tế độ. ...(nt)... cho tu lên bậc trên với kẻ giết cha là thầy tế độ. ...(nt)... cho tu lên bậc trên với kẻ giết A-la-hán là thầy tế độ. ...(nt)... cho tu lên bậc trên với kẻ làm nhơ Tỳ-khưu-ni là thầy tế độ. ...(nt)... cho tu lên bậc trên với kẻ chia rẽ hội chúng là thầy tế độ. ...(nt)... cho tu lên bậc trên với kẻ làm chảy máu [đức Phật] là thầy tế độ. ...(nt)... cho tu lên bậc trên với kẻ lưỡng căn là thầy tế độ.

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

5. – Này các Tỳ-khưu, không nên cho tu lên bậc trên với kẻ vô căn là thầy tế độ. ...(nt)... Không nên cho tu lên bậc trên với kẻ trộm tướng mạo [Tỳ-khưu] là thầy tế độ. ...(nt)... Không nên cho tu lên bậc trên với kẻ đã đi theo ngoại đạo là thầy tế độ. ...(nt)... Không nên cho tu lên bậc trên với loài thú là thầy tế độ. ...(nt)... Không nên cho tu lên bậc trên với kẻ giết mẹ là thầy tế độ. ...(nt)... Không nên cho tu lên bậc trên với kẻ giết cha là thầy tế độ. ...(nt)... Không nên cho tu lên bậc trên với kẻ giết A-la-hán là thầy tế độ. ...(nt)... Không nên cho tu lên bậc trên với kẻ làm nhơ Tỳ-khưu-ni là thầy tế độ. ...(nt)... Không nên cho tu lên bậc trên với kẻ chia rẽ hội chúng là thầy tế độ. ...(nt)... Không nên cho tu lên bậc trên với kẻ làm chảy máu [đức Phật] là thầy tế độ. ...(nt)... Không nên cho tu lên bậc trên với kẻ lưỡng căn là thầy tế độ; vị nào cho tu lên bậc trên thì phạm tội *Dukkaṭa*. (4-14)

6. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu cho tu lên bậc trên người không có bình bát. Các vị đi khất thực bằng hai tay. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như là những kẻ ngoại đạo." Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên cho tu lên bậc trên người không có bình bát; vị nào cho tu lên bậc trên thì phạm tội *Dukkaṭa*. (15)

7. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu cho tu lên bậc trên người không có y. Các vị lõa thể đi khất thực. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như là những kẻ ngoại đạo." Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên cho tu lên bậc trên người không có y; vị nào cho tu lên bậc trên thì phạm tội *Dukkaṭa*. (16)

8. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu cho tu lên bậc trên người không có y và bình bát. Các vị lõa thể đi khất thực bằng hai tay. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như là những kẻ ngoại đạo." Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên cho tu lên bậc trên người không có y và bình bát; vị nào cho tu lên bậc trên thì phạm tội *Dukkaṭa*. (17)

9. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu cho tu lên bậc trên với bình bát [mượn] của người đã được yêu cầu [trước]. Khi đã được tu lên bậc trên, các vị trả lại bình bát. Các vị đi khất thực bằng hai tay. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như là những kẻ ngoại đạo." Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên cho tu lên bậc trên với bình bát mượn; vị nào cho tu lên bậc trên thì phạm tội *Dukkaṭa*. (18)

10. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu cho tu lên bậc trên với y [mượn] của người đã được yêu cầu [trước]. Khi đã được tu lên bậc trên, các vị trả lại y. Các vị lõa thể đi khất thực. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như là những kẻ ngoại đạo." Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên cho tu lên bậc trên với y mượn; vị nào cho tu lên bậc trên thì phạm tội *Dukkaṭa*. (19)

11. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu cho tu lên bậc trên với y và bình bát [mượn] của người đã được yêu cầu [trước]. Khi đã được tu lên bậc trên, các vị trả lại y và bình bát. Các vị lõa thể đi khất thực bằng hai tay. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như là những kẻ ngoại đạo." Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên cho tu lên bậc trên với y và bình bát mượn; vị nào cho tu lên bậc trên thì phạm tội *Dukkaṭa*. (20)

Dứt hai mươi trường hợp không nên cho tu lên bậc trên.

*****

1. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu cho người bị đứt cánh tay xuất gia. ...(nt)... cho người bị đứt bàn chân xuất gia. ... cho người bị đứt cánh tay và bàn chân xuất gia. ... cho người bị sứt tai xuất gia. ... cho người bị sứt mũi xuất gia. ... cho người bị sứt tai và mũi xuất gia. ... cho người bị đứt ngón tay xuất gia. ... cho người bị đứt móng tay xuất gia. ... cho người bị đứt gân chân xuất gia. ... cho người có bàn tay dính liền giống cánh dơi xuất gia. ... cho người gù lưng xuất gia. ... cho người lùn tịt xuất gia. ... cho người có bướu cổ xuất gia. ... cho người bị xử hình phạt đóng dấu xuất gia. ... cho người bị xử hình phạt đánh bằng roi xuất gia. ... cho người bị cáo thị tầm nã xuất gia. ... cho người phù chân voi xuất gia. ... cho người có bệnh kinh niên trầm trọng xuất gia. ... cho người bôi nhọ tập thể xuất gia. ... cho người chột mắt xuất gia. ... cho người có tứ chi bị co rút xuất gia. ... cho người què xuất gia. ... cho người bị liệt nửa thân xuất gia. ... cho người đi khập khiễng xuất gia. ... cho người già yếu xuất gia. ... cho người mù xuất gia. ... cho người câm xuất gia. ... cho người điếc xuất gia. ... cho người mù và câm xuất gia. ... cho người mù và điếc xuất gia. ... cho người câm và điếc xuất gia. ... cho người mù câm điếc xuất gia.

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

2. – Này các Tỳ-khưu, không nên cho người bị đứt cánh tay xuất gia. ...(nt)... Không nên cho người bị đứt bàn chân xuất gia. ... Không nên cho người bị đứt cánh tay và bàn chân xuất gia. ... Không nên cho người sứt tai xuất gia. ... Không nên cho người bị sứt mũi xuất gia. ... Không nên cho người bị sứt tai và mũi xuất gia. ... Không nên cho người bị đứt ngón tay xuất gia. ... Không nên cho người bị đứt móng tay xuất gia. ... Không nên cho người bị đứt gân chân xuất gia. ... Không nên cho người có bàn tay dính liền giống cánh dơi xuất gia. ... Không nên cho người gù lưng xuất gia. ... Không nên cho người lùn tịt xuất gia. ... Không nên cho người có bướu cổ xuất gia. ... Không nên cho người bị xử hình phạt đóng dấu xuất gia. ... Không nên cho người bị xử hình phạt đánh bằng roi xuất gia. ... Không nên cho người bị cáo thị tầm nã xuất gia. ... Không nên cho người phù chân voi xuất gia. ... Không nên cho người có bệnh trầm trọng kinh niên xuất gia. ... Không nên cho người bôi nhọ tập thể xuất gia. ... Không nên cho người chột mắt xuất gia. ... Không nên cho người có tứ chi bị co rút xuất gia. ... Không nên cho người què xuất gia. ... Không nên cho người bị liệt nửa thân xuất gia. ... Không nên cho người đi khập khiễng xuất gia. ... Không nên cho người già yếu xuất gia. ... Không nên cho người mù xuất gia. ... Không nên cho người câm xuất gia. ... Không nên cho người điếc xuất gia. ... Không nên cho người mù và câm xuất gia. ... Không nên cho người mù và điếc xuất gia. ... Không nên cho người câm và điếc xuất gia. ... Không nên cho người mù câm điếc xuất gia; vị nào cho xuất gia thì phạm tội *Dukkaṭa*.

Dứt ba mươi hai trường hợp không nên cho xuất gia.
Dứt tụng phẩm "Phần thừa kế" là thứ chín.

*****

1. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư ban cho sự nương nhờ đến những vị không có liêm sỉ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên ban cho sự nương nhờ đến những vị không có liêm sỉ; vị nào ban cho thì phạm tội *Dukkaṭa*.

Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu sống [với pháp] nương nhờ vào những vị không có liêm sỉ. Chẳng bao lâu sau, các vị ấy cũng trở thành các Tỳ-khưu ác xấu, không có liêm sỉ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên sống [với pháp] nương nhờ vào những vị không có liêm sỉ; vị nào sống thì phạm tội *Dukkaṭa*.

2. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu đã khởi ý điều này: "Đức Thế Tôn đã quy định rằng: 'Không nên ban cho sự nương nhờ đến những vị không có liêm sỉ và không nên sống [với pháp] nương nhờ vào những vị không có liêm sỉ', vậy làm thế nào chúng ta biết được [vị nào] là có liêm sỉ hoặc không có liêm sỉ?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép chờ đợi bốn năm ngày đến khi [xác định rằng]: "Ta biết được bản chất của vị Tỳ-khưu."

3. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ du hành đường xa trong xứ Kosala. Khi ấy, vị Tỳ-khưu ấy đã khởi ý điều này: "Đức Thế Tôn đã quy định rằng: 'Không nên sống không nương nhờ', và ta là cần có sự nương nhờ nhưng đang du hành đường xa, vậy ta nên thực hành như thế nào?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vị Tỳ-khưu đang du hành đường xa trong khi không đạt được sự nương nhờ thì được sống không nương nhờ.

4. Vào lúc bấy giờ, có hai vị Tỳ-khưu du hành đường xa trong xứ Kosala. Họ đã đi đến gần trú xứ nọ. Tại đó, một vị Tỳ-khưu đã bị lâm bệnh. Khi ấy, vị Tỳ-khưu bị bệnh ấy đã khởi ý điều này: "Đức Thế Tôn đã quy định rằng: 'Không nên sống không nương nhờ' và ta là cần có sự nương nhờ nhưng bị bệnh, vậy ta nên thực hành như thế nào?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vị Tỳ-khưu bị bệnh trong khi không đạt được sự nương nhờ thì được sống không nương nhờ.

5. Khi ấy, vị Tỳ-khưu chăm sóc vị bị bệnh ấy đã khởi ý điều này: "Đức Thế Tôn đã quy định rằng: 'Không nên sống không nương nhờ', và ta là cần có sự nương nhờ nhưng vị Tỳ-khưu này thì bị bệnh, vậy ta nên thực hành như thế nào?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vị Tỳ-khưu chăm sóc vị bị bệnh trong khi không đạt được sự nương nhờ thì được sống không nương nhờ [dầu] được yêu cầu.[41]

[41] Được vị bị bệnh yêu cầu là hãy sống nương nhờ vào vị ấy (*VinA*. V. 1032).

6. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ trú ngụ ở rừng. Và ở chỗ trú ngụ ấy có được sự thoải mái cho vị ấy [trong việc tiến tu]. Khi ấy, vị Tỳ-khưu ấy đã khởi ý điều này: "Đức Thế Tôn đã quy định rằng: 'Không nên sống không nương nhờ', và ta là cần có sự nương nhờ nhưng ta trú ngụ ở trong rừng. Và ở chỗ trú ngụ này có được sự thoải mái cho ta [trong việc tiến tu], vậy ta nên thực hành như thế nào?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vị Tỳ-khưu ở rừng đang quan tâm đến việc trú ngụ thoải mái trong khi không đạt được sự nương nhờ thì được sống không nương nhờ [nghĩ rằng]: "Khi nào có vị ban pháp nương nhờ thích đáng đi đến thì ta sẽ sống nương nhờ vào vị ấy."

7. Vào lúc bấy giờ, có người có ý muốn tu lên bậc trên với Đại đức Mahākassapa. Khi ấy, Đại đức Mahākassapa đã phái sứ giả đến gặp Đại đức Ānanda nhắn rằng: "Ānanda hãy đi đến và đọc tuyên ngôn cho người này." Đại đức Ānanda đã nói như vầy:

– Tôi không thể nêu lên tên của ngài Trưởng lão, ngài Trưởng lão là bậc Trưởng thượng của tôi.

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép đọc tuyên ngôn với tên của dòng họ.

8. Vào lúc bấy giờ, có hai người có ý muốn tu lên bậc trên với Đại đức Mahākassapa. Họ tranh cãi rằng: "Tôi sẽ tu lên bậc trên trước, tôi sẽ tu lên bậc trên trước." Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thực hiện hai [người] trong một lần tuyên ngôn.

9. Vào lúc bấy giờ, có những người có ý muốn tu lên bậc trên với nhiều vị Trưởng lão. Họ tranh cãi rằng: "Tôi sẽ tu lên bậc trên trước tiên, tôi sẽ tu lên bậc trên trước tiên." Các vị Trưởng lão đã nói như vầy: "Này các Đại đức, chúng ta hãy thực hiện hết thảy tất cả trong một lần tuyên ngôn đi." Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thực hiện hai hoặc ba [người] trong một lần tuyên ngôn. Và điều ấy là với cùng một thầy tế độ chứ không phải với thầy tế độ khác nhau.

10. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Kumārakassapa là hai mươi [tuổi] tính theo thai bào đã được tu lên bậc trên. Sau đó, Đại đức Kumārakassapa đã khởi ý điều này: "Đức Thế Tôn đã quy định rằng: 'Không nên cho tu lên bậc trên người chưa đủ hai mươi tuổi', và ta là hai mươi [tuổi] tính theo thai bào đã được tu lên bậc trên, vậy thì ta đã được tu lên bậc trên hay là chưa được tu lên bậc trên?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, khi tâm đầu tiên sanh khởi trong bụng của người mẹ thì thức đầu tiên đã xuất hiện; do điều ấy nên chính thời điểm đó là sự sanh ra

của người ấy. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép cho tu lên bậc trên người hai mươi [tuổi] tính theo thai bào.

11. Vào lúc bấy giờ, các vị đã tu lên bậc trên được phát hiện là có [liên quan đến] bệnh cùi, bệnh mụt nhọt, bệnh chàm, bệnh lao phổi, bệnh động kinh. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vị đang ban phép tu lên bậc trên được hỏi về mười ba pháp chướng ngại. Và này các Tỳ-khưu, nên hỏi như vầy: "Ngươi có các bệnh như vầy không: Bệnh cùi? Bệnh mụt nhọt? Bệnh chàm? Bệnh lao phổi? Bệnh động kinh? Ngươi là loài người? Ngươi là người nam? Ngươi là người được tự do [không phải nô lệ]? Ngươi không bị thiếu nợ? Ngươi không phải là lính của đức vua? Ngươi đã được cha mẹ cho phép? Ngươi đã tròn hai mươi tuổi? Ngươi có đầy đủ y bát không? Ngươi tên gì? Vị thầy tế độ của ngươi tên gì?"

12. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu hỏi các pháp chướng ngại đến các người có ý muốn tu lên bậc trên chưa được giảng dạy trước. Các người có ý muốn tu lên bậc trên bị bối rối, trở nên mắc cỡ, rồi không thể trả lời. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép giảng dạy trước rồi hỏi các pháp chướng ngại sau.

Các vị giảng dạy ngay tại chỗ ấy, ở giữa hội chúng. Như thế ấy, các người có ý muốn tu lên bậc trên bị bối rối, trở nên mắc cỡ, rồi không thể trả lời. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép giảng dạy ở một góc rồi hỏi các pháp chướng ngại ở giữa hội chúng. Và này các Tỳ-khưu, nên giảng dạy như vầy: Trước tiên, nên bảo chọn vị thầy tế độ. Sau khi đã bảo chọn vị thầy tế độ rồi, nên chỉ dẫn về y và bình bát: "Đây là bình bát của ngươi, đây là y hai lớp, đây là thượng y, đây là y nội. Hãy đi đến đứng ở chỗ trống đàng kia."

13. Các vị [Tỳ-khưu] ngu dốt, thiếu kinh nghiệm giảng dạy. Những người có ý muốn tu lên bậc trên do được giảng dạy tồi nên đã bị bối rối, trở nên mắc cỡ, rồi không thể trả lời. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, vị [Tỳ-khưu] ngu dốt, thiếu kinh nghiệm không nên giảng dạy; vị nào giảng dạy thì phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực được giảng dạy.

14. Những vị [Tỳ-khưu] chưa được chỉ định vẫn giảng dạy. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, vị không được chỉ định không nên giảng dạy; vị nào giảng dạy thì phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép giảng dạy đối với vị đã được chỉ định. Và này các Tỳ-khưu, nên chỉ định như vầy: Tự mình chỉ định cho chính mình, hoặc người khác chỉ định cho người khác.

15. Và thế nào là tự mình chỉ định cho chính mình? Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Người tên [như vầy] có ý muốn tu lên bậc trên với Đại đức tên [như vầy]. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, tôi sẽ giảng dạy cho người tên [như vầy]." Như vậy là tự mình chỉ định cho chính mình.

16. Và thế nào là người khác chỉ định cho người khác? Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Người tên [như vầy] có ý muốn tu lên bậc trên với Đại đức tên [như vầy]. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, vị tên [như vầy] sẽ giảng dạy cho người tên [như vầy]." Như vậy là người khác chỉ định cho người khác.

17. Vị Tỳ-khưu đã được chỉ định ấy nên đi đến gần người có ý muốn tu lên bậc trên và nên nói như vầy: "Này người tên [như vầy], hãy lắng nghe. Đối với ngươi, bây giờ là thời điểm của sự thật, là thời điểm của bản chất. Trong khi được hỏi ở giữa hội chúng, điều gì được đề cập đến, nếu điều ấy là đúng thì nên nói: 'Đúng'; nếu không đúng, nên nói: 'Không đúng'. Chớ nên bối rối, chớ nên mắc cỡ. Các vị sẽ hỏi ngươi như vầy: 'Ngươi có các bệnh như thế này không: Bệnh cùi? Bệnh mụt nhọt? Bệnh chàm? Bệnh lao phổi? Bệnh động kinh? Ngươi là loài người? Ngươi là người nam? Ngươi là người được tự do [không phải nô lệ]? Ngươi không thiếu nợ? Ngươi không phải là lính của đức vua? Ngươi đã được cha mẹ cho phép? Ngươi đã tròn hai mươi tuổi? Ngươi có đầy đủ y bát không? Ngươi tên gì? Vị thầy tế độ của ngươi tên gì?'"

18. Họ đi đến chung [cùng một lúc].

– Này các Tỳ-khưu, không nên đi đến chung [cùng một lúc]. Vị giảng dạy nên đi đến trước và thông báo cho hội chúng:

19. "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Người tên [như vầy] có ý muốn tu lên bậc trên với Đại đức tên [như vầy]. Tôi đã giảng dạy cho người ấy. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng thì người tên [như vầy] có thể đi đến." Và nên nói rằng: "Ngươi hãy đi đến."

20. Nên bảo [người ấy] đắp thượng y một bên vai, bảo đảnh lễ ở chân các Tỳ-khưu, bảo ngồi chồm hổm, bảo chắp tay lên và bảo thỉnh cầu sự tu lên bậc trên:

21. "Bạch các ngài, tôi thỉnh cầu hội chúng sự tu lên bậc trên. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy tế độ tôi vì lòng thương xót. Bạch các ngài, lần thứ nhì tôi thỉnh cầu hội chúng sự tu lên bậc trên. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy tế độ tôi vì lòng thương xót. Bạch các ngài, lần thứ ba tôi thỉnh cầu hội chúng sự tu lên bậc trên. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy tế độ tôi vì lòng thương xót."

22. Hội chúng nên được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Người này tên [như vầy] có ý muốn tu lên bậc trên với Đại đức tên [như vầy]. Nếu là thời điểm thích hợp

cho hội chúng, tôi sẽ hỏi người tên [như vầy] về các pháp chướng ngại." "Này người tên [như vầy], hãy lắng nghe. Đối với ngươi, bây giờ là thời điểm của sự thật, là thời điểm của bản chất. Trong khi được hỏi ở giữa hội chúng, điều gì được đề cập đến, nếu điều ấy là đúng thì nên nói: 'Đúng'; nếu không đúng, nên nói: 'Không đúng'. Ngươi có các bệnh như thế này không: Bệnh cùi? Bệnh mụt nhọt? Bệnh chàm? Bệnh lao phổi? Bệnh động kinh? Ngươi là loài người? Ngươi là người nam? Ngươi là người được tự do [không phải nô lệ]? Ngươi không thiếu nợ? Ngươi không phải là lính của đức vua? Ngươi đã được cha mẹ cho phép? Ngươi đã tròn hai mươi tuổi? Ngươi có đầy đủ y bát không? Ngươi tên gì? Vị thầy tế độ của ngươi tên gì?"

23. Hội chúng nên được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Người này tên [như vầy] có ý muốn tu lên bậc trên với Đại đức tên [như vầy], là người trong sạch về các pháp chướng ngại, người này có đầy đủ y bát. Người tên [như vầy] thỉnh cầu hội chúng sự tu lên bậc trên với thầy tế độ tên [như vầy]. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên cho người tên [như vầy] tu lên bậc trên với thầy tế độ tên [như vầy]. Đây là lời đề nghị.

24. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Người này tên [như vầy] có ý muốn tu lên bậc trên với Đại đức tên [như vầy], là người trong sạch về các pháp chướng ngại, người này có đầy đủ y bát. Người tên [như vầy] thỉnh cầu hội chúng sự tu lên bậc trên với thầy tế độ tên [như vầy]. Hội chúng cho người tên [như vầy] tu lên bậc trên với thầy tế độ tên [như vầy]. Đại đức nào đồng ý sự tu lên bậc trên của người tên [như vầy] với thầy tế độ tên [như vầy] xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

25. Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Người này tên [như vầy] có ý muốn tu lên bậc trên với Đại đức tên [như vầy], là người trong sạch về các pháp chướng ngại, người này có đầy đủ y bát. Người tên [như vầy] thỉnh cầu hội chúng sự tu lên bậc trên với thầy tế độ tên [như vầy]. Hội chúng cho người tên [như vầy] tu lên bậc trên với thầy tế độ tên [như vầy]. Đại đức nào đồng ý sự tu lên bậc trên của người tên [như vầy] với thầy tế độ tên [như vầy] xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

26. Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Người này tên [như vầy] có ý muốn tu lên bậc trên với Đại đức tên [như vầy], là người trong sạch về các pháp chướng ngại, người này có đầy đủ y bát. Người tên [như vầy] thỉnh cầu hội chúng sự tu lên bậc trên với thầy tế độ tên [như vầy]. Hội chúng cho người tên [như vầy] tu lên bậc trên với thầy tế độ tên [như vầy]. Đại đức nào đồng ý sự tu lên bậc trên của người tên [như vầy] với thầy tế độ tên [như vầy] xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

27. Người tên [như vầy] đã được hội chúng cho tu lên bậc trên với thầy tế độ tên [như vầy]. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng. Tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

Dứt hành sự tu lên bậc trên.

*****

1. Ngay khi ấy, bóng nắng cần được đo đạc, việc xác định mùa tiết nên được chỉ dạy, việc phân chia ngày [giờ] nên được chỉ dạy, điều đã được kết tập lại nên được chỉ dạy, bốn pháp nương nhờ nên được chỉ dạy:

2. "Việc xuất gia nương vào thức ăn do khất thực; trong trường hợp ấy, ngươi nên thể hiện sự nỗ lực cho đến hết đời; phần thọ lãnh ngoại lệ là bữa ăn dâng hội chúng, bữa ăn được chỉ định, sự mời thỉnh, bữa ăn theo thẻ, vào mỗi nửa tháng, vào ngày *Uposatha*, vào ngày đầu của mỗi nửa tháng. (1)

3. Việc xuất gia nương vào y làm bằng vải dơ bị quăng bỏ; trong trường hợp ấy, ngươi nên thể hiện sự nỗ lực cho đến hết đời; phần thọ lãnh ngoại lệ là [y làm bằng] sợi lanh, bông vải, tơ lụa, sợi len, gai thô, chỉ bố. (2)

4. Việc xuất gia nương vào chỗ trú ngụ là gốc cây; trong trường hợp ấy, ngươi nên thể hiện sự nỗ lực cho đến hết đời; phần thọ lãnh ngoại lệ là trú xá, nhà một mái, tòa nhà dài, khu nhà lớn, hang động. (3)

5. Việc xuất gia nương vào dược phẩm là nước tiểu gia súc; trong trường hợp ấy, ngươi nên thể hiện sự nỗ lực cho đến hết đời; phần thọ lãnh ngoại lệ là bơ lỏng, bơ đặc, dầu ăn, mật, đường mía." (4)

Dứt bốn pháp nương nhờ.

*****

1. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu sau khi cho tu lên bậc trên, vị Tỳ-khưu nọ đã bỏ lại [vị ấy] mỗi một mình rồi ra đi. Sau đó, trong khi đang đi chỉ mỗi một mình, giữa đường vị ấy đã gặp lại người vợ cũ. Cô ta đã nói như vầy:

– Nay chàng đã xuất gia rồi sao?

– Đúng vậy, tôi đã xuất gia.

– Đối với các vị xuất gia, việc đôi lứa là khó đạt được. Hãy đến và thực hiện việc đôi lứa đi.

Vị ấy sau khi thực hiện việc đôi lứa với nàng ta đã đi về trễ. Các vị Tỳ-khưu đã nói như vầy: "Này Sư đệ, vì sao Sư đệ đã đi về trễ như vậy?" Khi ấy, vị ấy đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu. Các Tỳ-khưu đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép ban cho người cộng sự và chỉ dạy bốn điều không nên làm ngay sau khi cho tu lên bậc trên:

2. "Vị đã được tu lên bậc trên trở thành Tỳ-khưu không nên thực hành việc đôi lứa, thậm chí với loài thú cái. Vị Tỳ-khưu nào thực hiện việc đôi lứa thì không còn là Sa-môn, không còn là Thích tử nữa. Cũng giống như người đàn ông đã bị chặt đầu không thể sống với việc gắn lại cái đầu ấy vào thân; tương tợ như thế, vị Tỳ-khưu sau khi thực hiện việc đôi lứa thì không còn là Sa-môn, không còn là Thích tử nữa. Ngươi không nên làm điều ấy cho đến hết đời. (1)

3. Vị đã được tu lên bậc trên trở thành Tỳ-khưu không nên lấy vật không được cho được xem là sự trộm cắp, thậm chí có liên quan đến cọng cỏ. Vị Tỳ-khưu nào lấy vật không được cho là một *pāda* hoặc tương đương một *pāda* hoặc hơn một *pāda* được xem là sự trộm cắp thì không còn là Sa-môn không còn là Thích tử nữa. Cũng giống như chiếc lá vàng đã lìa khỏi cành không thể trở lại màu xanh; tương tợ như thế, vị Tỳ-khưu sau khi lấy vật không được cho là một *pāda* hoặc tương đương một *pāda* hoặc hơn một *pāda* được xem là sự trộm cắp thì không còn là Sa-môn, không còn là Thích tử nữa. Ngươi không nên làm điều ấy cho đến hết đời. (2)

4. Vị đã được tu lên bậc trên trở thành Tỳ-khưu không nên tước đoạt lấy mạng sống của chúng sanh một cách cố tình, thậm chí có liên quan đến loài kiến, mối. Vị Tỳ-khưu nào tước đoạt lấy mạng sống khỏi cơ thể con người một cách cố tình, thậm chí có liên quan đến việc phá thai thì không còn là Sa-môn, không còn là Thích tử nữa. Cũng giống như tảng đá lớn đã bị vỡ làm hai mảnh không gắn liền lại được; tương tợ như thế, vị Tỳ-khưu sau khi tước đoạt lấy mạng sống khỏi cơ thể con người một cách cố tình thì không còn là Sa-môn, không còn là Thích tử nữa. Ngươi không nên làm điều ấy cho đến hết đời. (3)

5. Vị đã được tu lên bậc trên trở thành Tỳ-khưu không nên khoe khoang về pháp của bậc thượng nhân, thậm chí [nói rằng]: 'Tôi thỏa thích trong ngôi nhà trống vắng.' Vị Tỳ-khưu nào có ước muốn xấu xa, bị thúc đẩy bởi ước muốn, rồi khoe khoang về pháp của bậc thượng nhân [mà bản thân] không có, không thực chứng, là pháp thiền, hoặc là pháp giải thoát, hoặc là sự nhập định, hoặc là sự chứng đắc, hoặc là đạo, hoặc là quả thì không còn là Sa-môn, không còn là Thích tử nữa. Cũng giống như cây thốt nốt bị chặt ngọn không thể đâm chồi lại được nữa; tương tợ như thế, vị Tỳ-khưu có ước muốn xấu xa, bị thúc đẩy bởi ước muốn, sau khi khoe khoang về pháp của bậc thượng nhân [mà bản thân] không có, không thực chứng thì không còn là Sa-môn, không còn là Thích tử nữa. Ngươi không nên làm điều ấy cho đến hết đời." (4)

Dứt bốn điều không nên làm.

*****

1. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ là người bị án treo về việc không nhìn nhận tội đã hoàn tục. Vị ấy đã quay trở lại và thỉnh cầu các Tỳ-khưu sự tu lên bậc trên. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

2. – Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu là người bị án treo về việc không nhìn nhận tội lại hoàn tục. Vị ấy quay trở lại và thỉnh cầu các Tỳ-khưu sự tu lên bậc trên. Vị ấy nên được nói như vầy: "Ngươi sẽ nhìn nhận tội ấy?" Nếu [trả lời]: "Tôi sẽ nhìn nhận" thì nên cho xuất gia. Nếu [trả lời]: "Tôi sẽ không nhìn nhận" thì không nên cho xuất gia. Sau khi cho xuất gia, nên nói rằng: "Ngươi sẽ nhìn nhận tội ấy?" Nếu [trả lời]: "Tôi sẽ nhìn nhận" thì nên cho tu lên bậc trên. Nếu [trả lời]: "Tôi sẽ không nhìn nhận" thì không nên cho tu lên bậc trên. Sau khi đã cho tu lên bậc trên, nên nói rằng: "Ngươi sẽ nhìn nhận tội ấy?" Nếu [trả lời]: "Tôi sẽ nhìn nhận" thì nên phục hồi. Nếu [trả lời]: "Tôi sẽ không nhìn nhận" thì không nên phục hồi. Sau khi đã phục hồi, nên nói rằng: "Ngươi nhìn nhận tội ấy?" Nếu vị ấy nhìn nhận thì việc ấy được tốt đẹp, nếu vị ấy không nhìn nhận thì trong khi đạt được sự hợp nhất [của hội chúng] nên phạt án treo lại. Nếu không đạt được sự hợp nhất thì không phạm tội trong việc thọ hưởng chung, cư ngụ chung [với vị ấy].

3. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu là người bị án treo về việc không sửa chữa lỗi lại hoàn tục. Vị ấy quay trở lại và thỉnh cầu các Tỳ-khưu sự tu lên bậc trên. Vị ấy nên được nói như vầy: "Ngươi sẽ sửa chữa lỗi ấy?" Nếu [trả lời]: "Tôi sẽ sửa chữa" thì nên cho xuất gia. Nếu [trả lời]: "Tôi sẽ không sửa chữa" thì không nên cho xuất gia. Sau khi cho xuất gia, nên nói rằng: "Ngươi sẽ sửa chữa lỗi ấy?" Nếu [trả lời]: "Tôi sẽ sửa chữa" thì nên cho tu lên bậc trên. Nếu [trả lời]: "Tôi sẽ không sửa chữa" thì không nên cho tu lên bậc trên. Sau khi đã cho tu lên bậc trên, nên nói rằng: "Ngươi sẽ sửa chữa lỗi ấy?" Nếu [trả lời]: "Tôi sẽ sửa chữa" thì nên phục hồi. Nếu [trả lời]: "Tôi sẽ không sửa chữa" thì không nên phục hồi. Sau khi đã phục hồi, nên nói rằng: "Ngươi sửa chữa lỗi ấy?" Nếu vị ấy sửa chữa thì việc ấy được tốt đẹp, nếu vị ấy không sửa chữa thì trong khi đạt được sự hợp nhất [của hội chúng] nên phạt án treo lại. Nếu không đạt được sự hợp nhất thì không phạm tội trong việc thọ hưởng chung, cư ngụ chung [với vị ấy].

4. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu là người bị án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác lại hoàn tục. Vị ấy quay trở lại và thỉnh cầu các Tỳ-khưu sự tu lên bậc trên. Vị ấy nên được nói như vầy: "Ngươi sẽ từ bỏ tà kiến ác ấy?" Nếu [trả lời]: "Tôi sẽ từ bỏ" thì nên cho xuất gia. Nếu [trả lời]: "Tôi sẽ không từ bỏ" thì không nên cho xuất gia. Sau khi cho xuất gia, nên nói rằng: "Ngươi sẽ từ bỏ tà kiến ác ấy?" Nếu [trả lời]: "Tôi sẽ từ bỏ" thì nên cho tu lên bậc trên. Nếu [trả lời]: "Tôi sẽ không từ bỏ" thì không nên cho tu lên bậc trên. Sau khi đã cho tu lên bậc trên, nên nói rằng: "Ngươi sẽ từ bỏ tà kiến ác ấy?" Nếu [trả lời]: "Tôi sẽ từ bỏ" thì nên phục hồi. Nếu [trả lời]: "Tôi sẽ không từ bỏ" thì không nên

phục hồi. Sau khi đã phục hồi, nên nói rằng: "Ngươi từ bỏ tà kiến ác ấy?" Nếu vị ấy từ bỏ thì việc ấy được tốt đẹp, nếu vị ấy không từ bỏ thì trong khi đạt được sự hợp nhất [của hội chúng] nên phạt án treo lại. Nếu không đạt được sự hợp nhất thì không phạm tội trong việc thọ hưởng chung, cư ngụ chung [với vị ấy].

Chương "Trọng yếu" là thứ nhất.

*****

Trong chương này có một trăm bảy mươi hai sự việc.

TÓM LƯỢC CHƯƠNG NÀY:

1. Luật, về các ý nghĩa quan trọng, là nguồn đem đến sự an lạc cho các Tỳ-khưu hiền thiện, có sự ngăn chặn các ước muốn về việc ác và có sự khiêm nhường trong những việc ra sức.

Và còn là sự nâng đỡ của giáo pháp, là hành xứ của các đấng Toàn Tri và các bậc Chiến Thắng, là lãnh vực không xa lạ, được an toàn, đã khéo được quy định, không có điều nghi hoặc.

Tương tợ như người làm điều lợi ích, [vị Tỳ-khưu] tốt thực hành một cách đúng đắn về Luật ở bộ *Hợp phần* [*Đại phẩm* và *Tiểu phẩm*], luôn cả bộ *Tập yếu* và các tiêu đề [bộ *Đại phân tích*].

2. Người không hiểu biết về loài bò không chăn giữ đàn bò được. Như vậy, trong khi không biết giới, làm sao vị ấy có thể gìn giữ sự thu thúc?

3. Cho đến khi Kinh và Vi diệu pháp bị quên lãng mà Luật chưa bị tiêu hoại thì giáo pháp vẫn còn tồn tại.

4. Vì điều đó, với việc kết tập là nguyên nhân, tôi sẽ tuần tự nói về phần tóm lược theo như sự hiểu biết, xin các vị hãy lắng nghe tôi nói.

5. Câu chuyện, phần duyên khởi, tội vi phạm, phương thức và luôn cả phần trùng lặp, không giản lược phần ấy là việc làm vụng về, các vị hãy hiểu rõ điều ấy đúng theo phương pháp.

6. Sự giác ngộ và cội cây Rājayatana, cội cây người chăn dê, vị Sahampati, đấng Phạm thiên, vị Aḷāra và vị Uddaka, [năm] Tỳ-khưu và ẩn sĩ Upaka.

7. Koṇḍañña, Bhaddiya, Vappa, Mahānāma và Assaji, Yasa, bốn [người bạn], năm mươi [người bạn], Ngài đã phái đi tất cả, [việc xuất gia ở] các phương.

8. Câu chuyện với các Ma vương và ba mươi [vị vương tử], ba đạo sĩ bện tóc ở Uruvelā, nhà thờ lửa, vị Đại vương Sakka, Phạm thiên và toàn thể [dân chúng].

9. Y *paṃsukūla*, hồ nước, tảng đá và [cành cây] Kakudha, khối đá [phơi y], trái Jambu, trái xoài, trái Āmalakī và Ngài đã mang lại bông hoa san hô.

10. Này Kassapa, hãy chẻ ra, hãy đốt lên và hãy dập tắt đi. Các vị hụp [xuống nước], chảo lửa, đám mây đen, [đỉnh] Gayā, [khu rừng] Laṭṭhi và vua xứ Magadha.

11. Rồi Upatissa và Kolita danh tiếng đã xuất gia. Các vị mặc y luộm thuộm, [cho phép] việc đuổi đi và vị Bà-la-môn bị ốm o cằn cỗi.

12. Vị làm hành động sai trái, [vì] bao tử, chàng trai trẻ, hội chúng [là mười vị]. [Bao nhiêu] năm, với các vị ngu dốt, trong khi [thầy] ra đi, mười năm, việc nương nhờ.

13. Các vị không thực hành, để đuổi đi, các vị ngu dốt, sự đình chỉ, năm, sáu [yếu tố], vị nào là ngoại đạo, lõa thể, tóc chưa cắt, đạo sĩ bện tóc và dòng Sakya.

14. Ở xứ Magadha, năm thứ bệnh, một [trường hợp], [lính của] đức vua, và [kẻ cướp đeo] ngón tay và vua xứ Magadha đã cho phép, kẻ [phá] ngục, án ghi, bị phạt roi.

15. Các dấu hiệu, kẻ nợ và nô tỳ, kẻ sói đầu, [thiếu niên] Upāli, bệnh dịch, gia đình có đức tin, Sa-di Kaṇṭaka và luôn cả chuyện bị tắt nghẽn [hướng đi].

16. Về việc nương nhờ, đứa trẻ trai, các điều học, chúng sống và điều gì nữa? [Việc ngăn cấm] toàn bộ, [thức ăn theo đường] miệng, các thầy tế độ, việc dụ dỗ, chuyện Kaṇṭaka.

17. Kẻ vô căn, trộm [tướng mạo], chuyển sang [ngoại đạo], con rồng và [kẻ giết] mẹ, cha, A-la-hán, [làm nhơ] Tỳ-khưu-ni, chia rẽ, [làm chảy] máu và kẻ lưỡng căn.

18. Thầy tế độ không có, với hội chúng, hoặc nhóm, kẻ vô căn, không bình bát, không y, hoặc cả hai, với đồ mượn là ba.

19. Các người [bị đứt] bàn tay, bàn chân, bàn tay và bàn chân, lỗ tai và lỗ mũi, hoặc cả hai điều ấy, các ngón, móng tay và gân chân, tay có màng, gù lưng và người lùn.

20. Người bị bướu cổ và luôn cả người bị đóng dấu, bị phạt roi, bị tầm nã, phù chân voi, bệnh nặng, kẻ bôi nhọ hội chúng, người chột mắt và bị bệnh co rút, là tương tợ như thế.

21. Người què và luôn cả người bị liệt nửa thân, người có tướng đi khập khiễng, người già yếu, người mù, người câm, người điếc, người mù và câm là ở nơi ấy.

22. Người mù và điếc đã được nói đến, luôn cả người bị câm và điếc, người bị mù câm điếc và việc nương nhờ của những kẻ không liêm sỉ.

23. Có thể sống và đi đường xa là tương tợ, với vị yêu cầu, những người mong muốn, hãy đi đến, chúng tranh cãi, với cùng thầy tế độ, vị Kumārakassapa.

24. Và được thấy những vị đã tu lên bậc trên bị khổ sở vì các thứ bệnh, chưa được giảng dạy, các vị bị bối rối, việc giảng dạy ở ngay chính nơi ấy.

25. Rồi ở nơi hội chúng, kẻ ngu, chưa được chỉ định, cùng một lúc, xin hãy tế độ, sự tu lên bậc trên, pháp nương nhờ, mỗi một mình, ba [trường hợp].

Dứt phần tóm lược của chương "Trọng yếu."

--ooOoo--

II. CHƯƠNG UPOSATHA

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Rājagaha, ở núi Gijjhakūṭa. Vào lúc bấy giờ, các du sĩ ngoại đạo tụ hội lại và giảng pháp vào ngày mười bốn, vào ngày mười lăm và vào ngày thứ tám của mỗi nửa tháng. Dân chúng đi đến gần các vị ấy để nghe pháp. Họ có lòng mến chuộng, có niềm tin vào các du sĩ ngoại đạo; các du sĩ ngoại đạo có được đồ chúng.

2. Khi ấy, đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha trong lúc thiền tịnh ở nơi thanh vắng, có ý nghĩ suy tầm như vầy đã sanh khởi: "Hiện nay, các du sĩ ngoại đạo tụ hội lại và giảng pháp vào ngày mười bốn, vào ngày mười lăm và vào ngày thứ tám của mỗi nửa tháng. Dân chúng đi đến gần các vị ấy để nghe pháp. Họ có lòng mến chuộng, có niềm tin vào các du sĩ ngoại đạo; các du sĩ ngoại đạo có được đồ chúng. Hay là các ngài Đại đức cũng nên tụ hội vào ngày mười bốn, vào ngày mười lăm và vào ngày thứ tám của mỗi nửa tháng?"

3. Sau đó, đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã nói với đức Thế Tôn điều này:

4. – Bạch Ngài, trường hợp trẫm trong lúc thiền tịnh ở nơi thanh vắng, có ý nghĩ suy tầm như vầy đã sanh khởi: "Hiện nay, các du sĩ ngoại đạo tụ hội lại và giảng pháp vào ngày mười bốn, vào ngày mười lăm và vào ngày thứ tám của mỗi nửa tháng. Dân chúng đi đến gần các vị ấy để nghe pháp. Họ có lòng mến chuộng, có niềm tin vào các du sĩ ngoại đạo; các du sĩ ngoại đạo có được đồ chúng. Hay là các ngài Đại đức cũng nên tụ hội vào ngày mười bốn, vào ngày mười lăm và vào ngày thứ tám của mỗi nửa tháng?" Bạch Ngài, tốt đẹp thay các ngài Đại đức cũng nên tụ hội vào ngày mười bốn, vào ngày mười lăm và vào ngày thứ tám của mỗi nửa tháng.

5. Khi ấy, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi cho đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha bằng bài pháp thoại. Sau đó, khi đã được đức Thế Tôn chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi bằng bài pháp thoại, đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiễu quanh rồi ra đi.

6. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy và nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: "Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép tụ hội vào ngày mười bốn, vào ngày mười lăm và vào ngày thứ tám của mỗi nửa tháng."

7. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu [nghĩ rằng]: "Đức Thế Tôn đã cho phép tụ hội vào ngày mười bốn, vào ngày mười lăm và vào ngày thứ tám của mỗi nửa tháng", nên sau khi tụ hội vào ngày mười bốn, vào ngày mười lăm và vào ngày thứ tám của mỗi nửa tháng, các vị ấy ngồi im lặng. Dân chúng đi đến gần các vị ấy để nghe pháp. Những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Sa-môn Thích tử sau khi tụ hội vào ngày mười bốn, vào ngày mười lăm và vào ngày thứ tám của mỗi nửa tháng, lại ngồi im lặng giống như là các con heo đần độn vậy? Sao các vị đã tụ hội lại mà không chịu giảng pháp?"

8. Các Tỳ-khưu đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

9. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép giảng pháp sau khi tụ hội vào ngày mười bốn, vào ngày mười lăm và vào ngày thứ tám của mỗi nửa tháng.

10. Khi ấy, đức Thế Tôn trong lúc thiền tịnh ở nơi thanh vắng, có ý nghĩ suy tầm như vầy đã sanh khởi: "Hay là Ta nên cho phép các vị ấy việc đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*) gồm các điều học đã được Ta quy định cho các Tỳ-khưu, việc ấy sẽ là hành sự *Uposatha* cho các vị ấy?"

11. Sau đó vào lúc chiều tối, đức Thế Tôn đã xuất khỏi thiền tịnh, rồi nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, trường hợp Ta trong lúc thiền tịnh ở nơi thanh vắng, có ý nghĩ suy tầm như vầy đã sanh khởi: "Hay là Ta nên cho phép các vị ấy việc đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*) gồm các điều học đã được Ta quy định cho các Tỳ-khưu, việc ấy sẽ là hành sự *Uposatha* cho các vị ấy?" Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*). Và này các Tỳ-khưu, nên đọc tụng như vầy: Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực:

12. "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên tiến hành lễ *Uposatha*, nên đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*). Phận sự trước tiên của hội chúng là gì? Các Đại đức hãy tuyên bố sự trong sạch rồi tôi sẽ đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*). Hết thảy tất cả các vị hiện diện [chúng ta] hãy nghiêm chỉnh lắng nghe và hãy chú tâm đến điều ấy. Nếu vị nào có phạm tội, vị ấy nên bày tỏ; vị không có phạm tội thì nên im lặng. Do thái độ im lặng, tôi sẽ nhận biết về các Đại đức rằng: '[Các vị] được trong sạch.' Giống như đối với mỗi lần được hỏi đến thì có câu trả lời; tương tợ như thế, trong hội chúng như thế này [câu hỏi] được thông báo đến lần thứ ba. Trong khi đang được thông báo đến lần thứ ba, vị Tỳ-khưu nào nhớ ra mà không bày tỏ tội đang có thì vị ấy cố tình nói dối. Bạch chư Đại đức, việc cố tình nói dối là pháp chướng ngại đã được đức Thế Tôn đề cập đến; do đó, vị Tỳ-khưu bị phạm tội mà nhớ ra và có ý muốn được trong sạch thì nên bày tỏ ra tội đang có. Bởi vì khi [tội] đã được bày tỏ thì vị ấy sẽ được thoải mái."

13. *Pātimokkha*: Điều này là đầu tiên, điều này là lối đưa vào, điều này là đứng đầu của các thiện pháp, do đó được gọi là "*Pātimokkha*."

14. Các Đại đức: Điều này là lời nói quý mến, điều này là lời nói kính trọng, điều này là lời nói có sự tôn kính và có sự phục tùng, tức là "các Đại đức."

15. Tôi sẽ đọc tụng: Tôi sẽ chỉ ra, tôi sẽ giảng, tôi sẽ cho biết, tôi sẽ bày ra, tôi sẽ khai triển, tôi sẽ phân tích, tôi sẽ làm rõ ràng, tôi sẽ cho thấy rõ.

16. Điều ấy nghĩa là Giới bổn (*Pātimokkha*) được nói đến.

17. Hết thảy tất cả các vị hiện diện: Trong hội chúng ấy cho đến các vị Trưởng lão, các vị mới tu, hoặc các vị trung niên, các vị này được gọi là "hết thảy tất cả các vị hiện diện."

18. [Chúng ta] hãy nghiêm chỉnh lắng nghe: Sau khi định thần, sau khi chú tâm, sau khi tập trung tất cả tâm ý.

19. [Chúng ta] hãy chú tâm: [Chúng ta] hãy chăm chú với tâm trú vào một điểm, với tâm không bị xao lãng, với tâm không bị rối loạn.

20. Nếu vị nào có phạm tội: Bất cứ tội nào thuộc nhóm năm tội hoặc bất cứ tội nào thuộc nhóm bảy tội của vị Trưởng lão, của vị mới tu, hoặc của vị trung niên.

21. Vị ấy nên bày tỏ: Vị ấy nên trình báo, vị ấy nên khai ra, vị ấy nên làm rõ ràng, vị ấy nên cho thấy rõ ở giữa hội chúng, hoặc ở giữa nhóm, hoặc nơi một cá nhân.

22. Không có phạm tội nghĩa là vị ấy không phạm tội, hoặc là sau khi phạm tội đã được thoát khỏi tội.

23. Nên im lặng: Nên ưng thuận, không nên phát biểu.

24. Tôi sẽ nhận biết rằng: "[Các vị] được trong sạch": Tôi sẽ biết được, tôi sẽ ghi nhận.

25. Giống như đối với mỗi lần được hỏi đến thì có câu trả lời: Giống như việc một người được một người khác hỏi thì nên trả lời, tương tợ như thế đối với hội chúng ấy, điều cần được biết là "vị ấy hỏi tôi." **Hội chúng như thế này** nghĩa là hội chúng các Tỳ-khưu được nói đến.

26. Được thông báo đến lần thứ ba: Được thông báo một lần, được thông báo đến lần thứ nhì, được thông báo đến lần thứ ba.

27. [Vị ấy] nhớ ra: [Vị ấy] đang biết được, đang nhận ra được.

28. Tội đang có nghĩa là tội đã vi phạm, hoặc là tội sau khi đã vi phạm còn chưa được thoát ra.

29. Không bày tỏ: [Vị ấy] không trình báo, không khai ra, không làm rõ ràng, không cho thấy rõ ở giữa hội chúng, hoặc ở giữa nhóm, hoặc nơi một cá nhân.

30. Vị ấy cố tình nói dối: Là điều gì trong việc cố tình nói dối? Là đã làm điều sai trái.

31. Pháp chướng ngại đã được đức Thế Tôn đề cập đến: Chướng ngại của điều gì? Là chướng ngại cho việc chứng đắc sơ thiền; chướng ngại cho việc chứng đắc nhị thiền; chướng ngại cho việc chứng đắc tam thiền; chướng ngại cho việc chứng đắc tứ thiền; chướng ngại cho việc chứng đắc của các thiền, của các sự giải thoát, của các sự thể nhập định, của các sự xuất ly, của các sự ra khỏi [luân hồi], của các sự tịch tịnh, của các thiện pháp.

32. Do đó: Vì nguyên nhân ấy.

33. [Với] vị nhớ ra được: [Với] vị đang biết được, [với] vị đang nhận ra được.

34. Có ý muốn được trong sạch: Có sự mong muốn được thoát ra, có sự mong muốn được làm cho trong sạch.

35. Tội đang có nghĩa là tội đã vi phạm, hoặc là tội sau khi đã vi phạm còn chưa được thoát ra.

36. Nên bày tỏ ra: Nên được bày tỏ ra ở giữa hội chúng, hoặc ở giữa nhóm, hoặc nơi một cá nhân.

37. Bởi vì khi [tội] đã được bày tỏ thì vị ấy sẽ được thoải mái: Thoải mái của điều gì? Là sự thoải mái trong việc chứng đắc sơ thiền; là sự thoải mái trong việc chứng đắc nhị thiền; là sự thoải mái trong việc chứng đắc tam thiền; là sự thoải mái trong việc chứng đắc tứ thiền; là sự thoải mái trong việc chứng đắc của các thiền, của các sự giải thoát, của các sự thể nhập vào các tầng định, của các sự xuất ly, của các sự ra khỏi [luân hồi], của các sự tịch tịnh, của các thiện pháp.

38. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu [nghĩ rằng]: "Việc đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*) đã được đức Thế Tôn cho phép" nên đã đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*) hàng ngày. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*) hàng ngày; vị nào đọc tụng thì phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*) vào ngày *Uposatha*.

39. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu [nghĩ rằng]: "Việc đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*) đã được đức Thế Tôn cho phép vào ngày *Uposatha*" nên đã đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*) ba lần trong nửa tháng vào ngày mười bốn, vào ngày mười lăm và vào ngày thứ tám của nửa tháng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*) ba lần trong nửa tháng; vị nào đọc tụng thì phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*) một lần vào ngày mười bốn hoặc ngày mười lăm của nửa tháng.

40. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*) theo tập thể, nghĩa là theo từng tập thể riêng của mình. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*) theo tập thể, nghĩa là theo từng tập thể riêng của mình; vị nào đọc tụng thì phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép hành sự *Uposatha* hợp nhất.

41. Khi ấy, các vị Tỳ-khưu đã khởi ý điều này: "Đức Thế Tôn đã quy định 'hành sự *Uposatha* hợp nhất', vậy sự hợp nhất có phạm vi đến tận đâu, cho đến phạm vi một trú xứ hay toàn bộ trái đất?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép sự hợp nhất cho đến phạm vi một trú xứ.

42. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Mahākappina ngụ tại Rājagaha ở Maddakucchi, nơi vườn Nai. Khi ấy, Đại đức Mahākappina trong lúc thiền tịnh ở nơi thanh vắng, có ý nghĩ suy tầm như vầy đã sanh khởi: "Ta nên đi [tham dự] lễ *Uposatha* hay là không nên đi, ta nên đi [tham dự] hành sự của hội chúng hay là không nên đi, trong khi ta đã được thanh tịnh với sự thanh tịnh tối thượng?"

43. Khi ấy, đức Thế Tôn dùng tâm biết được ý nghĩ suy tầm của Đại đức Mahākappina, rồi giống như người đàn ông có sức mạnh có thể duỗi ra cánh tay đã được co lại, hoặc có thể co lại cánh tay đã được duỗi ra; tương tợ như thế, [đức Thế Tôn] đã biến mất tại núi Gijjhakūṭa rồi hiện ra trước mặt Đại đức Mahākappina ở Maddakucchi, nơi vườn Nai. Đức Thế Tôn đã ngồi xuống ở chỗ ngồi được sắp đặt sẵn. Đại đức Mahākappina đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi Đại đức Mahākappina đã ngồi xuống một bên, đức Thế Tôn đã nói với Đại đức Mahākappina điều này:

44. – Này Kappina, có phải ngươi trong lúc thiền tịnh ở nơi thanh vắng, có ý nghĩ suy tầm như vầy đã sanh khởi: "Ta nên đi [tham dự] lễ *Uposatha* hay là không nên đi, ta nên đi [tham dự] hành sự của hội chúng hay là không nên đi, trong khi ta đã được thanh tịnh với sự thanh tịnh tối thượng?"

– Bạch Ngài, đúng vậy.

– Nếu các ngươi là những người có Phạm hạnh không trọng vọng, không cung kính, không sùng bái, không cúng dường lễ *Uposatha* thì còn ai sẽ trọng vọng, sẽ cung kính, sẽ sùng bái, sẽ cúng dường lễ *Uposatha* nữa? Này người có Phạm hạnh, ngươi hãy đi [tham dự] lễ *Uposatha*, chớ có không đi. Ngươi hãy đi [tham dự] hành sự của hội chúng, chớ có không đi.

– Bạch Ngài, xin vâng.

Đại đức Mahākappina đã đáp lời đức Thế Tôn.

45. Sau đó, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi cho Đại đức Mahākappina bằng bài pháp thoại, rồi giống như người đàn ông có sức mạnh có thể duỗi ra cánh tay đã được co lại, hoặc có thể co lại

cánh tay đã được duỗi ra; tương tợ như thế, [đức Thế Tôn] đã biến mất trước mặt Đại đức Mahākappina ở Maddakucchi nơi vườn Nai rồi hiện ra tại núi Gijjhakūṭa.

46. Khi ấy, các vị Tỳ-khưu đã khởi ý điều này: "Đức Thế Tôn đã cho phép 'sự hợp nhất cho đến phạm vi một trú xứ', vậy [phạm vi của] một trú xứ là đến tận đâu?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép ấn định ranh giới. Và này các Tỳ-khưu, nên ấn định như vầy: Trước tiên, các điểm mốc cần được định danh: Điểm mốc là ngọn núi, điểm mốc là tảng đá, điểm mốc là khu rừng, điểm mốc là cội cây, điểm mốc là đường đi, điểm mốc là gò mối, điểm mốc là con sông, điểm mốc là vũng nước. Sau khi định danh các điểm mốc, hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực:

47. "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Các điểm mốc xung quanh [phạm vi] đã được định danh. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ấn định ranh giới với các điểm mốc ấy là [khu vực] đồng cộng trú chung một lễ *Uposatha*. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Các điểm mốc xung quanh [phạm vi] đã được định danh. Hội chúng ấn định ranh giới với các điểm mốc ấy là [khu vực] đồng cộng trú chung một lễ *Uposatha*. Đại đức nào đồng ý việc ấn định ranh giới với các điểm mốc ấy là [khu vực] đồng cộng trú chung một lễ *Uposatha* xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Ranh giới với các điểm mốc ấy đã được hội chúng ấn định là [khu vực] đồng cộng trú chung một lễ *Uposatha*. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

48. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu nhóm Lục Sư [nghĩ rằng]: "Đức Thế Tôn đã cho phép việc ấn định ranh giới" rồi ấn định các ranh giới quá rộng lớn bốn do-tuần,[1] năm do-tuần, sáu do-tuần. Các vị Tỳ-khưu đi [tham dự] lễ *Uposatha* đi đến trong khi Giới bổn (*Pātimokkha*) đang được đọc tụng, đi đến khi vừa mới được đọc tụng xong, [hoặc] đã trú ngụ ở khoảng giữa [đường đi]. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên ấn định ranh giới quá rộng lớn bốn do-tuần, năm do-tuần, hoặc sáu do-tuần; vị nào ấn định thì phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép ấn định ranh giới tối đa ba do-tuần.

49. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu nhóm Lục Sư ấn định ranh giới đến bờ bên kia của dòng sông. Trong khi đi đến lễ *Uposatha*, các vị Tỳ-khưu đã bị cuốn trôi đi, các bình bát cũng đã bị cuốn trôi đi, các y cũng đã bị cuốn trôi đi. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

---

[1] Theo từ điển *Pali-English Dictionary* của Hội Pali Text Society thì 1 *yojana* có chiều dài khoảng 7 *miles*, từ điển của Childers thì 12 *miles*. Tài liệu *The Buddhist Monastic Code* cho biết là 10 *miles* tức vào khoảng 16km (ND).

– Này các Tỳ-khưu, không nên ấn định ranh giới đến bờ bên kia của dòng sông; vị nào ấn định thì phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, ở nơi nào có thuyền bè thường trực hoặc có cầu cố định, Ta cho phép ấn định ranh giới đến bờ bên kia của dòng sông theo hình thức như thế.

50. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*) ở dãy phòng. Do chưa được quy định trước nên các vị Tỳ-khưu vãng lai không biết được: "Hôm nay, lễ *Uposatha* sẽ được thực hiện ở đâu?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*) ở dãy phòng chưa được quy định trước; vị nào đọc tụng thì phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thực hiện lễ *Uposatha* sau khi chỉ định nhà hành lễ *Uposatha* tùy theo hội chúng mong muốn là trú xá, hoặc nhà một mái, hoặc tòa nhà dài, hoặc khu nhà lớn, hoặc hang động. Và này các Tỳ-khưu, nên chỉ định như vầy: Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực:

51. "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên chỉ định trú xá tên [như vầy] làm nhà hành lễ *Uposatha*. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Hội chúng chỉ định trú xá tên [như vầy] làm nhà hành lễ *Uposatha*. Đại đức nào đồng ý việc chỉ định trú xá tên [như vầy] làm nhà hành lễ *Uposatha* xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Trú xá tên [như vầy] đã được hội chúng chỉ định làm nhà hành lễ *Uposatha*. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

52. Vào lúc bấy giờ, trong trú xứ nọ có hai nhà hành lễ *Uposatha* được chỉ định. Các Tỳ-khưu tụ hội ở cả hai nơi [nghĩ rằng]: "Lễ *Uposatha* sẽ được thực hiện ở đây. Lễ *Uposatha* sẽ được thực hiện ở đây." Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên chỉ định hai nhà hành lễ *Uposatha* ở trong một trú xứ; vị nào chỉ định thì phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép sau khi hủy bỏ một rồi thực hiện lễ *Uposatha* ở một nơi [còn lại]. Và này các Tỳ-khưu, nên hủy bỏ như vầy: Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực:

53. "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên hủy bỏ nhà hành lễ *Uposatha* tên [như vầy]. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Hội chúng hủy bỏ nhà hành lễ *Uposatha* tên [như vầy]. Đại đức nào đồng ý việc hủy bỏ nhà hành lễ *Uposatha* tên [như vầy] xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Nhà hành lễ *Uposatha* tên [như vầy] đã được hội chúng hủy bỏ. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

54. Vào lúc bấy giờ, ở tại trú xứ nọ, nhà hành lễ *Uposatha* được ấn định quá nhỏ. Vào ngày *Uposatha*, có đại chúng Tỳ-khưu đã tụ hội lại. Các vị Tỳ-khưu đã ngồi xuống ở khu vực không được ấn định và nghe Giới bổn (*Pātimokkha*). Khi ấy, các vị Tỳ-khưu ấy đã khởi ý điều này: "Đức Thế Tôn đã quy định rằng: 'Lễ *Uposatha* nên được thực hiện sau khi chỉ định nhà hành lễ *Uposatha*', còn chúng ta đây đã ngồi ở khu vực không được ấn định và nghe Giới bổn (*Pātimokkha*), như thế thì lễ *Uposatha* của chúng ta đã được thực hiện hay đã không được thực hiện?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, vị ngồi ở khu vực đã được ấn định hay không được ấn định và lắng nghe Giới bổn (*Pātimokkha*) thì từ chỗ đó lễ *Uposatha* của vị ấy đã được thực hiện. Này các Tỳ-khưu, như thế thì hội chúng mong muốn mặt tiền của chỗ hành lễ *Uposatha* rộng tới mức nào thì hội chúng hãy ấn định mặt tiền của chỗ hành lễ *Uposatha* rộng tới mức ấy. Và này các Tỳ-khưu, nên ấn định như vầy: Trước tiên, các điểm mốc cần được định danh. Sau khi định danh các điểm mốc, hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực:

55. "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Các điểm mốc xung quanh [phạm vi] đã được định danh. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ấn định mặt tiền của chỗ hành lễ *Uposatha* với các điểm mốc ấy. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Các điểm mốc xung quanh [phạm vi] đã được định danh. Hội chúng ấn định mặt tiền của chỗ hành lễ *Uposatha* với các điểm mốc ấy. Đại đức nào đồng ý việc ấn định mặt tiền của chỗ hành lễ *Uposatha* với các điểm mốc ấy xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Mặt tiền của chỗ hành lễ *Uposatha* với các điểm mốc ấy đã được hội chúng ấn định. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

56. Vào lúc bấy giờ, tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Uposatha* các vị Tỳ-khưu mới tu đã tụ hội trước tiên [nghĩ rằng]: "Các vị Trưởng lão vẫn chưa có đến" nên đã bỏ đi. Lễ *Uposatha* đã bị thiếu sót. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép các Tỳ-khưu trưởng lão tụ hội trước nhất vào ngày lễ *Uposatha*.

57. Vào lúc bấy giờ, trong thành Rājagaha có nhiều trú xứ là cùng chung ranh giới. Các vị Tỳ-khưu ở đó tranh cãi rằng: "Lễ *Uposatha* hãy được thực hiện ở trú xứ của chúng tôi. Lễ *Uposatha* hãy được thực hiện ở trú xứ của chúng tôi." Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, trong trường hợp có nhiều trú xứ là cùng chung ranh giới và các vị Tỳ-khưu ở đó tranh cãi rằng: "Lễ *Uposatha* hãy được thực hiện ở trú xứ của chúng tôi. Lễ *Uposatha* hãy được thực hiện ở trú xứ của chúng tôi."

Này các Tỳ-khưu, toàn bộ tất cả các Tỳ-khưu ấy nên tụ hội lại một chỗ rồi thực hiện lễ *Uposatha*, nơi nào có vị Tỳ-khưu trưởng lão cư ngụ thì nên tụ hội ở nơi ấy rồi thực hiện lễ *Uposatha*. Và lễ *Uposatha* không được thực hiện bởi hội chúng theo phe nhóm; vị nào thực hiện thì phạm tội *Dukkaṭa*.

58. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Mahākassapa từ Andhakavinda đang đi đến lễ *Uposatha* ở thành Rājagaha, trên đường đi, trong khi vượt qua con sông đã suýt bị nước cuốn trôi.[2] Các y của vị ấy bị ướt. Các Tỳ-khưu đã nói với Đại đức Mahākassapa điều này:

– Thưa ngài, vì sao các y của ngài bị ướt?

– Này các Đại đức, trường hợp tôi từ Andhakavinda đang đi đến lễ *Uposatha* ở thành Rājagaha, trên đường đi, trong khi vượt qua con sông, tôi đã suýt bị nước cuốn trôi; vì thế các y của tôi bị ướt.

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, ranh giới nào đã được hội chúng ấn định là đồng cộng trú chung một lễ *Uposatha* thì hội chúng nên ấn định ranh giới ấy là không [bị phạm tội vì] xa lìa ba y.[3] Và này các Tỳ-khưu, nên ấn định như vầy: Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực:

59. "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Ranh giới nào đã được hội chúng ấn định là đồng cộng trú chung một lễ *Uposatha*, nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ấn định ranh giới ấy là không [bị phạm tội vì] xa lìa ba y. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Ranh giới nào đã được hội chúng ấn định là đồng cộng trú chung một lễ *Uposatha*, hội chúng ấn định ranh giới ấy là không [bị phạm tội vì] xa lìa ba y. Đại đức nào đồng ý việc ấn định ranh giới ấy là không [bị phạm tội vì] xa lìa ba y xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

---

[2] Theo ngài Buddhaghosa, từ chỗ ngài Mahākassapa trú ngụ đến thành Rājagaha là 3 *gāvuta* (1 *gāvuta* = 1/4 *yojana*), như vậy vào khoảng 12km. Trong thành Rājagaha có 18 trú xá lớn nhưng có cùng chung một ranh giới do ngài Sāriputta thực hiện. Và Veḷuvana là chỗ các vị Tỳ-khưu ở trong ranh giới ấy tụ hội để thực hiện lễ *Uposatha*. Con sông được đề cập tên là Sippinī, phát xuất từ núi Gijjhakūṭa và có dòng chảy rất mạnh (*VinA*. V. 1049).

[3] Ranh giới không (bị phạm tội vì) xa lìa ba y (*ticīvarena avippavāsā sīmā*): *Avippavāso* (sự không xa lìa) = (từ phủ định) *a* + *vippavāso* (sự xa cách, sự vắng mặt). Nếu dịch sát từ sẽ là "ranh giới không xa lìa ba y" như bản dịch tiếng Anh của học giả I. B. Horner sẽ khiến cho ý nghĩa bị lầm lẫn. Mặt khác, nếu nói theo thói quen là "*sīmā* xa lìa tam y, *sīmā* được phép xa lìa tam y" cũng không chính xác vì đã bỏ rơi tiếp đầu ngữ phủ định "*a*". Muốn giải thích trường hợp này, phải trở lại điều học *Nissaggiya Pācittiya* thứ 2: "... *ce bhikkhu ticīvarena vippavaseyya*..." và xem "*vippavāsa*" có ý nghĩa một cách tổng quát là "sự phạm tội vì xa lìa bạ y." Và "*a+vippavāsa*" sẽ trở thành "không có sự phạm tội vì xa lìa ba y" ở trong ranh giới ấy. Cũng cần nói thêm là việc "không bị phạm tội vì xa lìa ba y" và việc "được phép xa lìa ba y" có sự khác biệt rõ rệt về ý nghĩa (ND).

Ranh giới ấy đã được hội chúng ấn định là không [bị phạm tội vì] xa lìa ba y. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

60. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu [nghĩ rằng]: "Sự ấn định về việc không [bị phạm tội vì] xa lìa ba y đã được đức Thế Tôn cho phép" nên để các y trong xóm nhà. Các y ấy bị mất, bị cháy, bị chuột gặm nhấm. Các vị Tỳ-khưu trở nên ăn mặc bê bối, y phục luộm thuộm. Các vị Tỳ-khưu đã nói như vầy:

– Này các Đại đức, vì sao các vị ăn mặc bê bối, y phục luộm thuộm?

– Này các Đại đức, trường hợp chúng tôi [nghĩ rằng]: "Sự ấn định về việc không [bị phạm tội vì] xa lìa ba y đã được đức Thế Tôn cho phép" nên đã để các y trong xóm nhà. Các y ấy đã bị mất, đã bị cháy, đã bị chuột gặm nhấm; do đó, chúng tôi trở nên ăn mặc bê bối, y phục luộm thuộm.

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, ranh giới nào đã được hội chúng ấn định là đồng cộng trú chung một lễ *Uposatha* thì hội chúng nên ấn định ranh giới ấy là không [bị phạm tội vì] xa lìa ba y, ngoại trừ làng và vùng ven làng. Và này các Tỳ-khưu, nên ấn định như vầy: Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực:

61. "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Ranh giới nào đã được hội chúng ấn định là đồng cộng trú chung một lễ *Uposatha*, nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ấn định ranh giới ấy là không [bị phạm tội vì] xa lìa ba y, ngoại trừ làng và vùng ven làng. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Ranh giới nào đã được hội chúng ấn định là đồng cộng trú chung một lễ *Uposatha*, hội chúng ấn định ranh giới ấy là không [bị phạm tội vì] xa lìa ba y, ngoại trừ làng và vùng ven làng. Đại đức nào đồng ý việc ấn định ranh giới ấy là không [bị phạm tội vì] xa lìa ba y, ngoại trừ làng và vùng ven làng xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Ranh giới ấy đã được hội chúng ấn định là không [bị phạm tội vì] xa lìa ba y, ngoại trừ làng và vùng ven làng. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

62. Này các Tỳ-khưu, trong khi ấn định ranh giới, trước tiên nên ấn định ranh giới đồng cộng trú, sau đó nên ấn định việc không [bị phạm tội vì] xa lìa ba y. Này các Tỳ-khưu, trong khi hủy bỏ ranh giới, trước tiên nên hủy bỏ việc không [bị phạm tội vì] xa lìa ba y, sau đó nên hủy bỏ ranh giới đồng cộng trú. Và này các Tỳ-khưu, việc không [bị phạm tội vì] xa lìa ba y nên được hủy bỏ như vầy: Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực:

63. "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Việc không [bị phạm tội vì] xa lìa ba y nào đã được hội chúng ấn định, nếu là thời điểm thích hợp

cho hội chúng, hội chúng nên hủy bỏ việc không [bị phạm tội vì] xa lìa ba y ấy. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Việc không [bị phạm tội vì] xa lìa ba y nào đã được hội chúng ấn định, hội chúng hủy bỏ việc không [bị phạm tội vì] xa lìa ba y ấy. Đại đức nào đồng ý sự hủy bỏ việc không [bị phạm tội vì] xa lìa ba y ấy xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Việc không [bị phạm tội vì] xa lìa ba y ấy đã được hội chúng hủy bỏ. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

64. Và này các Tỳ-khưu, ranh giới đồng cộng trú nên được hủy bỏ như vầy: Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực:

"Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Ranh giới nào đã được hội chúng ấn định là đồng cộng trú chung một lễ *Uposatha*, nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên hủy bỏ ranh giới ấy. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Ranh giới nào đã được hội chúng ấn định là đồng cộng trú chung một lễ *Uposatha*, hội chúng hủy bỏ ranh giới đồng cộng trú chung một lễ *Uposatha* ấy. Đại đức nào đồng ý việc hủy bỏ của ranh giới đồng cộng trú chung một lễ *Uposatha* ấy xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Ranh giới đồng cộng trú chung một lễ *Uposatha* ấy đã được hội chúng hủy bỏ. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

65. Này các Tỳ-khưu, khi ranh giới chưa được ấn định, chưa được thiết lập, vị [Tỳ-khưu] sống nương tựa vào ngôi làng hoặc thị trấn nào, trong trường hợp ấy, ranh giới làng của ngôi làng ấy, hoặc ranh giới thị trấn của thị trấn ấy là [ranh giới] đồng cộng trú chung một lễ *Uposatha*.

66. Này các Tỳ-khưu, nếu ở nơi không phải là làng, ở trong rừng, trong trường hợp ấy, [khu vực] bảy *abbhantara*[4] ở xung quanh là [ranh giới] đồng cộng trú chung một lễ *Uposatha*.

67. Này các Tỳ-khưu, toàn bộ dòng sông không phải là ranh giới, toàn bộ biển cả không phải là ranh giới, toàn bộ hồ thiên nhiên không phải là ranh giới. Này các Tỳ-khưu, trong dòng sông, trong biển cả, trong hồ thiên nhiên, [khu vực] do việc ném nước ra xung quanh của người đàn ông [có sức mạnh] trung bình là [ranh giới] đồng cộng trú chung một lễ *Uposatha* trong trường hợp ấy.

---

[4] *Abbhantara*: Ngài Buddhaghosa giải thích 1 *abbhantara* là 28 *hattha* (*VinA*. V. 1052). Từ điển của Childers giải thích *hattha* là chiều dài tính từ cùi chỏ của cánh tay đến đầu ngón tay út. Tài liệu *The Buddhist Monastic Code* của Thanissaro Bhikkhu cho biết khoảng cách của 7 *abbhantara* = 98m. Như vậy, có thể kết luận là 1 *abbhantara* = 14m, 1 *hattha* = 0,5m. Chừa ra khoảng cách giữa các ranh giới: Theo ngài Buddhaghosa, khoảng cách xung quanh được chừa ra giữa các ranh giới là khoảng cách của một cánh tay (*VinA*. V. 1056).

68. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu nhóm Lục Sư làm ranh giới [mới] gối lên ranh giới [đã có]. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, ranh giới của các vị nào đã được ấn định trước, ranh giới ấy của các vị ấy là đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì. Này các Tỳ-khưu, ranh giới của các vị nào được ấn định sau, ranh giới ấy của các vị ấy là sai Pháp, có thể sửa đổi, không đáng duy trì. Này các Tỳ-khưu, không nên làm ranh giới [mới] gối lên ranh giới [đã có]; vị nào làm gối lên thì phạm tội *Dukkaṭa*.

69. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu nhóm Lục Sư làm ranh giới [mới] trùm lên ranh giới [đã có]. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, ranh giới của các vị nào đã được ấn định trước, ranh giới ấy của các vị ấy là đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì. Này các Tỳ-khưu, ranh giới của các vị nào được ấn định sau, ranh giới ấy của các vị ấy là sai Pháp, có thể sửa đổi, không đáng duy trì. Này các Tỳ-khưu, không nên làm ranh giới [mới] trùm lên ranh giới [đã có]; vị nào làm trùm lên thì phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vị ấn định ranh giới được ấn định ranh giới sau khi đã chừa ra khoảng cách giữa các ranh giới.

70. Sau đó, các vị Tỳ-khưu đã khởi ý điều này: "Có bao nhiêu lễ *Uposatha*?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, đây là hai lễ *Uposatha*: Lễ ngày mười bốn và lễ ngày mười lăm. Này các Tỳ-khưu, đây là hai lễ *Uposatha*.

71. Khi ấy, các vị Tỳ-khưu đã khởi ý điều này: "Có bao nhiêu hành sự *Uposatha*?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, đây là bốn hành sự *Uposatha*: Hành sự *Uposatha* sai Pháp theo phe nhóm, hành sự *Uposatha* sai Pháp có sự hợp nhất, hành sự *Uposatha* đúng Pháp theo phe nhóm, hành sự *Uposatha* đúng Pháp có sự hợp nhất.

72. Này các Tỳ-khưu, trường hợp này tức là hành sự *Uposatha* sai Pháp theo phe nhóm, này các Tỳ-khưu, không nên thực hiện hành sự *Uposatha* có hình thức như thế và hành sự *Uposatha* có hình thức như thế không được Ta cho phép.

73. Này các Tỳ-khưu, trường hợp này tức là hành sự *Uposatha* sai Pháp có sự hợp nhất, này các Tỳ-khưu, không nên thực hiện hành sự *Uposatha* có hình thức như thế và hành sự *Uposatha* có hình thức như thế không được Ta cho phép.

74. Này các Tỳ-khưu, trường hợp này tức là hành sự *Uposatha* đúng Pháp theo phe nhóm, này các Tỳ-khưu, không nên thực hiện hành sự *Uposatha* có hình thức như thế và hành sự *Uposatha* có hình thức như thế không được Ta cho phép.

75. Này các Tỳ-khưu, trường hợp này tức là hành sự *Uposatha* đúng Pháp có sự hợp nhất, này các Tỳ-khưu, nên thực hiện hành sự *Uposatha* có hình thức

như thế và hành sự *Uposatha* có hình thức như thế được Ta cho phép. Này các Tỳ-khưu, do đó, ở đây, chúng ta sẽ thực hiện hành sự *Uposatha* có hình thức như thế tức là "đúng Pháp có sự hợp nhất." Này các Tỳ-khưu, các ngươi nên học tập theo đúng như thế.

76. Sau đó, các vị Tỳ-khưu đã khởi ý điều này: "Có bao nhiêu cách đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*)?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, đây là năm cách đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*): Sau khi đọc tụng phần mở đầu, nên thông báo phần còn lại bằng cách đã được nghe; đây là cách đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*) thứ nhất.

77. Sau khi đọc tụng phần mở đầu, sau khi đọc tụng bốn điều *Pārājika*, nên thông báo phần còn lại bằng cách đã được nghe; đây là cách đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*) thứ nhì.

78. Sau khi đọc tụng phần mở đầu, sau khi đọc tụng bốn điều *Pārājika*, sau khi đọc tụng mười ba điều *Saṅghādisesa*, nên thông báo phần còn lại bằng cách đã được nghe; đây là cách đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*) thứ ba.

79. Sau khi đọc tụng phần mở đầu, sau khi đọc tụng bốn điều *Pārājika*, sau khi đọc tụng mười ba điều *Saṅghādisesa*, sau khi đọc tụng hai điều *Aniyata*, nên thông báo phần còn lại bằng cách đã được nghe; đây là cách đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*) thứ tư.

80. [Đọc tụng] một cách chi tiết là cách thứ năm. Này các Tỳ-khưu, đây là năm cách đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*).

81. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu [nghĩ rằng]: "Đức Thế Tôn đã cho phép cách đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*) một cách tóm tắt" rồi mọi lúc đều đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*) một cách tóm tắt. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*) một cách tóm tắt; vị nào đọc tụng thì phạm tội *Dukkaṭa*.

82. Vào lúc bấy giờ, tại trú xứ nọ trong nước Kosala, vào ngày *Uposatha* có sự sợ hãi vì đám lục lâm. Các vị Tỳ-khưu không thể đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*) một cách chi tiết. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*) một cách tóm tắt khi có sự nguy hiểm.

83. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*) một cách tóm tắt ngay cả khi không có sự nguy hiểm. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*) một cách tóm tắt khi không có sự nguy hiểm; vị nào đọc tụng thì phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*) một cách tóm tắt khi có sự nguy hiểm. Đây là mười sự nguy hiểm trong trường hợp ấy: Sự nguy

hiểm từ đức vua, sự nguy hiểm vì trộm cướp, sự nguy hiểm vì hỏa hoạn, sự nguy hiểm vì nước ngập, sự nguy hiểm vì loài người, sự nguy hiểm vì phi nhân, sự nguy hiểm vì thú dữ, sự nguy hiểm vì rắn, sự nguy hiểm cho mạng sống, sự nguy hiểm cho Phạm hạnh. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*) một cách tóm tắt trong những [trường hợp] nguy hiểm có hình thức như thế và [đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*)] một cách chi tiết khi không có sự nguy hiểm.

84. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư thuyết pháp ở giữa hội chúng khi không được thỉnh mời. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, vị không được thỉnh mời không nên thuyết pháp ở giữa hội chúng; vị nào thuyết pháp thì phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vị Tỳ-khưu trưởng lão đích thân thuyết pháp hoặc thỉnh mời vị khác.

85. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư khi chưa được chỉ định vẫn hỏi Luật ở giữa hội chúng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, vị không được chỉ định không nên hỏi Luật ở giữa hội chúng; vị nào hỏi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vị được chỉ định hỏi Luật ở giữa hội chúng.

86. Và này các Tỳ-khưu, nên chỉ định như vầy: Tự mình chỉ định cho chính mình, hoặc người khác chỉ định cho người khác.

87. Thế nào là tự mình chỉ định cho chính mình? Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực:

"Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, tôi sẽ hỏi vị tên [như vầy] về Luật." Như vậy là tự mình chỉ định cho chính mình.

88. Thế nào là người khác chỉ định cho người khác? Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực:

"Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, vị tên [như vầy] sẽ hỏi vị tên [như vầy] về Luật." Như vậy là người khác chỉ định cho người khác.

89. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu hiền thiện đã được chỉ định rồi hỏi Luật ở giữa hội chúng. Các vị Tỳ-khưu nhóm Lục Sư có sự giận dữ, có sự bực bội, hăm dọa hãm hại. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vị đã được chỉ định quan sát tập thể và cân nhắc từng cá nhân rồi mới hỏi Luật ở giữa hội chúng.

90. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư trả lời về Luật ở giữa hội chúng dầu không được chỉ định. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, vị không được chỉ định không nên trả lời về Luật ở giữa hội chúng; vị nào trả lời thì phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vị đã được chỉ định trả lời về Luật ở giữa hội chúng.

91. Và này các Tỳ-khưu, nên chỉ định như vầy: Tự mình chỉ định cho chính mình, hoặc người khác chỉ định cho người khác.

92. Thế nào là tự mình chỉ định cho chính mình? Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực:

"Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, tôi sẽ trả lời khi được vị tên [như vầy] hỏi về Luật."

Như vậy là tự mình chỉ định cho chính mình.

93. Thế nào là người khác chỉ định cho người khác? Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực:

"Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, vị tên [như vầy] sẽ trả lời khi được vị tên [như vầy] hỏi về Luật."

Như vậy là người khác chỉ định cho người khác.

94. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu hiền thiện đã được chỉ định trả lời Luật ở giữa hội chúng. Các vị Tỳ-khưu nhóm Lục Sư có sự giận dữ, có sự bực bội, hăm dọa hãm hại. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vị đã được chỉ định quan sát tập thể và cân nhắc từng cá nhân rồi mới trả lời về Luật ở giữa hội chúng.

95. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu nhóm Lục Sư buộc tội vị Tỳ-khưu chưa được thỉnh ý trước. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên buộc tội vị Tỳ-khưu chưa được thỉnh ý trước; vị nào buộc tội thì phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép buộc tội sau khi đã thỉnh ý trước rằng: "Này Đại đức, hãy cho phép. Tôi muốn nói với ngài."

96. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu thỉnh ý trước các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư rồi buộc tội. Các vị Tỳ-khưu nhóm Lục Sư có sự giận dữ, có sự bực bội, hăm dọa hãm hại. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, mặc dầu đã thỉnh ý rồi, Ta cho phép cân nhắc về nhân vật [ấy] rồi mới buộc tội.

97. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư [nghĩ rằng]: "Các vị Tỳ-khưu hiền thiện [sẽ] thỉnh ý chúng ta trước tiên" liền ngay trước đó [đã] thỉnh ý [để buộc tội] các vị Tỳ-khưu trong sạch không phạm tội khi không có sự việc, không có nguyên do. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên thỉnh ý [để buộc tội] các vị Tỳ-khưu trong sạch không phạm tội khi không có sự việc, không có nguyên do; vị nào thỉnh ý thì phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép cân nhắc về nhân vật [ấy] trước rồi mới thỉnh ý [để buộc tội].

98. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư thực hiện hành sự sai Pháp ở giữa hội chúng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên thực hiện hành sự sai Pháp; vị nào thực hiện thì phạm tội *Dukkaṭa*.

Các vị vẫn thực hiện hành sự sai Pháp. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, trong khi hành sự sai Pháp đang được tiến hành, Ta cho phép phản đối.

99. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu hiền thiện phản đối trong khi hành sự sai Pháp đang được tiến hành bởi các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư. Các vị Tỳ-khưu nhóm Lục Sư có sự giận dữ, có sự bực bội, hăm dọa hãm hại. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép bày tỏ quan điểm.

Các vị bày tỏ quan điểm trong sự hiện diện của chính các vị kia. Các vị Tỳ-khưu nhóm Lục Sư có sự giận dữ, có sự bực bội, hăm dọa hãm hại. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép phản đối với bốn năm vị, bày tỏ quan điểm với hai ba vị, còn một vị thì khẳng định rằng: "Tôi không đồng ý việc này."

100. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu nhóm Lục Sư trong lúc đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*) ở giữa hội chúng cố ý không cho nghe được. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, vị đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*) không nên cố ý làm cho không nghe được; vị nào làm cho không nghe được thì phạm tội *Dukkaṭa*.

101. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Udāyi là vị đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*) của hội chúng có giọng [nói] như loài quạ. Khi ấy, Đại đức Udāyi đã khởi ý điều này: "Đức Thế Tôn đã quy định rằng: 'Vị đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*) nên làm cho nghe được', còn ta có giọng [nói] như loài quạ, vậy ta nên thực hành như thế nào?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vị đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*) nỗ lực [nghĩ rằng]: "Bằng cách nào ta có thể làm cho [các vị] nghe được?" Đối với vị đang nỗ lực thì vô tội.

102. Vào lúc bấy giờ, Devadatta đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*) ở hội chúng có sự hiện diện của cư sĩ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*) ở hội chúng có sự hiện diện của cư sĩ; vị nào đọc tụng thì phạm tội *Dukkaṭa*.

103. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*) ở giữa hội chúng dầu không được mời thỉnh. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, vị không được mời thỉnh không nên đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*) ở giữa hội chúng; vị nào đọc tụng thì phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép Giới bổn (*Pātimokkha*) là trách nhiệm của vị Trưởng lão.

Dứt tụng phẩm về các ngoại đạo.

*****

1. Sau đó, khi đã ngự tại thành Rājagaha theo như ý thích, đức Thế Tôn đã ra đi, du hành đến Codanāvatthu. Trong khi tuần tự du hành, Ngài đã ngự đến Codanāvatthu. Tại nơi ấy, đức Thế Tôn đã trú ngụ ở Codanāvatthu. Vào lúc bấy giờ, tại trú xứ nọ có nhiều vị Tỳ-khưu cư ngụ. Ở đó, vị Tỳ-khưu trưởng lão là người ngu dốt, thiếu kinh nghiệm. Vị ấy không biết lễ *Uposatha*, hay là hành sự *Uposatha*, hay là Giới bổn (*Pātimokkha*), hay là việc đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*).

2. Khi ấy, các vị Tỳ-khưu ấy đã khởi ý điều này: "Đức Thế Tôn đã quy định rằng: 'Giới bổn (*Pātimokkha*) là trách nhiệm của vị Trưởng lão', và vị Trưởng lão này của chúng ta thì ngu dốt, thiếu kinh nghiệm, không biết lễ *Uposatha*, hay là hành sự *Uposatha*, hay là Giới bổn (*Pātimokkha*), hay là việc đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*), vậy chúng ta nên thực hành như thế nào?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép ở nơi đó vị Tỳ-khưu nào kinh nghiệm, có năng lực thì Giới bổn (*Pātimokkha*) là trách nhiệm của vị ấy.

3. Vào lúc bấy giờ, vào ngày lễ *Uposatha,* tại trú xứ nọ có nhiều vị Tỳ-khưu ngu dốt, thiếu kinh nghiệm cư ngụ. Các vị ấy không biết lễ *Uposatha*, hay là hành sự *Uposatha*, hay là Giới bổn (*Pātimokkha*), hay là việc đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*). Các vị ấy đã thỉnh mời vị Trưởng lão rằng: "Thưa ngài, xin Trưởng lão hãy đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*)." Vị ấy đã nói như vầy: "Này các Đại đức, tôi không làm được." Các vị đã thỉnh mời vị Trưởng lão thứ nhì: "Thưa ngài, xin Trưởng lão hãy đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*)." Vị ấy cũng đã nói như vầy: "Này các Đại đức, tôi không làm được." Các vị đã thỉnh mời vị Trưởng lão thứ ba: "Thưa ngài, xin Trưởng lão hãy đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*)." Vị ấy cũng đã nói như vầy: "Này các Đại đức, tôi không làm được." Bằng chính phương thức ấy, các vị đã thỉnh mời đến vị mới tu của hội chúng: "Xin Đại đức hãy đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*)." Vị ấy cũng đã nói như vầy: "Thưa các ngài, tôi không làm được."

4. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, trường hợp vào ngày lễ *Uposatha,* tại trú xứ nọ có nhiều vị Tỳ-khưu ngu dốt, thiếu kinh nghiệm cư ngụ. Các vị ấy không biết lễ *Uposatha*, hay là hành sự *Uposatha*, hay là Giới bổn (*Pātimokkha*), hay là việc đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*). Các vị ấy thỉnh mời vị Trưởng lão rằng: "Thưa ngài, xin Trưởng lão hãy đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*)." Vị ấy nói như vầy: "Này các Đại đức, tôi không làm được." Các vị thỉnh mời đến vị Trưởng lão thứ nhì: "Thưa ngài, xin Trưởng lão hãy đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*)." Vị ấy cũng nói như vầy: "Này các Đại đức, tôi không làm được." Các vị thỉnh mời đến vị Trưởng lão thứ ba: "Thưa ngài, xin Trưởng lão hãy đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*)." Vị ấy cũng nói như vầy: "Này các Đại đức, tôi không làm được." Bằng chính phương thức ấy, các vị thỉnh mời đến vị mới tu của hội

chúng: "Xin Đại đức hãy đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*)." Vị ấy cũng nói như vầy: "Thưa các ngài, tôi không làm được."

Này các Tỳ-khưu, ngay trong hôm ấy, một vị Tỳ-khưu nên được các vị Tỳ-khưu ấy phái đi đến trú xứ lân cận [bảo rằng]: "Này Đại đức, hãy đi và học thuộc lòng Giới bổn (*Pātimokkha*) một cách tóm tắt hoặc chi tiết rồi trở về."

5. Khi ấy, các vị Tỳ-khưu đã khởi ý điều này: "Nên được phái đi bởi vị nào?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vị Tỳ-khưu trưởng lão ra lệnh cho vị Tỳ-khưu mới tu.

Được ra lệnh bởi vị Trưởng lão, các vị Tỳ-khưu mới tu vẫn không đi. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, khi được ra lệnh bởi vị Trưởng lão, vị không bệnh không nên không đi; vị nào không đi thì phạm tội *Dukkaṭa*.

6. Sau đó, khi đã ngự tại Codanāvatthu theo như ý thích, đức Thế Tôn đã trở về lại thành Rājagaha. Vào lúc bấy giờ, dân chúng hỏi các vị Tỳ-khưu đang đi khất thực rằng: "Thưa ngài, là ngày thứ mấy của nửa tháng?" Các vị Tỳ-khưu đã nói như vầy: "Này các đạo hữu, chúng tôi không biết." Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Các Sa-môn Thích tử này không biết đến việc tính toán [ngày] của nửa tháng thì những người này còn biết được điều tốt đẹp gì khác nữa đây?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép học cách tính toán [ngày] của nửa tháng.

Khi ấy, các vị Tỳ-khưu đã khởi ý điều này: "Vị nào nên học cách tính toán [ngày] của nửa tháng?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép toàn bộ tất cả đều học cách tính toán [ngày] của nửa tháng.

7. Vào lúc bấy giờ, dân chúng hỏi các vị Tỳ-khưu đang đi khất thực rằng: "Thưa ngài, có đến bao nhiêu vị Tỳ-khưu?" Các vị Tỳ-khưu đã nói như vầy: "Này các đạo hữu, chúng tôi không biết." Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Các Sa-môn Thích tử này không biết lẫn nhau thì những người này còn biết được điều tốt đẹp gì khác nữa đây?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép đếm số các vị Tỳ-khưu.

Khi ấy, các vị Tỳ-khưu đã khởi ý điều này: "Khi nào thì nên đếm số các vị Tỳ-khưu?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, vào ngày lễ *Uposatha,* Ta cho phép hoặc là đếm số bằng cách gọi tên, hoặc là cho rút thẻ.

8. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu không biết: "Hôm nay là ngày lễ *Uposatha*" nên đi khất thực ở làng xa. Các vị ấy trở lại trong khi Giới bổn

(*Pātimokkha*) đang được đọc tụng, trở lại khi Giới bổn (*Pātimokkha*) vừa mới đọc tụng xong. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thông báo: "Hôm nay là ngày lễ *Uposatha*."

Khi ấy, các vị Tỳ-khưu đã khởi ý điều này: "Nên được thông báo bởi vị nào?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vị Tỳ-khưu trưởng lão thông báo vào lúc sáng sớm.

9. Vào lúc bấy giờ, có vị Trưởng lão nọ vào lúc sáng sớm đã không nhớ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thông báo vào lúc thọ thực.

Ngay cả vào lúc thọ thực, vị ấy cũng đã không nhớ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép lúc nào nhớ thì thông báo vào lúc ấy.

10. Vào lúc bấy giờ, tại trú xứ nọ, nhà hành lễ *Uposatha* bị rác bẩn. Các Tỳ-khưu vãng lai phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu lại không quét nhà hành lễ *Uposatha*?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép quét nhà hành lễ *Uposatha*.

Khi ấy, các vị Tỳ-khưu đã khởi ý điều này: "Vị nào nên quét nhà hành lễ *Uposatha*?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vị Tỳ-khưu trưởng lão ra lệnh cho vị Tỳ-khưu mới tu.

Được ra lệnh bởi vị Trưởng lão, các vị Tỳ-khưu mới tu vẫn không quét. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, khi được ra lệnh bởi vị Trưởng lão, vị không bệnh không nên không quét; vị nào không quét thì phạm tội *Dukkaṭa*.

11. Vào lúc bấy giờ, chỗ ngồi không được xếp đặt trong nhà hành lễ *Uposatha*. Các Tỳ-khưu ngồi trên nền nhà. Các phần thân thể và các y bị dơ bẩn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép xếp đặt chỗ ngồi trong nhà hành lễ *Uposatha*.

Khi ấy, các vị Tỳ-khưu đã khởi ý điều này: "Vị nào nên xếp đặt chỗ ngồi trong nhà hành lễ *Uposatha*?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vị Tỳ-khưu trưởng lão ra lệnh cho vị Tỳ-khưu mới tu.

Được ra lệnh bởi vị Trưởng lão, các vị Tỳ-khưu mới tu vẫn không xếp đặt. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, khi được ra lệnh bởi vị Trưởng lão, vị không bệnh không nên không xếp đặt; vị nào không xếp đặt thì phạm tội *Dukkaṭa*.

12. Vào lúc bấy giờ, trong nhà hành lễ *Uposatha* không có đèn. Trong bóng tối, các vị Tỳ-khưu đạp nhầm cơ thể và luôn cả y nữa. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thắp sáng đèn trong nhà hành lễ *Uposatha*.

Khi ấy, các vị Tỳ-khưu đã khởi ý điều này: "Vị nào nên thắp sáng đèn trong nhà hành lễ *Uposatha*?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vị Tỳ-khưu trưởng lão ra lệnh cho vị Tỳ-khưu mới tu.

Được ra lệnh bởi vị Trưởng lão, các vị Tỳ-khưu mới tu vẫn không thắp sáng đèn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, khi được ra lệnh bởi vị Trưởng lão, vị không bệnh không nên không thắp sáng đèn; vị nào không thắp sáng đèn thì phạm tội *Dukkaṭa*.

13. Vào lúc bấy giờ, tại trú xứ nọ, các Tỳ-khưu thường trú không đem lại nước uống, không đem lại nước rửa. Các Tỳ-khưu vãng lai phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu thường trú không đem lại nước uống, không đem lại nước rửa?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép đem lại nước uống, nước rửa.

Khi ấy, các vị Tỳ-khưu đã khởi ý điều này: "Vị nào nên đem lại nước uống, nước rửa?"

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vị Tỳ-khưu trưởng lão ra lệnh cho vị Tỳ-khưu mới tu.

Được ra lệnh bởi vị Trưởng lão, các vị Tỳ-khưu mới tu vẫn không đem lại. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, khi được ra lệnh bởi vị Trưởng lão, vị không bệnh không nên không đem lại; vị nào không đem lại thì phạm tội *Dukkaṭa*.

14. Vào lúc bấy giờ, có nhiều vị Tỳ-khưu ngu dốt, thiếu kinh nghiệm lên đường đi xa đã không xin phép các vị thầy tế độ và thầy dạy học. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, trường hợp nhiều vị Tỳ-khưu ngu dốt, thiếu kinh nghiệm lên đường đi xa không xin phép các vị thầy tế độ và thầy dạy học. Này các Tỳ-khưu, các vị thầy tế độ và thầy dạy học nên hỏi các vị ấy rằng: "Các ngươi sẽ đi đâu? Các ngươi sẽ đi với ai?"

15. Này các Tỳ-khưu, nếu các vị ngu dốt, thiếu kinh nghiệm ấy nêu ra các vị ngu dốt, thiếu kinh nghiệm khác, này các Tỳ-khưu, các vị thầy tế độ và thầy dạy học không nên cho phép; nếu các vị cho phép thì phạm tội *Dukkaṭa*. Và này các Tỳ-khưu, [nếu] các vị ngu dốt, thiếu kinh nghiệm ấy không được các vị thầy tế độ và thầy dạy học cho phép mà vẫn đi thì phạm tội *Dukkaṭa*.

16. Này các Tỳ-khưu, trường hợp nhiều vị Tỳ-khưu ngu dốt, thiếu kinh nghiệm sống tại trú xứ nọ. Các vị ấy không biết lễ *Uposatha*, hay là hành sự *Uposatha*, hay là Giới bổn (*Pātimokkha*), hay là việc đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*). Nơi ấy có vị Tỳ-khưu khác đi đến là vị nghe nhiều, kinh điển được truyền thừa, rành rẽ về Pháp, rành rẽ về Luật, rành rẽ về các đầu đề, là bậc sáng trí, kinh nghiệm, thông minh, khiêm nhường, có hối hận, ưa thích sự học tập. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu nọ nên được các vị Tỳ-khưu ấy tiếp đón nồng hậu, nên được quan tâm, nên được chăm sóc, nên được đem lại bột tắm, đất sét [để tắm], gỗ chà răng, nước rửa mặt. Nếu các vị không tiếp đón nồng hậu, quan tâm, chăm sóc, đem lại bột tắm, đất sét [để tắm], gỗ chà răng, nước rửa mặt thì phạm tội *Dukkaṭa*.

17. Này các Tỳ-khưu, trường hợp nhiều vị Tỳ-khưu ngu dốt, thiếu kinh nghiệm sống tại trú xứ nọ vào ngày lễ *Uposatha*. Các vị ấy không biết lễ *Uposatha*, hay là hành sự *Uposatha*, hay là Giới bổn (*Pātimokkha*), hay là việc đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*). Này các Tỳ-khưu, các vị Tỳ-khưu ấy ngay trong hôm ấy nên phái một vị Tỳ-khưu đi đến trú xứ lân cận [bảo rằng]: "Này Đại đức, hãy đi và học thuộc lòng Giới bổn (*Pātimokkha*) một cách tóm tắt hoặc chi tiết rồi trở về." Nếu việc ấy đạt được như thế, việc ấy như vậy là tốt đẹp. Này các Tỳ-khưu, nếu không đạt được [như thế] thì nơi nào có các vị biết về lễ *Uposatha*, hay là hành sự *Uposatha*, hay là Giới bổn (*Pātimokkha*), hay là việc đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*), toàn bộ tất cả các vị Tỳ-khưu ấy nên đi đến trú xứ ấy; nếu các vị không đi thì phạm tội *Dukkaṭa*.

18. Này các Tỳ-khưu, trường hợp nhiều vị Tỳ-khưu ngu dốt, thiếu kinh nghiệm cư trú mùa mưa tại trú xứ nọ. Các vị ấy không biết lễ *Uposatha*, hay là hành sự *Uposatha*, hay là Giới bổn (*Pātimokkha*), hay là việc đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*). Này các Tỳ-khưu, các vị Tỳ-khưu ấy ngay trong hôm ấy nên phái một vị Tỳ-khưu đi đến trú xứ lân cận [bảo rằng]: "Này Đại đức, hãy đi và học thuộc lòng Giới bổn (*Pātimokkha*) một cách tóm tắt hoặc chi tiết rồi trở về." Nếu việc ấy đạt được như thế, việc ấy như vậy là tốt đẹp. Này các Tỳ-khưu, nếu không đạt được [như thế] thì nên phái đi một vị Tỳ-khưu trong thời hạn bảy ngày [bảo rằng]: "Này Đại đức, hãy đi và học thuộc lòng Giới bổn (*Pātimokkha*) một cách tóm tắt hoặc chi tiết rồi trở về." Nếu việc ấy đạt được như thế, việc ấy như vậy là tốt đẹp. Này các Tỳ-khưu, nếu không đạt được [như thế] thì các Tỳ-khưu ấy không nên cư trú mùa mưa tại trú xứ ấy. Nếu các vị ấy cư trú thì phạm tội *Dukkaṭa*.

19. Khi ấy, đức Thế Tôn đã bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, hãy tụ hội lại, hội chúng sẽ thực hiện lễ *Uposatha*.

Khi được nói như thế, có vị Tỳ-khưu nọ đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, có vị Tỳ-khưu bị bệnh. Vị ấy không đến.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vị Tỳ-khưu bị bệnh được trao ra sự trong sạch. Và này các Tỳ-khưu, nên trao ra như vầy: Vị Tỳ-khưu bị bệnh ấy nên đi đến gặp một vị Tỳ-khưu, nên đắp thượng y một bên vai, nên ngồi chồm hổm, chắp tay lên và nên nói như vầy: "Tôi xin trao ra sự trong sạch. Hãy chuyển đạt sự trong sạch của tôi. Hãy thông báo về sự trong sạch của tôi." [Nếu] vị ấy thể hiện bằng thân, thể hiện bằng lời nói, thể hiện bằng thân và lời nói thì sự trong sạch đã được trao ra. [Nếu] vị ấy không thể hiện bằng thân, không thể hiện bằng lời nói, không thể hiện bằng thân và lời nói thì sự trong sạch đã không được trao ra. Nếu việc ấy đạt được như thế, việc ấy như vậy là tốt đẹp. Này các Tỳ-khưu, nếu không đạt được [như thế] thì nên dùng cái giường hoặc cái ghế khiêng vị Tỳ-khưu bị bệnh ấy đến giữa hội chúng rồi thực hiện lễ *Uposatha*. Này các Tỳ-khưu, nếu các vị Tỳ-khưu chăm sóc bệnh khởi ý như vầy: "Nếu chúng ta di chuyển vị bị bệnh, dời khỏi vị trí thì bệnh sẽ trầm trọng hơn, hoặc sẽ gây tử vong", này các Tỳ-khưu, không nên di chuyển vị bị bệnh khỏi vị trí. Hội chúng nên đi đến và thực hiện lễ *Uposatha* ở nơi ấy. Nhưng không nên thực hiện lễ *Uposatha* bởi hội chúng theo phe nhóm; vị nào thực hiện thì phạm tội *Dukkaṭa*.

20. Này các Tỳ-khưu, khi sự trong sạch đã được trao ra, nếu vị chuyển đạt sự trong sạch từ chính chỗ ấy ra đi [đến nơi khác] thì sự trong sạch nên được trao ra đến vị khác. Này các Tỳ-khưu, khi sự trong sạch đã được trao ra, nếu vị chuyển đạt sự trong sạch ngay tại chỗ ấy hoàn tục, từ trần, được biết là vị [xuống] Sa-di, được biết là người đã xả bỏ sự học tập, được biết là vị phạm tội cực nặng, được biết là vị bị điên, được biết là bị loạn trí, được biết là vị bị thọ khổ hành hạ, được biết là vị bị án treo về việc không nhìn nhận tội, được biết là vị bị án treo về việc không sửa chữa lỗi, được biết là vị bị án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác, được biết là kẻ vô căn, được biết là kẻ trộm tướng mạo [Tỳ-khưu], được biết là kẻ đã đi theo ngoại đạo, được biết là loài thú, được biết là kẻ giết mẹ, được biết là kẻ giết cha, được biết là kẻ giết A-la-hán, được biết là kẻ làm nhơ Tỳ-khưu-ni, được biết là kẻ chia rẽ hội chúng, được biết là kẻ làm chảy máu [đức Phật], được biết là kẻ lưỡng căn thì sự trong sạch nên được trao ra đến vị khác.

21. Này các Tỳ-khưu, khi sự trong sạch đã được trao ra, nếu vị chuyển đạt sự trong sạch ở khoảng giữa đường lại ra đi [đến nơi khác] thì sự trong sạch vẫn chưa được chuyển đạt. Này các Tỳ-khưu, khi sự trong sạch đã được trao ra, nếu vị chuyển đạt sự trong sạch ở khoảng giữa đường lại hoàn tục, từ trần, ...(nt)... được biết là kẻ lưỡng căn thì sự trong sạch vẫn chưa được chuyển đạt.

22. Này các Tỳ-khưu, khi sự trong sạch đã được trao ra, nếu vị chuyển đạt sự trong sạch đã đến được hội chúng rồi ra đi [đến nơi khác] thì sự trong sạch đã được chuyển đạt. Này các Tỳ-khưu, khi sự trong sạch đã được trao ra, nếu vị chuyển đạt sự trong sạch đã đến được hội chúng rồi hoàn tục, từ trần, ...(nt)... được biết là kẻ lưỡng căn thì sự trong sạch đã được chuyển đạt.

23. Này các Tỳ-khưu, khi sự trong sạch đã được trao ra, nếu vị chuyển đạt sự trong sạch đã đến được hội chúng rồi ngủ quên nên không thông báo, rồi lơ đễnh nên không thông báo, rồi nhập định nên không thông báo thì sự trong sạch đã được chuyển đạt. Vị chuyển đạt sự trong sạch không bị phạm tội.

24. Này các Tỳ-khưu, khi sự trong sạch đã được trao ra, nếu vị chuyển đạt sự trong sạch đã đến được hội chúng rồi cố ý không thông báo thì sự trong sạch đã được chuyển đạt, và vị chuyển đạt sự trong sạch bị phạm tội *Dukkaṭa*.

25. Khi ấy, đức Thế Tôn đã bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, hãy tụ hội lại, hội chúng sẽ thực hiện hành sự.

Khi được nói như thế, có vị Tỳ-khưu nọ đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, có vị Tỳ-khưu bị bệnh. Vị ấy không đến.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vị Tỳ-khưu bị bệnh được trao ra sự tùy thuận. Và này các Tỳ-khưu, nên trao ra như vầy: Vị Tỳ-khưu bị bệnh ấy nên đi đến gặp một vị Tỳ-khưu, nên đắp thượng y một bên vai, nên ngồi chồm hổm, chắp tay lên và nên nói như vầy: "Tôi xin trao ra sự tùy thuận. Hãy chuyển đạt sự tùy thuận của tôi. Hãy thông báo về sự tùy thuận của tôi." [Nếu] vị ấy thể hiện bằng thân, thể hiện bằng lời nói, thể hiện bằng thân và lời nói thì sự tùy thuận đã được trao ra. [Nếu] vị ấy không thể hiện bằng thân, không thể hiện bằng lời nói, không thể hiện bằng thân và lời nói thì sự tùy thuận đã không được trao ra. Nếu việc ấy đạt được như thế, việc ấy như vậy là tốt đẹp. Này các Tỳ-khưu, nếu không đạt được [như thế] thì nên dùng cái giường hoặc cái ghế khiêng vị Tỳ-khưu bị bệnh ấy đến giữa hội chúng rồi thực hiện hành sự. Này các Tỳ-khưu, nếu các vị Tỳ-khưu chăm sóc bệnh khởi ý như vầy: "Nếu chúng ta di chuyển vị bị bệnh dời khỏi chỗ thì bệnh sẽ trầm trọng hơn hoặc sẽ gây tử vong", này các Tỳ-khưu, không nên di chuyển vị bị bệnh dời khỏi chỗ. Hội chúng nên đi đến và thực hiện hành sự ở nơi ấy. Nhưng không nên thực hiện hành sự bởi hội chúng theo phe nhóm; vị nào thực hiện thì phạm tội *Dukkaṭa*.

26. Này các Tỳ-khưu, khi sự tùy thuận đã được trao ra, nếu vị chuyển đạt sự tùy thuận từ chính chỗ ấy ra đi [đến nơi khác] thì sự tùy thuận nên được trao ra đến vị khác. Này các Tỳ-khưu, khi sự tùy thuận đã được trao ra, nếu vị chuyển đạt sự tùy thuận ngay tại chỗ ấy hoàn tục, từ trần, được biết là vị [xuống] Sa-di, được biết là người đã xả bỏ sự học tập, được biết là vị phạm tội cực nặng, được biết là vị bị điên, được biết là bị loạn trí, được biết là bị thọ khổ hành hạ, được biết là vị bị án treo về việc không nhìn nhận tội, được biết là vị bị án treo về việc không sửa chữa lỗi, được biết là vị bị án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác, được biết là kẻ vô căn, được biết là kẻ trộm tướng mạo [Tỳ-khưu], được biết là kẻ đã đi theo ngoại đạo, được biết là loài thú, được biết là kẻ giết mẹ, được biết là kẻ giết cha, được biết là kẻ giết A-la-hán, được biết là kẻ làm nhơ Tỳ-khưu-ni, được biết là kẻ chia rẽ hội chúng, được biết là kẻ làm chảy máu [đức Phật], được biết là kẻ lưỡng căn thì sự tùy thuận nên được trao ra đến vị khác.

27. Này các Tỳ-khưu, khi sự tùy thuận đã được trao ra, nếu vị chuyển đạt sự tùy thuận ở khoảng giữa đường lại ra đi [đến nơi khác] thì sự tùy thuận vẫn chưa được chuyển đạt. Này các Tỳ-khưu, khi sự tùy thuận đã được trao ra, nếu vị chuyển đạt sự tùy thuận ở khoảng giữa đường lại hoàn tục, từ trần, ...(nt)... được biết là kẻ lưỡng căn thì sự tùy thuận vẫn chưa được chuyển đạt.

28. Này các Tỳ-khưu, khi sự tùy thuận đã được trao ra, nếu vị chuyển đạt sự tùy thuận đã đến được hội chúng rồi ra đi [đến nơi khác] thì sự tùy thuận đã được chuyển đạt. Này các Tỳ-khưu, khi sự tùy thuận đã được trao ra, nếu vị chuyển đạt sự tùy thuận đã đến được hội chúng rồi hoàn tục, từ trần, ...(nt)... được biết là kẻ lưỡng căn thì sự tùy thuận đã được chuyển đạt.

29. Này các Tỳ-khưu, khi sự tùy thuận đã được trao ra, nếu vị chuyển đạt sự tùy thuận đã đến được hội chúng rồi ngủ quên nên không thông báo, rồi lơ đễnh nên không thông báo, rồi nhập định nên không thông báo thì sự tùy thuận đã được chuyển đạt. Vị chuyển đạt sự tùy thuận không bị phạm tội.

30. Này các Tỳ-khưu, khi sự tùy thuận đã được trao ra, nếu vị chuyển đạt sự tùy thuận đã đến được hội chúng rồi cố ý không thông báo, thì sự tùy thuận đã được chuyển đạt và vị chuyển đạt sự tùy thuận bị phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vào ngày lễ *Uposatha,* vị trao ra sự trong sạch [đồng thời] trao ra sự tùy thuận [phòng khi] hội chúng có hành sự cần được thực hiện.

31. Vào lúc bấy giờ, nhằm ngày lễ *Uposatha*, các thân quyến đã nắm giữ lại vị Tỳ-khưu nọ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, trường hợp vào ngày lễ *Uposatha*, các thân quyến nắm giữ vị Tỳ-khưu lại. Các thân quyến ấy nên được các Tỳ-khưu nói như vầy: "Này các ngài, các ngài hãy trả tự do cho vị Tỳ-khưu này trong chốc lát, đến khi nào vị Tỳ-khưu này thực hiện lễ *Uposatha* xong." Nếu việc ấy đạt được như thế, việc ấy như vậy là tốt đẹp. Nếu không đạt được [như thế], các thân quyến ấy nên được các Tỳ-khưu nói như vầy: "Này các ngài, các ngài hãy tránh sang một bên trong chốc lát, đến khi nào vị Tỳ-khưu này trao ra sự trong sạch xong." Nếu việc ấy đạt được như thế, việc ấy như vậy là tốt đẹp. Nếu không đạt được [như thế], các thân quyến ấy nên được các Tỳ-khưu nói như vầy: "Này các ngài, các ngài hãy dẫn vị Tỳ-khưu này ra khỏi ranh giới trong chốc lát, đến khi nào hội chúng thực hiện lễ *Uposatha* xong." Nếu việc ấy đạt được như thế, việc ấy như vậy là tốt đẹp. Nếu không đạt được [như thế], vẫn không nên thực hiện lễ *Uposatha* bởi hội chúng theo phe nhóm; vị nào thực hiện thì phạm tội *Dukkaṭa*.

32. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vào ngày lễ *Uposatha*, các đức vua nắm giữ vị Tỳ-khưu lại. ...(nt)... Các kẻ trộm cướp nắm giữ ...(nt)... Những kẻ bất lương nắm giữ ...(nt)... Những kẻ đối nghịch Tỳ-khưu nắm giữ vị Tỳ-khưu lại. Những kẻ đối nghịch Tỳ-khưu ấy nên được các Tỳ-khưu nói như vầy: "Này các ngài, các ngài hãy trả tự do cho vị Tỳ-khưu này trong chốc lát đến khi nào vị Tỳ-khưu này thực hiện lễ *Uposatha* xong." Nếu việc ấy đạt được như thế, việc

ấy như vậy là tốt đẹp. Nếu không đạt được [như thế], những kẻ đối nghịch Tỳ-khưu ấy nên được các Tỳ-khưu nói như vầy: "Này các ngài, các ngài hãy tránh sang một bên trong chốc lát, đến khi nào vị Tỳ-khưu này trao ra sự trong sạch xong." Nếu việc ấy đạt được như thế, việc ấy như vậy là tốt đẹp. Nếu không thể đạt được [như thế], những kẻ đối nghịch Tỳ-khưu ấy nên được các Tỳ-khưu nói như vầy: "Này các ngài, các ngài hãy dẫn vị Tỳ-khưu này ra khỏi ranh giới trong chốc lát, đến khi nào hội chúng thực hiện lễ *Uposatha* xong." Nếu việc ấy đạt được như thế, việc ấy như vậy là tốt đẹp. Nếu không thể đạt được [như thế], vẫn không nên thực hiện lễ *Uposatha* bởi hội chúng theo phe nhóm; vị nào thực hiện thì phạm tội *Dukkaṭa*.

33. Khi ấy, đức Thế Tôn đã bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, hãy tụ hội lại, hội chúng có việc cần phải làm.

Khi được nói như thế, có vị Tỳ-khưu nọ đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, có vị Tỳ-khưu tên Gagga bị điên. Vị ấy không đến.

34. – Này các Tỳ-khưu, đây là hai trường hợp bị điên. Có vị Tỳ-khưu điên có khi nhớ đến lễ *Uposatha* có khi không nhớ, có khi nhớ đến hành sự của hội chúng có khi không nhớ và có vị hoàn toàn không nhớ. [Có vị] có khi đi đến lễ *Uposatha* có khi không đi đến, có khi đi đến hành sự của hội chúng có khi không đi đến và có vị không bao giờ đi đến.

35. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị bị điên nào có khi nhớ đến lễ *Uposatha* có khi không nhớ, có khi nhớ đến hành sự của hội chúng có khi không nhớ; có khi đi đến lễ *Uposatha* có khi không đi đến, có khi đi đến hành sự của hội chúng có khi không đi đến, này các Tỳ-khưu, Ta cho phép ban cho sự đồng ý về bệnh điên đến vị bị điên có hình thức như thế. Và này các Tỳ-khưu, nên ban cho như vầy: Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực:

36. "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu Gagga này bị điên, có khi nhớ đến lễ *Uposatha* có khi không nhớ, có khi nhớ đến hành sự của hội chúng có khi không nhớ; có khi đi đến lễ *Uposatha* có khi không đi đến, có khi đi đến hành sự của hội chúng có khi không đi đến. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho sự đồng ý về bệnh điên đến Tỳ-khưu Gagga là vị bị điên - vị Tỳ-khưu Gagga có thể nhớ đến lễ *Uposatha* hoặc có thể không nhớ, có thể nhớ đến hành sự của hội chúng hoặc có thể không nhớ; có thể đi đến lễ *Uposatha* hoặc có thể không đi đến, có thể đi đến hành sự của hội chúng hoặc có thể không đi đến - hội chúng dầu có Gagga hay không có Gagga vẫn có thể thực hiện lễ *Uposatha*, vẫn có thể thực hiện hành sự của hội chúng. Đây là lời đề nghị.

37. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu Gagga này bị điên, có khi nhớ đến lễ *Uposatha* có khi không nhớ, có khi nhớ đến hành sự của hội chúng có khi không nhớ; có khi đi đến lễ *Uposatha* có khi không đi đến, có khi đi đến hành sự của hội chúng có khi không đi đến. Hội chúng ban cho sự

đồng ý về bệnh điên đến Tỳ-khưu Gagga là vị bị điên - vị Tỳ-khưu Gagga có thể nhớ đến lễ *Uposatha* hoặc có thể không nhớ, có thể nhớ đến hành sự của hội chúng hoặc có thể không nhớ; có thể đi đến lễ *Uposatha* hoặc có thể không đi đến, có thể đi đến hành sự của hội chúng hoặc có thể không đi đến - hội chúng dầu có Gagga hay không có Gagga sẽ thực hiện lễ *Uposatha*, sẽ thực hiện hành sự của hội chúng. Đại đức nào đồng ý việc ban cho sự đồng ý về bệnh điên đến Tỳ-khưu Gagga là vị bị điên - vị Tỳ-khưu Gagga có thể nhớ đến lễ *Uposatha* hoặc có thể không nhớ, có thể nhớ đến hành sự của hội chúng hoặc có thể không nhớ; có thể đi đến lễ *Uposatha* hoặc có thể không đi đến, có thể đi đến hành sự của hội chúng hoặc có thể không đi đến - hội chúng dầu có Gagga hay không có Gagga sẽ thực hiện lễ *Uposatha*, sẽ thực hiện hành sự của hội chúng xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

38. Sự đồng ý về bệnh điên đã được hội chúng ban đến Tỳ-khưu Gagga là vị bị điên - vị Tỳ-khưu Gagga có thể nhớ đến lễ *Uposatha* hoặc có thể không nhớ, có thể nhớ đến hành sự của hội chúng hoặc có thể không nhớ; có thể đi đến lễ *Uposatha* hoặc có thể không đi đến, có thể đi đến hành sự của hội chúng hoặc có thể không đi đến - hội chúng dầu có Gagga hay không có Gagga sẽ thực hiện lễ *Uposatha*, sẽ thực hiện hành sự của hội chúng. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

39. Vào lúc bấy giờ, tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Uposatha* có bốn vị Tỳ-khưu cư ngụ. Khi ấy, các vị Tỳ-khưu ấy đã khởi ý điều này: "Đức Thế Tôn đã quy định rằng: 'Nên thực hiện lễ *Uposatha*' và chúng ta là bốn người. Vậy chúng ta nên thực hiện lễ *Uposatha* như thế nào?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*) đối với bốn vị.

40. Vào lúc bấy giờ, tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Uposatha* có ba vị Tỳ-khưu cư ngụ. Khi ấy, các vị Tỳ-khưu ấy đã khởi ý điều này: "Đức Thế Tôn đã cho phép đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*) đối với bốn vị và chúng ta là ba người. Vậy chúng ta nên thực hiện lễ *Uposatha* như thế nào?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thực hiện lễ *Uposatha* - bày tỏ sự trong sạch đối với ba vị. Và này các Tỳ-khưu, nên thực hiện như vầy: Các vị Tỳ-khưu ấy cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực:

41. "Xin các Đại đức hãy lắng nghe tôi, hôm nay là ngày lễ *Uposatha* [vào ngày mười lăm]. Nếu là thời điểm thích hợp cho các Đại đức, chúng ta nên thực hiện lễ *Uposatha* - bày tỏ sự trong sạch [với nhau]." Vị Tỳ-khưu trưởng lão nên đắp thượng y một bên vai, ngồi chồm hổm, chắp tay lên và nên nói với các vị Tỳ-khưu ấy như vầy: "Này các Sư đệ, tôi được trong sạch, các vị hãy ghi nhận về tôi: 'Là vị trong sạch.' Này các Sư đệ, tôi được trong sạch, các vị hãy ghi

nhận về tôi: 'Là vị trong sạch.' Này các Sư đệ, tôi được trong sạch, các vị hãy ghi nhận về tôi: 'Là vị trong sạch.'"

42. Vị Tỳ-khưu mới tu nên đắp thượng y một bên vai, ngồi chồm hổm, chắp tay lên và nên nói với các vị Tỳ-khưu ấy như vầy: "Bạch các ngài, tôi được trong sạch, các vị hãy ghi nhận về tôi: 'Là vị trong sạch.' Bạch các ngài, tôi được trong sạch, các vị hãy ghi nhận về tôi: 'Là vị trong sạch.' Bạch các ngài, tôi được trong sạch, các vị hãy ghi nhận về tôi: 'Là vị trong sạch.'"

43. Vào lúc bấy giờ, tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Uposatha* có hai vị Tỳ-khưu cư ngụ. Khi ấy, các vị Tỳ-khưu ấy đã khởi ý điều này: "Đức Thế Tôn đã cho phép đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*) đối với bốn vị, [cho phép] thực hiện lễ *Uposatha* - bày tỏ sự trong sạch đối với ba vị và chúng ta là hai người. Vậy chúng ta nên thực hiện lễ *Uposatha* như thế nào?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thực hiện lễ *Uposatha* - bày tỏ sự trong sạch đối với hai vị. Và này các Tỳ-khưu, nên thực hiện như vầy: Vị Tỳ-khưu trưởng lão nên đắp thượng y một bên vai, ngồi chồm hổm, chắp tay lên và nên nói với vị Tỳ-khưu mới tu như vầy: "Này Sư đệ, tôi được trong sạch, Sư đệ hãy ghi nhận về tôi: 'Là vị trong sạch.' Này Sư đệ, tôi được trong sạch, Sư đệ hãy ghi nhận về tôi: 'Là vị trong sạch.' Này Sư đệ, tôi được trong sạch, Sư đệ hãy ghi nhận về tôi: 'Là vị trong sạch.'"

44. Vị Tỳ-khưu mới tu nên đắp thượng y một bên vai, ngồi chồm hổm, chắp tay lên và nên nói với vị Tỳ-khưu trưởng lão như vầy: "Bạch ngài, tôi được trong sạch, ngài hãy ghi nhận về tôi: 'Là vị trong sạch.' Bạch ngài, tôi được trong sạch, ngài hãy ghi nhận về tôi: 'Là vị trong sạch.' Bạch ngài, tôi được trong sạch, ngài hãy ghi nhận về tôi: 'Là vị trong sạch.'"

45. Vào lúc bấy giờ, tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Uposatha* có một vị Tỳ-khưu cư ngụ. Khi ấy, vị Tỳ-khưu ấy đã khởi ý điều này: "Đức Thế Tôn đã cho phép đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*) đối với bốn vị, [cho phép] thực hiện lễ *Uposatha*, bày tỏ sự trong sạch đối với ba vị, [cho phép] thực hiện lễ *Uposatha*, bày tỏ sự trong sạch đối với hai vị và ta chỉ có một mình. Vậy ta nên thực hiện lễ *Uposatha* như thế nào?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

46. – Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Uposatha* có một vị Tỳ-khưu cư ngụ. Này các Tỳ-khưu, chỗ nào các vị Tỳ-khưu thường quay trở về là ở giảng đường, hoặc ở mái che, hoặc ở gốc cây, vị Tỳ-khưu ấy nên quét khu vực ấy, nên đem lại nước uống, nước rửa, nên sắp đặt chỗ ngồi, nên thắp sáng đèn, rồi nên ngồi xuống. Nếu có các Tỳ-khưu khác đi đến thì nên thực hiện lễ *Uposatha* với các vị ấy; nếu không có ai đi đến thì nên chú nguyện rằng: "Hôm nay là lễ *Uposatha* của tôi", nếu không chú nguyện thì phạm tội *Dukkaṭa*.

47. Này các Tỳ-khưu, trường hợp ở nơi có bốn vị Tỳ-khưu cư ngụ, không nên chuyển đạt sự trong sạch của một vị rồi đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*) bởi ba vị; nếu các vị đọc tụng thì phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, trường hợp ở nơi có ba vị Tỳ-khưu cư ngụ, không nên chuyển đạt sự trong sạch của một vị rồi thực hiện lễ *Uposatha* - bày tỏ sự trong sạch bởi hai vị; nếu các vị thực hiện thì phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, trường hợp ở nơi có hai vị Tỳ-khưu cư ngụ, không nên chuyển đạt sự trong sạch của một vị rồi chú nguyện bởi một vị; nếu chú nguyện thì phạm tội *Dukkaṭa*.

48. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị phạm tội vào ngày lễ *Uposatha*. Khi ấy, vị Tỳ-khưu ấy đã khởi ý điều này: "Đức Thế Tôn đã quy định rằng: 'Vị bị phạm tội không nên tiến hành lễ *Uposatha*' và ta thì bị phạm tội. Vậy ta nên thực hành như thế nào?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

49. – Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu bị phạm tội vào ngày lễ *Uposatha*. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu ấy nên đi đến gặp một vị Tỳ-khưu, nên đắp thượng y một bên vai, nên ngồi chồm hổm, nên chắp tay lên và nên nói như vầy: "Bạch Đại đức, tôi đã phạm tội tên [như vầy], tôi xin thú nhận tội ấy." Vị kia nên nói rằng: "[Đại đức] có thấy [tội ấy] không?" "Thưa có, tôi thấy." "[Đại đức] hãy thu thúc trong tương lai."

50. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu có nghi ngờ về sự phạm tội vào ngày lễ *Uposatha*. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu ấy nên đi đến gặp một vị Tỳ-khưu, nên đắp thượng y một bên vai, nên ngồi chồm hổm, nên chắp tay lên và nên nói như vầy: "Bạch Đại đức, tôi có nghi ngờ về sự phạm [một] tội tên [như vầy]. Khi nào tôi dứt khỏi hoài nghi, khi ấy tôi sẽ sửa chữa tội ấy." Nói xong thì nên tiến hành lễ *Uposatha*, nên lắng nghe Giới bổn (*Pātimokkha*), nhưng không nên làm chướng ngại cho lễ *Uposatha* chỉ vì nguyên nhân ấy.

51. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu nhóm Lục Sư trình báo tội [đã phạm] giống nhau. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không được trình báo tội [đã phạm] giống nhau; vị nào trình báo thì phạm tội *Dukkaṭa*.

52. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu nhóm Lục Sư ghi nhận tội [đã phạm] giống nhau. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không được ghi nhận tội [đã phạm] giống nhau; vị nào ghi nhận thì phạm tội *Dukkaṭa*.

53. Vào lúc bấy giờ, trong lúc Giới bổn (*Pātimokkha*) đang được đọc tụng, có vị Tỳ-khưu nọ nhớ ra tội. Khi ấy, vị Tỳ-khưu ấy đã khởi ý điều này: "Đức Thế Tôn đã quy định rằng: 'Vị bị phạm tội không nên tiến hành lễ *Uposatha*' và ta thì bị phạm tội. Vậy ta nên thực hành như thế nào?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

54. – Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu nhớ ra tội trong lúc Giới bổn (*Pātimokkha*) đang được đọc tụng. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu ấy nên

nói với vị Tỳ-khưu bên cạnh như vầy: "Bạch Đại đức, tôi đã phạm tội tên [như vầy]. Sau khi đứng dậy khỏi đây, tôi sẽ sửa chữa tội ấy." Nói xong thì nên tiến hành lễ *Uposatha*, nên lắng nghe Giới bổn (*Pātimokkha*), nhưng không nên làm chướng ngại cho lễ *Uposatha* chỉ vì nguyên nhân ấy.

55. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu có nghi ngờ về sự phạm tội trong lúc Giới bổn (*Pātimokkha*) đang được đọc tụng. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu ấy nên nói với vị Tỳ-khưu bên cạnh như vầy: "Bạch Đại đức, tôi có nghi ngờ về sự phạm [một] tội tên [như vầy]. Khi nào tôi dứt khỏi hoài nghi, khi ấy tôi sẽ sửa chữa tội ấy." Nói xong thì nên tiến hành lễ *Uposatha*, nên lắng nghe Giới bổn (*Pātimokkha*), nhưng không nên làm chướng ngại cho lễ *Uposatha* chỉ vì nguyên nhân ấy.

56. Vào lúc bấy giờ, tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Uposatha*, toàn bộ hội chúng đã phạm tội giống nhau. Khi ấy, các vị Tỳ-khưu ấy đã khởi ý điều này: "Đức Thế Tôn đã quy định rằng: 'Không nên trình báo tội [đã phạm] giống nhau, không nên ghi nhận tội [đã phạm] giống nhau' và toàn bộ hội chúng này đã phạm tội giống nhau. Vậy chúng ta nên thực hành như thế nào?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

57. – Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ vào ngày lễ *Uposatha*, toàn bộ hội chúng đã phạm tội giống nhau. Này các Tỳ-khưu, ngay trong hôm ấy, các vị Tỳ-khưu ấy nên phái một vị Tỳ-khưu đi đến trú xứ lân cận [bảo rằng]: "Này Đại đức, hãy đi và sau khi sửa chữa tội ấy hãy quay trở về, chúng tôi sẽ sửa chữa lại tội ấy trong sự hiện diện của Đại đức." Nếu việc ấy đạt được như thế, việc ấy như vậy là tốt đẹp. Này các Tỳ-khưu, nếu không đạt được [như thế] thì hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực:

58. "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Toàn bộ hội chúng này đã phạm tội giống nhau, khi nào [hội chúng] nhìn thấy vị Tỳ-khưu khác trong sạch không phạm tội, khi ấy [hội chúng] sẽ sửa chữa tội ấy trong sự hiện diện của vị ấy." Nói xong thì lễ *Uposatha* nên được tiến hành, Giới bổn (*Pātimokkha*) nên được đọc tụng, nhưng không nên làm chướng ngại cho lễ *Uposatha* chỉ vì nguyên nhân ấy.

59. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ vào ngày lễ *Uposatha*, toàn bộ hội chúng có nghi ngờ về sự phạm tội giống nhau. Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Toàn bộ hội chúng này có nghi ngờ về sự phạm tội giống nhau, khi nào dứt khỏi hoài nghi khi ấy [hội chúng] sẽ sửa chữa tội ấy." Nói xong thì lễ *Uposatha* nên được tiến hành, Giới bổn (*Pātimokkha*) nên được đọc tụng, nhưng không nên làm chướng ngại cho lễ *Uposatha* chỉ vì nguyên nhân ấy.

60. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, khi đã vào mùa an cư mưa, hội chúng đã phạm tội giống nhau. Này các Tỳ-khưu, các vị Tỳ-khưu ấy nên

phái một vị Tỳ-khưu ngay trong hôm ấy, đi đến trú xứ lân cận [bảo rằng]: "Này Đại đức, hãy đi và sau khi sửa chữa tội ấy hãy quay trở về, chúng tôi sẽ sửa chữa lại tội ấy trong sự hiện diện của Đại đức." Nếu việc ấy đạt được như thế, việc ấy như vậy là tốt đẹp. Này các Tỳ-khưu, nếu không đạt được [như thế] thì nên phái đi một vị Tỳ-khưu trong thời hạn bảy ngày [bảo rằng]: "Này Đại đức, hãy đi và sau khi sửa chữa tội ấy hãy quay trở về, chúng tôi sẽ sửa chữa lại tội ấy trong sự hiện diện của Đại đức."

61. Vào lúc bấy giờ, tại trú xứ nọ, toàn bộ hội chúng đã phạm tội giống nhau. Hội chúng ấy không biết tên và loại của tội ấy. Ở đó, có vị Tỳ-khưu khác đi đến là vị nghe nhiều, kinh điển được truyền thừa, rành rẽ về Pháp, rành rẽ về Luật, rành rẽ về các đầu đề, là bậc sáng trí, kinh nghiệm, thông minh, khiêm nhường, có hối hận, ưa thích sự học tập. Có vị Tỳ-khưu nọ đã đi đến gặp vị Tỳ-khưu ấy, sau khi đến đã nói với vị Tỳ-khưu ấy điều này:

62. – Thưa Đại đức, vị hành động như vầy và như vầy thì vị ấy phạm tội tên gì?

Vị ấy đã nói như vầy: "Này Đại đức, vị hành động như vầy và như vầy thì vị ấy phạm tội tên này. Này Đại đức, ngươi đã phạm tội tên này, ngươi hãy sửa chữa tội ấy." Vị nọ đã nói như vầy: "Thưa Đại đức, không phải chỉ mình tôi đã phạm tội ấy. Toàn bộ hội chúng này đã phạm tội ấy." Vị ấy đã nói như vầy: "Này Đại đức, người khác phạm tội hay không phạm tội thì điều gì sẽ xảy ra cho ngươi? Này Đại đức, ngươi hãy tự thoát khỏi tội của bản thân mình đi."

63. Khi ấy, vị Tỳ-khưu nọ sau khi đã sửa chữa tội ấy theo lời khuyên của vị Tỳ-khưu ấy rồi đã đi đến gặp các vị Tỳ-khưu kia, sau khi đến đã nói với các vị Tỳ-khưu kia điều này: "Này các Đại đức, nghe nói vị hành động như vầy và như vầy thì vị ấy phạm tội tên này. Này các Đại đức, các vị đã phạm tội tên này, các vị hãy sửa chữa tội ấy." Khi ấy, các vị Tỳ-khưu kia đã không muốn sửa chữa tội ấy theo lời khuyên của vị Tỳ-khưu nọ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

64. – Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, toàn bộ hội chúng đã phạm tội giống nhau. Hội chúng ấy không biết tên và loại của tội ấy. Ở đó, có vị Tỳ-khưu khác đi đến là vị nghe nhiều, kinh điển được truyền thừa, rành rẽ về Pháp, rành rẽ về Luật, rành rẽ về các đầu đề, là bậc sáng trí, kinh nghiệm, thông minh, khiêm nhường, có hối hận, ưa thích sự học tập. Có vị Tỳ-khưu nọ đã đi đến gặp vị Tỳ-khưu ấy, sau khi đến nói với vị Tỳ-khưu ấy như vầy: "Thưa Đại đức, vị hành động như vầy và như vầy thì vị ấy phạm tội tên gì?" Vị ấy nói như vầy: "Này Đại đức, vị hành động như vầy và như vầy thì vị ấy phạm tội tên này. Này Đại đức, ngươi đã phạm tội tên này, ngươi hãy sửa chữa tội ấy." Vị nọ nói như vầy: "Thưa Đại đức, không phải chỉ mình tôi đã phạm tội ấy. Toàn bộ hội chúng này đã phạm tội ấy." Vị ấy nói như vầy: "Này Đại đức, người khác phạm tội hay không phạm tội thì điều gì sẽ xảy ra cho ngươi? Này Đại đức, ngươi

hãy tự thoát khỏi tội của bản thân mình đi." Này các Tỳ-khưu, nếu sau khi sửa chữa tội theo lời khuyên của vị Tỳ-khưu ấy, vị Tỳ-khưu nọ đã đi đến gặp các vị Tỳ-khưu kia, sau khi đến đã nói với các vị Tỳ-khưu kia như vầy: "Này các Đại đức, nghe nói vị hành động như vầy và như vầy thì vị ấy phạm tội tên này. Này các Đại đức, các vị đã phạm tội tên này, các vị hãy sửa chữa tội ấy." Này các Tỳ-khưu, nếu các vị Tỳ-khưu kia sửa chữa tội ấy theo lời khuyên của vị Tỳ-khưu nọ, việc ấy như vậy là tốt đẹp. Này các Tỳ-khưu, nếu các vị không chịu sửa chữa, vị Tỳ-khưu nọ không nên khuyên các vị Tỳ-khưu ấy [vì họ] không có mong muốn.

Dứt tụng phẩm Codanāvatthu.

*****

1. Vào lúc bấy giờ, tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Uposatha*, có nhiều vị Tỳ-khưu thường trú đã tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy đã không biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm lại tưởng là hợp nhất, rồi đã thực hiện lễ *Uposatha* và đã đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*). Trong khi Giới bổn (*Pātimokkha*) đang được đọc tụng bởi các vị ấy, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] nhiều hơn đã đi đến. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

2. – Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Uposatha*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy không biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm lại tưởng là hợp nhất, rồi thực hiện lễ *Uposatha* và đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*). Trong khi Giới bổn (*Pātimokkha*) đang được đọc tụng bởi các vị ấy, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] nhiều hơn đi đến. Này các Tỳ-khưu, Giới bổn (*Pātimokkha*) nên được đọc tụng lại bởi các vị Tỳ-khưu ấy. Vô tội đối với các vị đọc tụng. (1)

3. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Uposatha*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy không biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm lại tưởng là hợp nhất, rồi thực hiện lễ *Uposatha* và đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*). Trong khi Giới bổn (*Pātimokkha*) đang được đọc tụng bởi các vị ấy, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] tương đương đi đến. Phần đã được đọc tụng là đã được đọc tụng tốt đẹp, phần còn lại nên được lắng nghe. Vô tội đối với các vị đọc tụng. (2)

4. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Uposatha*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy không biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm lại tưởng là hợp nhất, rồi thực hiện lễ *Uposatha* và đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*). Trong khi Giới bổn

(*Pātimokkha*) đang được đọc tụng bởi các vị ấy, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] ít hơn đi đến. Phần đã được đọc tụng là đã được đọc tụng tốt đẹp, phần còn lại nên được lắng nghe. Vô tội đối với các vị đọc tụng. (3)

5. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Uposatha*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy không biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm lại tưởng là hợp nhất, rồi thực hiện lễ *Uposatha* và đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*). Khi Giới bổn (*Pātimokkha*) vừa được đọc tụng xong bởi các vị ấy, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] nhiều hơn đi đến. Này các Tỳ-khưu, Giới bổn (*Pātimokkha*) nên được đọc tụng lại bởi các vị Tỳ-khưu ấy. Vô tội đối với các vị đọc tụng. (4)

6. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Uposatha*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy không biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm lại tưởng là hợp nhất, rồi thực hiện lễ *Uposatha* và đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*). Khi Giới bổn (*Pātimokkha*) vừa được đọc tụng xong bởi các vị ấy, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] tương đương đi đến. Phần đã được đọc tụng là đã được đọc tụng tốt đẹp, sự trong sạch nên được bày tỏ trong sự hiện diện của các vị ấy. Vô tội đối với các vị đọc tụng. (5)

7. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Uposatha*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy không biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm lại tưởng là hợp nhất, rồi thực hiện lễ *Uposatha* và đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*). Khi Giới bổn (*Pātimokkha*) vừa được đọc tụng xong bởi các vị ấy, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] ít hơn đi đến. Phần đã được đọc tụng là đã được đọc tụng tốt đẹp, sự trong sạch nên được bày tỏ trong sự hiện diện của các vị ấy. Vô tội đối với các vị đọc tụng. (6)

8. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Uposatha*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy không biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm lại tưởng là hợp nhất, rồi thực hiện lễ *Uposatha* và đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*). Khi Giới bổn (*Pātimokkha*) vừa được đọc tụng xong bởi các vị ấy, trong khi tập thể chưa đứng lên, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] nhiều hơn đi đến. Này các Tỳ-khưu, Giới bổn (*Pātimokkha*) nên được đọc tụng lại bởi các vị Tỳ-khưu ấy. Vô tội đối với các vị đọc tụng. (7)

9. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Uposatha*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy không biết

rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm lại tưởng là hợp nhất, rồi thực hiện lễ *Uposatha* và đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*). Khi Giới bổn (*Pātimokkha*) vừa được đọc tụng xong bởi các vị ấy, trong khi tập thể chưa đứng lên, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] tương đương đi đến. Phần đã được đọc tụng là đã được đọc tụng tốt đẹp, sự trong sạch nên được bày tỏ trong sự hiện diện của các vị ấy. Vô tội đối với các vị đọc tụng. (8)

10. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Uposatha*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy không biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm lại tưởng là hợp nhất, rồi thực hiện lễ *Uposatha* và đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*). Khi Giới bổn (*Pātimokkha*) vừa được đọc tụng xong bởi các vị ấy, trong khi tập thể chưa đứng lên, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] ít hơn đi đến. Phần đã được đọc tụng là đã được đọc tụng tốt đẹp, sự trong sạch nên được bày tỏ trong sự hiện diện của các vị ấy. Vô tội đối với các vị đọc tụng. (9)

11. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Uposatha*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy không biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm lại tưởng là hợp nhất, rồi thực hiện lễ *Uposatha* và đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*). Khi Giới bổn (*Pātimokkha*) vừa được đọc tụng xong bởi các vị ấy, một số vị ở tập thể đã đứng lên, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] nhiều hơn đi đến. Này các Tỳ-khưu, Giới bổn (*Pātimokkha*) nên được đọc tụng lại bởi các vị Tỳ-khưu ấy. Vô tội đối với các vị đọc tụng. (10)

12. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Uposatha*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy không biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm lại tưởng là hợp nhất, rồi thực hiện lễ *Uposatha* và đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*). Khi Giới bổn (*Pātimokkha*) vừa được đọc tụng xong bởi các vị ấy, một số vị ở tập thể đã đứng lên, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] tương đương đi đến. Phần đã được đọc tụng là đã được đọc tụng tốt đẹp, sự trong sạch nên được bày tỏ trong sự hiện diện của các vị ấy. Vô tội đối với các vị đọc tụng. (11)

13. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Uposatha*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy không biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm lại tưởng là hợp nhất, rồi thực hiện lễ *Uposatha* và đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*). Khi Giới bổn (*Pātimokkha*) vừa được đọc tụng xong bởi các vị ấy, một số vị ở tập thể đã đứng lên, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] ít hơn đi đến. Phần đã được đọc tụng là

đã được đọc tụng tốt đẹp, sự trong sạch nên được bày tỏ trong sự hiện diện của các vị ấy. Vô tội đối với các vị đọc tụng. (12)

14. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Uposatha*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy không biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm lại tưởng là hợp nhất, rồi thực hiện lễ *Uposatha* và đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*). Khi Giới bổn (*Pātimokkha*) vừa được đọc tụng xong bởi các vị ấy, toàn bộ tập thể đã đứng lên, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] nhiều hơn đi đến. Này các Tỳ-khưu, Giới bổn (*Pātimokkha*) nên được đọc tụng lại bởi các vị Tỳ-khưu ấy. Vô tội đối với các vị đọc tụng. (13)

15. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Uposatha*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy không biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm lại tưởng là hợp nhất, rồi thực hiện lễ *Uposatha* và đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*). Khi Giới bổn (*Pātimokkha*) vừa được đọc tụng xong bởi các vị ấy, toàn bộ tập thể đã đứng lên, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] tương đương đi đến. Phần đã được đọc tụng là đã được đọc tụng tốt đẹp, sự trong sạch nên được bày tỏ trong sự hiện diện của các vị ấy. Vô tội đối với các vị đọc tụng. (14)

16. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Uposatha*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy không biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm lại tưởng là hợp nhất, rồi thực hiện lễ *Uposatha* và đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*). Khi Giới bổn (*Pātimokkha*) vừa được đọc tụng xong bởi các vị ấy, toàn bộ tập thể đã đứng lên, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] ít hơn đi đến. Phần đã được đọc tụng là đã được đọc tụng tốt đẹp, sự trong sạch nên được bày tỏ trong sự hiện diện của các vị ấy. Vô tội đối với các vị đọc tụng. (15)

Dứt mười lăm trường hợp vô tội.

*****

1. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Uposatha*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm và có sự nhận biết là phe nhóm, rồi thực hiện lễ *Uposatha* và đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*). Trong khi Giới bổn (*Pātimokkha*) đang được đọc tụng bởi các vị ấy, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] nhiều hơn đi đến. Này các Tỳ-khưu, Giới bổn (*Pātimokkha*) nên được đọc tụng lại bởi các vị Tỳ-khưu ấy. Các vị đọc tụng phạm tội *Dukkaṭa*. (1)

2. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Uposatha*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm và có sự nhận biết là phe nhóm, rồi thực hiện lễ *Uposatha* và đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*). Trong khi Giới bổn (*Pātimokkha*) đang được đọc tụng bởi các vị ấy, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] tương đương đi đến. Phần đã được đọc tụng là đã được đọc tụng tốt đẹp, phần còn lại nên được lắng nghe. Các vị đọc tụng phạm tội *Dukkaṭa*. (2)

3. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Uposatha*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm và có sự nhận biết là phe nhóm, rồi thực hiện lễ *Uposatha* và đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*). Trong khi Giới bổn (*Pātimokkha*) đang được đọc tụng bởi các vị ấy, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] ít hơn đi đến. Phần đã được đọc tụng là đã được đọc tụng tốt đẹp, phần còn lại nên được lắng nghe. Các vị đọc tụng phạm tội *Dukkaṭa*. (3)

4. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Uposatha*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm và có sự nhận biết là phe nhóm, rồi thực hiện lễ *Uposatha* và đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*). Khi Giới bổn (*Pātimokkha*) vừa được đọc tụng xong bởi các vị ấy, ...(nt)... trong khi tập thể chưa đứng lên ...(nt)... một số vị ở tập thể đã đứng lên ...(nt)... toàn bộ tập thể đã đứng lên thì có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] nhiều hơn ...(nt)... [có số lượng] tương đương ...(nt)... [có số lượng] ít hơn đi đến. Phần đã được đọc tụng là đã được đọc tụng tốt đẹp, sự trong sạch nên được bày tỏ trong sự hiện diện của các vị ấy. Các vị đọc tụng phạm tội *Dukkaṭa*. (4-15)

Dứt mười lăm trường hợp
là phe nhóm và có sự nhận biết là phe nhóm.

*****

1. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Uposatha*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy có sự nghi ngờ rằng: "Lễ *Uposatha* của chúng ta được phép thực hiện hay không được phép?" rồi thực hiện lễ *Uposatha* và đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*). Trong khi Giới bổn (*Pātimokkha*) đang được đọc tụng bởi các vị ấy, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] nhiều hơn đi đến. Này các Tỳ-khưu, Giới bổn (*Pātimokkha*) nên được đọc tụng lại bởi các vị Tỳ-khưu ấy. Các vị đọc tụng phạm tội *Dukkaṭa*. (1)

2. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Uposatha*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy có sự nghi ngờ rằng: "Lễ *Uposatha* của chúng ta được phép thực hiện hay không được phép?" rồi thực hiện lễ *Uposatha* và đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*). Trong khi Giới bổn (*Pātimokkha*) đang được đọc tụng bởi các vị ấy, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] tương đương đi đến. Phần đã được đọc tụng là đã được đọc tụng tốt đẹp, phần còn lại nên được lắng nghe. Các vị đọc tụng phạm tội *Dukkaṭa*. (2)

3. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Uposatha*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy có sự nghi ngờ rằng: "Lễ *Uposatha* của chúng ta được phép thực hiện hay không được phép?" rồi thực hiện lễ *Uposatha* và đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*). Trong khi Giới bổn (*Pātimokkha*) đang được đọc tụng bởi các vị ấy, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] ít hơn đi đến. Phần đã được đọc tụng là đã được đọc tụng tốt đẹp, phần còn lại nên được lắng nghe. Các vị đọc tụng phạm tội *Dukkaṭa*. (3)

4. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Uposatha*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy có sự nghi ngờ rằng: "Lễ *Uposatha* của chúng ta được phép thực hiện hay không được phép?" rồi thực hiện lễ *Uposatha* và đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*). Khi Giới bổn (*Pātimokkha*) vừa được đọc tụng xong bởi các vị ấy ...(nt)... trong khi tập thể chưa đứng lên ...(nt)... một số vị ở tập thể đã đứng lên ...(nt)... toàn bộ tập thể đã đứng lên thì có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] nhiều hơn ...(nt)... [có số lượng] tương đương ...(nt)... [có số lượng] ít hơn đi đến. Phần đã được đọc tụng là đã được đọc tụng tốt đẹp, sự trong sạch nên được bày tỏ trong sự hiện diện của các vị ấy. Các vị đọc tụng phạm tội *Dukkaṭa*. (4-15)

Dứt mười lăm trường hợp có sự nghi ngờ.

*****

1. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Uposatha*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến", [nghĩ rằng]: "Lễ *Uposatha* vẫn được phép thực hiện đối với chúng ta, chứ không phải không được phép đối với chúng ta", các vị bỏ qua sự ngần ngại rồi thực hiện lễ *Uposatha* và đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*). Trong khi Giới bổn (*Pātimokkha*) đang được đọc tụng bởi các vị ấy, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] nhiều hơn đi đến. Này các Tỳ-khưu, Giới bổn (*Pātimokkha*) nên được đọc tụng lại bởi các vị Tỳ-khưu ấy. Các vị đọc tụng phạm tội *Dukkaṭa*. (1)

2. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Uposatha*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến", [nghĩ rằng]: "Lễ *Uposatha* vẫn được phép thực hiện đối với chúng ta, chứ không phải không được phép đối với chúng ta", các vị bỏ qua sự ngần ngại rồi thực hiện lễ *Uposatha* và đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*). Trong khi Giới bổn (*Pātimokkha*) đang được đọc tụng bởi các vị ấy, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] tương đương đi đến. Phần đã được đọc tụng là đã được đọc tụng tốt đẹp, phần còn lại nên được lắng nghe. Các vị đọc tụng phạm tội *Dukkaṭa*. (2)

3. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Uposatha*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến", [nghĩ rằng]: "Lễ *Uposatha* vẫn được phép thực hiện đối với chúng ta, chứ không phải không được phép đối với chúng ta", các vị bỏ qua sự ngần ngại rồi thực hiện lễ *Uposatha* và đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*). Trong khi Giới bổn (*Pātimokkha*) đang được đọc tụng bởi các vị ấy, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] ít hơn đi đến. Phần đã được đọc tụng là đã được đọc tụng tốt đẹp, phần còn lại nên được lắng nghe. Các vị đọc tụng phạm tội *Dukkaṭa*. (3)

4. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Uposatha*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến", [nghĩ rằng]: "Lễ *Uposatha* vẫn được phép thực hiện đối với chúng ta, chứ không phải không được phép đối với chúng ta", các vị bỏ qua sự ngần ngại rồi thực hiện lễ *Uposatha* và đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*). Khi Giới bổn (*Pātimokkha*) vừa được đọc tụng xong bởi các vị ấy ...(nt)... trong khi tập thể chưa đứng lên ...(nt)... một số vị ở tập thể đã đứng lên ...(nt)... toàn bộ tập thể đã đứng lên thì có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] nhiều hơn ...(nt)... [có số lượng] tương đương ...(nt)... [có số lượng] ít hơn đi đến. Phần đã được đọc tụng là đã được đọc tụng tốt đẹp, sự trong sạch nên được bày tỏ trong sự hiện diện của các vị ấy. Các vị đọc tụng phạm tội *Dukkaṭa*. (4-15)

Dứt mười lăm trường hợp bỏ qua sự ngần ngại.

*****

1. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Uposatha*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy có dự tính chia rẽ [nghĩ rằng]: "Các vị này tiêu mất đi! Các vị này biến mất đi! Ai mà cần đến các vị ấy?" rồi thực hiện lễ *Uposatha* và đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*). Trong khi Giới bổn (*Pātimokkha*) đang được đọc tụng bởi các vị ấy, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] nhiều hơn đi đến. Này các Tỳ-khưu, Giới bổn

(*Pātimokkha*) nên được đọc tụng lại bởi các vị Tỳ-khưu ấy. Các vị đọc tụng phạm tội *Thullaccaya*.

2. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Uposatha*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy có dự tính chia rẽ [nghĩ rằng]: "Các vị này tiêu mất đi! Các vị này biến mất đi! Ai mà cần đến các vị ấy?" rồi thực hiện lễ *Uposatha* và đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*). Trong khi Giới bổn (*Pātimokkha*) đang được đọc tụng bởi các vị ấy, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] tương đương đi đến. Phần đã được đọc tụng là đã được đọc tụng tốt đẹp, phần còn lại nên được lắng nghe. Các vị đọc tụng phạm tội *Thullaccaya*.

3. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Uposatha*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy có dự tính chia rẽ [nghĩ rằng]: "Các vị này tiêu mất đi! Các vị này biến mất đi! Ai mà cần đến các vị ấy?" rồi thực hiện lễ *Uposatha* và đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*). Trong khi Giới bổn (*Pātimokkha*) đang được đọc tụng bởi các vị ấy, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] ít hơn đi đến. Phần đã được đọc tụng là đã được đọc tụng tốt đẹp, phần còn lại nên được lắng nghe. Các vị đọc tụng phạm tội *Thullaccaya*.

4. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Uposatha*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy có dự tính chia rẽ [nghĩ rằng]: "Các vị này tiêu mất đi! Các vị này biến mất đi! Ai mà cần đến các vị ấy?" rồi thực hiện lễ *Uposatha* và đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*). Khi Giới bổn (*Pātimokkha*) vừa được đọc tụng xong bởi các vị ấy, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] nhiều hơn đi đến. Này các Tỳ-khưu, Giới bổn (*Pātimokkha*) nên được đọc tụng lại bởi các vị Tỳ-khưu ấy. Các vị đọc tụng phạm tội *Thullaccaya*.

5. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Uposatha*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy có dự tính chia rẽ [nghĩ rằng]: "Các vị này tiêu mất đi! Các vị này biến mất đi! Ai mà cần đến các vị ấy?" rồi thực hiện lễ *Uposatha* và đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*). Khi Giới bổn (*Pātimokkha*) vừa được đọc tụng xong bởi các vị ấy, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] tương đương đi đến. Phần đã được đọc tụng là đã được đọc tụng tốt đẹp, sự trong sạch nên được bày tỏ trong sự hiện diện của các vị ấy. Các vị đọc tụng phạm tội *Thullaccaya*.

6. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Uposatha*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng:

"Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy có dự tính chia rẽ [nghĩ rằng]: "Các vị này tiêu mất đi! Các vị này biến mất đi! Ai mà cần đến các vị ấy?" rồi thực hiện lễ *Uposatha* và đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*). Khi Giới bổn (*Pātimokkha*) vừa được đọc tụng xong bởi các vị ấy, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] ít hơn đi đến. Phần đã được đọc tụng là đã được đọc tụng tốt đẹp, sự trong sạch nên được bày tỏ trong sự hiện diện của các vị ấy. Các vị đọc tụng phạm tội *Thullaccaya*.

7. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Uposatha*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy có dự tính chia rẽ [nghĩ rằng]: "Các vị này tiêu mất đi! Các vị này biến mất đi! Ai mà cần đến các vị ấy?" rồi thực hiện lễ *Uposatha* và đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*). Khi Giới bổn (*Pātimokkha*) vừa được đọc tụng xong bởi các vị ấy, trong khi tập thể chưa đứng lên, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] nhiều hơn đi đến. Này các Tỳ-khưu, Giới bổn (*Pātimokkha*) nên được đọc tụng lại bởi các vị Tỳ-khưu ấy. Các vị đọc tụng phạm tội *Thullaccaya*.

8. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Uposatha*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy có dự tính chia rẽ [nghĩ rằng]: "Các vị này tiêu mất đi! Các vị này biến mất đi! Ai mà cần đến các vị ấy?" rồi thực hiện lễ *Uposatha* và đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*). Khi Giới bổn (*Pātimokkha*) vừa được đọc tụng xong bởi các vị ấy, trong khi tập thể chưa đứng lên, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] tương đương đi đến. Phần đã được đọc tụng là đã được đọc tụng tốt đẹp, sự trong sạch nên được bày tỏ trong sự hiện diện của các vị ấy. Các vị đọc tụng phạm tội *Thullaccaya*.

9. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Uposatha*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy có dự tính chia rẽ [nghĩ rằng]: "Các vị này tiêu mất đi! Các vị này biến mất đi! Ai mà cần đến các vị ấy?" rồi thực hiện lễ *Uposatha* và đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*). Khi Giới bổn (*Pātimokkha*) vừa được đọc tụng xong bởi các vị ấy, trong khi tập thể chưa đứng lên, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] ít hơn đi đến. Phần đã được đọc tụng là đã được đọc tụng tốt đẹp, sự trong sạch nên được bày tỏ trong sự hiện diện của các vị ấy. Các vị đọc tụng phạm tội *Thullaccaya*.

10. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Uposatha*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy có dự tính chia rẽ [nghĩ rằng]: "Các vị này tiêu mất đi! Các vị này biến mất đi! Ai mà cần đến các vị ấy?" rồi thực hiện lễ *Uposatha* và đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*). Khi Giới bổn (*Pātimokkha*) vừa được đọc tụng xong bởi các vị ấy, một số vị ở tập thể đã

đứng lên, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] nhiều hơn đi đến. Này các Tỳ-khưu, Giới bổn (*Pātimokkha*) nên được đọc tụng lại bởi các vị Tỳ-khưu ấy. Các vị đọc tụng phạm tội *Thullaccaya*.

11. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Uposatha*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy có dự tính chia rẽ [nghĩ rằng]: "Các vị này tiêu mất đi! Các vị này biến mất đi! Ai mà cần đến các vị ấy?" rồi thực hiện lễ *Uposatha* và đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*). Khi Giới bổn (*Pātimokkha*) vừa được đọc tụng xong bởi các vị ấy, một số vị ở tập thể đã đứng lên, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] tương đương đi đến. Phần đã được đọc tụng là đã được đọc tụng tốt đẹp, sự trong sạch nên được bày tỏ trong sự hiện diện của các vị ấy. Các vị đọc tụng phạm tội *Thullaccaya*.

12. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Uposatha*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy có dự tính chia rẽ [nghĩ rằng]: "Các vị này tiêu mất đi! Các vị này biến mất đi! Ai mà cần đến các vị ấy?" rồi thực hiện lễ *Uposatha* và đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*). Khi Giới bổn (*Pātimokkha*) vừa được đọc tụng xong bởi các vị ấy, một số vị ở tập thể đã đứng lên, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] ít hơn đi đến. Phần đã được đọc tụng là đã được đọc tụng tốt đẹp, sự trong sạch nên được bày tỏ trong sự hiện diện của các vị ấy. Các vị đọc tụng phạm tội *Thullaccaya*.

13. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Uposatha*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy có dự tính chia rẽ [nghĩ rằng]: "Các vị này tiêu mất đi! Các vị này biến mất đi! Ai mà cần đến các vị ấy?" rồi thực hiện lễ *Uposatha* và đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*). Khi Giới bổn (*Pātimokkha*) vừa được đọc tụng xong bởi các vị ấy, toàn bộ tập thể đã đứng lên, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] nhiều hơn đi đến. Này các Tỳ-khưu, Giới bổn (*Pātimokkha*) nên được đọc tụng lại bởi các vị Tỳ-khưu ấy. Các vị đọc tụng phạm tội *Thullaccaya*.

14. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Uposatha*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy có dự tính chia rẽ [nghĩ rằng]: "Các vị này tiêu mất đi! Các vị này biến mất đi! Ai mà cần đến các vị ấy?" rồi thực hiện lễ *Uposatha* và đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*). Khi Giới bổn (*Pātimokkha*) vừa được đọc tụng xong bởi các vị ấy, toàn bộ tập thể đã đứng lên, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] tương đương đi đến. Phần đã được đọc tụng là đã được đọc tụng tốt đẹp, sự trong sạch nên được bày tỏ trong sự hiện diện của các vị ấy. Các vị đọc tụng phạm tội *Thullaccaya*.

15. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Uposatha*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy có dự tính chia rẽ [nghĩ rằng]: "Các vị này tiêu mất đi! Các vị này biến mất đi! Ai mà cần đến các vị ấy?" rồi thực hiện lễ *Uposatha* và đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*). Khi Giới bổn (*Pātimokkha*) vừa được đọc tụng xong bởi các vị ấy, toàn bộ tập thể đã đứng lên, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] ít hơn đi đến. Phần đã được đọc tụng là đã được đọc tụng tốt đẹp, sự trong sạch nên được bày tỏ trong sự hiện diện của các vị ấy. Các vị đọc tụng phạm tội *Thullaccaya*.

Dứt mười lăm trường hợp có dự tính chia rẽ.
Dứt hai mươi lăm nhóm ba.

*****

1. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Uposatha*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là bốn vị hoặc hơn. Các vị ấy không biết rằng: "Các vị Tỳ-khưu thường trú khác đang đi vào trong ranh giới", ...(nt)... Các vị ấy không biết rằng: "Các vị Tỳ-khưu thường trú khác đã đi vào trong ranh giới", ...(nt)... Các vị ấy không nhìn thấy các vị Tỳ-khưu thường trú khác đang đi vào trong ranh giới, ...(nt)... Các vị ấy không nhìn thấy các vị Tỳ-khưu thường trú khác đã đi vào trong ranh giới, ...(nt)... Các vị ấy không nghe rằng: "Các vị Tỳ-khưu thường trú khác đang đi vào trong ranh giới", ...(nt)... Các vị ấy không nghe rằng: "Các vị Tỳ-khưu thường trú khác đã đi vào trong ranh giới", ...(nt)... Theo phương thức của một trăm bảy mươi lăm nhóm ba về vị thường trú với vị thường trú, về vị vãng lai với vị thường trú, về vị thường trú với vị vãng lai, về vị vãng lai với vị vãng lai, bằng cách thức thêm vào những phần tương tợ thì tạo ra được bảy trăm nhóm ba.

2. Này các Tỳ-khưu, trường hợp ngày mười bốn là của các Tỳ-khưu thường trú, ngày mười lăm là của các Tỳ-khưu vãng lai. Nếu các vị thường trú [có số lượng] nhiều hơn thì các vị vãng lai nên thuận theo các vị thường trú. Nếu [có số lượng] tương đương thì các vị vãng lai nên thuận theo các vị thường trú. Nếu các vị vãng lai [có số lượng] nhiều hơn thì các vị thường trú nên thuận theo các vị vãng lai.

3. Này các Tỳ-khưu, trường hợp ngày mười lăm là của các Tỳ-khưu thường trú, ngày mười bốn là của các Tỳ-khưu vãng lai. Nếu các vị thường trú [có số lượng] nhiều hơn thì các vị vãng lai nên thuận theo các vị thường trú. Nếu [có số lượng] tương đương thì các vị vãng lai nên thuận theo các vị thường trú. Nếu các vị vãng lai [có số lượng] nhiều hơn thì các vị thường trú nên thuận theo các vị vãng lai.

4. Này các Tỳ-khưu, trường hợp ngày đầu tháng là của các Tỳ-khưu thường trú, ngày mười lăm là của các Tỳ-khưu vãng lai. Nếu các vị thường trú [có số

lượng] nhiều hơn và các vị thường trú không mong muốn thì không nên ban cho sự hợp nhất đến các vị vãng lai; các vị vãng lai nên đi ra khỏi ranh giới rồi tiến hành lễ *Uposatha*. Nếu [có số lượng] tương đương và các vị thường trú không mong muốn thì không nên ban cho sự hợp nhất đến các vị vãng lai; các vị vãng lai nên đi ra khỏi ranh giới rồi tiến hành lễ *Uposatha*. Nếu các vị vãng lai [có số lượng] nhiều hơn thì các vị thường trú nên ban cho sự hợp nhất đến các vị vãng lai hoặc là nên đi ra khỏi ranh giới.

5. Này các Tỳ-khưu, trường hợp ngày mười lăm là của các Tỳ-khưu thường trú, ngày đầu tháng là của các Tỳ-khưu vãng lai. Nếu các vị thường trú [có số lượng] nhiều hơn thì các vị vãng lai nên ban cho sự hợp nhất đến các vị thường trú hoặc là nên đi ra khỏi ranh giới. Nếu [có số lượng] tương đương thì các vị vãng lai nên ban cho sự hợp nhất đến các vị thường trú hoặc là nên đi ra khỏi ranh giới. Nếu các vị vãng lai [có số lượng] nhiều hơn và các vị vãng lai không mong muốn thì không nên ban cho sự hợp nhất đến các vị thường trú; các vị thường trú nên đi ra khỏi ranh giới rồi tiến hành lễ *Uposatha*.

6. Này các Tỳ-khưu, trường hợp các Tỳ-khưu vãng lai nhìn thấy sự biểu hiện của việc cư trú, đặc điểm của việc cư trú, hiện tướng của việc cư trú, dấu hiệu của việc cư trú của các Tỳ-khưu thường trú [như là] giường ghế, nệm gối được sắp xếp cẩn thận; nước uống, nước rửa khéo được bố trí, phòng ốc được quét dọn sạch sẽ, sau khi nhìn thấy khởi lên nghi ngờ: "Có các Tỳ-khưu thường trú hay không có?" Các vị nghi ngờ nhưng không tìm kiếm, sau khi không tìm kiếm rồi tiến hành lễ *Uposatha* thì phạm tội *Dukkaṭa*. Các vị nghi ngờ rồi tìm kiếm, sau khi tìm kiếm không nhìn thấy, sau khi không nhìn thấy rồi tiến hành lễ *Uposatha* thì vô tội. Các vị nghi ngờ rồi tìm kiếm, sau khi tìm kiếm thì nhìn thấy, sau khi nhìn thấy rồi tiến hành lễ *Uposatha* chung thì vô tội. Các vị nghi ngờ rồi tìm kiếm, sau khi tìm kiếm thì nhìn thấy, sau khi nhìn thấy rồi tiến hành lễ *Uposatha* riêng rẽ thì phạm tội *Dukkaṭa*. Các vị nghi ngờ rồi tìm kiếm, sau khi tìm kiếm thì nhìn thấy, sau khi nhìn thấy có dự tính chia rẽ [nói rằng]: "Các vị này tiêu mất đi! Các vị này biến mất đi! Ai mà cần đến các vị ấy?" rồi tiến hành lễ *Uposatha* thì phạm tội *Thullaccaya*.

7. Này các Tỳ-khưu, trường hợp các Tỳ-khưu vãng lai nghe được sự biểu hiện của việc cư trú, đặc điểm của việc cư trú, hiện tướng của việc cư trú, dấu hiệu của việc cư trú của các Tỳ-khưu thường trú [như là] tiếng bước chân của những vị đang đi kinh hành, tiếng học bài, tiếng đằng hắng, tiếng hắt hơi, sau khi nghe, khởi lên nghi ngờ: "Có các Tỳ-khưu thường trú hay không có?" Các vị nghi ngờ nhưng không tìm kiếm, sau khi không tìm kiếm rồi tiến hành lễ *Uposatha* thì phạm tội *Dukkaṭa*. Các vị nghi ngờ rồi tìm kiếm, sau khi tìm kiếm không nhìn thấy, sau khi không nhìn thấy rồi tiến hành lễ *Uposatha* thì vô tội. Các vị nghi ngờ rồi tìm kiếm, sau khi tìm kiếm thì nhìn thấy, sau khi nhìn thấy rồi tiến hành lễ *Uposatha* chung thì vô tội. Các vị nghi ngờ rồi tìm kiếm, sau khi tìm kiếm thì nhìn thấy, sau khi nhìn thấy rồi tiến hành lễ *Uposatha* riêng rẽ

thì phạm tội *Dukkaṭa*. Các vị nghi ngờ rồi tìm kiếm, sau khi tìm kiếm thì nhìn thấy, sau khi nhìn thấy, có dự tính chia rẽ [nói rằng]: "Các vị này tiêu mất đi! Các vị này biến mất đi! Ai mà cần đến các vị ấy?" rồi tiến hành lễ *Uposatha* thì phạm tội *Thullaccaya*.

8. Này các Tỳ-khưu, trường hợp các Tỳ-khưu thường trú nhìn thấy sự biểu hiện của việc đi đến, đặc điểm của việc đi đến, hiện tướng của việc đi đến, dấu hiệu của việc đi đến của các Tỳ-khưu vãng lai [như là] bình bát khác lạ, y khác lạ, vật lót ngồi khác lạ, sự vung vãi nước rửa các bàn chân, sau khi nhìn thấy khởi lên nghi ngờ: "Có các vị Tỳ-khưu vãng lai hay không có?" Các vị nghi ngờ nhưng không tìm kiếm, sau khi không tìm kiếm rồi tiến hành lễ *Uposatha* thì phạm tội *Dukkaṭa*. Các vị nghi ngờ rồi tìm kiếm, sau khi tìm kiếm không nhìn thấy, sau khi không nhìn thấy rồi tiến hành lễ *Uposatha* thì vô tội. Các vị nghi ngờ rồi tìm kiếm, sau khi tìm kiếm thì nhìn thấy, sau khi nhìn thấy rồi tiến hành lễ *Uposatha* chung thì vô tội. Các vị nghi ngờ rồi tìm kiếm, sau khi tìm kiếm thì nhìn thấy, sau khi nhìn thấy rồi tiến hành lễ *Uposatha* riêng rẽ thì phạm tội *Dukkaṭa*. Các vị nghi ngờ rồi tìm kiếm, sau khi tìm kiếm thì nhìn thấy, sau khi nhìn thấy, có dự tính chia rẽ [nói rằng]: "Các vị này tiêu mất đi! Các vị này biến mất đi! Ai mà cần đến các vị ấy?" rồi tiến hành lễ *Uposatha* thì phạm tội *Thullaccaya*.

9. Này các Tỳ-khưu, trường hợp các Tỳ-khưu thường trú nghe được sự biểu hiện của việc đi đến, đặc điểm của việc đi đến, hiện tướng của việc đi đến, dấu hiệu của việc đi đến của các Tỳ-khưu vãng lai [như là] tiếng bước chân của các vị đang đi đến, tiếng động gây nên bởi các đôi dép, tiếng đằng hắng, tiếng hắt hơi, sau khi nghe, khởi lên nghi ngờ: "Có các vị Tỳ-khưu vãng lai hay không có?" Các vị nghi ngờ nhưng không tìm kiếm, sau khi không tìm kiếm rồi tiến hành lễ *Uposatha* thì phạm tội *Dukkaṭa*. Các vị nghi ngờ rồi tìm kiếm, sau khi tìm kiếm không nhìn thấy, sau khi không nhìn thấy rồi tiến hành lễ *Uposatha* thì vô tội. Các vị nghi ngờ rồi tìm kiếm, sau khi tìm kiếm thì nhìn thấy, sau khi nhìn thấy rồi tiến hành lễ *Uposatha* chung thì vô tội. Các vị nghi ngờ rồi tìm kiếm, sau khi tìm kiếm thì nhìn thấy, sau khi nhìn thấy rồi tiến hành lễ *Uposatha* riêng rẽ thì phạm tội *Dukkaṭa*. Các vị nghi ngờ rồi tìm kiếm, sau khi tìm kiếm thì nhìn thấy, sau khi nhìn thấy, có dự tính chia rẽ [nói rằng]: "Các vị này tiêu mất đi! Các vị này biến mất đi! Ai mà cần đến các vị ấy?" rồi tiến hành lễ *Uposatha* thì phạm tội *Thullaccaya*.

10. Này các Tỳ-khưu, trường hợp các Tỳ-khưu vãng lai nhìn thấy các Tỳ-khưu thường trú thuộc nhóm cộng trú khác. Các vị ấy nhận lầm là thuộc cùng nhóm cộng trú, sau khi nhận lầm là thuộc cùng nhóm cộng trú rồi không hỏi, sau khi không hỏi rồi tiến hành lễ *Uposatha* chung thì vô tội. Các vị ấy hỏi, sau khi hỏi vẫn không xác quyết, sau khi không xác quyết lại tiến hành lễ *Uposatha* chung thì phạm tội *Dukkaṭa*. Các vị ấy hỏi, sau khi hỏi vẫn không xác quyết, sau khi không xác quyết rồi tiến hành lễ *Uposatha* riêng rẽ thì vô tội.

11. Này các Tỳ-khưu, trường hợp các Tỳ-khưu vãng lai nhìn thấy các Tỳ-khưu thường trú thuộc cùng nhóm cộng trú. Các vị ấy nhận lầm thuộc nhóm cộng trú khác, sau khi nhận lầm thuộc nhóm cộng trú khác rồi không hỏi, sau khi không hỏi lại tiến hành lễ *Uposatha* chung thì phạm tội *Dukkaṭa*. Các vị ấy hỏi, sau khi hỏi rồi xác quyết, sau khi xác quyết lại tiến hành lễ *Uposatha* riêng rẽ thì phạm tội *Dukkaṭa*. Các vị ấy hỏi, sau khi hỏi rồi xác quyết, sau khi xác quyết rồi tiến hành lễ *Uposatha* chung thì vô tội.

12. Này các Tỳ-khưu, trường hợp các Tỳ-khưu thường trú nhìn thấy các Tỳ-khưu vãng lai thuộc nhóm cộng trú khác. Các vị ấy nhận lầm thuộc cùng nhóm cộng trú, sau khi nhận lầm thuộc cùng nhóm cộng trú rồi không hỏi, sau khi không hỏi rồi tiến hành lễ *Uposatha* chung thì vô tội. Các vị ấy hỏi, sau khi hỏi vẫn không xác quyết, sau khi không xác quyết lại tiến hành lễ *Uposatha* chung thì phạm tội *Dukkaṭa*. Các vị ấy hỏi, sau khi hỏi vẫn không xác quyết, sau khi không xác quyết rồi tiến hành lễ *Uposatha* riêng rẽ thì vô tội.

13. Này các Tỳ-khưu, trường hợp các Tỳ-khưu thường trú nhìn thấy các Tỳ-khưu vãng lai thuộc cùng nhóm cộng trú. Các vị ấy nhận lầm thuộc nhóm cộng trú khác, sau khi nhận lầm thuộc nhóm cộng trú khác rồi không hỏi, sau khi không hỏi lại tiến hành lễ *Uposatha* chung thì phạm tội *Dukkaṭa*. Các vị ấy hỏi, sau khi hỏi rồi xác quyết, sau khi xác quyết lại tiến hành lễ *Uposatha* riêng rẽ thì phạm tội *Dukkaṭa*. Các vị ấy hỏi, sau khi hỏi rồi xác quyết, sau khi xác quyết rồi tiến hành lễ *Uposatha* chung thì vô tội.

14. Này các Tỳ-khưu, vào ngày lễ *Uposatha*, từ chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, không nên đi đến chỗ trú ngụ không có Tỳ-khưu, trừ phi [đi cùng] với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm.

15. Này các Tỳ-khưu, vào ngày lễ *Uposatha*, từ chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, không nên đi đến nơi không phải là chỗ trú ngụ không có Tỳ-khưu, trừ phi [đi cùng] với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm.

16. Này các Tỳ-khưu, vào ngày lễ *Uposatha*, từ chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, không nên đi đến chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ không có Tỳ-khưu, trừ phi [đi cùng] với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm.

17. Này các Tỳ-khưu, vào ngày lễ *Uposatha*, từ nơi không phải là chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, không nên đi đến chỗ trú ngụ không có Tỳ-khưu, trừ phi [đi cùng] với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm.

18. Này các Tỳ-khưu, vào ngày lễ *Uposatha*, từ nơi không phải là chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, không nên đi đến nơi không phải là chỗ trú ngụ không có Tỳ-khưu, trừ phi [đi cùng] với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm.

19. Này các Tỳ-khưu, vào ngày lễ *Uposatha*, từ nơi không phải là chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, không nên đi đến chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ không có Tỳ-khưu, trừ phi [đi cùng] với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm.

20. Này các Tỳ-khưu, vào ngày lễ *Uposatha*, từ chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, không nên đi đến chỗ trú ngụ không có Tỳ-khưu, trừ phi [đi cùng] với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm.

21. Này các Tỳ-khưu, vào ngày lễ *Uposatha*, từ chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, không nên đi đến nơi không phải là chỗ trú ngụ không có Tỳ-khưu, trừ phi [đi cùng] với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm.

22. Này các Tỳ-khưu, vào ngày lễ *Uposatha*, từ chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, không nên đi đến chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ không có Tỳ-khưu, trừ phi [đi cùng] với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm.

23. Này các Tỳ-khưu, vào ngày lễ *Uposatha*, từ chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, không nên đi đến chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, nhưng các Tỳ-khưu ở nơi ấy là thuộc nhóm cộng trú khác, trừ phi [đi cùng] với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm.

24. Này các Tỳ-khưu, vào ngày lễ *Uposatha*, từ chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, không nên đi đến nơi không phải là chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, nhưng các Tỳ-khưu ở nơi ấy là thuộc nhóm cộng trú khác, trừ phi [đi cùng] với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm.

25. Này các Tỳ-khưu, vào ngày lễ *Uposatha*, từ chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, không nên đi đến chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, nhưng các Tỳ-khưu ở nơi ấy là thuộc nhóm cộng trú khác, trừ phi [đi cùng] với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm.

26. Này các Tỳ-khưu, vào ngày lễ *Uposatha*, từ nơi không phải là chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, không nên đi đến chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, nhưng các Tỳ-khưu ở nơi ấy là thuộc nhóm cộng trú khác, trừ phi [đi cùng] với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm.

27. Này các Tỳ-khưu, vào ngày lễ *Uposatha*, từ nơi không phải là chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, không nên đi đến nơi không phải là chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, nhưng các Tỳ-khưu ở nơi ấy là thuộc nhóm cộng trú khác, trừ phi [đi cùng] với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm.

28. Này các Tỳ-khưu, vào ngày lễ *Uposatha*, từ nơi không phải là chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, không nên đi đến chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, nhưng các Tỳ-khưu ở nơi ấy là thuộc nhóm cộng trú khác, trừ phi [đi cùng] với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm.

29. Này các Tỳ-khưu, vào ngày lễ *Uposatha*, từ chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, không nên đi đến chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, nhưng các Tỳ-khưu ở nơi ấy là thuộc nhóm cộng trú khác, trừ phi [đi cùng] với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm.

30. Này các Tỳ-khưu, vào ngày lễ *Uposatha*, từ chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, không nên đi đến nơi không phải là chỗ trú ngụ

có Tỳ-khưu, nhưng các Tỳ-khưu ở nơi ấy là thuộc nhóm cộng trú khác, trừ phi [đi cùng] với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm.

31. Này các Tỳ-khưu, vào ngày lễ *Uposatha*, từ chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, không nên đi đến chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, nhưng các Tỳ-khưu ở nơi ấy là thuộc nhóm cộng trú khác, trừ phi [đi cùng] với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm.

32. Này các Tỳ-khưu, vào ngày lễ *Uposatha*, từ chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, có thể đi đến chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu và các Tỳ-khưu ở nơi ấy thuộc cùng nhóm cộng trú, nếu biết rằng: "Ta có thể đi đến nội trong ngày nay."

33. Này các Tỳ-khưu, vào ngày lễ *Uposatha*, từ chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, có thể đi đến nơi không phải là chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu ...(nt)... chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu và các Tỳ-khưu ở nơi ấy thuộc cùng nhóm cộng trú, nếu biết rằng: "Ta có thể đi đến nội trong ngày nay."

34. Này các Tỳ-khưu, vào ngày lễ *Uposatha*, vị Tỳ-khưu từ nơi không phải là chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, có thể đi đến chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu ...(nt)... nơi không phải là chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu ...(nt)... chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu và các Tỳ-khưu ở nơi ấy thuộc cùng nhóm cộng trú, nếu biết rằng: "Ta có thể đi đến nội trong ngày nay."

35. Này các Tỳ-khưu, vào ngày lễ *Uposatha*, vị Tỳ-khưu từ chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, có thể đi đến chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu ...(nt)... nơi không phải là chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu ...(nt)... chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu và các Tỳ-khưu ở nơi ấy thuộc cùng nhóm cộng trú, nếu biết rằng: "Ta có thể đi đến nội trong ngày nay."

36. Này các Tỳ-khưu, không nên đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*) đến hội chúng đã ngồi xuống, có vị Tỳ-khưu-ni; vị nào đọc tụng thì phạm tội *Dukkaṭa*.

37. Này các Tỳ-khưu, không nên đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*) đến hội chúng đã ngồi xuống, có cô Ni tu tập sự ...(nt)... có vị Sa-di ...(nt)... có vị Sa-di-ni ...(nt)... có người đã xả bỏ sự học tập ...(nt)... có vị đã phạm tội cực nặng; vị nào đọc tụng thì phạm tội *Dukkaṭa*.

38. Không nên đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*) đến hội chúng đã ngồi xuống có vị bị án treo về việc không nhìn nhận tội; vị nào đọc tụng thì nên được hành xử theo pháp.

39. Không nên đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*) đến hội chúng đã ngồi xuống có vị bị án treo về việc không sửa chữa lỗi ...(nt)... đến hội chúng đã ngồi xuống, có vị bị án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác; vị nào đọc tụng thì nên được hành xử theo pháp.

40. Này các Tỳ-khưu, không nên đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*) đến hội chúng đã ngồi xuống, có kẻ vô căn; vị nào đọc tụng thì phạm tội *Dukkaṭa*.

41. Không nên đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*) đến hội chúng đã ngồi xuống có kẻ trộm tướng mạo [Tỳ-khưu] ...(nt)... có kẻ đã đi theo ngoại đạo ...(nt)... có loài thú ...(nt)... có kẻ giết mẹ ...(nt)... có kẻ giết cha ...(nt)... có kẻ giết A-la-hán ...(nt)... có kẻ làm nhơ Tỳ-khưu-ni ...(nt)... có kẻ chia rẽ hội chúng ...(nt)... có kẻ làm chảy máu [đức Phật] ...(nt)... có kẻ lưỡng căn; vị nào đọc tụng thì phạm tội *Dukkaṭa*.

42. Này các Tỳ-khưu, không nên tiến hành lễ *Uposatha* với việc trao ra sự trong sạch của vị hành *Parivāsa*, trừ phi tập thể còn chưa đứng lên.

43. Này các Tỳ-khưu, không nên tiến hành lễ *Uposatha* không nhằm ngày *Uposatha*, trừ phi vào lúc hợp nhất hội chúng.

Dứt chương *Uposatha* là thứ nhì.
Tụng phẩm thứ ba.

*****

Trong chương này có tám mươi sáu sự việc.
TÓM LƯỢC CHƯƠNG NÀY:

1. Những người ngoại đạo và đức Vua Bimbisāra, [cho phép] tụ hội, [ngồi] im lặng, [giảng] giáo pháp, nơi thanh vắng, Giới bổn (*Pātimokkha*), [đọc tụng] hàng ngày, rồi một lần.

2. Tùy theo tập thể, của các vị hợp nhất, có sự hợp nhất và ở Maddakucchi, ranh giới lớn, dòng sông, ở dãy phòng, tại hai chỗ và các [ranh giới] nhỏ.

3. Các vị mới tu và ở Rājagaha nữa, ranh giới với sự không xa lìa, điều làm trước trong việc ấn định ranh giới và điều làm sau trong việc hủy bỏ ranh giới.

4. Ranh giới làng là không ấn định, ở sông, ở biển, ở ao hồ, việc ném ra bụm nước, các vị làm gối lên và tương tợ như thế ấy, các vị làm trùm lên.

5. Bao nhiêu cách hành sự? Việc đọc tụng, các kẻ lục lâm và lúc không có, Pháp, Luật, các vị hăm dọa, lại thêm sự hăm dọa vì Luật.

6. Việc kết tội, khi đã thỉnh ý, việc phản đối [hành sự] sai Pháp, bốn năm vị, các vị khác bày tỏ [quan điểm], nếu cố ý [không cho nghe], trong sự nỗ lực.

7. Có sự hiện diện của cư sĩ, các vị chưa được mời thỉnh ở Codanā, vị không biết, nhiều vị không biết, ngay trong hôm ấy và các vị không đi.

8. [Là ngày] thứ mấy? Có bao nhiêu? [Khất thực] ở vùng xa và đã không nhớ để thông báo, có rác bẩn, chỗ ngồi, đèn, [đi] phương xa, vị khác là vị nghe nhiều.

9. Ngay hôm ấy, lễ *Uposatha* của mùa [an cư] mưa, trong sạch và hành sự, các thân quyến, vị Gagga, [lễ *Uposatha* của] bốn, ba, hai, một vị, sự phạm tội, tội đồng phạm, đã nhớ ra.

10. Toàn bộ hội chúng có sự nghi ngờ, các vị không biết, vị nghe nhiều, [có số lượng] nhiều hơn, tương đương, ít hơn, tập thể và khi chưa đứng lên.

11. Một số đã đứng lên, tất cả [đã đứng lên], các vị biết và có sự nghi ngờ, có sự ngần ngại rằng: "Vẫn là được phép", trong khi biết, trong khi nhìn thấy và các vị nghe được.

12. Về vị vãng lai với vị thường trú, thêm nữa là ngày mười bốn và mười lăm, ngày đầu tháng, ngày mười lăm, hiện tướng và việc đồng cộng trú, ở cả hai [trường hợp].

13. Vị thực hành *Parivāsa*, không nhằm ngày *Uposatha*, trừ phi vào lúc hợp nhất hội chúng. Những điều tóm tắt được chia chẻ này là đầu mối làm rõ các sự việc.

--ooOoo--

III. CHƯƠNG VÀO MÙA MƯA

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Rājagaha, Veḷuvana, nơi nuôi dưỡng các con sóc.

2. Vào lúc bấy giờ, việc cư trú mùa mưa chưa được đức Thế Tôn quy định cho các Tỳ-khưu.

3. Trong trường hợp này, các vị Tỳ-khưu ấy đi du hành trong mùa lạnh, trong mùa nóng và cả trong mùa mưa nữa.

4. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Sa-môn Thích tử lại đi du hành trong mùa lạnh, trong mùa nóng và cả trong mùa mưa nữa? Các vị đang giẫm đạp lên các loại cỏ xanh, đang hãm hại mạng sống của loài chỉ có một giác quan và đang gây nên việc giết hại hàng loạt nhiều chúng sanh nhỏ nhoi. Ngay cả các ngoại đạo này có giáo lý được thuyết tồi tệ vẫn bám víu và sống cố định trong mùa cư trú mưa. Ngay cả những con chim này sau khi làm tổ trên các ngọn cây cũng bám víu và sống cố định trong mùa cư trú mưa. Còn các Sa-môn Thích tử này lại đi du hành trong mùa lạnh, trong mùa nóng và cả trong mùa mưa nữa. Các vị đang giẫm đạp lên các loại cỏ xanh, đang hãm hại mạng sống của loài chỉ có một giác quan và đang gây nên việc giết hại hàng loạt nhiều chúng sanh nhỏ nhoi."

5. Các Tỳ-khưu đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai.

6. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

7. Khi ấy, đức Thế tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vào mùa [an cư] mưa.

8. Khi ấy, các Tỳ-khưu đã khởi ý điều này: "Khi nào thì nên vào mùa [an cư] mưa?"

9. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vào mùa [an cư] mưa trong mùa mưa.

10. Sau đó, các Tỳ-khưu đã khởi ý điều này: "Có bao nhiêu thời điểm vào mùa [an cư] mưa?"

11. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, đây là hai thời điểm vào mùa [an cư] mưa: Thời điểm trước và thời điểm sau. Thời điểm trước thì nên vào nhằm ngày kế của [ngày trăng tròn] tháng Āsāḷha, thời điểm sau thì nên vào khi [ngày trăng tròn] tháng

Āsāḷha đã trôi qua một tháng.[1] Này các Tỳ-khưu, đây là hai thời điểm vào mùa [an cư] mưa.

12. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư sau khi đã vào mùa [an cư] mưa vẫn đi du hành trong mùa [an cư] mưa.

13. Dân chúng lại phàn nàn, phê phán, chê bai giống y như thế: "Tại sao các Sa-môn Thích tử lại đi du hành trong mùa lạnh, trong mùa nóng và cả trong mùa mưa nữa? Các vị đang giẫm đạp lên các loại cỏ xanh, đang hãm hại mạng sống của loài chỉ có một giác quan và đang gây nên việc giết hại hàng loạt nhiều chúng sanh nhỏ nhoi. Ngay cả các ngoại đạo này có giáo lý được thuyết tồi tệ vẫn bám víu và sống cố định trong mùa cư trú mưa. Ngay cả những con chim này sau khi làm tổ trên các ngọn cây cũng bám víu và sống cố định trong mùa cư trú mưa; còn các Sa-môn Thích tử này lại đi du hành trong mùa lạnh, trong mùa nóng và cả trong mùa mưa nữa. Các vị đang giẫm đạp lên các loại cỏ xanh, đang hãm hại mạng sống của loài chỉ có một giác quan và đang gây nên việc giết hại hàng loạt nhiều chúng sanh nhỏ nhoi."

14. Các Tỳ-khưu đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư sau khi đã vào mùa [an cư] mưa vẫn đi du hành trong mùa [an cư] mưa?"

15. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

16. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, sau khi đã vào mùa [an cư] mưa, không nên không cư trú ba tháng thuộc thời điểm trước hoặc ba tháng thuộc thời điểm sau và không nên ra đi, du hành; vị nào ra đi thì phạm tội *Dukkaṭa*.

17. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư không chịu vào mùa [an cư] mưa.

18. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên không vào mùa [an cư] mưa; vị nào không vào thì phạm tội *Dukkaṭa*.

19. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư có ý định không vào mùa [an cư] mưa nên cố tình bỏ đi khỏi chỗ trú ngụ vào ngày [đầu tiên] của thời điểm vào mùa [an cư] mưa.

20. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, vào ngày [đầu tiên] của thời điểm vào mùa [an cư] mưa, vị có ý định không vào mùa [an cư] mưa không nên cố tình bỏ đi khỏi chỗ trú ngụ; vị nào bỏ đi thì phạm tội *Dukkaṭa*.

---

[1] Tính theo âm lịch của Việt Nam, nếu không có tháng nhuần thì thời điểm trước là ngày 16 tháng 6, thời điểm sau là ngày 16 tháng 7 (ND).

21. Vào lúc bấy giờ, đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha có ý định dời lại mùa [an cư] mưa nên đã phái sứ giả đến gặp các Tỳ-khưu nói rằng: "Nếu các ngài Đại đức có thể vào mùa [an cư] mưa nhằm vào ngày rằm sắp đến?"

22. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thuận theo các vị vua.

23. Sau đó, khi đã ngự tại thành Rājagaha theo như ý thích, đức Thế Tôn đã ra đi, du hành đến thành Sāvatthi. Trong khi tuần tự du hành, Ngài đã ngự đến thành Sāvatthi. Tại nơi đó, ở Sāvatthi, đức Thế Tôn ngự tại Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika.

24. Vào lúc bấy giờ, ở trong xứ Kosala, trú xá được cho xây dựng dành cho hội chúng bởi nam cư sĩ Udena.

25. Vị ấy đã phái sứ giả đến gặp các Tỳ-khưu nói rằng:

– Xin các ngài Đại đức hãy đi đến. Tôi muốn cúng dường vật thí, muốn nghe pháp và muốn nhìn thấy các vị Tỳ-khưu.

26. Các Tỳ-khưu đã nói như vầy:

– Này đạo hữu, đức Thế Tôn đã quy định rằng: "Sau khi đã vào mùa [an cư] mưa, không nên không an cư ba tháng thuộc thời điểm trước hoặc ba tháng thuộc thời điểm sau và không nên ra đi du hành." Nam cư sĩ Udena hãy chờ đợi trong khi các Tỳ-khưu sống mùa [an cư] mưa, khi đã sống qua mùa [an cư] mưa rồi [các vị] sẽ đi đến. Nếu vị ấy có việc cấp bách cần làm thì hãy cho thiết lập trú xá trong sự hiện diện của các Tỳ-khưu thường trú ở ngay tại nơi ấy.

27. Nam cư sĩ Udena phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

– Tại sao các ngài Đại đức khi đã được tôi phái người đi [thỉnh mời] lại không đi đến? Chính tôi là người thí chủ, là người phục vụ và là người hộ độ hội chúng mà.

28. Các Tỳ-khưu đã nghe được nam cư sĩ Udena phàn nàn, phê phán, chê bai.

29. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép đi khi được thỉnh mời với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày của bảy hạng người là Tỳ-khưu, Tỳ-khưu-ni, cô Ni tu tập sự, Sa-di, Sa-di-ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ, nhưng không [nên đi] khi không được thỉnh mời. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép đi khi được thỉnh mời với công việc, có thể giải quyết trong bảy ngày của bảy hạng người này, nhưng không [nên đi] khi không được thỉnh mời. Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày.

30. Này các Tỳ-khưu, trường hợp trú xá được cho xây dựng dành cho hội chúng bởi vị nam cư sĩ. Nếu vị ấy phái sứ giả đến gặp các Tỳ-khưu nói rằng: "Xin các ngài Đại đức hãy đi đến. Tôi muốn cúng dường vật thí, muốn nghe

pháp và muốn nhìn thấy các vị Tỳ-khưu." Này các Tỳ-khưu, nên đi đến khi được thỉnh mời với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày, nhưng không [nên đi] khi không được thỉnh mời. Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày.

31. Này các Tỳ-khưu, trường hợp nhà một mái được cho xây... tòa nhà dài được cho xây... khu nhà lớn được cho xây... hang động được cho xây... phòng ở được cho xây... cổng ra vào được cho xây... nhà phục vụ được cho xây... nhà đốt lửa được cho xây... nhà làm thành được phép được cho xây... nhà vệ sinh được cho xây... đường kinh hành được cho xây... gian nhà ở đường kinh hành được cho xây... giếng nước được cho xây... gian nhà ở giếng nước được cho xây... phòng tắm hơi được cho xây... gian nhà ở phòng tắm hơi được cho xây... hồ trữ nước được cho xây... mái che được cho xây... tu viện được cho xây... khuôn viên của tu viện được cho xây dựng dành cho hội chúng bởi vị nam cư sĩ. Nếu vị ấy phái sứ giả đến gặp các Tỳ-khưu nói rằng: "Xin các ngài Đại đức hãy đi đến. Tôi muốn cúng dường vật thí, muốn nghe pháp và muốn nhìn thấy các vị Tỳ-khưu." Này các Tỳ-khưu, nên đi đến khi được thỉnh mời với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày, nhưng không [nên đi] khi không được thỉnh mời. Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày.

32. Này các Tỳ-khưu, trường hợp trú xá được cho xây, nhà một mái được cho xây, tòa nhà dài được cho xây, khu nhà lớn được cho xây, hang động được cho xây, phòng ở được cho xây, cổng ra vào được cho xây, nhà phục vụ được cho xây, nhà đốt lửa được cho xây, nhà làm thành được phép được cho xây, nhà vệ sinh được cho xây, đường kinh hành được cho xây, gian nhà ở đường kinh hành được cho xây, giếng nước được cho xây, gian nhà ở giếng nước được cho xây, phòng tắm hơi được cho xây, gian nhà ở phòng tắm hơi được cho xây, hồ trữ nước được cho xây, mái che được cho xây, tu viện được cho xây, khuôn viên của tu viện được cho xây dựng dành cho nhiều vị Tỳ-khưu ...(nt)... dành cho một vị Tỳ-khưu bởi vị nam cư sĩ. Nếu vị ấy phái sứ giả đến gặp các Tỳ-khưu nói rằng: "Xin các ngài Đại đức hãy đi đến. Tôi muốn cúng dường vật thí, muốn nghe pháp và muốn nhìn thấy các vị Tỳ-khưu." Này các Tỳ-khưu, nên đi đến khi được thỉnh mời với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày, nhưng không [nên đi] khi không được thỉnh mời. Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày.

33. Này các Tỳ-khưu, trường hợp trú xá được cho xây, nhà một mái được cho xây, tòa nhà dài được cho xây, khu nhà lớn được cho xây, hang động được cho xây, phòng ở được cho xây, cổng ra vào được cho xây, nhà phục vụ được cho xây, nhà đốt lửa được cho xây, nhà làm thành được phép được cho xây, đường kinh hành được cho xây, gian nhà ở đường kinh hành được cho xây, giếng nước được cho xây, gian nhà ở giếng nước được cho xây, hồ trữ nước được cho xây, mái che được cho xây, tu viện được cho xây, khuôn viên của tu viện được cho xây dựng dành cho hội chúng Tỳ-khưu-ni... dành cho nhiều vị

Tỳ-khưu-ni... dành cho một vị Tỳ-khưu-ni... dành cho nhiều cô Ni tu tập sự ... dành cho một cô Ni tu tập sự... dành cho nhiều vị Sa-di... dành cho một vị Sa-di... dành cho nhiều vị Sa-di-ni... dành cho một vị Sa-di-ni bởi vị nam cư sĩ. Nếu vị ấy phái sứ giả đến gặp các Tỳ-khưu nói rằng: "Xin các ngài Đại đức hãy đi đến. Tôi muốn cúng dường vật thí, muốn nghe pháp và muốn nhìn thấy các vị Tỳ-khưu." Này các Tỳ-khưu, nên đi đến khi được thỉnh mời với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày, nhưng không [nên đi] khi không được thỉnh mời. Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày.

34. Này các Tỳ-khưu, trường hợp căn nhà được cho xây... phòng ngủ được cho xây... kho chứa đồ được cho xây... tháp ngắm được cho xây... tòa nhà bốn góc được cho xây... cửa hiệu được cho xây... gian hàng được cho xây... tòa nhà dài được cho xây... khu nhà lớn được cho xây... hang động được cho xây... phòng ở được cho xây... cổng ra vào được cho xây... nhà phục vụ được cho xây... nhà đốt lửa được cho xây... nhà bếp được cho xây... nhà vệ sinh được cho xây... đường kinh hành được cho xây... gian nhà ở đường kinh hành được cho xây... giếng nước được cho xây... gian nhà ở giếng nước được cho xây... phòng tắm hơi được cho xây... gian nhà ở phòng tắm hơi được cho xây... hồ trữ nước được cho xây... mái che được cho xây... khu vườn được cho xây... khuôn viên của khu vườn được cho xây dựng vì nhu cầu của bản thân bởi vị nam cư sĩ... hoặc có đám cưới của con trai... hoặc có đám cưới của con gái... hoặc vị ấy bị bệnh... hoặc vị ấy đọc lại bài kinh nổi tiếng. Nếu vị ấy phái sứ giả đến gặp các Tỳ-khưu nói rằng: "Xin các ngài Đại đức hãy đi đến. Các vị sẽ học bài kinh này trước khi bài kinh này bị quên lãng." Hoặc vị ấy có công việc gì khác cần phải làm. Nếu vị ấy phái sứ giả đến gặp các Tỳ-khưu nói rằng: "Xin các ngài Đại đức hãy đi đến. Tôi muốn cúng dường vật thí, muốn nghe pháp và muốn nhìn thấy các vị Tỳ-khưu." Này các Tỳ-khưu, nên đi đến khi được thỉnh mời với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày, nhưng không [nên đi] khi không được thỉnh mời. Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày.

35. Này các Tỳ-khưu, trường hợp trú xá được cho xây dựng dành cho hội chúng bởi vị nữ cư sĩ. Nếu người nữ ấy phái sứ giả đến gặp các Tỳ-khưu nói rằng: "Xin các ngài hãy đi đến. Tôi muốn cúng dường vật thí, muốn nghe pháp và muốn nhìn thấy các vị Tỳ-khưu." Này các Tỳ-khưu, nên đi đến khi được thỉnh mời với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày, nhưng không [nên đi] khi không được thỉnh mời. Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày.

36. Này các Tỳ-khưu, trường hợp nhà một mái được cho xây, tòa nhà dài được cho xây, khu nhà lớn được cho xây, hang động được cho xây, phòng ở được cho xây, cổng ra vào được cho xây, nhà phục vụ được cho xây, nhà đốt lửa được cho xây, nhà làm thành được phép được cho xây, nhà vệ sinh được cho xây, đường kinh hành được cho xây, gian nhà ở đường kinh hành được cho xây, giếng nước được cho xây, gian nhà ở giếng nước được cho xây, phòng tắm hơi

được cho xây, gian nhà ở phòng tắm hơi được cho xây, hồ trữ nước được cho xây, mái che được cho xây, tu viện được cho xây, khuôn viên của tu viện được cho xây dựng dành cho hội chúng bởi vị nữ cư sĩ. Nếu người nữ ấy phái sứ giả đến gặp các Tỳ-khưu nói rằng: "Xin các ngài hãy đi đến. Tôi muốn cúng dường vật thí, muốn nghe pháp và muốn nhìn thấy các vị Tỳ-khưu." Này các Tỳ-khưu, nên đi đến khi được thỉnh mời với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày, nhưng không [nên đi] khi không được thỉnh mời. Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày.

37. Này các Tỳ-khưu, trường hợp căn nhà được cho xây, phòng ngủ được cho xây, kho chứa đồ được cho xây, tháp ngắm được cho xây, tòa nhà bốn góc được cho xây, cửa hiệu được cho xây, gian hàng được cho xây, tòa nhà dài được cho xây, khu nhà lớn được cho xây, hang động được cho xây, phòng ở được cho xây, cổng ra vào được cho xây, nhà phục vụ được cho xây, nhà đốt lửa được cho xây, nhà bếp được cho xây, nhà vệ sinh được cho xây, đường kinh hành được cho xây, gian nhà ở đường kinh hành được cho xây, giếng nước được cho xây, gian nhà ở giếng nước được cho xây, phòng tắm hơi được cho xây, gian nhà ở phòng tắm hơi được cho xây, hồ trữ nước được cho xây, mái che được cho xây, khu vườn được cho xây, khuôn viên của khu vườn được cho xây dựng dành cho nhiều vị Tỳ-khưu... dành cho một vị Tỳ-khưu... dành cho hội chúng Tỳ-khưu-ni... dành cho nhiều vị Tỳ-khưu-ni... dành cho một vị Tỳ-khưu-ni... dành cho nhiều cô Ni tu tập sự... dành cho một cô Ni tu tập sự... dành cho nhiều vị Sa-di... dành cho một vị Sa-di... dành cho nhiều vị Sa-di-ni... dành cho một vị Sa-di-ni... vì nhu cầu của bản thân bởi vị nữ cư sĩ. Hoặc có đám cưới của con trai. Hoặc có đám cưới của con gái. Hoặc vị ấy bị bệnh. Hoặc vị ấy đọc lại bài kinh nổi tiếng. Nếu người nữ ấy phái sứ giả đến gặp các Tỳ-khưu nói rằng: "Xin các ngài hãy đi đến. Các vị sẽ học bài kinh này trước khi bài kinh này bị quên lãng." Hoặc người nữ ấy có công việc gì khác cần phải làm. Nếu người nữ ấy phái sứ giả đến gặp các Tỳ-khưu nói rằng: "Xin các ngài hãy đi đến. Tôi muốn cúng dường vật thí, muốn nghe pháp và muốn nhìn thấy các vị Tỳ-khưu." Này các Tỳ-khưu, nên đi đến khi được thỉnh mời với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày, nhưng không [nên đi] khi không được thỉnh mời. Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày.

38. Này các Tỳ-khưu, trường hợp trú xá được cho xây, nhà một mái được cho xây, tòa nhà dài được cho xây, khu nhà lớn được cho xây, hang động được cho xây, phòng ở được cho xây, cổng ra vào được cho xây, nhà phục vụ được cho xây, nhà đốt lửa được cho xây, nhà làm thành được phép được cho xây, đường kinh hành được cho xây, gian nhà ở đường kinh hành được cho xây, giếng nước được cho xây, gian nhà ở giếng nước được cho xây, hồ trữ nước được cho xây, mái che được cho xây, tu viện được cho xây, khuôn viên của tu viện được cho xây dựng dành cho hội chúng bởi vị Tỳ-khưu... dành cho hội chúng bởi vị Tỳ-khưu-ni... dành cho hội chúng bởi cô Ni tu tập sự... dành cho

hội chúng bởi vị Sa-di... dành cho hội chúng bởi vị Sa-di-ni... dành cho nhiều vị Tỳ-khưu... dành cho một vị Tỳ-khưu... dành cho hội chúng Tỳ-khưu-ni... dành cho nhiều vị Tỳ-khưu-ni... dành cho một vị Tỳ-khưu-ni... dành cho nhiều cô Ni tu tập sự... dành cho một cô Ni tu tập sự... dành cho nhiều vị Sa-di... dành cho một vị Sa-di... dành cho nhiều vị Sa-di-ni... dành cho một vị Sa-di-ni... vì nhu cầu của bản thân bởi vị Sa-di-ni. Nếu cô ấy phái sứ giả đến gặp các Tỳ-khưu nói rằng: "Xin các ngài hãy đi đến. Tôi muốn cúng dường vật thí, muốn nghe pháp và muốn nhìn thấy các vị Tỳ-khưu." Này các Tỳ-khưu, nên đi đến khi được thỉnh mời với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày, nhưng không [nên đi] khi không được thỉnh mời. Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày.

39. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị bệnh. Vị ấy đã phái sứ giả đi đến gặp các Tỳ-khưu [nói rằng]: "Bởi vì tôi bị bệnh. Xin các vị Tỳ-khưu hãy đi đến. Tôi mong muốn sự đi đến của các Tỳ-khưu."

40. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày của năm hạng người là Tỳ-khưu, Tỳ-khưu-ni, cô Ni tu tập sự, Sa-di, Sa-di-ni, Ta cho phép đi dầu không được thỉnh mời, nếu được thỉnh mời thì càng tốt. Này các Tỳ-khưu, với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày của năm hạng người này, Ta cho phép đi dầu không được thỉnh mời, nếu được thỉnh mời thì càng tốt. Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày.

41. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu bị bệnh. Nếu vị ấy phái sứ giả đi đến gặp các Tỳ-khưu [nói rằng]: "Bởi vì tôi bị bệnh. Xin các vị Tỳ-khưu hãy đi đến. Tôi mong muốn sự đi đến của các Tỳ-khưu." Này các Tỳ-khưu, với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày thì nên đi dầu không được thỉnh mời, nếu được thỉnh mời thì càng tốt [nghĩ rằng]: "Ta sẽ tìm kiếm thức ăn cho người bệnh, hoặc ta sẽ tìm kiếm thức ăn cho người nuôi bệnh, hoặc ta sẽ tìm kiếm dược phẩm cho người bệnh, hoặc ta sẽ hỏi han, hoặc ta sẽ phục vụ." Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày.

42. Này các Tỳ-khưu, trường hợp có sự bực bội sanh khởi đến vị Tỳ-khưu. Nếu vị ấy phái sứ giả đi đến gặp các Tỳ-khưu [nói rằng]: "Có sự bực bội đã sanh khởi đến tôi. Xin các vị Tỳ-khưu hãy đi đến. Tôi mong muốn sự đi đến của các Tỳ-khưu." Này các Tỳ-khưu, với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày thì nên đi dầu không được thỉnh mời, nếu được thỉnh mời thì càng tốt [nghĩ rằng]: "Ta sẽ làm dịu đi sự bực bội, hoặc ta sẽ nhờ người làm dịu đi, hoặc ta sẽ tiến hành việc giảng pháp cho vị ấy." Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày.

43. Này các Tỳ-khưu, trường hợp có nỗi nghi hoặc sanh khởi đến vị Tỳ-khưu. Nếu vị ấy phái sứ giả đi đến gặp các Tỳ-khưu [nói rằng]: "Có nỗi nghi hoặc đã sanh khởi đến tôi. Xin các vị Tỳ-khưu hãy đi đến. Tôi mong muốn sự đi đến của các Tỳ-khưu." Này các Tỳ-khưu, với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày thì nên đi dầu không được thỉnh mời, nếu được thỉnh mời thì càng tốt

[nghĩ rằng]: "Ta sẽ làm cho tan biến nỗi nghi hoặc, hoặc ta sẽ nhờ người làm cho tan biến, hoặc ta sẽ tiến hành việc giảng pháp cho vị ấy." Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày.

44. Này các Tỳ-khưu, trường hợp có tà kiến sanh khởi đến vị Tỳ-khưu. Nếu vị ấy phái sứ giả đi đến gặp các Tỳ-khưu [nói rằng]: "Có tà kiến đã sanh khởi đến tôi. Xin các vị Tỳ-khưu hãy đi đến. Tôi mong muốn sự đi đến của các Tỳ-khưu." Này các Tỳ-khưu, với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày thì nên đi dầu không được thỉnh mời, nếu được thỉnh mời thì càng tốt [nghĩ rằng]: "Ta sẽ phân giải tà kiến, hoặc ta sẽ nhờ người phân giải, hoặc ta sẽ tiến hành việc giảng pháp cho vị ấy." Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày.

45. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu phạm tội nặng và là xứng đáng hình phạt *Parivāsa*. Nếu vị ấy phái sứ giả đi đến gặp các Tỳ-khưu [nói rằng]: "Bởi vì tôi đã phạm tội nặng, xứng đáng hình phạt *Parivāsa*. Xin các vị Tỳ-khưu hãy đi đến. Tôi mong muốn sự đi đến của các Tỳ-khưu." Này các Tỳ-khưu, với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày thì nên đi dầu không được thỉnh mời, nếu được thỉnh mời thì càng tốt [nghĩ rằng]: "Ta sẽ nỗ lực về việc ban cho hình phạt *Parivāsa*, hoặc ta sẽ đọc tuyên ngôn, hoặc ta sẽ là người làm cho đủ nhóm." Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày.

46. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu là xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu. Nếu vị ấy phái sứ giả đi đến gặp các Tỳ-khưu [nói rằng]: "Bởi vì tôi xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu. Xin các vị Tỳ-khưu hãy đi đến. Tôi mong muốn sự đi đến của các Tỳ-khưu." Này các Tỳ-khưu, với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày thì nên đi dầu không được thỉnh mời, nếu được thỉnh mời thì càng tốt [nghĩ rằng]: "Ta sẽ nỗ lực cho việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu, hoặc ta sẽ đọc tuyên ngôn, hoặc ta sẽ là người làm cho đủ nhóm." Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày.

47. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu là xứng đáng hình phạt *Mānatta*. Nếu vị ấy phái sứ giả đi đến gặp các Tỳ-khưu [nói rằng]: "Bởi vì tôi xứng đáng hình phạt *Mānatta*. Xin các vị Tỳ-khưu hãy đi đến. Tôi mong muốn sự đi đến của các Tỳ-khưu." Này các Tỳ-khưu, với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày thì nên đi dầu không được thỉnh mời, nếu được thỉnh mời thì càng tốt [nghĩ rằng]: "Ta sẽ nỗ lực về việc ban cho hình phạt *Mānatta*, hoặc ta sẽ đọc tuyên ngôn, hoặc ta sẽ là người làm cho đủ nhóm." Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày.

48. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu là xứng đáng sự giải tội. Nếu vị ấy phái sứ giả đi đến gặp các Tỳ-khưu [nói rằng]: "Bởi vì tôi xứng đáng sự giải tội. Xin các vị Tỳ-khưu hãy đi đến. Tôi mong muốn sự đi đến của các Tỳ-khưu." Này các Tỳ-khưu, với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày thì nên đi dầu không được thỉnh mời, nếu được thỉnh mời thì càng tốt [nghĩ rằng]: "Ta sẽ nỗ lực về việc giải tội, hoặc ta sẽ đọc tuyên ngôn, hoặc ta sẽ là người làm cho đủ nhóm." Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày.

49. Này các Tỳ-khưu, trường hợp hội chúng có ý định thực hiện hành sự khiển trách, hoặc chỉ dạy, hoặc xua đuổi, hoặc hòa giải, hoặc án treo đến vị Tỳ-khưu. Nếu vị ấy phái sứ giả đi đến gặp các Tỳ-khưu [nói rằng]: "Hội chúng có ý định thực hiện hành sự đến tôi. Xin các vị Tỳ-khưu hãy đi đến. Tôi mong muốn sự đi đến của các Tỳ-khưu." Này các Tỳ-khưu, với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày thì nên đi dầu không được thỉnh mời, nếu được thỉnh mời thì càng tốt [nghĩ rằng]: "Làm thế nào để hội chúng có thể khỏi thực hiện hành sự hoặc đổi sang [hình phạt] nhẹ hơn?" Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày.

50. Hoặc là khi hành sự khiển trách, hoặc chỉ dạy, hoặc xua đuổi, hoặc hòa giải, hoặc án treo đã được tiến hành đến vị ấy. Nếu vị ấy phái sứ giả đi đến gặp các Tỳ-khưu [nói rằng]: "Hội chúng đã thực hiện hành sự đến tôi. Xin các vị Tỳ-khưu hãy đi đến. Tôi mong muốn sự đi đến của các Tỳ-khưu." Này các Tỳ-khưu, với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày thì nên đi dầu không được thỉnh mời, nếu được thỉnh mời thì càng tốt [nghĩ rằng]: "Làm thế nào để vị ấy có thể làm bổn phận một cách nghiêm chỉnh, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi và hội chúng có thể thu hồi hành sự ấy?" Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày.

51. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu-ni bị bệnh. Nếu vị Ni ấy phái sứ giả đi đến gặp các Tỳ-khưu [nói rằng]: "Bởi vì tôi bị bệnh. Xin các ngài hãy đi đến. Tôi mong muốn sự đi đến của các ngài." Này các Tỳ-khưu, với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày thì nên đi dầu không được thỉnh mời, nếu được thỉnh mời thì càng tốt [nghĩ rằng]: "Ta sẽ tìm kiếm thức ăn cho người bệnh, hoặc ta sẽ tìm kiếm thức ăn cho người nuôi bệnh, hoặc ta sẽ tìm kiếm dược phẩm cho người bệnh, hoặc ta sẽ hỏi han, hoặc ta sẽ phục vụ." Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày.

52. Này các Tỳ-khưu, trường hợp có sự bực bội sanh khởi đến vị Tỳ-khưu-ni. Nếu vị Ni ấy phái sứ giả đi đến gặp các Tỳ-khưu [nói rằng]: "Có sự bực bội đã sanh khởi đến tôi. Xin các ngài hãy đi đến. Tôi mong muốn sự đi đến của các ngài." Này các Tỳ-khưu, với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày thì nên đi dầu không được thỉnh mời, nếu được thỉnh mời thì càng tốt [nghĩ rằng]: "Ta sẽ làm dịu đi sự bực bội, hoặc ta sẽ nhờ người làm dịu đi, hoặc ta sẽ tiến hành việc giảng pháp cho vị Ni ấy." Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày.

53. Này các Tỳ-khưu, trường hợp có nỗi nghi hoặc sanh khởi đến vị Tỳ-khưu-ni. Nếu vị Ni ấy phái sứ giả đi đến gặp các Tỳ-khưu [nói rằng]: "Có nỗi nghi hoặc đã sanh khởi đến tôi. Xin các ngài hãy đi đến. Tôi mong muốn sự đi đến của các ngài." Này các Tỳ-khưu, với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày thì nên đi dầu không được thỉnh mời, nếu được thỉnh mời thì càng tốt [nghĩ rằng]: "Ta sẽ làm cho tan biến nỗi nghi hoặc, hoặc ta sẽ nhờ người làm cho tan biến, hoặc ta sẽ tiến hành việc giảng pháp cho vị Ni ấy." Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày.

54. Này các Tỳ-khưu, trường hợp có tà kiến sanh khởi đến vị Tỳ-khưu-ni. Nếu vị Ni ấy phái sứ giả đi đến gặp các Tỳ-khưu [nói rằng]: "Có tà kiến đã sanh khởi đến tôi. Xin các ngài hãy đi đến. Tôi mong muốn sự đi đến của các ngài." Này các Tỳ-khưu, với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày thì nên đi dầu không được thỉnh mời, nếu được thỉnh mời thì càng tốt [nghĩ rằng]: "Ta sẽ phân giải tà kiến, hoặc ta sẽ nhờ người phân giải, hoặc ta sẽ tiến hành việc giảng pháp cho vị Ni ấy." Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày.

55. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu-ni phạm tội nặng, xứng đáng hình phạt *Mānatta*. Nếu vị Ni ấy phái sứ giả đi đến gặp các Tỳ-khưu [nói rằng]: "Bởi vì tôi đã phạm tội nặng, xứng đáng hình phạt *Mānatta*. Xin các ngài hãy đi đến. Tôi mong muốn sự đi đến của các ngài." Này các Tỳ-khưu, với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày thì nên đi dầu không được thỉnh mời, nếu được thỉnh mời thì càng tốt [nghĩ rằng]: "Ta sẽ nỗ lực về việc ban cho hình phạt *Mānatta*." Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày.

56. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu-ni là xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu. Nếu vị Ni ấy phái sứ giả đi đến gặp các Tỳ-khưu [nói rằng]: "Bởi vì tôi xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu. Xin các ngài hãy đi đến. Tôi mong muốn sự đi đến của các ngài." Này các Tỳ-khưu, với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày thì nên đi dầu không được thỉnh mời, nếu được thỉnh mời thì càng tốt [nghĩ rằng]: "Ta sẽ nỗ lực cho việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu." Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày.

57. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu-ni là xứng đáng sự giải tội. Nếu vị Ni ấy phái sứ giả đi đến gặp các Tỳ-khưu [nói rằng]: "Bởi vì tôi xứng đáng sự giải tội. Xin các ngài hãy đi đến. Tôi mong muốn sự đi đến của các ngài." Này các Tỳ-khưu, với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày thì nên đi dầu không được thỉnh mời, nếu được thỉnh mời thì càng tốt [nghĩ rằng]: "Ta sẽ nỗ lực về việc giải tội." Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày.

58. Này các Tỳ-khưu, trường hợp hội chúng có ý định thực hiện hành sự khiển trách, hoặc chỉ dạy, hoặc xua đuổi, hoặc hòa giải, hoặc án treo đến vị Tỳ-khưu-ni. Nếu vị Ni ấy phái sứ giả đi đến gặp các Tỳ-khưu [nói rằng]: "Hội chúng có ý định thực hiện hành sự đến tôi. Xin các ngài hãy đi đến. Tôi mong muốn sự đi đến của các ngài." Này các Tỳ-khưu, với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày thì nên đi dầu không được thỉnh mời, nếu được thỉnh mời thì càng tốt [nghĩ rằng]: "Làm thế nào để hội chúng có thể khỏi thực hiện hành sự hoặc đổi sang [hình phạt] nhẹ hơn?" Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày.

59. Hoặc là khi hành sự khiển trách, hoặc chỉ dạy, hoặc xua đuổi, hoặc hòa giải, hoặc án treo đã được tiến hành đến vị Ni ấy. Nếu vị Ni ấy phái sứ giả đi đến gặp các Tỳ-khưu [nói rằng]: "Hội chúng đã thực hiện hành sự đến tôi. Xin các ngài hãy đi đến. Tôi mong muốn sự đi đến của các ngài." Này các Tỳ-khưu,

với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày thì nên đi dầu không được thỉnh mời, nếu được thỉnh mời thì càng tốt [nghĩ rằng]: "Làm thế nào để vị ấy có thể làm bổn phận một cách nghiêm chỉnh, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi và hội chúng có thể thu hồi hành sự ấy?" Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày.

60. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Ni tu tập sự bị bệnh. Nếu vị Ni ấy phái sứ giả đi đến gặp các Tỳ-khưu [nói rằng]: "Bởi vì tôi bị bệnh. Xin các ngài hãy đi đến. Tôi mong muốn sự đi đến của các ngài." Này các Tỳ-khưu, với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày thì nên đi dầu không được thỉnh mời, nếu được thỉnh mời thì càng tốt [nghĩ rằng]: "Ta sẽ tìm kiếm thức ăn cho người bệnh, hoặc ta sẽ tìm kiếm thức ăn cho người nuôi bệnh, hoặc ta sẽ tìm kiếm dược phẩm cho người bệnh, hoặc ta sẽ hỏi han, hoặc ta sẽ phục vụ." Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày.

61. Này các Tỳ-khưu, trường hợp có sự bực bội sanh khởi đến vị Ni tu tập sự. ...(nt)... có nỗi nghi hoặc sanh khởi đến vị Ni tu tập sự. ...(nt)... có tà kiến sanh khởi đến vị Ni tu tập sự. ...(nt)... các điều học của vị Ni tu tập sự bị gián đoạn. Nếu vị Ni ấy phái sứ giả đi đến gặp các Tỳ-khưu [nói rằng]: "Các điều học của tôi bị gián đoạn. Xin các ngài hãy đi đến. Tôi mong muốn sự đi đến của các ngài." Này các Tỳ-khưu, với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày thì nên đi dầu không được thỉnh mời, nếu được thỉnh mời thì càng tốt [nghĩ rằng]: "Ta sẽ nỗ lực về việc thọ trì các điều học." Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày.

62. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Ni tu tập sự có ý muốn được tu lên bậc trên. Nếu vị Ni ấy phái sứ giả đi đến gặp các Tỳ-khưu [nói rằng]: "Bởi vì tôi có ý muốn được tu lên bậc trên. Xin các ngài hãy đi đến. Tôi mong muốn sự đi đến của các ngài." Này các Tỳ-khưu, với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày thì nên đi dầu không được thỉnh mời, nếu được thỉnh mời thì càng tốt [nghĩ rằng]: "Ta sẽ nỗ lực về việc tu lên bậc trên, hoặc ta sẽ đọc tuyên ngôn, hoặc ta sẽ là người làm cho đủ nhóm." Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày.

63. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Sa-di bị bệnh. Nếu vị ấy phái sứ giả đi đến gặp các Tỳ-khưu [nói rằng]: "Bởi vì tôi bị bệnh. Xin các vị Tỳ-khưu hãy đi đến. Tôi mong muốn sự đi đến của các Tỳ-khưu." Này các Tỳ-khưu, với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày thì nên đi dầu không được thỉnh mời, nếu được thỉnh mời thì càng tốt [nghĩ rằng]: "Ta sẽ tìm kiếm thức ăn cho người bệnh, hoặc ta sẽ tìm kiếm thức ăn cho người nuôi bệnh, hoặc ta sẽ tìm kiếm dược phẩm cho người bệnh, hoặc ta sẽ hỏi han, hoặc ta sẽ phục vụ." Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày.

64. Này các Tỳ-khưu, trường hợp có sự bực bội sanh khởi đến vị Sa-di. ... có nỗi nghi hoặc sanh khởi đến vị Sa-di. ... có tà kiến sanh khởi đến vị Sa-di. ... vị Sa-di có ý muốn hỏi về mùa [an cư] mưa. Nếu vị ấy phái sứ giả đi đến gặp

các Tỳ-khưu [nói rằng]: "Bởi vì tôi có ý muốn hỏi về mùa [an cư] mưa. Xin các vị Tỳ-khưu hãy đi đến. Tôi mong muốn sự đi đến của các Tỳ-khưu." Này các Tỳ-khưu, với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày thì nên đi dầu không được thỉnh mời, nếu được thỉnh mời thì càng tốt [nghĩ rằng]: "Ta sẽ hỏi hoặc ta sẽ chỉ dạy." Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày.

65. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Sa-di có ý muốn được tu lên bậc trên. Nếu vị ấy phái sứ giả đi đến gặp các Tỳ-khưu [nói rằng]: "Bởi vì tôi có ý muốn được tu lên bậc trên. Xin các vị Tỳ-khưu hãy đi đến. Tôi mong muốn sự đi đến của các Tỳ-khưu." Này các Tỳ-khưu, với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày thì nên đi dầu không được thỉnh mời, nếu được thỉnh mời thì càng tốt [nghĩ rằng]: "Ta sẽ nỗ lực về việc tu lên bậc trên, hoặc ta sẽ đọc tuyên ngôn, hoặc ta sẽ là người làm cho đủ nhóm." Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày.

66. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Sa-di-ni bị bệnh. Nếu vị Ni ấy phái sứ giả đi đến gặp các Tỳ-khưu [nói rằng]: "Bởi vì tôi bị bệnh. Xin các ngài hãy đi đến. Tôi mong muốn sự đi đến của các ngài." Này các Tỳ-khưu, với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày thì nên đi dầu không được thỉnh mời, nếu được thỉnh mời thì càng tốt [nghĩ rằng]: "Ta sẽ tìm kiếm thức ăn cho người bệnh, hoặc ta sẽ tìm kiếm thức ăn cho người nuôi bệnh, hoặc ta sẽ tìm kiếm dược phẩm cho người bệnh, hoặc ta sẽ hỏi han, hoặc ta sẽ phục vụ." Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày.

67. Này các Tỳ-khưu, trường hợp có sự bực bội sanh khởi đến vị Sa-di-ni. ...(nt)... có nỗi nghi hoặc sanh khởi đến vị Sa-di-ni. ...(nt)... có tà kiến sanh khởi đến vị Sa-di-ni. ...(nt)... vị Sa-di-ni có ý muốn hỏi về mùa [an cư] mưa. Nếu vị Ni ấy phái sứ giả đi đến gặp các Tỳ-khưu [nói rằng]: "Bởi vì tôi có ý muốn hỏi về mùa [an cư] mưa. Xin các ngài hãy đi đến. Tôi mong muốn sự đi đến của các ngài." Này các Tỳ-khưu, với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày thì nên đi dầu không được thỉnh mời, nếu được thỉnh mời thì càng tốt [nghĩ rằng]: "Ta sẽ hỏi hoặc ta sẽ chỉ dạy." Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày.

68. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Sa-di-ni có ý muốn thọ trì điều học. Nếu vị Ni ấy phái sứ giả đi đến gặp các Tỳ-khưu [nói rằng]: "Bởi vì tôi có ý muốn thọ trì điều học. Xin các ngài hãy đi đến. Tôi mong muốn sự đi đến của các ngài." Này các Tỳ-khưu, với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày thì nên đi dầu không được thỉnh mời, nếu được thỉnh mời thì càng tốt [nghĩ rằng]: "Ta sẽ nỗ lực về việc thọ trì các điều học." Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày.

69. Vào lúc bấy giờ, người mẹ của vị Tỳ-khưu nọ bị bệnh. Bà ấy đã nhờ sứ giả đi đến gặp người con trai [nói rằng]: "Bởi vì tôi bị bệnh. Con trai của tôi hãy đi đến. Tôi mong muốn sự đi đến của người con trai."

70. Khi ấy, vị Tỳ-khưu ấy đã khởi ý điều này: "Đức Thế Tôn đã quy định với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày của bảy hạng người thì nên đi

khi được thỉnh mời, nhưng không [nên đi] khi không được thỉnh mời. Với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày của năm hạng người thì nên đi dầu không được thỉnh mời, nếu được thỉnh mời thì càng tốt. Và đây là mẹ của ta, lại bị bệnh. Và bà không phải là nữ cư sĩ. Vậy ta nên thực hành như thế nào?"

71. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày của bảy hạng người là Tỳ-khưu, Tỳ-khưu-ni, cô Ni tu tập sự, Sa-di, Sa-di-ni, mẹ và cha thì được đi dầu không được thỉnh mời, nếu được thỉnh mời thì càng tốt. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày của bảy hạng người này thì được đi dầu không được thỉnh mời, nếu được thỉnh mời thì càng tốt. Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày.

72. Này các Tỳ-khưu, trường hợp người mẹ của vị Tỳ-khưu bị bệnh. Nếu bà ấy nhờ sứ giả đi đến gặp người con trai [nói rằng]: "Bởi vì tôi bị bệnh. Con trai của tôi hãy đi đến. Tôi mong muốn sự đi đến của người con trai." Này các Tỳ-khưu, với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày thì nên đi dầu không được thỉnh mời, nếu được thỉnh mời thì càng tốt [nghĩ rằng]: "Ta sẽ tìm kiếm thức ăn cho người bệnh, hoặc ta sẽ tìm kiếm thức ăn cho người nuôi bệnh, hoặc ta sẽ tìm kiếm dược phẩm cho người bệnh, hoặc ta sẽ hỏi han, hoặc ta sẽ phục vụ." Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày.

73. Này các Tỳ-khưu, trường hợp người cha của vị Tỳ-khưu bị bệnh. Nếu ông ấy nhờ sứ giả đi đến gặp người con trai [nói rằng]: "Bởi vì tôi bị bệnh. Con trai của tôi hãy đi đến. Tôi mong muốn sự đi đến của đứa con trai." Này các Tỳ-khưu, với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày thì nên đi dầu không được thỉnh mời, nếu được thỉnh mời thì càng tốt [nghĩ rằng]: "Ta sẽ tìm kiếm thức ăn cho người bệnh, hoặc ta sẽ tìm kiếm thức ăn cho người nuôi bệnh, hoặc ta sẽ tìm kiếm dược phẩm cho người bệnh, hoặc ta sẽ hỏi han, hoặc ta sẽ phục vụ." Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày.

74. Này các Tỳ-khưu, trường hợp người anh [em] trai của vị Tỳ-khưu bị bệnh. Nếu người ấy nhờ sứ giả đi đến gặp người anh [em] trai [nói rằng]: "Bởi vì tôi bị bệnh. Anh [em] trai của tôi hãy đi đến. Tôi mong muốn sự đi đến của người anh [em] trai." Này các Tỳ-khưu, với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày thì nên đi nếu được thỉnh mời, không [nên đi] khi không được thỉnh mời. Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày.

75. Này các Tỳ-khưu, trường hợp người chị [em] gái của vị Tỳ-khưu bị bệnh. Nếu cô ấy nhờ sứ giả đi đến gặp vị Tỳ-khưu [nói rằng]: "Bởi vì tôi bị bệnh. Anh [em] trai của tôi hãy đi đến. Tôi mong muốn sự đi đến của người anh [em] trai." Này các Tỳ-khưu, với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày thì nên đi nếu được thỉnh mời, không [nên đi] khi không được thỉnh mời. Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày.

76. Này các Tỳ-khưu, trường hợp thân quyến của vị Tỳ-khưu bị bệnh. Nếu người ấy nhờ sứ giả đi đến gặp vị Tỳ-khưu [nói rằng]: "Bởi vì tôi bị bệnh. Đại đức hãy đi đến. Tôi mong muốn sự đi đến của Đại đức." Này các Tỳ-khưu, với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày thì nên đi nếu được thỉnh mời, không [nên đi] khi không được thỉnh mời. Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày.

77. Này các Tỳ-khưu, trường hợp người phụ giúp công việc cho vị Tỳ-khưu bị bệnh. Nếu người ấy nhờ sứ giả đi đến gặp vị Tỳ-khưu [nói rằng]: "Bởi vì tôi bị bệnh. Các vị Tỳ-khưu hãy đi đến. Tôi mong muốn sự đi đến của các vị Tỳ-khưu." Này các Tỳ-khưu, với công việc có thể giải quyết trong bảy ngày thì nên đi nếu được thỉnh mời, không [nên đi] khi không được thỉnh mời. Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày.

78. Vào lúc bấy giờ, trú xá lớn của hội chúng bị sụp đổ. Có nam cư sĩ nọ đã cho xẻ một số gỗ ở trong rừng. Người ấy đã phái sứ giả đi đến gặp các Tỳ-khưu [nói rằng]: "Nếu các Đại đức có thể cho chuyển đi số gỗ ấy thì tôi sẽ dâng số gỗ ấy đến các Đại đức." Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép đi với công việc cần phải làm của hội chúng. Việc trở về nên được thực hiện trong bảy ngày.

Dứt tụng phẩm về việc cư trú mùa mưa.

*****

1. Vào lúc bấy giờ, tại trú xứ nọ ở trong xứ Kosala, các vị Tỳ-khưu đã vào mùa [an cư] mưa bị khuấy nhiễu bởi các thú dữ. Chúng đã vồ lấy, chúng đã giết hại. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, trường hợp các vị Tỳ-khưu đã vào mùa [an cư] mưa bị khuấy nhiễu bởi các thú dữ. Chúng vồ lấy, chúng giết hại. [Nghĩ rằng]: "Chính điều này là sự chướng ngại!" rồi nên ra đi. Vô tội cho việc cắt đứt mùa [an cư] mưa.

2. Này các Tỳ-khưu, trường hợp các vị Tỳ-khưu đã vào mùa [an cư] mưa bị khuấy nhiễu bởi các loài rắn. Chúng cắn, chúng giết hại. [Nghĩ rằng]: "Chính điều này là sự chướng ngại!" rồi nên ra đi. Vô tội cho việc cắt đứt mùa [an cư] mưa.

3. Này các Tỳ-khưu, trường hợp các vị Tỳ-khưu đã vào mùa [an cư] mưa bị khuấy nhiễu bởi những kẻ trộm cướp. Chúng cướp đoạt, chúng đánh đập. [Nghĩ rằng]: "Chính điều này là sự chướng ngại!" rồi nên ra đi. Vô tội cho việc cắt đứt mùa [an cư] mưa.

4. Này các Tỳ-khưu, trường hợp các vị Tỳ-khưu đã vào mùa [an cư] mưa bị khuấy nhiễu bởi các yêu tinh. Chúng nhập vào [thân], đoạt lấy thần trí. [Nghĩ rằng]: "Chính điều này là sự chướng ngại!" rồi nên ra đi. Vô tội cho việc cắt đứt mùa [an cư] mưa.

5. Này các Tỳ-khưu, trường hợp ngôi làng mà các vị Tỳ-khưu đã vào mùa [an cư] mưa bị lửa đốt cháy. Các vị Tỳ-khưu bị khó nhọc bởi đồ ăn khất thực. [Nghĩ rằng]: "Chính điều này là sự chướng ngại!" rồi nên ra đi. Vô tội cho việc cắt đứt mùa [an cư] mưa.

6. Này các Tỳ-khưu, trường hợp chỗ trú ngụ mà các vị Tỳ-khưu đã vào mùa [an cư] mưa bị lửa đốt cháy. Các vị Tỳ-khưu bị khó nhọc về chỗ trú ngụ. [Nghĩ rằng]: "Chính điều này là sự chướng ngại!" rồi nên ra đi. Vô tội cho việc cắt đứt mùa [an cư] mưa.

7. Này các Tỳ-khưu, trường hợp ngôi làng mà các vị Tỳ-khưu đã vào mùa [an cư] mưa bị nước ngập. Các vị Tỳ-khưu bị khó nhọc bởi đồ ăn khất thực. [Nghĩ rằng]: "Chính điều này là sự chướng ngại!" rồi nên ra đi. Vô tội cho việc cắt đứt mùa [an cư] mưa.

8. Này các Tỳ-khưu, trường hợp chỗ trú ngụ mà các vị Tỳ-khưu đã vào mùa [an cư] mưa bị nước ngập. Các vị Tỳ-khưu bị khó nhọc về chỗ trú ngụ. [Nghĩ rằng]: "Chính điều này là sự chướng ngại!" rồi nên ra đi. Vô tội cho việc cắt đứt mùa [an cư] mưa.

9. Vào lúc bấy giờ, ngôi làng mà các vị Tỳ-khưu đã vào mùa [an cư] mưa ở tại trú xứ nọ đã di chuyển vì bọn trộm cướp. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép đi đến ngôi làng.[2]

Ngôi làng đã bị tách ra làm hai. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép đi đến nhóm đông hơn.

Nhóm đông hơn không có đức tin, không lòng mộ đạo. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép đi đến nhóm có đức tin, có lòng mộ đạo.

10. Vào lúc bấy giờ, tại trú xứ nọ trong xứ Kosala, các vị Tỳ-khưu vào mùa [an cư] mưa đã không nhận được sự đầy đủ theo nhu cầu về thức ăn thô thiển hoặc hảo hạng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, trường hợp các vị Tỳ-khưu đã vào mùa [an cư] mưa, không nhận được sự đầy đủ theo nhu cầu về thức ăn thô thiển hoặc hảo hạng. [Nghĩ rằng]: "Chính điều này là sự chướng ngại!" rồi nên ra đi. Vô tội cho việc cắt đứt mùa [an cư] mưa.

11. Này các Tỳ-khưu, trường hợp các vị Tỳ-khưu đã vào mùa [an cư] mưa nhận được sự đầy đủ theo nhu cầu về thức ăn thô thiển hoặc hảo hạng, [nhưng] không nhận được các thức ăn thích hợp. [Nghĩ rằng]: "Chính điều này là sự chướng ngại!" rồi nên ra đi. Vô tội cho việc cắt đứt mùa [an cư] mưa.

---

[2] Nếu ngôi làng di chuyển không xa thì vẫn nên cư trú tại chính trú xá ấy và đi đến chỗ ở mới của ngôi làng để khất thực, nếu xa thì có thể đi theo trường hợp bảy ngày, nếu không thể làm vậy thì có thể trú ngụ cùng dân làng tại chỗ ở mới (*VinA*. V. 1070).

12. Này các Tỳ-khưu, trường hợp các vị Tỳ-khưu đã vào mùa [an cư] mưa nhận được sự đầy đủ theo nhu cầu về thức ăn thô thiển hoặc hảo hạng, nhận được các thức ăn thích hợp, [nhưng] không nhận được các dược phẩm thích hợp. [Nghĩ rằng]: "Chính điều này là sự chướng ngại!" rồi nên ra đi. Vô tội cho việc cắt đứt mùa [an cư] mưa.

13. Này các Tỳ-khưu, trường hợp các vị Tỳ-khưu đã vào mùa [an cư] mưa nhận được sự đầy đủ theo nhu cầu về thức ăn thô thiển hoặc hảo hạng, nhận được các thức ăn thích hợp, nhận được các dược phẩm thích hợp, [nhưng] không nhận được người phục vụ phù hợp. [Nghĩ rằng]: "Chính điều này là sự chướng ngại!" rồi nên ra đi. Vô tội cho việc cắt đứt mùa [an cư] mưa.

14. Này các Tỳ-khưu, trường hợp người phụ nữ thỉnh mời vị Tỳ-khưu đã vào mùa [an cư] mưa [nói rằng]: "Thưa ngài, hãy đến, tôi cho ngài vàng khối, hoặc tôi cho ngài vàng ròng, hoặc tôi cho ngài ruộng, hoặc tôi cho ngài vườn, hoặc tôi cho ngài bò đực, hoặc tôi cho ngài bò cái, hoặc tôi cho ngài tôi trai, hoặc tôi cho ngài tớ gái, hoặc tôi cho ngài con gái ruột để làm vợ, hoặc tôi trở thành vợ của ngài, hoặc tôi đưa đến cho ngài người vợ khác." Trường hợp ấy, nếu vị Tỳ-khưu khởi ý như vầy: "Đức Thế Tôn đã nói là tâm thay đổi nhanh chóng. [Việc này] cũng có thể là nguy hiểm cho Phạm hạnh của ta" rồi nên ra đi. Vô tội cho việc cắt đứt mùa [an cư] mưa.

15. Này các Tỳ-khưu, trường hợp cô gái điếm thỉnh mời ...(nt)... cô gái lỡ thời thỉnh mời ...(nt)... kẻ vô căn thỉnh mời ...(nt)... các thân quyến thỉnh mời ...(nt)... các vị vua thỉnh mời ...(nt)... những kẻ trộm cướp thỉnh mời ...(nt)... những kẻ vô lại thỉnh mời vị Tỳ-khưu đã vào mùa [an cư] mưa rằng: "Thưa ngài, hãy đến, chúng tôi cho ngài vàng khối, hoặc chúng tôi cho ngài vàng ròng, hoặc chúng tôi cho ngài ruộng, hoặc chúng tôi cho ngài vườn, hoặc chúng tôi cho ngài bò đực, hoặc chúng tôi cho ngài bò cái, hoặc chúng tôi cho ngài tôi trai, hoặc chúng tôi cho ngài tớ gái, hoặc chúng tôi cho ngài con gái ruột để làm vợ, hoặc chúng tôi đưa đến cho ngài người vợ khác." Trường hợp ấy, nếu vị Tỳ-khưu khởi ý như vầy: "Đức Thế Tôn đã nói là tâm thay đổi nhanh chóng. [Việc này] cũng có thể là nguy hiểm cho Phạm hạnh của ta" rồi nên ra đi. Vô tội cho việc cắt đứt mùa [an cư] mưa.

16. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu đã vào mùa [an cư] mưa nhìn thấy của cải chôn giấu không có chủ. Trường hợp ấy, nếu vị Tỳ-khưu khởi ý như vầy: "Đức Thế Tôn đã nói là tâm thay đổi nhanh chóng. [Việc này] cũng có thể là nguy hiểm cho Phạm hạnh của ta" rồi nên ra đi. Vô tội cho việc cắt đứt mùa [an cư] mưa.

17. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu đã vào mùa [an cư] mưa nhìn thấy nhiều vị Tỳ-khưu đang ra sức chia rẽ hội chúng. Trường hợp ấy, nếu vị Tỳ-khưu khởi ý như vầy: "Đức Thế Tôn đã nói việc chia rẽ hội chúng là nghiêm trọng. Hội chúng chớ có bị chia rẽ trong khi ta còn hiện diện" rồi nên ra đi. Vô tội cho việc cắt đứt mùa [an cư] mưa.

18. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu đã vào mùa [an cư] mưa nghe được rằng: "Nghe nói ở trú xứ kia, nhiều vị Tỳ-khưu ra sức chia rẽ hội chúng." Trường hợp ấy, nếu vị Tỳ-khưu khởi ý như vầy: "Đức Thế Tôn đã nói việc chia rẽ hội chúng là nghiêm trọng. Hội chúng chớ có bị chia rẽ trong khi ta còn hiện diện" rồi nên ra đi. Vô tội cho việc cắt đứt mùa [an cư] mưa.

19. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu đã vào mùa [an cư] mưa nghe được rằng: "Nghe nói ở trú xứ kia, nhiều vị Tỳ-khưu ra sức chia rẽ hội chúng." Trường hợp ấy, nếu vị Tỳ-khưu khởi ý như vầy: "Các vị Tỳ-khưu ấy là những người bạn của ta. Ta sẽ nói với họ rằng: 'Này các Đại đức, đức Thế Tôn đã nói việc chia rẽ hội chúng là nghiêm trọng, các Đại đức chớ có thích thú với việc chia rẽ hội chúng.' Họ sẽ làm theo lời nói của ta, họ sẽ lắng nghe, họ sẽ để vào tai" rồi nên ra đi. Vô tội cho việc cắt đứt mùa [an cư] mưa.

20. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu đã vào mùa [an cư] mưa nghe được rằng: "Nghe nói ở trú xứ kia, nhiều vị Tỳ-khưu ra sức chia rẽ hội chúng." Trường hợp ấy, nếu vị Tỳ-khưu khởi ý như vầy: "Các vị Tỳ-khưu ấy không phải là những người bạn của ta. Tuy nhiên, những người bạn của những người ấy là những người bạn của ta. Vậy ta sẽ nói với những người bạn của ta. Khi họ đã được nói, họ sẽ nói với những người ấy rằng: 'Này các Đại đức, đức Thế Tôn đã nói việc chia rẽ hội chúng là nghiêm trọng, các Đại đức chớ có thích thú với việc chia rẽ hội chúng.' Họ sẽ làm theo lời nói của ta, họ sẽ lắng nghe, họ sẽ để vào tai" rồi nên ra đi. Vô tội cho việc cắt đứt mùa [an cư] mưa.

21. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu đã vào mùa [an cư] mưa nghe được rằng: "Nghe nói ở trú xứ kia, nhiều vị Tỳ-khưu đã chia rẽ hội chúng." Trường hợp ấy, nếu vị Tỳ-khưu khởi ý như vầy: "Các vị Tỳ-khưu ấy là những người bạn của ta. Ta sẽ nói với họ rằng: 'Này các Đại đức, đức Thế Tôn đã nói việc chia rẽ hội chúng là nghiêm trọng, các Đại đức chớ có thích thú với việc chia rẽ hội chúng.' Họ sẽ làm theo lời nói của ta, họ sẽ lắng nghe, họ sẽ để vào tai" rồi nên ra đi. Vô tội cho việc cắt đứt mùa [an cư] mưa.

22. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu đã vào mùa [an cư] mưa nghe được rằng: "Nghe nói ở trú xứ kia, nhiều vị Tỳ-khưu đã chia rẽ hội chúng." Trường hợp ấy, nếu vị Tỳ-khưu khởi ý như vầy: "Các vị Tỳ-khưu ấy không phải là những người bạn của ta, tuy nhiên, những người bạn của những người ấy là những người bạn của ta. Vậy ta sẽ nói với những người bạn của ta. Khi họ đã được nói, họ sẽ nói với những người ấy rằng: 'Này các Đại đức, đức Thế Tôn đã nói việc chia rẽ hội chúng là nghiêm trọng, các Đại đức chớ có thích thú với việc chia rẽ hội chúng.' Họ sẽ làm theo lời nói của ta, họ sẽ lắng nghe, họ sẽ để vào tai" rồi nên ra đi. Vô tội cho việc cắt đứt mùa [an cư] mưa.

23. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu đã vào mùa [an cư] mưa nghe được rằng: "Nghe nói ở trú xứ kia, nhiều vị Tỳ-khưu-ni ra sức chia rẽ hội

chúng." Trường hợp ấy, nếu vị Tỳ-khưu khởi ý như vầy: "Các vị Tỳ-khưu-ni ấy là những người bạn của ta, ta sẽ nói với các cô ấy rằng: 'Này các chị gái, đức Thế Tôn đã nói việc chia rẽ hội chúng là nghiêm trọng, các chị gái chớ có thích thú với việc chia rẽ hội chúng.' Họ sẽ làm theo lời nói của ta, họ sẽ lắng nghe, họ sẽ để vào tai" rồi nên ra đi. Vô tội cho việc cắt đứt mùa [an cư] mưa.

24. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu đã vào mùa [an cư] mưa nghe được rằng: "Nghe nói ở trú xứ kia, nhiều vị Tỳ-khưu-ni ra sức chia rẽ hội chúng." Trường hợp ấy, nếu vị Tỳ-khưu khởi ý như vầy: "Các vị Tỳ-khưu-ni ấy không phải là những người bạn của ta, tuy nhiên các cô bạn của những cô ấy là những người bạn của ta. Vậy ta sẽ nói với các cô bạn của ta. Khi họ đã được nói, họ sẽ nói với những cô ấy rằng: 'Này các chị gái, đức Thế Tôn đã nói việc chia rẽ hội chúng là nghiêm trọng, các chị gái chớ có thích thú với việc chia rẽ hội chúng.' Họ sẽ làm theo lời nói của ta, họ sẽ lắng nghe, họ sẽ để vào tai" rồi nên ra đi. Vô tội cho việc cắt đứt mùa [an cư] mưa.

25. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu đã vào mùa [an cư] mưa nghe được rằng: "Nghe nói ở trú xứ kia, nhiều vị Tỳ-khưu-ni đã chia rẽ hội chúng." Trường hợp ấy, nếu vị Tỳ-khưu khởi ý như vầy: "Các vị Tỳ-khưu-ni ấy là những người bạn của ta, ta sẽ nói với các cô ấy rằng: 'Này các chị gái, đức Thế Tôn đã nói việc chia rẽ hội chúng là nghiêm trọng, các chị gái chớ có thích thú với việc chia rẽ hội chúng.' Họ sẽ làm theo lời nói của ta, họ sẽ lắng nghe, họ sẽ để vào tai" rồi nên ra đi. Vô tội cho việc cắt đứt mùa [an cư] mưa.

26. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu đã vào mùa [an cư] mưa nghe được rằng: "Nghe nói ở trú xứ kia, nhiều vị Tỳ-khưu-ni đã chia rẽ hội chúng." Trường hợp ấy, nếu vị Tỳ-khưu khởi ý như vầy: "Các vị Tỳ-khưu-ni ấy không phải là những người bạn của ta, tuy nhiên các cô bạn của những cô ấy là những người bạn của ta. Vậy ta sẽ nói với các cô bạn của ta. Khi họ đã được nói, họ sẽ nói với những cô ấy rằng: 'Này các chị gái, đức Thế Tôn đã nói việc chia rẽ hội chúng là nghiêm trọng, các chị gái chớ có vui mừng với việc chia rẽ hội chúng.' Họ sẽ làm theo lời nói của ta, họ sẽ lắng nghe, họ sẽ để vào tai" rồi nên ra đi. Vô tội cho việc cắt đứt mùa [an cư] mưa.

27. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ có ý định vào mùa [an cư] mưa ở khu rào gia súc. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vào mùa [an cư] mưa ở khu rào gia súc.

Khu rào gia súc di chuyển. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép di chuyển theo khu rào gia súc.

28. Vào lúc bấy giờ, khi việc vào mùa [an cư] mưa đang đến gần, có vị Tỳ-khưu nọ có ý định đi theo đoàn xe tải. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vào mùa [an cư] mưa ở trong xe tải.

29. Vào lúc bấy giờ, khi việc vào mùa [an cư] mưa đang đến gần, có vị Tỳ-khưu nọ có ý định đi theo chiếc thuyền. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vào mùa [an cư] mưa ở trong chiếc thuyền.

30. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu vào mùa [an cư] mưa ở trong bộng cây. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như là các yêu tinh." Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên vào mùa [an cư] mưa ở trong bộng cây; vị nào vào thì phạm tội *Dukkaṭa*.

31. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu đã vào mùa [an cư] mưa ở trên chạc ba của cây. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như là các người săn thú." Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên vào mùa [an cư] mưa ở trên chạc ba của cây; vị nào vào thì phạm tội *Dukkaṭa*.

32. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu vào mùa [an cư] mưa ở ngoài trời. Trong khi trời mưa, các vị chạy đến gốc cây, đến hốc cây nimba. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên vào mùa [an cư] mưa ở ngoài trời; vị nào vào thì phạm tội *Dukkaṭa*.

33. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu vào mùa [an cư] mưa không có chỗ trú ngụ nên bị khó nhọc bởi vì sự lạnh, bởi vì sự nóng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, vị không có chỗ trú ngụ không nên vào mùa [an cư] mưa; vị nào vào thì phạm tội *Dukkaṭa*.

34. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu vào mùa [an cư] mưa ở nhà quàng tử thi. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như là những người thiêu xác chết." Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên vào mùa [an cư] mưa ở nhà quàng tử thi; vị nào vào thì phạm tội *Dukkaṭa*.

35. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu vào mùa [an cư] mưa ở chiếc lọng che. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như là những người chăn bò." Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên vào mùa [an cư] mưa ở chiếc lọng che; vị nào vào thì phạm tội *Dukkaṭa*.

36. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu vào mùa [an cư] mưa ở trong vại đất nung. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như là những kẻ ngoại đạo." Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên vào mùa [an cư] mưa ở trong vại đất nung; vị nào vào thì phạm tội *Dukkaṭa*.

37. Vào lúc bấy giờ, hội chúng ở thành Sāvatthi thực hiện điều thỏa thuận là "không được cho xuất gia trong mùa [an cư] mưa." Người cháu trai của bà Visākhā, mẹ của Migāra, đã đi đến gặp các vị Tỳ-khưu và thỉnh cầu sự xuất gia. Các vị Tỳ-khưu đã nói như vầy:

– Này đạo hữu, hội chúng thực hiện điều thỏa thuận là "không được cho xuất gia trong mùa [an cư] mưa." Này đạo hữu, hãy chờ đến khi các vị Tỳ-khưu trải qua mùa [an cư] mưa; khi đã trải qua mùa [an cư] mưa, các vị sẽ cho xuất gia.

38. Sau đó, khi đã trải qua mùa [an cư] mưa, các vị Tỳ-khưu ấy đã nói với người cháu trai của bà Visākhā, mẹ của Migāra điều này:

– Này đạo hữu, giờ đây, hãy đi đến và hãy xuất gia.

Người ấy đã nói như vầy:

– Thưa các ngài, nếu tôi đã được xuất gia thì tôi còn có thể vui thích. Thưa các ngài, giờ đây, tôi sẽ không xuất gia.

Bà Visākhā, mẹ của Migāra phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các ngài Đại đức lại thực hiện điều thỏa thuận có hình thức như vầy: 'Không được cho xuất gia trong mùa [an cư] mưa', có khi nào mà giáo pháp lại không được thực hành?"

39. Các Tỳ-khưu đã nghe được bà Visākhā, mẹ của Migāra phàn nàn, phê phán, chê bai. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên thực hiện điều thỏa thuận có hình thức như vầy: "Không được cho xuất gia trong mùa [an cư] mưa." Vị nào thực hiện thì phạm tội *Dukkaṭa*.

40. Vào lúc bấy giờ, chỗ cư trú mùa mưa của đức Vua Pasenadi xứ Kosala đã được Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya nhận lời cho thời điểm trước.

41. Trong khi đi đến chỗ cư trú ấy, vào khoảng giữa đường, vị ấy đã nhìn thấy hai trú xứ có nhiều y. Vị ấy đã khởi ý điều này: "Hay là ta nên sống mùa [an cư] mưa ở hai trú xứ này, như thế có nhiều y sẽ được phát sanh đến ta?"

42. Vị ấy đã sống mùa [an cư] mưa ở hai trú xứ ấy. Đức Vua Pasenadi xứ Kosala phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao ngài Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya sau khi nhận lời chỗ cư trú mùa mưa của chúng tôi lại nuốt lời? Không phải rằng đức Thế Tôn bằng nhiều phương thức đã khiển trách việc nói láo và khen ngợi việc tránh xa sự nói láo hay sao?"

43. Các Tỳ-khưu đã nghe được đức Vua Pasenadi xứ Kosala phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya sau khi nhận lời chỗ cư trú mùa mưa của đức Vua Pasenadi xứ Kosala lại nuốt lời? Không phải rằng đức Thế Tôn bằng nhiều phương thức đã khiển trách việc nói láo và khen ngợi việc tránh xa sự nói láo hay sao?"

44. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng Tỳ-khưu lại và đã hỏi Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya rằng:

– Này Upananda, nghe nói ngươi sau khi nhận lời chỗ cư trú mùa mưa của đức Vua Pasenadi xứ Kosala lại nuốt lời, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– Này kẻ rồ dại, vì sao ngươi sau khi nhận lời chỗ cư trú mùa mưa của đức Vua Pasenadi xứ Kosala lại nuốt lời? Này kẻ rồ dại, không phải Ta bằng nhiều phương thức đã khiển trách việc nói láo và khen ngợi việc tránh xa sự nói láo hay sao? Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).

Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

45. – Này các Tỳ-khưu, trường hợp chỗ cư trú mùa mưa đã được vị Tỳ-khưu nhận lời cho thời điểm trước. Trong khi đi đến chỗ cư trú ấy, vào khoảng giữa đường, vị ấy nhìn thấy hai trú xứ có nhiều y. Vị ấy khởi ý như vầy: "Hay là ta nên sống mùa [an cư] mưa ở hai trú xứ này, như thế có nhiều y sẽ được phát sanh đến ta?" Vị ấy sống mùa [an cư] mưa ở hai trú xứ ấy. Này các Tỳ-khưu, đối với vị Tỳ-khưu ấy, thời điểm trước không được ghi nhận và tội *Dukkaṭa* ở sự nhận lời.

46. Này các Tỳ-khưu, trường hợp chỗ cư trú mùa mưa đã được vị Tỳ-khưu nhận lời cho thời điểm trước. Trong khi đi đến chỗ cư trú ấy, vị ấy thực hiện lễ *Uposatha* ở bên ngoài và đến được trú xá vào ngày đầu tháng.[3] Vị ấy sắp đặt chỗ trú ngụ, đem lại nước uống, nước rửa, quét phòng ốc. Rồi ngay ngày hôm ấy, vị ấy ra đi, không vì công việc cần thiết. Này các Tỳ-khưu, đối với vị Tỳ-khưu ấy, thời điểm trước không được ghi nhận và tội *Dukkaṭa* ở sự nhận lời.

47. Này các Tỳ-khưu, trường hợp chỗ cư trú mùa mưa đã được vị Tỳ-khưu nhận lời cho thời điểm trước. Trong khi đi đến chỗ cư trú ấy, vị ấy thực hiện lễ *Uposatha* ở bên ngoài và đến được trú xá vào ngày đầu tháng. Vị ấy sắp đặt chỗ trú ngụ, đem lại nước uống, nước rửa, quét phòng ốc. Rồi ngay ngày hôm ấy, vị ấy ra đi, có công việc cần thiết. Này các Tỳ-khưu, đối với vị Tỳ-khưu ấy, thời điểm trước không được ghi nhận và tội *Dukkaṭa* ở sự nhận lời.

48. Này các Tỳ-khưu, trường hợp chỗ cư trú mùa mưa đã được vị Tỳ-khưu nhận lời cho thời điểm trước. Trong khi đi đến chỗ cư trú ấy, vị ấy thực hiện lễ *Uposatha* ở bên ngoài và đến được trú xá vào ngày đầu tháng. Vị ấy sắp đặt chỗ trú ngụ, đem lại nước uống, nước rửa, quét phòng ốc. Sau khi sống hai ba ngày, vị ấy ra đi, không vì công việc cần thiết. Này các Tỳ-khưu, đối với vị Tỳ-khưu ấy, thời điểm trước không được ghi nhận và tội *Dukkaṭa* ở sự nhận lời.

---

[3] Tức là ngày 16 tháng 6 theo âm lịch của Việt Nam nếu không có tháng nhuần. Việc tính âm lịch theo nửa tháng trăng hiện đang được sử dụng ở một số quốc gia (ND).

49. Này các Tỳ-khưu, trường hợp chỗ cư trú mùa mưa đã được vị Tỳ-khưu nhận lời cho thời điểm trước. Trong khi đi đến chỗ cư trú ấy, vị ấy thực hiện lễ *Uposatha* ở bên ngoài và đến được trú xá vào ngày đầu tháng. Vị ấy sắp đặt chỗ trú ngụ, đem lại nước uống, nước rửa, quét phòng ốc. Sau khi sống hai ba ngày, vị ấy ra đi, có công việc cần thiết. Này các Tỳ-khưu, đối với vị Tỳ-khưu ấy, thời điểm trước không được ghi nhận và tội *Dukkaṭa* ở sự nhận lời.

50. Này các Tỳ-khưu, trường hợp chỗ cư trú mùa mưa đã được vị Tỳ-khưu nhận lời cho thời điểm trước. Trong khi đi đến chỗ cư trú ấy, vị ấy thực hiện lễ *Uposatha* ở bên ngoài và đến được trú xá vào ngày đầu tháng. Vị ấy sắp đặt chỗ trú ngụ, đem lại nước uống, nước rửa, quét phòng ốc. Sau khi sống hai ba ngày, vị ấy ra đi, bởi công việc có thể giải quyết trong bảy ngày. Vị ấy vượt quá [thời hạn] bảy ngày ấy ở bên ngoài. Này các Tỳ-khưu, đối với vị Tỳ-khưu ấy, thời điểm trước không được ghi nhận và tội *Dukkaṭa* ở sự nhận lời.

51. Này các Tỳ-khưu, trường hợp chỗ cư trú mùa mưa đã được vị Tỳ-khưu nhận lời cho thời điểm trước. Trong khi đi đến chỗ cư trú ấy, vị ấy thực hiện lễ *Uposatha* ở bên ngoài và đến được trú xá vào ngày đầu tháng. Vị ấy sắp đặt chỗ trú ngụ, đem lại nước uống, nước rửa, quét phòng ốc. Sau khi sống hai ba ngày, vị ấy ra đi, bởi công việc có thể giải quyết trong bảy ngày. Vị ấy thực hiện việc trở về trong [thời hạn] bảy ngày ấy. Này các Tỳ-khưu, thời điểm trước của vị Tỳ-khưu ấy được ghi nhận và vô tội ở sự nhận lời.

52. Này các Tỳ-khưu, trường hợp chỗ cư trú mùa mưa đã được vị Tỳ-khưu nhận lời cho thời điểm trước. Trong khi đi đến chỗ cư trú ấy, vị ấy thực hiện lễ *Uposatha* ở bên ngoài và đến được trú xá vào ngày đầu tháng. Vị ấy sắp đặt chỗ trú ngụ, đem lại nước uống, nước rửa, quét phòng ốc. Bảy ngày trước lễ *Pavāraṇā*, vị ấy ra đi, có công việc cần thiết. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu ấy có thể trở lại chỗ cư trú ấy hoặc không có thể trở lại,[4] này các Tỳ-khưu, thời điểm trước của vị Tỳ-khưu ấy được ghi nhận và vô tội ở sự nhận lời.

53. Này các Tỳ-khưu, trường hợp chỗ cư trú mùa mưa đã được vị Tỳ-khưu nhận lời cho thời điểm trước. Vị ấy sau khi đi đến chỗ cư trú ấy, thực hiện lễ *Uposatha* và đến được trú xá vào ngày đầu tháng. Vị ấy sắp đặt chỗ trú ngụ, đem lại nước uống, nước rửa, quét phòng ốc. Rồi ngay ngày hôm ấy, vị ấy ra đi, không vì công việc cần thiết. Này các Tỳ-khưu, đối với vị Tỳ-khưu ấy, thời điểm trước không được ghi nhận và tội *Dukkaṭa* ở sự nhận lời.

54. Này các Tỳ-khưu, trường hợp chỗ cư trú mùa mưa đã được vị Tỳ-khưu nhận lời cho thời điểm trước. Vị ấy sau khi đi đến chỗ cư trú ấy, thực hiện lễ *Uposatha* và đến được trú xá vào ngày đầu tháng. Vị ấy sắp đặt chỗ trú ngụ, đem lại nước uống, nước rửa, quét phòng ốc. Rồi ngay ngày hôm ấy, vị ấy ra đi, có công việc cần thiết. ...(nt)... Sau khi sống hai ba ngày, vị ấy ra đi, không vì công việc cần thiết. ...(nt)... Sau khi sống hai ba ngày, vị ấy ra đi, có công việc

[4] "*... na vā āgaccheyya*" là "không có thể trở lại" không nên hiểu "có thể không trở lại" (ND).

cần thiết. ...(nt)... Sau khi sống hai ba ngày, vị ấy ra đi, bởi công việc có thể giải quyết trong bảy ngày. Vị ấy vượt quá [thời hạn] bảy ngày ấy ở bên ngoài. Này các Tỳ-khưu, đối với vị Tỳ-khưu ấy, thời điểm trước không được ghi nhận và tội *Dukkaṭa* ở sự nhận lời. ...(nt)... Sau khi sống hai ba ngày, vị ấy ra đi, bởi công việc có thể giải quyết trong bảy ngày. Vị ấy thực hiện việc trở về trong [thời hạn] bảy ngày ấy. Này các Tỳ-khưu, thời điểm trước của vị Tỳ-khưu ấy được ghi nhận và vô tội ở sự nhận lời.

55. Này các Tỳ-khưu, trường hợp chỗ cư trú mùa mưa đã được vị Tỳ-khưu nhận lời cho thời điểm trước. Vị ấy sau khi đi đến chỗ cư trú ấy, thực hiện lễ *Uposatha* và đến được trú xá vào ngày đầu tháng. Vị ấy sắp đặt chỗ trú ngụ, đem lại nước uống, nước rửa, quét phòng ốc. Bảy ngày trước ngày lễ *Pavāraṇā*, vị ấy ra đi, có công việc cần thiết. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu ấy có thể trở lại chỗ cư trú ấy hoặc không có thể trở lại, này các Tỳ-khưu, thời điểm trước của vị Tỳ-khưu ấy được ghi nhận và vô tội ở sự nhận lời.

56. Này các Tỳ-khưu, trường hợp chỗ cư trú mùa mưa đã được vị Tỳ-khưu nhận lời cho thời điểm sau. Trong khi đi đến chỗ cư trú ấy, vị ấy thực hiện lễ *Uposatha* ở bên ngoài và đến được trú xá vào ngày đầu tháng. Vị ấy sắp đặt chỗ trú ngụ, đem lại nước uống, nước rửa, quét phòng ốc. Rồi ngay ngày hôm ấy, vị ấy ra đi, không vì công việc cần thiết. Này các Tỳ-khưu, thời điểm sau của vị Tỳ-khưu ấy không được ghi nhận và tội *Dukkaṭa* ở sự nhận lời.

57. Này các Tỳ-khưu, trường hợp chỗ cư trú mùa mưa đã được vị Tỳ-khưu nhận lời cho thời điểm sau. Trong khi đi đến chỗ cư trú ấy, vị ấy thực hiện lễ *Uposatha* ở bên ngoài và đến được trú xá vào ngày đầu tháng. Vị ấy sắp đặt chỗ trú ngụ, đem lại nước uống, nước rửa, quét phòng ốc. Rồi ngay ngày hôm ấy, vị ấy ra đi, có công việc cần thiết. Này các Tỳ-khưu, thời điểm sau của vị Tỳ-khưu ấy không được ghi nhận và tội *Dukkaṭa* ở sự nhận lời.

58. Này các Tỳ-khưu, trường hợp chỗ cư trú mùa mưa đã được vị Tỳ-khưu nhận lời cho thời điểm sau. Trong khi đi đến chỗ cư trú ấy, vị ấy thực hiện lễ *Uposatha* ở bên ngoài và đến được trú xá vào ngày đầu tháng. Vị ấy sắp đặt chỗ trú ngụ, đem lại nước uống, nước rửa, quét phòng ốc. Sau khi sống hai ba ngày, vị ấy ra đi, không vì công việc cần thiết. Này các Tỳ-khưu, thời điểm sau của vị Tỳ-khưu ấy không được ghi nhận và tội *Dukkaṭa* ở sự nhận lời.

59. Này các Tỳ-khưu, trường hợp chỗ cư trú mùa mưa đã được vị Tỳ-khưu nhận lời cho thời điểm sau. Trong khi đi đến chỗ cư trú ấy, vị ấy thực hiện lễ *Uposatha* ở bên ngoài và đến được trú xá vào ngày đầu tháng. Vị ấy sắp đặt chỗ trú ngụ, đem lại nước uống, nước rửa, quét phòng ốc. Sau khi sống hai ba ngày, vị ấy ra đi, có công việc cần thiết. Này các Tỳ-khưu, thời điểm sau của vị Tỳ-khưu ấy không được ghi nhận và tội *Dukkaṭa* ở sự nhận lời.

60. Này các Tỳ-khưu, trường hợp chỗ cư trú mùa mưa đã được vị Tỳ-khưu nhận lời cho thời điểm sau. Trong khi đi đến chỗ cư trú ấy, vị ấy thực hiện lễ

Uposatha ở bên ngoài và đến được trú xá vào ngày đầu tháng. Vị ấy sắp đặt chỗ trú ngụ, đem lại nước uống, nước rửa, quét phòng ốc. Sau khi sống hai ba ngày, vị ấy ra đi, bởi công việc có thể giải quyết trong bảy ngày. Vị ấy vượt quá [thời hạn] bảy ngày ấy ở bên ngoài. Này các Tỳ-khưu, thời điểm sau của vị Tỳ-khưu ấy không được ghi nhận và tội *Dukkaṭa* ở sự nhận lời.

61. Này các Tỳ-khưu, trường hợp chỗ cư trú mùa mưa đã được vị Tỳ-khưu nhận lời cho thời điểm sau. Trong khi đi đến chỗ cư trú ấy, vị ấy thực hiện lễ *Uposatha* ở bên ngoài và đến được trú xá vào ngày đầu tháng. Vị ấy sắp đặt chỗ trú ngụ, đem lại nước uống, nước rửa, quét phòng ốc. Sau khi sống hai ba ngày, vị ấy ra đi, bởi công việc có thể giải quyết trong bảy ngày. Vị ấy thực hiện việc trở về trong [thời hạn] bảy ngày ấy. Này các Tỳ-khưu, thời điểm sau của vị Tỳ-khưu ấy được ghi nhận và vô tội ở sự nhận lời.

62. Này các Tỳ-khưu, trường hợp chỗ cư trú mùa mưa đã được vị Tỳ-khưu nhận lời cho thời điểm sau. Trong khi đi đến chỗ cư trú ấy, vị ấy thực hiện lễ *Uposatha* ở bên ngoài và đến được trú xá vào ngày đầu tháng. Vị ấy sắp đặt chỗ trú ngụ, đem lại nước uống, nước rửa, quét phòng ốc. Bảy ngày trước ngày trăng tròn tháng *Kattika* là ngày lễ hội *Cātumāsinī*,[5] vị ấy ra đi, có công việc cần thiết. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu ấy có thể trở lại chỗ cư trú ấy hoặc không có thể trở lại, này các Tỳ-khưu, thời điểm sau của vị Tỳ-khưu ấy được ghi nhận và vô tội ở sự nhận lời.

63. Này các Tỳ-khưu, trường hợp chỗ cư trú mùa mưa đã được vị Tỳ-khưu nhận lời cho thời điểm sau. Vị ấy sau khi đi đến chỗ cư trú ấy, thực hiện lễ *Uposatha* và đến được trú xá vào ngày đầu tháng. Vị ấy sắp đặt chỗ trú ngụ, đem lại nước uống, nước rửa, quét phòng ốc. Rồi ngay ngày hôm ấy, vị ấy ra đi, không vì công việc cần thiết. Này các Tỳ-khưu, thời điểm sau của vị Tỳ-khưu ấy không được ghi nhận và tội *Dukkaṭa* ở sự nhận lời.

64. Này các Tỳ-khưu, trường hợp chỗ cư trú mùa mưa đã được vị Tỳ-khưu nhận lời cho thời điểm sau. Vị ấy sau khi đi đến chỗ cư trú ấy, thực hiện lễ *Uposatha* và đến được trú xá vào ngày đầu tháng. Vị ấy sắp đặt chỗ trú ngụ, đem lại nước uống, nước rửa, quét phòng ốc. Rồi ngay ngày hôm ấy, vị ấy ra đi, có công việc cần thiết. ...(nt)... Sau khi sống hai ba ngày, vị ấy ra đi, không vì công việc cần thiết. ...(nt)... Sau khi sống hai ba ngày, vị ấy ra đi, có công việc cần thiết. ...(nt)... Sau khi sống hai ba ngày, vị ấy ra đi, bởi công việc có thể giải quyết trong bảy ngày. Vị ấy vượt quá [thời hạn] bảy ngày ấy ở bên ngoài. Này các Tỳ-khưu, thời điểm sau của vị Tỳ-khưu ấy không được ghi nhận và tội *Dukkaṭa* ở sự nhận lời. ...(nt)... Sau khi sống hai ba ngày, vị ấy ra đi, bởi công việc có thể giải quyết trong bảy ngày. Vị ấy thực hiện việc trở về trong [thời hạn] bảy ngày ấy. Này các Tỳ-khưu, thời điểm sau của vị Tỳ-khưu ấy được ghi nhận và vô tội ở sự nhận lời.

[5] Tức là rằm tháng Mười âm lịch (ND).

65. Này các Tỳ-khưu, trường hợp chỗ cư trú mùa mưa đã được vị Tỳ-khưu nhận lời cho thời điểm sau. Vị ấy sau khi đi đến chỗ cư trú ấy, thực hiện lễ *Uposatha* và đến được trú xá vào ngày đầu tháng. Vị ấy sắp đặt chỗ trú ngụ, đem lại nước uống, nước rửa, quét phòng ốc. Bảy ngày trước ngày trăng tròn tháng *Kattika* là ngày lễ hội *Cātumāsinī*, vị ấy ra đi do công việc cần thiết. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu ấy có thể trở lại chỗ cư trú ấy hoặc không có thể trở lại, này các Tỳ-khưu, thời điểm sau của vị Tỳ-khưu ấy được ghi nhận và vô tội ở sự nhận lời.

Dứt chương "Vào mùa mưa" là thứ ba.

*****

Trong chương này có năm mươi hai sự việc.

TÓM LƯỢC CHƯƠNG NÀY:

1. [Cho phép] vào mùa [an cư mưa] và luôn cả khi nào? Bao nhiêu [thời điểm] và trong mùa [an cư] mưa, các vị không muốn và cố tình [bỏ đi], [muốn] dời lại, người nam cư sĩ.

2. Vị bị bệnh, mẹ và cha, anh [em] trai và thân quyến, người làm công việc cho các Tỳ-khưu, trú xá, các thú dữ và các loại rắn nữa.

3. Những kẻ trộm cướp, luôn cả các yêu tinh, với cả hai đều bị cháy, vì nước ngập, [ngôi làng] đã di chuyển, nhóm đông hơn và các thí chủ.

4. [Thức ăn] thô thiển hoặc hảo hạng, dược phẩm thích hợp, với người phục vụ, phụ nữ, gái điếm, cô gái lỡ thời, kẻ vô căn và bởi thân quyến.

5. Đức vua, các kẻ cướp, bọn bất lương, của cải chôn giấu và các sự chia rẽ với tám trường hợp, bãi nhốt thú và đoàn xe tải, chiếc thuyền, ở bộng cây và ở chạc ba cây.

6. Sự cư trú mùa mưa ở ngoài trời và với vị không chỗ trú ngụ, các nhà quàng tử thi, ở chiếc lọng che và các vị vào mùa [an cư] mưa ở vại đất nung.

7. Điều thỏa thuận, sau khi nhận lời và các lễ *Uposatha* ở bên ngoài, các thời điểm trước và các thời điểm sau nên kết hợp theo cách thức như thế.

8. Vị ra đi không vì công việc cần thiết, và có công việc cần thiết là tương tợ như thế ấy, sau khi sống hai ba ngày và bởi công việc trong bảy ngày.

9. Và bảy ngày sắp đến, vị có thể trở lại, hoặc không có thể. Về các khoảng giữa ở phần tóm lược các sự việc thì nên xem xét đường lối của mạch văn.

--ooOoo--

IV. CHƯƠNG PAVĀRAṆĀ

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, nhiều vị Tỳ-khưu là bạn bè đồng quan điểm, thân thiết đã vào mùa [an cư] mưa tại trú xứ nọ ở trong xứ Kosala.

2. Khi ấy, các vị Tỳ-khưu ấy đã khởi ý điều này: "Chúng ta có sự hợp nhất, thân thiện, không cãi vã nhau, vậy bằng phương thức nào có thể sống mùa [an cư] mưa một cách thoải mái và không bị khó nhọc vì đồ ăn khất thực?"

3. Khi ấy, các vị Tỳ-khưu ấy đã khởi ý điều này: "Nếu chúng ta có thể không nói với nhau và cũng không chuyện trò, vị nào đi khất thực từ làng trở về trước tiên, vị ấy sắp xếp chỗ ngồi, chuẩn bị nước rửa chân, ghế kê chân, tấm chà chân, rửa và đem lại chậu đựng đồ thừa, rồi đem lại nước uống, nước rửa. Vị nào đi khất thực từ làng trở về sau cùng, nếu vật thực được ăn còn thừa lại, nếu muốn có thể ăn; nếu không muốn có thể đem quăng bỏ ở nơi không có cỏ xanh, hoặc đổ xuống ở nước không có sinh vật. Vị ấy xếp chỗ ngồi lại, dọn dẹp nước rửa chân, ghế kê chân, tấm chà chân, rửa chậu đựng đồ thừa rồi cất đi, dọn dẹp nước uống, nước rửa và quét nhà ăn. Vị nào thấy lu nước uống, hoặc lu nước rửa, hoặc lu nước nhà vệ sinh hết nước trống trơn, vị ấy có thể đem [nước] lại. Nếu vị ấy không làm nổi, có thể ra hiệu bằng tay mời vị thứ hai và có thể đem [nước] lại với dấu hiệu bằng tay, nhưng không vì lý do đó lại có thể phát ra lời nói. Như thế, chúng ta có sự hợp nhất, thân thiện, không cãi vã nhau, có thể sống mùa [an cư] mưa một cách thoải mái và không bị khó nhọc vì đồ ăn khất thực."

4. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã không nói với nhau và cũng không chuyện trò. Vị nào đi khất thực từ làng trở về trước tiên, vị ấy sắp xếp chỗ ngồi, chuẩn bị nước rửa chân, ghế kê chân, tấm chà chân, rửa và đem lại chậu đựng đồ thừa, rồi đem lại nước uống, nước rửa. Vị nào đi khất thực từ làng trở về sau cùng, nếu vật thực được ăn còn thừa lại, nếu muốn thì vị ấy ăn; nếu không muốn thì đem quăng bỏ ở nơi không có cỏ xanh hoặc đổ xuống ở nước không có sinh vật. Vị ấy xếp chỗ ngồi lại, dọn dẹp nước rửa chân, ghế kê chân, tấm chà chân, rửa chậu đựng đồ thừa rồi cất đi, dọn dẹp nước uống, nước rửa và quét nhà ăn. Vị nào thấy lu nước uống, hoặc lu nước rửa, hoặc lu nước nhà vệ sinh hết nước trống trơn, vị ấy đem [nước] lại. Nếu không làm nổi, vị ấy ra hiệu bằng tay mời vị thứ hai và đem [nước] lại với dấu hiệu bằng tay, nhưng không vì lý do đó mà phát ra lời nói.

5. Điều này đã trở thành thông lệ của các Tỳ-khưu đã sống qua mùa [an cư] mưa là đi đến để diện kiến đức Thế Tôn. Khi ấy, các vị Tỳ-khưu ấy khi đã sống qua mùa [an cư] mưa với thời gian ba tháng đã thu xếp chỗ trú ngụ, cầm y bát, ra đi về phía thành Sāvatthi. Tuần tự, các vị đã đi đến Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.

6. Điều này đã trở thành thông lệ của chư Phật Thế Tôn là niềm nở với các vị Tỳ-khưu đi đến. Khi ấy, đức Thế Tôn đã nói với các vị Tỳ-khưu ấy điều này: "Này các Tỳ-khưu, sức khoẻ có khá không? Mọi việc có được tốt đẹp không? Các ngươi có sự hợp nhất, thân thiện, không cãi vã nhau, có phải đã sống mùa [an cư] mưa một cách thoải mái và không bị khó nhọc vì đồ ăn khất thực không?"

7. – Bạch Thế Tôn, sức khoẻ khá. Bạch Thế Tôn, mọi việc được tốt đẹp. Và bạch Ngài, chúng con có sự hợp nhất, thân thiện, không cãi vã nhau, đã sống mùa [an cư] mưa một cách thoải mái và không bị khó nhọc vì đồ ăn khất thực.

8. Các đấng Như Lai dầu biết vẫn hỏi, dầu biết các vị vẫn không hỏi, biết đúng thời các vị mới hỏi, biết đúng thời các vị vẫn không hỏi, có liên quan đến lợi ích, các đấng Như Lai mới hỏi và không có liên quan đến lợi ích thì không [hỏi], khi không có liên quan đến lợi ích, các đấng Như Lai có cách để cắt đứt vấn đề.

9. Chư Phật Thế Tôn hỏi các vị Tỳ-khưu với hai lý do: "Chúng ta sẽ thuyết giảng giáo pháp hoặc là chúng ta sẽ quy định điều học cho các đệ tử."

10. Khi ấy, đức Thế Tôn đã nói với các vị Tỳ-khưu ấy điều này:

– Này các Tỳ-khưu, các ngươi có sự hợp nhất, thân thiện, không cãi vã nhau, đã sống mùa [an cư] mưa một cách thoải mái và không bị khó nhọc vì đồ ăn khất thực là như thế nào?

11. – Bạch Ngài, trường hợp chúng con gồm nhiều vị Tỳ-khưu là bạn bè đồng quan điểm, thân thiết đã vào mùa [an cư] mưa tại trú xứ nọ ở xứ Kosala. Bạch Ngài, chúng con đây đã khởi ý điều này: "Chúng ta có sự hợp nhất, thân thiện, không cãi vã nhau, vậy bằng phương thức nào có thể sống mùa [an cư] mưa một cách thoải mái và không bị khó nhọc vì đồ ăn khất thực?"

12. Bạch Ngài, chúng con đây đã khởi ý điều này: "Nếu chúng ta có thể không nói với nhau và cũng không chuyện trò, vị nào đi khất thực từ làng trở về trước tiên, vị ấy sắp xếp chỗ ngồi, chuẩn bị nước rửa chân, ghế kê chân, tấm chà chân, rửa và đem lại chậu đựng đồ thừa, rồi đem lại nước uống, nước rửa. Vị nào đi khất thực từ làng trở về sau cùng, nếu vật thực được ăn còn thừa lại, nếu muốn có thể ăn; nếu không muốn có thể đem quăng bỏ ở nơi không có cỏ xanh hoặc đổ xuống ở nước không có sinh vật. Vị ấy xếp chỗ ngồi lại, dọn dẹp nước rửa chân, ghế kê chân, tấm chà chân, rửa chậu đựng đồ thừa rồi cất đi, dọn dẹp nước uống, nước rửa và quét nhà ăn. Vị nào thấy lu nước uống, hoặc

lu nước rửa, hoặc lu nước nhà vệ sinh hết nước trống trơn, vị ấy có thể đem [nước] lại. Nếu vị ấy không làm nổi, có thể ra hiệu bằng tay mời vị thứ hai và có thể đem [nước] lại với dấu hiệu bằng tay, nhưng không vì lý do đó lại có thể phát ra lời nói. Như thế, chúng ta có sự hợp nhất, thân thiện, không cãi vã nhau, có thể sống mùa [an cư] mưa một cách thoải mái và không bị khó nhọc vì đồ ăn khất thực."

13. Bạch Ngài, sau đó, chúng con đã không nói với nhau và cũng không chuyện trò. Vị nào đi khất thực từ làng trở về trước tiên, vị ấy sắp xếp chỗ ngồi, chuẩn bị nước rửa chân, ghế kê chân, tấm chà chân, rửa và đem lại chậu đựng đồ thừa, rồi đem lại nước uống, nước rửa. Vị nào đi khất thực từ làng trở về sau cùng, nếu vật thực được ăn còn thừa lại, nếu muốn thì vị ấy ăn; nếu không muốn có thể đem quăng bỏ ở nơi không có cỏ xanh hoặc đổ xuống ở nước không có sinh vật. Vị ấy xếp chỗ ngồi lại, dọn dẹp nước rửa chân, ghế kê chân, tấm chà chân, rửa chậu đựng đồ thừa rồi cất đi, dọn dẹp nước uống, nước rửa và quét nhà ăn. Vị nào thấy lu nước uống, hoặc lu nước rửa, hoặc lu nước nhà vệ sinh hết nước trống trơn, vị ấy đem [nước] lại. Nếu không làm nổi, vị ấy ra hiệu bằng tay mời vị thứ hai và đem [nước] lại với dấu hiệu bằng tay, nhưng không vì lý do đó mà phát ra lời nói. Bạch Ngài, chúng con có sự hợp nhất, thân thiện, không cãi vã nhau, đã sống mùa [an cư] mưa một cách thoải mái và không bị khó nhọc vì đồ ăn khất thực là như thế.

14. Khi ấy, đức Thế Tôn đã bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, thật ra những kẻ rồ dại này trong khi đã sống một cách không thoải mái lại bảo rằng: "Chúng con đã sống một cách thoải mái." Này các Tỳ-khưu, thật ra những kẻ rồ dại này trong khi đã sống với lối sống chung của loài thú lại bảo rằng: "Chúng con đã sống một cách thoải mái." Này các Tỳ-khưu, thật ra những kẻ rồ dại này trong khi đã sống với lối sống chung của loài cừu lại bảo rằng: "Chúng con đã sống một cách thoải mái." Này các Tỳ-khưu, thật ra những kẻ rồ dại này trong khi đã sống với lối cộng trú của những kẻ lười biếng lại bảo rằng: "Chúng con đã sống một cách thoải mái." Này các Tỳ-khưu, vì sao những kẻ rồ dại này lại thọ trì lối thực hành của ngoại đạo là sự hành trì như kẻ câm. Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).

Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, không nên thọ trì lối thực hành của ngoại đạo là sự hành trì như kẻ câm; vị nào thọ trì thì phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, đối với các Tỳ-khưu đã sống qua mùa [an cư] mưa, Ta cho phép thỉnh cầu dựa trên ba tình huống là do đã được thấy, hoặc do đã được nghe, hoặc do sự nghi ngờ. Việc ấy sẽ giúp cho các ngươi có được sự hài hòa với nhau, có được sự thoát ra khỏi tội và có được sự tôn vinh Luật. Và này các Tỳ-khưu, nên thỉnh cầu như vầy: Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có

năng lực: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Hôm nay là ngày lễ *Pavāraṇā*.[1] Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên tiến hành lễ *Pavāraṇā*."

15. Vị Tỳ-khưu trưởng lão nên đắp thượng y một bên vai, ngồi chồm hổm, chắp tay lên và nên nói như vầy: "Này các Sư đệ, tôi xin thỉnh cầu hội chúng do đã được thấy, hoặc do đã được nghe, hoặc do sự nghi ngờ, vì lòng thương xót xin các Đại đức hãy nói với tôi. Trong khi nhận ra, tôi sẽ sửa chữa. Này các Sư đệ, lần thứ nhì tôi xin thỉnh cầu hội chúng do đã được thấy, hoặc do đã được nghe, hoặc do sự nghi ngờ, vì lòng thương xót, xin các Đại đức hãy nói với tôi. Trong khi nhận ra, tôi sẽ sửa chữa. Này các Sư đệ, lần thứ ba tôi xin thỉnh cầu hội chúng do đã được thấy, hoặc do đã được nghe, hoặc do sự nghi ngờ, vì lòng thương xót, xin các Đại đức hãy nói với tôi. Trong khi nhận ra, tôi sẽ sửa chữa."

16. Vị Tỳ-khưu mới tu nên đắp thượng y một bên vai, ngồi chồm hổm, chắp tay lên và nên nói như vầy: "Bạch các ngài, tôi xin thỉnh cầu hội chúng do đã được thấy, hoặc do đã được nghe, hoặc do sự nghi ngờ, vì lòng thương xót, xin các Đại đức hãy nói với tôi. Trong khi nhận ra, tôi sẽ sửa chữa. Bạch các ngài, lần thứ nhì tôi xin thỉnh cầu hội chúng ...(nt)... Bạch các ngài, lần thứ ba tôi xin thỉnh cầu hội chúng do đã được thấy, hoặc do đã được nghe, hoặc do sự nghi ngờ, vì lòng thương xót, xin các Đại đức hãy nói với tôi. Trong khi nhận ra, tôi sẽ sửa chữa."

17. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư ngồi yên trên chỗ ngồi trong lúc các Tỳ-khưu trưởng lão đang ngồi chồm hổm thỉnh cầu. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư lại ngồi yên trên chỗ ngồi, trong lúc các Tỳ-khưu trưởng lão đang ngồi chồm hổm thỉnh cầu?"

18. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư ngồi yên trên chỗ ngồi, trong lúc các Tỳ-khưu trưởng lão đang ngồi chồm hổm thỉnh cầu, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– Này các Tỳ-khưu, vì sao những kẻ rồ dại này lại ngồi yên trên chỗ ngồi, trong lúc các Tỳ-khưu trưởng lão đang ngồi chồm hổm thỉnh cầu?

19. Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).

---

[1] *Pavāraṇā*: Là danh từ có ý nghĩa là "sự thỉnh cầu", và còn là tên của buổi lễ dành cho các Tỳ-khưu đã hoàn tất mùa [an cư] mưa thời điểm trước. Lễ này đã được dịch là Tự tứ. Ở ngữ cảnh này, chúng tôi mạn phép giữ nguyên từ Pāli cho tên của cuộc lễ. Còn *Pavāreti* là động từ. Chúng tôi sẽ dịch theo hai lối là "thỉnh cầu" hoặc "tiến hành lễ *Pavāraṇā*" tùy theo ngữ cảnh.

Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, không nên ngồi yên trên chỗ ngồi, trong lúc các Tỳ-khưu trưởng lão đang ngồi chồm hổm thỉnh cầu; vị nào ngồi yên thì phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép toàn bộ tất cả ngồi chồm hổm để thỉnh cầu.

20. Vào lúc bấy giờ, có vị Trưởng lão nọ già yếu ngồi chồm hổm [nghĩ rằng]: "Đến khi tất cả thỉnh cầu xong", trong lúc chờ đợi bị ngất xỉu ngã xuống.

21. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép ngồi chồm hổm trong khoảng thời gian chờ đợi cho đến khi thỉnh cầu, sau khi thỉnh cầu thì được ngồi xuống trên chỗ ngồi.

22. Khi ấy, các vị Tỳ-khưu đã khởi ý điều này: "Có bao nhiêu lễ *Pavāraṇā*?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, đây là hai lễ *Pavāraṇā*: Lễ ngày mười bốn và lễ ngày mười lăm. Này các Tỳ-khưu, đây là hai lễ *Pavāraṇā*.

23. Khi ấy, các vị Tỳ-khưu đã khởi ý điều này: "Có bao nhiêu hành sự *Pavāraṇā*?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, đây là bốn hành sự *Pavāraṇā*: Hành sự *Pavāraṇā* sai Pháp theo phe nhóm, hành sự *Pavāraṇā* sai Pháp có sự hợp nhất, hành sự *Pavāraṇā* đúng Pháp theo phe nhóm, hành sự *Pavāraṇā* đúng Pháp có sự hợp nhất.

24. Này các Tỳ-khưu, trường hợp này tức là hành sự *Pavāraṇā* sai Pháp theo phe nhóm, này các Tỳ-khưu, không nên thực hiện hành sự *Pavāraṇā* có hình thức như thế và hành sự *Pavāraṇā* có hình thức như thế không được Ta cho phép.

25. Này các Tỳ-khưu, trường hợp này tức là hành sự *Pavāraṇā* sai Pháp có sự hợp nhất, này các Tỳ-khưu, không nên thực hiện hành sự *Pavāraṇā* có hình thức như thế và hành sự *Pavāraṇā* có hình thức như thế không được Ta cho phép.

26. Này các Tỳ-khưu, trường hợp này tức là hành sự *Pavāraṇā* đúng Pháp theo phe nhóm, này các Tỳ-khưu, không nên thực hiện hành sự *Pavāraṇā* có hình thức như thế và hành sự *Pavāraṇā* có hình thức như thế không được Ta cho phép.

27. Này các Tỳ-khưu, trường hợp này tức là hành sự *Pavāraṇā* đúng Pháp có sự hợp nhất, này các Tỳ-khưu, nên thực hiện hành sự *Pavāraṇā* có hình thức như thế và hành sự *Pavāraṇā* có hình thức như thế được Ta cho phép.

28. Này các Tỳ-khưu, do đó, ở đây chúng ta sẽ thực hiện hành sự *Pavāraṇā* có hình thức như thế tức là "đúng Pháp có sự hợp nhất." Này các Tỳ-khưu, các ngươi nên học tập theo đúng như thế.

29. Sau đó, đức Thế Tôn đã bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, hãy tụ hội lại, hội chúng sẽ thực hiện lễ *Pavāraṇā*.

30. Khi được nói như thế, có vị Tỳ-khưu nọ đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, có vị Tỳ-khưu bị bệnh. Vị ấy không đến.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vị Tỳ-khưu bị bệnh được trao ra lời thỉnh cầu. Và này các Tỳ-khưu, nên trao ra như vầy: Vị Tỳ-khưu bị bệnh nên đi đến gặp một vị Tỳ-khưu, nên đắp thượng y một bên vai, nên ngồi chồm hổm, chắp tay lên và nên nói như vầy: "Tôi xin trao ra lời thỉnh cầu. Hãy chuyển đạt lời thỉnh cầu của tôi. Hãy thông báo lời thỉnh cầu của tôi. Hãy thỉnh cầu vì sự lợi ích của tôi."

[Nếu] vị ấy thể hiện bằng thân, thể hiện bằng lời nói, thể hiện bằng thân và lời nói thì lời thỉnh cầu đã được trao ra. [Nếu] vị ấy không thể hiện bằng thân, không thể hiện bằng lời nói, không thể hiện bằng thân và lời nói thì lời thỉnh cầu đã không được trao ra. Nếu việc ấy đạt được như thế, việc ấy như vậy là tốt đẹp. Này các Tỳ-khưu, nếu không đạt được [như thế] thì nên dùng cái giường hoặc cái ghế khiêng vị Tỳ-khưu bị bệnh ấy đến giữa hội chúng rồi nên thực hiện lễ *Pavāraṇā*. Này các Tỳ-khưu, nếu các vị Tỳ-khưu chăm sóc bệnh khởi ý như vầy: "Nếu chúng ta di chuyển vị bị bệnh dời khỏi vị trí thì bệnh sẽ trầm trọng hơn hoặc sẽ gây tử vong", này các Tỳ-khưu, không nên di chuyển vị bị bệnh khỏi vị trí. Hội chúng nên đi đến và thực hiện lễ *Pavāraṇā* ở nơi ấy. Nhưng không nên thực hiện lễ *Pavāraṇā* bởi hội chúng theo phe nhóm; vị nào thực hiện thì phạm tội *Dukkaṭa*.

31. Này các Tỳ-khưu, khi lời thỉnh cầu đã được trao ra, nếu vị chuyển đạt lời thỉnh cầu từ chính chỗ ấy ra đi [đến nơi khác] thì lời thỉnh cầu nên được trao ra đến vị khác. Này các Tỳ-khưu, khi lời thỉnh cầu đã được trao ra, nếu vị chuyển đạt lời thỉnh cầu ngay tại chỗ ấy hoàn tục,... từ trần,... được biết là vị [xuống] Sa-di,... được biết là người đã xả bỏ sự học tập,... được biết là vị phạm tội cực nặng,... được biết là vị bị điên,... được biết là bị loạn trí,... được biết là bị thọ khổ hành hạ,... được biết là vị bị án treo về việc không nhìn nhận tội,... được biết là vị bị án treo về việc không sửa chữa lỗi,... được biết là vị bị án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác,... được biết là kẻ vô căn,... được biết là kẻ trộm tướng mạo [Tỳ-khưu],... được biết là kẻ đã đi theo ngoại đạo,... được biết là loài thú,... được biết là kẻ giết mẹ,... được biết là kẻ giết cha,... được biết là kẻ giết A-la-hán,... được biết là kẻ làm nhơ Tỳ-khưu-ni,... được biết là kẻ chia rẽ hội chúng,... được biết là kẻ làm chảy máu [đức Phật],... được biết là kẻ lưỡng căn thì lời thỉnh cầu nên được trao ra đến vị khác.

32. Này các Tỳ-khưu, khi lời thỉnh cầu đã được trao ra, nếu vị chuyển đạt lời thỉnh cầu ở khoảng giữa đường lại ra đi [đến nơi khác] thì lời thỉnh cầu vẫn chưa được chuyển đạt. Này các Tỳ-khưu, khi lời thỉnh cầu đã được trao ra, nếu vị chuyển đạt lời thỉnh cầu ở khoảng giữa đường lại hoàn tục,... từ trần,... được

biết là vị [xuống] Sa-di,... được biết là người đã xả bỏ sự học tập,... được biết là vị phạm tội cực nặng,... được biết là vị bị điên,... được biết là bị loạn trí,... được biết là bị thọ khổ hành hạ,... được biết là vị bị án treo về việc không nhìn nhận tội,... được biết là vị bị án treo về việc không sửa chữa lỗi,... được biết là vị bị án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác,... được biết là kẻ vô căn,... được biết là kẻ trộm tướng mạo [Tỳ-khưu],... được biết là kẻ đã đi theo ngoại đạo,... được biết là loài thú,... được biết là kẻ giết mẹ,... được biết là kẻ giết cha,... được biết là kẻ giết A-la-hán,... được biết là kẻ làm nhơ Tỳ-khưu-ni,... được biết là kẻ chia rẽ hội chúng,... được biết là kẻ làm chảy máu [đức Phật],... được biết là kẻ lưỡng căn thì lời thỉnh cầu vẫn chưa được chuyển đạt.

33. Này các Tỳ-khưu, khi lời thỉnh cầu đã được trao ra, nếu vị chuyển đạt lời thỉnh cầu đã đến được hội chúng rồi ra đi [đến nơi khác] thì lời thỉnh cầu đã được chuyển đạt. Này các Tỳ-khưu, khi lời thỉnh cầu đã được trao ra, nếu vị chuyển đạt lời thỉnh cầu đã đến được hội chúng rồi hoàn tục,... từ trần,... được biết là vị [xuống] Sa-di,... được biết là người đã xả bỏ sự học tập,... được biết là vị phạm tội cực nặng,... được biết là vị bị điên,... được biết là bị loạn trí,... được biết là bị thọ khổ hành hạ,... được biết là vị bị án treo về việc không nhìn nhận tội,... được biết là vị bị án treo về việc không sửa chữa lỗi,... được biết là vị bị án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác,... được biết là kẻ vô căn,... được biết là kẻ trộm tướng mạo [Tỳ-khưu],... được biết là kẻ đã đi theo ngoại đạo,... được biết là loài thú,... được biết là kẻ giết mẹ,... được biết là kẻ giết cha,... được biết là kẻ giết A-la-hán,... được biết là kẻ làm nhơ Tỳ-khưu-ni,... được biết là kẻ chia rẽ hội chúng,... được biết là kẻ làm chảy máu [đức Phật],... được biết là kẻ lưỡng căn thì lời thỉnh cầu đã được chuyển đạt.

34. Này các Tỳ-khưu, khi lời thỉnh cầu đã được trao ra, nếu vị chuyển đạt lời thỉnh cầu đã đến được hội chúng rồi ngủ quên nên không thông báo thì lời thỉnh cầu đã được chuyển đạt. Vị chuyển đạt lời thỉnh cầu không bị phạm tội. Này các Tỳ-khưu, khi lời thỉnh cầu đã được trao ra, nếu vị chuyển đạt lời thỉnh cầu đã đến được hội chúng rồi lơ đễnh ...(nt)... rồi nhập định nên không thông báo, thì lời thỉnh cầu đã được chuyển đạt. Vị chuyển đạt lời thỉnh cầu không bị phạm tội.

35. Này các Tỳ-khưu, khi lời thỉnh cầu đã được trao ra, nếu vị chuyển đạt lời thỉnh cầu đã đến được hội chúng rồi cố ý không thông báo thì lời thỉnh cầu đã được chuyển đạt và vị chuyển đạt lời thỉnh cầu bị phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vào ngày lễ *Pavāraṇā* vị trao ra lời thỉnh cầu [đồng thời] trao ra sự tùy thuận [phòng khi] hội chúng có hành sự cần được thực hiện.

36. Vào lúc bấy giờ, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, các thân quyến đã nắm giữ lại vị Tỳ-khưu nọ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, trường hợp vào ngày lễ *Pavāraṇā*, các thân quyến nắm giữ vị Tỳ-khưu lại. Các thân quyến ấy nên được các Tỳ-khưu nói như vầy: "Này các ngài, các ngài hãy trả tự do cho vị Tỳ-khưu này trong chốc lát, đến khi nào

vị Tỳ-khưu này thực hiện lễ *Pavāraṇā* xong." Nếu việc ấy đạt được như thế, việc ấy như vậy là tốt đẹp. Nếu không đạt được [như thế], các thân quyến ấy nên được các Tỳ-khưu nói như vầy: "Này các ngài, các ngài hãy tránh sang một bên trong chốc lát, đến khi nào vị Tỳ-khưu này trao ra lời thỉnh cầu xong." Nếu việc ấy đạt được như thế, việc ấy như vậy là tốt đẹp. Nếu không đạt được [như thế], các thân quyến ấy nên được các Tỳ-khưu nói như vầy: "Này các ngài, các ngài hãy dẫn vị Tỳ-khưu này ra khỏi ranh giới trong chốc lát, đến khi nào hội chúng thực hiện lễ *Pavāraṇā* xong." Nếu việc ấy đạt được như thế, việc ấy như vậy là tốt đẹp. Nếu không đạt được [như thế], vẫn không nên thực hiện lễ *Pavāraṇā* bởi hội chúng theo phe nhóm; vị nào thực hiện thì phạm tội *Dukkaṭa*.

37. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vào ngày lễ *Pavāraṇā*, các đức vua nắm giữ vị Tỳ-khưu lại. ...(nt)... các kẻ trộm cướp nắm giữ ...(nt)... những kẻ bất lương nắm giữ ...(nt)... những kẻ đối nghịch Tỳ-khưu nắm giữ vị Tỳ-khưu lại. Những kẻ đối nghịch Tỳ-khưu ấy nên được các Tỳ-khưu nói như vầy: "Này các ngài, các ngài hãy trả tự do cho vị Tỳ-khưu này trong chốc lát, đến khi nào vị Tỳ-khưu này thực hiện lễ *Pavāraṇā* xong." Nếu việc ấy đạt được như thế, việc ấy như vậy là tốt đẹp. Nếu không đạt được [như thế], những kẻ đối nghịch Tỳ-khưu ấy nên được các Tỳ-khưu nói như vầy: "Này các ngài, các ngài hãy tránh sang một bên trong chốc lát, đến khi nào vị Tỳ-khưu này trao ra lời thỉnh cầu xong." Nếu việc ấy đạt được như thế, việc ấy như vậy là tốt đẹp. Nếu không đạt được [như thế], những kẻ đối nghịch Tỳ-khưu ấy nên được các Tỳ-khưu nói như vầy: "Này các đạo hữu, các người hãy dẫn vị Tỳ-khưu này ra khỏi ranh giới trong chốc lát, đến khi nào hội chúng thực hiện lễ *Pavāraṇā* xong." Nếu việc ấy đạt được như thế, việc ấy như vậy là tốt đẹp. Nếu không thể đạt được [như thế], vẫn không nên thỉnh cầu bởi hội chúng theo phe nhóm; nếu vị nào thỉnh cầu thì phạm tội *Dukkaṭa*.

38. Vào lúc bấy giờ, tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, có năm vị Tỳ-khưu cư ngụ. Khi ấy, các vị Tỳ-khưu ấy đã khởi ý điều này: "Đức Thế Tôn đã quy định rằng: 'Hội chúng nên tiến hành lễ *Pavāraṇā*' và chúng ta là năm người, vậy chúng ta nên thực hiện lễ *Pavāraṇā* như thế nào?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thỉnh cầu hội chúng đối với năm vị.

39. Vào lúc bấy giờ, tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, có bốn vị Tỳ-khưu cư ngụ. Khi ấy, các vị Tỳ-khưu ấy đã khởi ý điều này: "Đức Thế Tôn đã cho phép thỉnh cầu hội chúng đối với năm vị và chúng ta là bốn người, vậy chúng ta nên thực hiện lễ *Pavāraṇā* như thế nào?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thỉnh cầu lẫn nhau đối với bốn vị. Và này các Tỳ-khưu, nên thỉnh cầu như vầy: Các vị Tỳ-khưu ấy nên được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực:

40. "Xin các Đại đức hãy lắng nghe tôi, hôm nay là ngày lễ *Pavāraṇā*. Nếu là thời điểm thích hợp cho các Đại đức, chúng ta nên thỉnh cầu lẫn nhau." Vị Tỳ-khưu trưởng lão nên đắp thượng y một bên vai, ngồi chồm hổm, chắp tay lên và nên nói với các vị Tỳ-khưu ấy như vầy: "Này các Sư đệ, tôi xin thỉnh cầu các Đại đức do đã được thấy, hoặc do đã được nghe, hoặc do sự nghi ngờ, vì lòng thương xót, xin các Đại đức hãy nói với tôi. Trong khi nhận ra, tôi sẽ sửa chữa. Này các Sư đệ, lần thứ nhì tôi xin thỉnh cầu các Đại đức ...(nt)... Này các Sư đệ, lần thứ ba tôi xin thỉnh cầu các Đại đức do đã được thấy, hoặc do đã được nghe, hoặc do sự nghi ngờ, vì lòng thương xót, xin các Đại đức hãy nói với tôi. Trong khi nhận ra tôi sẽ sửa chữa."

41. Vị Tỳ-khưu mới tu nên đắp thượng y một bên vai, ngồi chồm hổm, chắp tay lên và nên nói với vị các Tỳ-khưu ấy như vầy: "Bạch các ngài, tôi xin thỉnh cầu các Đại đức do đã được thấy, hoặc do đã được nghe, hoặc do sự nghi ngờ, vì lòng thương xót, xin các Đại đức hãy nói với tôi. Trong khi nhận ra, tôi sẽ sửa chữa. Bạch các ngài, lần thứ nhì tôi xin thỉnh cầu các Đại đức ...(nt)... Bạch các ngài, lần thứ ba tôi xin thỉnh cầu các Đại đức do đã được thấy, hoặc do đã được nghe, hoặc do sự nghi ngờ, vì lòng thương xót, xin các Đại đức hãy nói với tôi. Trong khi nhận ra tôi sẽ sửa chữa."

42. Vào lúc bấy giờ, tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, có ba vị Tỳ-khưu cư ngụ. Khi ấy, các vị Tỳ-khưu ấy đã khởi ý điều này: "Đức Thế Tôn đã cho phép thỉnh cầu hội chúng đối với năm vị, thỉnh cầu lẫn nhau đối với bốn vị và chúng ta là ba người, vậy chúng ta nên thực hiện lễ *Pavāraṇā* như thế nào?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thỉnh cầu lẫn nhau đối với ba vị. Và này các Tỳ-khưu, nên thỉnh cầu như vầy: Các vị Tỳ-khưu ấy cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực:

43. "Xin các Đại đức hãy lắng nghe tôi, hôm nay là ngày lễ *Pavāraṇā*. Nếu là thời điểm thích hợp cho các Đại đức, chúng ta nên thỉnh cầu lẫn nhau." Vị Tỳ-khưu trưởng lão nên đắp thượng y một bên vai, ngồi chồm hổm, chắp tay lên và nên nói với vị các Tỳ-khưu ấy như vầy: "Này các Sư đệ, tôi xin thỉnh cầu các Đại đức do đã được thấy, hoặc do đã được nghe, hoặc do sự nghi ngờ, vì lòng thương xót, xin các Đại đức hãy nói với tôi. Trong khi nhận ra, tôi sẽ sửa chữa. Này các Sư đệ, lần thứ nhì tôi xin thỉnh cầu các Đại đức ...(nt)... Này các Sư đệ, lần thứ ba tôi xin thỉnh cầu các Đại đức do đã được thấy, hoặc do đã được nghe, hoặc do sự nghi ngờ, vì lòng thương xót, xin các Đại đức hãy nói với tôi. Trong khi nhận ra, tôi sẽ sửa chữa."

44. Vị Tỳ-khưu mới tu nên đắp thượng y một bên vai, ngồi chồm hổm, chắp tay lên và nên nói với các vị Tỳ-khưu ấy như vầy: "Bạch các ngài, tôi xin thỉnh cầu các Đại đức do đã được thấy, hoặc do đã được nghe, hoặc do sự nghi ngờ, vì lòng thương xót, xin các Đại đức hãy nói với tôi. Trong khi nhận ra, tôi sẽ sửa

chữa. Bạch các ngài, lần thứ nhì tôi xin thỉnh cầu các Đại đức ...(nt)... Bạch các ngài, lần thứ ba tôi xin thỉnh cầu các Đại đức do đã được thấy, hoặc do đã được nghe, hoặc do sự nghi ngờ, vì lòng thương xót, xin các Đại đức hãy nói với tôi. Trong khi nhận ra, tôi sẽ sửa chữa."

45. Vào lúc bấy giờ, tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, có hai vị Tỳ-khưu cư ngụ. Khi ấy, các vị Tỳ-khưu ấy đã khởi ý điều này: "Đức Thế Tôn đã cho phép thỉnh cầu hội chúng đối với năm vị, thỉnh cầu lẫn nhau đối với bốn vị, thỉnh cầu lẫn nhau đối với ba vị và chúng ta là hai người, vậy chúng ta nên thực hiện lễ *Pavāraṇā* như thế nào?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thỉnh cầu lẫn nhau đối với hai vị. Và này các Tỳ-khưu, nên thỉnh cầu như vầy: Vị Tỳ-khưu trưởng lão nên đắp thượng y một bên vai, ngồi chồm hổm, chắp tay lên và nên nói với vị Tỳ-khưu mới tu như vầy: "Này Sư đệ, tôi xin thỉnh cầu Đại đức do đã được thấy, hoặc do đã được nghe, hoặc do sự nghi ngờ, vì lòng thương xót, xin Đại đức hãy nói với tôi. Trong khi nhận ra, tôi sẽ sửa chữa. Này Sư đệ, lần thứ nhì tôi xin thỉnh cầu Đại đức do đã được thấy, hoặc do đã được nghe, hoặc do sự nghi ngờ, vì lòng thương xót, xin Đại đức hãy nói với tôi. Trong khi nhận ra, tôi sẽ sửa chữa. Này Sư đệ, lần thứ ba tôi xin thỉnh cầu Đại đức do đã được thấy, hoặc do đã được nghe, hoặc do sự nghi ngờ, vì lòng thương xót xin Đại đức hãy nói với tôi. Trong khi nhận ra, tôi sẽ sửa chữa."

46. Vị Tỳ-khưu mới tu nên đắp thượng y một bên vai, ngồi chồm hổm, chắp tay lên và nên nói với vị Tỳ-khưu trưởng lão như vầy: "Bạch ngài, tôi xin thỉnh cầu Đại đức do đã được thấy, hoặc do đã được nghe, hoặc do sự nghi ngờ, vì lòng thương xót, xin Đại đức hãy nói với tôi. Trong khi nhận ra, tôi sẽ sửa chữa. Bạch ngài, lần thứ nhì tôi xin thỉnh cầu Đại đức do đã được thấy, hoặc do đã được nghe, hoặc do sự nghi ngờ, vì lòng thương xót, xin Đại đức hãy nói với tôi. Trong khi nhận ra, tôi sẽ sửa chữa. Bạch ngài, lần thứ ba tôi xin thỉnh cầu Đại đức do đã được thấy, hoặc do đã được nghe, hoặc do sự nghi ngờ, vì lòng thương xót, xin Đại đức hãy nói với tôi. Trong khi nhận ra, tôi sẽ sửa chữa."

47. Vào lúc bấy giờ, tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, có một vị Tỳ-khưu cư ngụ. Khi ấy, vị Tỳ-khưu ấy đã khởi ý điều này: "Đức Thế Tôn đã cho phép thỉnh cầu hội chúng đối với năm vị, thỉnh cầu lẫn nhau đối với bốn vị, thỉnh cầu lẫn nhau đối với ba vị, thỉnh cầu lẫn nhau đối với hai vị và ta chỉ có một mình, vậy ta nên thực hiện lễ *Pavāraṇā* như thế nào?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, có một vị Tỳ-khưu cư ngụ. Này các Tỳ-khưu, chỗ nào các vị Tỳ-khưu thường quay trở về là ở giảng đường, hoặc ở mái che, hoặc ở gốc cây, vị Tỳ-khưu ấy nên quét khu vực ấy, nên đem lại nước uống, nước rửa, nên sắp đặt chỗ ngồi, nên thắp sáng đèn, rồi nên ngồi xuống. Nếu có các Tỳ-khưu khác đi đến thì nên

thực hiện lễ *Pavāraṇā* với các vị ấy; nếu không có ai đi đến thì nên chú nguyện rằng: "Hôm nay là lễ *Pavāraṇā* của tôi." Nếu không chú nguyện thì phạm tội *Dukkaṭa*.

Này các Tỳ-khưu, trường hợp ở nơi có năm vị Tỳ-khưu cư ngụ, không nên chuyển đạt lời thỉnh cầu của một vị, rồi thỉnh cầu hội chúng bởi bốn vị. Nếu các vị thỉnh cầu thì phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, trường hợp ở nơi có bốn vị Tỳ-khưu cư ngụ, không nên chuyển đạt lời thỉnh cầu của một vị, rồi thỉnh cầu lẫn nhau bởi ba vị. Nếu các vị thỉnh cầu thì phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, trường hợp ở nơi có ba vị Tỳ-khưu cư ngụ, không nên chuyển đạt lời thỉnh cầu của một vị, rồi thỉnh cầu lẫn nhau bởi hai vị. Nếu các vị thỉnh cầu thì phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, trường hợp ở nơi có hai vị Tỳ-khưu cư ngụ, không nên chuyển đạt lời thỉnh cầu của một vị, rồi chú nguyện bởi một vị. Nếu chú nguyện thì phạm tội *Dukkaṭa*.

48. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị phạm tội vào ngày lễ *Pavāraṇā*. Khi ấy, vị Tỳ-khưu ấy đã khởi ý điều này: "Đức Thế Tôn đã quy định rằng: 'Vị bị phạm tội không nên tiến hành lễ *Pavāraṇā*' và ta thì bị phạm tội; vậy ta nên thực hành như thế nào?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu bị phạm tội vào ngày lễ *Pavāraṇā*. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu ấy nên đi đến gặp một vị Tỳ-khưu, nên đắp thượng y một bên vai, nên ngồi chồm hổm, nên chắp tay lên và nên nói như vầy: "Bạch Đại đức, tôi đã phạm tội tên [như vầy], tôi xin thú nhận tội ấy." Vị kia nên nói rằng: "[Đại đức] có thấy [tội ấy] không?" "Thưa có, tôi thấy." "[Đại đức] hãy thu thúc trong tương lai."

49. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu có nghi ngờ về sự phạm tội vào ngày lễ *Pavāraṇā*. Này cácTỳ-khưu, vị Tỳ-khưu ấy nên đi đến gặp một vị Tỳ-khưu, nên đắp thượng y một bên vai, nên ngồi chồm hổm, nên chắp tay lên và nên nói như vầy: "Bạch Đại đức, tôi có nghi ngờ về sự phạm [một] tội tên [như vầy], khi nào tôi dứt khỏi hoài nghi khi ấy, tôi sẽ sửa chữa tội ấy." Nói xong thì lễ *Pavāraṇā* nên được tiến hành, nhưng không nên làm chướng ngại cho lễ *Pavāraṇā* chỉ vì nguyên nhân ấy.

50. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ trong lúc đang được thỉnh cầu thì nhớ ra tội. Khi ấy, vị Tỳ-khưu ấy đã khởi ý điều này: "Đức Thế Tôn đã quy định rằng: 'Vị bị phạm tội không nên thỉnh cầu' và ta thì bị phạm tội; vậy ta nên thực hành như thế nào?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu trong lúc đang được thỉnh cầu thì nhớ ra tội. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu ấy nên nói với vị Tỳ-khưu bên cạnh như vầy: "Bạch Đại đức, tôi đã phạm tội tên [như vầy], sau khi đứng dậy khỏi đây, tôi sẽ sửa chữa tội ấy." Nói xong thì nên thỉnh cầu, nhưng không nên làm chướng ngại cho việc thỉnh cầu chỉ vì nguyên nhân ấy. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu trong lúc đang được thỉnh cầu thì có nghi ngờ về sự

phạm tội. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu ấy nên nói với vị Tỳ-khưu bên cạnh như vầy: "Bạch Đại đức, tôi có nghi ngờ về sự phạm [một] tội tên [như vầy], khi nào tôi dứt khỏi hoài nghi khi ấy, tôi sẽ sửa chữa tội ấy." Nói xong thì nên thỉnh cầu, nhưng không nên làm chướng ngại cho việc thỉnh cầu chỉ vì nguyên nhân ấy.

51. Vào lúc bấy giờ, tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, toàn bộ hội chúng đã phạm tội giống nhau. Khi ấy, các vị Tỳ-khưu ấy đã khởi ý điều này: "Đức Thế Tôn đã quy định rằng: 'Không nên trình báo tội [đã phạm] giống nhau, không nên ghi nhận tội [đã phạm] giống nhau' và toàn bộ hội chúng này đã phạm tội giống nhau, vậy chúng ta nên thực hành như thế nào?"

52. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, toàn bộ hội chúng đã phạm tội giống nhau. Này các Tỳ-khưu, ngay trong hôm ấy, các vị Tỳ-khưu ấy nên phái một vị Tỳ-khưu đi đến trú xứ lân cận [bảo rằng]: "Này Đại đức, hãy đi và sau khi sửa chữa tội ấy, hãy quay trở về, chúng tôi sẽ sửa chữa lại tội ấy trong sự hiện diện của Đại đức." Nếu việc ấy đạt được như thế, việc ấy như vậy là tốt đẹp. Này các Tỳ-khưu, nếu không đạt được [như thế] thì hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực:

53. "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Toàn bộ hội chúng này đã phạm tội giống nhau, khi nào [hội chúng] nhìn thấy vị Tỳ-khưu khác trong sạch không phạm tội, khi ấy [hội chúng] sẽ sửa chữa tội ấy trong sự hiện diện của vị ấy." Nói xong thì lễ *Pavāraṇā* nên được tiến hành, nhưng không nên làm chướng ngại cho lễ *Pavāraṇā* chỉ vì nguyên nhân ấy.

54. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, toàn bộ hội chúng có nghi ngờ về sự phạm tội giống nhau. Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Toàn bộ hội chúng này có nghi ngờ về sự phạm tội giống nhau, khi nào [hội chúng] dứt khỏi hoài nghi, khi ấy [hội chúng] sẽ sửa chữa tội ấy." Nói xong thì lễ *Pavāraṇā* nên được tiến hành, nhưng không nên làm chướng ngại cho lễ *Pavāraṇā* chỉ vì nguyên nhân ấy.

Dứt tụng phẩm thứ nhất.

*****

1. Vào lúc bấy giờ, tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, có nhiều vị Tỳ-khưu thường trú đã tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy đã không biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm lại tưởng là hợp nhất, rồi đã thực hiện lễ *Pavāraṇā*. Trong khi các vị ấy đang thỉnh cầu, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] nhiều hơn đã đi đến. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

2. – Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy không biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm lại tưởng là hợp nhất, rồi thực hiện lễ *Pavāraṇā*. Trong khi các vị ấy đang thỉnh cầu thì có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] nhiều hơn đi đến. Này các Tỳ-khưu, các vị Tỳ-khưu ấy nên thỉnh cầu lại. Vô tội đối với các vị đã thỉnh cầu. (1)

3. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy không biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm lại tưởng là hợp nhất, rồi thực hiện lễ *Pavāraṇā*. Trong khi các vị ấy đang thỉnh cầu, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] tương đương đi đến. Các vị đã thỉnh cầu là đã thỉnh cầu tốt đẹp, các vị còn lại nên thỉnh cầu. Vô tội đối với các vị đã thỉnh cầu. (2)

4. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy không biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm lại tưởng là hợp nhất, rồi thực hiện lễ *Pavāraṇā*. Trong khi các vị ấy đang thỉnh cầu, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] ít hơn đi đến. Các vị đã thỉnh cầu là đã thỉnh cầu tốt đẹp, các vị còn lại nên thỉnh cầu. Vô tội đối với các vị đã thỉnh cầu. (3)

5. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy không biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm lại tưởng là hợp nhất, rồi thực hiện lễ *Pavāraṇā*. Khi các vị ấy vừa thỉnh cầu xong, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] nhiều hơn đi đến. Này các Tỳ-khưu, các vị Tỳ-khưu ấy nên thỉnh cầu lại. Vô tội đối với các vị đã thỉnh cầu. (4)

6. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy không biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm lại tưởng là hợp nhất, rồi thực hiện lễ *Pavāraṇā*. Khi các vị ấy vừa thỉnh cầu xong, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] tương đương đi đến. Các vị đã thỉnh cầu là đã thỉnh cầu tốt đẹp, [các vị đến sau] nên thỉnh cầu trong sự hiện diện của các vị ấy. Vô tội đối với các vị đã thỉnh cầu. (5)

7. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy không biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm lại tưởng là hợp nhất, rồi thực hiện

lễ *Pavāraṇā*. Khi các vị ấy vừa thỉnh cầu xong, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] ít hơn đi đến. Các vị đã thỉnh cầu là đã thỉnh cầu tốt đẹp, [các vị đến sau] nên thỉnh cầu trong sự hiện diện của các vị ấy. Vô tội đối với các vị đã thỉnh cầu. (6)

8. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy không biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm lại tưởng là hợp nhất, rồi thực hiện lễ *Pavāraṇā*. Khi các vị ấy vừa thỉnh cầu xong, trong khi tập thể chưa đứng lên, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] nhiều hơn đi đến. Này các Tỳ-khưu, các vị Tỳ-khưu ấy nên thỉnh cầu lại. Vô tội đối với các vị đã thỉnh cầu. (7)

9. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy không biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm lại tưởng là hợp nhất, rồi thực hiện lễ *Pavāraṇā*. Khi các vị ấy vừa thỉnh cầu xong, trong khi tập thể chưa đứng lên, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] tương đương đi đến. Các vị đã thỉnh cầu là đã thỉnh cầu tốt đẹp, [các vị đến sau] nên thỉnh cầu trong sự hiện diện của các vị ấy. Vô tội đối với các vị đã thỉnh cầu. (8)

10. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy không biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm lại tưởng là hợp nhất, rồi thực hiện lễ *Pavāraṇā*. Khi các vị ấy vừa thỉnh cầu xong, trong khi tập thể chưa đứng lên, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] ít hơn đi đến. Các vị đã thỉnh cầu là đã thỉnh cầu tốt đẹp, [các vị đến sau] nên thỉnh cầu trong sự hiện diện của các vị ấy. Vô tội đối với các vị đã thỉnh cầu. (9)

11. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy không biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm lại tưởng là hợp nhất, rồi thực hiện lễ *Pavāraṇā*. Khi các vị ấy vừa thỉnh cầu xong, một số vị ở tập thể đã đứng lên, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] nhiều hơn đi đến. Này các Tỳ-khưu, các vị Tỳ-khưu ấy nên thỉnh cầu lại. Vô tội đối với các vị đã thỉnh cầu. (10)

12. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy không biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm lại tưởng là hợp nhất, rồi thực hiện lễ *Pavāraṇā*. Khi các vị ấy vừa thỉnh cầu xong, một số vị ở tập thể đã đứng lên, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] tương đương đi đến. Các vị đã

thỉnh cầu là đã thỉnh cầu tốt đẹp, [các vị đến sau] nên thỉnh cầu trong sự hiện diện của các vị ấy. Vô tội đối với các vị đã thỉnh cầu. (11)

13. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy không biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm lại tưởng là hợp nhất, rồi thực hiện lễ *Pavāraṇā*. Khi các vị ấy vừa thỉnh cầu xong, một số vị ở tập thể đã đứng lên, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] ít hơn đi đến. Các vị đã thỉnh cầu là đã thỉnh cầu tốt đẹp, [các vị đến sau] nên thỉnh cầu trong sự hiện diện của các vị ấy. Vô tội đối với các vị đã thỉnh cầu. (12)

14. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy không biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm lại tưởng là hợp nhất, rồi thực hiện lễ *Pavāraṇā*. Khi các vị ấy vừa thỉnh cầu xong, toàn bộ tập thể đã đứng lên, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] nhiều hơn đi đến. Này các Tỳ-khưu, các vị Tỳ-khưu ấy nên thỉnh cầu lại. Vô tội đối với các vị đã thỉnh cầu. (13)

15. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy không biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm lại tưởng là hợp nhất, rồi thực hiện lễ *Pavāraṇā*. Khi các vị ấy vừa thỉnh cầu xong, toàn bộ tập thể đã đứng lên, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] tương đương đi đến. Các vị đã thỉnh cầu là đã thỉnh cầu tốt đẹp, [các vị đến sau] nên thỉnh cầu trong sự hiện diện của các vị ấy. Vô tội đối với các vị đã thỉnh cầu. (14)

16. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy không biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm lại tưởng là hợp nhất, rồi thực hiện lễ *Pavāraṇā*. Khi các vị ấy vừa thỉnh cầu xong, toàn bộ tập thể đã đứng lên, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] ít hơn đi đến. Các vị đã thỉnh cầu là đã thỉnh cầu tốt đẹp, [các vị đến sau] nên thỉnh cầu trong sự hiện diện của các vị ấy. Vô tội đối với các vị đã thỉnh cầu. (15)

Dứt mười lăm trường hợp vô tội.

*****

1. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm và có sự nhận biết là phe nhóm, rồi thực

hiện lễ *Pavāraṇā*. Trong khi các vị ấy đang thỉnh cầu, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] nhiều hơn đi đến. Này các Tỳ-khưu, các vị Tỳ-khưu ấy nên thỉnh cầu lại. Các vị đã thỉnh cầu thì phạm tội *Dukkaṭa*. (1)

2. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm và có sự nhận biết là phe nhóm, rồi thực hiện lễ *Pavāraṇā*. Trong khi các vị ấy đang thỉnh cầu, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] tương đương đi đến. Các vị đã thỉnh cầu là đã thỉnh cầu tốt đẹp, các vị còn lại nên thỉnh cầu. Các vị đã thỉnh cầu thì phạm tội *Dukkaṭa*. (2)

3. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm và có sự nhận biết là phe nhóm, rồi thực hiện lễ *Pavāraṇā*. Trong khi các vị ấy đang thỉnh cầu, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] ít hơn đi đến. Các vị đã thỉnh cầu là đã thỉnh cầu tốt đẹp, các vị còn lại nên thỉnh cầu. Các vị đã thỉnh cầu thì phạm tội *Dukkaṭa*. (3)

4. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy tưởng là đúng Pháp, tưởng là đúng Luật, là phe nhóm và có sự nhận biết là phe nhóm, rồi thực hiện lễ *Pavāraṇā*. Khi các vị ấy vừa thỉnh cầu xong, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] nhiều hơn... tương đương... ít hơn đi đến. ...(nt)... trong khi tập thể chưa đứng lên,... nhiều hơn... tương đương... ít hơn ...(nt)... một số vị ở tập thể đã đứng lên,... nhiều hơn... tương đương... ít hơn ...(nt)... toàn bộ tập thể đã đứng lên, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] nhiều hơn... tương đương... ít hơn đi đến. Các vị đã thỉnh cầu là đã thỉnh cầu tốt đẹp, [các vị đến sau] nên thỉnh cầu trong sự hiện diện của các vị ấy. Các vị đã thỉnh cầu thì phạm tội *Dukkaṭa*. (4-15)

Dứt mười lăm trường hợp
là phe nhóm và có sự nhận biết là phe nhóm.

*****

1. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy có sự nghi ngờ rằng: "Lễ *Pavāraṇā* của chúng ta được phép thực hiện hay không được phép?" rồi thực hiện lễ *Pavāraṇā*. Trong khi các vị ấy đang thỉnh cầu, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] nhiều hơn đi đến. Này các Tỳ-khưu, các vị Tỳ-khưu ấy nên thỉnh cầu lại. Các vị đã thỉnh cầu thì phạm tội *Dukkaṭa*. (1)

2. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy có sự nghi ngờ rằng: "Lễ *Pavāraṇā* của chúng ta được phép thực hiện hay không được phép?" rồi thực hiện lễ *Pavāraṇā*. Trong khi các vị ấy đang thỉnh cầu, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] tương đương đi đến. Các vị đã thỉnh cầu là đã thỉnh cầu tốt đẹp, các vị còn lại nên thỉnh cầu. Các vị đã thỉnh cầu thì phạm tội *Dukkaṭa*. (2)

3. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy có sự nghi ngờ rằng: "Lễ *Pavāraṇā* của chúng ta được phép thực hiện hay không được phép?" rồi thực hiện lễ *Pavāraṇā*. Trong khi các vị ấy đang thỉnh cầu, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] ít hơn đi đến. Các vị đã thỉnh cầu là đã thỉnh cầu tốt đẹp, các vị còn lại nên thỉnh cầu. Các vị đã thỉnh cầu thì phạm tội *Dukkaṭa*. (3)

4. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy có sự nghi ngờ rằng: "Lễ *Pavāraṇā* của chúng ta được phép thực hiện hay không được phép?" rồi thực hiện lễ *Pavāraṇā*. Khi các vị ấy vừa thỉnh cầu xong, ...(nt)... nhiều hơn... tương đương... ít hơn ...(nt)... trong khi tập thể chưa đứng lên,... nhiều hơn... tương đương... ít hơn ...(nt)... một số vị ở tập thể đã đứng lên,... nhiều hơn... tương đương... ít hơn ...(nt)... toàn bộ tập thể đã đứng lên, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] nhiều hơn... tương đương... ít hơn đi đến. Các vị đã thỉnh cầu là đã thỉnh cầu tốt đẹp, [các vị đến sau] nên thỉnh cầu trong sự hiện diện của các vị ấy. Các vị đã thỉnh cầu thì phạm tội *Dukkaṭa*. (4-15)

Dứt mười lăm trường hợp có sự nghi ngờ.

*****

1. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." [Nghĩ rằng]: "Lễ *Pavāraṇā* vẫn được phép thực hiện đối với chúng ta, chứ không phải không được phép đối với chúng ta", các vị bỏ qua sự ngần ngại rồi thực hiện lễ *Pavāraṇā*. Trong khi các vị ấy đang thỉnh cầu, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] nhiều hơn đi đến. Này các Tỳ-khưu, các vị Tỳ-khưu ấy nên thỉnh cầu lại. Các vị đã thỉnh cầu thì phạm tội *Dukkaṭa*. (1)

2. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng:

"Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." [Nghĩ rằng]: "Lễ *Pavāraṇā* vẫn được phép thực hiện đối với chúng ta, chứ không phải không được phép đối với chúng ta", các vị bỏ qua sự ngần ngại rồi thực hiện lễ *Pavāraṇā*. Trong khi các vị ấy đang thỉnh cầu, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] tương đương đi đến. Các vị đã thỉnh cầu là đã thỉnh cầu tốt đẹp, các vị còn lại nên thỉnh cầu. Các vị đã thỉnh cầu thì phạm tội *Dukkaṭa*. (2)

3. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." [Nghĩ rằng]: "Lễ *Pavāraṇā* vẫn được phép thực hiện đối với chúng ta, chứ không phải không được phép đối với chúng ta", các vị bỏ qua sự ngần ngại rồi thực hiện lễ *Pavāraṇā*. Trong khi các vị ấy đang thỉnh cầu, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] ít hơn đi đến. Các vị đã thỉnh cầu là đã thỉnh cầu tốt đẹp, các vị còn lại nên thỉnh cầu. Các vị đã thỉnh cầu thì phạm tội *Dukkaṭa*. (3)

4. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." [Nghĩ rằng]: "Lễ *Pavāraṇā* vẫn được phép thực hiện đối với chúng ta, chứ không phải không được phép đối với chúng ta", các vị bỏ qua sự ngần ngại rồi thực hiện lễ *Pavāraṇā*. Khi các vị ấy vừa thỉnh cầu xong, ...(nt)... nhiều hơn... tương đương... ít hơn ...(nt)... trong khi tập thể chưa đứng lên,... nhiều hơn... tương đương... ít hơn ...(nt)... một số vị ở tập thể đã đứng lên,... nhiều hơn... tương đương... ít hơn ...(nt)... toàn bộ tập thể đã đứng lên, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] nhiều hơn... tương đương... ít hơn đi đến. Các vị đã thỉnh cầu là đã thỉnh cầu tốt đẹp, [các vị đến sau] nên thỉnh cầu trong sự hiện diện của các vị ấy. Các vị đã thỉnh cầu thì phạm tội *Dukkaṭa*. (4-15)

Dứt mười lăm trường hợp "bỏ qua sự ngần ngại."

*****

1. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy có dự tính chia rẽ [nghĩ rằng]: "Các vị này tiêu mất đi! Các vị này biến mất đi! Ai mà cần đến các vị ấy?" rồi thực hiện lễ *Pavāraṇā*. Trong khi các vị ấy đang thỉnh cầu, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] nhiều hơn đi đến. Này các Tỳ-khưu, các vị Tỳ-khưu ấy nên thỉnh cầu lại. Các vị đã thỉnh cầu thì phạm tội *Thullaccaya*. (1)

2. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy có dự tính chia rẽ [nghĩ rằng]: "Các vị này tiêu mất đi! Các vị này biến mất đi! Ai mà cần đến các

vị ấy?" rồi thực hiện lễ *Pavāraṇā*. Trong khi các vị ấy đang thỉnh cầu, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] tương đương đi đến. Các vị đã thỉnh cầu là đã thỉnh cầu tốt đẹp, các vị còn lại nên thỉnh cầu. Các vị đã thỉnh cầu thì phạm tội *Thullaccaya*. (2)

3. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy có dự tính chia rẽ [nghĩ rằng]: "Các vị này tiêu mất đi! Các vị này biến mất đi! Ai mà cần đến các vị ấy?" rồi thực hiện lễ *Pavāraṇā*. Trong khi các vị ấy đang thỉnh cầu, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] ít hơn đi đến. Các vị đã thỉnh cầu là đã thỉnh cầu tốt đẹp, các vị còn lại nên thỉnh cầu. Các vị đã thỉnh cầu thì phạm tội *Thullaccaya*. (3)

4. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy có dự tính chia rẽ [nghĩ rằng]: "Các vị này tiêu mất đi! Các vị này biến mất đi! Ai mà cần đến các vị ấy?" rồi thực hiện lễ *Pavāraṇā*. Khi các vị ấy vừa thỉnh cầu xong, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] nhiều hơn đi đến. Này các Tỳ-khưu, các vị Tỳ-khưu ấy nên thỉnh cầu lại. Các vị đã thỉnh cầu thì phạm tội *Thullaccaya*. (4)

5. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy có dự tính chia rẽ [nghĩ rằng]: "Các vị này tiêu mất đi! Các vị này biến mất đi! Ai mà cần đến các vị ấy?" rồi thực hiện lễ *Pavāraṇā*. Khi các vị ấy vừa thỉnh cầu xong, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] tương đương đi đến. Các vị đã thỉnh cầu là đã thỉnh cầu tốt đẹp, các vị còn lại nên thỉnh cầu. Các vị đã thỉnh cầu thì phạm tội *Thullaccaya*. (5)

6. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy có dự tính chia rẽ [nghĩ rằng]: "Các vị này tiêu mất đi! Các vị này biến mất đi! Ai mà cần đến các vị ấy?" rồi thực hiện lễ *Pavāraṇā*. Khi các vị ấy vừa thỉnh cầu xong, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] ít hơn đi đến. Các vị đã thỉnh cầu là đã thỉnh cầu tốt đẹp, [các vị đến sau] nên thỉnh cầu trong sự hiện diện của các vị ấy. Các vị đã thỉnh cầu thì phạm tội *Thullaccaya*. (6)

7. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy có dự tính chia rẽ [nghĩ rằng]: "Các vị này tiêu mất đi! Các vị này biến mất đi! Ai mà cần đến các vị ấy?" rồi thực hiện lễ *Pavāraṇā*. Khi các vị ấy vừa thỉnh cầu xong, trong khi

tập thể chưa đứng lên, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] nhiều hơn đi đến. Này các Tỳ-khưu, các vị Tỳ-khưu ấy nên thỉnh cầu lại. Các vị đã thỉnh cầu thì phạm tội *Thullaccaya*. (7)

8. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy có dự tính chia rẽ [nghĩ rằng]: "Các vị này tiêu mất đi! Các vị này biến mất đi! Ai mà cần đến các vị ấy?" rồi thực hiện lễ *Pavāraṇā*. Khi các vị ấy vừa thỉnh cầu xong, trong khi tập thể chưa đứng lên, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] tương đương đi đến. Các vị đã thỉnh cầu là đã thỉnh cầu tốt đẹp, các vị còn lại nên thỉnh cầu. Các vị đã thỉnh cầu thì phạm tội *Thullaccaya*. (8)

9. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy có dự tính chia rẽ [nghĩ rằng]: "Các vị này tiêu mất đi! Các vị này biến mất đi! Ai mà cần đến các vị ấy?" rồi thực hiện lễ *Pavāraṇā*. Khi các vị ấy vừa thỉnh cầu xong, trong khi tập thể chưa đứng lên, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] ít hơn đi đến. Các vị đã thỉnh cầu là đã thỉnh cầu tốt đẹp, [các vị đến sau] nên thỉnh cầu trong sự hiện diện của các vị ấy. Các vị đã thỉnh cầu thì phạm tội *Thullaccaya*. (9)

10. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy có dự tính chia rẽ [nghĩ rằng]: "Các vị này tiêu mất đi! Các vị này biến mất đi! Ai mà cần đến các vị ấy?" rồi thực hiện lễ *Pavāraṇā*. Khi các vị ấy vừa thỉnh cầu xong, một số vị ở tập thể đã đứng lên, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] nhiều hơn đi đến. Này các Tỳ-khưu, các vị Tỳ-khưu ấy nên thỉnh cầu lại. Các vị đã thỉnh cầu thì phạm tội *Thullaccaya*. (10)

11. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy có dự tính chia rẽ [nghĩ rằng]: "Các vị này tiêu mất đi! Các vị này biến mất đi! Ai mà cần đến các vị ấy?" rồi thực hiện lễ *Pavāraṇā*. Khi các vị ấy vừa thỉnh cầu xong, một số vị ở tập thể đã đứng lên, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] tương đương đi đến. Các vị đã thỉnh cầu là đã thỉnh cầu tốt đẹp, các vị còn lại nên thỉnh cầu. Các vị đã thỉnh cầu thì phạm tội *Thullaccaya*. (11)

12. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy có dự tính chia rẽ [nghĩ rằng]: "Các vị này tiêu mất đi! Các vị này biến mất đi! Ai mà cần đến các vị ấy?" rồi thực hiện lễ *Pavāraṇā*. Khi các vị ấy vừa thỉnh cầu xong, một số vị ở tập thể đã đứng lên, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] ít hơn đi đến.

Các vị đã thỉnh cầu là đã thỉnh cầu tốt đẹp, [các vị đến sau] nên thỉnh cầu trong sự hiện diện của các vị ấy. Các vị đã thỉnh cầu thì phạm tội *Thullaccaya*. (12)

13. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy có dự tính chia rẽ [nghĩ rằng]: "Các vị này tiêu mất đi! Các vị này biến mất đi! Ai mà cần đến các vị ấy?" rồi thực hiện lễ *Pavāraṇā*. Khi các vị ấy vừa thỉnh cầu xong, toàn bộ tập thể đã đứng lên, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] nhiều hơn đi đến. Này các Tỳ-khưu, các vị Tỳ-khưu ấy nên thỉnh cầu lại. Các vị đã thỉnh cầu thì phạm tội *Thullaccaya*. (13)

14. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy có dự tính chia rẽ [nghĩ rằng]: "Các vị này tiêu mất đi! Các vị này biến mất đi! Ai mà cần đến các vị ấy?" rồi thực hiện lễ *Pavāraṇā*. Khi các vị ấy vừa thỉnh cầu xong, toàn bộ tập thể đã đứng lên, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] tương đương đi đến. Các vị đã thỉnh cầu là đã thỉnh cầu tốt đẹp, các vị còn lại nên thỉnh cầu. Các vị đã thỉnh cầu thì phạm tội *Thullaccaya*. (14)

15. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy biết rằng: "Có những Tỳ-khưu thường trú khác chưa đi đến." Các vị ấy có dự tính chia rẽ [nghĩ rằng]: "Các vị này tiêu mất đi! Các vị này biến mất đi! Ai mà cần đến các vị ấy?" rồi thực hiện lễ *Pavāraṇā*. Khi các vị ấy vừa thỉnh cầu xong, toàn bộ tập thể đã đứng lên, có các Tỳ-khưu thường trú khác [có số lượng] ít hơn đi đến. Các vị đã thỉnh cầu là đã thỉnh cầu tốt đẹp, [các vị đến sau] nên thỉnh cầu trong sự hiện diện của các vị ấy. Các vị đã thỉnh cầu thì phạm tội *Thullaccaya*. (15)

Dứt mười lăm trường hợp có dự tính chia rẽ.
Dứt hai mươi lăm nhóm ba.

*****

1. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, có nhiều Tỳ-khưu thường trú tụ hội lại là năm vị hoặc hơn. Các vị ấy không biết rằng: "Các vị Tỳ-khưu thường trú khác đang đi vào trong ranh giới", ...(nt)... Các vị ấy không biết rằng: "Các vị Tỳ-khưu thường trú khác đã đi vào trong ranh giới", ...(nt)... Các vị ấy không nhìn thấy các vị Tỳ-khưu thường trú khác đang đi vào trong ranh giới, ...(nt)... Các vị ấy không nhìn thấy các vị Tỳ-khưu thường trú khác đã đi vào trong ranh giới, ...(nt)... Các vị ấy không nghe rằng: "Các vị Tỳ-khưu thường trú khác đang đi vào trong ranh giới", ...(nt)... Các vị ấy không nghe rằng: "Các vị Tỳ-khưu thường trú khác đã đi vào trong ranh giới", ...(nt)... Theo phương thức của một trăm bảy mươi lăm nhóm ba về vị

thường trú với vị thường trú, về vị vãng lai với vị thường trú, về vị thường trú với vị vãng lai, về vị vãng lai với vị vãng lai, bằng cách thức thêm vào những phần tương tợ thì tạo ra được bảy trăm nhóm ba.

2. Này các Tỳ-khưu, trường hợp ngày mười bốn là của các Tỳ-khưu thường trú, ngày mười lăm là của các Tỳ-khưu vãng lai. Nếu các vị thường trú [có số lượng] nhiều hơn thì các vị vãng lai nên thuận theo các vị thường trú. Nếu [có số lượng] tương đương thì các vị vãng lai nên thuận theo các vị thường trú. Nếu các vị vãng lai [có số lượng] nhiều hơn thì các vị thường trú nên thuận theo các vị vãng lai.

3. Này các Tỳ-khưu, trường hợp ngày mười lăm là của các Tỳ-khưu thường trú, ngày mười bốn là của các Tỳ-khưu vãng lai. Nếu các vị thường trú [có số lượng] nhiều hơn thì các vị vãng lai nên thuận theo các vị thường trú. Nếu [có số lượng] tương đương thì các vị vãng lai nên thuận theo các vị thường trú. Nếu các vị vãng lai [có số lượng] nhiều hơn thì các vị thường trú nên thuận theo các vị vãng lai.

4. Này các Tỳ-khưu, trường hợp ngày đầu tháng là của các Tỳ-khưu thường trú, ngày mười lăm là của các Tỳ-khưu vãng lai. Nếu các vị thường trú [có số lượng] nhiều hơn và các vị thường trú không mong muốn thì không nên ban cho sự hợp nhất đến các vị vãng lai; các vị vãng lai nên đi ra khỏi ranh giới rồi tiến hành lễ *Pavāraṇā*. Nếu [có số lượng] tương đương và các vị thường trú không mong muốn thì không nên ban cho sự hợp nhất đến các vị vãng lai; các vị vãng lai nên đi ra khỏi ranh giới rồi tiến hành lễ *Pavāraṇā*. Nếu các vị vãng lai [có số lượng] nhiều hơn thì các vị thường trú nên ban cho sự hợp nhất đến các vị vãng lai hoặc là nên đi ra khỏi ranh giới.

5. Này các Tỳ-khưu, trường hợp ngày mười lăm là của các Tỳ-khưu thường trú, ngày đầu tháng là của các Tỳ-khưu vãng lai. Nếu các vị thường trú [có số lượng] nhiều hơn thì các vị vãng lai nên ban cho sự hợp nhất đến các vị thường trú hoặc là nên đi ra khỏi ranh giới. Nếu [có số lượng] tương đương thì các vị vãng lai nên ban cho sự hợp nhất đến các vị thường trú hoặc là nên đi ra khỏi ranh giới. Nếu các vị vãng lai [có số lượng] nhiều hơn và các vị vãng lai không mong muốn, thì không nên ban cho sự hợp nhất đến các vị thường trú; các vị thường trú nên đi ra khỏi ranh giới rồi tiến hành lễ *Pavāraṇā*.

6. Này các Tỳ-khưu, trường hợp các Tỳ-khưu vãng lai nhìn thấy sự biểu hiện của việc cư trú, đặc điểm của việc cư trú, hiện tướng của việc cư trú, dấu hiệu của việc cư trú của các vị Tỳ-khưu thường trú [như là] giường, ghế, nệm, gối được sắp xếp cẩn thận; nước uống, nước rửa khéo được bố trí; phòng ốc được quét dọn sạch sẽ, sau khi nhìn thấy, khởi lên nghi ngờ: "Có các Tỳ-khưu thường trú hay không có?" Các vị nghi ngờ nhưng không tìm kiếm, sau khi không tìm kiếm rồi tiến hành lễ *Pavāraṇā* thì phạm tội *Dukkaṭa*. ...(nt)... Các vị nghi ngờ rồi tìm kiếm, sau khi tìm kiếm không nhìn thấy, sau khi không nhìn

thấy rồi tiến hành lễ *Pavāraṇā* thì vô tội. Các vị nghi ngờ rồi tìm kiếm, sau khi tìm kiếm thì nhìn thấy, sau khi nhìn thấy rồi tiến hành lễ *Pavāraṇā* chung thì vô tội. Các vị nghi ngờ rồi tìm kiếm, sau khi tìm kiếm thì nhìn thấy, sau khi nhìn thấy rồi tiến hành lễ *Pavāraṇā* riêng rẽ thì phạm tội *Dukkaṭa*. Các vị nghi ngờ rồi tìm kiếm, sau khi tìm kiếm thì nhìn thấy, sau khi nhìn thấy có dự tính chia rẽ [nói rằng]: "Các vị này tiêu mất đi! Các vị này biến mất đi! Ai mà cần đến các vị ấy?" rồi tiến hành lễ *Pavāraṇā* thì phạm tội *Thullaccaya*.

7. Này các Tỳ-khưu, trường hợp các Tỳ-khưu vãng lai nghe được sự biểu hiện của việc cư trú, đặc điểm của việc cư trú, hiện tướng của việc cư trú, dấu hiệu của việc cư trú của các vị Tỳ-khưu thường trú [như là] tiếng bước chân của những vị đang đi kinh hành, tiếng học bài, tiếng đằng hắng, tiếng hắt hơi, sau khi nghe khởi lên nghi ngờ: "Có các Tỳ-khưu thường trú hay không có?" Các vị nghi ngờ nhưng không tìm kiếm, sau khi không tìm kiếm rồi tiến hành lễ *Pavāraṇā* thì phạm tội *Dukkaṭa*. ...(nt)... Các vị nghi ngờ rồi tìm kiếm, sau khi tìm kiếm không nhìn thấy, sau khi không nhìn thấy rồi tiến hành lễ *Pavāraṇā* thì vô tội. ...(nt)... Các vị nghi ngờ rồi tìm kiếm, sau khi tìm kiếm thì nhìn thấy, sau khi nhìn thấy rồi tiến hành lễ *Pavāraṇā* chung thì vô tội. ...(nt)... Các vị nghi ngờ rồi tìm kiếm, sau khi tìm kiếm thì nhìn thấy, sau khi nhìn thấy rồi tiến hành lễ *Pavāraṇā* riêng rẽ thì phạm tội *Dukkaṭa*. ...(nt)... Các vị nghi ngờ rồi tìm kiếm, sau khi tìm kiếm thì nhìn thấy, sau khi nhìn thấy có dự tính chia rẽ [nói rằng]: "Các vị này tiêu mất đi! Các vị này biến mất đi! Ai mà cần đến các vị ấy?" rồi tiến hành lễ *Pavāraṇā* thì phạm tội *Thullaccaya*.

8. Này các Tỳ-khưu, trường hợp các Tỳ-khưu thường trú nhìn thấy sự biểu hiện của việc đi đến, đặc điểm của việc đi đến, hiện tướng của việc đi đến, dấu hiệu của việc đi đến của các Tỳ-khưu vãng lai [như là] bình bát khác lạ, y khác lạ, vật lót ngồi khác lạ, sự vung vãi nước rửa các bàn chân, sau khi nhìn thấy, khởi lên nghi ngờ: "Có các vị Tỳ-khưu vãng lai hay không có?" Các vị nghi ngờ nhưng không tìm kiếm, sau khi không tìm kiếm rồi tiến hành lễ *Pavāraṇā* thì phạm tội *Dukkaṭa*. ...(nt)... Các vị nghi ngờ rồi tìm kiếm, sau khi tìm kiếm không nhìn thấy, sau khi không nhìn thấy rồi tiến hành lễ *Pavāraṇā* thì vô tội. ...(nt)... Các vị nghi ngờ rồi tìm kiếm, sau khi tìm kiếm thì nhìn thấy, sau khi nhìn thấy rồi tiến hành lễ *Pavāraṇā* chung thì vô tội. ...(nt)... Các vị nghi ngờ rồi tìm kiếm, sau khi tìm kiếm thì nhìn thấy, sau khi nhìn thấy rồi tiến hành lễ *Pavāraṇā* riêng rẽ thì phạm tội *Dukkaṭa*. ...(nt)... Các vị nghi ngờ rồi tìm kiếm, sau khi tìm kiếm thì nhìn thấy, sau khi nhìn thấy, có dự tính chia rẽ [nói rằng]: "Các vị này tiêu mất đi! Các vị này biến mất đi! Ai mà cần đến các vị ấy?" rồi tiến hành lễ *Pavāraṇā* thì phạm tội *Thullaccaya*.

9. Này các Tỳ-khưu, trường hợp các Tỳ-khưu thường trú nghe được sự biểu hiện của việc đi đến, đặc điểm của việc đi đến, hiện tướng của việc đi đến, dấu hiệu của việc đi đến của các Tỳ-khưu vãng lai [như là] tiếng bước chân của các vị đang đi đến, tiếng động gây nên bởi các đôi dép, tiếng đằng hắng, tiếng hắt

hơi, sau khi nghe, khởi lên nghi ngờ: "Có các vị Tỳ-khưu vãng lai hay không có?" Các vị nghi ngờ nhưng không tìm kiếm, sau khi không tìm kiếm rồi tiến hành lễ *Pavāraṇā* thì phạm tội *Dukkaṭa*. ...(nt)... Các vị nghi ngờ rồi tìm kiếm, sau khi tìm kiếm không nhìn thấy, sau khi không nhìn thấy rồi tiến hành lễ *Pavāraṇā* thì vô tội. ...(nt)... Các vị nghi ngờ rồi tìm kiếm, sau khi tìm kiếm thì nhìn thấy, sau khi nhìn thấy rồi tiến hành lễ *Pavāraṇā* chung thì vô tội. ...(nt)... Các vị nghi ngờ rồi tìm kiếm, sau khi tìm kiếm thì nhìn thấy, sau khi nhìn thấy rồi tiến hành lễ *Pavāraṇā* riêng rẽ thì phạm tội *Dukkaṭa*. ...(nt)... Các vị nghi ngờ rồi tìm kiếm, sau khi tìm kiếm thì nhìn thấy, sau khi nhìn thấy, có dự tính chia rẽ [nói rằng]: "Các vị này tiêu mất đi! Các vị này biến mất đi! Ai mà cần đến các vị ấy?" rồi tiến hành lễ *Pavāraṇā* thì phạm tội *Thullaccaya*.

10. Này các Tỳ-khưu, trường hợp các Tỳ-khưu vãng lai nhìn thấy các Tỳ-khưu thường trú thuộc nhóm cộng trú khác. Các vị ấy nhận lầm là thuộc cùng nhóm cộng trú, sau khi nhận lầm là thuộc cùng nhóm cộng trú rồi không hỏi, sau khi không hỏi rồi tiến hành lễ *Pavāraṇā* chung thì vô tội. ...(nt)... Các vị ấy hỏi, sau khi hỏi vẫn không xác quyết, sau khi không xác quyết lại tiến hành lễ *Pavāraṇā* chung thì phạm tội *Dukkaṭa*. ...(nt)... Các vị ấy hỏi, sau khi hỏi vẫn không xác quyết, sau khi không xác quyết rồi tiến hành lễ *Pavāraṇā* riêng rẽ thì vô tội.

11. Này các Tỳ-khưu, trường hợp các Tỳ-khưu vãng lai nhìn thấy các Tỳ-khưu thường trú thuộc cùng nhóm cộng trú. Các vị ấy nhận lầm thuộc nhóm cộng trú khác, sau khi nhận lầm thuộc nhóm cộng trú khác lại không hỏi, sau khi không hỏi lại tiến hành lễ *Pavāraṇā* chung thì phạm tội *Dukkaṭa*. ...(nt)... Các vị ấy hỏi, sau khi hỏi rồi xác quyết, sau khi xác quyết lại tiến hành lễ *Pavāraṇā* riêng rẽ thì phạm tội *Dukkaṭa*. ...(nt)... Các vị ấy hỏi, sau khi hỏi rồi xác quyết, sau khi xác quyết rồi tiến hành lễ *Pavāraṇā* chung thì vô tội.

12. Này các Tỳ-khưu, trường hợp các Tỳ-khưu thường trú nhìn thấy các Tỳ-khưu vãng lai thuộc nhóm cộng trú khác. Các vị ấy nhận lầm thuộc cùng nhóm cộng trú, sau khi nhận lầm là thuộc cùng nhóm cộng trú rồi không hỏi, sau khi không hỏi rồi tiến hành lễ *Pavāraṇā* chung thì vô tội. ...(nt)... Các vị ấy hỏi, sau khi hỏi vẫn không xác quyết, sau khi không xác quyết lại tiến hành lễ *Pavāraṇā* chung thì phạm tội *Dukkaṭa*. ...(nt)... Các vị ấy hỏi, sau khi hỏi vẫn không xác quyết, sau khi không xác quyết rồi tiến hành lễ *Pavāraṇā* riêng rẽ thì vô tội.

13. Này các Tỳ-khưu, trường hợp các Tỳ-khưu thường trú nhìn thấy các Tỳ-khưu vãng lai thuộc cùng nhóm cộng trú. Các vị ấy nhận lầm thuộc nhóm cộng trú khác, sau khi nhận lầm thuộc nhóm cộng trú khác rồi không hỏi, sau khi không hỏi lại tiến hành lễ *Pavāraṇā* chung thì phạm tội *Dukkaṭa*. ...(nt)... Các vị ấy hỏi, sau khi hỏi rồi xác quyết, sau khi xác quyết lại tiến hành lễ *Pavāraṇā* riêng rẽ thì phạm tội *Dukkaṭa*. ...(nt)... Các vị ấy hỏi, sau khi hỏi rồi xác quyết, sau khi xác quyết rồi tiến hành lễ *Pavāraṇā* chung thì vô tội.

14. Này các Tỳ-khưu, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, từ chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, không nên đi đến chỗ trú ngụ không có Tỳ-khưu, trừ phi [đi cùng] với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm.

15. Này các Tỳ-khưu, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, từ chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, không nên đi đến nơi không phải là chỗ trú ngụ không có Tỳ-khưu, trừ phi [đi cùng] với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm.

16. Này các Tỳ-khưu, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, từ chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, không nên đi đến chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ không có Tỳ-khưu, trừ phi [đi cùng] với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm.

17. Này các Tỳ-khưu, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, từ nơi không phải là chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, không nên đi đến chỗ trú ngụ không có Tỳ-khưu, trừ phi [đi cùng] với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm.

18. Này các Tỳ-khưu, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, từ nơi không phải là chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, không nên đi đến nơi không phải là chỗ trú ngụ không có Tỳ-khưu, trừ phi [đi cùng] với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm.

19. Này các Tỳ-khưu, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, từ nơi không phải là chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, không nên đi đến chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ không có Tỳ-khưu, trừ phi [đi cùng] với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm.

20. Này các Tỳ-khưu, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, từ chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, không nên đi đến chỗ trú ngụ không có Tỳ-khưu, trừ phi [đi cùng] với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm.

21. Này các Tỳ-khưu, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, từ chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, không nên đi đến nơi không phải là chỗ trú ngụ không có Tỳ-khưu, trừ phi [đi cùng] với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm.

22. Này các Tỳ-khưu, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, từ chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, không nên đi đến chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ không có Tỳ-khưu, trừ phi [đi cùng] với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm.

23. Này các Tỳ-khưu, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, từ chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, không nên đi đến chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, nhưng các Tỳ-khưu ở nơi ấy là thuộc nhóm cộng trú khác, trừ phi [đi cùng] với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm.

24. Này các Tỳ-khưu, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, từ chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, không nên đi đến nơi không phải là chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, nhưng các Tỳ-khưu ở nơi ấy là thuộc nhóm cộng trú khác, trừ phi [đi cùng] với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm.

25. Này các Tỳ-khưu, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, từ chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, không nên đi đến chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, nhưng các Tỳ-khưu ở nơi ấy là thuộc nhóm cộng trú khác, trừ phi [đi cùng] với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm.

26. Này các Tỳ-khưu, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, từ nơi không phải là chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, không nên đi đến chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, nhưng các Tỳ-khưu ở nơi ấy là thuộc nhóm cộng trú khác, trừ phi [đi cùng] với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm.

27. Này các Tỳ-khưu, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, từ nơi không phải là chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, không nên đi đến nơi không phải là chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, nhưng các Tỳ-khưu ở nơi ấy là thuộc nhóm cộng trú khác, trừ phi [đi cùng] với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm.

28. Này các Tỳ-khưu, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, từ nơi không phải là chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, không nên đi đến chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, nhưng các Tỳ-khưu ở nơi ấy là thuộc nhóm cộng trú khác, trừ phi [đi cùng] với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm.

29. Này các Tỳ-khưu, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, từ chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, không nên đi đến chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, nhưng các Tỳ-khưu ở nơi ấy là thuộc nhóm cộng trú khác, trừ phi [đi cùng] với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm.

30. Này các Tỳ-khưu, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, từ chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, không nên đi đến nơi không phải là chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, nhưng các Tỳ-khưu ở nơi ấy là thuộc nhóm cộng trú khác, trừ phi [đi cùng] với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm.

31. Này các Tỳ-khưu, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, từ chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, không nên đi đến chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, nhưng các Tỳ-khưu ở nơi ấy là thuộc nhóm cộng trú khác, trừ phi [đi cùng] với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm.

32. Này các Tỳ-khưu, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, từ chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, có thể đi đến chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu và các Tỳ-khưu ở nơi ấy thuộc cùng nhóm cộng trú, nếu biết rằng: "Ta có thể đi đến nội trong ngày nay."

33. Này các Tỳ-khưu, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, từ chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu, có thể đi đến nơi không phải là chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu ...(nt)... chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu và các Tỳ-khưu ở nơi ấy thuộc cùng nhóm cộng trú, nếu biết rằng: "Ta có thể đi đến nội trong ngày nay."

34. Này các Tỳ-khưu, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, vị Tỳ-khưu từ nơi không phải là chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu có thể đi đến chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu ...(nt)... nơi không phải là chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu ...(nt)... chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu và các Tỳ-khưu ở nơi ấy thuộc cùng nhóm cộng trú, nếu biết rằng: "Ta có thể đi đến nội trong ngày nay."

35. Này các Tỳ-khưu, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, vị Tỳ-khưu từ chỗ trú ngụ hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu có thể đi đến chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu ...(nt)... nơi không phải là chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu ...(nt)... chỗ trú ngụ

hoặc nơi không phải là chỗ trú ngụ có Tỳ-khưu và các Tỳ-khưu ở nơi ấy thuộc cùng nhóm cộng trú, nếu biết rằng: "Ta có thể đi đến nội trong ngày nay."

36. Này các ...(nt)..., không nên thỉnh cầu với hội chúng đã ngồi xuống có vị Tỳ-khưu-ni; vị nào thỉnh cầu thì phạm tội *Dukkaṭa*.

37. Này các ...(nt)..., không nên thỉnh cầu với hội chúng đã ngồi xuống có cô Ni tu tập sự ...(nt)... có vị Sa-di ...(nt)... có vị Sa-di-ni ...(nt)... có người đã xả bỏ sự học tập ...(nt)... có vị đã phạm tội cực nặng; vị nào thỉnh cầu thì phạm tội *Dukkaṭa*.

38. Không nên thỉnh cầu với hội chúng đã ngồi xuống có vị bị án treo về việc không nhìn nhận tội; vị nào thỉnh cầu thì nên được hành xử theo pháp.

39. Không nên thỉnh cầu với hội chúng đã ngồi xuống có vị bị án treo về việc không sửa chữa lỗi ...(nt)... có vị bị án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác; vị nào thỉnh cầu thì nên được hành xử theo pháp.

40. Này các Tỳ-khưu, không nên thỉnh cầu với hội chúng đã ngồi xuống có kẻ vô căn; vị nào thỉnh cầu thì phạm tội *Dukkaṭa*.

41. Không nên thỉnh cầu với hội chúng đã ngồi xuống có kẻ trộm tướng mạo [Tỳ-khưu] ...(nt)... có kẻ đã đi theo ngoại đạo ...(nt)... có loài thú ...(nt)... có kẻ giết mẹ ...(nt)... có kẻ giết cha ...(nt)... có kẻ giết A-la-hán ...(nt)... có kẻ làm nhơ Tỳ-khưu-ni ...(nt)... có kẻ chia rẽ hội chúng ...(nt)... có kẻ làm chảy máu [đức Phật] ...(nt)... có kẻ lưỡng căn; vị nào thỉnh cầu thì phạm tội *Dukkaṭa*.

42. Này các Tỳ-khưu, lễ *Pavāraṇā* không nên tiến hành với việc trao ra sự trong sạch của vị hành *Parivāsa*, trừ trường hợp tập thể còn chưa đứng lên.

43. Này các Tỳ-khưu, không nên tiến hành lễ *Pavāraṇā* không nhằm ngày *Pavāraṇā*, trừ phi vào lúc hợp nhất hội chúng.

Dứt tụng phẩm thứ nhì.

*****

1. Vào lúc bấy giờ, tại trú xứ nọ trong xứ Kosala, vào ngày lễ *Pavāraṇā* đã có sự sợ hãi vì đám lục lâm. Các vị Tỳ-khưu đã không thể thỉnh cầu ba lần đọc. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thỉnh cầu hai lần đọc.

Đã có sự sợ hãi dữ dội hơn vì đám lục lâm. Các vị Tỳ-khưu đã không thể thỉnh cầu hai lần đọc. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thỉnh cầu một lần đọc.

Đã có sự sợ hãi dữ dội hơn vì đám lục lâm. Các vị Tỳ-khưu đã không thể thỉnh cầu một lần đọc. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thỉnh cầu [cùng một lượt] theo sự đồng năm tu.

2. Vào lúc bấy giờ, tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, trong khi dân chúng còn đang cúng dường vật thí thì đêm đã gần tàn. Khi ấy, các vị Tỳ-khưu ấy đã khởi ý rằng: "Trong khi những người này còn đang cúng dường vật thí thì đêm đã gần tàn, nếu hội chúng sẽ thỉnh cầu ba lần đọc thì hội chúng sẽ không thỉnh cầu xong và khi ấy, đêm nay sẽ hừng sáng, vậy chúng ta nên thực hành như thế nào?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, trong khi dân chúng còn đang cúng dường vật thí thì đêm đã gần tàn. Nếu các vị Tỳ-khưu ở đó khởi ý như vầy: "Trong khi những người này còn đang cúng dường vật thí thì đêm đã gần tàn, nếu hội chúng sẽ thỉnh cầu ba lần đọc thì hội chúng sẽ không thỉnh cầu xong và khi ấy, đêm nay sẽ hừng sáng." Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Trong khi dân chúng còn đang cúng dường vật thí thì đêm đã gần tàn, nếu hội chúng sẽ thỉnh cầu ba lần đọc thì hội chúng sẽ không thỉnh cầu xong và khi ấy, đêm nay sẽ hừng sáng. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên thỉnh cầu hai lần đọc ...(nt)... một lần đọc ...(nt)... theo sự đồng năm tu."

3. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, trong khi các vị Tỳ-khưu đang giảng pháp ...(nt)... trong khi các vị chuyên về Kinh đang trùng tụng về Kinh ...(nt)... trong khi các vị chuyên về Luật đang hỏi về Luật ...(nt)... trong khi các vị Pháp sư đang thảo luận về Pháp ...(nt)... trong khi các vị Tỳ-khưu đang tranh cãi thì đêm đã gần tàn. Nếu các vị Tỳ-khưu ở đó khởi ý như vầy: "Trong khi các vị Tỳ-khưu đang tranh cãi thì đêm đã gần tàn, nếu hội chúng sẽ thỉnh cầu ba lần đọc thì hội chúng sẽ không thỉnh cầu xong và khi ấy đêm nay sẽ hừng sáng." Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Trong khi các vị Tỳ-khưu đang tranh cãi thì đêm đã gần tàn, nếu hội chúng sẽ thỉnh cầu ba lần đọc, thì hội chúng sẽ không thỉnh cầu xong và khi ấy, đêm nay sẽ hừng sáng. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên thỉnh cầu hai lần đọc ...(nt)... một lần đọc ...(nt)... theo sự đồng năm tu."

4. Vào lúc bấy giờ, tại trú xứ nọ trong xứ Kosala, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, có hội chúng Tỳ-khưu đông đảo đã tụ hội lại. Chỗ trú mưa thì ít ỏi và đám mây đen lớn đã kéo đến. Khi ấy, các vị Tỳ-khưu ấy đã khởi ý điều này: "Hội chúng Tỳ-khưu đông đảo này đã tụ hội lại. Chỗ trú mưa thì ít ỏi và đám mây đen lớn đã kéo đến. Nếu hội chúng sẽ thỉnh cầu ba lần đọc thì hội chúng sẽ không thỉnh cầu xong và đám mây đen này sẽ đổ mưa, vậy chúng ta nên thực hành như thế nào?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, có hội chúng Tỳ-khưu đông đảo tụ hội lại. Chỗ trú mưa thì ít ỏi và đám mây đen lớn đã kéo đến. Nếu các vị Tỳ-khưu ở đó khởi ý như vầy: "Hội chúng Tỳ-khưu đông đảo này đã tụ hội lại. Chỗ trú mưa thì ít ỏi và đám mây đen lớn đã kéo đến. Nếu

hội chúng sẽ thỉnh cầu ba lần đọc thì hội chúng sẽ không thỉnh cầu xong và đám mây đen này sẽ đổ mưa." Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Hội chúng Tỳ-khưu đông đảo này đã tụ hội lại. Chỗ trú mưa thì ít ỏi và đám mây đen lớn đã kéo đến. Nếu hội chúng sẽ thỉnh cầu ba lần đọc thì hội chúng sẽ không thỉnh cầu xong và đám mây đen này sẽ đổ mưa. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên thỉnh cầu hai lần đọc ...(nt)... một lần đọc ...(nt)... theo sự đồng năm tu."

5. Này các Tỳ-khưu, trường hợp tại trú xứ nọ, vào ngày lễ *Pavāraṇā*, có sự nguy hiểm từ đức vua ...(nt)... có sự nguy hiểm vì trộm cướp ...(nt)... có sự nguy hiểm vì hỏa hoạn ...(nt)... có sự nguy hiểm vì nước ngập ...(nt)... có sự nguy hiểm vì loài người ...(nt)... có sự nguy hiểm vì phi nhân ...(nt)... có sự nguy hiểm vì thú dữ ...(nt)... có sự nguy hiểm vì rắn ...(nt)... có sự nguy hiểm cho mạng sống ...(nt)... có sự nguy hiểm cho Phạm hạnh. Nếu các vị Tỳ-khưu ở đó khởi ý như vầy: "Đây là sự nguy hiểm cho Phạm hạnh. Nếu hội chúng sẽ thỉnh cầu ba lần đọc thì hội chúng sẽ không thỉnh cầu xong và điều này sẽ là sự nguy hiểm cho Phạm hạnh." Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Đây là sự nguy hiểm cho Phạm hạnh. Nếu hội chúng sẽ thỉnh cầu ba lần đọc thì hội chúng sẽ không thỉnh cầu xong và điều này sẽ là sự nguy hiểm cho Phạm hạnh. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên thỉnh cầu hai lần đọc ...(nt)... một lần đọc ...(nt)... theo sự đồng năm tu.'"

6. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư là những vị có phạm tội tiến hành lễ *Pavāraṇā*. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, vị có phạm tội không nên thỉnh cầu; vị nào thỉnh cầu thì phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, vị nào có phạm tội mà thỉnh cầu thì Ta cho phép buộc tội vị ấy sau khi đã thỉnh ý trước.

7. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư trong khi được thỉnh ý trước đã không muốn để cho thỉnh ý. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép đình chỉ sự thỉnh cầu đối với vị không cho thỉnh ý. Và này các Tỳ-khưu, nên đình chỉ như vầy: Vào ngày lễ *Pavāraṇā* là ngày mười bốn hoặc mười lăm, trong khi nhân vật ấy có hiện diện ở giữa hội chúng nên trình lên rằng: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nhân vật tên [như vầy] có phạm tội. Tôi đình chỉ sự thỉnh cầu của vị ấy. Không nên thỉnh cầu trong sự hiện diện của vị ấy." Sự thỉnh cầu đã được đình chỉ.

8. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư [nghĩ rằng]: "Trước hết, các vị Tỳ-khưu hiền thiện sẽ đình chỉ sự thỉnh cầu của chúng ta" nên ra tay trước, đình chỉ sự thỉnh cầu của các vị Tỳ-khưu trong sạch không phạm tội khi không có cơ sở, không có nguyên nhân. Các vị cũng đình chỉ sự thỉnh cầu của các vị đã thỉnh cầu xong. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên đình chỉ sự thỉnh cầu của các vị Tỳ-khưu trong sạch không phạm tội khi không có cơ sở, không có nguyên nhân; vị nào đình chỉ thì phạm tội *Dukkaṭa*. Và này các Tỳ-khưu, không nên đình chỉ sự thỉnh cầu của các vị đã thỉnh cầu xong; vị nào đình chỉ thì phạm tội *Dukkaṭa*.

9. Này các Tỳ-khưu, như vầy là sự thỉnh cầu bị đình chỉ, như vầy là không bị đình chỉ. Này các Tỳ-khưu, thế nào là sự thỉnh cầu không bị đình chỉ? Này các Tỳ-khưu, trong sự thỉnh cầu với ba lần đọc, nếu đình chỉ sự thỉnh cầu vào lúc đã đọc, đã nói, đã hoàn tất thì sự thỉnh cầu không bị đình chỉ. Này các Tỳ-khưu, trong sự thỉnh cầu hai lần đọc, nếu ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, trong sự thỉnh cầu một lần đọc, nếu ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, trong sự thỉnh cầu [đọc một lượt] theo sự đồng năm tu, nếu đình chỉ sự thỉnh cầu vào lúc đã đọc, đã nói, đã hoàn tất thì sự thỉnh cầu không bị đình chỉ. Này các Tỳ-khưu, như thế là sự thỉnh cầu không bị đình chỉ.

10. Này các Tỳ-khưu, thế nào là sự thỉnh cầu bị đình chỉ? Này các Tỳ-khưu, trong sự thỉnh cầu ba lần đọc, nếu đình chỉ sự thỉnh cầu vào lúc đã đọc, đã nói, [nhưng] chưa được hoàn tất thì sự thỉnh cầu bị đình chỉ. Này các Tỳ-khưu, trong sự thỉnh cầu hai lần đọc, nếu ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, trong sự thỉnh cầu một lần đọc, nếu ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, trong sự thỉnh cầu [đọc một lượt] theo sự đồng năm tu, nếu đình chỉ sự thỉnh cầu vào lúc đã đọc, đã nói, [nhưng] chưa được hoàn tất thì sự thỉnh cầu bị đình chỉ. Này các Tỳ-khưu, như thế là sự thỉnh cầu bị đình chỉ.

11. Này các Tỳ-khưu, trường hợp trong ngày lễ *Pavāraṇā*, có vị Tỳ-khưu đình chỉ sự thỉnh cầu của vị Tỳ-khưu. Nếu các vị Tỳ-khưu khác biết về vị Tỳ-khưu [đình chỉ] ấy rằng: "Đại đức này có sở hành về thân không được trong sạch, có sở hành về khẩu không được trong sạch, có sự nuôi mạng không được trong sạch, [là vị] ngu dốt, không kinh nghiệm, không có năng lực đối đáp lại khi bị tra hỏi." Sau khi đã răn đe rằng: "Này Tỳ-khưu, thôi đi! Chớ có sự xung đột, chớ có sự cãi cọ, chớ có sự tranh luận, chớ có sự tranh tụng!" rồi hội chúng nên tiến hành lễ *Pavāraṇā*.

12. Này các Tỳ-khưu, trường hợp trong ngày lễ *Pavāraṇā*, có vị Tỳ-khưu đình chỉ sự thỉnh cầu của vị Tỳ-khưu. Nếu các vị Tỳ-khưu khác biết về vị Tỳ-khưu [đình chỉ] ấy rằng: "Đại đức này có sở hành về thân được trong sạch, có sở hành về khẩu không được trong sạch, có sự nuôi mạng không được trong sạch, [là vị] ngu dốt, không kinh nghiệm, không có năng lực đối đáp lại khi bị tra hỏi." Sau khi đã răn đe rằng: "Này Tỳ-khưu, thôi đi! Chớ có sự xung đột, chớ có sự cãi cọ, chớ có sự tranh luận, chớ có sự tranh tụng!" rồi hội chúng nên tiến hành lễ *Pavāraṇā*.

13. Này các Tỳ-khưu, trường hợp trong ngày lễ *Pavāraṇā*, có vị Tỳ-khưu đình chỉ sự thỉnh cầu của vị Tỳ-khưu. Nếu các vị Tỳ-khưu khác biết về vị Tỳ-khưu [đình chỉ] ấy rằng: "Đại đức này có sở hành về thân được trong sạch, có

sở hành về khẩu được trong sạch, có sự nuôi mạng không được trong sạch, [là vị] ngu dốt, không kinh nghiệm, không có năng lực đối đáp lại khi bị tra hỏi." Sau khi đã răn đe rằng: "Này Tỳ-khưu, thôi đi! Chớ có sự xung đột, chớ có sự cãi cọ, chớ có sự tranh luận, chớ có sự tranh tụng!" rồi hội chúng nên tiến hành lễ *Pavāraṇā*.

14. Này các Tỳ-khưu, trường hợp trong ngày lễ *Pavāraṇā*, có vị Tỳ-khưu đình chỉ sự thỉnh cầu của vị Tỳ-khưu. Nếu các vị Tỳ-khưu khác biết về vị Tỳ-khưu [đình chỉ] ấy rằng: "Đại đức này có sở hành về thân được trong sạch, có sở hành về khẩu được trong sạch, có sự nuôi mạng được trong sạch, [là vị] ngu dốt, không kinh nghiệm, không có năng lực đối đáp lại khi bị tra hỏi." Sau khi đã răn đe rằng: "Này Tỳ-khưu, thôi đi! Chớ có sự xung đột, chớ có sự cãi cọ, chớ có sự tranh luận, chớ có sự tranh tụng!" rồi hội chúng nên tiến hành lễ *Pavāraṇā*.

15. Này các Tỳ-khưu, trường hợp trong ngày lễ *Pavāraṇā*, có vị Tỳ-khưu đình chỉ sự thỉnh cầu của vị Tỳ-khưu. Nếu các vị Tỳ-khưu khác biết về vị Tỳ-khưu [đình chỉ] ấy rằng: "Đại đức này có sở hành về thân được trong sạch, có sở hành về khẩu được trong sạch, có sự nuôi mạng được trong sạch, [là vị] sáng trí, có kinh nghiệm, có năng lực đối đáp lại khi bị tra hỏi." Vị [đình chỉ] ấy nên được nói như sau: "Này Đại đức, việc Đại đức đình chỉ sự thỉnh cầu của vị Tỳ-khưu này, Đại đức đình chỉ vị này do điều gì? Đại đức đình chỉ do sự hư hỏng về giới, đình chỉ do sự hư hỏng về hạnh kiểm, đình chỉ do sự hư hỏng về tri kiến?"

16. Nếu vị ấy nói như vầy: "Hoặc là tôi đình chỉ do sự hư hỏng về giới, hoặc là tôi đình chỉ do sự hư hỏng về hạnh kiểm, hoặc là tôi đình chỉ do sự hư hỏng về tri kiến." Vị ấy nên được nói như sau: "Vậy vị Đại đức có biết sự hư hỏng về giới không, có biết sự hư hỏng về hạnh kiểm không, có biết sự hư hỏng về tri kiến không?" Nếu vị ấy nói như vầy: "Này các Đại đức, tôi biết sự hư hỏng về giới, tôi biết sự hư hỏng về hạnh kiểm, tôi biết sự hư hỏng về tri kiến." Vị ấy nên được nói như sau: "Này Đại đức, điều gì là sự hư hỏng về giới, điều gì là sự hư hỏng về hạnh kiểm, điều gì là sự hư hỏng về tri kiến?"

17. Nếu vị ấy nói như vầy: "Bốn *Pārājika*, mười ba *Saṅghādisesa*, đó là sự hư hỏng về giới. Tội *Thullaccaya*, tội *Pācittiya*, tội *Pāṭidesanīya*, tội *Dukkaṭa*, tội *Dubbhāsita*, đó là sự hư hỏng về hạnh kiểm. Tà kiến, tri kiến cực đoan, đó là sự hư hỏng về tri kiến." Vị ấy nên được nói như sau: "Này Đại đức, việc Đại đức đình chỉ sự thỉnh cầu của vị Tỳ-khưu này, có phải Đại đức đình chỉ do đã được thấy, đình chỉ do đã được nghe, đình chỉ do sự nghi ngờ?"

18. Nếu vị ấy nói như vầy: "Hoặc là tôi đình chỉ do đã được thấy, hoặc là tôi đình chỉ do đã được nghe, hoặc là tôi đình chỉ do sự nghi ngờ." Vị ấy nên được nói như sau: "Này Đại đức, việc Đại đức đình chỉ sự thỉnh cầu của vị Tỳ-khưu này do đã được thấy, Đại đức đã thấy gì? Đại đức đã thấy thế

nào? Đại đức đã thấy khi nào? Đại đức đã thấy ở đâu? Có phải đã thấy vị này đang phạm *Pārājika*, đã thấy đang phạm *Saṅghādisesa*, đã thấy đang phạm tội *Thullaccaya*... tội *Pācittiya*... tội *Pāṭidesanīya*... tội *Dukkaṭa*... tội *Dubbhāsita*? Và Đại đức đã ở đâu, và vị Tỳ-khưu này đã ở đâu, và Đại đức đã làm gì, và vị Tỳ-khưu này đã làm gì?"

19. Nếu vị ấy nói như vầy: "Này các Đại đức, tôi không đình chỉ sự thỉnh cầu của vị Tỳ-khưu này do đã được thấy, tuy nhiên tôi đình chỉ sự thỉnh cầu do đã được nghe." Vị ấy nên được nói như sau: "Này Đại đức, việc Đại đức đình chỉ sự thỉnh cầu của vị Tỳ-khưu này do đã được nghe, Đại đức đã nghe gì? Đại đức đã nghe thế nào? Đại đức đã nghe khi nào? Đại đức đã nghe ở đâu? Có phải đã nghe rằng: 'Vị này đã phạm tội *Pārājika*?' Có phải đã nghe rằng: 'Vị này đã phạm tội *Saṅghādisesa*?' Có phải đã nghe rằng: 'Vị này đã phạm tội *Thullaccaya*... tội *Pācittiya*... tội *Pāṭidesanīya*... tội *Dukkaṭa*... tội *Dubbhāsita*?' Có phải Đại đức đã nghe từ vị Tỳ-khưu, đã nghe từ vị Tỳ-khưu-ni, đã nghe từ cô Ni tu tập sự, đã nghe từ vị Sa-di, đã nghe từ vị Sa-di-ni, đã nghe từ nam cư sĩ, đã nghe từ nữ cư sĩ, đã nghe từ các đức vua, đã nghe từ các quan đại thần của đức vua, đã nghe từ các ngoại đạo, đã nghe từ các đệ tử của ngoại đạo?'"

20. Nếu vị ấy nói như vầy: "Này các Đại đức, tôi không đình chỉ sự thỉnh cầu của vị Tỳ-khưu này do đã được nghe, tuy nhiên tôi đình chỉ sự thỉnh cầu do sự nghi ngờ." Vị ấy nên được nói như sau: "Này Đại đức, việc Đại đức đình chỉ sự thỉnh cầu của vị Tỳ-khưu này do sự nghi ngờ, Đại đức nghi ngờ gì, nghi ngờ như thế nào, nghi ngờ khi nào, nghi ngờ ở đâu? Có phải Đại đức nghi ngờ rằng: 'Vị này đã phạm tội *Pārājika*?' Có phải Đại đức nghi ngờ rằng: 'Vị này đã phạm tội *Saṅghādisesa*?' Có phải Đại đức nghi ngờ rằng: 'Vị này đã phạm tội *Thullaccaya*... tội *Pācittiya*... tội *Pāṭidesanīya*... tội *Dukkaṭa*... tội *Dubbhāsita*?' Có phải Đại đức nghi ngờ sau khi nghe từ vị Tỳ-khưu, nghi ngờ sau khi nghe từ vị Tỳ-khưu-ni, nghi ngờ sau khi nghe từ cô Ni tu tập sự, nghi ngờ sau khi nghe từ vị Sa-di, nghi ngờ sau khi nghe từ vị Sa-di-ni, nghi ngờ sau khi nghe từ nam cư sĩ, nghi ngờ sau khi nghe từ nữ cư sĩ, nghi ngờ sau khi nghe từ các đức vua, nghi ngờ sau khi nghe từ các quan đại thần của đức vua, nghi ngờ sau khi nghe từ các ngoại đạo, nghi ngờ sau khi nghe từ các đệ tử của ngoại đạo?'"

21. Nếu vị ấy nói như vầy: "Này các Đại đức, tôi không đình chỉ sự thỉnh cầu của vị Tỳ-khưu này do sự nghi ngờ, hơn nữa tôi cũng không biết do điều gì tôi đình chỉ sự thỉnh cầu của vị Tỳ-khưu này." Này các Tỳ-khưu, nếu vị Tỳ-khưu buộc tội không làm thỏa mãn tâm của các vị đồng Phạm hạnh thông minh bằng lời đối đáp thì vừa đủ cho lời nói rằng: "Vị bị buộc tội là không đáng khiển trách." Này các Tỳ-khưu, nếu vị Tỳ-khưu buộc tội làm thỏa mãn tâm của các vị đồng Phạm hạnh thông minh bằng lời đối đáp thì vừa đủ cho lời nói rằng: "Vị bị buộc tội là đáng khiển trách."

22. Này các Tỳ-khưu, nếu vị Tỳ-khưu buộc tội thú nhận là [vị kia] đã bị bôi nhọ với tội *Pārājika* không có căn cứ, sau khi khép [vị buộc tội] vào tội

Saṅghādisesa rồi hội chúng nên tiến hành lễ *Pavāraṇā*. Này các Tỳ-khưu, nếu vị Tỳ-khưu buộc tội thú nhận là [vị kia] đã bị bôi nhọ với tội *Saṅghādisesa* không có căn cứ, sau khi cho hành xử [vị buộc tội] theo pháp rồi hội chúng nên tiến hành lễ *Pavāraṇā*. Này các Tỳ-khưu, nếu vị Tỳ-khưu buộc tội thú nhận là [vị kia] đã bị bôi nhọ với tội *Thullaccaya*,... với tội *Pācittiya*,... với tội *Pāṭidesanīya*,... với tội *Dukkaṭa*,... với tội *Dubbhāsita* không có căn cứ, sau khi cho hành xử [vị buộc tội] theo pháp rồi hội chúng nên tiến hành lễ *Pavāraṇā*.

23. Này các Tỳ-khưu, nếu vị Tỳ-khưu bị buộc tội thú nhận rằng: "Đã phạm tội *Pārājika*", sau khi trục xuất rồi, hội chúng nên tiến hành lễ *Pavāraṇā*. Này các Tỳ-khưu, nếu vị Tỳ-khưu bị buộc tội thú nhận rằng: "Đã phạm tội *Saṅghādisesa*", sau khi khép vào tội *Saṅghādisesa* rồi, hội chúng nên tiến hành lễ *Pavāraṇā*. Này các Tỳ-khưu, nếu vị Tỳ-khưu bị buộc tội thú nhận rằng: "Đã phạm tội *Thullaccaya*... tội *Pācittiya*... tội *Pāṭidesanīya*... tội *Dukkaṭa*... tội *Dubbhāsita*", sau khi cho hành xử [vị ấy] theo pháp rồi, hội chúng nên tiến hành lễ *Pavāraṇā*.

24. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vào ngày lễ *Pavāraṇā*, có vị Tỳ-khưu phạm tội *Thullaccaya*. Một số Tỳ-khưu có quan điểm là tội *Thullaccaya*, một số Tỳ-khưu có quan điểm là tội *Saṅghādisesa*. Này các Tỳ-khưu, các vị Tỳ-khưu nào có quan điểm là tội *Thullaccaya*, này các Tỳ-khưu, các vị ấy nên dẫn vị ấy đi ra một góc, sau khi cho [vị ấy] hành xử theo pháp, rồi đi đến gặp hội chúng và nên nói như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu ấy phạm tội nào, tội ấy của vị ấy đã được sửa chữa theo pháp. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên tiến hành lễ *Pavāraṇā*."

Này các Tỳ-khưu, trường hợp vào ngày lễ *Pavāraṇā*, có vị Tỳ-khưu phạm tội *Thullaccaya*. Một số Tỳ-khưu có quan điểm là tội *Thullaccaya*, một số Tỳ-khưu có quan điểm là tội *Pācittiya*, ...(nt)... Một số Tỳ-khưu có quan điểm là tội *Thullaccaya*, một số Tỳ-khưu có quan điểm là tội *Pāṭidesanīya*. ...(nt)... Một số Tỳ-khưu có quan điểm là tội *Thullaccaya*, một số Tỳ-khưu có quan điểm là tội *Dukkaṭa*. ...(nt)... Một số Tỳ-khưu có quan điểm là tội *Thullaccaya*, một số Tỳ-khưu có quan điểm là tội *Dubbhāsita*. Này các Tỳ-khưu, các vị Tỳ-khưu nào có quan điểm là tội *Thullaccaya*, này các Tỳ-khưu, các vị ấy nên dẫn vị ấy đi ra một góc, sau khi cho [vị ấy] hành xử theo pháp, rồi đi đến gặp hội chúng và nên nói như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu ấy phạm tội nào, tội ấy của vị ấy đã được sửa chữa theo pháp. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên tiến hành lễ *Pavāraṇā*."

25. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vào ngày lễ *Pavāraṇā*, có vị Tỳ-khưu đã phạm tội *Pācittiya*. Một số Tỳ-khưu có quan điểm là tội *Pācittiya*, một số Tỳ-khưu có quan điểm là tội *Saṅghādisesa*. Này các Tỳ-khưu, các vị Tỳ-khưu nào có quan điểm là tội *Pācittiya*, này các Tỳ-khưu, các vị ấy nên dẫn vị ấy đi ra một góc, sau khi cho [vị ấy] hành xử theo pháp, rồi đi đến gặp hội chúng và nên nói như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu ấy phạm tội nào, tội ấy của vị

ấy đã được sửa chữa theo pháp. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên tiến hành lễ *Pavāraṇā*."

Này các Tỳ-khưu, trường hợp vào ngày lễ *Pavāraṇā*, có vị Tỳ-khưu đã phạm tội *Pācittiya*. Một số Tỳ-khưu có quan điểm là tội *Pācittiya*, một số Tỳ-khưu có quan điểm là tội *Thullaccaya*. ...(nt)... Một số Tỳ-khưu có quan điểm là tội *Pācittiya*, một số Tỳ-khưu có quan điểm là tội *Pāṭidesanīya*. ...(nt)... Một số Tỳ-khưu có quan điểm là tội *Pācittiya*, một số Tỳ-khưu có quan điểm là tội *Dukkaṭa*. Một số Tỳ-khưu có quan điểm là tội *Pācittiya*, một số Tỳ-khưu có quan điểm là tội *Dubbhāsita*. ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, các vị Tỳ-khưu nào có quan điểm là tội *Pācittiya*, này các Tỳ-khưu, các vị ấy nên dẫn vị ấy đi ra một góc, sau khi cho [vị ấy] hành xử theo pháp, rồi đi đến gặp hội chúng và nên nói như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu ấy phạm tội nào, tội ấy của vị ấy đã được sửa chữa theo pháp. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên tiến hành lễ *Pavāraṇā*."

26. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vào ngày lễ *Pavāraṇā*, có vị Tỳ-khưu đã phạm tội *Pāṭidesanīya*. Một số Tỳ-khưu có quan điểm là tội *Pāṭidesanīya*, một số Tỳ-khưu có quan điểm là tội *Saṅghādisesa*. Này các Tỳ-khưu, các vị Tỳ-khưu nào có quan điểm là tội *Pāṭidesanīya*, này các Tỳ-khưu, các vị ấy nên dẫn vị ấy đi ra một góc, sau khi cho [vị ấy] hành xử theo pháp, rồi đi đến gặp hội chúng và nên nói như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu ấy phạm tội nào, tội ấy của vị ấy đã được sửa chữa theo pháp. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên tiến hành lễ *Pavāraṇā*."

Này các Tỳ-khưu, trường hợp vào ngày lễ *Pavāraṇā*, có vị Tỳ-khưu đã phạm tội *Pāṭidesanīya*. Một số Tỳ-khưu có quan điểm là tội *Pāṭidesanīya*, một số Tỳ-khưu có quan điểm là tội *Thullaccaya*. ...(nt)... Một số Tỳ-khưu có quan điểm là tội *Pāṭidesanīya*, một số Tỳ-khưu có quan điểm là tội *Pācittiya*. ...(nt)... Một số Tỳ-khưu có quan điểm là tội *Pāṭidesanīya*, một số Tỳ-khưu có quan điểm là tội *Dukkaṭa*. Một số Tỳ-khưu có quan điểm là tội *Pāṭidesanīya*, một số Tỳ-khưu có quan điểm là tội *Dubbhāsita*. ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, các vị Tỳ-khưu nào có quan điểm là tội *Pāṭidesanīya*, này các Tỳ-khưu, các vị ấy nên dẫn vị ấy đi ra một góc, sau khi cho [vị ấy] hành xử theo pháp, rồi đi đến gặp hội chúng và nên nói như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu ấy phạm tội nào, tội ấy của vị ấy đã được sửa chữa theo pháp. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên tiến hành lễ *Pavāraṇā*."

27. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vào ngày lễ *Pavāraṇā*, có vị Tỳ-khưu đã phạm tội *Dukkaṭa*. Một số Tỳ-khưu có quan điểm là tội *Dukkaṭa*, một số Tỳ-khưu có quan điểm là tội *Saṅghādisesa*. Này các Tỳ-khưu, các vị Tỳ-khưu nào có quan điểm là tội *Dukkaṭa*, này các Tỳ-khưu, các vị ấy nên dẫn vị ấy đi ra một góc, sau khi cho [vị ấy] hành xử theo pháp, rồi đi đến gặp hội chúng và nên nói như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu ấy phạm tội nào, tội ấy của vị ấy đã

được sửa chữa theo pháp. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên tiến hành lễ *Pavāraṇā*."

Này các Tỳ-khưu, trường hợp vào ngày lễ *Pavāraṇā*, có vị Tỳ-khưu đã phạm tội *Dukkaṭa*. Một số Tỳ-khưu có quan điểm là tội *Dukkaṭa*, một số Tỳ-khưu có quan điểm là tội *Thullaccaya*. ...(nt)... Một số Tỳ-khưu có quan điểm là tội *Dukkaṭa*, một số Tỳ-khưu có quan điểm là tội *Pācittiya*. ...(nt)... Một số Tỳ-khưu có quan điểm là tội *Dukkaṭa*, một số Tỳ-khưu có quan điểm là tội *Pāṭidesanīya*. ...(nt)... Một số Tỳ-khưu có quan điểm là tội *Dukkaṭa*, một số Tỳ-khưu có quan điểm là tội *Dubbhāsita*. Này các Tỳ-khưu, các vị Tỳ-khưu nào có quan điểm là tội *Dukkaṭa*, này các Tỳ-khưu, các vị ấy nên dẫn vị ấy đi ra một góc, sau khi cho [vị ấy] hành xử theo pháp, rồi đi đến gặp hội chúng và nên nói như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu ấy phạm tội nào, tội ấy của vị ấy đã được sửa chữa theo pháp. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên tiến hành lễ *Pavāraṇā*."

28. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vào ngày lễ *Pavāraṇā*, có vị Tỳ-khưu đã phạm tội *Dubbhāsita*. Một số Tỳ-khưu có quan điểm là tội *Dubbhāsita*, một số Tỳ-khưu có quan điểm là tội *Saṅghādisesa*. Này các Tỳ-khưu, các vị Tỳ-khưu nào có quan điểm là tội *Dubbhāsita*, này các Tỳ-khưu, các vị ấy nên dẫn vị ấy đi ra một góc, sau khi cho [vị ấy] hành xử theo pháp, rồi đi đến gặp hội chúng và nên nói như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu ấy phạm tội nào, tội ấy của vị ấy đã được sửa chữa theo pháp. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên tiến hành lễ *Pavāraṇā*."

Này các Tỳ-khưu, trường hợp vào ngày lễ *Pavāraṇā*, có vị Tỳ-khưu đã phạm tội *Dubbhāsita*. Một số Tỳ-khưu có quan điểm là tội *Dubbhāsita*, một số Tỳ-khưu có quan điểm là tội *Thullaccaya*. ...(nt)... Một số Tỳ-khưu có quan điểm là tội *Dubbhāsita*, một số Tỳ-khưu có quan điểm là tội *Pācittiya*. ...(nt)... Một số Tỳ-khưu có quan điểm là tội *Dubbhāsita*, một số Tỳ-khưu có quan điểm là tội *Pāṭidesanīya*. ...(nt)... Một số Tỳ-khưu có quan điểm là tội *Dubbhāsita*, một số Tỳ-khưu có quan điểm là tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, các vị Tỳ-khưu nào có quan điểm là tội *Dubbhāsita*, này các Tỳ-khưu, các vị ấy nên dẫn vị ấy đi ra một góc, sau khi cho [vị ấy] hành xử theo pháp, rồi đi đến gặp hội chúng và nên nói như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu ấy phạm tội nào, tội ấy của vị ấy đã được sửa chữa theo pháp. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên tiến hành lễ *Pavāraṇā*."

29. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vào ngày lễ *Pavāraṇā* có vị Tỳ-khưu nêu lên ở giữa hội chúng rằng: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Sự việc này được biết và nhân sự thì không [biết]. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên loại trừ sự việc rồi tiến hành lễ *Pavāraṇā*." Vị ấy nên được nói như vầy: "Này Đại đức, đức Thế Tôn đã quy định lễ *Pavāraṇā* là của các vị trong sạch. Nếu sự việc này được biết và nhân vật thì không [biết] thì ngay bây giờ, Đại đức hãy nói về việc ấy."

30. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vào ngày lễ *Pavāraṇā* có vị Tỳ-khưu nêu lên ở giữa hội chúng rằng: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nhân vật này được biết và sự việc thì không [biết]. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên loại trừ nhân vật rồi tiến hành lễ *Pavāraṇā*." Vị ấy nên được nói như vầy: "Này Đại đức, đức Thế Tôn đã quy định lễ *Pavāraṇā* là của các vị trong sạch và của các sự hợp nhất. Nếu nhân vật này được biết và sự việc thì không [biết] thì ngay bây giờ, Đại đức hãy nói về việc ấy."

31. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vào ngày lễ *Pavāraṇā*, có vị Tỳ-khưu nêu lên ở giữa hội chúng rằng: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Sự việc này và nhân vật được biết. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên loại trừ sự việc và nhân vật rồi tiến hành lễ *Pavāraṇā*." Vị ấy nên được nói như vầy: "Này Đại đức, đức Thế Tôn đã quy định lễ *Pavāraṇā* là của các vị trong sạch và của các sự hợp nhất. Nếu sự việc và nhân vật được biết thì ngay bây giờ, Đại đức hãy nói về việc ấy." Này các Tỳ-khưu, nếu sự việc được biết trước ngày lễ *Pavāraṇā*, còn nhân vật [được biết] sau đó thì thích hợp cho lời nói. Này các Tỳ-khưu, nếu nhân vật được biết trước ngày lễ *Pavāraṇā*, còn sự việc [được biết] sau đó thì thích hợp cho lời nói. Này các Tỳ-khưu, nếu sự việc và nhân vật được biết trước ngày lễ *Pavāraṇā* và khi lễ *Pavāraṇā* đã được thực hiện, nếu khơi lại việc ấy thì phạm tội *Pācittiya* về việc bươi móc.[2]

32. Vào lúc bấy giờ, có nhiều vị Tỳ-khưu là bạn bè đồng quan điểm, thân thiết đã vào mùa [an cư] mưa tại trú xứ nọ ở trong xứ Kosala. Ở khu vực lân cận của các vị ấy, có những Tỳ-khưu khác là những vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí và tranh tụng trong hội chúng [cũng] đã vào mùa [an cư] mưa [nói rằng]: "Khi các vị Tỳ-khưu ấy đã sống qua mùa [an cư] mưa, chúng tôi sẽ đình chỉ sự thỉnh cầu [của các vị ấy] vào ngày lễ *Pavāraṇā*." Các vị Tỳ-khưu ấy đã nghe được rằng: "Nghe nói ở khu vực lân cận của chúng ta, có những Tỳ-khưu khác là những vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí và tranh tụng trong hội chúng [cũng] đã vào mùa [an cư] mưa [nói rằng]: 'Khi các vị Tỳ-khưu ấy đã sống qua mùa [an cư] mưa, chúng tôi sẽ đình chỉ sự thỉnh cầu của các vị ấy vào ngày lễ *Pavāraṇā*', vậy chúng ta nên thực hành như thế nào?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

33. – Này các Tỳ-khưu, trường hợp nhiều vị Tỳ-khưu là bạn bè đồng quan điểm, thân thiết, vào mùa [an cư] mưa tại trú xứ nọ. Ở khu vực lân cận của các vị ấy, có những Tỳ-khưu khác là những vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí và tranh tụng trong hội chúng [cũng] vào mùa [an cư] mưa [nói rằng]: "Khi các vị Tỳ-khưu ấy đã sống qua mùa [an cư] mưa, chúng tôi sẽ đình chỉ sự thỉnh cầu của các vị ấy vào ngày lễ *Pavāraṇā*." Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép các vị Tỳ-khưu ấy thực hiện hai hay

[2] Liên quan đến tội *Pācittiya* 63 về việc khơi lại sự tranh tụng đã được giải quyết đúng theo pháp (ND).

ba lễ *Uposatha* vào ngày mười bốn [nghĩ rằng]: "Làm thế nào chúng ta có thể tiến hành lễ *Pavāraṇā* sớm hơn các vị Tỳ-khưu ấy?"

34. Này các Tỳ-khưu, nếu các vị Tỳ-khưu là những vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí và tranh tụng trong hội chúng ấy đi đến chỗ trú xứ ấy, này các Tỳ-khưu, các vị Tỳ-khưu thường trú ấy nên tụ hội lại thật nhanh chóng và tiến hành lễ *Pavāraṇā*. Sau khi tiến hành lễ *Pavāraṇā* nên nói rằng: "Này các Đại đức, chúng tôi đã thực hiện lễ *Pavāraṇā*, các Đại đức hãy làm theo như điều mà các vị suy nghĩ."

35. Này các Tỳ-khưu, nếu các vị Tỳ-khưu là những vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí và tranh tụng trong hội chúng ấy đi đến trú xứ ấy không báo trước, này các Tỳ-khưu, các vị Tỳ-khưu thường trú ấy nên sắp đặt chỗ ngồi, nên đem lại nước rửa chân, ghế kê chân, tấm chà chân, rồi đi ra đón, nên rước y và bình bát, và nên hỏi ý về nước uống. Sau khi xem chừng các vị ấy rồi, nên đi ra khỏi ranh giới và nên tiến hành lễ *Pavāraṇā*. Sau khi tiến hành lễ *Pavāraṇā* nên nói rằng: "Này các Đại đức, chúng tôi đã thực hiện lễ *Pavāraṇā*, các Đại đức hãy làm theo như điều mà các vị suy nghĩ." Nếu việc ấy đạt được như thế, việc ấy như vậy là tốt đẹp. Nếu không đạt được [như thế], các vị Tỳ-khưu thường trú ấy cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu thường trú kinh nghiệm, có năng lực: "Xin các Đại đức thường trú hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho các Đại đức, giờ đây, chúng ta nên tiến hành lễ *Uposatha*, chúng ta nên đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*). Chúng ta có thể tiến hành lễ *Pavāraṇā* vào hạ huyền tới."[3]

36. Này các Tỳ-khưu, nếu các vị Tỳ-khưu là những vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí và tranh tụng trong hội chúng ấy nói với các vị Tỳ-khưu ấy như vầy: "Này các Đại đức, tốt đẹp thay các vị hãy tiến hành lễ *Pavāraṇā* với chúng tôi ngay hôm nay." Các vị Tỳ-khưu ấy nên nói như vầy: "Này các Đại đức, các vị không có quyền hành về lễ *Pavāraṇā* của chúng tôi. Chúng tôi không thể thỉnh cầu cho đến lúc ấy."

37. Này các Tỳ-khưu, nếu các vị Tỳ-khưu là những vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí và tranh tụng trong hội chúng ấy cư ngụ cho đến thời gian ấy, này các Tỳ-khưu, các vị Tỳ-khưu thường trú ấy cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu thường trú kinh nghiệm, có năng lực: "Xin các Đại đức thường trú hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho các Đại đức, giờ đây chúng ta nên tiến hành lễ *Uposatha*, chúng ta nên đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*). Chúng ta có thể tiến hành lễ *Pavāraṇā* vào ngày trăng tròn tới."

38. Này các Tỳ-khưu, nếu các vị Tỳ-khưu là những vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí và tranh tụng trong hội chúng ấy nói với các vị Tỳ-khưu ấy như vầy: "Này các Đại đức, tốt đẹp thay các

[3] Ngày này chính là ngày cuối tháng âm lịch của Việt Nam, tức là ngày 29 hoặc 30 (ND).

vị hãy tiến hành lễ *Pavāraṇā* với chúng tôi ngay hôm nay." Các vị Tỳ-khưu ấy nên nói như vầy: "Này các Đại đức, các vị không có quyền hành về lễ *Pavāraṇā* của chúng tôi. Chúng tôi không thể thỉnh cầu cho đến lúc ấy."

39. Này các Tỳ-khưu, nếu các vị Tỳ-khưu là những vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí và tranh tụng trong hội chúng ấy cư ngụ cho đến ngày trăng tròn ấy, này các Tỳ-khưu, toàn bộ tất cả các vị Tỳ-khưu ấy nên tiến hành lễ *Pavāraṇā* vào ngày trăng tròn tháng *Kattika* sắp đến, tức là ngày lễ hội *Cātumāsinī* cho dầu không muốn.

40. Này các Tỳ-khưu, trong khi các vị Tỳ-khưu ấy đang tiến hành lễ *Pavāraṇā*, nếu vị bị bệnh đình chỉ sự thỉnh cầu của vị không bệnh, vị ấy nên được nói như vầy: "Đại đức đang bị bệnh. Và đức Thế Tôn đã nói là vị bị bệnh không chịu đựng được sự thẩm vấn. Này Đại đức, hãy chờ đến khi Đại đức hết bệnh. Khi hết bệnh thì Đại đức sẽ buộc tội nếu mong muốn." Và khi được nói như thế mà vẫn buộc tội thì phạm tội *Pācittiya* về việc không tôn trọng.[4]

41. Này các Tỳ-khưu, trong khi các vị Tỳ-khưu ấy đang tiến hành lễ *Pavāraṇā*, nếu vị không bị bệnh đình chỉ sự thỉnh cầu của vị bị bệnh, vị ấy nên được nói như vầy: "Này Đại đức, vị Tỳ-khưu này bị bệnh. Và đức Thế Tôn đã nói là vị bị bệnh không chịu đựng được sự thẩm vấn. Này Đại đức, hãy chờ cho đến khi vị Tỳ-khưu này hết bệnh. Rồi Đại đức sẽ buộc tội vị không bệnh nếu mong muốn." Và khi được nói như thế mà vẫn buộc tội thì phạm tội *Pācittiya* về việc không tôn trọng.

42. Này các Tỳ-khưu, trong khi các vị Tỳ-khưu ấy đang tiến hành lễ *Pavāraṇā*, nếu vị bị bệnh đình chỉ sự thỉnh cầu của vị bị bệnh, vị ấy nên được nói như vầy: "Các Đại đức đang bị bệnh. Và đức Thế Tôn đã nói là vị bị bệnh không chịu đựng được sự thẩm vấn. Này Đại đức, hãy chờ đến khi các vị hết bệnh. Rồi khi không bệnh, Đại đức sẽ buộc tội vị không bệnh nếu mong muốn." Và khi được nói như thế mà vẫn buộc tội thì phạm tội *Pācittiya* về việc không tôn trọng.

43. Này các Tỳ-khưu, trong khi các vị Tỳ-khưu ấy đang tiến hành lễ *Pavāraṇā*, nếu vị không bệnh đình chỉ sự thỉnh cầu của vị không bệnh. Cả hai nên được hội chúng thẩm vấn, tra hỏi, nhắc nhở, cho hành xử theo pháp, rồi hội chúng nên tiến hành lễ *Pavāraṇā*.

44. Vào lúc bấy giờ, có nhiều vị Tỳ-khưu là bạn bè đồng quan điểm, thân thiết đã vào mùa [an cư] mưa tại trú xứ nọ ở trong xứ Kosala. Trong khi các vị ấy sống có sự hợp nhất, thân thiện, không cãi vã nhau, có [trạng thái] trú ngụ thoải mái nào đó đã được đạt đến. Khi ấy, các vị Tỳ-khưu ấy đã khởi ý điều này: "Trong khi chúng ta sống có sự hợp nhất, thân thiện, không cãi vã nhau, có [trạng thái] trú ngụ thoải mái nào đó đã được đạt đến. Nếu bây giờ chúng ta

[4] Liên quan đến tội *Pācittiya* 54 về sự không tôn trọng (ND).

tiến hành lễ *Pavāraṇā*, cũng có thể là sau khi tiến hành lễ *Pavāraṇā*, các vị Tỳ-khưu sẽ ra đi, du hành. Như thế, chúng ta sẽ bị ra khỏi [trạng thái] trú ngụ thoải mái này; vậy chúng ta nên thực hành như thế nào?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

45. – Này các Tỳ-khưu, trường hợp có nhiều vị Tỳ-khưu là bạn bè đồng quan điểm, thân thiết đã vào mùa [an cư] mưa tại trú xứ nọ. Trong khi các vị ấy sống có sự hợp nhất, thân thiện, không cãi vã nhau, có [trạng thái] trú ngụ thoải mái nào đó đã được đạt đến. Nếu các vị Tỳ-khưu ở đó khởi ý như vầy: "Trong khi chúng ta sống có sự hợp nhất, thân thiện, không cãi vã nhau, có [trạng thái] trú ngụ thoải mái nào đó đã được đạt đến. Nếu bây giờ chúng ta sẽ tiến hành lễ *Pavāraṇā*, cũng có thể là sau khi tiến hành lễ *Pavāraṇā*, các vị Tỳ-khưu sẽ ra đi, du hành. Như thế, chúng ta sẽ bị ra khỏi [trạng thái] trú ngụ thoải mái này."

46. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép các vị Tỳ-khưu ấy thực hiện việc hoãn lại ngày lễ *Pavāraṇā*. Và này các Tỳ-khưu, nên thực hiện như vầy: Toàn bộ tất cả [các vị ấy] nên tụ hội lại một chỗ. Sau khi đã tụ hội lại, hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực:

47. "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Trong khi chúng ta sống có sự hợp nhất, thân thiện, không cãi vã nhau, có [trạng thái] trú ngụ thoải mái nào đó đã được đạt đến. Nếu bây giờ chúng ta sẽ tiến hành lễ *Pavāraṇā*, cũng có thể là sau khi tiến hành lễ *Pavāraṇā*, các vị Tỳ-khưu sẽ ra đi, du hành. Như thế, chúng ta sẽ bị ra khỏi [trạng thái] trú ngụ thoải mái này. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên thực hiện việc hoãn lại ngày lễ *Pavāraṇā*. Bây giờ, chúng ta nên tiến hành lễ *Uposatha*, nên đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*) và nên tiến hành lễ *Pavāraṇā* vào ngày trăng tròn tháng *Kattika* sắp đến, tức là ngày lễ hội *Cātumāsinī*. Đây là lời đề nghị.

48. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Trong khi chúng ta sống có sự hợp nhất, thân thiện, không cãi vã nhau, có [trạng thái] trú ngụ thoải mái nào đó đã được đạt đến. Nếu bây giờ chúng ta sẽ tiến hành lễ *Pavāraṇā*, cũng có thể là sau khi tiến hành lễ *Pavāraṇā*, các vị Tỳ-khưu sẽ ra đi, du hành. Như thế, chúng ta sẽ bị ra khỏi [trạng thái] trú ngụ thoải mái này. Hội chúng thực hiện việc hoãn lại ngày lễ *Pavāraṇā*, bây giờ sẽ tiến hành lễ *Uposatha*, sẽ đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*) và sẽ tiến hành lễ *Pavāraṇā* vào ngày trăng tròn tháng *Kattika* sắp đến, tức là ngày lễ hội *Cātumāsinī*. Đại đức nào đồng ý thực hiện việc hoãn lại ngày lễ *Pavāraṇā*, bây giờ [hội chúng] sẽ tiến hành lễ *Uposatha*, sẽ đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*) và sẽ tiến hành lễ *Pavāraṇā* vào ngày trăng tròn tháng *Kattika* sắp đến, tức là ngày lễ hội *Cātumāsinī* xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

49. Việc hoãn lại ngày lễ *Pavāraṇā* đã được hội chúng thực hiện. Bây giờ, [hội chúng] sẽ tiến hành lễ *Uposatha*, sẽ đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*) và sẽ tiến hành lễ *Pavāraṇā* vào ngày trăng tròn tháng *Kattika* sắp đến, tức là ngày lễ

hội *Cātumāsinī*. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

50. Này các Tỳ-khưu, khi việc hoãn lại ngày lễ *Pavāraṇā* đã được các vị Tỳ-khưu ấy thực hiện, nếu có vị Tỳ-khưu nọ nói như vầy: "Này các Đại đức, tôi muốn ra đi, du hành ở trong xứ sở. Tôi có công việc cần làm ở trong xứ sở." Vị ấy nên được nói như vầy: "Này Đại đức, tốt lắm! Hãy thực hiện lễ *Pavāraṇā* rồi hãy đi."

51. Này các Tỳ-khưu, nếu vị Tỳ-khưu ấy trong khi đang thỉnh cầu lại đình chỉ sự thỉnh cầu của vị Tỳ-khưu khác. Vị ấy nên được nói như vầy: "Này Đại đức, Đại đức không có quyền hành về lễ *Pavāraṇā* của tôi, tôi sẽ không thỉnh cầu cho đến lúc ấy." Này các Tỳ-khưu, nếu vị Tỳ-khưu ấy trong khi đang thỉnh cầu, có vị Tỳ-khưu khác đình chỉ lễ *Pavāraṇā* của vị Tỳ-khưu ấy. Cả hai nên được hội chúng thẩm vấn, tra hỏi, nhắc nhở, rồi cho hành xử theo pháp.

52. Này các Tỳ-khưu, nếu vị Tỳ-khưu ấy sau khi hoàn tất công việc cần làm ấy ở trong xứ sở lại quay trở về trú xứ ấy trước ngày trăng tròn tháng *Kattika*, tức là ngày lễ hội *Cātumāsinī*. Này các Tỳ-khưu, nếu trong khi các vị Tỳ-khưu ấy đang thỉnh cầu, có vị Tỳ-khưu nọ đình chỉ lễ *Pavāraṇā* của vị Tỳ-khưu ấy. Vị nọ nên được nói như vầy: "Này Đại đức, Đại đức không có quyền hành về lễ *Pavāraṇā* của tôi. Tôi đã thỉnh cầu rồi." Này các Tỳ-khưu, nếu trong khi các vị Tỳ-khưu ấy đang thỉnh cầu, vị Tỳ-khưu ấy đình chỉ sự thỉnh cầu của vị Tỳ-khưu khác. Cả hai nên được hội chúng thẩm vấn, tra hỏi, nhắc nhở, cho hành xử theo pháp, rồi hội chúng nên tiến hành lễ *Pavāraṇā*.

Dứt chương *Pavāraṇā* là thứ tư.

*****

Trong chương này có bốn mươi sáu sự việc.

TÓM LƯỢC CHƯƠNG NÀY:

1. [Các vị] đã sống qua mùa [an cư] mưa ở xứ Kosala đã đi diện kiến bậc Đạo sư, sự sống chung như loài thú một cách không thoải mái, về sự hài hòa với nhau.

2. Trong khi đang cầu thỉnh [ngồi yên] ở chỗ ngồi và có hai [ngày lễ], hành sự, vị bị bệnh, các thân quyến, rồi đức vua, bọn cướp, lũ bất lương, các kẻ đối nghịch Tỳ-khưu cũng giống y như thế.

3. Năm, bốn, ba, hai, một vị, bị phạm tội, có sự nghi ngờ, vị đã nhớ lại, tất cả hội chúng có sự nghi ngờ, nhiều hơn, tương đương và ít hơn.

4. Các vị thường trú, ngày mười bốn, đặc điểm, các vị đồng cộng trú, cả hai, nên đi đến, không với vị Ni đã ngồi xuống, về việc bày tỏ sự tùy thuận, lễ *Pavāraṇā*.

5. Vì đám lục lâm, [đêm] đã tàn, đám mây đen, các điều nguy hiểm và sự thỉnh cầu, các vị không để cho thỉnh ý, trước chúng ta, đã không bị đình chỉ và của vị Tỳ-khưu.

6. Và do điều gì? Và thế nào? Do đã thấy, do đã nghe, do sự nghi ngờ, vị kết tội và vị bị kết tội, tội *Thullaccaya*, sự việc, [gây ra] sự xung đột, lễ *Pavāraṇā* và sự hoãn lại, không có quyền hành, [hội chúng] nên tiến hành lễ *Pavāraṇā*.

--ooOoo--

V. CHƯƠNG DA THÚ

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Rājagaha, ở núi Gijjhakūṭa. Vào lúc bấy giờ, đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha cai trị vương quốc bằng quyền thống lãnh tối cao trong tám mươi ngàn ngôi làng. Vào lúc bấy giờ, ở xứ Campā, người con trai nhà đại phú tên Soṇa Koḷivīsa là người [có vóc dáng] mảnh mai. Ở hai lòng bàn chân của vị ấy có các sợi lông mọc. Khi ấy, đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha sau khi cho triệu tập tám mươi ngàn người trưởng làng ấy lại vì công việc cần làm nào đó rồi đã phái sứ giả đến gặp Soṇa Koḷivīsa [nói rằng]: "Soṇa hãy đến. Trẫm muốn sự đi đến của Soṇa."

2. Khi ấy, cha mẹ của Soṇa Koḷivīsa đã nói với Soṇa Koḷivīsa điều này: "Này Soṇa yêu quý, đức vua có ý muốn xem hai bàn chân của con. Này Soṇa yêu quý, con chớ có duỗi thẳng hai bàn chân về hướng đức vua. Con hãy ngồi với thế kiết-già ở phía trước đức vua, khi con đã ngồi xuống thì đức vua sẽ thấy được hai bàn chân của con."

3. Rồi họ đã đưa Soṇa Koḷivīsa đi bằng kiệu. Sau đó, Soṇa Koḷivīsa đã đi đến gặp đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha, sau khi đến đã cung kính chào đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha rồi đã ngồi với thế kiết-già ở phía trước đức vua. Đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã nhìn thấy các lông mọc ở hai lòng bàn chân của Soṇa Koḷivīsa.

4. Sau đó, đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã chỉ bảo về các điều lợi ích trong thời hiện tại đến tám mươi ngàn người trưởng làng ấy rồi giải tán [nói rằng]: "Này các khanh, ở đây các khanh đã được ta chỉ bảo về các điều lợi ích trong đời hiện tại. Các khanh hãy đi đến và hầu cận đức Thế Tôn ấy. Đức Thế Tôn ấy sẽ giảng dạy cho chúng ta về các điều lợi ích trong đời vị lai." Sau đó, tám mươi ngàn người trưởng làng ấy đã đi đến núi Gijjhakūṭa.

5. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Sāgata là thị giả của đức Thế Tôn. Khi ấy, tám mươi ngàn người trưởng làng ấy đã đi đến gặp Đại đức Sāgata, sau khi đến đã nói với Đại đức Sāgata điều này:

– Thưa ngài, tám mươi ngàn người trưởng làng này đi đến đây để diện kiến đức Thế Tôn. Thưa ngài, tốt đẹp thay nếu chúng tôi có thể diện kiến đức Thế Tôn.

– Này quý vị, nếu vậy thì các vị hãy ở ngay tại đây trong chốc lát, chờ tôi báo cho đức Thế Tôn biết.

6. Sau đó, Đại đức Sāgata đã biến mất ở nơi bậc cấp trước tám mươi ngàn người trưởng làng ấy đang chăm chú nhìn, rồi đã hiện ra ở trước đức Thế Tôn và đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, tám mươi ngàn người trưởng làng này đi đến đây để diện kiến đức Thế Tôn. Bạch Ngài, giờ đây xin đức Thế Tôn hãy suy nghĩ về thời điểm của việc ấy.

7. – Này Sāgata, nếu vậy thì ngươi hãy sắp đặt chỗ ngồi ở nơi có bóng râm của trú xá.

– Bạch Ngài, xin vâng.

Đại đức Sāgata nghe theo đức Thế Tôn, đã cầm lấy chiếc ghế rồi biến mất ở trước đức Thế Tôn và hiện ra ở bậc cấp trước tám mươi ngàn người trưởng làng đang chăm chú nhìn, rồi đã sắp đặt chỗ ngồi ở nơi có bóng râm của trú xá.

8. Sau đó, đức Thế Tôn đã từ trú xá đi ra và ngồi xuống trên chỗ ngồi đã được sắp đặt ở nơi có bóng râm của trú xá. Khi ấy, tám mươi ngàn người trưởng làng ấy đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.

9. Sau đó, tám mươi ngàn người trưởng làng ấy chỉ hướng tâm đến chính Đại đức Sāgata, còn đức Thế Tôn thì không được như thế. Khi ấy, đức Thế Tôn đã dùng tâm biết được ý nghĩ suy tầm của tám mươi ngàn người trưởng làng ấy nên đã bảo Đại đức Sāgata rằng:

– Này Sāgata, nếu vậy thì ngươi hãy phô bày sự diệu kỳ của thần thông là pháp thượng nhân nhiều hơn nữa.

– Bạch Ngài, xin vâng.

Rồi Đại đức Sāgata nghe theo đức Thế Tôn, đã bay lên không trung, đi qua lại ở khoảng không trên bầu trời, rồi đứng lại, rồi ngồi xuống, rồi nằm xuống, rồi phun khói, rồi phát sáng, rồi biến mất.

10. Sau đó, khi đã phô bày sự diệu kỳ của thần thông là pháp thượng nhân, theo nhiều cách ở khoảng không trên bầu trời, Đại đức Sāgata đã quỳ xuống, đê đầu ở hai bàn chân của đức Thế Tôn rồi nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, đức Thế Tôn là bậc Đạo sư của con, con là người đệ tử. Bạch Ngài, đức Thế Tôn là bậc Đạo sư của con, con là người đệ tử.

11. Khi ấy, tám mươi ngàn người trưởng làng ấy [nghĩ rằng]: "Thật kỳ diệu thay! Thật phi thường thay! Bởi vì vị đệ tử còn có đại thần lực như thế này, đại oai lực như thế này, ắt hẳn vị Đạo sư sẽ còn hơn thế nữa!" Rồi đã hướng tâm đến chính đức Thế Tôn, còn Đại đức Sāgata thì không được như thế.

12. Khi ấy, đức Thế Tôn sau khi dùng tâm biết được ý nghĩ suy tầm của tám mươi ngàn người trưởng làng ấy rồi đã thuyết pháp theo thứ lớp. Tức là Ngài đã giảng giải bài thuyết về bố thí, bài thuyết về giới cấm, bài thuyết về cõi trời; sự tai hại, sự thấp kém, sự ô nhiễm của các dục, sự lợi ích của việc xuất ly.

13. Khi đức Thế Tôn biết được những người ấy có tâm đã sẵn sàng, dễ uốn nắn, không còn chướng ngại, hướng thượng, tịnh tín, Ngài đã phô bày pháp thuyết giảng đã được chư Phật khai mở là khổ, tập, diệt, đạo. Cũng giống như

tấm vải đã được làm sạch, không còn vết nhơ, có thể nhuộm màu một cách toàn vẹn; tương tợ như thế, ngay tại chỗ ngồi ấy, pháp nhãn không nhiễm bụi trần, không vết nhơ đã sanh khởi đến tám mươi ngàn người trưởng làng ấy: "Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt."

14. Khi đã thấy được pháp, đã thành tựu được pháp, đã hiểu được pháp, đã thấm nhuần pháp, hoài nghi đã không còn, sự lưỡng lự đã dứt hẳn, đã thành tựu niềm tin vào giáo pháp của bậc Đạo sư, không còn cần sự trợ duyên của người khác, những người ấy đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, thật là tuyệt vời! Bạch Ngài, thật là tuyệt vời! Bạch Ngài, giống như người có thể lật ngửa vật đã được úp lại, mở ra vật đã bị che kín, chỉ đường cho kẻ lạc lối, đem lại cây đèn dầu nơi bóng tối [nghĩ rằng]: "Những ai có mắt sẽ thấy được các hình dáng"; tương tợ như thế, pháp đã được đức Thế Tôn chỉ rõ bằng nhiều phương tiện. Bạch Ngài, chúng con đây xin đi đến nương nhờ đức Thế Tôn, Giáo pháp và Hội chúng Tỳ-khưu. Xin đức Thế Tôn chấp nhận chúng con là những nam cư sĩ đã đi đến nương nhờ kể từ hôm nay cho đến trọn đời.

15. Khi ấy, Soṇa Koḷivīsa đã khởi ý điều này: "Theo như ta hiểu về pháp đã được đức Thế Tôn thuyết giảng thì việc ấy không phải là việc dễ làm đối với người đang sống ở gia đình để thực hành Phạm hạnh một cách đầy đủ trọn vẹn, hoàn toàn trong sạch như vỏ ốc được cạo sạch, hay là ta nên cạo bỏ râu tóc, khoác các y màu ca-sa, rời nhà xuất gia, sống không nhà?"

16. Sau đó, khi đã được hoan hỷ, đã được hài lòng với lời giảng dạy của đức Thế Tôn, tám mươi ngàn người trưởng làng ấy đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiễu quanh rồi ra đi. Sau đó, khi tám mươi ngàn người trưởng làng ra đi không lâu, Soṇa Koḷivīsa đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Soṇa Koḷivīsa đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, theo như con hiểu về pháp đã được đức Thế Tôn thuyết giảng thì việc ấy không phải là việc dễ làm đối với người đang sống ở gia đình để thực hành Phạm hạnh một cách đầy đủ trọn vẹn, hoàn toàn trong sạch như vỏ ốc được cạo sạch. Bạch Ngài, con muốn cạo bỏ râu tóc, khoác các y màu ca-sa, rời nhà xuất gia, sống không nhà. Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn hãy cho con xuất gia.

Rồi Soṇa Koḷivīsa đã đạt được sự xuất gia trong sự hiện diện của đức Thế Tôn, đã đạt được sự tu lên bậc trên.

17. Và khi đã được tu lên bậc trên không bao lâu, Đại đức Soṇa sống ở khu rừng Sīta. Trong khi vị ấy đang đi kinh hành với sự tinh tấn nỗ lực quá mức, các bàn chân đã bị rách. Đường kinh hành trở nên vấy đầy máu như là chỗ giết trâu bò.

18. Sau đó, Đại đức Soṇa trong lúc thiền tịnh ở nơi thanh vắng có ý nghĩ suy tầm như vầy đã sanh khởi: "Ta là một trong số các vị đệ tử của đức Thế Tôn sống có sự tinh tấn nỗ lực, nhưng tâm của ta vẫn còn chấp thủ và không được giải thoát khỏi các lậu hoặc. Hơn nữa, ở gia đình của ta lại có các tài sản, có thể thọ dụng những tài sản [ấy] và làm các việc phước báu. Hay là ta nên quay về cuộc sống thấp kém rồi thọ dụng những tài sản [ấy] và làm các việc phước báu?"

19. Khi ấy, đức Thế Tôn sau khi dùng tâm biết được ý nghĩ suy tầm của Đại đức Soṇa, rồi cũng giống như người đàn ông có sức mạnh có thể duỗi ra cánh tay đã được co lại, hoặc có thể co lại cánh tay đã được duỗi ra; tương tợ như thế, Ngài đã biến mất tại núi Gijjhakūṭa và hiện ra ở khu rừng Sīta.

20. Sau đó, trong khi cùng với nhiều vị Tỳ-khưu đi dạo quanh các chỗ trú ngụ, đức Thế Tôn đã đi đến gần đường kinh hành của Đại đức Soṇa. Đức Thế Tôn đã nhìn thấy đường kinh hành của Đại đức Soṇa bị vấy đầy máu, sau khi nhìn thấy, đã nói với các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, đường kinh hành này của vị nào lại bị vấy đầy máu, giống như là chỗ giết trâu bò vậy?

– Bạch Ngài, Đại đức Soṇa trong khi đi kinh hành với sự tinh tấn nỗ lực quá mức nên hai bàn chân đã bị rách. Đường kinh hành bị vấy đầy máu này là của vị ấy, giống như là chỗ giết trâu bò vậy.

21. Sau đó, đức Thế Tôn đã đi đến trú xá của Đại đức Soṇa, sau khi đến đã ngồi xuống trên chỗ ngồi được sắp đặt sẵn. Đại đức Soṇa đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi Đại đức Soṇa đã ngồi xuống một bên, đức Thế Tôn đã nói với Đại đức Soṇa điều này:

– Này Soṇa, có phải ngươi trong lúc thiền tịnh ở nơi thanh vắng có ý nghĩ suy tầm như vầy đã sanh khởi: "Ta là một trong số các vị đệ tử của đức Thế Tôn sống có sự tinh tấn nỗ lực, nhưng tâm của ta vẫn còn chấp thủ và không được giải thoát khỏi các lậu hoặc. Hơn nữa, ở gia đình của ta lại có các tài sản, có thể thọ dụng những tài sản [ấy] và làm các việc phước báu; hay là ta nên quay về cuộc sống thấp kém rồi thọ dụng những tài sản [ấy] và làm các việc phước báu?"

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

22. – Này Soṇa, ngươi nghĩ thế nào về điều này: Có phải trước đây, khi còn là kẻ tại gia, ngươi rành rẽ về âm điệu của sợi dây ở đàn vīṇā?[1]

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

– Này Soṇa, ngươi nghĩ thế nào về điều này: Khi những sợi dây ở đàn vīṇā của ngươi là quá căng, phải chăng vào lúc ấy cây đàn vīṇā của ngươi có được âm sắc, hoặc thích hợp để sử dụng?

[1] Vīṇā là một loại đàn dây có hình dáng tương tợ như đàn tỳ-bà (ND).

– Bạch Ngài, điều ấy không đúng.

– Này Soṇa, ngươi nghĩ thế nào về điều này: Khi những sợi dây ở đàn vīṇā của ngươi là quá chùng, phải chăng vào lúc ấy cây đàn vīṇā của ngươi có được âm sắc, hoặc thích hợp để sử dụng?

– Bạch Ngài, điều ấy không đúng.

– Này Soṇa, ngươi nghĩ thế nào về điều này: Khi những sợi dây ở đàn vīṇā của ngươi không là quá căng và cũng không là quá chùng, được đặt vào mức độ trung hòa, phải chăng vào lúc ấy cây đàn vīṇā của ngươi có được âm sắc, hoặc thích hợp để sử dụng?

– Bạch Ngài, đúng vậy.

23. – Này Soṇa, tương tợ y như thế, sự tinh tấn nỗ lực quá mức đưa đến sự loạn động, sự tinh tấn quá uể oải đưa đến sự biếng nhác. Này Soṇa, do đó ở đây, ngươi phải xác định mức đều đều của sự tinh tấn, phải thấu triệt sự cân bằng của các quyền và ở đó ngươi phải nắm giữ ấn chứng.

– Bạch Ngài, xin vâng.

Đại đức Soṇa đã trả lời đức Thế Tôn.

24. Sau đó, khi đã giáo huấn cho Đại đức Soṇa bằng lời giáo huấn ấy, rồi cũng giống như một người đàn ông có sức mạnh có thể duỗi ra cánh tay đã được co lại, hoặc có thể co lại cánh tay đã được duỗi ra; tương tợ như thế, tại khu rừng Sīta, đức Thế Tôn đã biến mất trước mặt Đại đức Soṇa rồi hiện ra ở núi Gijjhakūṭa.

25. Sau đó, Đại đức Soṇa đã xác định mức đều đều của sự tinh tấn, đã thấu triệt sự cân bằng của các quyền, và ở đó đã nắm giữ được ấn chứng. Khi ấy, Đại đức Soṇa trong khi sống một mình, tách biệt, không lười biếng, có sự nỗ lực, có sự quyết tâm, nên chẳng bao lâu sau, ngay trong kiếp hiện tại này, nhờ vào thắng trí của mình đã chứng ngộ, đạt đến và an trú vào mục đích tối thượng ấy của Phạm hạnh, vì mục đích này mà những người con trai của các gia đình cao quý rời nhà xuất gia một cách chân chánh, sống không nhà. Vị ấy biết được rằng: "Sự tái sanh đã cạn kiệt, Phạm hạnh đã sống, việc cần làm đã làm, không còn gì khác [phải làm] đối với bản thể [A-la-hán] này nữa." Và trong số các vị A-la-hán đã có thêm một vị nữa là Đại đức Soṇa.

26. Sau đó, khi đã chứng đạt quả vị A-la-hán, Đại đức Soṇa đã khởi ý điều này: "Hay là ta nên công bố trí chứng ngộ này trong sự hiện diện của đức Thế Tôn?" Khi ấy, Đại đức Soṇa đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Đại đức Soṇa đã nói với đức Thế Tôn điều này:

27. – Bạch Ngài, vị Tỳ-khưu nào là bậc A-la-hán, có lậu hoặc đã được cạn kiệt, sống theo Phạm hạnh, các việc cần làm đã làm, gánh nặng đã được đặt xuống, mục đích tốt đẹp đã đạt được, sự ràng buộc vào hiện hữu đã được diệt

tận, đã được giải thoát nhờ vào trí chứng ngộ chân chánh, vị ấy đã thành tựu sáu việc: Vị ấy đã thành tựu sự xuất ly, vị ấy đã thành tựu sự viễn ly, vị ấy đã thành tựu sự không hãm hại, vị ấy đã thành tựu sự diệt tận của chấp thủ, vị ấy đã thành tựu sự diệt tận của luyến ái, vị ấy đã thành tựu sự không còn si mê.

28. Bạch Ngài, ở đây có thể một vị Đại đức nào đó sẽ khởi ý như vầy: "Không lẽ vị Đại đức này đã thành tựu sự xuất ly chỉ hoàn toàn nhờ vào đức tin?" Bạch Ngài, điều ấy không nên được xem xét như thế. Bạch Ngài, vị Tỳ-khưu có lậu hoặc đã được cạn kiệt, sống theo Phạm hạnh, các việc cần làm đã làm xong, không còn quán xét đến việc cần phải làm của bản thân hoặc sự tích lũy của [việc] đã làm, nhờ vào sự đoạn tận của tham ái và sự lìa khỏi tham ái mà đã thành tựu sự xuất ly, nhờ vào sự đoạn tận của sân hận và sự lìa khỏi sân hận mà đã thành tựu sự xuất ly, nhờ vào sự đoạn tận của si mê và sự lìa khỏi si mê mà đã thành tựu sự xuất ly.

29. Bạch Ngài, ở đây có thể một vị Đại đức nào đó sẽ khởi ý như vầy: "Không lẽ vị Đại đức này đã thành tựu sự viễn ly trong khi còn thèm muốn lợi lộc, sự trọng vọng và sự tôn vinh?" Bạch Ngài, điều ấy không nên được xem xét như thế. Bạch Ngài, vị Tỳ-khưu có lậu hoặc đã được cạn kiệt, sống theo Phạm hạnh, các việc cần làm đã làm xong, không còn quán xét đến việc cần phải làm của bản thân hoặc sự tích lũy của [việc] đã làm, nhờ vào sự đoạn tận của tham ái và sự lìa khỏi tham ái mà đã thành tựu sự viễn ly, nhờ vào sự đoạn tận của sân hận và sự lìa khỏi sân hận mà đã thành tựu sự viễn ly, nhờ vào sự đoạn tận của si mê và sự lìa khỏi si mê mà đã thành tựu sự viễn ly.

30. Bạch Ngài, ở đây, có thể một Đại đức nào đó sẽ khởi ý như vầy: "Không lẽ Đại đức này đã thành tựu sự không hãm hại trong khi lìa bỏ cốt lõi, quay về với sự bám víu vào giới cấm và nghi thức?" Bạch Ngài, điều ấy không nên được xem xét như thế. Bạch Ngài, vị Tỳ-khưu có lậu hoặc đã được cạn kiệt, sống theo Phạm hạnh, các việc cần làm đã làm xong, không còn quán xét đến việc cần phải làm của bản thân hoặc sự tích lũy của [việc] đã làm, nhờ vào sự đoạn tận của tham ái và sự lìa khỏi tham ái mà đã thành tựu sự không hãm hại, nhờ vào sự đoạn tận của sân hận và sự lìa khỏi sân hận mà đã thành tựu sự không hãm hại, nhờ vào sự đoạn tận của si mê và sự lìa khỏi si mê mà đã thành tựu sự không hãm hại. ...(nt)... Nhờ vào sự đoạn tận của tham ái và sự lìa khỏi tham ái mà đã thành tựu sự đoạn tận của chấp thủ, nhờ vào sự đoạn tận của sân hận và sự lìa khỏi sân hận mà đã thành tựu sự đoạn tận của chấp thủ, nhờ vào sự đoạn tận của si mê và sự lìa khỏi si mê mà đã thành tựu sự đoạn tận của chấp thủ. ...(nt)... Nhờ vào sự đoạn tận của tham ái và sự lìa khỏi tham ái mà đã thành tựu sự đoạn tận của luyến ái, nhờ vào sự đoạn tận của sân hận và sự lìa khỏi sân hận mà đã thành tựu sự đoạn tận của luyến ái, nhờ vào sự đoạn tận của si mê và sự lìa khỏi si mê mà đã thành tựu sự đoạn tận của luyến ái. ...(nt)... Nhờ vào sự đoạn tận của tham ái và sự lìa khỏi tham ái mà đã thành tựu sự không còn

si mê, nhờ vào sự đoạn tận của sân hận và sự lìa khỏi sân hận mà đã thành tựu sự không còn si mê, nhờ vào sự đoạn tận của si mê và sự lìa khỏi si mê mà đã thành tựu sự không còn si mê.

31. Bạch Ngài, đối với vị Tỳ-khưu có tâm đã được hoàn toàn giải thoát, nếu các hình dáng được nhận biết bởi mắt, dầu cho nổi bật, đi vào nhãn giới cũng không xâm chiếm được tâm của vị ấy, bởi vì tâm của vị ấy không còn bị xáo trộn, bền vững, đạt đến bất động và vị ấy quan sát sự diệt đi của điều ấy. Nếu các âm thanh được nhận thức bởi tai... các mùi hương được nhận thức bởi mũi... các vị nếm được nhận thức bởi lưỡi... các sự xúc chạm được nhận thức bởi thân... các pháp được nhận thức bởi ý, dầu cho nổi bật, đi vào ý giới cũng không xâm chiếm được tâm của vị ấy, bởi vì tâm của vị ấy không còn bị xáo trộn, bền vững, đạt đến bất động, và vị ấy quan sát sự diệt đi của điều ấy.

32. Bạch Ngài, cũng giống như hòn núi đá không có kẽ nứt, không có lỗ hổng, liền lặn một khối, nếu có cơn mưa bão dữ dội đi đến từ hướng Đông cũng không thể làm nó rung chuyển, không thể làm lay động, không thể làm chấn động. Nếu có cơn mưa bão dữ dội đi đến từ hướng Tây... Nếu có cơn mưa bão dữ dội đi đến từ hướng Bắc... Nếu có cơn mưa bão dữ dội đi đến từ hướng Nam cũng không thể làm nó rung chuyển, không thể làm lay động, không thể làm chấn động. Bạch Ngài, tương tợ như thế, đối với vị Tỳ-khưu có tâm đã được hoàn toàn giải thoát, nếu các hình dáng được nhận thức bởi mắt, dầu cho nổi bật, đi vào nhãn giới cũng không xâm chiếm được tâm của vị ấy, bởi vì tâm của vị ấy không còn bị xáo trộn, bền vững, đạt đến bất động và vị ấy quan sát sự diệt đi của điều ấy. Nếu các âm thanh được nhận thức bởi tai... các mùi hương được nhận thức bởi mũi... các vị nếm được nhận thức bởi lưỡi... các sự xúc chạm được nhận thức bởi thân... các pháp được nhận thức bởi ý, dầu cho nổi bật, đi vào ý giới cũng không xâm chiếm được tâm của vị ấy bởi vì tâm của vị ấy không còn bị xáo trộn, bền vững, đạt đến bất động và vị ấy quan sát sự diệt đi của điều ấy.

33. *Đối với vị có tâm đã thành tựu sự xuất ly và sự viễn ly, đã thành tựu sự không hãm hại và có sự đoạn tận của chấp thủ, có tâm đã thành tựu sự đoạn tận tham ái và sự không si mê, sau khi thấy được sự sanh lên của các xứ (sáu giác quan và các đối tượng của chúng), tâm (của vị ấy) được hoàn toàn giải thoát một cách đúng đắn.*

34. *Đối với vị Tỳ-khưu đã được hoàn toàn giải thoát một cách đúng đắn, có tâm thanh tịnh ấy, thì không có sự tích lũy của [việc] đã làm, việc cần làm không được biết đến.*

35. *Giống như núi đá liền lặn một khối, không lay chuyển bởi gió, tương tợ như thế, hết thảy các sắc, các vị, các thinh, các hương, các xúc, các pháp được ưa thích và không được ưa thích không làm chấn động tâm đã được bền vững, đã được giải thoát của vị như thế ấy và vị ấy quan sát sự diệt đi của điều ấy.*

36. Sau đó, đức Thế Tôn đã bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, những người con trai của các gia đình danh tiếng công bố sự chứng ngộ như thế ấy. Kết quả đã được nói lên còn bản thân là không nêu ra. Hơn nữa, trong trường hợp này, Ta nghĩ rằng có một số kẻ rồ dại công bố trí chứng ngộ như là đùa giỡn, những kẻ ấy sau này bị lâm vào cảnh tiêu hoại.

37. Sau đó, đức Thế Tôn đã nói với Đại đức Soṇa rằng:

– Này Soṇa, ngươi là người [có vóc dáng] mảnh mai. Này Soṇa, đối với ngươi, Ta cho phép [sử dụng] dép loại một lớp.

– Bạch Ngài, con đã từ bỏ số tiền vàng gồm tám mươi xe hàng với bầy voi gồm bảy con và đã rời nhà xuất gia, sống không nhà. Bạch Ngài, giờ đây nếu con sẽ mang dép loại một lớp, sẽ có những người nói về con rằng: "Soṇa Koḷivīsa đã từ bỏ số tiền vàng gồm tám mươi xe hàng với bầy voi gồm bảy con và đã rời nhà xuất gia, sống không nhà. Giờ đây, chính vị ấy lại bám víu vào những đôi dép loại một lớp." Nếu đức Thế Tôn cho phép hội chúng Tỳ-khưu thì con sẽ sử dụng; nếu đức Thế Tôn không cho phép hội chúng Tỳ-khưu thì con cũng sẽ không sử dụng.

38. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] dép loại một lớp. Này các Tỳ-khưu, không nên mang những đôi dép loại hai lớp, không nên mang những đôi dép loại ba lớp, không nên mang những đôi dép loại nhiều lớp; vị nào mang thì phạm tội *Dukkaṭa*.

39. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư mang những đôi dép toàn màu xanh, ...(nt)... mang những đôi dép toàn màu vàng, mang những đôi dép toàn màu đỏ [máu], mang những đôi dép toàn màu tím, mang những đôi dép toàn màu đen, mang những đôi dép nhuộm toàn màu đỏ tía, mang những đôi dép nhuộm toàn màu hồng. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy."

40. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên mang những đôi dép toàn màu xanh, ...(nt)... không nên mang những đôi dép toàn màu vàng, không nên mang những đôi dép toàn màu đỏ [máu], không nên mang những đôi dép toàn màu tím, không nên mang những đôi dép toàn màu đen, không nên mang những đôi dép nhuộm toàn màu đỏ tía, không nên mang những đôi dép nhuộm toàn màu hồng; vị nào mang thì phạm tội *Dukkaṭa*.

41. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư mang những đôi dép có dây buộc màu xanh, ...(nt)... mang những đôi dép có dây buộc màu vàng, mang những đôi dép có dây buộc màu đỏ [máu], mang những đôi dép có dây buộc màu tím, mang những đôi dép có dây buộc màu đen, mang những đôi dép có

dây buộc nhuộm màu đỏ tía, mang những đôi dép có dây buộc nhuộm màu hồng. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy."

42. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên mang những đôi dép có dây buộc màu xanh, ...(nt)... không nên mang những đôi dép có dây buộc màu vàng, không nên mang những đôi dép có dây buộc màu đỏ [máu], không nên mang những đôi dép có dây buộc màu tím, không nên mang những đôi dép có dây buộc màu đen, không nên mang những đôi dép có dây buộc nhuộm màu đỏ tía, không nên mang những đôi dép có dây buộc nhuộm màu hồng; vị nào mang thì phạm tội *Dukkaṭa*.

43. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư mang những đôi dép phủ gót chân, ...(nt)... mang những đôi dép trùm đến gối, mang những đôi dép trùm đến ống chân, mang những đôi dép lót bông gòn, mang những đôi dép giống cánh của gà gô, mang những đôi dép có gắn sừng cừu, mang những đôi dép có gắn sừng dê, mang những đôi dép có gắn đuôi bọ cạp, mang những đôi dép có khâu lông công, mang những đôi dép đủ các loại. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy."

44. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên mang những đôi dép phủ gót chân, ...(nt)... không nên mang những đôi dép trùm đến gối, không nên mang những đôi dép trùm đến ống chân, không nên mang những đôi dép lót bông gòn, không nên mang những đôi dép giống cánh của gà gô, không nên mang những đôi dép có gắn sừng cừu, không nên mang những đôi dép có gắn sừng dê, không nên mang những đôi dép có gắn đuôi bọ cạp, không nên mang những đôi dép có khâu lông công, không nên mang những đôi dép đủ các loại; vị nào mang thì phạm tội *Dukkaṭa*.

45. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư mang những đôi dép được viền quanh bằng da sư tử, ...(nt)... mang những đôi dép được viền quanh bằng da cọp, mang những đôi dép được viền quanh bằng da beo, mang những đôi dép được viền quanh bằng da hươu, mang những đôi dép được viền quanh bằng da rái cá, mang những đôi dép được viền quanh bằng da mèo, mang những đôi dép được viền quanh bằng da sóc, mang những đôi dép được viền quanh bằng da cú mèo. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy."

46. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên mang những đôi dép được viền quanh bằng da sư tử, ...(nt)... không nên mang những đôi dép được viền quanh bằng da cọp, không nên mang những đôi dép được viền quanh bằng da beo, không nên mang những đôi dép được viền quanh bằng da hươu, không nên mang những đôi dép

được viền quanh bằng da rái cá, không nên mang những đôi dép được viền quanh bằng da mèo, không nên mang những đôi dép được viền quanh bằng da sóc, không nên mang những đôi dép được viền quanh bằng da cú mèo; vị nào mang thì phạm tội *Dukkaṭa*.

47. Khi ấy, vào buổi sáng, đức Thế Tôn đã mặc y, cầm y bát, rồi đi vào thành Rājagaha để khất thực với vị Tỳ-khưu nào đó làm Sa-môn hầu cận. Khi ấy, vị Tỳ-khưu ấy đi khập khiễng theo sát phía sau đức Thế Tôn.

48. Có nam cư sĩ nọ sau khi mang vào đôi dép loại nhiều lớp đã nhìn thấy đức Thế Tôn từ đàng xa đang đi lại, sau khi nhìn thấy, đã tháo đôi dép ra rồi đi đến gần đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi đi đến gần vị Tỳ-khưu ấy, sau khi đến đã đảnh lễ vị Tỳ-khưu ấy rồi nói điều này:

– Thưa ngài, vì sao ngài đi khập khiễng?

– Này đạo hữu, hai bàn chân tôi bị rách.

– Thưa ngài, hãy nhận lấy đôi dép.

– Này đạo hữu, thôi đi. Những đôi dép có nhiều lớp đã bị đức Thế Tôn cấm đoán.

[Đức Thế Tôn đã nói rằng:]

– Này Tỳ-khưu, ngươi hãy thọ lãnh đôi dép ấy.

49. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] dép loại nhiều lớp đã bị bỏ đi. Này các Tỳ-khưu, không nên mang những đôi dép loại nhiều lớp còn mới; vị nào mang thì phạm tội *Dukkaṭa*.

50. Vào lúc bấy giờ, đức Thế Tôn đi kinh hành ngoài trời, không mang dép. Các Tỳ-khưu trưởng lão [nghĩ rằng]: "Bậc Đạo sư đi kinh hành không mang dép" nên đi kinh hành cũng không mang dép.

51. Trong khi bậc Đạo sư đi kinh hành không mang dép, trong khi các Tỳ-khưu trưởng lão đi kinh hành cũng không mang dép, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư lại đi kinh hành có mang dép. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao trong khi bậc Đạo sư đi kinh hành không mang dép, trong khi các Tỳ-khưu trưởng lão đi kinh hành cũng không mang dép, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư lại đi kinh hành có mang dép?"

52. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói trong khi bậc Đạo sư đi kinh hành không mang dép và trong khi các Tỳ-khưu trưởng lão đi kinh hành cũng không mang dép, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư lại đi kinh hành có mang dép, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

53. Đức Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– Này các Tỳ-khưu, vì sao trong khi bậc Đạo sư đi kinh hành không mang dép và trong khi các Tỳ-khưu trưởng lão đi kinh hành cũng không mang dép, những kẻ rồ dại ấy lại đi kinh hành có mang dép? Này các Tỳ-khưu, ngay cả những người tại gia choàng vải trắng, vì lý do nghề nghiệp để nuôi mạng vẫn sống có sự tôn kính, có sự phục tùng, có sự cư xử hài hòa đối với các vị thầy.

54. Này các Tỳ-khưu, ở đây các ngươi hãy làm rạng rỡ việc các ngươi đang được xuất gia trong Pháp và Luật khéo được thuyết giảng như vầy, sao các ngươi có thể sống không có sự tôn kính, không có sự phục tùng, không có sự cư xử hài hòa đối với các vị thầy dạy học, đối với các vị tương đương thầy dạy học, đối với các vị thầy tế độ, đối với các vị tương đương thầy tế độ?

55. Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).

Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, trong khi các vị thầy dạy học, các vị tương đương thầy dạy học, các vị thầy tế độ, các vị tương đương thầy tế độ đang đi kinh hành không mang dép, không nên đi kinh hành có mang dép; vị nào mang thì phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, trong khuôn viên tu viện không nên mang dép; vị nào mang thì phạm tội *Dukkaṭa*.

56. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị bệnh khối u ở bàn chân. Các Tỳ-khưu khiêng vị Tỳ-khưu ấy đưa ra bên ngoài cho việc đại tiện cũng như tiểu tiện. Đức Thế Tôn trong khi đi dạo quanh các chỗ trú ngụ đã nhìn thấy các Tỳ-khưu ấy đang khiêng vị Tỳ-khưu ấy đưa ra bên ngoài cho việc đại tiện cũng như tiểu tiện, sau khi nhìn thấy, đã đi đến gần các Tỳ-khưu ấy, sau khi đến đã nói với các Tỳ-khưu ấy điều này:

– Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu này có bệnh gì vậy?

– Bạch Ngài, Đại đức này có bệnh khối u ở bàn chân. Chúng con khiêng vị này đưa ra bên ngoài cho việc đại tiện cũng như tiểu tiện.

57. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vị có các bàn chân bị đau, hoặc có các bàn chân bị rách, hoặc có bệnh khối u ở bàn chân được mang dép.

58. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu bước lên giường ghế với các bàn chân chưa rửa khiến y và chỗ nằm ngồi bị dơ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép mang dép khi nghĩ rằng: "Bây giờ ta sẽ bước lên giường hoặc ghế."

59. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu trong khi đi đến nhà hành lễ *Uposatha*, cũng như đến cuộc hội họp vào ban đêm đã đạp nhằm gốc cây, [đạp nhằm] gai nhọn khiến các bàn chân bị đau. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, trong khuôn viên tu viện, Ta cho phép sử dụng dép, cây đuốc, cây đèn và cây gậy để chống.

60. Vào lúc bấy giờ, sau khi thức dậy trong đêm vào lúc hừng sáng, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư mang các đôi guốc gỗ đi kinh hành ở ngoài trời, trong khi nói to giọng, lớn tiếng, với âm thanh ồn ào về chuyện nhảm nhí có tính chất đa dạng như là chuyện đức vua, chuyện kẻ trộm, chuyện quan đại thần, chuyện quân đội, chuyện ghê rợn, chuyện chiến tranh, chuyện cơm ăn, chuyện nước uống, chuyện vải vóc, chuyện giường nằm, chuyện vòng hoa, chuyện hương thơm, chuyện thân quyến, chuyện xe cộ, chuyện làng xóm, chuyện thị trấn, chuyện thành thị, chuyện quốc gia, chuyện đàn bà, chuyện đàn ông, chuyện người hùng, chuyện đường sá, chuyện kho tàng, chuyện ma quỷ, chuyện linh tinh, chuyện tiên đoán về thế gian, chuyện tiên đoán về biển cả, chuyện sẽ xảy ra và sẽ không xảy ra như vầy hay là như vầy, các vị vừa giẫm đạp giết chết côn trùng vừa làm cho các Tỳ-khưu bị hư hoại thiền định.

61. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư sau khi thức dậy trong đêm vào lúc hừng sáng lại mang các đôi guốc gỗ đi kinh hành ở ngoài trời, còn nói to giọng, lớn tiếng, với âm thanh ồn ào về chuyện nhảm nhí có tính chất đa dạng như là chuyện đức vua, chuyện kẻ trộm, ...(nt)..., chuyện sẽ xảy ra và sẽ không xảy ra như vầy hay là như vầy, các vị vừa giẫm đạp giết chết côn trùng vừa làm cho các Tỳ-khưu bị hư hoại thiền định?"

62. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư sau khi thức dậy trong đêm vào lúc hừng sáng lại mang các đôi guốc gỗ đi kinh hành ở ngoài trời, còn nói to giọng, lớn tiếng, với âm thanh ồn ào về chuyện nhảm nhí có tính chất đa dạng như là chuyện đức vua, chuyện kẻ trộm, ...(nt)... chuyện sẽ xảy ra và sẽ không xảy ra như vầy hay là như vầy, các vị vừa giẫm đạp giết chết côn trùng vừa làm cho các Tỳ-khưu bị hư hoại thiền định, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

63. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt)... Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, không nên mang các đôi guốc gỗ; vị nào mang thì phạm tội *Dukkaṭa*.

64. Sau đó, khi đã ngự tại thành Rājagaha theo như ý thích, đức Thế Tôn đã ra đi, du hành về phía thành Bārāṇasī. Trong khi tuần tự du hành, Ngài đã ngự đến thành Bārāṇasī. Tại nơi ấy, trong thành Bārāṇasī, đức Thế Tôn ngự tại Isipatana, ở chỗ vườn Nai.

65. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư [nghĩ rằng]: "Những đôi guốc gỗ đã bị đức Thế Tôn cấm đoán" nên đã cho chặt những cây thốt nốt còn

non, rồi mang những đôi guốc làm bằng lá cây thốt nốt. Những cây thốt nốt còn non bị chặt trở nên héo úa. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Sa-môn Thích tử lại cho chặt những cây thốt nốt còn non, rồi mang những đôi guốc làm bằng lá cây thốt nốt, khiến những cây thốt nốt còn non bị chặt trở nên héo úa? Các Sa-môn Thích tử hãm hại mạng sống của loài có một giác quan."

66. Các Tỳ-khưu đã nghe được dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã cho chặt những cây thốt nốt còn non, rồi mang những đôi guốc làm bằng lá cây thốt nốt, khiến những cây thốt nốt còn non bị chặt trở nên héo úa, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

67. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– Này các Tỳ-khưu, vì sao những kẻ rồ dại kia lại cho chặt những cây thốt nốt còn non, rồi mang những đôi guốc làm bằng lá cây thốt nốt, khiến những cây thốt nốt còn non bị chặt trở nên héo úa. Này các Tỳ-khưu, bởi vì dân chúng nghĩ rằng có mạng sống ở trong thân cây. Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).

Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, không nên mang những đôi guốc làm bằng lá cây thốt nốt; vị nào mang thì phạm tội *Dukkaṭa*.

68. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư [nghĩ rằng]: "Những đôi guốc làm bằng lá cây thốt nốt đã bị đức Thế Tôn cấm đoán" nên đã cho chặt những cây tre còn non, rồi mang những đôi guốc làm bằng lá cây tre. Những cây tre còn non bị chặt trở nên héo úa. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Sa-môn Thích tử lại cho chặt những cây tre còn non, rồi mang những đôi guốc làm bằng lá cây tre, khiến những cây tre còn non bị chặt trở nên héo úa? Các Sa-môn Thích tử hãm hại mạng sống của loài có một giác quan."

69. Các Tỳ-khưu đã nghe được dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, không nên mang những đôi guốc làm bằng lá cây tre; vị nào mang thì phạm tội *Dukkaṭa*.

70. Sau đó, khi đã ngự tại thành Bārāṇasī theo như ý thích, đức Thế Tôn đã ra đi, du hành về phía thành Bhaddiya. Trong khi tuần tự du hành, Ngài đã ngự đến thành Bhaddiya. Tại nơi ấy, trong thành Bhaddiya, đức Thế Tôn ngự tại khu rừng Jātiyā.

71. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu ở Bhaddiya sống chuyên chú và gắn bó với việc tô điểm đôi giày theo nhiều cách: Các vị tự làm và bảo người làm giày bằng cỏ, các vị tự làm và bảo người làm giày bằng cỏ tranh, các vị tự làm

và bảo người làm giày bằng cỏ sậy, các vị tự làm và bảo người làm giày bằng cây dừa nước, các vị tự làm và bảo người làm giày bằng lá cây kamala, các vị tự làm và bảo người làm giày bằng len. Các vị xao lãng việc trì tụng, việc học hỏi, tăng thượng giới, tăng thượng tâm, tăng thượng tuệ.

72. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu ở Bhaddiya lại sống chuyên chú và gắn bó với việc tô điểm đôi giày theo nhiều cách: Các vị tự làm và bảo người làm giày bằng cỏ, các vị tự làm và bảo người làm giày bằng cỏ tranh, các vị tự làm và bảo người làm giày bằng cỏ sậy, các vị tự làm và bảo người làm giày bằng cây dừa nước, các vị tự làm và bảo người làm giày bằng lá cây kamala, các vị tự làm và bảo người làm giày bằng len. Các vị xao lãng việc trì tụng, việc học hỏi, tăng thượng giới, tăng thượng tâm, tăng thượng tuệ?" Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

73. – Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu ở Bhaddiya sống chuyên chú và gắn bó với việc tô điểm đôi giày theo nhiều cách: Các vị tự làm và bảo người làm giày bằng cỏ, các vị tự làm và bảo người làm giày bằng cỏ tranh, các vị tự làm và bảo người làm giày bằng cỏ sậy, các vị tự làm và bảo người làm giày bằng cây dừa nước, các vị tự làm và bảo người làm giày bằng lá cây kamala, các vị tự làm và bảo người làm giày bằng len. Các vị xao lãng việc trì tụng, việc học hỏi, tăng thượng giới, tăng thượng tâm, tăng thượng tuệ, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

74. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: "Này các Tỳ-khưu, vì sao những kẻ rồ dại này lại sống chuyên chú và gắn bó với việc tô điểm đôi giày theo nhiều cách: Chúng làm và bảo người làm giày bằng cỏ, chúng làm và bảo người làm giày bằng cỏ tranh, chúng làm và bảo người làm giày bằng cỏ sậy, chúng làm và bảo người làm giày bằng cây dừa nước, chúng làm và bảo người làm giày bằng lá cây kamala, chúng làm và bảo người làm giày bằng len. Chúng xao lãng việc trì tụng, việc học hỏi, tăng thượng giới, tăng thượng tâm, tăng thượng tuệ?

75. Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).

Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, không nên mang giày làm bằng cỏ, không nên mang giày làm bằng cỏ tranh, không nên mang giày làm bằng cỏ sậy, không nên mang giày làm bằng cây dừa nước, không nên mang giày làm bằng lá cây kamala, không nên mang giày làm bằng len, không nên mang giày làm bằng vàng, không nên mang giày làm bằng bạc, không nên mang giày làm bằng ngọc mani, không nên mang giày làm bằng ngọc bích, không nên mang giày làm bằng pha lê, không nên mang giày làm bằng đồng thau, không nên mang giày làm bằng thủy tinh, không nên mang giày làm bằng thiếc, không nên mang giày làm bằng chì, không nên mang giày làm bằng đồng đỏ; vị nào mang thì phạm

tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, không nên mang bất cứ loại giày nào dùng cho việc đi lại; vị nào mang thì phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép ba loại giày đặt ở chỗ nhất định, không thể chuyển dịch là giày ở nhà tiểu, giày ở nhà tiêu,[2] giày ở chỗ súc miệng.

76. Sau đó, khi đã ngự tại thành Bhaddiya theo như ý thích, đức Thế Tôn đã ra đi, du hành về phía thành Sāvatthi. Trong khi tuần tự du hành, Ngài đã ngự đến thành Sāvatthi. Tại nơi ấy, trong thành Sāvatthi, đức Thế Tôn ngự tại Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika.

77. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư nắm lấy các sừng của những con bò cái đang lội qua sông Aciravatī, các vị nắm lấy các lỗ tai, các vị nắm lấy cổ, các vị nắm lấy đuôi, các vị cỡi lên lưng, các vị sờ vào bộ phận sinh dục do tâm ái nhiễm, các vị dìm nước các con bò cái tơ và giết chết.

78. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Sa-môn Thích tử lại nắm lấy các sừng của những con bò cái đang lội qua sông Aciravatī, các vị nắm lấy các lỗ tai, các vị nắm lấy cổ, các vị nắm lấy đuôi, các vị cỡi lên lưng, các vị sờ mó bộ phận sinh dục do tâm ái nhiễm, các vị dìm nước các con bò cái tơ và giết chết giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy?"

79. Các Tỳ-khưu đã nghe được dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói ...(nt)... có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

80. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt)... Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, không nên nắm lấy các sừng, không nên nắm lấy các lỗ tai, không nên nắm lấy cổ, không nên nắm lấy đuôi, không nên cỡi lên lưng của những con bò cái; vị nào cỡi lên thì phạm tội *Dukkaṭa*. Không nên sờ mó bộ phận sinh dục do tâm ái nhiễm; vị nào sờ mó thì phạm tội *Thullaccaya*. Không nên giết chết những con bò cái tơ; vị nào giết chết thì nên hành xử theo pháp.[3]

81. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư di chuyển bằng xe được kéo bởi các con bò cái với người nam đánh xe ngồi ở giữa, hoặc được kéo bởi các con bò đực với người nữ đánh xe ngồi ở giữa. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như lễ hội ở vùng Gaṅgā và Mahī vậy." Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, không nên di chuyển bằng xe; vị nào di chuyển thì phạm tội *Dukkaṭa*.

---

[2] Giày ở nhà tiểu và giày ở nhà tiêu được đề cập ở *Cullavagga* (*Tiểu phẩm*) và được ghi nghĩa Việt là bục tiểu tiện và bục đại tiện. Xem tr. 749-51 trong tập này; *TTPV*, tập 7, tr. 107-09.

[3] Liên quan đến tội *Pācittiya* 61 về cố ý [giết] sinh vật (ND).

82. Vào lúc bấy giờ, ở trong xứ Kosala có vị Tỳ-khưu nọ đang đi đến thành Sāvatthi để diện kiến đức Thế Tôn, ở giữa đường bị bệnh. Khi ấy, vị Tỳ-khưu ấy đã rời đường đi và ngồi xuống ở gốc cây nọ.

83. Dân chúng sau khi nhìn thấy vị Tỳ-khưu ấy đã nói điều này:

– Thưa ngài, ngài sẽ đi đâu?

– Này các đạo hữu, tôi sẽ đi Sāvatthi để diện kiến đức Thế Tôn.

– Thưa ngài, hãy đến đây, chúng ta sẽ cùng đi.

– Này các đạo hữu, tôi không thể [đi được]. Tôi bị bệnh.

– Thưa ngài, hãy đến đây. Hãy leo lên xe.

– Này các đạo hữu, thôi đi. Xe đã bị đức Thế Tôn cấm đoán.

Trong lúc ngần ngại, vị ấy đã không leo lên xe.

84. Sau đó, vị Tỳ-khưu ấy đã đi đến thành Sāvatthi và kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu. Các Tỳ-khưu đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] xe đối với vị bị bệnh.

85. Khi ấy, các vị Tỳ-khưu đã khởi ý điều này: "Vậy được kéo bởi con cái? Hay được kéo bởi con đực?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép được kéo bởi con đực, [hoặc] xe kéo bằng tay.

86. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ đã bị khó chịu dữ dội hơn nữa vì sự dằn xóc của xe. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] kiệu khiêng, ghế khiêng.

87. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư sử dụng chỗ nằm cao và chỗ nằm rộng lớn như là ghế trường kỷ, ghế nệm lông thú, thảm lông cừu dài sợi, thảm lông nhiều màu, thảm lông cừu màu trắng, thảm thêu bông hoa, thảm bông gòn, thảm dệt có nhiều hình thú, thảm có lông mặt trên, thảm có lông một bên góc, thảm dệt sợi vàng, thảm lụa, thảm lớn để nhảy múa, thảm ở mình voi, thảm ở mình ngựa, thảm lót xe, thảm da beo, thảm da nai giống quý, thảm có che phủ ở bên trên và có màu đỏ ở hai đầu.

88. Dân chúng trong lúc đi dạo quanh các trú xá nhìn thấy nên phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy." Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, không nên sử dụng chỗ nằm cao và chỗ nằm rộng lớn như là ghế trường kỷ, ghế nệm lông thú, thảm lông cừu dài sợi, thảm lông nhiều màu, thảm lông cừu màu trắng, thảm thêu bông hoa, thảm bông gòn, thảm dệt có nhiều hình thú, thảm có lông mặt trên, thảm có lông một bên góc, thảm dệt sợi vàng, thảm lụa, thảm lớn để nhảy múa, thảm ở mình voi, thảm ở mình ngựa, thảm lót xe, thảm da beo, thảm da nai giống quý, thảm có che phủ ở bên trên và có màu đỏ ở hai đầu; vị nào sử dụng thì phạm tội *Dukkaṭa*.

89. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư [nghĩ rằng]: "Chỗ nằm cao và chỗ nằm rộng lớn đã bị đức Thế Tôn cấm đoán" nên sử dụng những tấm da thú lớn là da sư tử, da cọp, da beo. Các tấm da được cắt theo kích thước của giường, chúng được cắt theo kích thước của ghế, chúng được xếp đặt ở giường phía bên trong, chúng được xếp đặt ở giường phía bên ngoài, chúng được xếp đặt ở ghế phía bên trong, chúng được xếp đặt ở ghế phía bên ngoài. Dân chúng trong lúc đi dạo quanh các trú xá nhìn thấy nên phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy." Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, không nên sử dụng những tấm da thú lớn là da sư tử, da cọp, da beo; vị nào sử dụng thì phạm tội *Dukkaṭa*.

90. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư [nghĩ rằng]: "Những tấm da thú lớn đã bị đức Thế Tôn cấm đoán" nên sử dụng những tấm da bò. Những tấm da bò được cắt theo kích thước của giường, chúng được cắt theo kích thước của ghế, chúng được xếp đặt ở giường phía bên trong, chúng được xếp đặt ở giường phía bên ngoài, chúng được xếp đặt ở ghế phía bên trong, chúng được xếp đặt ở ghế phía bên ngoài.

91. Có vị Tỳ-khưu xấu xa nọ thường hay lui tới với người cư sĩ xấu xa nọ. Khi ấy vào buổi sáng, vị Tỳ-khưu xấu xa ấy đã mặc y, cầm y bát, rồi đi đến nhà ở của người cư sĩ xấu xa ấy, sau khi đến đã ngồi xuống trên chỗ ngồi được sắp đặt sẵn. Sau đó, người cư sĩ xấu xa ấy đã đi đến gặp vị Tỳ-khưu xấu xa ấy, sau khi đến đã đảnh lễ vị Tỳ-khưu xấu xa ấy rồi ngồi xuống một bên.

92. Vào lúc bấy giờ, người cư sĩ xấu xa ấy có con bê còn nhỏ, đẹp dáng, đáng nhìn, xinh xắn, có nhiều màu như là con beo con vậy. Khi ấy, vị Tỳ-khưu xấu xa ấy chăm chú nhìn con bê con ấy một cách kỹ lưỡng. Sau đó, người cư sĩ xấu xa ấy đã nói với vị Tỳ-khưu xấu xa ấy điều này:

– Thưa ngài, vì sao ngài lại chăm chú nhìn con bê con ấy một cách kỹ lưỡng vậy?

– Này đạo hữu, Ta có việc cần dùng với da của con bê này.

Khi ấy, người cư sĩ xấu xa ấy đã giết chết con bê ấy, lột tấm da, rồi dâng cho vị Tỳ-khưu xấu xa ấy. Sau đó, vị Tỳ-khưu xấu xa ấy đã dùng y hai lớp che đậy tấm da ấy rồi ra đi.

93. Khi ấy, con bò cái ấy nhớ đến con bê nên đã đi theo phía sau vị Tỳ-khưu xấu xa ấy. Các vị Tỳ-khưu đã nói như vầy:

– Này Đại đức, vì sao con bò cái này cứ đi theo phía sau Đại đức vậy?

– Này các Đại đức, tôi cũng không biết vì sao con bò cái này cứ đi theo phía sau tôi nữa?

94. Vào lúc bấy giờ, y hai lớp của vị Tỳ-khưu xấu xa ấy đã bị vấy máu. Các vị Tỳ-khưu đã nói như vầy: "Này Đại đức, còn cái y hai lớp này của Đại đức,

nó đã bị cái gì vậy?" Khi ấy, vị Tỳ-khưu xấu xa ấy đã kể lại sự việc ấy cho các vị Tỳ-khưu.

– Này Đại đức, có phải Đại đức đã xúi giục kẻ khác giết hại mạng sống?

– Này các Đại đức, đúng vậy.

Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao vị Tỳ-khưu lại xúi giục kẻ khác giết hại mạng sống? Không phải sự giết hại mạng sống đã bị đức Thế Tôn khiển trách bằng nhiều phương cách và việc từ bỏ giết hại mạng sống đã được khen ngợi hay sao?" Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng Tỳ-khưu lại và đã hỏi vị Tỳ-khưu xấu xa ấy rằng:

– Này Tỳ-khưu, nghe nói ngươi đã xúi giục kẻ khác giết hại mạng sống, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

95. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– Này kẻ rồ dại, vì sao ngươi lại xúi giục kẻ khác giết hại mạng sống? Không phải sự giết hại mạng sống đã bị Ta khiển trách bằng nhiều phương cách và việc từ bỏ giết hại mạng sống đã được khen ngợi hay sao? Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).

Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, không nên xúi giục kẻ khác giết hại mạng sống, vị nào xúi giục thì nên được hành xử theo pháp.[4] Và này các Tỳ-khưu, không nên sử dụng da bò; vị nào sử dụng thì phạm tội *Dukkaṭa*. Và này các Tỳ-khưu, không nên sử dụng bất cứ loại da nào; vị nào sử dụng thì phạm tội *Dukkaṭa*.

96. Vào lúc bấy giờ, giường và ghế của dân chúng được độn lót bằng da và được phủ bằng da. Các vị Tỳ-khưu trong lúc ngần ngại không ngồi lên. Các vị đã trình sự việc lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép ngồi lên chỗ đã được làm sẵn bởi cư sĩ nhưng không được nằm lên.

97. Vào lúc bấy giờ, các trú xá được buộc lại bằng những sợi dây da. Các vị Tỳ-khưu trong lúc ngần ngại không ngồi lên. Các vị đã trình sự việc lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép ngồi lên vật được buộc lại [bởi các dây da].

98. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đi vào làng có mang những đôi dép. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy." Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

---

[4] Có thể phạm tội *Pārājika* 3 nếu liên quan đến nhân mạng, hoặc tội *Pācittiya* 11, 61, 62 nếu liên quan đến các sinh vật lớn nhỏ khác (ND).

– Này các Tỳ-khưu, không nên đi vào làng có mang dép; vị nào đi vào thì phạm tội *Dukkaṭa*.

99. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị bệnh không thể đi vào làng không có dép. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vị Tỳ-khưu bị bệnh đi vào làng có mang dép.

100. Lúc bấy giờ, Đại đức Mahākaccāyana ngụ trong xứ Avanti, ở thành Kuraraghara, tại núi Papāta. Vào lúc bấy giờ, nam cư sĩ Soṇa Kuṭikaṇṇa là người hộ độ cho Đại đức Mahākaccāyana.

101. Khi ấy, nam cư sĩ Soṇa Kuṭikaṇṇa đã đi đến gặp Đại đức Mahākaccāyana, sau khi đến đã đảnh lễ Đại đức Mahākaccāyana rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, nam cư sĩ Soṇa Kuṭikaṇṇa đã nói với Đại đức Mahākaccāyana điều này:

– Thưa ngài, theo như con hiểu về pháp đã được ngài Đại đức Mahākaccāyana thuyết giảng thì việc ấy không phải là việc dễ làm đối với người đang sống ở gia đình để thực hành Phạm hạnh một cách đầy đủ trọn vẹn, hoàn toàn trong sạch như vỏ ốc được cạo sạch. Thưa ngài, con muốn cạo bỏ râu tóc, khoác lên các y màu ca-sa, rời nhà xuất gia, sống không nhà. Thưa ngài, xin ngài Đại đức Mahākaccāyana hãy cho con xuất gia.

– Này Soṇa, việc ấy là khó làm để thực hành Phạm hạnh, ngủ một mình, ăn một bữa cho đến trọn đời. Này Soṇa, vậy thì ở ngay chỗ này, là người tại gia, ngươi hãy thực tập lời dạy của chư Phật tức là [thực hành] Phạm hạnh, ngủ một mình, ăn một bữa trong khoảng thời gian quy định.

102. Khi ấy, ước muốn xuất gia của nam cư sĩ Soṇa Kuṭikaṇṇa đã được dịu đi. Đến lần thứ nhì, nam cư sĩ Soṇa Kuṭikaṇṇa ...(nt)... Đến lần thứ ba, nam cư sĩ Soṇa Kuṭikaṇṇa đã đi đến gặp Đại đức Mahākaccāyana, sau khi đến đã đảnh lễ Đại đức Mahākaccāyana rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, nam cư sĩ Soṇa Kuṭikaṇṇa đã nói với Đại đức Mahākaccāyana điều này:

– Bạch ngài, theo như con hiểu về pháp đã được ngài Đại đức Mahākaccāyana thuyết giảng thì việc ấy không phải là việc dễ làm, đối với người đang sống ở gia đình để thực hành Phạm hạnh một cách đầy đủ trọn vẹn, hoàn toàn trong sạch như vỏ ốc được cạo sạch. Bạch ngài, con muốn cạo bỏ râu tóc, khoác các y màu ca-sa, rời nhà xuất gia, sống không nhà. Bạch ngài, xin ngài Đại đức Mahākaccāyana hãy cho con xuất gia.

Khi ấy, Đại đức Mahākaccāyana đã cho nam cư sĩ Soṇa Kuṭikaṇṇa xuất gia.

103. Vào lúc bấy giờ, ở xứ Avanti và khu vực phía Nam có ít Tỳ-khưu. Khi ấy, Đại đức Mahākaccāyana trải qua ba năm với nỗi cực nhọc khó khăn đã triệu tập được hội chúng Tỳ-khưu gồm mười vị từ nơi này nơi khác, rồi đã cho Đại đức Soṇa tu lên bậc trên.

104. Sau đó, khi đã sống qua mùa [an cư] mưa, Đại đức Soṇa trong lúc thiền tịnh ở nơi thanh vắng có ý nghĩ suy tầm như vầy đã sanh khởi: "Ta đã

được nghe về đức Thế Tôn ấy là 'vị như vầy và như vầy' nhưng ta chưa được nhìn thấy tận mặt. Vậy ta nên đi để diện kiến đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy nếu thầy tế độ cho phép ta."

105. Sau đó, vào lúc chiều tối, Đại đức Soṇa đã xuất khỏi thiền tịnh rồi đi đến gặp Đại đức Mahākaccāyana, sau khi đến đã đảnh lễ Đại đức Mahākaccāyana rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Đại đức Soṇa đã nói với Đại đức Mahākaccāyana điều này:

– Thưa ngài, trường hợp con trong lúc thiền tịnh ở nơi thanh vắng có ý nghĩ suy tầm như vầy đã sanh khởi: "Ta đã được nghe về đức Thế Tôn ấy là vị như vầy và như vầy, nhưng ta chưa được nhìn thấy tận mặt. Vậy ta nên đi để diện kiến đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy, nếu thầy tế độ cho phép ta." Thưa ngài, con có thể đi để diện kiến đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy, nếu thầy tế độ cho phép con?

– Này Soṇa, tốt lắm, tốt lắm. Này Soṇa, ngươi hãy đi để diện kiến đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy. Này Soṇa, ngươi sẽ thấy đức Thế Tôn ấy dễ mến, đáng tin, có giác quan thanh tịnh, có tâm ý thanh tịnh, đã đạt đến mức tột đỉnh trong sự thu thúc và tĩnh lặng, là đấng Voi Chúa đã được huấn luyện, đã được hộ trì, có giác quan đã được kiểm soát.

106. Này Soṇa, nếu vậy thì ngươi hãy đê đầu đảnh lễ ở bàn chân của đức Thế Tôn với lời của ta rằng: "Bạch Ngài, thầy tế độ của con là Đại đức Mahākaccāyana xin đê đầu đảnh lễ ở bàn chân của đức Thế Tôn." Rồi ngươi hãy nói như vầy: "Bạch Ngài, xứ Avanti và khu vực phía Nam có ít Tỳ-khưu. Con trải qua ba năm với nỗi cực nhọc khó khăn mới triệu tập được hội chúng Tỳ-khưu gồm mười vị từ nơi này nơi khác và đã thành tựu việc tu lên bậc trên. Có lẽ ở xứ Avanti và khu vực phía Nam, đức Thế Tôn nên cho phép việc tu lên bậc trên bằng nhóm [có nhân sự] ít hơn.

107. Bạch Ngài, ở xứ Avanti và khu vực phía Nam, mặt đất sẫm màu hơn, rắn chắc, bị giẫm đạp bởi móng chân bò. Có lẽ ở xứ Avanti và khu vực phía Nam, đức Thế Tôn nên cho phép [sử dụng] dép có nhiều lớp.

108. Bạch Ngài, ở xứ Avanti và khu vực phía Nam dân chúng xem trọng việc tắm và được sạch sẽ nhờ nước. Có lẽ ở xứ Avanti và khu vực phía Nam, đức Thế Tôn nên cho phép việc tắm thường xuyên.

109. Bạch Ngài, ở xứ Avanti và khu vực phía Nam, các loại da thú như là da cừu, da dê, da nai là các vật dùng để trải lót. Bạch Ngài, cũng giống như ở các xứ ở trung tâm, [các loại cỏ] eragu, moragu, majjāru, jantu [là các vật dùng để trải lót], bạch Ngài, tương tợ như thế, ở xứ Avanti và khu vực phía Nam, các loại da thú như là da cừu, da dê, da nai là các vật dùng để trải lót. Có lẽ ở xứ Avanti và khu vực phía Nam, đức Thế Tôn nên cho phép các loại da thú như là da cừu, da dê, da nai là các vật dùng để trải lót.

110. Bạch Ngài, hiện nay dân chúng dâng y đến các vị Tỳ-khưu đã đi ra khỏi ranh giới [nói rằng]: 'Chúng tôi dâng y này cho vị tên [như vầy].' Các vị ấy sau khi trở lại thông báo [cho các Tỳ-khưu] rằng: 'Này các Đại đức, y đã được dâng cho các Đại đức bởi những người tên [như vầy].' Các vị ấy trong lúc ngần ngại, không ưng thuận [nói rằng]: 'Chớ để chúng tôi bị phạm tội *Nissaggiya*.' Có lẽ đức Thế Tôn nên chỉ dẫn cách thức về y."

111. – Bạch Ngài, xin vâng.

Sau khi đáp lời Đại đức Mahākaccāyana, Đại đức Soṇa đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Đại đức Mahākaccāyana, hướng vai phải nhiễu quanh, rồi thu xếp chỗ trú ngụ, cầm y bát, ra đi về phía thành Sāvatthi.

112. Theo tuần tự, vị ấy đã đi đến thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika, gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi ấy, đức Thế Tôn đã bảo Đại đức Ānanda rằng:

– Này Ānanda, hãy sắp đặt chỗ trú ngụ cho vị Tỳ-khưu vãng lai này.

113. Khi ấy, Đại đức Ānanda [suy nghĩ rằng]: "Liên quan đến vị nào mà đức Thế Tôn ra lệnh cho ta rằng: 'Này Ānanda, hãy sắp đặt chỗ trú ngụ cho vị Tỳ-khưu vãng lai này'? Có phải đức Thế Tôn muốn ngụ trong cùng một trú xá với vị Tỳ-khưu ấy? Có phải đức Thế Tôn muốn ngụ trong cùng một trú xá với Đại đức Soṇa?" rồi đã sắp đặt chỗ trú ngụ cho Đại đức Soṇa trong trú xá đức Thế Tôn đang ngự.

114. Sau đó, khi đã trải qua gần trọn đêm ở ngoài trời, đức Thế Tôn đã đi vào trú xá. Đại đức Soṇa sau khi trải qua gần trọn đêm ở ngoài trời cũng đã đi vào trú xá.

115. Sau đó, trong đêm vào lúc hừng sáng, đức Thế Tôn sau khi thức dậy đã yêu cầu Đại đức Soṇa rằng:

– Này Tỳ-khưu, mong rằng có bài pháp [nào đó] khởi đến cho ngươi để thuyết giảng.

– Bạch Ngài, xin vâng.

Sau khi đáp lời đức Thế Tôn, Đại đức Soṇa đã thuyết lại đầy đủ toàn bộ phẩm Nhóm Tám một cách mạch lạc.

116. Sau đó, vào lúc kết thúc việc thuyết lại một cách mạch lạc của Đại đức Soṇa, đức Thế Tôn đã khen ngợi rằng:

– Này Tỳ-khưu, tốt lắm, tốt lắm. Này Tỳ-khưu, phẩm Nhóm Tám đã được ngươi khéo học tập, khéo suy nghĩ, khéo ghi nhớ. Ngươi có giọng nói êm dịu, rõ ràng, không có khó nghe, làm rõ được ý nghĩa. Này Tỳ-khưu, ngươi [xuất gia] được bao nhiêu năm?

– Bạch đức Thế Tôn, con được một năm.

– Này Tỳ-khưu, tại sao ngươi thực hiện [việc tu lên bậc trên] chậm trễ như vậy?

– Bạch Ngài, từ lâu con đã thấy được sự tai hại trong các dục, nhưng vì cuộc sống tại gia có nhiều cản trở, có nhiều phận sự, có nhiều việc cần phải làm.

117. Sau đó, khi đã hiểu ra sự việc ấy, đức Thế Tôn vào thời điểm ấy đã thốt lên lời cảm hứng này:

"Sau khi nhìn thấy sự tai hại ở thế gian, sau khi hiểu được pháp không đưa đến tái sanh, bậc Thánh không thích thú điều ác, vị trong sạch không thích thú điều ác."

118. Khi ấy, Đại đức Soṇa [nghĩ rằng]: "Đức Thế Tôn hoan hỷ với ta, lúc này chính là lúc của việc mà thầy tế độ ta đã căn dặn kỹ càng" nên đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp thượng y một bên vai, quỳ xuống đê đầu ở bàn chân của đức Thế Tôn rồi nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, thầy tế độ của con là Đại đức Mahākaccāyana xin đê đầu đảnh lễ ở bàn chân của đức Thế Tôn và nói như vầy:

119. "Bạch Ngài, xứ Avanti và khu vực phía Nam có ít Tỳ-khưu. Con trải qua ba năm với nỗi cực nhọc khó khăn mới triệu tập được hội chúng Tỳ-khưu gồm mười vị từ nơi này nơi khác và đã thành tựu việc tu lên bậc trên. Có lẽ ở xứ Avanti và khu vực phía Nam, đức Thế Tôn nên cho phép việc tu lên bậc trên bằng nhóm [có nhân sự] ít hơn.

120. Bạch Ngài, ở xứ Avanti và khu vực phía Nam, mặt đất sẫm màu hơn, rắn chắc, bị giẫm đạp bởi móng chân bò. Có lẽ ở xứ Avanti và khu vực phía Nam, đức Thế Tôn nên cho phép [sử dụng] dép có nhiều lớp.

121. Bạch Ngài, ở xứ Avanti và khu vực phía Nam, dân chúng xem trọng việc tắm và được sạch sẽ nhờ nước. Có lẽ ở xứ Avanti và khu vực phía Nam, đức Thế Tôn nên cho phép việc tắm thường xuyên.

122. Bạch Ngài, ở xứ Avanti và khu vực phía Nam, các loại da thú như là da cừu, da dê, da nai là các vật dùng để trải lót. Bạch Ngài, cũng giống như ở các xứ ở trung tâm, [các loại cỏ] eragu, moragu, majjāru, jantu [là các vật dùng để trải lót], bạch Ngài, tương tợ như thế, ở xứ Avanti và khu vực phía Nam, các loại da thú như là da cừu, da dê, da nai là các vật dùng để trải lót. Có lẽ ở xứ Avanti và khu vực phía Nam, đức Thế Tôn nên cho phép các loại da thú như là da cừu, da dê, da nai là các vật dùng để trải lót.

123. Bạch Ngài, hiện nay dân chúng dâng y đến các vị Tỳ-khưu đã đi ra khỏi ranh giới [nói rằng]: 'Chúng tôi dâng y này cho vị tên [như vầy].' Các vị ấy sau khi trở lại thông báo [cho các Tỳ-khưu] rằng: 'Này các Đại đức, y đã được dâng cho các Đại đức bởi những người tên [như vầy].' Các vị ấy trong lúc ngần ngại không nhận [nói rằng]: 'Chớ để chúng tôi bị phạm tội *Nissaggiya*.' Có lẽ đức Thế Tôn nên chỉ dẫn cách thức về y."

124. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, xứ Avanti và khu vực phía Nam có ít Tỳ-khưu. Này các Tỳ-khưu, trong tất cả các xứ thuộc vùng biên địa, Ta cho phép việc tu lên bậc trên với nhóm có vị thứ năm là vị rành rẽ về Luật.

125. Trong trường hợp ấy, các xứ này là thuộc vùng biên địa: Ở hướng Đông có thị trấn tên là Kajaṅgala, xa hơn chỗ đó là Mahāsālā, từ đó trở đi là các xứ thuộc vùng biên địa, từ đó trở lại là thuộc trung tâm. Ở hướng Đông Nam, có con sông tên là Salalavatī, từ đó trở đi là các xứ thuộc vùng biên địa, từ đó trở lại là thuộc trung tâm. Ở hướng Nam, có thị trấn tên là Setakaṇṇika, từ đó trở đi là các xứ thuộc vùng biên địa, từ đó trở lại là thuộc trung tâm. Ở hướng Tây, có làng Bà-la-môn tên là Thūṇa, từ đó trở đi là các xứ thuộc vùng biên địa, từ đó trở lại là thuộc trung tâm. Ở hướng Bắc, có ngọn núi tên là Usīraddhaja, từ đó trở đi là các xứ thuộc vùng biên địa, từ đó trở lại là thuộc trung tâm. Này các Tỳ-khưu, trong các xứ thuộc vùng biên địa như thế Ta cho phép việc tu lên bậc trên với nhóm có vị thứ năm là vị rành rẽ về Luật.

126. Này các Tỳ-khưu, ở xứ Avanti và khu vực phía Nam, mặt đất sẫm màu hơn, rắn chắc, bị giẫm đạp bởi móng chân bò. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] dép có nhiều lớp trong tất cả các xứ thuộc vùng biên địa.

127. Này các Tỳ-khưu, ở xứ Avanti và khu vực phía Nam, dân chúng xem trọng việc tắm và được sạch sẽ nhờ nước. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép việc tắm thường xuyên trong tất cả các xứ thuộc vùng biên địa.

128. Này các Tỳ-khưu, ở xứ Avanti và khu vực phía Nam, các loại da thú như là da cừu, da dê, da nai là các vật dùng để trải lót. Này các Tỳ-khưu, cũng giống như ở các xứ ở trung tâm, [các loại cỏ] eragu, moragu, majjāru, jantu [là các vật dùng để trải lót], này các Tỳ-khưu, tương tợ như thế, ở xứ Avanti và khu vực phía Nam, các loại da thú như là da cừu, da dê, da nai là các vật dùng để trải lót. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép các loại da thú như là da cừu, da dê, da nai là các vật dùng để trải lót trong tất cả các xứ thuộc vùng biên địa.

129. Này các Tỳ-khưu, trường hợp dân chúng dâng y đến các vị Tỳ-khưu đã đi ra khỏi ranh giới [nói rằng]: "Chúng tôi dâng y này cho vị tên [như vầy]." Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép ưng thuận, khi nào chưa đến tay thì chưa tính việc đếm [ngày đã cất giữ] ấy.

Dứt chương "Da thú" là thứ năm.

*****

Trong chương này có sáu mươi ba sự việc.

TÓM LƯỢC CHƯƠNG NÀY:

1. Vua xứ Magadha và Soṇa Koḷivīsa, tám mươi ngàn vị trưởng làng, [Đại đức] Sāgata ở Gijjhakūṭa đã phô bày nhiều pháp thượng nhân.

2. Việc xuất gia, [các bàn chân] đã bị rách do nỗ lực, cây đàn vīṇā, [dép] một lớp, màu xanh, màu vàng, màu đỏ [máu], màu tím và luôn cả màu đen nữa.

3. Màu đỏ tía, màu hồng và đã cấm đoán dây buộc, [dép] phủ gót chân, trùm gối, trùm ống chân, lót bông gòn, giống cánh gà, gắn sừng cừu và dê.

4. [Dép có gắn] đuôi bọ cạp, lông công và đủ các loại, [dép] được viền bằng da sư tử, cọp và beo, hươu, rái cá và mèo, sóc, cú mèo.

5. [Bàn chân] bị rách, đôi dép, bị khối u, chưa được rửa, [đạp nhằm] gốc cây, [âm thanh] ồn ào, [dép làm bằng lá] cây thốt nốt, cây tre và cỏ, cỏ tranh, cỏ sậy và dừa nước.

6. [Dép làm bằng] lá cây kamala, sợi len, vàng, bạc, ngọc ma-ni, ngọc bích, pha lê, đồng thau và thủy tinh, thiếc, chì và đồng đỏ.

7. Bò cái, xe, vị bị bệnh, được kéo bằng bò đực, ghế nệm, các chỗ nằm, da thú lớn, với các da bò và kẻ ác.

8. Của các cư sĩ, được buộc dây da, các vị đi vào, các vị bị bệnh, Đại đức Mahākaccāyana, vị Soṇa, Nhóm Tám một cách mạch lạc.

9. Việc tu lên bậc trên với năm vị, dép có nhiều lớp, việc tắm thường xuyên, đã cho phép thảm bằng da, không tính việc đếm ngày. Vị Lãnh Đạo đã ban năm điều đặc ân này cho Trưởng lão Soṇa.

--ooOoo--

VI. CHƯƠNG DƯỢC PHẨM

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu bị nhiễm cơn bệnh thuộc về mùa thu, khiến cháo đã húp vào bị ói ra, thức ăn đã ăn vào bị mửa ra. Vì thế, các vị trở nên ốm o, cằn cỗi, xuống sắc, có vẻ xanh xao, thân hình nổi đầy gân. Đức Thế Tôn đã nhìn thấy các vị Tỳ-khưu ấy ốm o, cằn cỗi, xuống sắc, có vẻ xanh xao, thân hình nổi đầy gân, sau khi nhìn thấy đã bảo Đại đức Ānanda rằng:

– Này Ānanda, điều gì khiến các vị Tỳ-khưu trong lúc này lại ốm o, cằn cỗi, xuống sắc, có vẻ xanh xao, thân hình nổi đầy gân vậy?

2. – Bạch Ngài, trong lúc này, các vị Tỳ-khưu bị nhiễm cơn bệnh thuộc về mùa thu, khiến cháo đã húp vào bị ói ra, thức ăn đã ăn vào bị mửa ra. Vì thế, các vị trở nên ốm o, cằn cỗi, xuống sắc, có vẻ xanh xao, thân hình nổi đầy gân.

3. Sau đó, đức Thế Tôn trong lúc thiền tịnh ở nơi thanh vắng có ý nghĩ suy tầm như vầy đã sanh khởi: "Trong lúc này, các vị Tỳ-khưu bị nhiễm cơn bệnh thuộc về mùa thu, khiến cháo đã húp vào bị ói ra, thức ăn đã ăn vào bị mửa ra. Vì thế, các vị trở nên ốm o, cằn cỗi, xuống sắc, có vẻ xanh xao, thân hình nổi đầy gân. Vậy Ta nên cho phép các vị Tỳ-khưu loại dược phẩm gì mà chính loại dược phẩm ấy tuy được quy định là dược phẩm ở thế gian, lại có thể dùng theo mục đích của thức ăn, nhưng không được xem là loại thức ăn thông thường?"

4. Khi ấy, đức Thế Tôn đã khởi ý điều này: "Năm loại dược phẩm này như là bơ lỏng, bơ đặc, dầu ăn, mật ong, đường mía là các loại dược phẩm tuy được quy định là dược phẩm ở thế gian và được dùng theo mục đích của thức ăn, nhưng không được xem là loại thức ăn thông thường; có lẽ Ta nên cho phép các Tỳ-khưu được thọ lãnh năm loại dược phẩm này đúng thời và thọ dụng đúng thời?"

5. Sau đó, vào lúc chiều tối, đức Thế Tôn đã xuất khỏi thiền tịnh rồi nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, ở đây, trong lúc thiền tịnh ở nơi thanh vắng Ta có ý nghĩ suy tầm như vầy đã sanh khởi: "Trong lúc này các vị Tỳ-khưu bị nhiễm cơn bệnh thuộc về mùa thu, khiến cháo đã húp vào bị ói ra, thức ăn đã ăn vào bị mửa ra. Vì thế, các vị trở nên ốm o, cằn cỗi, xuống sắc, có vẻ xanh xao, thân hình nổi đầy gân. Vậy Ta nên cho phép loại dược phẩm gì cho các Tỳ-khưu, mà chính loại dược phẩm ấy tuy được quy định là dược phẩm ở thế gian, lại có thể dùng theo mục đích của thức ăn, nhưng không được xem là loại thức ăn thông thường?"

6. Này các Tỳ-khưu, Ta đây đã khởi ý điều này: "Năm loại dược phẩm này như là bơ lỏng, bơ đặc, dầu ăn, mật ong, đường mía là các loại dược phẩm tuy được quy định là dược phẩm ở thế gian và được dùng theo mục đích của thức ăn, nhưng không được xem là loại thức ăn thông thường; có lẽ Ta nên cho phép các Tỳ-khưu được thọ lãnh năm loại dược phẩm này đúng thời và thọ dụng đúng thời?" Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thọ lãnh năm loại dược phẩm ấy đúng thời và thọ dụng đúng thời.[1]

7. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu nhận lãnh năm loại dược phẩm ấy đúng thời và thọ dụng đúng thời. Các vị đã không ăn các loại thức ăn thô thông thường và [ăn] các loại [thức ăn] có dầu mỡ còn ít hơn nữa. Các vị ấy không những đã bị nhiễm cơn bệnh thuộc về mùa thu ấy, lại thêm vào việc không chịu thu nạp thức ăn này nữa. Vì hai điều ấy, các vị càng trở nên ốm o, cằn cỗi, xuống sắc, có vẻ xanh xao, thân hình nổi đầy gân thêm hơn nữa.

8. Đức Thế Tôn đã nhận thấy các vị Tỳ-khưu ấy càng trở nên ốm o, cằn cỗi, xuống sắc, có vẻ xanh xao, thân hình nổi đầy gân thêm hơn nữa, sau khi nhìn thấy đã bảo Đại đức Ānanda rằng:

– Này Ānanda, trong lúc này, điều gì khiến các vị Tỳ-khưu càng trở nên ốm o, cằn cỗi, xuống sắc, có vẻ xanh xao, thân hình nổi đầy gân thêm hơn nữa?

9. – Bạch Ngài, lúc này các vị Tỳ-khưu nhận lãnh năm loại dược phẩm ấy đúng thời và thọ dụng đúng thời. Các vị đã không ăn các loại thức ăn thô thông thường và [ăn] các loại [thức ăn] có dầu mỡ còn ít hơn nữa. Các vị ấy không những đã bị nhiễm cơn bệnh thuộc về mùa thu ấy, lại thêm vào việc không chịu thu nạp thức ăn này nữa. Vì hai điều ấy, các vị càng trở nên ốm o, cằn cỗi, xuống sắc, có vẻ xanh xao, thân hình nổi đầy gân thêm hơn nữa.

10. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thọ lãnh năm loại dược phẩm này và thọ dụng đúng thời luôn cả phi thời.

11. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu bị bệnh có nhu cầu về các dược phẩm là các loại mỡ [thú vật]. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thọ dụng chung với dầu ăn các dược phẩm là các loại mỡ [thú vật] như: Mỡ gấu, mỡ cá, mỡ cá sấu, mỡ heo rừng, mỡ lừa đã được thọ lãnh đúng thời, đã được nấu đúng thời, đã được trộn chung đúng thời. Này các Tỳ-khưu, nếu vật ấy đã được thọ lãnh phi thời, đã được nấu phi thời, đã được trộn chung phi thời, vị thọ dụng [vật ấy] phạm ba tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, nếu vật ấy đã được thọ lãnh đúng thời, đã được nấu phi thời và đã được trộn chung phi thời, vị thọ dụng [vật ấy] phạm

[1] Trong trường hợp liên quan đến vật thực, đúng thời là trước ngọ, phi thời là sau ngọ cho đến rạng đông của ngày kế (ND).

hai tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, nếu vật ấy đã được thọ lãnh đúng thời, đã được nấu đúng thời và đã được trộn chung phi thời, vị thọ dụng [vật ấy] phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, nếu vật ấy đã được thọ lãnh đúng thời, đã được nấu đúng thời và đã được trộn chung đúng thời, vị thọ dụng [vật ấy] vô tội.

12. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu bị bệnh có nhu cầu về các dược phẩm là các rễ cây. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép các dược phẩm là các rễ cây như: Củ nghệ, củ gừng, rễ cây vacaṃ, rễ cây vaca trắng, rễ cây ngải cứu, rễ cây kaṭukarohiṇī, rễ loại cây có mùi thơm usīra, rễ loại cỏ có mùi thơm bhaddamuttaka, hoặc có các dược phẩm là các rễ cây khác nữa [tuy] thuộc về vật thực cứng nhưng không được dùng theo mục đích của vật thực cứng và [tuy] thuộc về vật thực mềm nhưng không được dùng theo mục đích của vật thực mềm, sau khi thọ lãnh các loại ấy, được cất giữ đến trọn đời và được thọ dụng khi có duyên cớ. Vị thọ dụng khi không có duyên cớ phạm tội *Dukkaṭa*.

13. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu bị bệnh có nhu cầu về các dược phẩm dạng bột là các loại rễ cây. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] cối đá xay và cối đá xay loại nhỏ.

14. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu bị bệnh có nhu cầu về các dược phẩm là các loại nước sắc. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép các dược phẩm là các loại nước sắc như: Nước sắc của cây nimba, nước sắc của cây kuṭaja, nước sắc của loại dưa dài paṭola, nước sắc của loại dây leo phaggava, nước sắc của cây nattamāla, hoặc có các dược phẩm là các loại nước sắc khác nữa [tuy] thuộc về vật thực cứng nhưng không được dùng theo mục đích của vật thực cứng và [tuy] thuộc về vật thực mềm nhưng không được dùng theo mục đích của vật thực mềm, sau khi thọ lãnh các loại ấy, được cất giữ đến trọn đời và được thọ dụng khi có duyên cớ. Vị thọ dụng khi không có duyên cớ phạm tội *Dukkaṭa*.

15. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu bị bệnh có nhu cầu về các dược phẩm là các loại lá cây. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép các dược phẩm là các loại lá cây như: Lá cây nimba, lá cây kuṭaja, lá cây của loại dưa dài paṭola, lá cây húng quế, lá cây bông vải, hoặc có các dược phẩm là các loại lá cây khác nữa [tuy] thuộc về vật thực cứng nhưng không được dùng theo mục đích của vật thực cứng và [tuy] thuộc về vật thực mềm nhưng không được dùng theo mục đích của vật thực mềm, sau khi thọ lãnh các loại ấy được cất giữ đến trọn đời và được thọ dụng khi có duyên cớ. Vị thọ dụng khi không có duyên cớ phạm tội *Dukkaṭa*.

16. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu bị bệnh có nhu cầu về các dược phẩm là các loại trái cây. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép các dược phẩm là các loại trái cây như: Trái cây viḷaṅga, hạt tiêu dài, hạt tiêu đen, trái cây harīṭaka, trái cây vibhīṭaka, trái cây āmalaka, trái cây goṭṭha hoặc có các dược phẩm là các loại trái cây khác nữa [tuy] thuộc về vật thực cứng nhưng không được dùng theo mục đích của vật thực cứng và [tuy] thuộc về vật thực mềm nhưng không được dùng theo mục đích của vật thực mềm, sau khi thọ lãnh các loại ấy được cất giữ đến trọn đời và được thọ dụng khi có duyên cớ. Vị thọ dụng khi không có duyên cớ phạm tội *Dukkaṭa*.

17. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu bị bệnh có nhu cầu về các loại nhựa cây làm dược phẩm. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép các loại nhựa cây làm dược phẩm như: Himgu, nhựa cây himgu, mủ cây himgu, các loại sản phẩm từ mủ cây là taka, takapatti, takapaṇṇi, nhựa thông, hoặc có các dược phẩm là các loại nhựa cây khác nữa [tuy] thuộc về vật thực cứng nhưng không được dùng theo mục đích của vật thực cứng và [tuy] thuộc về vật thực mềm nhưng không được dùng theo mục đích của vật thực mềm, sau khi thọ lãnh các loại ấy, được cất giữ đến trọn đời và được thọ dụng khi có duyên cớ. Vị thọ dụng khi không có duyên cớ phạm tội *Dukkaṭa*.

18. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu bị bệnh có nhu cầu về các dược phẩm là các loại muối. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép các dược phẩm là các loại muối như: Muối biển, muối đen, muối ở đá, muối nấu ăn, muối mỏ, hoặc có các dược phẩm là các loại muối khác nữa [tuy] thuộc về vật thực cứng nhưng không được dùng theo mục đích của vật thực cứng và [tuy] thuộc về vật thực mềm nhưng không được dùng theo mục đích của vật thực mềm, sau khi thọ lãnh các loại ấy, được cất giữ đến trọn đời và được thọ dụng khi có duyên cớ. Vị thọ dụng khi không có duyên cớ phạm tội *Dukkaṭa*.

19. Vào lúc bấy giờ, thầy tế độ của Đại đức Ānanda là Đại đức Belaṭṭhisīsa có bệnh ghẻ sần sùi. Các y của vị ấy bị dính vào thân vì chất máu mủ. Các vị Tỳ-khưu liên tục tẩm ướt các y với nước rồi kéo ra.

20. Đức Thế Tôn trong khi đi dạo quanh các chỗ trú ngụ đã nhìn thấy các vị Tỳ-khưu ấy liên tục tẩm ướt các y với nước rồi kéo ra, sau khi nhìn thấy đã đi đến gần các vị Tỳ-khưu ấy, sau khi đến gần đã nói với các vị Tỳ-khưu ấy điều này:

– Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu này có bệnh gì vậy?

– Bạch Ngài, Đại đức này có bệnh ghẻ sần sùi. Các y bị dính vào thân vì chất máu mủ, chúng con liên tục tẩm ướt các y với nước rồi kéo ra.

21. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép các dược phẩm là các loại bột tắm đến vị có ghẻ ngứa, hoặc có nhọt, hoặc có vết thương chảy mủ, hoặc có ghẻ sần sùi, hoặc cơ thể có mùi hôi; và phân bò, đất sét, chất màu đã được nấu đến vị không bị bệnh. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] cối giã và chày.

22. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu bị bệnh có nhu cầu về các dược phẩm là các loại bột tắm đã được rây mịn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] cái rây bột tắm.

Có nhu cầu về hạt rất mịn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] cái rây bằng vải.

23. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị bệnh liên quan đến phi nhân. Các vị thầy dạy học và thầy tế độ, trong khi chăm sóc vị ấy đã không thể làm khỏi bệnh. Vị ấy sau khi đi đến lò mổ heo đã ăn thịt sống và đã uống máu tươi. Bệnh liên quan đến phi nhân ấy của vị ấy đã giảm bớt. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] thịt sống [và] máu tươi ở bệnh liên quan đến phi nhân.

24. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị bệnh ở mắt. Các Tỳ-khưu đã khiêng vị ấy và đưa ra bên ngoài cho việc đại tiện cũng như tiểu tiện.

25. Đức Thế Tôn trong khi đi dạo quanh các chỗ trú ngụ đã nhìn thấy các vị Tỳ-khưu ấy đang khiêng vị Tỳ-khưu ấy đưa ra bên ngoài, cho việc đại tiện cũng như tiểu tiện, sau khi nhìn thấy đã đi đến gần các vị Tỳ-khưu ấy, sau khi đến gần đã nói với các vị Tỳ-khưu ấy điều này:

– Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu này có bệnh gì vậy?

– Bạch Ngài, Đại đức này có bệnh ở mắt. Chúng con khiêng vị này và đưa ra bên ngoài cho việc đại tiện cũng như tiểu tiện.

26. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] thuốc bôi: Thuốc bôi màu đen, thuốc bôi loại tinh chất, thuốc bôi vào tai, bột phấn đỏ, muội đèn.

Có nhu cầu về bột mịn để làm thuốc bôi. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] gỗ đàn hương, gỗ có mùi hương tagara, gỗ trầm, gỗ cây tālīsa, loại cỏ có mùi thơm bhaddamuttaka.

27. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu để các loại thuốc bôi được nghiền nát ở trong các tô nhỏ và trong các chén. Chúng đã bị rác cỏ, bụi bặm rơi vào. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] hộp chứa thuốc bôi.

28. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư sử dụng các hộp chứa thuốc bôi đủ loại làm bằng vàng, làm bằng bạc. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy." Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên sử dụng các hộp chứa thuốc bôi đủ loại; vị nào sử dụng thì phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [hộp chứa thuốc bôi] làm bằng xương, làm bằng ngà răng, làm bằng sừng, làm bằng ống sậy, làm bằng tre, làm bằng gỗ, làm bằng nhựa cây, làm bằng trái cây, làm bằng đồng, làm bằng vỏ sò.

29. Vào lúc bấy giờ, các hộp chứa thuốc bôi không được đậy lại. Chúng đã bị rác cỏ, bụi bặm rơi vào. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] nắp đậy.

Nắp đậy bị rơi xuống.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép buộc [nắp đậy] với sợi chỉ rồi buộc vào hộp chứa thuốc bôi.

Hộp chứa thuốc bôi bị bung ra.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép khâu lại bằng sợi chỉ.

30. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu dùng ngón tay bôi thuốc. Các con mắt bị đau. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] que bôi thuốc.

31. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư sử dụng các que bôi thuốc đủ loại làm bằng vàng, làm bằng bạc. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy." Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên sử dụng các que bôi thuốc đủ loại; vị nào sử dụng thì phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép làm bằng xương, làm bằng ngà răng, làm bằng sừng, ...(nt)... làm bằng vỏ sò.

32. Vào lúc bấy giờ, que bôi thuốc bị rơi trên mặt đất và trở nên sần sùi. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] hộp đựng que bôi thuốc.

33. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu mang theo hộp chứa thuốc bôi và que bôi thuốc bằng tay. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] túi đựng các hộp chứa thuốc bôi.

Dây mang vai không có. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] dây mang vai là chỉ thắt lại.

34. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Pilindivaccha bị nóng ở đầu. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [bôi] dầu ở trên đầu.

[Vị ấy] không thể chịu đựng nổi. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [thực hiện] việc chữa trị ở mũi.

Mũi bị chảy nước. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] cái muỗng đặt ở mũi.

35. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư sử dụng các muỗng đặt ở mũi đủ loại làm bằng vàng, làm bằng bạc. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy." Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên sử dụng các muỗng đặt ở mũi đủ loại; vị nào sử dụng thì phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép làm bằng xương, ...(nt)... làm bằng vỏ sò.

[Hai lỗ] mũi đã không được nhỏ đồng đều. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] cái muỗng đặt ở mũi loại kép.

[Vị ấy] không thể chịu đựng nổi. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép hít khói.

Các vị sau khi đốt cháy sợi bấc rồi hít khói vào. Cổ họng bị [lửa] đốt. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] ống dẫn khói.

36. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư sử dụng các ống dẫn khói đủ loại làm bằng vàng, làm bằng bạc. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy." Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên sử dụng các ống dẫn khói đủ loại; vị nào sử dụng thì phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép làm bằng xương, ...(nt)... làm bằng vỏ sò.

37. Vào lúc bấy giờ, các ống dẫn khói không có nắp đậy, các sinh vật nhỏ đi vào. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] nắp đậy.

38. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu mang theo các ống dẫn khói bằng tay. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] túi đựng các ống dẫn khói.

Chúng bị cọ xát với nhau. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] túi đôi.

Dây mang vai không có. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] dây mang vai là chỉ thắt lại.

39. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Pilindivaccha bị bệnh gió. Các thầy thuốc đã nói như vầy: "Dầu cần được nấu." Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép việc nấu dầu.

Rượu mạnh cần được thêm vào trong dầu nấu ấy. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thêm rượu mạnh vào trong dầu nấu.

40. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư nấu các loại dầu đã được thêm vào quá nhiều rượu mạnh. Các vị uống các thứ ấy và bị say. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên uống dầu đã được thêm vào quá nhiều rượu mạnh; vị nào uống thì nên được hành xử theo pháp.[2] Này các Tỳ-khưu, trong loại dầu nấu nào [đã được thêm vào rượu mạnh] mà màu sắc, mùi và vị của rượu mạnh không nhận ra được, Ta cho phép uống dầu được thêm vào rượu mạnh loại như thế.

41. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu có nhiều dầu nấu đã được thêm vào quá nhiều rượu mạnh. Khi ấy, các vị Tỳ-khưu đã khởi ý điều này: "Nên thực hành như thế nào với các thứ dầu đã được thêm vào quá nhiều rượu mạnh?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép xác định làm thuốc thoa.

42. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Pilindivaccha có nhiều dầu đã được nấu. Đồ chứa dầu không có. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép ba loại bình chứa: Bình chứa bằng đồng, bình chứa bằng gỗ, bình chứa làm bằng trái cây.

43. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Pilindivaccha bị phong thấp. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép việc điều trị bằng hơi nóng.

[Vị ấy] không thể chịu đựng nổi. ...(nt)... "Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] hơi nóng của nhiều loại lá cây." [Vị ấy] không thể chịu đựng nổi. ...(nt)... "Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] nhiều hơi nóng." [Vị ấy] không thể chịu đựng nổi. ...(nt)... "Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] nước nấu của nhiều loại lá cây [rắc lên thân]." [Vị ấy] không thể chịu đựng nổi. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] bể nước lớn [để ngâm mình].

44. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Pilindivaccha bị thấp khớp. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép trích máu.

---

[2] Liên quan đến tội *Pācittiya* 51 (ND).

[Vị ấy] không thể chịu đựng nổi. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép trích máu rồi lấy ra bằng ống sừng.

45. Vào lúc bấy giờ, các bàn chân của Đại đức Pilindivaccha bị nứt nẻ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] thuốc bôi bàn chân.

[Vị ấy] không thể chịu đựng nổi. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép áp dụng phương pháp phòng ngừa.

46. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị mụt nhọt. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép việc mổ xẻ.

Có nhu cầu về nước làm đông máu. ...(nt)... "Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] nước làm đông máu." Có nhu cầu về thuốc cao làm từ mè. ...(nt)... "Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] thuốc cao làm từ mè." Có nhu cầu về vải cầm máu. ...(nt)... "Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] vải cầm máu." Có nhu cầu về vải băng vết thương. ...(nt)... "Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] vải băng vết thương." Vết thương gây ngứa. ...(nt)... "Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép rắc lên với bột mù-tạt." Vết thương bị làm mủ. ...(nt)... "Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thực hiện việc xông khói." Thịt ở vết thương bị lồi lên [như cây gai]. ...(nt)... "Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép cắt bằng mảnh sứ tẩm muối." Vết thương không liền lại. ...(nt)... "Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] dầu xức vết thương." Dầu bị chảy. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] băng vải và tất cả các cách chữa trị vết thương.

47. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị rắn cắn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép bố thí bốn loại vật dơ có tính quan trọng là phân, nước tiểu, tro và đất sét.

Khi ấy, các vị Tỳ-khưu đã khởi ý điều này: "[Bốn vật này] là không [cần phải] được thọ lãnh hay cần phải được thọ lãnh?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thọ lãnh nếu có người làm thành được phép, nếu không có người làm thành được phép thì tự mình thu nhặt và thọ dụng.

48. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị uống nhằm thuốc độc. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép buộc [vị ấy] uống phân.

Khi ấy, các vị Tỳ-khưu khởi ý điều này: "[Phân] là không [cần phải] được thọ lãnh hay cần phải được thọ lãnh?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vị ấy thọ lãnh trong khi làm ra vật ấy [trong khi đại tiện], khi việc thọ lãnh ấy đã được thực hiện, không cần phải bảo thọ lãnh lại lần nữa.

49. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị bệnh yểm bùa [bệnh gây ra bởi do người vợ]. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép buộc [vị ấy] uống nước bùn lấy từ đất dính ở lưỡi cày vừa mới cày đất lên.

50. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị bệnh trĩ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép buộc [vị ấy] uống nước tro của cơm khô.

51. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị bệnh vàng da. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép buộc [vị ấy] uống [hợp chất] nước tiểu và trái harītaka.

52. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị bệnh ngoài da. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] mỡ có mùi thơm.

53. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ có cơ thể bị tiết ra dịch chất dơ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép buộc [vị ấy] uống thuốc xổ.

Có nhu cầu về nước cháo trắng. ...(nt)... "Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] nước cháo trắng." Có nhu cầu về nước đậu mugga chưa lược bỏ xác. ...(nt)... "Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] nước đậu mugga chưa lược bỏ xác." Có nhu cầu về nước đậu mugga đã lược bỏ xác. ...(nt)... "Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] nước đậu mugga đã lược bỏ xác." Có nhu cầu về nước luộc thịt. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] nước luộc thịt.

54. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Pilindivaccha có ý muốn làm chỗ trú ngụ nên cho người dọn sạch sẽ hang núi ở thành Rājagaha. Khi ấy, đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã đi đến gặp Đại đức Pilindivaccha, sau khi đến đã đảnh lễ Đại đức Pilindivaccha rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã nói với Đại đức Pilindivaccha điều này:

– Thưa ngài, ngài Trưởng lão cho làm cái gì vậy?

– Tâu Đại vương, tôi có ý muốn làm chỗ trú ngụ nên cho người dọn sạch sẽ hang núi.

– Thưa ngài, ngài có nhu cầu về người giúp việc tu viện không?

– Tâu Đại vương, người giúp việc tu viện chưa được cho phép bởi đức Thế Tôn.

– Thưa ngài, chính vì việc đó, ngài hãy hỏi đức Thế Tôn rồi báo cho trẫm biết.

– Tâu Đại vương, xin vâng.

Đại đức Pilindivaccha đã đáp lời đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha.

55. Khi ấy, Đại đức Pilindivaccha đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi cho đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha bằng bài pháp thoại. Sau đó, khi đã được Đại đức Pilindivaccha chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi bằng bài pháp thoại, đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Đại đức Pilindivaccha, hướng vai phải nhiễu quanh rồi ra đi.

56. Sau đó, Đại đức Pilindivaccha đã phái sứ giả đi đến gặp đức Thế Tôn [thưa rằng]:

– Bạch Ngài, đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha có ý muốn ban cho người giúp việc tu viện. Bạch Ngài, vậy nên thực hành như thế nào?

Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép người giúp việc tu viện.

57. Đến lần thứ nhì, đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã đi đến gặp Đại đức Pilindivaccha, sau khi đến đã đảnh lễ Đại đức Pilindivaccha rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã nói với Đại đức Pilindivaccha điều này:

– Thưa ngài, người giúp việc tu viện có được đức Thế Tôn cho phép không?

– Tâu Đại vương, đã được rồi.

– Thưa ngài, như vậy thì trẫm sẽ ban cho ngài người giúp việc tu viện.

58. Sau đó, khi đã hứa với Đại đức Pilindivaccha về người giúp việc tu viện, đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã không ghi nhớ. Một thời gian sau, khi đã phục hồi lại ký ức, đức vua đã bảo viên quan đại thần nọ là vị tổng quản rằng:

– Này khanh, người giúp việc tu viện đã được trẫm hứa với ngài Đại đức, người giúp việc tu viện ấy đã được ban cho chưa?

– Tâu Bệ hạ, người giúp việc tu viện chưa được ban đến ngài Đại đức.

– Này khanh, tính đến nay là đã bao lâu rồi?

Khi ấy, viên quan đại thần ấy sau khi tính đếm số lượng đêm rồi đã tâu với đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha điều này:

– Tâu Bệ hạ, năm trăm đêm.

– Này khanh, như vậy thì hãy ban cho ngài Đại đức năm trăm người giúp việc tu viện.

– Tâu Bệ hạ, xin vâng.

Rồi vị quan đại thần ấy đã vâng lệnh đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha và dâng đến Đại đức Pilindivaccha năm trăm người giúp việc tu viện. Một ngôi làng riêng biệt đã được thiết lập. Họ đã gọi ngôi làng ấy là "ngôi làng của những người giúp việc tu viện." Họ cũng đã gọi ngôi làng ấy là "ngôi làng Pilindi."

59. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Pilindivaccha là vị thường hay tới lui trong ngôi làng ấy. Khi ấy vào buổi sáng, Đại đức Pilindivaccha đã mặc y, cầm y bát, rồi đi vào ngôi làng Pilindi để khất thực.

60. Vào lúc bấy giờ, trong ngôi làng ấy có lễ hội. Những đứa trẻ nhỏ được trang điểm, đeo vòng hoa và chơi đùa. Khi ấy, trong khi đi khất thực tuần tự từng nhà ở ngôi làng Pilindi, Đại đức Pilindivaccha đã đi đến căn nhà của người giúp việc tu viện nọ, sau khi đến đã ngồi xuống ở chỗ ngồi được sắp đặt sẵn.

61. Vào lúc bấy giờ, đứa bé gái con của người đàn bà giúp việc tu viện ấy nhìn thấy những đứa trẻ con khác được trang điểm, đeo vòng hoa, nên đã òa khóc:

– Cho con vòng hoa, cho con đồ trang sức.

Khi ấy, Đại đức Pilindivaccha đã nói với người đàn bà giúp việc tu viện ấy điều này:

– Vì sao đứa bé gái này khóc vậy?

– Thưa ngài, đứa bé gái này nhìn thấy những đứa trẻ con khác được trang điểm, đeo vòng hoa, nên oà khóc: "Cho con vòng hoa, cho con đồ trang sức." Chúng tôi lâm cảnh khó khăn, lấy đâu ra vòng hoa, lấy đâu ra đồ trang sức?

62. Khi ấy, Đại đức Pilindivaccha đã nhặt lấy một nắm cỏ nọ rồi nói với người đàn bà giúp việc tu viện ấy điều này:

– Vậy hãy đội nắm cỏ này lên đầu đứa bé gái kia đi.

Khi ấy, người đàn bà giúp việc tu viện ấy đã cầm lấy nắm cỏ ấy rồi đội lên đầu đứa bé gái ấy. Vòng cỏ ấy đã trở thành vòng hoa bằng vàng ròng, đẹp đẽ, xinh xắn, duyên dáng; ngay cả trong nội cung của đức vua cũng không có được vòng hoa bằng vàng ròng như thế ấy. Dân chúng đã trình báo lên đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha rằng:

– Tâu Bệ hạ, trong nhà của người giúp việc tu viện kia có vòng hoa bằng vàng ròng đẹp đẽ, xinh xắn, duyên dáng; ngay cả trong nội cung của Bệ hạ cũng không có được vòng hoa bằng vàng ròng như thế ấy. Đối với kẻ lâm cảnh khó khăn ấy thì lấy đâu ra? Chắc chắn là có được do trộm cắp.

Khi ấy, đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã cho lệnh bắt giữ gia đình người giúp việc tu viện ấy.

63. Đến lần thứ nhì, vào buổi sáng Đại đức Pilindivaccha đã mặc y, cầm y bát, rồi đi vào ngôi làng Pilindi để khất thực. Trong khi đi khất thực tuần tự từng nhà ở ngôi làng Pilindi, Đại đức Pilindivaccha đã đi đến căn nhà của người giúp việc tu viện nọ, sau khi đến đã hỏi những người hàng xóm rằng:

– Gia đình người giúp việc tu viện này đã đi đâu?

– Thưa ngài, bọn họ đã bị đức vua ra lệnh bắt giữ vì nguyên nhân vòng hoa bằng vàng ròng ấy.

64. Sau đó, Đại đức Pilindivaccha đã đi đến ngự viện của đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha, sau khi đến đã ngồi xuống ở chỗ ngồi được sắp đặt sẵn. Khi ấy, đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã đi đến gặp Đại đức Pilindivaccha, sau khi đến đã đảnh lễ Đại đức Pilindivaccha rồi ngồi xuống một bên. Khi đức vua đã ngồi xuống một bên, Đại đức Pilindivaccha đã nói với đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha điều này:

– Tâu Đại vương, vì sao gia đình người giúp việc tu viện lại bị ra lệnh bắt giữ?

– Thưa ngài, trong nhà của người giúp việc tu viện ấy có vòng hoa bằng vàng ròng đẹp đẽ, xinh xắn, duyên dáng; ngay cả trong nội cung của trẫm cũng không có được vòng hoa bằng vàng ròng như thế ấy. Đối với kẻ lâm cảnh khó khăn ấy thì lấy đâu ra? Chắc chắn là có được do trộm cắp.

65. Khi ấy, Đại đức Pilindivaccha đã chú nguyện rằng: "Cung điện của đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha là vàng ròng"; cung điện ấy đã trở thành hoàn toàn làm bằng vàng ròng.

– Tâu Đại vương, do đâu Bệ hạ lại có nhiều vàng ròng đến thế này?

– Thưa ngài, trẫm đã hiểu rồi. Việc này là năng lực thần thông của ngài Đại đức.

Rồi [đức vua] đã ra lệnh thả gia đình người giúp việc tu viện ấy. Dân chúng [đồn rằng]: "Nghe nói ngài Đại đức Pilindivaccha đã phô bày điều kỳ diệu của thần thông là pháp thượng nhân trước triều thần có cả đức vua nữa!" nên đã hoan hỷ, có niềm tin cao độ, rồi đã đem đến dâng Đại đức Pilindivaccha năm loại dược phẩm như là "bơ lỏng, bơ đặc, dầu ăn, mật ong, đường mía."

66. Và theo lẽ tự nhiên, Đại đức Pilindivaccha trở thành người thọ lãnh năm loại dược phẩm. Đại đức phân phát cho hội chúng vật đã được thọ lãnh. Và hội chúng của vị ấy trở nên dư dả. Họ chứa đầy vật đã được thọ lãnh vào các hũ và các chum rồi cất đi. Họ chứa đầy các túi lọc nước và các túi xách rồi treo lên ở các cửa sổ. Các dược phẩm ấy đã bị rỉ xuống chảy ra và vẫn còn y nguyên. Các trú xá đã có các con chuột xuất hiện rải rác rồi tràn ngập. Dân chúng trong khi đi dạo quanh các trú xá nhìn thấy nên phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Các Sa-môn Thích tử này là những người tích trữ đồ đạc trong nhà giống như là đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha vậy."

67. Các Tỳ-khưu đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu lại chấp nhận sự thặng dư như thế này?" Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu chấp nhận sự thặng dư như thế ấy, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy. ...(nt).

Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, các loại dược phẩm thích hợp cho các Tỳ-khưu bị bệnh như là bơ lỏng, bơ đặc, dầu ăn, mật ong, đường mía, sau khi thọ lãnh chúng nên thọ dụng trong thời hạn tích trữ tối đa là bảy ngày; nếu vượt quá thời hạn ấy thì nên được hành xử theo pháp.[3]

Tụng phẩm về "Dược phẩm đã được cho phép" là phần thứ nhất.

*****

1. Sau đó, khi đã ngự tại thành Sāvatthi theo như ý thích, đức Thế Tôn đã ra đi, du hành về phía thành Rājagaha.

2. Trên đường đi, Đại đức Kaṅkhārevata[4] đã nhìn thấy lò nấu đường và đã bước xuống. Sau khi nhìn thấy [những người thợ] bỏ bột mì và tro vào trong mật đường, vị ấy [nghĩ rằng]: "Mật đường trộn với vật thực là không được phép, [vì thế] đường không được thọ dụng lúc phi thời", trong lúc ngần ngại nên cùng với tập thể không thọ dụng đường. Thậm chí nhiều vị nghĩ rằng nên nghe theo vị ấy rồi cũng không thọ dụng đường. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, vì mục đích gì mà họ bỏ bột mì và tro vào trong mật đường vậy?

– Bạch Thế Tôn, vì mục đích kết tinh.

– Này các Tỳ-khưu, nếu vì mục đích kết tinh mà họ bỏ bột mì và tro vào trong mật đường, [hỗn hợp] ấy kết thành khối vẫn gọi là "đường" vậy. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thọ dụng đường một cách thoải mái.

3. Trên đường đi, Đại đức Kaṅkhārevata đã nhìn thấy cây đậu mugga[5] sinh trưởng ở bãi phân. Sau khi nhìn thấy, vị ấy [nghĩ rằng]: "Các hạt đậu mugga là không được phép, dầu cho đã được nấu chín, các hạt đậu mugga vẫn sinh trưởng" trong lúc ngần ngại nên cùng với tập thể không thọ dụng đậu mugga. Thậm chí nhiều vị nghĩ rằng nên nghe theo vị ấy rồi cũng không thọ dụng đậu mugga. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, dầu cho đã được nấu chín, đậu mugga vẫn sinh trưởng. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thọ dụng đậu mugga một cách thoải mái.

---

[3] Liên quan đến tội *Nissaggiya Pācittiya* 23 (ND).

[4] Kaṅkhārevata. "*Kaṅkhā*" có nghĩa là sự hoài nghi, sự nghi ngờ, sự không chắc chắn. Dựa vào nội dụng, có thể suy luận rằng đây là biệt hiệu của vị Tỳ-khưu tên Revata; như thế, tên vị ấy có thể dịch là "Revata đa nghi" (ND).

[5] Đậu mugga: Không rõ loại đậu này là loại đậu gì? Ngài Buddhaghosa giải thích: "Chính vì đã được nấu chín nên chúng vẫn được phép" (*VinA*. V. 1092). Chúng tôi không nghĩ ra được loại hạt gì đã được nấu chín, đã được ăn vào, và trải qua quá trình tiêu hóa rồi được thải ra theo đường phân mà vẫn có thể nảy mầm và mọc thành cây.

4. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị bệnh đau bụng bão. Vị ấy đã húp cháo chua có muối. Bệnh đau bụng bão ấy của vị ấy đã được thuyên giảm. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thọ dụng cháo chua có muối đối với vị bị bệnh, đối với vị không bệnh thì đã được pha trộn với nước như là thức uống.

5. Sau đó, trong khi tuần tự du hành, đức Thế Tôn đã ngự đến thành Rājagaha. Tại nơi đó ở Rājagaha, đức Thế Tôn ngự tại Veḷuvana, nơi nuôi dưỡng các con sóc. Vào lúc bấy giờ, đức Thế Tôn bị bệnh đau bụng bão.

6. Khi ấy, Đại đức Ānanda [nghĩ rằng]: "Trước đây, bệnh đau bụng bão của đức Thế Tôn được dịu đi nhờ cháo gồm có ba thứ" nên đã đích thân đi xin mè, gạo lức và đậu mugga rồi tích trữ ở bên trong [khuôn viên], đích thân nấu ở bên trong và đã đem đến dâng lên đức Thế Tôn: "Xin Thế Tôn hãy húp cháo gồm có ba thứ."

7. Các đấng Như Lai dầu biết vẫn hỏi, dầu biết các vị vẫn không hỏi, biết đúng thời các vị mới hỏi, biết đúng thời các vị vẫn không hỏi, có liên quan đến lợi ích các đấng Như lai mới hỏi và không [hỏi việc] không có liên quan đến lợi ích, khi không có liên quan đến lợi ích các đấng Như Lai có cách để cắt đứt vấn đề. Chư Phật Thế Tôn hỏi các vị Tỳ-khưu vì hai lý do: "Hoặc là chúng ta sẽ thuyết pháp hoặc là chúng ta sẽ quy định điều học cho các đệ tử."

8. Khi ấy, đức Thế Tôn đã bảo Đại đức Ānanda rằng:

– Này Ānanda, cháo này từ đâu vậy?

9. Khi ấy, Đại đức Ānanda đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– Thật không hợp lẽ, không thích đáng, không xứng pháp Sa-môn, không được phép, không nên làm. Này Ānanda, vì sao ngươi lại nghĩ đến việc đa đoan như thế này? Này Ānanda, vật đã được tích trữ ở bên trong [khuôn viên] là không được phép, vật đã được nấu ở bên trong là không được phép, vật đã được tự mình nấu là không được phép. Này Ānanda, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).

Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, không nên thọ dụng [vật] đã được tích trữ ở bên trong, đã được nấu ở bên trong, đã được tự mình nấu; vị nào thọ dụng thì phạm tội *Dukkaṭa*.

Này các Tỳ-khưu, nếu thọ dụng vật đã được tích trữ ở bên trong, đã được nấu ở bên trong, đã được tự mình nấu thì phạm ba tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, nếu thọ dụng vật đã được tích trữ ở bên trong, đã được nấu ở bên trong, đã được những người khác nấu thì phạm hai tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, nếu thọ dụng vật đã được tích trữ ở bên trong, đã được nấu ở bên ngoài [khuôn viên], đã được tự mình nấu thì phạm hai tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, nếu

thọ dụng vật đã được tích trữ ở bên ngoài, đã được nấu ở bên trong, đã được tự mình nấu thì phạm hai tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, nếu thọ dụng vật đã được tích trữ ở bên trong, đã được nấu ở bên ngoài, đã được những người khác nấu thì phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, nếu thọ dụng vật đã được tích trữ ở bên ngoài, đã được nấu ở bên trong, đã được những người khác nấu thì phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, nếu thọ dụng vật đã được tích trữ ở bên ngoài, đã được nấu ở bên ngoài, đã được tự mình nấu thì phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, nếu thọ dụng vật đã được tích trữ ở bên ngoài, đã được nấu ở bên ngoài, đã được những người khác nấu thì vô tội.

10. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu [nghĩ rằng]: "Việc tự mình nấu đã được đức Thế Tôn cấm đoán" nên đã ngần ngại trong việc nấu lại lần nữa [hâm nóng thức ăn]. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép nấu [lại] vật thực đã được nấu.

11. Vào lúc bấy giờ, thành Rājagaha bị khó khăn về vật thực. Dân chúng đã đem đến tu viện muối, dầu ăn, gạo lức và vật thực cứng. Các vị Tỳ-khưu đã tích trữ các thức ấy ở bên ngoài. Các con thú hoang ăn mất đi, những kẻ trộm lấy đi, những người chuyên ăn vật thực thừa mang đi. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép tích trữ ở bên trong.

Sau khi tích trữ ở bên trong, các vị cho nấu ở bên ngoài. Những người chuyên ăn vật thực thừa vây quanh. Các vị Tỳ-khưu thọ dụng không được an toàn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép nấu ở bên trong.

Trong thời gian khó khăn về vật thực, người làm thành được phép [các món vật thực] đã mang đi các phần nhiều hơn và dâng cho các vị Tỳ-khưu phần ít hơn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép tự mình nấu. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [vật] đã được tích trữ ở bên trong, đã được nấu ở bên trong, đã được tự mình nấu.

12. Vào lúc bấy giờ, nhiều vị Tỳ-khưu đã trải qua mùa [an cư] mưa ở xứ Kāsi đang đi đến Rājagaha để diện kiến đức Thế Tôn. Trên đường đi, các vị đã không được đầy đủ theo như nhu cầu về vật thực dầu là tầm thường hay hảo hạng. Và đã có nhiều vật ăn được là trái cây nhưng lại không có người làm [cho trái cây ấy] thành được phép. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy với vóc dáng mệt mỏi đã đi đến Rājagaha, Veḷuvana, nơi nuôi dưỡng các con sóc, gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.

13. Điều này đã trở thành thông lệ đối với chư Phật Thế Tôn là niềm nở đối với các Tỳ-khưu đi đến. Khi ấy, đức Thế Tôn đã nói với các vị Tỳ-khưu ấy điều này:

– Này các Tỳ-khưu, sức khoẻ có khá không? Mọi việc có được tốt đẹp không? Các ngươi đi đến đường xa có được ít mệt nhọc không? Và này các Tỳ-khưu, các ngươi từ đâu đến vậy?

– Bạch Thế Tôn, sức khoẻ khá. Bạch Thế Tôn, mọi việc đều tốt đẹp. Bạch Ngài, trường hợp chúng con khi đã trải qua mùa [an cư] mưa ở xứ Kāsi và đang đi đến Rājagaha để diện kiến đức Thế Tôn. Trên đường đi, chúng con đã không đạt được sự đầy đủ theo như nhu cầu về vật thực dầu là tầm thường hay hảo hạng, và có nhiều vật ăn được là trái cây nhưng lại không có người làm thành được phép; vì thế, chúng con đã đi đường xa đến với vóc dáng mệt mỏi.

14. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép ở nơi nào thấy trái cây có thể ăn được và không có người làm thành được phép thì tự mình nhặt lấy, mang đi, đến khi gặp được người làm thành được phép thì đặt [trái cây] trên mặt đất, bảo [người ấy] trao lại, rồi thọ dụng. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thọ lãnh [trái cây] đã được nhặt lên.

15. Vào lúc bấy giờ, có người Bà-la-môn nọ thâu hoạch mè mới và mật đường mới. Khi ấy, người Bà-la-môn ấy đã khởi ý điều này: "Hay là ta nên dâng mè mới và mật đường mới đến hội chúng có đức Phật đứng đầu?" Sau đó, người Bà-la-môn ấy đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã tỏ vẻ thân thiện với đức Thế Tôn, sau khi trao đổi lời xã giao thân thiện rồi đã đứng một bên. Khi đã đứng một bên, người Bà-la-môn ấy đã nói với đức Thế Tôn điều này: "Bạch Ngài, xin Ngài Gotama hãy nhận lời tôi về bữa trai phạn vào ngày mai cùng với hội chúng Tỳ-khưu." Đức Thế Tôn đã nhận lời bằng thái độ im lặng. Khi ấy, người Bà-la-môn ấy hiểu được sự nhận lời của đức Thế Tôn nên đã ra đi.

16. Sau đó, khi trải qua đêm ấy, người Bà-la-môn ấy đã cho chuẩn bị sẵn sàng thức ăn hảo hạng loại cứng, loại mềm rồi cho người thông báo thời giờ đến đức Thế Tôn: "Bạch Ngài Gotama, đã đến giờ, thức ăn đã chuẩn bị xong." Khi ấy, vào buổi sáng, đức Thế Tôn đã mặc y, cầm y bát, rồi đi đến tư gia của người Bà-la-môn ấy, sau khi đến đã ngồi xuống ở chỗ ngồi được sắp đặt sẵn cùng với hội chúng Tỳ-khưu.

17. Sau đó, người Bà-la-môn ấy đã tự tay làm hài lòng và toại ý hội chúng Tỳ-khưu có đức Phật đứng đầu với thức ăn hảo hạng loại cứng, loại mềm. Đến khi đức Thế Tôn đã thọ thực xong, có bàn tay đã rời bình bát, người Bà-la-môn ấy đã ngồi xuống một bên. Khi người ấy đã ngồi xuống một bên, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi cho người Bà-la-môn ấy bằng bài pháp thoại rồi đã từ chỗ ngồi đứng dậy ra đi.

18. Sau đó, khi đức Thế Tôn ra đi không lâu, người Bà-la-môn ấy đã khởi ý điều này: "Hội chúng Tỳ-khưu có đức Phật đứng đầu đã được ta thỉnh mời vì

mục đích của những thứ này: 'Ta sẽ dâng mè mới và mật đường mới', nhưng ta đã quên dâng chúng rồi. Hay là ta sẽ cho người mang mè mới và mật đường mới bằng các vại và các hũ đến tu viện vậy?"

19. Sau đó, người Bà-la-môn ấy đã cho người mang mè mới và mật đường mới bằng các vại và các hũ đến tu viện rồi đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đứng một bên. Khi đã đứng một bên, người Bà-la-môn ấy đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài Gotama, hội chúng Tỳ-khưu có đức Phật đứng đầu đã được tôi thỉnh mời vì mục đích của những thứ này: "Ta sẽ dâng mè mới và mật đường mới", nhưng tôi đã quên dâng chúng. Bạch Ngài Gotama, xin hãy thọ lãnh mè mới và mật đường mới của tôi.

– Này Bà-la-môn, như vậy thì ngươi hãy dâng đến các vị Tỳ-khưu đi.

20. Vào lúc bấy giờ, trong thời kỳ khó khăn về vật thực, các vị Tỳ-khưu nhận lãnh chỉ chút ít rồi ngăn lại, cũng có những vị suy nghĩ rồi từ chối. Và toàn bộ hội chúng đã được thỉnh cầu. Các vị Tỳ-khưu trong lúc ngần ngại không thọ lãnh.

– Này các Tỳ-khưu, hãy thọ lãnh và hãy thọ dụng. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vị đã ăn xong, khi được yêu cầu thì được thọ dụng vật không phải còn thừa và đã được đem lại từ chỗ đã ăn xong.

21. Vào lúc bấy giờ, gia đình hộ độ của Tỳ-khưu Upananda, con trai dòng Sakya đã cho người đem lại vật thực loại cứng nhằm dâng đến hội chúng [dặn dò] rằng: "Nên trình cho ngài Đại đức Upananda thấy rồi mới dâng đến hội chúng."

22. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya đã đi vào làng để khất thực.

23. Khi ấy, những người ấy sau khi đi đến tu viện đã hỏi các vị Tỳ-khưu rằng:

– Thưa các ngài, ngài Đại đức Upananda ở đâu vậy?

– Này các đạo hữu, Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya này đã đi vào làng để khất thực.

– Thưa các ngài, vật thực loại cứng này nên được trình cho ngài Đại đức Upananda thấy rồi mới dâng đến hội chúng.

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, như vậy thì sau khi thọ lãnh, các ngươi hãy để riêng ra đến khi Upananda trở về.

24. Khi ấy, Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya sau khi đi giao thiệp với các gia đình trước bữa ăn rồi về lại trong ngày.

25. Vào lúc bấy giờ, trong thời kỳ khó khăn về vật thực, các vị Tỳ-khưu nhận lãnh chỉ chút ít rồi ngăn lại, cũng có những vị suy nghĩ rồi từ chối. Và toàn bộ hội chúng đã được thỉnh cầu. Các vị Tỳ-khưu trong lúc ngần ngại không thọ lãnh.

– Này các Tỳ-khưu, hãy thọ lãnh và hãy thọ dụng. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vị đã ăn xong và đã ngăn [vật thực] được thọ dụng vật không phải còn thừa đã được thọ lãnh trước bữa ăn.

26. Sau đó, khi đã ngự tại thành Rājagaha theo như ý thích, đức Thế Tôn đã ra đi, du hành về phía thành Sāvatthi. Trong khi tuần tự du hành, Ngài đã ngự đến thành Sāvatthi. Tại nơi đó, ở Sāvatthi, đức Thế Tôn ngự tại Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika.

27. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Sāriputta bị bệnh sốt toàn thân.

28. Khi ấy, Đại đức Mahāmoggallāna đã đi đến gặp Đại đức Sāriputta, sau khi đến đã nói với Đại đức Sāriputta điều này:

– Này Đại đức Sāriputta, trước đây bệnh sốt toàn thân của Đại đức được dịu đi nhờ vào thứ gì?

– Này Đại đức, tôi nhờ vào các củ sen và các cọng sen.

29. Sau đó, giống như người đàn ông có sức mạnh có thể duỗi ra cánh tay đã được co lại, hoặc có thể co lại cánh tay đã được duỗi ra; tương tợ như thế, Đại đức Mahāmoggallāna đã biến mất tại Jetavana rồi hiện ra ở bờ hồ sen Mandākinī.

30. Có con long tượng nọ đã nhìn thấy Đại đức Mahāmoggallāna từ đàng xa đang đi lại, sau khi nhìn thấy đã nói với Đại đức Mahāmoggallāna điều này:

– Thưa ngài, xin ngài Đại đức Mahāmoggallāna hãy đến. Thưa ngài, xin hoan nghênh ngài Đại đức Mahāmoggallāna. Thưa ngài, ngài Đại đức có nhu cầu gì? Tôi sẽ dâng vật gì?

– Này đạo hữu, ta có nhu cầu về các củ sen và các cọng sen.

31. Khi ấy, con long tượng ấy đã ra lệnh cho con long tượng khác rằng: "Này bạn, như vậy bạn hãy dâng đến ngài Đại đức các củ sen và các cọng sen theo như nhu cầu." Sau đó, con long tượng ấy đã lội xuống hồ sen Mandākinī, dùng vòi nhổ củ sen và cọng sen rồi rửa sạch sẽ, sau khi rửa xong đã buộc lại thành bó rồi đi đến gặp Đại đức Mahāmoggallāna.

32. Khi ấy, giống như người đàn ông có sức mạnh có thể duỗi ra cánh tay đã được co lại, hoặc có thể co lại cánh tay đã được duỗi ra; tương tợ như thế, Đại đức Mahāmoggallāna đã biến mất tại bờ hồ sen Mandākinī rồi hiện ra ở Jetavana.

33. Con long tượng ấy cũng đã biến mất tại bờ hồ sen Mandākinī và hiện ra ở Jetavana. Khi ấy, con long tượng ấy sau khi đã dâng đến Đại đức Mahāmoggallāna các củ sen và các cọng sen rồi, đã biến mất tại Jetavana và hiện ra ở bờ hồ sen Mandākinī.

34. Sau đó, Đại đức Mahāmoggallāna đã đem lại các củ sen và các cọng sen cho Đại đức Sāriputta. Khi ấy, vào lúc Đại đức Sāriputta đã thọ dụng các củ

sen và các cọng sen, bệnh sốt toàn thân đã được thuyên giảm. Nhiều củ sen và cọng sen còn thừa lại.

35. Vào lúc bấy giờ, trong thời kỳ khó khăn về vật thực, các vị Tỳ-khưu nhận lãnh chỉ chút ít rồi ngăn lại, cũng có những vị suy nghĩ rồi từ chối. Và toàn bộ hội chúng đã được thỉnh cầu. Các vị Tỳ-khưu trong lúc ngần ngại không thọ lãnh.

– Này các Tỳ-khưu, hãy thọ lãnh và hãy thọ dụng. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vị đã ăn xong và đã ngăn [vật thực] được thọ dụng vật không phải còn thừa đã được mọc ở rừng [hoặc] đã được mọc ở hồ nước.

36. Vào lúc bấy giờ, ở thành Sāvatthi được phát sanh nhiều trái cây có thể ăn được. Và người làm [cho trái cây ấy] thành được phép là không có. Các vị Tỳ-khưu trong lúc ngần ngại không thọ dụng trái cây. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thọ dụng trái cây không có hột, hoặc không còn hột, [cho dù] chưa được làm trở thành đúng phép.

37. Sau đó, khi đã ngự tại thành Sāvatthi theo như ý thích, đức Thế Tôn đã ra đi, du hành về phía thành Rājagaha. Trong khi tuần tự du hành, Ngài đã ngự đến thành Rājagaha. Tại nơi đó trong thành Rājagaha, đức Thế Tôn ngự tại Veḷuvana, nơi nuôi dưỡng các con sóc.

38. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị bệnh lở loét. Thầy thuốc Ākāsagotta thực hiện công việc mổ xẻ. Sau đó, đức Thế Tôn trong khi đi dạo quanh các chỗ trú ngụ đã đi đến trú xá của vị Tỳ-khưu nọ. Thầy thuốc Ākāsagotta đã nhìn thấy đức Thế Tôn từ đàng xa đang đi lại, sau khi nhìn thấy đã nói với đức Thế Tôn điều này: "Bạch Ngài Gotama, xin hãy lại đây. Xin hãy nhìn xem hậu môn của vị Tỳ-khưu này, giống như là miệng của con kỳ nhông vậy."

39. Khi ấy, đức Thế Tôn [nghĩ rằng]: "Kẻ rồ dại này [muốn] đùa cợt Ta!" rồi từ chính nơi ấy, đã quay trở về, rồi nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng Tỳ-khưu lại và đã hỏi các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, có phải trong trú xá kia có vị Tỳ-khưu bị bệnh?

– Bạch Thế Tôn, thưa có.

– Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu ấy bị bệnh gì?

– Bạch Ngài, Đại đức ấy bị bệnh lở loét. Thầy thuốc Ākāsagotta thực hiện công việc mổ xẻ.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– Này các Tỳ-khưu, thật không đúng đắn cho kẻ rồ dại ấy, thật không hợp lẽ, không thích đáng, không xứng pháp Sa-môn, không được phép, không nên làm. Này các Tỳ-khưu, vì sao kẻ rồ dại ấy lại cho người thực hiện công việc mổ xẻ ở chỗ kín [của cơ thể]? Này các Tỳ-khưu, da ở chỗ kín thì mỏng, vết thương khó liền da, dao khó điều khiển. Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).

Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, không nên cho người thực hiện việc mổ xẻ ở chỗ kín [của cơ thể]; vị nào cho người thực hiện thì phạm tội *Thullaccaya*.

40. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư [nghĩ rằng]: "Đức Thế Tôn đã cấm đoán việc mổ xẻ" nên đã cho người thực hiện việc bơm thụt. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư lại cho người thực hiện việc bơm thụt?" Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

41. – Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư cho người thực hiện việc bơm thụt, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy. ...(nt).

Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, không nên cho người thực hiện việc mổ xẻ hoặc việc bơm thụt xung quanh chỗ kín [của cơ thể] hai lóng tay; vị nào cho người thực hiện thì phạm tội *Thullaccaya*.

42. Sau đó, khi đã ngự tại thành Rājagaha theo như ý thích, đức Thế Tôn đã ra đi, du hành về phía thành Bārāṇasī. Trong khi tuần tự du hành, Ngài đã ngự đến thành Bārāṇasī. Tại nơi đó, trong thành Bārāṇasī, đức Thế Tôn ngự tại Isipatana, ở vườn Nai.

43. Vào lúc bấy giờ, trong thành Bārāṇasī có nam cư sĩ Suppiya và nữ cư sĩ Suppiyā. Cả hai đều mộ đạo, là thí chủ, là người phục vụ, là người hộ độ hội chúng. Khi ấy, nữ cư sĩ Suppiyā đi đến tu viện rồi đi từ trú xá này đến trú xá khác, từ phòng này đến phòng khác và hỏi các vị Tỳ-khưu rằng:

– Thưa các ngài, vị nào bị bệnh? Vật gì cần được mang lại? Cho vị nào?

44. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ đã uống thuốc xổ. Khi ấy, vị Tỳ-khưu ấy đã nói với nữ cư sĩ Suppiyā điều này:

– Này chị gái, tôi đã uống thuốc xổ. Tôi có nhu cầu về nước luộc thịt.

– Thưa ngài, tốt lắm. [Nước luộc thịt] sẽ được mang lại.

Sau khi về nhà, nàng đã bảo người giúp việc rằng:

– Này chú em, hãy đi và tìm [mua] loại thịt đã được làm sẵn.

– Thưa cô chủ, xin vâng.

Rồi người đàn ông ấy nghe theo nữ cư sĩ Suppiyā, trong khi đi rảo khắp cả thành Bārāṇasī vẫn không thấy loại thịt đã được làm sẵn. Sau đó, người đàn ông ấy đã đi đến gặp nữ cư sĩ Suppiyā, sau khi đến đã nói với nữ cư sĩ Suppiyā điều này:

– Thưa cô chủ, không có thịt đã được làm sẵn. Hôm nay là ngày kiêng sát sanh.

45. Khi ấy, nữ cư sĩ Suppiyā đã khởi ý điều này: "Vị Tỳ-khưu bị bệnh ấy mà không có được nước luộc thịt thì bệnh sẽ trầm trọng hơn, hoặc sẽ chết. Đối với

ta, việc ta đã hứa mà không cho người đem lại là việc không thích đáng", nên đã cầm lấy con dao găm cắt lìa miếng thịt ở đùi rồi trao cho người tớ gái [nói rằng]: "Này em, sau khi chuẩn bị miếng thịt này, ở trú xá kia có vị Tỳ-khưu bị bệnh, hãy dâng đến vị ấy. Và ai hỏi ta thì hãy báo cho biết là 'cô chủ bị bệnh.'" Rồi nàng đã lấy thượng y quấn quanh đùi, đi vào phòng trong và nằm xuống trên giường.

46. Sau đó, nam cư sĩ Suppiya đã trở về nhà và hỏi người tớ gái rằng:

– Suppiyā đâu rồi?

– Thưa ông chủ, bà nằm ở phòng trong.

Khi ấy, nam cư sĩ Suppiya đã đi đến gặp nữ cư sĩ Suppiyā, sau khi đến đã nói với nữ cư sĩ Suppiyā điều này:

– Vì sao nàng lại nằm vậy?

– Thiếp bị bệnh.

– Nàng bị bệnh gì vậy?

Khi ấy, nữ cư sĩ Suppiyā đã kể lại sự việc ấy cho nam cư sĩ Suppiya.

47. Khi ấy, nam cư sĩ Suppiya [nghĩ rằng]: "Thật kỳ diệu thay! Thật phi thường thay! Nàng Suppiyā này có niềm tin, mộ đạo đến thế. Bởi vì ngay cả các phần thịt của chính bản thân còn được dứt bỏ, thì đối với nàng còn có vật gì khác nữa sẽ là không thể bố thí?" rồi đã mừng rỡ, phấn chấn đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.

48. Khi đã ngồi xuống một bên, nam cư sĩ Suppiya đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn nhận lời bữa trai phạn của con vào ngày mai cùng với hội chúng Tỳ-khưu.

Đức Thế Tôn đã nhận lời bằng thái độ im lặng. Khi ấy, nam cư sĩ Suppiya hiểu được sự nhận lời của đức Thế Tôn nên đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiễu quanh và ra đi.

49. Sau đó, khi trải qua đêm ấy, nam cư sĩ Suppiya đã cho chuẩn bị sẵn sàng thức ăn hảo hạng loại cứng, loại mềm rồi cho người thông báo thời giờ đến đức Thế Tôn:

– Bạch Ngài, đã đến giờ, thức ăn đã chuẩn bị xong.

Khi ấy vào buổi sáng, đức Thế Tôn đã mặc y, cầm y bát, rồi đi đến tư gia của nam cư sĩ Suppiya, sau khi đến đã ngồi xuống ở chỗ ngồi được sắp đặt sẵn cùng với hội chúng Tỳ-khưu.

50. Sau đó, nam cư sĩ Suppiya đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi đứng một bên. Khi nam cư sĩ Suppiya đã đứng một bên, đức Thế Tôn đã nói với nam cư sĩ Suppiya điều này:

– Suppiyā đâu rồi?

– Bạch Thế Tôn, nàng bị bệnh.

– Như vậy thì [nàng] hãy đi đến.

– Bạch Thế Tôn, nàng không đủ sức.

– Như vậy thì hãy ẵm rồi đưa [nàng] lại.

Sau đó, nam cư sĩ Suppiya đã ẵm và đưa nữ cư sĩ Suppiyā lại. Đối với nàng, với ánh nhìn của đức Thế Tôn, ngay tức thời, vết thương lớn đã được liền lại, có làn da đẹp, lông tơ đã mọc.

51. Khi ấy, nam cư sĩ Suppiya và nữ cư sĩ Suppiyā [nghĩ rằng]: "Thật kỳ diệu thay! Thật phi thường thay! Đức Như Lai có đại thần lực, có đại oai lực! Bởi vì ở đây, với ánh nhìn của đức Thế Tôn, ngay tức thời, vết thương lớn đã được liền lại, có làn da đẹp, lông tơ đã mọc" nên mừng rỡ, phấn chấn, rồi đã tự tay làm hài lòng và toại ý hội chúng Tỳ-khưu có đức Phật đứng đầu với thức ăn hảo hạng loại cứng, loại mềm. Đến khi đức Thế Tôn đã thọ thực xong, có bàn tay đã rời khỏi bình bát, họ đã ngồi xuống một bên. Khi ấy, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, tạo niềm phấn khởi cho nam cư sĩ Suppiya và nữ cư sĩ Suppiyā bằng bài pháp thoại rồi đã từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

52. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng Tỳ-khưu lại và đã hỏi các vị Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, vị nào đã yêu cầu nữ cư sĩ Suppiyā về thịt?

Khi được nói như thế, vị Tỳ-khưu ấy đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, chính con đã yêu cầu nữ cư sĩ Suppiyā về thịt.

– Này Tỳ-khưu, có phải [thịt] đã được đem đến?

– Bạch Thế Tôn, [thịt] đã được đem đến.

– Này Tỳ-khưu, có phải ngươi đã thọ dụng?

– Bạch Thế Tôn, con đã thọ dụng.

– Này Tỳ-khưu, thế ngươi có suy xét [là thịt gì] hay không?

– Bạch Thế Tôn, con đã không suy xét [là thịt gì].

53. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt).

– Này kẻ rồ dại, vì sao ngươi chưa suy xét mà lại thọ dụng thịt? Này kẻ rồ dại, ngươi đã thọ dụng thịt người. Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).

Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, có những người có niềm tin, mộ đạo, ngay cả các phần thịt của chính bản thân còn được những người này dứt bỏ. Này các Tỳ-khưu, không nên thọ dụng thịt người; vị nào thọ dụng thì phạm tội *Thullaccaya*. Và này các Tỳ-khưu, không nên thọ dụng thịt khi chưa suy xét; vị nào thọ dụng thì phạm tội *Dukkaṭa*.

54. Vào lúc bấy giờ, các con voi của đức vua bị chết. Trong thời kỳ khó khăn về vật thực, dân chúng ăn thịt voi. Họ bố thí thịt voi đến các vị Tỳ-khưu

đang đi khất thực. Các vị Tỳ-khưu thọ dụng thịt voi. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Sa-môn Thích tử lại thọ dụng thịt voi? Các con voi là biểu tượng của hoàng gia, nếu đức vua biết, ngài sẽ không hoan hỷ với các vị ấy." Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên thọ dụng thịt voi; vị nào thọ dụng thì phạm tội *Dukkaṭa*.

55. Vào lúc bấy giờ, các con ngựa của đức vua bị chết. Trong thời kỳ khó khăn về vật thực, dân chúng ăn thịt ngựa. Họ bố thí thịt ngựa đến các vị Tỳ-khưu đang đi khất thực. Các vị Tỳ-khưu thọ dụng thịt ngựa. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Sa-môn Thích tử lại thọ dụng thịt ngựa? Các con ngựa là biểu tượng của hoàng gia, nếu đức vua biết, ngài sẽ không hoan hỷ với các vị ấy." Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên thọ dụng thịt ngựa; vị nào thọ dụng thì phạm tội *Dukkaṭa*.

56. Vào lúc bấy giờ, trong thời kỳ khó khăn về vật thực dân chúng ăn thịt chó. Họ bố thí thịt chó đến các vị Tỳ-khưu đang đi khất thực. Các vị Tỳ-khưu thọ dụng thịt chó. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Sa-môn Thích tử lại thọ dụng thịt chó? Loài chó thì ghê tởm và đáng ghét." Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên thọ dụng thịt chó; vị nào thọ dụng thì phạm tội *Dukkaṭa*.

57. Vào lúc bấy giờ, trong thời kỳ khó khăn về vật thực dân chúng ăn thịt rắn. Họ bố thí thịt rắn đến các vị Tỳ-khưu đang đi khất thực. Các vị Tỳ-khưu thọ dụng thịt rắn. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Sa-môn Thích tử lại thọ dụng thịt rắn? Loài rắn thì ghê tởm và đáng ghét."

58. Vua của loài rắn là Suphassa cũng đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi đứng một bên. Khi đã đứng một bên, Suphassa vua của loài rắn đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, có những loài rắn không có đức tin, không có lòng ngưỡng mộ, chúng có thể hãm hại các vị Tỳ-khưu dầu là việc không đáng. Bạch Ngài, thật tốt đẹp thay các ngài Đại đức chớ nên thọ dụng thịt rắn.

59. Khi ấy, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi cho Suphassa, vua của loài rắn bằng bài pháp thoại. Sau đó, khi đã được đức Thế tôn chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi bằng bài pháp thoại, Suphassa, vua của loài rắn đã đảnh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiễu quanh rồi ra đi.

60. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lí do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, không nên thọ dụng thịt rắn; vị nào thọ dụng thì phạm tội *Dukkaṭa*.

61. Vào lúc bấy giờ, những người thợ săn giết chết con sư tử rồi ăn thịt sư tử. Họ bố thí thịt sư tử đến các vị Tỳ-khưu đang đi khất thực. Các vị Tỳ-khưu sau khi thọ dụng thịt sư tử rồi vào ngụ ở trong rừng. Những con sư tử vồ lấy các vị Tỳ-khưu bởi mùi của thịt. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên thọ dụng thịt sư tử; vị nào thọ dụng thì phạm tội *Dukkaṭa*.

62. Vào lúc bấy giờ, những người thợ săn giết chết con hổ rồi ăn thịt hổ. Họ bố thí thịt hổ đến các vị Tỳ-khưu đang đi khất thực. Các vị Tỳ-khưu sau khi thọ dụng thịt hổ rồi vào ngụ ở trong rừng. Những con hổ vồ lấy các vị Tỳ-khưu bởi mùi của thịt. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên thọ dụng thịt hổ; vị nào thọ dụng thì phạm tội *Dukkaṭa*.

63. Vào lúc bấy giờ, những người thợ săn giết chết con beo rồi ăn thịt beo. Họ bố thí thịt beo đến các vị Tỳ-khưu đang đi khất thực. Các vị Tỳ-khưu sau khi thọ dụng thịt beo rồi vào ngụ ở trong rừng. Những con beo vồ lấy các vị Tỳ-khưu bởi mùi của thịt. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên thọ dụng thịt beo; vị nào thọ dụng thì phạm tội *Dukkaṭa*.

64. Vào lúc bấy giờ, những người thợ săn giết chết con gấu rồi ăn thịt gấu. Họ bố thí thịt gấu đến các vị Tỳ-khưu đang đi khất thực. Các vị Tỳ-khưu sau khi thọ dụng thịt gấu rồi vào ngụ ở trong rừng. Những con gấu vồ lấy các vị Tỳ-khưu bởi mùi của thịt. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên thọ dụng thịt gấu; vị nào thọ dụng thì phạm tội *Dukkaṭa*.

65. Vào lúc bấy giờ, những người thợ săn giết chết con chó sói rồi ăn thịt chó sói. Họ bố thí thịt chó sói đến các vị Tỳ-khưu đang đi khất thực. Các vị Tỳ-khưu sau khi thọ dụng thịt chó sói rồi vào ngụ ở trong rừng. Những con chó sói vồ lấy các vị Tỳ-khưu bởi mùi của thịt. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên thọ dụng thịt chó sói; vị nào thọ dụng thì phạm tội *Dukkaṭa*.

Tụng phẩm Suppiya là phần thứ nhì.

*****

1. Sau đó, khi đã ngự tại thành Bārāṇasī theo như ý thích, đức Thế Tôn đã ra đi du hành về phía Andhakavinda cùng với đại chúng Tỳ-khưu gồm có một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-khưu.

2. Vào lúc bấy giờ, dân chúng trong xứ sở cho người chất lên các xe hàng nhiều muối, dầu ăn, gạo lức và vật thực loại cứng rồi lần lượt nối đuôi theo sau

hội chúng Tỳ-khưu, có đức Thế Tôn đứng đầu [nghĩ rằng]: "Khi nào chúng tôi đến phiên, khi ấy chúng tôi sẽ thực hiện bữa trai phạn" và số lượng người ăn thức ăn còn thừa là năm trăm người.

3. Sau đó, trong khi tuần tự du hành, đức Thế Tôn đã ngự đến Andhakavinda. Khi ấy, có người Bà-la-môn nọ không nhận được phiên nên đã khởi ý điều này: "Hơn hai tháng nay, ta đã theo sau hội chúng Tỳ-khưu có đức Thế Tôn đứng đầu [nghĩ rằng]: 'Khi nào ta đến phiên, khi ấy ta sẽ thực hiện bữa trai phạn' và phiên của ta không được thành tựu. Mà ta thì đơn chiếc và nhiều công việc gia đình đã bị ta bỏ bê. Hay là ta nên nhìn xem ở nhà ăn, món gì ở nhà ăn không có thì ta nên chuẩn bị món đó?" Sau đó, người Bà-la-môn ấy trong khi nhìn xem ở nhà ăn đã không thấy hai món là cháo và mật viên.

4. Khi ấy, người Bà-la-môn ấy đã đi đến gặp Đại đức Ānanda, sau khi đến đã nói với Đại đức Ānanda điều này:

– Thưa ngài Ānanda, ở đây, tôi không nhận được phiên nên đã khởi ý điều này: "Hơn hai tháng nay, ta đã theo sau hội chúng Tỳ-khưu có đức Thế Tôn đứng đầu [nghĩ rằng]: Khi nào ta đến phiên, khi ấy ta sẽ thực hiện bữa trai phạn và phiên của ta không được thành tựu. Mà ta thì đơn chiếc và nhiều công việc gia đình đã bị ta bỏ bê. Hay là ta nên nhìn xem ở nhà ăn, món gì ở nhà ăn không có thì ta nên chuẩn bị món đó?" Thưa ngài Ānanda, trong khi nhìn xem ở nhà ăn, tôi đây đã không thấy hai món là cháo và mật viên. Thưa ngài Ānanda, nếu tôi chuẩn bị sẵn sàng cháo và mật viên thì Ngài Gotama có thọ nhận của tôi hay không?

– Này ông Bà-la-môn, như thế thì tôi sẽ hỏi đức Thế Tôn.

5. Khi ấy, Đại đức Ānanda đã trình sự việc ấy lên đức Thế tôn.

– Này Ānanda, như vậy thì bảo ông ta hãy chuẩn bị sẵn sàng.

– Này ông Bà-la-môn, như vậy thì ông hãy chuẩn bị sẵn sàng.

Sau đó, khi trải qua đêm ấy, người Bà-la-môn ấy đã cho chuẩn bị sẵn sàng nhiều cháo và mật viên, rồi đem dâng đến đức Thế Tôn:

– Bạch Ngài Gotama, xin hãy thọ lãnh cháo và mật viên của tôi.

– Này Bà-la-môn, như thế thì hãy dâng đến các vị Tỳ-khưu.

Các vị Tỳ-khưu trong lúc ngần ngại không thọ lãnh.

– Này các Tỳ-khưu, hãy thọ lãnh, hãy thọ dụng.

6. Khi ấy, người Bà-la-môn ấy đã tự tay làm hài lòng và toại ý hội chúng Tỳ-khưu có đức Phật đứng đầu với nhiều cháo và mật viên. Đến khi đức Thế Tôn có cánh tay đã được rửa, bàn tay đã rời khỏi bình bát, người Bà-la-môn ấy đã ngồi xuống một bên. Khi người Bà-la-môn ấy đã ngồi xuống một bên, đức Thế Tôn đã nói với người Bà-la-môn ấy điều này: "Này Bà-la-môn, đây là mười điều lợi ích của cháo. Mười điều ấy là gì? Trong khi bố thí cháo, [người ấy] bố thí tuổi thọ, bố thí sắc đẹp, bố thí sự an lạc, bố thí sức mạnh, bố thí sự

sáng suốt, những người đã húp cháo dứt hẳn cơn đói, chận đứng cơn khát, điều hòa gió, làm sạch bàng quang và làm tiêu hóa phần [vật thực] còn lại chưa tiêu. Này Bà-la-môn, đây là mười điều lợi ích của cháo.

7. Người nào bố thí cháo một cách trân trọng và hợp thời đến các vị đã được thu thúc, [sống nhờ] vật thực được bố thí bởi những kẻ khác, [người ấy] cho đến vị này mười điều lợi ích là tuổi thọ và sắc đẹp, sự an vui và sức mạnh.

8. Nhờ đó, sự sáng suốt được sanh khởi cho vị này, khiến xua đi cơn đói, cơn khát, [điều hòa] gió, làm trong sạch bàng quang, làm tiêu hóa vật đã được ăn vào. Dược phẩm này đã được ngợi khen bởi đấng Thiện Thệ.

9. Chính vì điều ấy, người tầm cầu sự an vui đang ước nguyện về các sự an lạc thuộc cõi trời, hoặc đang ước muốn về sự phồn vinh của nhân loại nên thường xuyên bố thí cháo thật đầy đủ."

10. Khi ấy, sau khi nói lời tùy hỷ đến người Bà-la-môn ấy bằng những lời kệ này, đức Thế Tôn đã từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: "Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [thọ dụng] cháo và mật viên."

11. Dân chúng đã nghe rằng: "Nghe nói đức Thế Tôn cho phép cháo và mật viên đến các Tỳ-khưu." Vào buổi sáng sớm, họ đã chuẩn bị sẵn sàng cháo đặc và mật viên. Các Tỳ-khưu vào buổi sáng sớm được thỏa mãn với cháo đặc và mật viên nên không thọ thực được như ý ở chỗ thọ thực.

12. Vào lúc bấy giờ, hội chúng Tỳ-khưu có đức Phật đứng đầu, đã được vị quan đại thần nọ mới có đức tin thỉnh mời vào ngày hôm sau. Khi ấy, vị quan đại thần mới có đức tin ấy đã khởi ý điều này: "Hay là ta nên chuẩn bị sẵn sàng một ngàn hai trăm năm mươi đĩa thịt cho một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-khưu, rồi sẽ dâng đến cứ mỗi một vị Tỳ-khưu là mỗi một đĩa thịt?" Sau đó, khi trải qua đêm ấy, vị quan đại thần mới có đức tin ấy đã cho chuẩn bị sẵn sàng thức ăn hảo hạng loại cứng, loại mềm và một ngàn hai trăm năm mươi đĩa thịt, rồi cho người thông báo thời giờ đến đức Thế Tôn: "Bạch Ngài, đã đến giờ, thức ăn đã chuẩn bị xong." Khi ấy, vào buổi sáng, đức Thế Tôn đã mặc y, cầm y bát, rồi đi đến tư dinh của vị quan đại thần mới có đức tin ấy, sau khi đến đã ngồi xuống ở chỗ ngồi được sắp đặt sẵn cùng với hội chúng Tỳ-khưu.

13. Sau đó, vị quan đại thần mới có đức tin ấy phục vụ các Tỳ-khưu ở trong nhà ăn. Các Tỳ-khưu đã nói như vầy:

– Này đạo hữu, hãy dâng chút ít thôi.

– Thưa các ngài, chớ có thọ lãnh chỉ chút ít thôi [vì nghĩ rằng]: "Vị quan đại thần này mới có đức tin." Tôi đã chuẩn bị nhiều vật thực loại cứng, loại mềm và một ngàn hai trăm năm mươi đĩa thịt, tôi sẽ dâng đến mỗi một vị Tỳ-khưu là mỗi một đĩa thịt. Thưa các ngài, xin hãy thọ lãnh theo như ước muốn.

– Này đạo hữu, không phải vì lý do ấy mà chúng tôi thọ lãnh chỉ chút ít; tuy nhiên vào sáng sớm, chúng tôi đã được bồi bổ với cháo đặc và mật viên rồi, cho nên chúng tôi thọ lãnh chỉ chút ít.

14. Khi ấy, vị quan đại thần mới có đức tin ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Đại đức đã được tôi thỉnh mời lại thọ dụng cháo đặc của người khác? Không lẽ tôi không đủ khả năng để bố thí theo như ước muốn hay sao?" Rồi trở nên giận dữ, không hoan hỷ và có ý muốn lăng mạ nên đã đi đến và trong khi để đầy bình bát của các vị Tỳ-khưu [nói rằng]: "Hãy ăn đi hoặc hãy mang đi."

15. Sau đó, vị quan đại thần mới có đức tin ấy đã tự tay làm hài lòng và toại ý hội chúng Tỳ-khưu có đức Phật đứng đầu với thức ăn hảo hạng loại cứng, loại mềm. Đến khi đức Thế Tôn đã thọ thực xong, có bàn tay đã rời khỏi bình bát, vị quan đại thần mới có đức tin ấy đã ngồi xuống một bên. Khi vị quan đại thần mới có đức tin ấy đã ngồi xuống một bên, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi cho vị quan đại thần mới có đức tin ấy bằng bài pháp thoại, rồi đã từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

16. Khi đức Thế Tôn ra đi không lâu, vị quan đại thần mới có đức tin ấy đã khởi lên nỗi phân vân, đã khởi lên sự ân hận: "Thật là điều không lợi ích đã có cho ta! Thật là điều lợi ích đã không có cho ta! Ta đã đạt được điều xấu! Ta đã không đạt được điều tốt! Là việc ta đã trở nên giận dữ, không hoan hỷ và có ý muốn lăng mạ nên đã đi đến và trong khi để đầy bình bát của các vị Tỳ-khưu [nói rằng]: 'Hãy ăn đi hoặc hãy mang đi.' Ta đã tạo ra được nhiều điều gì, là phước báu hay là vô phước?"

17. Sau đó, vị quan đại thần mới có đức tin ấy đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, vị quan đại thần mới có đức tin ấy đã nói với đức Thế Tôn điều này: "Bạch Ngài, ở đây, khi đức Thế Tôn ra đi không lâu, con đã khởi lên nỗi phân vân, đã khởi lên sự ân hận: 'Thật là điều không lợi ích đã có cho ta! Thật là điều lợi ích đã không có cho ta! Ta đã đạt được điều xấu! Ta đã không đạt được điều tốt! Là việc ta đã trở nên giận dữ, không hoan hỷ và có ý muốn lăng mạ nên đã đi đến và trong khi để đầy bình bát của các vị Tỳ-khưu [nói rằng]: Hãy ăn đi hoặc hãy mang đi. Ta đã tạo ra được nhiều điều gì, là phước báu hay là vô phước?' Bạch Ngài, con đã tạo ra được nhiều điều gì, là phước báu hay là vô phước?"

– Này đạo hữu, kể từ lúc ngươi thỉnh mời hội chúng Tỳ-khưu có đức Phật đứng đầu cho ngày hôm sau, từ lúc ấy ngươi đã tạo ra được nhiều phước báu. Kể từ lúc mỗi một miếng cơm của ngươi được mỗi một vị Tỳ-khưu thọ lãnh, từ lúc ấy ngươi đã tạo ra được nhiều phước báu. Các cõi trời đã được thành tựu cho ngươi rồi.

18. Khi ấy, vị quan đại thần mới có đức tin ấy [nghĩ rằng]: "Nghe nói ta có được điều lợi ích! Nghe nói ta đã đạt được điều tốt! Nghe nói ta đã tạo ra được nhiều phước báu! Nghe nói các cõi trời đã được thành tựu cho ta!" nên mừng rỡ, phấn chấn, đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiễu quanh rồi ra đi. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng Tỳ-khưu lại và đã hỏi các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu thọ dụng cháo đặc của người khác khi đã được thỉnh mời của một nơi khác, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– Này các Tỳ-khưu, vì sao những kẻ rồ dại ấy lại thọ dụng cháo đặc của người khác khi đã được thỉnh mời của một nơi khác? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).

Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, không nên thọ dụng cháo đặc của người khác khi đã được thỉnh mời của một nơi khác; vị nào thọ dụng thì nên được hành xử theo pháp.[6]

19. Sau đó, khi đã ngự tại Andhakavinda theo như ý thích, đức Thế Tôn đã ra đi, du hành về phía thành Rājagaha cùng với đại chúng Tỳ-khưu gồm có một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-khưu.

20. Vào lúc bấy giờ, Belaṭṭha Kaccāna đang đi đường xa từ thành Rājagaha đến Andhakavinda cùng với năm trăm xe hàng, toàn bộ đều chất đầy các hũ mật đường. Đức Thế Tôn đã nhìn thấy Belaṭṭha Kaccāna từ đàng xa đang đi lại, sau khi nhìn thấy đã rời đường lộ và ngồi xuống ở gốc cây nọ.

21. Sau đó, Belaṭṭha Kaccāna đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi đứng một bên. Khi đã đứng một bên, Belaṭṭha Kaccāna đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, con muốn dâng đến mỗi một vị Tỳ-khưu một hũ mật đường.

– Này Kaccāna, như vậy thì ngươi hãy mang lại chỉ một hũ mật đường thôi.

– Bạch Ngài, xin vâng.

Rồi Belaṭṭha Kaccāna nghe theo đức Thế Tôn, đã cầm lấy chỉ một hũ mật đường rồi đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, hũ mật đường đã được mang lại. Bạch Ngài, con sẽ thực hành như thế nào đây?

– Này Kaccāna, như thế thì ngươi hãy dâng mật đường đến các vị Tỳ-khưu.

– Bạch Ngài, xin vâng.

---

[6] Liên quan đến tội *Pācittiya* 33.

Rồi Belaṭṭha Kaccāna nghe theo đức Thế Tôn, sau khi dâng mật đường đến các vị Tỳ-khưu rồi, đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, mật đường đã được dâng đến các vị Tỳ-khưu và nhiều mật đường này còn thừa lại. Bạch Ngài, con sẽ thực hành như thế nào đây?

– Này Kaccāna, như thế thì ngươi hãy dâng mật đường đến các vị Tỳ-khưu theo như ước muốn.

– Bạch Ngài, xin vâng.

Rồi Belaṭṭha Kaccāna nghe theo đức Thế Tôn, sau khi dâng mật đường đến các vị Tỳ-khưu theo như ước muốn rồi, đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, mật đường đã được dâng đến các vị Tỳ-khưu theo như ước muốn và nhiều mật đường này còn thừa lại. Bạch Ngài, con sẽ thực hành như thế nào đây?

– Này Kaccāna, như thế thì ngươi hãy làm cho các vị Tỳ-khưu được thỏa mãn với nhiều mật đường.

– Bạch Ngài, xin vâng.

Rồi Belaṭṭha Kaccāna nghe theo đức Thế Tôn, đã làm cho các vị Tỳ-khưu được thỏa mãn với nhiều mật đường. Một số các vị Tỳ-khưu đã chứa đầy các bình bát, đã chứa đầy các túi lọc nước và luôn cả các túi xách.

22. Rồi Belaṭṭha Kaccāna sau khi đã làm cho các vị Tỳ-khưu được thỏa mãn với nhiều mật đường rồi, đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, các vị Tỳ-khưu đã được thỏa mãn với nhiều mật đường và nhiều mật đường này còn thừa lại. Bạch Ngài, con sẽ thực hành như thế nào đây?

– Này Kaccāna, như thế thì ngươi hãy cho mật đường đến những người ăn vật thực còn thừa.

– Bạch Ngài, xin vâng.

Rồi Belaṭṭha Kaccāna nghe theo đức Thế Tôn, sau khi đã cho mật đường đến những người ăn vật thực còn thừa rồi, đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, mật đường đã được cho đến những người ăn vật thực còn thừa và nhiều mật đường này còn thừa lại. Bạch Ngài, con sẽ thực hành như thế nào đây?

– Này Kaccāna, như thế thì ngươi hãy cho mật đường đến những người ăn vật thực còn thừa theo như ước muốn.

– Bạch Ngài, xin vâng.

Rồi Belaṭṭha Kaccāna nghe theo đức Thế Tôn, sau khi đã cho mật đường đến những người ăn thức ăn còn thừa theo như ước muốn rồi, đã nói đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, mật đường đã được cho đến những người ăn thức ăn còn thừa theo như ước muốn và nhiều mật đường này còn thừa lại. Bạch Ngài, con sẽ thực hành như thế nào đây?

– Này Kaccāna, như thế thì ngươi hãy làm cho những người ăn thức ăn còn thừa được thỏa mãn với nhiều mật đường.

– Bạch Ngài, xin vâng.

Rồi Belaṭṭha Kaccāna nghe theo đức Thế Tôn, đã làm cho những người ăn thức ăn còn thừa được thỏa mãn với nhiều mật đường. Một số người ăn thức ăn còn thừa đã chứa đầy các lọ, các bình, đã chứa đầy các giỏ và dùng luôn cả phần y ở phía trước [đã được buộc lại].

23. Rồi Belaṭṭha Kaccāna sau khi đã làm cho những người ăn thức ăn còn thừa được thỏa mãn với nhiều mật đường rồi, đã nói đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, những người ăn thức ăn còn thừa đã được thỏa mãn với nhiều mật đường và nhiều mật đường này còn thừa lại. Bạch Ngài, con sẽ thực hành như thế nào đây?

– Này Kaccāna, Ta không thấy người nào trong thế gian tính luôn cõi của chư Thiên, cõi Ma vương, cõi Phạm thiên, cho đến dòng dõi Sa-môn, Bà-la-môn, các hạng chư thiên và loài người mà đường này khi được người ấy ăn vào có thể đem lại sự tiêu hóa tốt đẹp, ngoại trừ Như Lai hay đệ tử của Như Lai. Này Kaccāna, chính vì điều ấy, ngươi hãy đổ bỏ đường ấy ở nơi không có cỏ xanh hoặc đổ xuống nước không có sinh vật.

– Bạch Ngài, xin vâng.

Rồi Belaṭṭha Kaccāna nghe theo đức Thế Tôn đã đổ mật đường ấy xuống nước không có sinh vật. Khi ấy, mật đường ấy khi được đổ vào trong nước liền sủi bọt xì xèo, bốc hơi và tỏa khói. Cũng giống như lưỡi cày đã được nung đỏ trọn ngày, khi được bỏ vào trong nước liền sủi bọt xì xèo, bốc hơi và tỏa khói; tương tợ như thế, mật đường ấy khi được đổ vào trong nước liền sủi bọt xì xèo, bốc hơi và tỏa khói.

24. Khi ấy, Belaṭṭha Kaccāna trở nên hoảng hốt, lông dựng đứng lên, rồi đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi Belaṭṭha Kaccāna đã ngồi xuống một bên, đức Thế Tôn đã thuyết pháp theo thứ lớp đến Belaṭṭha Kaccāna. Tức là Ngài đã giảng giải bài thuyết về bố thí, bài thuyết về giới cấm, bài thuyết về cõi trời; sự tai hại, sự thấp kém, sự ô nhiễm của các dục, sự lợi ích của việc xuất ly. Khi đức Thế Tôn biết được Belaṭṭha Kaccāna có tâm đã sẵn sàng, dễ uốn nắn, không còn chướng ngại, hướng thượng, tịnh tín, Ngài đã phô bày pháp thuyết giảng đã được chư Phật khai mở là khổ, tập, diệt, đạo. Cũng giống như tấm vải đã được làm sạch, không còn vết nhơ, có thể nhuộm màu một cách toàn vẹn; tương tợ như thế, ngay tại chỗ ngồi ấy, pháp nhãn không nhiễm bụi trần, không vết nhơ đã sanh khởi đến Belaṭṭha Kaccāna: "Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt."

25. Sau đó, khi đã thấy được pháp, đã thành tựu được pháp, đã hiểu được pháp, đã thấm nhuần pháp, hoài nghi đã không còn, sự lưỡng lự đã dứt hẳn, đã

thành tựu niềm tin vào giáo pháp của bậc Đạo sư, không còn cần sự trợ duyên của người khác, Belaṭṭha Kaccāna đã nói với đức Thế Tôn điều này: "Bạch Ngài, thật là tuyệt vời! Bạch Ngài, thật là tuyệt vời! Bạch Ngài, giống như người có thể lật ngửa vật đã được úp lại, mở ra vật đã bị che kín, chỉ đường cho kẻ lạc lối, đem lại cây đèn dầu nơi bóng tối [nghĩ rằng]: 'Những ai có mắt sẽ thấy được các hình dáng'; tương tợ như thế, pháp đã được đức Thế Tôn chỉ rõ bằng nhiều phương tiện. Bạch Ngài, con đây xin đi đến nương nhờ đức Thế Tôn, Giáo pháp và Hội chúng Tỳ-khưu. Xin đức Thế Tôn chấp nhận con là nam cư sĩ đã đi đến nương nhờ kể từ hôm nay cho đến trọn đời."

26. Sau đó, trong khi tuần tự du hành, đức Thế Tôn đã ngự đến thành Rājagaha. Tại nơi ấy, trong thành Rājagaha, đức Thế Tôn ngự tại Veḷuvana, nơi nuôi dưỡng các con sóc. Vào lúc bấy giờ, ở trong thành Rājagaha, mật đường được dồi dào. Các Tỳ-khưu [nghĩ rằng]: "Mật đường đã được đức Thế Tôn cho phép đến chính vị bị bệnh, không cho đối với vị không bị bệnh", trong lúc ngần ngại, không thọ dụng mật đường. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép mật đường đối với vị bị bệnh và nước [có pha] mật đường đối với vị không bị bệnh.

27. Sau đó, khi đã ngự tại thành Rājagaha theo như ý thích, đức Thế Tôn đã ra đi, du hành về phía Pāṭaligāma[7] cùng với đại chúng Tỳ-khưu gồm có một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-khưu. Sau đó, trong khi tuần tự du hành, đức Thế Tôn đã ngự đến Pāṭaligāma. Các cư sĩ ở tại Pāṭaligāma đã nghe rằng: "Nghe nói đức Thế Tôn đã ngự đến Pāṭaligāma." Sau đó, các cư sĩ ở tại Pāṭaligāma đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi đã ngồi xuống một bên. Khi các cư sĩ ở tại Pāṭaligāma đã ngồi xuống một bên, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi cho các cư sĩ ở tại Pāṭaligāma bằng bài pháp thoại. Sau đó, khi đã được đức Thế Tôn chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi bằng bài pháp thoại, các cư sĩ ở tại Pāṭaligāma đã nói với đức Thế Tôn điều này: "Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn nhận lời [trú tại] nhà nghỉ trọ cùng với hội chúng Tỳ-khưu." Đức Thế Tôn đã nhận lời bằng thái độ im lặng.

28. Khi ấy, các cư sĩ ở tại Pāṭaligāma hiểu được sự nhận lời của đức Thế Tôn nên đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiễu quanh rồi đi đến nhà nghỉ trọ, sau khi đến đã trải thảm toàn bộ nhà nghỉ trọ với thảm trải, cho sắp đặt các chỗ ngồi, cho bố trí lu nước, thắp sáng cây đèn dầu, rồi đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi đứng một bên. Khi đã đứng một bên, các cư sĩ ở tại Pāṭaligāma đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, nhà nghỉ trọ đã trải thảm toàn bộ với thảm trải, các chỗ ngồi đã được cho sắp đặt, lu nước đã được cho bố trí, cây đèn dầu đã được thắp sáng.

[7] Pāṭaligāma là một làng (*gāma*) thuộc xứ Magadha, nay là thành phố Patna, Ấn Độ (ND).

Bạch Ngài, bây giờ là thời điểm của việc gì xin đức Thế Tôn hãy suy tính về việc ấy.

Sau đó, đức Thế Tôn đã mặc y, cầm y bát, rồi cùng với đại chúng Tỳ-khưu đi đến nhà nghỉ trọ, sau khi đến đã rửa sạch hai bàn chân rồi đi vào nhà nghỉ trọ và ngồi xuống chỗ cột nhà ở chính giữa, mặt nhìn về hướng Đông. Hội chúng Tỳ-khưu cũng đã rửa sạch các bàn chân, rồi đi vào nhà nghỉ trọ và ngồi xuống chỗ bức tường ở phía Tây, mặt nhìn về hướng Đông và có đức Thế Tôn trong tầm nhìn. Các cư sĩ ở tại Pāṭaligāma cũng đã rửa sạch các bàn chân, rồi đi vào nhà nghỉ trọ và ngồi xuống chỗ bức tường ở phía Đông, mặt nhìn về hướng Tây và có đức Thế Tôn trong tầm nhìn.

29. Khi ấy, đức Thế Tôn đã bảo các cư sĩ ở tại Pāṭaligāma rằng:

– Này các cư sĩ, đây là năm điều tai hại của kẻ ác giới có sự hư hỏng về giới. Năm điều ấy là gì? Này các cư sĩ, ở đây, kẻ ác giới có sự hư hỏng về giới gánh chịu sự mất mát lớn về tài sản do nguyên nhân xao lãng. Đây là điều tai hại thứ nhất của kẻ ác giới có sự hư hỏng về giới. Này các cư sĩ, còn có điều khác nữa là tiếng đồn xấu xa của kẻ ác giới có sự hư hỏng về giới lan rộng. Đây là điều tai hại thứ nhì của kẻ ác giới có sự hư hỏng về giới.

Này các cư sĩ, còn có điều khác nữa là kẻ ác giới có sự hư hỏng về giới đi vào tập thể nào khác, dầu là tập thể những người Sát-đế-lỵ, dầu là tập thể những người Bà-la-môn, dầu là tập thể các gia chủ, dầu là tập thể các Sa-môn, kẻ ấy đi vào thiếu sự tự chủ và trở nên bối rối. Đây là điều tai hại thứ ba của kẻ ác giới có sự hư hỏng về giới. Này các cư sĩ, còn có điều khác nữa là kẻ ác giới có sự hư hỏng về giới bị mê muội khi từ trần. Đây là điều tai hại thứ tư của kẻ ác giới có sự hư hỏng về giới. Này các cư sĩ, còn có điều khác nữa là kẻ ác giới có sự hư hỏng về giới khi thân này bị tan rã, sau khi chết đi sẽ tái sanh vào chốn bất hạnh, cõi khổ, nơi trừng phạt, địa ngục. Đây là điều tai hại thứ năm của kẻ ác giới có sự hư hỏng về giới. Này các cư sĩ, đây là năm điều tai hại của kẻ ác giới có sự hư hỏng về giới.

30. Này các cư sĩ, đây là năm điều lợi ích của người giữ giới có sự thành tựu về giới. Năm điều ấy là gì? Này các cư sĩ, người giữ giới có sự thành tựu về giới thành tựu số lượng lớn về tài sản do nguyên nhân không xao lãng. Đây là điều lợi ích thứ nhất của người giữ giới có sự thành tựu về giới. Này các cư sĩ, còn có điều khác nữa là tiếng đồn tốt đẹp của người giữ giới có sự thành tựu về giới lan rộng. Đây là điều lợi ích thứ nhì của người giữ giới có sự thành tựu về giới. Này các cư sĩ, còn có điều khác nữa là người giữ giới có sự thành tựu về giới đi vào tập thể nào khác, dầu là tập thể những người Sát-đế-lỵ, dầu là tập thể những người Bà-la-môn, dầu là tập thể các gia chủ, dầu là tập thể các Sa-môn, người ấy đi vào có sự tự chủ và không có bối rối. Đây là điều lợi ích thứ ba của người giữ giới có sự thành tựu về giới. Này các cư sĩ, còn có điều khác nữa là người giữ giới có sự thành tựu về giới không bị mê muội khi từ trần. Đây là điều

lợi ích thứ tư của người giữ giới có sự thành tựu về giới. Này các cư sĩ, còn có điều khác nữa là người giữ giới có sự thành tựu về giới khi thân này bị tan rã, sau khi chết đi sẽ tái sanh vào chốn an vui, cõi trời, cõi người. Đây là điều lợi ích thứ năm của người giữ giới có sự thành tựu về giới. Này các cư sĩ, đây là năm điều lợi ích của người giữ giới có sự thành tựu về giới.

31. Sau đó, khi đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi cho các cư sĩ ở tại Pāṭaligāma bằng bài pháp thoại đến tận đêm khuya, đức Thế Tôn đã giải tán [bảo rằng]:

– Này các cư sĩ, đêm đã khuya. Bây giờ là thời điểm của việc gì thì các ngươi hãy suy tính về việc ấy.

– Bạch Ngài, xin vâng.

Các cư sĩ ở tại Pāṭaligāma nghe theo đức Thế Tôn, đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiễu quanh rồi ra đi. Sau đó, khi các cư sĩ ở tại Pāṭaligāma ra đi không lâu, đức Thế Tôn đã đi vào ngôi nhà trống vắng.

32. Vào lúc bấy giờ, Sunīdha và Vassakāra, hai vị quan đại thần xứ Magadha cho xây thành lũy ở Pāṭaligāma để ngăn cản người Vajji. Và đức Thế Tôn, sau khi thức dậy trong đêm vào lúc hừng sáng, bằng thiên nhãn thanh tịnh vượt xa loài người, đã nhìn thấy nhiều vị trời đang chiếm giữ các khu vực ở Pāṭaligāma. Các vị trời có oai lực lớn chiếm giữ khu vực nào, thì các vị sai khiến tâm của các quan đại thần của các vị vua có oai lực lớn ở khu vực đó cho xây các dinh thự. Các vị trời có oai lực trung bình chiếm giữ khu vực nào thì các vị sai khiến tâm của các quan đại thần của các vị vua có oai lực trung bình ở khu vực đó cho xây các dinh thự. Các vị trời có oai lực kém chiếm giữ khu vực nào thì các vị sai khiến tâm của các quan đại thần của các vị vua có oai lực kém ở khu vực đó cho xây các dinh thự.

33. Khi ấy, đức Thế Tôn đã bảo Đại đức Ānanda rằng:

– Này Ānanda, những ai là người cho xây thành lũy ở Pāṭaligāma vậy?

– Bạch Ngài, Sunīdha và Vassakāra, hai vị quan đại thần xứ Magadha cho xây thành lũy ở Pāṭaligāma để ngăn cản người Vajji.

– Này Ānanda, cũng giống như là đã thỉnh ý với chư thiên ở cõi Tāvatiṃsa, này Ānanda, tương tợ như thế, Sunīdha và Vassakāra, hai vị quan đại thần xứ Magadha đã cho xây thành lũy ở Pāṭaligāma để ngăn cản người Vajji. Này Ānanda, ở đây, sau khi thức dậy trong đêm vào lúc hừng sáng, bằng thiên nhãn thanh tịnh vượt trên loài người, Ta đã nhìn thấy nhiều vị trời đang chiếm giữ các khu vực ở trong Pāṭaligāma. Các vị trời có oai lực lớn chiếm giữ khu vực nào, thì các vị sai khiến tâm của các quan đại thần của các vị vua có oai lực lớn ở khu vực đó cho xây các dinh thự. Các vị trời có oai lực trung bình chiếm giữ khu vực nào, thì các vị sai khiến tâm của các quan đại thần của các vị vua có oai lực trung bình ở khu vực đó cho xây các dinh thự. Các vị trời có oai lực

kém chiếm giữ khu vực nào thì các vị sai khiến tâm của các quan đại thần của các vị vua có oai lực kém ở khu vực đó cho xây các dinh thự. Này Ānanda, cho đến tận lãnh thổ của những người Ariyan và đến tận con đường của những nhà thương buôn, Pāṭaliputta này sẽ trở thành thành phố hàng đầu, là nơi bốc dở các loại hàng hóa. Này Ānanda, thành Pāṭaliputta sẽ xảy ra ba tai họa hoặc do lửa, hoặc do nước, hoặc do sự chia hai từ trong nội bộ.

34. Sau đó, Sunīdha và Vassakāra, hai vị quan đại thần xứ Magadha đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã tỏ vẻ thân thiện với đức Thế Tôn, sau khi trao đổi lời xã giao thân thiện rồi đã đứng một bên. Khi đã đứng một bên, Sunīdha và Vassakāra, hai vị quan đại thần xứ Magadha đã nói với đức Thế Tôn điều này: "Xin Ngài Gotama hãy nhận lời chúng tôi về bữa trai phạn vào ngày mai cùng với hội chúng Tỳ-khưu." Đức Thế Tôn đã nhận lời bằng thái độ im lặng. Khi ấy, Sunīdha và Vassakāra, hai vị quan đại thần xứ Magadha sau khi hiểu được sự nhận lời của đức Thế Tôn đã ra đi.

35. Sau đó, Sunīdha và Vassakāra, hai vị quan đại thần xứ Magadha đã cho chuẩn bị sẵn sàng thức ăn hảo hạng loại cứng, loại mềm rồi cho người thông báo thời giờ đến đức Thế Tôn: "Bạch Ngài Gotama, đã đến giờ, thức ăn đã chuẩn bị xong." Khi ấy, vào buổi sáng, đức Thế Tôn đã mặc y, cầm y bát, rồi đi đến nơi phân phối thức ăn của Sunīdha và Vassakāra, hai vị quan đại thần xứ Magadha sau khi đến đã ngồi xuống ở chỗ ngồi được sắp đặt sẵn cùng với hội chúng Tỳ-khưu.

36. Khi ấy, Sunīdha và Vassakāra, hai vị quan đại thần xứ Magadha đã tự tay làm hài lòng và toại ý hội chúng Tỳ-khưu có đức Phật đứng đầu với thức ăn hảo hạng loại cứng, loại mềm. Đến khi đức Thế Tôn đã thọ thực xong, có bàn tay đã rời khỏi bình bát, hai vị quan đại thần đã ngồi xuống một bên. Khi Sunīdha và Vassakāra, hai vị quan đại thần xứ Magadha đã ngồi xuống một bên, Đức Thế Tôn đã nói lời tùy hỷ đến hai vị quan đại thần bằng những lời kệ này:

37. "Ở tại khu vực nào, chỗ trú ngụ được sắp đặt cho các bậc có bản chất sáng suốt, tại nơi ấy, sau khi dâng thức ăn đến các vị có giới thu thúc, hành Phạm hạnh.

38. Nên tỏ sự kính trọng đến chư thiên đã ngụ ở nơi ấy. Chư thiên ấy, được cúng dường, sẽ cúng dường người ấy, được tôn kính, sẽ tôn kính người ấy.

39. Do đó, chư thiên thương mến người ấy, như người mẹ thương xót đứa con trai ruột thịt. Được chư thiên thương mến, người ấy sẽ luôn luôn gặp được các điều tốt lành."

40. Sau đó, khi đã nói lời tùy hỷ đến Sunīdha và Vassakāra, hai vị quan đại thần xứ Magadha bằng những lời kệ này, đức Thế Tôn đã từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi. Vào lúc bấy giờ, Sunīdha và Vassakāra, hai vị quan đại thần xứ Magadha đã đi theo phía sau đức Thế Tôn [nghĩ rằng]: "Hôm nay, Sa-môn Gotama đi ra bằng cửa thành nào thì cửa thành ấy sẽ có tên là cửa thành

Gotama, và băng qua sông Gaṅgā bằng bến tàu nào thì bến tàu ấy sẽ có tên là bến tàu Gotama." Sau đó, cửa thành nào mà đức Thế Tôn đã đi ra, cửa thành ấy đã có tên là cửa thành Gotama. Rồi đức Thế Tôn đã đi đến sông Gaṅgā. Vào lúc bấy giờ, sông Gaṅgā luôn tràn đầy, mấp mé bờ khiến chim quạ có thể uống nước. Dân chúng, một số đi kiếm thuyền, một số đi kiếm xuồng, một số buộc thành chiếc bè với ước muốn đi từ bờ này sang bờ kia.

41. Đức Thế Tôn đã nhìn thấy những người ấy, một số đang đi kiếm thuyền, một số đang đi kiếm xuồng, một số đang buộc thành chiếc bè với ước muốn đi từ bờ này sang bờ kia. Sau khi nhìn thấy, cũng giống như người đàn ông có sức mạnh có thể duỗi ra cánh tay đã được co lại, hoặc có thể co lại cánh tay đã được duỗi ra; tương tợ như thế, đức Thế Tôn đã biến mất tại bờ bên này của sông Gaṅgā và hiện ra đứng ở bờ bên kia cùng với hội chúng Tỳ-khưu. Sau đó, khi đã biết sự việc ấy, đức Thế Tôn vào thời điểm ấy đã thốt lên lời cảm hứng này:

42. – Những người băng qua biển cả ao hồ, sau khi xây dựng cây cầu vượt qua các hồ nhỏ. [Trong khi] người còn đang buộc chiếc bè nhỏ thì các bậc trí đã vượt qua [bờ kia].

43. Sau đó, đức Thế Tôn đã ngự đến Koṭigāma. Tại nơi ấy, đức Thế Tôn ngụ tại Koṭigāma. Ở đó, đức Thế Tôn đã bảo các vị Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, do sự không giác ngộ, không thấu triệt được bốn chân lý cao thượng, chính vì như thế mà ngay cả Ta và các ngươi đã trải qua, đã luân hồi thời gian dài thăm thẳm. Bốn điều ấy là gì? Này các Tỳ-khưu, do sự không giác ngộ, không thấu triệt được chân lý cao thượng của khổ, chính vì như thế mà ngay cả Ta và các ngươi đã trải qua, đã luân hồi thời gian dài thăm thẳm. ...(nt)... Chân lý cao thượng của nguồn gốc sanh khởi của khổ, ...(nt)... Chân lý cao thượng của sự chấm dứt của khổ, ...(nt)... Chân lý cao thượng của sự thực hành đưa đến sự chấm dứt của khổ, chính vì như thế mà ngay cả Ta và các ngươi đã trải qua, đã luân hồi thời gian dài thăm thẳm. Này các Tỳ-khưu, chân lý cao thượng của khổ này đây đã được giác ngộ, đã được thấu triệt; chân lý cao thượng của nguồn gốc sanh khởi của khổ đã được giác ngộ, đã được thấu triệt; chân lý cao thượng của sự chấm dứt của khổ đã được giác ngộ, đã được thấu triệt; chân lý cao thượng của sự thực hành đưa đến sự chấm dứt của khổ đã được giác ngộ, đã được thấu triệt, [thì] nỗi khao khát về sự tái sanh đã được cắt đứt, lối đưa đến sự tái sanh đã cạn kiệt, giờ đây không còn tái sanh nữa.

44. "Do không nhìn thấy đúng theo bản thể của bốn chân lý cao thượng, nên bị luân hồi dài thăm thẳm trong những lần tái sanh kiếp này kiếp khác.

45. Khi những điều này đây đã được nhìn thấy thì lối dẫn đi tái sanh không còn, nguồn sanh khổ đã đoạn, giờ đây không còn tái sanh nữa."

46. Nàng kỹ nữ Ambapālī đã nghe rằng: "Nghe nói đức Thế Tôn đã ngự đến Koṭigāma." Khi ấy, nàng kỹ nữ Ambapālī đã cho thắng [ngựa vào] những

cỗ xe vô cùng lộng lẫy, rồi bước lên cỗ xe lộng lẫy, sau đó rời khỏi thành Vesālī với những cỗ xe vô cùng lộng lẫy để diện kiến đức Thế Tôn. Sau khi đã đi bằng cỗ xe hết khoảng đường dành cho xe, nàng đã xuống xe rồi làm người bộ hành đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi nàng đã ngồi xuống một bên, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi cho nàng kỹ nữ Ambapālī bằng bài pháp thoại. Sau đó, khi đã được đức Thế Tôn chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi bằng bài pháp thoại, nàng kỹ nữ Ambapālī đã nói với đức Thế Tôn điều này: "Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn cùng với hội chúng Tỳ-khưu nhận lời bữa thọ trai vào ngày mai của con." Đức Thế Tôn đã nhận lời bằng thái độ im lặng. Khi ấy, nàng kỹ nữ Ambapālī hiểu được sự nhận lời của đức Thế Tôn nên đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiễu quanh, rồi ra đi.

47. Các vị dòng dõi Licchavi ở Vesālī đã nghe rằng: "Nghe nói đức Thế Tôn đã ngự đến Koṭigāma." Khi ấy, các vị dòng dõi Licchavi ở Vesālī đã cho thắng [ngựa vào] những cỗ xe vô cùng lộng lẫy, rồi bước lên cỗ xe vô cùng lộng lẫy, sau đó rời khỏi thành Vesālī với những cỗ xe vô cùng lộng lẫy để diện kiến đức Thế Tôn. Một số các vị dòng dõi Licchavi chuộng màu xanh, có vẻ bên ngoài màu xanh, y phục màu xanh, đồ trang sức màu xanh. Một số các vị dòng dõi Licchavi chuộng màu vàng, có vẻ bên ngoài màu vàng, y phục màu vàng, đồ trang sức màu vàng. Một số các vị dòng dõi Licchavi chuộng màu đỏ, có vẻ bên ngoài màu đỏ, y phục màu đỏ, đồ trang sức màu đỏ. Một số các vị dòng dõi Licchavi chuộng màu trắng, có vẻ bên ngoài màu trắng, y phục màu trắng, đồ trang sức màu trắng.

48. Khi ấy, nàng kỹ nữ Ambapālī di chuyển đối đầu gọng xe với gọng xe, càng xe với càng xe, bánh xe với bánh xe, trục bánh xe với trục bánh xe của các vương tử rất trẻ tuổi dòng Licchavi. Khi ấy, các vị dòng dõi Licchavi ấy đã nói với nàng kỹ nữ Ambapālī điều này:

– Này nàng Ambapālī, vì sao nàng lại di chuyển đối đầu gọng xe với gọng xe, càng xe với càng xe, bánh xe với bánh xe, trục bánh xe với trục bánh xe của các vương tử rất trẻ tuổi dòng Licchavi của chúng tôi vậy?

– Này các cậu công tử, chính là vì tôi đã thỉnh mời được hội chúng Tỳ-khưu có đức Phật đứng đầu vào ngày mai.

– Này nàng Ambapālī, hãy nhường lại cho chúng tôi bữa thọ trai ấy với giá một trăm ngàn.

– Này các cậu công tử, cho dù các cậu chịu nhường lại thành Vesālī luôn cả dân cư cho tôi, tôi cũng không chịu nhường lại bữa thọ trai.

49. Khi ấy, các vị dòng dõi Licchavi ấy đã búng ngón tay [nói rằng]: "Đúng là cô nàng vườn xoài đã cho chúng ta đo ván rồi! Đúng là cô nàng vườn xoài đã cho chúng ta đo ván rồi!"

50. Sau đó, các vị dòng dõi Licchavi ấy đã đi đến gặp đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn đã nhìn thấy các vị dòng dõi Licchavi ấy từ đàng xa đang đi lại, sau khi nhìn thấy đã bảo các vị Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, chư thiên ở cõi Tāvatiṃsa chưa được các Tỳ-khưu nhìn thấy trước đây. Này các Tỳ-khưu, hãy nhìn tập thể các vị dòng dõi Licchavi. Này các Tỳ-khưu, hãy nhìn tập thể các vị dòng dõi Licchavi. Này các Tỳ-khưu, hãy so sánh tập thể các vị dòng dõi Licchavi với tập thể chư thiên cõi Tāvatiṃsa.

51. Khi ấy, sau khi đã đi bằng cỗ xe hết khoảng đường dành cho xe, các vị dòng dõi Licchavi ấy đã xuống xe rồi làm người bộ hành đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi họ đã ngồi xuống một bên, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi cho các vị dòng dõi Licchavi ấy bằng bài pháp thoại. Sau đó, khi đã được đức Thế Tôn chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi bằng bài pháp thoại, các vị dòng dõi Licchavi ấy đã nói đã với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn cùng với hội chúng Tỳ-khưu nhận lời bữa thọ trai vào ngày mai của chúng tôi.

– Này các vị Licchavi, Ta đã nhận lời nàng kỹ nữ Ambapālī về bữa thọ trai vào ngày mai rồi.

Khi ấy, các vị dòng dõi Licchavi ấy đã búng ngón tay [nói rằng]: "Đúng là cô nàng vườn xoài đã cho chúng ta đo ván rồi! Đúng là cô nàng vườn xoài đã cho chúng ta đo ván rồi!" Sau đó, khi đã được hoan hỷ và thỏa mãn với lời nói của đức Thế Tôn, các vị dòng dõi Licchavi ấy đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiễu quanh rồi ra đi.

52. Sau đó, khi đã ngự tại Koṭigāma như ý thích, đức Thế Tôn đã đi đến Nātikā. Tại nơi ấy, ở Nātikā, đức Thế Tôn ngự tại Giñjakāvasatha (căn nhà bằng gạch). Sau đó, khi trải qua đêm ấy, nàng kỹ nữ Ambapālī đã cho chuẩn bị sẵn sàng thức ăn hảo hạng loại cứng, loại mềm trong khu vườn của mình rồi cho người thông báo thời giờ đến đức Thế Tôn:

– Bạch Ngài, đã đến giờ, thức ăn đã chuẩn bị xong.

Khi ấy, vào buổi sáng, đức Thế Tôn đã mặc y, cầm y bát, rồi đi đến chỗ dâng cúng vật thực của nàng kỹ nữ Ambapālī, sau khi đến đã ngồi xuống ở chỗ ngồi được sắp đặt sẵn cùng với hội chúng Tỳ-khưu.

53. Sau đó, nàng kỹ nữ Ambapālī đã tự tay làm hài lòng và toại ý hội chúng Tỳ-khưu có đức Phật đứng đầu với thức ăn hảo hạng loại cứng, loại mềm. Đến khi đức Thế Tôn đã thọ thực xong, có bàn tay đã rời khỏi bình bát, nàng đã ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, nàng kỹ nữ Ambapālī đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, con xin dâng khu vườn Ambavana (vườn xoài) này đến hội chúng Tỳ-khưu có đức Phật đứng đầu.

Đức Thế Tôn đã thọ nhận khu vườn.

54. Sau đó, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi cho nàng kỹ nữ Ambapālī bằng bài pháp thoại rồi đã từ chỗ ngồi đứng dậy và đi đến Mahāvana. Tại nơi ấy, ở Vesālī, đức Thế Tôn ngự tại Mahāvana, giảng đường Kūṭāgāra.

Tụng phẩm Licchavi là thứ ba.

*****

1. Vào lúc bấy giờ, các vị dòng dõi Licchavi rất nổi tiếng đã tụ hội lại ngồi chung trong nhà hội họp rồi tán thán đức Phật, tán thán Giáo pháp, tán thán Hội chúng bằng nhiều phương thức.

2. Vào lúc bấy giờ, Tướng quân Sīha là đệ tử của Niganṭha đã ngồi xuống ở tập thể ấy. Khi ấy, Tướng quân Sīha đã khởi ý điều này: "Không còn nghi ngờ gì nữa, đức Thế Tôn ấy phải là bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác. Chính bởi vì các vị dòng dõi Licchavi rất nổi tiếng này khi tụ hội lại ngồi chung trong nhà hội họp đều tán thán đức Phật, tán thán Giáo pháp, tán thán Hội chúng bằng nhiều phương thức như thế; có lẽ ta nên đi đến để diện kiến đức Thế Tôn là bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy?"

3. Sau đó, Tướng quân Sīha đã đi đến gặp Niganṭha Nāṭaputta,[8] sau khi đến đã đảnh lễ Niganṭha Nāṭaputta rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Tướng quân Sīha đã nói với Niganṭha Nāṭaputta điều này:

– Thưa ngài, tôi muốn đi đến để diện kiến Sa-môn Gotama.

– Này Sīha, ngươi là người theo thuyết hành động, sao lại đi đến diện kiến Sa-môn Gotama là người thuyết về không hành động? Này Sīha, chính Sa-môn Gotama là người thuyết về không hành động, giảng về pháp không hành động và huấn luyện các đệ tử với điều ấy.

Khi ấy, ước muốn đi đến để diện kiến đức Thế Tôn của Tướng quân Sīha đã được lắng dịu đi.

4. Đến lần thứ nhì, ...(nt)... Đến lần thứ ba, các vị dòng dõi Licchavi rất nổi tiếng đã tụ hội lại ngồi chung trong nhà hội họp rồi tán thán đức Phật, tán thán Giáo pháp, tán thán Hội chúng bằng nhiều phương thức. Đến lần thứ ba Tướng quân Sīha đã khởi ý điều này: "Không còn nghi ngờ gì nữa, đức Thế Tôn ấy phải là bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác. Chính bởi vì các vị dòng dõi Licchavi rất nổi tiếng này khi tụ hội lại ngồi chung trong nhà hội họp đều tán thán đức Phật, tán thán Giáo pháp, tán thán Hội chúng bằng nhiều phương

[8] Một trong 6 vị đứng đầu 6 nhóm ngoại đạo thời đó (ND).

thức như thế. Những người Nigaṇṭha dầu có được hỏi ý kiến hay không được hỏi ý kiến thì sẽ làm được điều gì đối với ta? Có lẽ ta không cần hỏi ý kiến các Nigaṇṭha và nên đi đến để diện kiến đức Thế Tôn là bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy?"

5. Sau đó, vào lúc xế trưa, Tướng quân Sīha cùng với năm trăm cỗ xe đã rời thành Vesālī để diện kiến đức Thế Tôn. Sau khi đã đi bằng cỗ xe hết khoảng đường dành cho xe, Tướng quân Sīha đã xuống xe rồi làm người bộ hành đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi ngồi xuống một bên, Tướng quân Sīha đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, tôi được nghe rằng: "Sa-môn Gotama là người thuyết về không hành động, giảng về pháp không hành động và huấn luyện các đệ tử với điều ấy." Bạch Ngài, những người nào đã nói như vầy: "Sa-môn Gotama là người thuyết về không hành động, giảng về pháp không hành động và huấn luyện các đệ tử với điều ấy", bạch Ngài, phải chăng những người ấy nói đúng về đức Thế Tôn, không gièm pha đức Thế Tôn với sự sai trái và tuyên bố về pháp phù hợp với pháp [của Ngài] không? Và phải chăng bất cứ người nào sống theo pháp có lời nói hợp với giáo lý đều không phải là đối tượng để chê bai? Bạch Ngài, chúng tôi thật tình không có ý lên án đức Thế Tôn.

6. – Này Sīha, có pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về Ta thì có thể nói rằng: "Sa-môn Gotama là người thuyết về không hành động, giảng về pháp không hành động và huấn luyện các đệ tử với điều ấy."

7. Này Sīha, có pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về Ta thì có thể nói rằng: "Sa-môn Gotama là người thuyết về hành động, giảng về pháp hành động và huấn luyện các đệ tử với điều ấy."

8. Này Sīha, có pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về Ta thì có thể nói rằng: "Sa-môn Gotama là người thuyết về đoạn diệt, giảng về pháp đoạn diệt và huấn luyện các đệ tử với điều ấy."

9. Này Sīha, có pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về Ta thì có thể nói rằng: "Sa-môn Gotama là người có sự ghê tởm, giảng về pháp ghê tởm và huấn luyện các đệ tử với điều ấy."

10. Này Sīha, có pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về Ta thì có thể nói rằng: "Sa-môn Gotama là người cách ly, giảng về pháp cách ly và huấn luyện các đệ tử với điều ấy."

11. Này Sīha, có pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về Ta thì có thể nói rằng: "Sa-môn Gotama là người thiêu đốt, giảng về pháp thiêu đốt và huấn luyện các đệ tử với điều ấy."

12. Này Sīha, có pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về Ta thì có thể nói rằng: "Sa-môn Gotama là người thoát khỏi bào thai, giảng về pháp thoát khỏi bào thai và huấn luyện các đệ tử với điều ấy."

13. Này Sīha, có pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về Ta thì có thể nói rằng: "Sa-môn Gotama là người tự tin, giảng về pháp tự tin và huấn luyện các đệ tử với điều ấy."

14. Này Sīha, thế nào là pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về Ta thì có thể nói rằng: "Sa-môn Gotama là người thuyết về không hành động, giảng về pháp không hành động và huấn luyện các đệ tử với điều ấy"? Này Sīha, bởi vì Ta giảng về không hành động của thân làm ác, của miệng nói ác, của ý nghĩ ác; Ta giảng về không hành động của các pháp ác, bất thiện có nhiều dạng. Này Sīha, đây là pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về Ta thì có thể nói rằng: "Sa-môn Gotama là người thuyết về không hành động, giảng về pháp không hành động và huấn luyện các đệ tử với điều ấy."

15. Này Sīha, thế nào là pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về Ta thì có thể nói rằng: "Sa-môn Gotama là người thuyết về hành động, giảng về pháp hành động và huấn luyện các đệ tử với điều ấy"? Này Sīha, bởi vì Ta giảng về hành động của thân làm thiện, của miệng nói thiện, của ý nghĩ thiện; Ta giảng về hành động của các thiện pháp dưới nhiều dạng. Này Sīha, đây là pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về Ta thì có thể nói rằng: "Sa-môn Gotama là người thuyết về hành động, giảng về pháp hành động và huấn luyện các đệ tử với điều ấy."

16. Này Sīha, thế nào là pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về Ta thì có thể nói rằng: "Sa-môn Gotama là người thuyết về đoạn diệt, giảng về pháp đoạn diệt và huấn luyện các đệ tử với điều ấy"? Này Sīha, bởi vì Ta giảng về sự đoạn diệt của luyến ái, của sân, của si; Ta giảng về sự đoạn diệt của các pháp ác, bất thiện có nhiều dạng. Này Sīha, đây là pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về Ta thì có thể nói rằng: "Sa-môn Gotama là người thuyết về đoạn diệt, giảng về pháp đoạn diệt và huấn luyện các đệ tử với điều ấy."

17. Này Sīha, thế nào là pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về Ta thì có thể nói rằng: "Sa-môn Gotama là người có sự ghê tởm, giảng về pháp ghê tởm và huấn luyện các đệ tử với điều ấy"? Này Sīha, bởi vì Ta ghê tởm với việc làm ác của thân, với lời nói ác của miệng, với suy nghĩ ác của ý; Ta giảng pháp về điều ghê tởm trong sự tạo thành các pháp ác, bất thiện có nhiều dạng. Này Sīha, đây là pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về Ta thì có thể nói rằng: "Sa-môn Gotama là người có sự ghê tởm, giảng về pháp ghê tởm và huấn luyện các đệ tử với điều ấy."

18. Này Sīha, thế nào là pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về Ta thì có thể nói rằng: "Sa-môn Gotama là người cách ly, giảng về pháp cách ly và huấn luyện các đệ tử với điều ấy"? Này Sīha, bởi vì

Ta giảng pháp về sự cách ly đối với luyến ái, đối với sân, đối với si; Ta giảng pháp về sự cách ly đối với các pháp ác, bất thiện có nhiều dạng. Này Sīha, đây là pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về Ta thì có thể nói rằng: "Sa-môn Gotama là người cách ly, giảng về pháp cách ly và huấn luyện các đệ tử với điều ấy."

19. Này Sīha, thế nào là pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về Ta thì có thể nói rằng: "Sa-môn Gotama là người thiêu đốt, giảng về pháp thiêu đốt và huấn luyện các đệ tử với điều ấy"? Này Sīha, Ta giảng về các pháp ác và bất thiện là việc làm ác của thân, lời nói ác của miệng, suy nghĩ ác của ý cần được thiêu đốt. Này Sīha, người nào có các pháp ác và bất thiện cần được thiêu đốt đã được diệt tận, các rễ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị bứng gốc, đã bị làm cho không còn sự sống, không còn các điều kiện sanh khởi trong tương lai; Ta gọi người ấy là "người thiêu đốt." Này Sīha, các pháp ác và bất thiện cần được thiêu đốt của Như Lai đã được diệt tận, các rễ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị bứng gốc, đã bị làm cho không còn sự sống, không còn các điều kiện sanh khởi trong tương lai. Này Sīha, đây là pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về Ta thì có thể nói rằng: "Sa-môn Gotama là người thiêu đốt, giảng về pháp thiêu đốt và huấn luyện các đệ tử với điều ấy."

20. Này Sīha, thế nào là pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về Ta thì có thể nói rằng: "Sa-môn Gotama là người thoát khỏi bào thai, giảng về pháp thoát khỏi bào thai và huấn luyện các đệ tử với điều ấy"? Này Sīha, sự sanh vào bào thai trong ngày vị lai của người nào, tức là sự tái sanh và hiện hữu lần nữa đã được diệt tận, các rễ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị bứng gốc, đã bị làm cho không còn sự sống, không còn các điều kiện sanh khởi trong tương lai; Ta gọi người ấy là "người thoát khỏi bào thai." Này Sīha, sự sanh vào bào thai trong ngày vị lai của Như Lai, tức là sự hiện hữu lần nữa và là sự tái sanh đã được diệt tận, các rễ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị bứng gốc, đã bị làm cho không còn sự sống, không còn các điều kiện sanh khởi trong tương lai. Này Sīha, đây là pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về Ta thì có thể nói rằng: "Sa-môn Gotama là người thoát khỏi bào thai, giảng về pháp thoát khỏi bào thai và huấn luyện các đệ tử với điều ấy."

21. Này Sīha, thế nào là pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về Ta thì có thể nói rằng: "Sa-môn Gotama là người tự tin, giảng về pháp tự tin và huấn luyện các đệ tử với điều ấy"? Này Sīha, bởi vì Ta là người tự tin, Ta giảng về sự tự tin với sự tự tin tối thượng và huấn luyện các đệ tử với điều ấy. Này Sīha, đây là pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về Ta thì có thể nói rằng: "Sa-môn Gotama là người tự tin, giảng về pháp tự tin và huấn luyện các đệ tử với điều ấy."

22. Khi được nói như thế, Tướng quân Sīha đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, thật là tuyệt vời! Bạch Ngài, thật là tuyệt vời! Bạch Ngài, giống như người có thể lật ngửa vật đã được úp lại, mở ra vật đã bị che kín, chỉ đường cho kẻ lạc lối, đem lại cây đèn dầu nơi bóng tối [nghĩ rằng]: "Những ai có mắt sẽ thấy được các hình dáng"; tương tợ như thế, pháp đã được đức Thế Tôn chỉ rõ bằng nhiều phương tiện. Bạch Ngài, con đây xin đi đến nương nhờ đức Thế Tôn, Giáo pháp và Hội chúng Tỳ-khưu. Xin đức Thế Tôn chấp nhận con là nam cư sĩ đã đi đến nương nhờ kể từ hôm nay cho đến trọn đời.

23. – Này Sīha, ông hãy tiến hành việc suy xét. Việc suy xét đối với những người nổi tiếng như ông là tốt đẹp.

– Bạch Ngài, với lời nói này của đức Thế Tôn, con càng thêm hoan hỷ và phấn khởi; bởi vì đức Thế Tôn đã nói với con như vầy: "Này Sīha, ông hãy tiến hành việc suy xét. Việc suy xét đối với những người nổi tiếng như ông là tốt đẹp." Bạch Ngài, bởi vì các ngoại đạo sau khi thâu nhận con làm đệ tử có thể vác cờ đi khắp cả Vesālī [rêu rao] rằng: "Tướng quân Sīha đã trở thành đệ tử của chúng tôi!" thế mà đức Thế Tôn đã nói với con như vầy: "Này Sīha, ông hãy tiến hành việc suy xét. Việc suy xét đối với những người nổi tiếng như ông là tốt đẹp." Bạch Ngài, lần thứ nhì con đây xin đi đến nương nhờ đức Thế Tôn, Giáo pháp và Hội chúng Tỳ-khưu. Xin đức Thế Tôn chấp nhận con là nam cư sĩ đã đi đến nương nhờ kể từ hôm nay cho đến trọn đời.

24. – Này Sīha, lâu nay gia đình ông là nguồn nước cho những người Nigaṇṭha, vì thế đối với những người ấy, ông nên suy nghĩ đến vật thực cần được bố thí khi họ đi đến.

– Bạch Ngài, với lời nói này của đức Thế Tôn, con càng thêm hoan hỷ và phấn khởi bởi vì đức Thế Tôn đã nói với con như vầy: "Này Sīha, lâu nay gia đình ông là nguồn nước cho những người Nigaṇṭha, vì thế đối với những người ấy, ông nên suy nghĩ đến vật thực cần được bố thí khi họ đi đến."

25. Bạch Ngài, con đã được nghe điều này, Sa-môn Gotama đã nói như vầy: "Vật bố thí chỉ nên dâng đến Ta thôi, vật bố thí không nên dâng đến những người khác. Vật bố thí chỉ nên dâng đến các đệ tử của Ta thôi, vật bố thí không nên dâng đến các đệ tử của những người khác. Đã dâng đến riêng Ta thôi thì có quả báo lớn, đã dâng đến những người khác thì không có quả báo lớn. Đã dâng đến các đệ tử của Ta thôi thì có quả báo lớn, đã dâng đến các đệ tử của những người khác thì không có quả báo lớn", thế mà đức Thế Tôn lại khuyến khích con việc bố thí cho những người Nigaṇṭha. Bạch Ngài, tuy nhiên, trong trường hợp này, chúng con sẽ biết thời điểm. Bạch Ngài, lần thứ ba con đây xin đi đến nương nhờ đức Thế Tôn, Giáo pháp và Hội chúng Tỳ-khưu. Xin đức Thế Tôn chấp nhận con là nam cư sĩ đã đi đến nương nhờ kể từ hôm nay cho đến trọn đời.

26. Sau đó, đức Thế Tôn đã thuyết pháp theo thứ lớp đến Tướng quân Sīha. Tức là Ngài đã giảng giải bài thuyết về bố thí, bài thuyết về giới cấm, bài thuyết về cõi trời; sự tai hại, sự thấp kém, sự ô nhiễm của các dục, sự lợi ích của việc xuất ly. Khi đức Thế Tôn biết được Tướng quân Sīha có tâm đã sẵn sàng, dễ uốn nắn, không còn chướng ngại, hướng thượng, tịnh tín, Ngài đã phô bày pháp thuyết giảng đã được chư Phật khai mở là khổ, tập, diệt, đạo. Cũng giống như tấm vải đã được làm sạch, không còn vết nhơ, có thể nhuộm màu một cách toàn vẹn; tương tợ như thế, ngay tại chỗ ngồi ấy, pháp nhãn không nhiễm bụi trần, không vết nhơ đã sanh khởi đến Tướng quân Sīha: "Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt."

27. Sau đó, khi đã thấy được pháp, đã thành tựu được pháp, đã hiểu được pháp, đã thấm nhuần pháp, hoài nghi đã không còn, sự lưỡng lự đã dứt hẳn, đã thành tựu niềm tin vào giáo pháp của bậc Đạo sư, không còn cần sự trợ duyên của người khác, Tướng quân Sīha đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn và hội chúng Tỳ-khưu nhận lời bữa trai phạn của con vào ngày mai.

Đức Thế Tôn đã nhận lời bằng thái độ im lặng. Khi ấy, Tướng quân Sīha hiểu được sự nhận lời của đức Thế Tôn nên đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiễu quanh rồi ra đi.

28. Sau đó, Tướng quân Sīha đã ra lệnh cho người đàn ông nọ rằng:

– Này ngươi, hãy đi và tìm [mua] loại thịt đã được làm sẵn.

Sau đó, khi trải qua đêm ấy, Tướng quân Sīha đã cho chuẩn bị sẵn sàng thức ăn hảo hạng loại cứng, loại mềm, rồi cho người thông báo thời giờ đến đức Thế Tôn:

– Bạch Ngài, đã đến giờ, thức ăn đã chuẩn bị xong.

Khi ấy, vào buổi sáng, đức Thế Tôn đã mặc y, cầm y bát, rồi đi đến tư dinh của Tướng quân Sīha, sau khi đến đã ngồi xuống ở chỗ ngồi được sắp đặt sẵn cùng với hội chúng Tỳ-khưu.

29. Vào lúc bấy giờ, có nhiều người Niganṭha, từ đường phố [này] đến đường phố [khác], từ giao lộ [này] đến giao lộ [khác], huơ tay kêu gào rằng: "Hôm nay, Tướng quân Sīha đã giết con thú lớn và làm bữa trai phạn cho Sa-môn Gotama. Sa-môn Gotama trong khi biết điều ấy, vẫn thọ dụng thịt đã được làm có liên quan [đến mình]; [đó là] nghiệp có tính cách liên đới."

30. Sau đó, có người đàn ông nọ đã đi đến gặp Tướng quân Sīha, sau khi đến đã thì thầm vào tai của Tướng quân Sīha rằng:

– Thưa Tướng quân, ngài có biết không? Những người Niganṭha ấy, từ đường phố [này] đến đường phố [khác], từ giao lộ [này] đến giao lộ [khác], huơ tay kêu gào rằng: "Hôm nay, Tướng quân Sīha đã giết con thú lớn và đã làm bữa trai phạn cho Sa-môn Gotama. Sa-môn Gotama trong khi biết điều ấy, vẫn

thọ dụng thịt đã được làm có liên quan [đến mình]; [đó là] nghiệp có tính cách liên đới."

31. – Ông bạn ơi, thôi đi! Đã từ lâu nay, các ngài Đại đức ấy có ý muốn phỉ báng đức Phật, có ý muốn phỉ báng Giáo pháp, có ý muốn phỉ báng Hội chúng. Nhưng các ngài Đại đức ấy không lượng sức, phí công, láo khoét, trong khi vu khống với điều không thật mà vẫn không làm tổn hại được đức Thế Tôn ấy. Và chúng tôi, cho dầu vì lý do sống còn, cũng không cố ý tước đoạt mạng sống của chúng sanh.

32. Sau đó, Tướng quân Sīha đã tự tay làm hài lòng và toại ý hội chúng Tỳ-khưu có đức Phật đứng đầu, với thức ăn hảo hạng loại cứng, loại mềm. Đến khi đức Thế Tôn đã thọ thực xong, có bàn tay đã rời khỏi bình bát, Tướng quân Sīha đã ngồi xuống một bên. Khi Tướng quân Sīha đã ngồi xuống một bên, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi cho Tướng quân Sīha bằng bài pháp thoại, rồi đã từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

33. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, trong khi biết thịt được làm [giết] có liên quan [đến bản thân] thì không nên thọ dụng; vị nào thọ dụng thì phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [thọ dụng] cá và thịt có được ba điều tuyệt đối thanh tịnh: Không được thấy, không được nghe, không nghi ngờ.[9]

34. Vào lúc bấy giờ, thành Vesālī có sự sung túc về vật thực, các vụ mùa tốt đẹp, vật thực kiếm được dễ dàng, sự sinh sống được dễ dàng bằng sự mót nhặt hoặc sự tốt bụng [của người khác].

35. Vào lúc bấy giờ, đức Thế Tôn trong lúc thiền tịnh ở nơi thanh vắng có ý nghĩ suy tầm như vầy đã sanh khởi: "Những điều gì mà Ta đã cho phép các Tỳ-khưu trong lúc khó khăn về vật thực, mùa màng bị thất thu, vật thực kiếm được khó khăn như là [vật thực] đã được tích trữ ở bên trong [khuôn viên], đã được nấu ở bên trong [khuôn viên], đã được tự mình nấu, do việc thọ lãnh [trái cây] đã được nhặt lên, [vật thực] đã được đem lại từ chỗ đã ăn xong, đã được thọ lãnh trước bữa ăn, đã được mọc ở rừng, đã được mọc ở hồ nước, phải chăng ngay cả hôm nay, các Tỳ-khưu vẫn còn thọ dụng những thứ ấy?"

36. Sau đó, vào lúc chiều tối, khi xuất khỏi thiền tịnh, đức Thế Tôn đã bảo Đại đức Ānanda rằng:

– Này Ānanda, những điều gì mà Ta đã cho phép các Tỳ-khưu trong lúc khó khăn về vật thực, mùa màng bị thất thu, vật thực kiếm được khó khăn như là [vật thực] đã được tích trữ ở bên trong [khuôn viên], đã được nấu ở bên trong [khuôn viên], đã được tự mình nấu, do việc thọ lãnh [trái cây] đã được nhặt lên,

[9] Nếu cá và thú ấy bị giết với sự xác định là sẽ làm thức ăn cho một cá nhân nào đó thọ dụng thì cá nhân người ấy không nên ăn (ND).

đã được đem lại từ chỗ đã ăn xong, đã được thọ lãnh trước bữa ăn, đã được mọc ở rừng, đã được mọc ở hồ nước, phải chăng ngay cả hôm nay, các Tỳ-khưu vẫn còn thọ dụng những thứ ấy?

– Bạch đức Thế Tôn, các vị vẫn thọ dụng.

37. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, những điều gì mà Ta đã cho phép các Tỳ-khưu trong lúc khó khăn về vật thực, mùa màng bị thất thu, vật thực kiếm được khó khăn như là [vật thực] đã được tích trữ ở bên trong [khuôn viên], đã được nấu ở bên trong [khuôn viên], đã được tự mình nấu, do việc thọ lãnh [trái cây] đã được nhặt lên, [vật thực] đã được đem lại từ chỗ đã ăn xong, đã được thọ lãnh trước bữa ăn, đã được mọc ở rừng, đã được mọc ở hồ nước, kể từ hôm nay Ta hủy bỏ những điều ấy. Này các Tỳ-khưu, không nên thọ dụng [vật thực] đã được tích trữ ở bên trong [khuôn viên], đã được nấu ở bên trong [khuôn viên], đã được tự mình nấu, do việc thọ lãnh [trái cây] đã được nhặt lên; vị nào thọ dụng thì phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, không nên thọ dụng [vật thực] đã được đem lại từ chỗ đã ăn xong, đã được thọ lãnh trước bữa ăn, đã được mọc ở rừng, đã được mọc ở hồ nước; vị nào thọ dụng thì nên được hành xử theo pháp.

38. Vào lúc bấy giờ, dân chúng trong xứ sở cho người chất lên các xe hàng nhiều muối, dầu ăn, gạo lức và vật thực loại cứng rồi đánh xe quây thành vòng tròn ở phía bên ngoài cổng lớn của tu viện và chờ đợi [nghĩ rằng]: "Khi nào chúng tôi nhận được phiên, chúng tôi sẽ thực hiện bữa trai phạn." Và có đám mây đen lớn kéo đến.

39. Khi ấy, những người ấy đã đi đến gặp Đại đức Ānanda, sau khi đến đã nói với Đại đức Ānanda điều này:

– Thưa ngài Ānanda, ở đây, nhiều muối, dầu ăn, gạo lức và vật thực loại cứng đã được chất trong các xe hàng và chúng đang còn đó. Giờ có đám mây đen lớn kéo đến. Thưa ngài Ānanda, vậy chúng tôi nên thực hành như thế nào?

40. Khi ấy, Đại đức Ānanda đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này Ānanda, như thế thì hội chúng hãy chỉ định trú xá ở ven rào là khu vực làm thành được phép; hãy tích trữ vật mà hội chúng mong muốn ở nơi ấy, [có thể] là trú xá, hoặc nhà một mái, hoặc tòa nhà dài, hoặc khu nhà lớn, hoặc hang động. Và này các Tỳ-khưu, nên được chỉ định như vầy: Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực:

"Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên chỉ định trú xá tên [như vầy] là khu vực làm thành được phép. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Hội chúng chỉ định trú xá tên [như vầy] là khu vực làm thành được phép. Đại đức nào đồng ý việc chỉ

định trú xá tên [như vầy] là khu vực làm thành được phép xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Trú xá tên [như vầy] đã được hội chúng chỉ định là khu vực làm thành được phép. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

41. Vào lúc bấy giờ, ngay tại chỗ đã được chỉ định là khu vực làm thành được phép, dân chúng nấu các loại cháo, nấu các món thức ăn, chuẩn bị các món súp, băm các thứ thịt, chẻ những thanh củi.

42. Sau khi thức dậy trong đêm vào lúc hừng sáng, đức Thế Tôn đã nghe tiếng ồn ào, tiếng ầm ĩ, tiếng kêu của những con quạ, sau khi nghe đã hỏi Đại đức Ānanda rằng:

– Này Ānanda, tiếng ồn ào, tiếng ầm ĩ ấy, tiếng kêu của những con quạ là gì vậy?

– Bạch Ngài, hiện nay dân chúng nấu các loại cháo, nấu các món thức ăn, chuẩn bị các món súp, băm các thứ thịt, chẻ những thanh củi ngay tại chỗ đã được chỉ định là khu vực làm thành được phép; bạch Thế Tôn, đó chính là tiếng ồn ào, tiếng ầm ĩ, tiếng kêu của những con quạ.

43. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, không nên sử dụng khu vực làm thành được phép đã được chỉ định; vị nào sử dụng thì phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép ba loại khu vực làm thành được phép là loại do sự công bố, loại do sự ngẫu nhiên và loại có liên quan gia chủ.

44. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Yasoja bị bệnh. Các dược phẩm thuộc về nhu cầu của vị ấy được mang đến. Các vị Tỳ-khưu đã tích trữ chúng ở bên ngoài [khuôn viên]. Các con thú hoang đã ăn đi. Những kẻ trộm đã lấy đi. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép sử dụng khu vực làm thành được phép đã được chỉ định. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép bốn loại khu vực làm thành được phép là loại do sự công bố, loại do sự ngẫu nhiên, loại có liên quan đến gia chủ và loại đã được chỉ định.

Tụng phẩm Sīha là thứ tư.

*****

1. Vào lúc bấy giờ, gia chủ Meṇḍaka cư ngụ ở thành phố Bhaddiya. Vị ấy có năng lực thần thông như vầy: Sau khi gội rửa đầu và bảo người quét kho lúa rồi, vị ấy ngồi xuống ở bên ngoài cánh cửa thì có trận mưa thóc từ trên trời rơi xuống và làm ngập đầy kho lúa.

2. Người vợ có năng lực thần thông như vầy: Sau khi ngồi xuống bên cạnh cái tô bằng kim loại dung tích chỉ một *āḷhaka* và có một phần súp, nàng phân phát thức ăn cho nô tỳ, người làm công và người hầu; cho đến khi nào nàng chưa đứng dậy thì cái tô vẫn không hết.

3. Cậu con trai có năng lực thần thông như vầy: Sau khi cầm cái túi chứa chỉ một ngàn đồng, cậu ta trả lương sáu tháng cho nô tỳ, người làm công và người hầu; cho đến khi nào cái túi còn ở trong tay của cậu ta thì cái túi vẫn không cạn [tiền].

4. Cô con dâu có năng lực thần thông như vầy: Sau khi ngồi xuống bên cạnh chỉ một cái giỏ có dung tích bốn *doṇi*, nàng cho nô tỳ, người làm công và người hầu lương thực sáu tháng; cho đến khi nào nàng chưa đứng dậy thì cái giỏ vẫn không cạn.

5. Người tớ trai có năng lực thần thông như vầy: Khi anh ta kéo cày một đường thì bảy luống cày xuất hiện.

6. Đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã nghe rằng: "Nghe nói trong vương quốc của chúng ta có gia chủ Meṇḍaka cư ngụ ở thành phố Bhaddiya. Vị ấy có năng lực thần thông như vầy: Sau khi gội rửa đầu và bảo người quét kho lúa rồi vị ấy ngồi xuống ở bên ngoài cánh cửa thì có trận mưa thóc từ trên trời rơi xuống và làm ngập đầy kho lúa. Người vợ có năng lực thần thông như vầy: Sau khi ngồi xuống bên cạnh cái tô bằng kim loại dung tích chỉ một *āḷhaka* và có một phần súp, nàng phân phát thức ăn cho nô tỳ, người làm công và người hầu; cho đến khi nào nàng chưa đứng dậy thì cái tô vẫn không hết. Cậu con trai có năng lực thần thông như vầy: Sau khi cầm cái túi chứa chỉ một ngàn đồng, cậu ta trả lương sáu tháng cho nô tỳ, người làm công và người hầu; cho đến khi nào cái túi còn ở trong tay của cậu ta thì cái túi vẫn không cạn [tiền]. Cô con dâu có năng lực thần thông như vầy: Sau khi ngồi xuống bên cạnh chỉ một cái giỏ có dung tích bốn *doṇi*, nàng cho nô tỳ, người làm công và người hầu lương thực sáu tháng; cho đến khi nào nàng chưa đứng dậy thì cái giỏ vẫn không cạn. Người tớ trai có năng lực thần thông như vầy: Khi anh ta kéo cày một đường thì bảy luống cày xuất hiện."

7. Khi ấy, đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã bảo viên quan đại thần nọ là vị tổng quản rằng:

– Này khanh, nghe nói trong vương quốc của chúng ta có gia chủ Meṇḍaka cư ngụ ở thành phố Bhaddiya. Vị ấy có năng lực thần thông như vầy: Sau khi gội rửa đầu và bảo người quét kho lúa rồi vị ấy ngồi xuống ở bên ngoài cánh cửa thì có trận mưa thóc từ trên trời rơi xuống và làm ngập đầy kho lúa. Người vợ ...(nt)... Cậu con trai ...(nt)... Cô con dâu ...(nt)... Người tớ trai có năng lực thần thông như vầy: Khi anh ta kéo cày một đường thì bảy luống cày xuất hiện. Này khanh, hãy đi! Hãy biết rằng đích thân trẫm xem xét như thế nào thì ngươi sẽ xem xét như thế ấy!

8. – Tâu Đại vương, xin tuân lệnh!

Rồi viên quan đại thần ấy nghe theo đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha cùng với đội quân gồm bốn loại binh chủng đã khởi hành đi thành phố Bhaddiya, tuần tự đã đến thành phố Bhaddiya gặp gia chủ Meṇḍaka, sau khi đến đã nói với gia chủ Meṇḍaka điều này:

– Này gia chủ, chính ta đã được đức vua ra lệnh rằng: "Này khanh, nghe nói trong vương quốc của chúng ta có gia chủ Meṇḍaka cư ngụ ở thành phố Bhaddiya. Vị ấy có năng lực thần thông như vầy: Sau khi gội rửa đầu và bảo người quét kho lúa, rồi vị ấy ngồi xuống ở bên ngoài cánh cửa thì có trận mưa thóc từ trên trời rơi xuống và làm ngập đầy kho lúa. ...(nt)... Người tớ trai có năng lực thần thông như vầy: Khi anh ta kéo cày một đường thì bảy luống cày xuất hiện. Này khanh, hãy đi và tìm hiểu. Đích thân trẫm xem xét như thế nào thì ngươi sẽ xem xét như thế ấy." Này gia chủ, hãy cho chúng ta nhìn thấy năng lực thần thông của ngươi.

9. Khi ấy, gia chủ Meṇḍaka đã gội rửa đầu và bảo người quét kho lúa rồi ngồi xuống ở bên ngoài cánh cửa thì có trận mưa thóc từ trên trời rơi xuống và làm ngập đầy kho lúa.

10. – Này gia chủ, năng lực thần thông của ngươi đã được nhìn thấy. Chúng ta hãy xem năng lực thần thông của vợ ngươi.

Khi ấy, gia chủ Meṇḍaka đã ra lệnh cho người vợ rằng:

– Như vậy thì nàng hãy phân phát thức ăn cho đội quân gồm bốn loại binh chủng đi.

Khi ấy, sau khi ngồi xuống bên cạnh cái tô bằng kim loại dung tích chỉ một *āḷhaka* và có một phần súp, người vợ của gia chủ Meṇḍaka đã phân phát thức ăn cho đội quân gồm bốn loại binh chủng; cho đến khi nào nàng chưa đứng dậy thì cái tô vẫn không hết.

11. – Này gia chủ, năng lực thần thông của vợ ngươi đã được nhìn thấy. Chúng ta hãy xem năng lực thần thông của con trai ngươi.

Khi ấy, gia chủ Meṇḍaka đã ra lệnh cho người con trai rằng:

– Như vậy thì con hãy trả lương sáu tháng cho đội quân gồm bốn loại binh chủng đi.

Khi ấy, sau khi cầm một cái túi chứa chỉ một ngàn đồng, người con trai của gia chủ Meṇḍaka đã trả lương sáu tháng cho đội quân gồm bốn loại binh chủng; cho đến khi nào cái túi còn ở trong tay của cậu ta thì cái túi vẫn không cạn [tiền].

12. – Này gia chủ, năng lực thần thông của con trai ngươi đã được nhìn thấy. Chúng ta hãy xem năng lực thần thông của con dâu ngươi.

Khi ấy, gia chủ Meṇḍaka đã ra lệnh cho người con dâu rằng:

– Như vậy thì con hãy cho đội quân gồm bốn loại binh chủng lương thực sáu tháng đi.

Khi ấy, sau khi ngồi xuống bên cạnh chỉ một cái giỏ có dung tích bốn *doṇi*, người con dâu của gia chủ Meṇḍaka, nàng đã cho đội quân gồm bốn loại binh chủng lương thực sáu tháng; cho đến khi nào nàng chưa đứng dậy thì cái giỏ vẫn không cạn.

13. – Này gia chủ, năng lực thần thông của con dâu ngươi đã được nhìn thấy. Chúng ta hãy xem năng lực thần thông của người tớ trai của ngươi.

– Thưa ngài, năng lực thần thông của người tớ trai của tôi sẽ được nhìn thấy ở ngoài ruộng.

– Này gia chủ, thôi đi. Năng lực thần thông của người tớ trai của ngươi cũng đã được nhìn thấy rồi.

14. Sau đó, viên quan đại thần ấy cùng với đội quân gồm bốn loại binh chủng đã quay trở về lại thành Rājagaha, rồi đi đến gặp đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha, sau khi đến đã trình sự việc ấy lên đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha.

15. Sau đó, khi đã ngự tại thành Vesālī theo như ý thích, đức Thế Tôn đã ra đi, du hành về phía Bhaddiya cùng với đại chúng Tỳ-khưu gồm có một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-khưu.

16. Sau đó, trong khi tuần tự du hành, đức Thế Tôn đã ngự đến Bhaddiya. Tại nơi đó ở Bhaddiya, đức Thế Tôn ngự tại khu rừng Jātiyā.

17. Gia chủ Meṇḍaka đã nghe rằng: "Quả thật Ngài Sa-môn Gotama, con trai dòng Sakya, từ dòng dõi Sakya đã xuất gia, nay đã ngự đến Bhaddiya và ngụ tại khu rừng Jātiyā. Tiếng đồn tốt đẹp về Ngài Gotama ấy đã được lan rộng ra như vầy: Đức Thế Tôn ấy là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Tối Thượng Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Với thắng trí của mình, vị ấy chứng ngộ và công bố về thế gian này tính luôn cõi chư thiên, cho đến dòng dõi Sa-môn, Bà-la-môn, các hạng chư thiên và loài người. Vị ấy thuyết giảng pháp toàn hảo ở đoạn đầu, toàn hảo ở đoạn giữa và toàn hảo ở đoạn kết, thành tựu về ý nghĩa, thành tựu về văn tự, giảng giải về Phạm hạnh thanh tịnh một cách trọn vẹn và đầy đủ. Tốt thay cho việc diện kiến các vị A-la-hán như thế ấy."

18. Sau đó, gia chủ Meṇḍaka đã cho thắng [ngựa vào] những cỗ xe vô cùng lộng lẫy, rồi bước lên cỗ xe lộng lẫy, sau đó rời khỏi Bhaddiya với những cỗ xe vô cùng lộng lẫy để diện kiến đức Thế Tôn.

19. Nhiều du sĩ ngoại đạo đã nhìn thấy gia chủ Meṇḍaka từ đàng xa đang đi lại, sau khi nhìn thấy đã nói với gia chủ Meṇḍaka điều này:

– Này gia chủ, ngươi đi đâu vậy?

– Thưa các ngài, tôi đi để diện kiến đức Thế Tôn là Sa-môn Gotama.

– Này gia chủ, ngươi là người theo thuyết hành động, sao lại đi đến diện kiến Sa-môn Gotama là người thuyết về không hành động? Này gia chủ, chính

Sa-môn Gotama là người thuyết về không hành động, giảng về pháp không hành động và huấn luyện các đệ tử với điều ấy.

20. Khi ấy, gia chủ Meṇḍaka đã khởi ý điều này: "Theo như cách những người du sĩ ngoại đạo này ganh tị thì quả nhiên không còn nghi ngờ về đức Thế Tôn ấy là bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác." Sau khi đã đi bằng cỗ xe hết khoảng đường dành cho xe, gia chủ Meṇḍaka đã xuống xe rồi làm người bộ hành đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi gia chủ Meṇḍaka đã ngồi xuống một bên, đức Thế Tôn đã thuyết pháp theo thứ lớp đến gia chủ Meṇḍaka. Tức là Ngài đã giảng giải bài thuyết về bố thí, bài thuyết về giới cấm, bài thuyết về cõi trời; sự tai hại, sự thấp kém, sự ô nhiễm của các dục, sự lợi ích của việc xuất ly.

21. Khi đức Thế Tôn biết được gia chủ Meṇḍaka có tâm đã sẵn sàng, dễ uốn nắn, không còn chướng ngại, hướng thượng, tịnh tín, Ngài đã phô bày pháp thuyết giảng đã được chư Phật khai mở là khổ, tập, diệt, đạo. Cũng giống như tấm vải đã được làm sạch, không còn vết nhơ, có thể nhuộm màu một cách toàn vẹn; tương tợ như thế, ngay tại chỗ ngồi ấy, pháp nhãn không nhiễm bụi trần, không vết nhơ đã sanh khởi đến gia chủ Meṇḍaka: "Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt."

22. Sau đó, khi đã thấy được pháp, đã thành tựu được pháp, đã hiểu được pháp, đã thấm nhuần pháp, hoài nghi đã không còn, sự lưỡng lự đã dứt hẳn, đã thành tựu niềm tin vào giáo pháp của bậc Đạo sư, không còn cần sự trợ duyên của người khác, gia chủ Meṇḍaka đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, thật là tuyệt vời! Bạch Ngài, thật là tuyệt vời! Bạch Ngài, giống như người có thể lật ngửa vật đã được úp lại, mở ra vật đã bị che kín, chỉ đường cho kẻ lạc lối, đem lại cây đèn dầu nơi bóng tối [nghĩ rằng]: "Những ai có mắt sẽ thấy được các hình dáng"; tương tợ như thế, pháp đã được đức Thế Tôn chỉ rõ bằng nhiều phương tiện. Bạch Ngài, con đây xin đi đến nương nhờ đức Thế Tôn, Giáo pháp và Hội chúng Tỳ-khưu. Xin đức Thế Tôn chấp nhận con là nam cư sĩ đã đi đến nương nhờ kể từ hôm nay cho đến trọn đời. Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn nhận lời con về bữa trai phạn vào ngày mai cùng với hội chúng Tỳ-khưu.

Đức Thế Tôn đã nhận lời bằng thái độ im lặng. Khi ấy, gia chủ Meṇḍaka hiểu được sự nhận lời của đức Thế Tôn nên đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiễu quanh rồi ra đi.

23. Sau đó, khi trải qua đêm ấy, gia chủ Meṇḍaka đã cho chuẩn bị sẵn sàng thức ăn hảo hạng loại cứng, loại mềm rồi cho người thông báo thời giờ đến đức Thế Tôn:

– Bạch Ngài, đã đến giờ, thức ăn đã chuẩn bị xong.

24. Khi ấy vào buổi sáng, đức Thế Tôn đã mặc y, cầm y bát, rồi đi đến tư gia của gia chủ Meṇḍaka, sau khi đến đã ngồi xuống ở chỗ ngồi được sắp đặt sẵn cùng với hội chúng Tỳ-khưu.

25. Sau đó, người vợ của gia chủ Meṇḍaka cùng với con trai, con dâu và người tớ trai đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn đã thuyết pháp theo thứ lớp đến những người ấy. Tức là Ngài đã giảng giải bài thuyết về bố thí, bài thuyết về giới cấm, bài thuyết về cõi trời; sự tai hại, sự thấp kém, sự ô nhiễm của các dục, sự lợi ích của việc xuất ly.

26. Khi đức Thế Tôn biết được những người ấy có tâm đã sẵn sàng, dễ uốn nắn, không còn chướng ngại, hướng thượng, tịnh tín, Ngài đã phô bày pháp thuyết giảng đã được chư Phật khai mở là khổ, tập, diệt, đạo. Cũng giống như tấm vải đã được làm sạch, không còn vết nhơ, có thể nhuộm màu một cách toàn vẹn; tương tợ như thế, ngay tại chỗ ngồi ấy, pháp nhãn không nhiễm bụi trần, không vết nhơ đã sanh khởi đến những người ấy: "Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt."

27. Khi đã thấy được pháp, đã thành tựu được pháp, đã hiểu được pháp, đã thấm nhuần pháp, hoài nghi đã không còn, sự lưỡng lự đã dứt hẳn, đã thành tựu niềm tin vào giáo pháp của bậc Đạo sư, không còn cần sự trợ duyên của người khác, những người ấy đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, thật là tuyệt vời! Bạch Ngài, thật là tuyệt vời! Bạch Ngài, giống như người có thể lật ngửa vật đã được úp lại, mở ra vật đã bị che kín, chỉ đường cho kẻ lạc lối, đem lại cây đèn dầu nơi bóng tối [nghĩ rằng]: "Những ai có mắt sẽ thấy được các hình dáng"; tương tợ như thế, pháp đã được đức Thế Tôn chỉ rõ bằng nhiều phương tiện. Bạch Ngài, chúng con đây xin đi đến nương nhờ đức Thế Tôn, Giáo pháp và Hội chúng Tỳ-khưu. Xin đức Thế Tôn chấp nhận chúng con là những cư sĩ đã đi đến nương nhờ kể từ hôm nay cho đến trọn đời.

28. Sau đó, gia chủ Meṇḍaka đã tự tay làm hài lòng và toại ý hội chúng Tỳ-khưu có đức Phật đứng đầu, với thức ăn hảo hạng loại cứng, loại mềm. Đến khi đức Thế Tôn đã thọ thực xong, bàn tay đã rời khỏi bình bát, gia chủ Meṇḍaka đã ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, gia chủ Meṇḍaka đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, con xin dâng vật thực thường xuyên đến hội chúng Tỳ-khưu có đức Phật đứng đầu cho đến khi nào đức Thế Tôn còn ngụ tại Bhaddiya.

Khi ấy, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi cho gia chủ Meṇḍaka bằng bài pháp thoại rồi đã từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

29. Sau đó, khi đã ngự tại Bhaddiya theo như ý thích, đức Thế Tôn không thông báo cho gia chủ Meṇḍaka rồi đã ra đi, du hành về phía Aṅguttarāpa cùng với đại chúng Tỳ-khưu gồm có một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-khưu.

30. Gia chủ Meṇḍaka đã nghe rằng: "Nghe nói đức Thế Tôn đang đi du hành về phía Aṅguttarāpa cùng với đại chúng Tỳ-khưu gồm có một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-khưu."

31. Khi ấy, gia chủ Meṇḍaka đã ra lệnh cho những người nô lệ và những người làm công rằng:

– Này các người, như thế thì hãy chất lên các xe hàng nhiều muối, dầu ăn, gạo lức và vật thực loại cứng rồi hãy đi đến. Và một ngàn hai trăm năm mươi người chăn bò hãy lấy ra một ngàn hai trăm năm mươi con bò cái rồi hãy đi đến. Nơi nào chúng ta gặp được đức Thế Tôn, chúng ta sẽ dâng sữa tươi để [Ngài] thọ dụng.

32. Sau đó, gia chủ Meṇḍaka đã gặp được đức Thế Tôn ở khu rừng vắng trên đường đi. Khi ấy, gia chủ Meṇḍaka đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi đứng một bên. Khi đã đứng một bên, gia chủ Meṇḍaka đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn nhận lời con về bữa trai phạn vào ngày mai cùng với hội chúng Tỳ-khưu.

Đức Thế Tôn đã nhận lời bằng thái độ im lặng. Khi ấy, gia chủ Meṇḍaka hiểu được sự nhận lời của đức Thế Tôn nên đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiễu quanh rồi ra đi.

33. Sau đó, khi trải qua đêm ấy, gia chủ Meṇḍaka đã cho chuẩn bị sẵn sàng thức ăn hảo hạng, loại cứng, loại mềm rồi cho người thông báo thời giờ đến đức Thế Tôn:

– Bạch Ngài, đã đến giờ, thức ăn đã chuẩn bị xong.

34. Khi ấy vào buổi sáng, đức Thế Tôn đã mặc y, cầm y bát, rồi đi đến chỗ cúng dường thức ăn của gia chủ Meṇḍaka, sau khi đến đã ngồi xuống ở chỗ ngồi được sắp đặt sẵn cùng với hội chúng Tỳ-khưu.

35. Khi ấy, gia chủ Meṇḍaka đã ra lệnh cho một ngàn hai trăm năm mươi người chăn bò rằng:

– Này các người, như vậy thì hãy dắt mỗi một con bò cái đến đứng gần mỗi một vị Tỳ-khưu. Chúng ta sẽ dâng sữa tươi để [các vị] thọ dụng.

36. Khi ấy, gia chủ Meṇḍaka đã tự tay làm hài lòng và toại ý hội chúng Tỳ-khưu có đức Phật đứng đầu với thức ăn hảo hạng loại cứng, loại mềm và sữa tươi. Các vị Tỳ-khưu trong lúc ngần ngại, không thọ lãnh sữa.

– Này các Tỳ-khưu, hãy thọ lãnh và hãy thọ dụng.

37. Sau đó, gia chủ Meṇḍaka đã tự tay làm hài lòng và toại ý hội chúng Tỳ-khưu có đức Phật đứng đầu với thức ăn hảo hạng loại cứng, loại mềm và sữa tươi. Đến khi đức Thế Tôn đã thọ thực xong, có bàn tay đã rời khỏi bình bát, gia chủ Meṇḍaka đã ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, gia chủ Meṇḍaka đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, có những con đường, những khu rừng vắng, ít nước, ít vật thực, công việc không được thuận tiện nếu đi không có vật thực đi đường. Bạch Ngài, tốt thay xin đức Thế Tôn hãy cho phép vật thực đi đường đến các vị Tỳ-khưu.

Khi ấy, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi cho gia chủ Meṇḍaka bằng bài pháp thoại rồi đã từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

38. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép năm sản phẩm từ bò là sữa tươi, sữa đông, sữa bơ, bơ đặc, bơ lỏng. Này các Tỳ-khưu, có những con đường, những khu rừng vắng, ít nước, ít vật thực, công việc không được thuận tiện nếu đi không có vật thực đi đường. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép tầm cầu vật thực đi đường là gạo lức với vị có nhu cầu về gạo lức, đậu mugga với vị có nhu cầu về đậu mugga, đậu māsa với vị có nhu cầu về đậu māsa, muối với vị có nhu cầu về muối, đường với vị có nhu cầu về đường, dầu ăn với vị có nhu cầu về dầu ăn, bơ lỏng với vị có nhu cầu về bơ lỏng. Này các Tỳ-khưu, có những người dân có niềm tin, mộ đạo, những người này để tiền vàng ở tay của người làm thành được phép [nói rằng]: "Hãy dâng đến ngài Đại đức vật đã làm trở thành được phép từ vật này." Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép chấp nhận vật đã làm trở thành được phép từ điều ấy, nhưng này các Tỳ-khưu, Ta không nói rằng: "Vàng và bạc có thể được chấp nhận, có thể được tầm cầu bởi bất cứ cách thức nào."

39. Sau đó, trong khi tuần tự du hành, đức Thế Tôn đã ngự đến Āpaṇa. Đạo sĩ bện tóc Keṇiya đã nghe rằng: "Quả thật Ngài Sa-môn Gotama, con trai dòng Sakya, từ dòng dõi Sakya đã xuất gia, nay đã ngự đến Bhaddiya và ngụ tại Āpaṇa. Tiếng đồn tốt đẹp về Ngài Gotama ấy đã được lan rộng ra như vầy: Đức Thế Tôn ấy là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Tối Thượng Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Với thắng trí của mình, vị ấy chứng ngộ và công bố về thế gian này tính luôn cõi chư Thiên, cõi Ma vương, cõi Phạm thiên, cho đến dòng dõi Sa-môn, Bà-la-môn, các hạng chư thiên và loài người. ...(nt)... Tốt thay cho việc diện kiến các vị A-la-hán như thế ấy."

40. Khi ấy, đạo sĩ bện tóc Keṇiya đã khởi ý điều này: "Ta nên cho người đem đến cho Sa-môn Gotama vật gì đây?" Sau đó, đạo sĩ bện tóc Keṇiya đã khởi ý điều này: "Những người ẩn sĩ trước đây là Bà-la-môn, là những người làm ra chú thuật, là những người sử dụng chú thuật, những người ấy có hình thức chú thuật cổ điển đã được đọc tụng, đã được nói ra, đã được thực hiện mà những người Bà-la-môn hiện nay cũng đọc tụng theo hình thức ấy, nói ra theo hình thức ấy, giảng giải theo điều đã được giảng giải, nói lại điều đã được nói, [các vị ấy] như là Aṭṭaka, Vāmaka, Vāmadeva, Vessāmitta, Yamataggi, Aṅgīrasa, Bhāradvāja, Vāseṭṭha, Kassapa, Bhagu đã không ăn vào buổi tối, đã kiêng cữ việc ăn phi thời, các vị ấy chấp nhận các thức uống như thế này. Sa-môn Gotama cũng không ăn vào buổi tối và kiêng cữ việc ăn phi thời nên Sa-môn Gotama cũng xứng đáng được chấp nhận các thức uống như thế này"

nên đã cho chuẩn bị sẵn sàng nhiều thức uống và cho người đem đi bằng những giỏ mang sau vai, rồi đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã tỏ vẻ thân thiện với đức Thế Tôn, sau khi trao đổi lời xã giao thân thiện rồi đã đứng một bên. Khi đã đứng một bên, đạo sĩ bện tóc Keṇiya đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Xin Ngài Gotama hãy thọ lãnh thức uống của tôi.

– Này Keṇiya, như vậy thì hãy dâng cho các Tỳ-khưu.

Các vị Tỳ-khưu trong lúc ngần ngại, không thọ lãnh.

– Này các Tỳ-khưu, hãy thọ lãnh và hãy thọ dụng.

41. Sau đó, đạo sĩ bện tóc Keṇiya đã tự tay làm hài lòng và toại ý hội chúng Tỳ-khưu có đức Phật đứng đầu với nhiều loại thức uống. Đến khi đức Thế Tôn có cánh tay đã được rửa, bàn tay đã rời khỏi bình bát, đạo sĩ bện tóc Keṇiya đã ngồi xuống một bên. Khi đạo sĩ bện tóc Keṇiya đã ngồi xuống một bên, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi cho đạo sĩ bện tóc Keṇiya bằng bài pháp thoại.

42. Sau đó, khi đã được đức Thế Tôn chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi bằng bài pháp thoại, đạo sĩ bện tóc Keṇiya đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, xin Ngài Gotama hãy nhận lời tôi về bữa trai phạn vào ngày mai cùng với hội chúng Tỳ-khưu.

– Này Keṇiya, hội chúng Tỳ-khưu rất đông, có đến một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-khưu và ngươi đã đặt nhiều niềm tin vào các vị Bà-la-môn.

Đến lần thứ nhì, đạo sĩ bện tóc Keṇiya đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài Gotama, dầu cho hội chúng Tỳ-khưu rất đông, có đến một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-khưu và [dầu cho] tôi đã đặt nhiều niềm tin vào các vị Bà-la-môn, xin Ngài Gotama hãy nhận lời tôi về bữa trai phạn vào ngày mai cùng với hội chúng Tỳ-khưu.

– Này Keṇiya, hội chúng Tỳ-khưu rất đông, có đến một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-khưu và ngươi đã đặt nhiều niềm tin vào các vị Bà-la-môn.

Đến lần thứ ba, đạo sĩ bện tóc Keṇiya đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài Gotama, dầu cho hội chúng Tỳ-khưu rất đông có đến một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-khưu và [dầu cho] tôi đã đặt nhiều niềm tin vào các vị Bà-la-môn, xin Ngài Gotama hãy nhận lời tôi về bữa trai phạn vào ngày mai cùng với hội chúng Tỳ-khưu.

Đức Thế Tôn đã nhận lời bằng thái độ im lặng. Khi ấy, đạo sĩ bện tóc Keṇiya hiểu được sự nhận lời của đức Thế Tôn nên đã từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

43. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do, ấy nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép tám loại thức uống: Nước xoài, nước mận, nước chuối hột, nước chuối không hột, nước mật ong, nước nho, nước ngó sen,

nước dâu. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép tất cả các loại nước cốt trái cây, ngoại trừ nước cốt của ngũ cốc. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép tất cả các loại nước cốt của lá cây, ngoại trừ nước cốt của rau cải nấu chín. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép tất cả các loại nước cốt của bông hoa, ngoại trừ nước cốt của bông cây cam thảo. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép nước cốt của cây mía.

44. Sau đó, khi trải qua đêm ấy, đạo sĩ bện tóc Keṇiya đã cho chuẩn bị sẵn sàng thức ăn hảo hạng loại cứng, loại mềm tại khu ẩn cư của mình, rồi cho người thông báo thời giờ đến đức Thế Tôn:

– Bạch Ngài Gotama, đã đến giờ, thức ăn đã chuẩn bị xong.

Khi ấy, vào buổi sáng, đức Thế Tôn đã mặc y, cầm y bát, rồi đi đến khu ẩn cư của đạo sĩ bện tóc Keṇiya, sau khi đến đã ngồi xuống ở chỗ ngồi được sắp đặt sẵn cùng với hội chúng Tỳ-khưu.

45. Sau đó, đạo sĩ bện tóc Keṇiya đã tự tay làm hài lòng và toại ý hội chúng Tỳ-khưu có đức Phật đứng đầu với thức ăn hảo hạng loại cứng, loại mềm. Đến khi đức Thế Tôn đã thọ thực xong, bàn tay đã rời khỏi bình bát, đạo sĩ bện tóc Keṇiya đã ngồi xuống một bên. Khi đạo sĩ bện tóc Keṇiya đã ngồi xuống một bên, đức Thế Tôn đã nói lời tùy hỷ đến đạo sĩ bện tóc Keṇiya đang ngồi một bên bằng những lời kệ này:

(i) "Các việc cúng tế có sự cúng dường lửa là đứng đầu, kinh cổ Sāvittī là đứng đầu về niêm luật, đức vua là đứng đầu loài người, biển cả đứng đầu các con sông.

(ii) Mặt trăng đứng đầu các vì sao, mặt trời đứng đầu các vật tỏa sáng. Đối với những người mong mỏi phước đang cúng dường thì hội chúng là đứng đầu."

46. Sau đó, khi đã nói lời tùy hỷ đến đạo sĩ bện tóc Keṇiya bằng những lời kệ này, đức Thế Tôn đã từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi. Sau đó, khi đã ngự tại Āpaṇa theo như ý thích, đức Thế Tôn đã ra đi, du hành về phía Kusinārā cùng với đại chúng Tỳ-khưu gồm có một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-khưu.

47. Những người dân Malla ở Kusinārā đã nghe rằng: "Nghe nói đức Thế Tôn đi đến Kusinārā cùng với đại chúng Tỳ-khưu gồm có một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-khưu." Họ đã ra quy định là "ai không thực hiện việc đi ra đón đức Thế Tôn, hình phạt dành cho người này là năm trăm [tiền]."

48. Vào lúc bấy giờ, Roja, người Malla là bạn của Đại đức Ānanda. Sau đó, trong khi tuần tự du hành, đức Thế Tôn đã ngự đến Kusinārā. Khi ấy, những người dân Malla ở Kusinārā đã thực hiện việc đi ra đón đức Thế Tôn.

49. Sau đó, khi đã thực hiện việc đi ra đón đức Thế Tôn, Roja, người Malla đã đi đến gặp Đại đức Ānanda, sau khi đến đã đảnh lễ Đại đức Ānanda rồi đứng một bên. Khi Roja, người Malla đã đứng một bên, Đại đức Ānanda đã nói với Roja, người Malla điều này:

– Này bạn Roja, thật là tuyệt vời khi bạn đã thực hiện việc đi ra đón đức Thế Tôn.

– Thưa ngài Ānanda, tôi không có nhiều niềm tin đối với đức Phật, Giáo pháp hay Hội chúng. Chỉ vì thân quyến đã ra quy định là "ai không thực hiện việc đi ra đón đức Thế Tôn, hình phạt dành cho người này là năm trăm [tiền]." Thưa ngài Ānanda, chính vì nỗi lo sợ về hình phạt của thân quyến nên tôi đã thực hiện việc đi ra đón đức Thế Tôn.

50. Khi ấy, Đại đức Ānanda đã không được hoan hỷ [nghĩ rằng]: "Vì sao Roja, người Malla lại nói như thế?" Sau đó, Đại đức Ānanda đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Đại đức Ānanda đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, Roja này người Malla được nổi tiếng, là người có danh tiếng. Những người có danh tiếng như thế nếu có được niềm tin trong Pháp và Luật này sẽ có sự thuận lợi lớn. Bạch Ngài, thật tốt đẹp thay xin đức Thế Tôn hãy làm như thế nào đó để Roja, người Malla có thể an trú niềm tin vào Pháp và Luật này.

– Này Ānanda, điều ấy không phải là việc khó làm đối với đức Như Lai, như là việc Roja, người Malla có thể an trú niềm tin vào Pháp và Luật này.

51. Sau đó, đức Thế Tôn đã phát ra luồng tâm bác ái đến Roja, người Malla rồi từ chỗ ngồi đứng dậy và đi vào trú xá. Khi ấy, bị xúc chạm bởi luồng tâm bác ái của đức Thế Tôn, cũng giống như con bê con [đi tìm] bò mẹ; tương tợ như thế, Roja, người Malla đi đến trú xá này đến trú xá khác, phòng này đến phòng khác và hỏi các vị Tỳ-khưu rằng:

– Thưa ngài, bây giờ đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy đang ngụ ở đâu vậy, bởi vì chúng tôi có ý muốn diện kiến đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, đấng Chánh Đẳng Giác ấy?

– Này đạo hữu Roja, là trú xá có cánh cửa đóng lại kia. Hãy đi đến với sự nhẹ nhàng và chớ có vượt qua [cánh cửa], hãy bước vào hành lang, đằng hắng và gõ vào thanh cài cửa, rồi đức Thế Tôn sẽ mở cửa cho đạo hữu.

52. Sau đó, Roja, người Malla đã đi đến trú xá có cánh cửa đóng lại kia với sự nhẹ nhàng, không có vượt qua [cánh cửa], rồi bước vào hành lang, đằng hắng và gõ vào thanh cài cửa. Đức Thế Tôn đã mở cánh cửa ra. Khi ấy, Roja, người Malla đã bước vào trú xá, đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi Roja, người Malla đã ngồi xuống một bên, đức Thế Tôn đã thuyết pháp theo thứ lớp đến Roja, người Malla. Tức là Ngài đã giảng giải bài thuyết về bố thí, bài thuyết về giới cấm, bài thuyết về cõi trời; sự tai hại, sự thấp kém, sự ô nhiễm của các dục, sự lợi ích của việc xuất ly.

53. Khi đức Thế Tôn biết được Roja, người Malla có tâm đã sẵn sàng, dễ uốn nắn, không còn chướng ngại, hướng thượng, tịnh tín, Ngài đã phô bày pháp thuyết giảng đã được chư Phật khai mở là khổ, tập, diệt, đạo. Cũng giống như tấm vải đã được làm sạch, không còn vết nhơ, có thể nhuộm màu một cách toàn

vẹn; tương tợ như thế, ngay tại chỗ ngồi ấy, pháp nhãn không nhiễm bụi trần, không vết nhơ đã sanh khởi đến Roja, người Malla: "Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt."

54. Sau đó, khi đã thấy được pháp, đã thành tựu được pháp, đã hiểu được pháp, đã thấm nhuần pháp, hoài nghi đã không còn, sự lưỡng lự đã dứt hẳn, đã thành tựu niềm tin vào giáo pháp của bậc Đạo sư, không còn cần sự trợ duyên của người khác, Roja, người Malla đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, tốt đẹp thay nếu các ngài Đại đức có thể thọ lãnh vật dụng là y phục, vật thực, chỗ trú ngụ và thuốc men trị bệnh của riêng mình con thôi, không phải của người khác.

– Này Roja, nếu những người đã thấy được pháp với trí tuệ của vị Hữu học, với tầm nhìn của vị Hữu học như là ngươi đây thì những người ấy cũng khởi ý như vầy: "Đương nhiên, các ngài Đại đức có thể thọ lãnh vật dụng là y phục, vật thực, chỗ trú ngụ và thuốc men trị bệnh của riêng mình chúng ta thôi, không phải của người khác." Này Roja, chính vì điều ấy các vị [Tỳ-khưu] sẽ thọ lãnh của chính ngươi và của những người khác nữa.

55. Vào lúc bấy giờ, ở Kusinārā, sự dâng vật thực theo tuần tự của các bữa ăn hảo hạng đã được xác lập. Khi ấy, Roja, người Malla đã không nhận được phiên nên đã khởi ý điều này: "Hay là ta nên nhìn xem ở nhà ăn, món gì ở nhà ăn không có thì ta nên chuẩn bị món đó?" Sau đó, Roja, người Malla trong khi nhìn xem ở nhà ăn đã không thấy hai món là rau xanh và bánh bột. Khi ấy, Roja, người Malla đã đi đến gặp Đại đức Ānanda, sau khi đến đã nói với Đại đức Ānanda điều này:

– Thưa ngài Ānanda, ở đây, trong khi tôi không nhận được phiên nên đã khởi ý điều này: "Hay là ta nên nhìn xem ở nhà ăn, món gì ở nhà ăn không có thì ta nên chuẩn bị món đó?" Thưa ngài Ānanda, rồi trong khi nhìn xem ở nhà ăn, tôi đây đã không thấy hai món là rau xanh và bánh bột. Thưa ngài Ānanda, nếu tôi chuẩn bị sẵn sàng rau xanh và bánh bột, đức Thế Tôn có thể nhận lãnh của tôi không?

– Này Roja, như thế thì tôi sẽ hỏi đức Thế Tôn.

56. Sau đó, Đại đức Ānanda đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này Ānanda, như thế thì [Roja] hãy chuẩn bị sẵn sàng.

– Này Roja, như thế thì bạn hãy chuẩn bị sẵn sàng.

57. Sau đó, khi trải qua đêm ấy, Roja, người Malla đã cho chuẩn bị sẵn sàng rau cải và bánh bột, rồi đã đem dâng đến đức Thế Tôn.

– Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn hãy nhận lãnh rau cải và bánh bột.

– Này Roja, như vậy thì hãy dâng cho các vị Tỳ-khưu.

Các vị Tỳ-khưu trong lúc ngần ngại, không thọ lãnh.

– Này các Tỳ-khưu, hãy thọ lãnh và hãy thọ dụng.

58. Sau đó, Roja, người Malla đã tự tay làm hài lòng và toại ý hội chúng Tỳ-khưu có đức Phật đứng đầu với nhiều rau cải và bánh bột. Đến khi đức Thế Tôn có cánh tay đã được rửa, bàn tay đã rời khỏi bình bát, Roja, người Malla đã ngồi xuống một bên. Khi Roja, người Malla đã ngồi xuống một bên, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi cho Roja, người Malla bằng bài pháp thoại rồi đã từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

59. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép tất cả các loại rau xanh và tất cả các loại bánh bột.

60. Sau đó, khi đã ngự tại Kusinārā theo như ý thích, đức Thế Tôn đã ra đi, du hành về phía Ātumā cùng với đại chúng Tỳ-khưu gồm có một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-khưu.

61. Vào lúc bấy giờ, có vị xuất gia lúc tuổi già nọ, trước đây là thợ cạo, ngụ tại Ātumā. Vị ấy có hai người con trai ăn nói ngọt ngào, khôn ngoan, khéo léo, thiện nghệ trong nghề thợ cạo từ thầy của họ. Vị xuất gia lúc tuổi già ấy đã nghe rằng: "Nghe nói đức Thế Tôn đi đến Ātumā cùng với đại chúng Tỳ-khưu gồm có một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-khưu."

62. Khi ấy, vị xuất gia lúc tuổi già ấy đã nói với hai người con trai ấy rằng:

– Này hai con thương, nghe nói đức Thế Tôn đi đến Ātumā cùng với đại chúng Tỳ-khưu gồm có một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-khưu. Này hai con thương, hai con hãy đi và mang theo thùng dao cạo, hãy viếng từng nhà với thùng và bao bị, hãy gom góp muối, dầu ăn, gạo lức và vật thực loại cứng; chúng ta sẽ thực hiện việc dâng cúng cháo đến đức Thế Tôn khi Ngài đi đến.

– Thưa cha, xin vâng.

Rồi hai người con trai ấy nghe theo vị xuất gia lúc tuổi già ấy, mang theo thùng dao cạo đi viếng từng nhà với thùng và bao bị trong lúc gom góp muối, dầu ăn, gạo lức và vật thực loại cứng. Dân chúng sau khi nhìn thấy hai người con trai ăn nói ngọt ngào, khôn ngoan ấy, dầu không có ý muốn thuê làm cũng bảo chúng làm và sau khi bảo chúng làm, lại còn thưởng rất nhiều. Khi ấy, hai người con trai ấy đã gom góp nhiều muối, dầu ăn, gạo lức và vật thực loại cứng.

63. Sau đó, trong khi tuần tự du hành, đức Thế Tôn đã ngự đến Ātumā. Tại nơi ấy, ở Ātumā, đức Thế Tôn ngự tại Bhusāgāra.

64. Sau đó, khi trải qua đêm ấy, vị xuất gia lúc tuổi già ấy đã cho chuẩn bị sẵn sàng rất nhiều cháo, rồi đã đem dâng đến đức Thế Tôn.

– Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn hãy thọ lãnh cháo của con.

65. Các đấng Như Lai dầu biết vẫn hỏi, dầu biết các vị vẫn không hỏi, biết đúng thời các vị mới hỏi, biết đúng thời các vị vẫn không hỏi, có liên quan đến lợi ích các đấng Như lai mới hỏi và không [hỏi việc] không có liên quan đến

lợi ích, khi không có liên quan đến lợi ích các đấng Như Lai có cách để cắt đứt vấn đề. Chư Phật Thế Tôn hỏi các vị Tỳ-khưu vì hai lý do: "Hoặc là chúng ta sẽ thuyết pháp, hoặc là chúng ta sẽ quy định điều học cho các đệ tử."

66. Khi ấy, đức Thế Tôn đã nói với vị xuất gia lúc tuổi già ấy điều này:

– Này Tỳ-khưu, cháo này từ đâu vậy?

Khi ấy, vị xuất gia lúc tuổi già ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– Này kẻ rồ dại, thật không đúng đắn, không hợp lẽ, không thích đáng, không xứng pháp Sa-môn, không được phép, không nên làm. Này kẻ rồ dại, vì sao ngươi lại bảo các vị xuất gia làm việc không được phép? Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).

Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, không nên bảo các vị xuất gia làm việc không được phép; vị nào bảo làm thì phạm tội *Dukkaṭa*. Này các Tỳ-khưu, vị trước đây là thợ cạo không nên mang theo thùng dao cạo; vị nào mang theo thì phạm tội *Dukkaṭa*.

67. Sau đó, khi đã ngự tại Ātumā theo như ý thích, đức Thế Tôn đã ra đi, du hành về phía thành Sāvatthi. Sau đó, trong khi tuần tự du hành, đức Thế Tôn đã ngự đến thành Sāvatthi. Tại nơi ấy, ở thành Sāvatthi, đức Thế Tôn ngụ tại Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika.

68. Vào lúc bấy giờ, ở trong thành Sāvatthi, nhiều loại vật thực cứng là trái cây được phát sanh. Khi ấy, các vị Tỳ-khưu đã khởi ý điều này: "Loại vật thực cứng là trái cây nào được cho phép, loại nào không được cho phép?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép tất cả các loại vật thực cứng là trái cây.

69. Vào lúc bấy giờ, các hạt giống của hội chúng được gieo trồng trên vùng đất của cá nhân, các hạt giống của các cá nhân được gieo trồng trên vùng đất của hội chúng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, các hạt giống của hội chúng đã được gieo trồng trên vùng đất của cá nhân, nên được thọ dụng sau khi đã trao cho phần chia. Các hạt giống của các cá nhân đã được gieo trồng trên vùng đất của hội chúng, nên được thọ dụng sau khi đã trao cho phần chia.

70. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu khởi lên sự phân vân về vấn đề này, về vấn đề nọ: "Điều nào đã được đức Thế Tôn cho phép, điều nào đã không được cho phép?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, điều nào Ta chưa cấm rằng: "Điều này không được phép" và điều ấy phù hợp với điều không được phép và trái nghịch với điều được phép, đối với các ngươi, điều ấy là không được phép. Này các Tỳ-khưu, điều nào Ta chưa cấm rằng: "Điều này không được phép" và điều ấy phù hợp

với điều được phép và trái nghịch với điều không được phép, đối với các ngươi, điều ấy là được phép. Này các Tỳ-khưu, điều nào Ta chưa cho phép rằng: "Điều này được phép" và điều ấy phù hợp với điều không được phép và trái nghịch với điều được phép, đối với các ngươi, điều ấy là không được phép. Này các Tỳ-khưu, điều nào Ta chưa cho phép rằng: "Điều này được phép" và điều ấy phù hợp với điều được phép và trái nghịch với điều không được phép, đối với các ngươi, điều ấy là được phép.

71. Khi ấy, các vị Tỳ-khưu đã khởi ý điều này: "Vật dùng đến hết đêm [trộn lẫn] với vật dùng đến hết ngọ là được phép hay là không được phép? Vật dùng trong bảy ngày [trộn lẫn] với vật dùng đến hết ngọ là được phép hay là không được phép? Vật dùng suốt đời [trộn lẫn] với vật dùng đến hết ngọ là được phép hay là không được phép? Vật dùng trong bảy ngày [trộn lẫn] với vật dùng đến hết đêm là được phép hay là không được phép? Vật dùng suốt đời [trộn lẫn] với vật dùng đến hết đêm là được phép hay là không được phép? Vật dùng suốt đời [trộn lẫn] với vật dùng trong bảy ngày là được phép hay là không được phép?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, vật dùng đến hết đêm [trộn lẫn] với vật dùng đến hết ngọ [nếu] được thọ lãnh trong ngày hôm ấy thì được phép lúc đúng thời, phi thời không được phép. Vật dùng trong bảy ngày [trộn lẫn] với vật dùng đến hết ngọ [nếu] được thọ lãnh trong ngày hôm ấy thì được phép lúc đúng thời, phi thời không được phép. Vật dùng suốt đời [trộn lẫn] với vật dùng đến hết ngọ [nếu] được thọ lãnh trong ngày hôm ấy thì được phép lúc đúng thời, phi thời không được phép. Này các Tỳ-khưu, vật dùng trong bảy ngày [trộn lẫn] với vật dùng đến hết đêm [nếu] được thọ lãnh trong ngày hôm ấy thì được phép trong đêm, không được phép khi đêm đã trôi qua. Vật dùng suốt đời [trộn lẫn] với vật dùng đến hết đêm [nếu] được thọ lãnh trong ngày hôm ấy thì được phép trong đêm, không được phép khi đêm đã trôi qua. Này các Tỳ-khưu, vật dùng suốt đời [trộn lẫn] với vật dùng trong bảy ngày [nếu] được thọ lãnh trong ngày hôm ấy thì được phép trong bảy ngày, không được phép khi bảy ngày đã trôi qua.

Dứt chương "Dược phẩm" là thứ sáu.

*****

Trong chương này có một trăm lẻ sáu sự việc.

TÓM LƯỢC CHƯƠNG NÀY:

1. Vào mùa thu, vào lúc phi thời nữa, mỡ thú vật, các loại rễ cây, với các loại bột nghiền, các loại nước sắc, lá cây, trái cây, nhựa cây và muối gồm sáu loại.

2. Bột tắm, cái rây bột và thịt sống, thuốc bôi, bột nghiền nát, hộp thuốc bôi đặc biệt, không được đậy lại, que bôi thuốc, hộp đựng que bôi thuốc.

3. Túi đựng, có dây mang vai, sợi chỉ, dầu xoa ở đầu và lỗ mũi, cái muỗng đặt ở mũi và ống dẫn khói, nắp đậy, túi kép.

4. Và rượu trong các loại dầu nấu, được thêm vào quá nhiều, thuốc thoa, bình chứa, hơi nóng và của nhiều loại lá cây, nhiều hơi nóng và nước nấu của nhiều loại lá cây là tương tợ.

5. Bể nước ngâm và trích máu, ống sừng, thuốc cao bôi chân, sự phòng ngừa, dao mổ và nước làm đông máu, cao hạt mè, vải cầm máu.

6. Vải băng vết thương và bột mù-tạt, việc xông khói, mảnh sứ, dầu xức vết thương, băng vải, vật dơ và việc thọ lãnh.

7. [Uống] phân, trong lúc làm và đất ở lưỡi cày, nước tro, [hợp chất] nước tiểu và trái harițakī, [mỡ có] mùi thơm và luôn cả thuốc xổ, nước súp không chất béo, thêm chút ít chất béo.

8. Nước luộc thịt, hang núi, tu viện, năm trăm người, đường, đậu mugga và cháo chua, tự mình nấu, nấu lại.

9. Ngài đã cho phép lần nữa, vào lúc khó khăn về vật thực và trái cây, mè và vật nhai, trước bữa ăn, bệnh sốt toàn thân và được lấy hết hột, bệnh lở loét.

10. Và công việc bơm thụt, nàng Suppiyā, lại thêm chuyện thịt người, voi, ngựa và chó nhà, rắn, sư tử và beo.

11. Và thịt gấu rừng, chó sói, chờ đến phiên và cháo, [đức tin] còn non trẻ, thêm chuyện nữa về đường, vị quan Sunīdha, nhà nghỉ trọ.

12. Sông Gaṅgā, làng Koṭi, sự thuyết giảng về chân lý, nàng Ambapālī và các vị Licchavi, đã được làm có liên quan [đến người thọ dụng], lúc vật thực dễ dàng, Ngài cũng đã ngăn cấm lại.

13. Đám mây đen, vị Yasoja và Meṇḍaka, sản phẩm từ loài bò và vật thực đi đường, đạo sĩ Keṇiya, nước xoài, nước mận, chuối có hột, không hột, nước mật ong, nước nho, nước ngó sen.

14. Nước dâu, rau xanh và bánh bột, người thợ cạo ở Ātumā, ở Sāvatthi, trái cây, hột giống, thuộc về trường hợp nào và [vật thực] liên quan đến thời gian.

--ooOoo--

VII. CHƯƠNG KAṬHINA

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika.

2. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu xứ Pāvā có số lượng là ba mươi, tất cả là các vị chuyên ngụ ở rừng, tất cả là các vị chuyên đi khất thực, tất cả là các vị mặc y may từ vải dơ bị quăng bỏ, tất cả là các vị chỉ sử dụng ba y. Trong khi đang đi đến Sāvatthi để diện kiến đức Thế Tôn, do việc vào mùa [an cư] mưa đã đến gần nên các vị đã không thể thành tựu việc vào mùa [an cư] mưa ở Sāvatthi. Các vị đã vào mùa [an cư] mưa ở Sāketa, vào khoảng giữa lộ trình.

3. Các vị đã sống qua mùa [an cư] mưa với vẻ phiền muộn [nghĩ rằng]: "Đức Thế Tôn ngự rất gần chúng ta, cách đây chỉ sáu do-tuần, vậy mà chúng ta không được diện kiến đức Thế Tôn."

4. Sau đó, khi đã sống qua mùa [an cư] mưa trong thời gian ba tháng, khi đã thực hiện lễ *Pavāraṇā*, trong lúc trời còn đang mưa, trong khi có sự gom tụ nước lại thành vũng bùn lầy, các vị Tỳ-khưu ấy với các y bị đẫm nước và có dáng điệu mệt mỏi đã đi đến thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.

5. Điều này đã trở thành thông lệ đối với chư Phật Thế Tôn là niềm nở với các Tỳ-khưu đi đến. Khi ấy, đức Thế Tôn đã nói với các vị Tỳ-khưu ấy điều này:

– Này các Tỳ-khưu, sức khoẻ có khá không? Mọi việc có được tốt đẹp không? Các ngươi đã sống qua mùa [an cư] mưa có được thoải mái, có sự hợp nhất, thân thiện, không cãi cọ nhau không? Và các ngươi có không bị khó nhọc vì đồ ăn khất thực không?

6. – Bạch Thế Tôn, sức khoẻ khá. Bạch Thế Tôn, mọi việc đều tốt đẹp. Và bạch Ngài, chúng con đã sống qua mùa [an cư] mưa có sự hợp nhất, thân thiện, không cãi cọ nhau và không bị khó nhọc vì đồ ăn khất thực. Bạch Ngài, trường hợp chúng con là các Tỳ-khưu xứ Pāvā có số lượng là ba mươi, trong khi đang đi đến Sāvatthi để diện kiến đức Thế Tôn, do việc vào mùa [an cư] mưa đã đến gần nên các vị đã không thể thành tựu việc vào mùa [an cư] mưa ở Sāvatthi. Chúng con đã vào mùa [an cư] mưa ở Sāketa, vào khoảng giữa lộ trình. Bạch Ngài, chúng con đây đã sống qua mùa [an cư] mưa với vẻ phiền muộn [nghĩ rằng]: "Đức Thế Tôn ngự rất gần chúng ta, cách đây chỉ sáu do-tuần, vậy mà chúng ta không được diện kiến đức Thế Tôn." Bạch Ngài, sau khi đã sống qua

mùa [an cư] mưa trong thời gian ba tháng, khi đã thực hiện lễ *Pavāraṇā*, trong lúc trời còn đang mưa, trong khi có sự gom tụ nước lại thành vũng bùn lầy, chúng con đã đi đường xa đến với các y bị đẫm nước và có dáng vẻ mệt mỏi.

7. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thành tựu *Kaṭhina* đến các Tỳ-khưu đã sống qua mùa [an cư] mưa. Này các Tỳ-khưu, khi các ngươi có *Kaṭhina* đã được thành tựu, năm điều này sẽ trở thành được phép: Việc ra đi không phải báo, việc ra đi không mang theo [đủ ba y], sự thọ thực thành nhóm, [được sử dụng nhiều] y theo như nhu cầu, sự phát sanh về y tại nơi ấy sẽ là của các vị ấy. Này các Tỳ-khưu, khi các ngươi có *Kaṭhina* đã được thành tựu, năm điều này sẽ được phép đối với các ngươi.

8. Và này các Tỳ-khưu, *Kaṭhina* nên được thành tựu như vầy: Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực:

"Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vải *Kaṭhina* này đã được phát sanh đến hội chúng. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên trao vải *Kaṭhina* này đến vị Tỳ-khưu tên [như vầy] để thành tựu *Kaṭhina*. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vải *Kaṭhina* này đã được phát sanh đến hội chúng. Hội chúng trao vải *Kaṭhina* này đến vị Tỳ-khưu tên [như vầy] để thành tựu *Kaṭhina*. Đại đức nào đồng ý việc trao vải *Kaṭhina* này đến vị Tỳ-khưu tên [như vầy] để thành tựu *Kaṭhina* xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Vải *Kaṭhina* này đã được hội chúng trao đến vị Tỳ-khưu tên [như vầy] để thành tựu *Kaṭhina*. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

9. Này các Tỳ-khưu, như vầy là *Kaṭhina* được thành tựu, như vầy là không được thành tựu. Và này các Tỳ-khưu, thế nào là *Kaṭhina* không được thành tựu? *Kaṭhina* không được thành tựu ở giai đoạn đánh dấu về chiều dài, chiều rộng. *Kaṭhina* không được thành tựu ở giai đoạn giặt. *Kaṭhina* không được thành tựu ở giai đoạn tính toán về y năm điều, hoặc bảy điều, hoặc chín điều, v.v... *Kaṭhina* không được thành tựu ở giai đoạn cắt theo sự đã tính toán. *Kaṭhina* không được thành tựu ở giai đoạn kết chỉ tạm. *Kaṭhina* không được thành tựu ở giai đoạn may lại theo đường chỉ lược cho chắc. *Kaṭhina* không được thành tựu ở giai đoạn gắn miếng vải làm dấu. *Kaṭhina* không được thành tựu ở giai đoạn may chắc chắn. *Kaṭhina* không được thành tựu ở giai đoạn làm miếng vải viền. *Kaṭhina* không được thành tựu ở giai đoạn làm đường viền quanh. *Kaṭhina* không được thành tựu ở giai đoạn đắp thêm một lớp nữa. *Kaṭhina* không được thành tựu ở giai đoạn nhuộm. *Kaṭhina* không được thành tựu do sự ra dấu hiệu gợi ý để thí

chủ dâng. *Kaṭhina* không được thành tựu do sự giảng giải về *Kaṭhina* rồi kêu gọi. *Kaṭhina* không được thành tựu với y được mượn tạm thời. *Kaṭhina* không được thành tựu với sự tích trữ. *Kaṭhina* không được thành tựu do sự hủy bỏ vì để qua đêm. *Kaṭhina* không được thành tựu với sự không làm thành được phép tức là không làm dấu hoại y. *Kaṭhina* không được thành tựu với y không phải là y hai lớp. *Kaṭhina* không được thành tựu với y không phải là thượng y [y vai trái]. *Kaṭhina* không được thành tựu với y không phải là y nội. *Kaṭhina* không được thành tựu với y không phải là năm điều hoặc nhiều hơn năm điều, không được cắt và kết lại nội trong ngày hôm ấy. *Kaṭhina* không được thành tựu trừ phi do sự thành tựu bởi cá nhân. Nếu *Kaṭhina* đã được thành tựu đúng đắn nhưng vị tùy hỷ việc ấy đứng ngoài ranh giới, như vậy *Kaṭhina* vẫn không được thành tựu. Này các Tỳ-khưu, như thế ấy là *Kaṭhina* không được thành tựu.

[Hai mươi bốn điều kiện]

*****

10. Và này các Tỳ-khưu, thế nào là *Kaṭhina* được thành tựu? *Kaṭhina* được thành tựu với [vải] mới [chưa được sử dụng]. *Kaṭhina* được thành tựu với [vải] được xem như mới. *Kaṭhina* được thành tựu với vải áo choàng cũ. *Kaṭhina* được thành tựu với vải dơ bị quăng bỏ. *Kaṭhina* được thành tựu với vải đã được bỏ ở trước cửa tiệm, có người nhặt lấy rồi đem dâng. *Kaṭhina* được thành tựu với sự không ra dấu hiệu gợi ý để thí chủ dâng. *Kaṭhina* được thành tựu không do sự giảng giải về *Kaṭhina* rồi kêu gọi. *Kaṭhina* được thành tựu với sự làm không phải là với y được mượn tạm thời. *Kaṭhina* được thành tựu với sự không tích trữ. *Kaṭhina* được thành tựu do không để qua đêm. *Kaṭhina* được thành tựu với sự làm thành được phép tức là làm dấu hoại y. *Kaṭhina* được thành tựu với y hai lớp. *Kaṭhina* được thành tựu với thượng y [y vai trái]. *Kaṭhina* được thành tựu với y nội. *Kaṭhina* được thành tựu với y là năm điều hoặc nhiều hơn năm điều, được cắt và kết lại nội trong ngày hôm ấy. *Kaṭhina* được thành tựu do sự thành tựu bởi cá nhân. Nếu *Kaṭhina* đã được thành tựu đúng đắn và vị tùy hỷ việc ấy đứng trong ranh giới, như vậy *Kaṭhina* được thành tựu. Này các Tỳ-khưu, như thế ấy là *Kaṭhina* được thành tựu.

[Mười bảy điều kiện]

*****

1. Và này các Tỳ-khưu, thế nào là *Kaṭhina* hết hiệu lực? Này các Tỳ-khưu, đây là tám điều tiêu đề về sự hết hiệu lực của *Kaṭhina*: "Do sự ra đi, do [y] được hoàn tất, do tự mình dứt khoát, do bị mất, do nghe được [tin], do sự tan vỡ của niềm mong mỏi, do sự vượt qua ranh giới, do sự hết hiệu lực cùng một lúc."

2. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu, cầm lấy y đã được làm xong, ra đi [nghĩ rằng]: "Ta sẽ không trở về." Sự việc ra đi là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy. (1)

3. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu, cầm lấy y [chưa được làm], ra đi. Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vầy: "Ta sẽ nhờ [người] làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về." Vị ấy nhờ [người] làm y ấy. Sự việc [y] được hoàn tất là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy. (2)

4. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu, cầm lấy y [chưa được làm], ra đi. Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vầy: "Ta sẽ không nhờ [người] làm y này nữa. Ta sẽ không trở về." Sự việc tự mình dứt khoát là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy. (3)

5. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu, cầm lấy y [chưa được làm], ra đi. Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vầy: "Ta sẽ nhờ [người] làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về." Vị ấy nhờ [người] làm y ấy. Trong khi y ấy của vị ấy đang được làm thì bị mất. Sự việc [y] bị mất là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy. (4)

6. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu, cầm lấy y [chưa được làm], ra đi [nghĩ rằng]: "Ta sẽ trở về." Vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới và nhờ [người] làm y ấy. Vị ấy có y đã được làm xong, nghe được [tin] rằng: "Nghe nói *Kaṭhina* tại trú xứ ấy đã được thu hồi."[1] Sự việc nghe được [tin] là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy. (5)

7. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu, cầm lấy y [chưa được làm], ra đi [nghĩ rằng]: "Ta sẽ trở về." Vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới và nhờ [người] làm y ấy. Vị ấy có y đã được làm xong, [nghĩ rằng]: "Ta sẽ trở về, ta sẽ trở về" rồi chờ đợi sự hết hiệu lực *Kaṭhina* ở bên ngoài. Sự việc vượt qua ranh giới là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy. (6)

8. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu, cầm lấy y [chưa được làm], ra đi [nghĩ rằng]: "Ta sẽ trở về." Vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới và nhờ [người] làm y ấy. Vị ấy có y đã được làm xong, [nghĩ rằng]: "Ta sẽ trở về, ta sẽ trở về." Thời điểm hết hiệu lực *Kaṭhina* đã đến. Sự hết hiệu lực *Kaṭhina* của vị Tỳ-khưu ấy là chung [lượt] với các vị Tỳ-khưu. (7)

Dứt nhóm bảy về "cầm lấy."

*****

1. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu, mang theo y đã được làm xong, ra đi [nghĩ rằng]: "Ta sẽ không trở về." Sự việc ra đi là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy. (1)

2. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu, mang theo y [chưa được làm] ra đi. Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vầy: "Ta sẽ nhờ [người] làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về." Vị ấy nhờ [người] làm y ấy. Sự việc [y] được hoàn tất là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy. (2)

---

[1] Vấn đề thu hồi *Kaṭhina* được ghi lại ở điều *Pācittiya* 30 của Tỳ-khưu-ni, xem *Bhikkhunīvibhaṅga* (*Phân tích Giới Tỳ-khưu-ni*), *TTTĐPGVN*, tập 10, tr. 454-55; *TTPV*, tập 3, tr. 204-07.

3. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu, mang theo y [chưa được làm] ra đi. Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vầy: "Ta sẽ không nhờ [người] làm y này nữa. Ta sẽ không trở về." Sự việc tự mình dứt khoát là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy. (3)

4. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu, mang theo y [chưa được làm] ra đi. Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vầy: "Ta sẽ nhờ [người] làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về." Vị ấy nhờ [người] làm y ấy. Trong khi y ấy của vị ấy đang được làm thì bị mất. Sự việc [y] bị mất là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy. (4)

5. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu, mang theo y [chưa được làm] ra đi [nghĩ rằng]: "Ta sẽ trở về." Vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới và nhờ [người] làm y ấy. Vị ấy có y đã được làm xong, nghe được [tin] rằng: "Nghe nói *Kaṭhina* tại trú xứ ấy đã được thu hồi." Sự việc nghe được [tin] là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy. (5)

6. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu, mang theo y [chưa được làm] ra đi [nghĩ rằng]: "Ta sẽ trở về." Vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới và nhờ [người] làm y ấy. Vị ấy có y đã được làm xong, [nghĩ rằng]: "Ta sẽ trở về, ta sẽ trở về" và chờ đợi sự hết hiệu lực *Kaṭhina* ở bên ngoài. Sự việc vượt qua ranh giới là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy. (6)

7. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu, mang theo y [chưa được làm] ra đi [nghĩ rằng]: "Ta sẽ trở về." Vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới và nhờ [người] làm y ấy. Vị ấy có y đã được làm xong, [nghĩ rằng]: "Ta sẽ trở về, ta sẽ trở về." Thời điểm hết hiệu lực *Kaṭhina* đã đến. Sự hết hiệu lực *Kaṭhina* của vị Tỳ-khưu ấy là chung [lượt] với các vị Tỳ-khưu. (7)

Dứt nhóm bảy về "mang theo."

*****

1. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu, cầm lấy y chưa làm xong ra đi. Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vầy: "Ta sẽ nhờ [người] làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về." Vị ấy nhờ [người] làm y ấy. Sự việc [y] được hoàn tất là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy. (1)

2. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu, cầm lấy y chưa làm xong ra đi. Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vầy: "Ta sẽ không nhờ [người] làm y này nữa. Ta sẽ không trở về." Sự việc tự mình dứt khoát là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy. (2)

3. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu, cầm lấy y chưa làm xong ra đi. Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vầy: "Ta sẽ nhờ [người] làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về." Vị ấy nhờ [người] làm y ấy. Trong khi y ấy của vị ấy đang được làm thì bị mất. Sự việc [y] bị mất là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy. (3)

4. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu, cầm lấy y chưa làm xong ra đi [nghĩ rằng]: "Ta sẽ trở về." Vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới và nhờ [người] làm y ấy. Vị ấy có y đã được làm xong, nghe được [tin] rằng: "Nghe nói *Kaṭhina* tại trú xứ ấy đã được thu hồi." Sự việc nghe được [tin] là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy. (4)

5. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu, cầm lấy y chưa làm xong ra đi [nghĩ rằng]: "Ta sẽ trở về." Vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới và nhờ [người] làm y ấy. Vị ấy có y đã được làm xong, [nghĩ rằng]: "Ta sẽ trở về, ta sẽ trở về" và chờ đợi sự hết hiệu lực *Kaṭhina* ở bên ngoài. Sự việc vượt qua ranh giới là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy. (5)

6. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu, cầm lấy y chưa làm xong ra đi [nghĩ rằng]: "Ta sẽ trở về." Vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới và nhờ [người] làm y ấy. Vị ấy có y đã được làm xong, [nghĩ rằng]: "Ta sẽ trở về, ta sẽ trở về." Thời điểm hết hiệu lực *Kaṭhina* đã đến. Sự hết hiệu lực *Kaṭhina* của vị Tỳ-khưu ấy là chung [lượt] với các vị Tỳ-khưu. (6)

Dứt nhóm sáu về "cầm lấy."

*****

1. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu, mang theo y chưa làm xong ra đi. Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vầy: "Ta sẽ nhờ [người] làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về." Vị ấy nhờ [người] làm y ấy. Sự việc [y] được hoàn tất là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy. (1)

2. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu, mang theo y chưa làm xong ra đi. Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vầy: "Ta sẽ không nhờ [người] làm y này nữa. Ta sẽ không trở về." Sự việc tự mình dứt khoát là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy. (2)

3. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu, mang theo y chưa làm xong ra đi. Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vầy: "Ta sẽ nhờ [người] làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về." Vị ấy nhờ [người] làm y ấy. Trong khi y ấy của vị ấy đang được làm thì bị mất. Sự việc [y] bị mất là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy. (3)

4. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu, mang theo y chưa làm xong ra đi [nghĩ rằng]: "Ta sẽ trở về." Vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới và nhờ [người] làm y ấy. Vị ấy có y đã được làm xong, nghe được [tin] rằng: "Nghe nói *Kaṭhina* tại trú xứ ấy đã được thu hồi." Sự việc nghe được [tin] là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy. (4)

5. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu, mang theo y chưa làm xong ra đi [nghĩ rằng]: "Ta sẽ trở về." Vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới và nhờ [người] làm y ấy. Vị ấy có y đã được làm xong, [nghĩ rằng]: "Ta sẽ trở về, ta sẽ trở về"

và chờ đợi sự hết hiệu lực *Kaṭhina* ở bên ngoài. Sự việc vượt qua ranh giới là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy. (5)

6. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu, mang theo y chưa làm xong ra đi [nghĩ rằng]: "Ta sẽ trở về." Vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới và nhờ [người] làm y ấy. Vị ấy có y đã được làm xong, [nghĩ rằng]: "Ta sẽ trở về, ta sẽ trở về." Thời điểm hết hiệu lực *Kaṭhina* đã đến. Sự hết hiệu lực *Kaṭhina* của vị Tỳ-khưu ấy là chung [lượt] với các vị Tỳ-khưu. (6)

Dứt nhóm sáu về "mang theo."

*****

1. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu, cầm lấy y [chưa được làm], ra đi. Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vầy: "Ta sẽ nhờ [người] làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về." Vị ấy nhờ [người] làm y ấy. Sự việc [y] được hoàn tất là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy. (1)

2. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu, cầm lấy y [chưa được làm] ra đi. Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vầy: "Ta sẽ không nhờ [người] làm y này nữa. Ta sẽ không trở về." Sự việc tự mình dứt khoát là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy. (2)

3. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu, cầm lấy y [chưa được làm] ra đi. Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vầy: "Ta sẽ nhờ [người] làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về." Vị ấy nhờ [người] làm y ấy. Trong khi y ấy của vị ấy đang được làm thì bị mất. Sự việc [y] bị mất là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy. (3)

[Nhóm ba về "cầm lấy" 1]

4. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu, cầm lấy y [chưa được làm] ra đi [nghĩ rằng]: "Ta sẽ không trở về." Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vầy: "Ta sẽ nhờ [người] làm y này ngay ở đây." Vị ấy nhờ [người] làm y ấy. Sự việc [y] được hoàn tất là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy. (4)

5. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu, cầm lấy y [chưa được làm] ra đi [nghĩ rằng]: "Ta sẽ không trở về." Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vầy: "Ta sẽ không nhờ [người] làm y này nữa." Sự việc tự mình dứt khoát là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy. (5)

6. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu, cầm lấy y [chưa được làm] ra đi [nghĩ rằng]: "Ta sẽ không trở về." Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vầy: "Ta sẽ nhờ [người] làm y này ngay ở đây." Vị ấy nhờ [người] làm y ấy. Trong khi y ấy của vị ấy đang được làm thì bị mất. Sự việc [y] bị mất là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy. (6)

[Nhóm ba về "cầm lấy" 2]

7. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu, cầm lấy y [chưa được làm] ra đi và còn chưa quyết định; vị ấy không khởi ý rằng: "Ta sẽ trở về" và vị ấy cũng không khởi ý rằng: "Ta sẽ không trở về." Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vầy: "Ta sẽ nhờ [người] làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về." Vị ấy nhờ [người] làm y ấy. Sự việc [y] được hoàn tất là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy. (7)

8. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu, cầm lấy y [chưa được làm] ra đi và còn chưa quyết định; vị ấy không khởi ý rằng: "Ta sẽ trở về" và vị ấy cũng không khởi ý rằng: "Ta sẽ không trở về." Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vầy: "Ta sẽ không nhờ [người] làm y này nữa. Ta sẽ không trở về." Sự việc tự mình dứt khoát là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy. (8)

9. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu, cầm lấy y [chưa được làm] ra đi và còn chưa quyết định; vị ấy không khởi ý rằng: "Ta sẽ trở về" và vị ấy cũng không khởi ý rằng: "Ta sẽ không trở về." Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vầy: "Ta sẽ nhờ [người] làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về." Vị ấy nhờ [người] làm y ấy. Trong khi y ấy của vị ấy đang được làm thì bị mất. Sự việc [y] bị mất là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy. (9)

[Nhóm ba về "cầm lấy" 3]

10. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu, cầm lấy y [chưa được làm] ra đi [nghĩ rằng]: "Ta sẽ trở về." Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vầy: "Ta sẽ nhờ [người] làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về." Vị ấy nhờ [người] làm y ấy. Sự việc [y] được hoàn tất là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy. (10)

11. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu, cầm lấy y [chưa được làm] ra đi [nghĩ rằng]: "Ta sẽ trở về." Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vầy: "Ta sẽ không nhờ [người] làm y này nữa. Ta sẽ không trở về." Sự việc tự mình dứt khoát là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy. (11)

12. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu, cầm lấy y [chưa được làm] ra đi [nghĩ rằng]: "Ta sẽ trở về." Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vầy: "Ta sẽ nhờ [người] làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về." Vị ấy nhờ [người] làm y ấy. Trong khi y ấy của vị ấy đang được làm thì bị mất. Sự việc [y] bị mất là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy. (12)

13. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu, cầm lấy y [chưa được làm] ra đi [nghĩ rằng]: "Ta sẽ trở về." Vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới và nhờ [người] làm y ấy. Vị ấy có y đã được làm xong, nghe được [tin] rằng: "Nghe nói *Kaṭhina* tại trú xứ ấy đã được thu hồi." Sự việc nghe được [tin] là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy. (13)

14. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu, cầm lấy y [chưa được làm] ra đi [nghĩ rằng]: "Ta sẽ trở về." Vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới và nhờ [người] làm y ấy. Vị ấy có y đã được làm xong, [nghĩ rằng]: "Ta sẽ trở về, ta sẽ trở về" và chờ đợi sự hết hiệu lực *Kaṭhina* ở bên ngoài. Sự việc vượt qua ranh giới là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy. (14)

15. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu, cầm lấy y [chưa được làm] ra đi [nghĩ rằng]: "Ta sẽ trở về." Vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới và nhờ [người] làm y ấy. Vị ấy có y đã được làm xong, [nghĩ rằng]: "Ta sẽ trở về, ta sẽ trở về." Thời điểm hết hiệu lực *Kaṭhina* đã đến. Sự hết hiệu lực *Kaṭhina* của vị Tỳ-khưu ấy là chung [lượt] với các vị Tỳ-khưu. (15)

[Nhóm sáu về "cầm lấy"]

Dứt nhóm mười lăm về "cầm lấy."

*****

16. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu, mang theo y [chưa được làm] ra đi. ...(nt)... (Tương tợ như ở trường hợp "cầm lấy", nên giải thích chi tiết như thế).

[Nhóm mười lăm về "mang theo" được giản lược]

*****

17. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu, cầm lấy y chưa làm xong ra đi. Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vầy: "Ta sẽ nhờ [người] làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về." Vị ấy nhờ [người] làm y ấy. Sự việc [y] được hoàn tất là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy. (Tương tợ như ở trường hợp "mang theo", nên giải thích chi tiết như thế).

[Nhóm mười lăm về "cầm lấy y chưa làm xong" được giản lược]

*****

1. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu, mang theo y chưa làm xong ra đi. Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vầy: "Ta sẽ nhờ [người] làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về." Vị ấy nhờ [người] làm y ấy. Sự việc [y] được hoàn tất là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy. (1)

2. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu, mang theo y chưa làm xong ra đi. Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vầy: "Ta sẽ không nhờ [người] làm y này nữa. Ta sẽ không trở về." Sự việc tự mình dứt khoát là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy. (2)

3. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu, mang theo y chưa làm xong ra đi. Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vầy: "Ta sẽ nhờ [người] làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về." Vị ấy nhờ [người] làm y ấy. Trong

khi y ấy của vị ấy đang được làm thì bị mất. Sự việc [y] bị mất là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy. (3)

[Nhóm ba về "mang theo y chưa làm xong" 1]

4. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu, mang theo y chưa làm xong ra đi [nghĩ rằng]: "Ta sẽ không trở về." Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vầy: "Ta sẽ nhờ [người] làm y này ngay ở đây." Vị ấy nhờ [người] làm y ấy. Sự việc [y] được hoàn tất là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy. (4)

5. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu, mang theo y chưa làm xong ra đi [nghĩ rằng]: "Ta sẽ không trở về." Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vầy: "Ta sẽ không nhờ [người] làm y này nữa." Sự việc tự mình dứt khoát là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy. (5)

6. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu, mang theo y chưa làm xong ra đi [nghĩ rằng]: "Ta sẽ không trở về." Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vầy: "Ta sẽ nhờ [người] làm y này ngay ở đây." Vị ấy nhờ [người] làm y ấy. Trong khi y ấy của vị ấy đang được làm thì bị mất. Sự việc [y] bị mất là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy. (6)

[Nhóm ba về "mang theo y chưa làm xong" 2]

7. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu, mang theo y chưa làm xong ra đi và còn chưa quyết định; vị ấy không khởi ý rằng: "Ta sẽ trở về" và vị ấy cũng không khởi ý rằng: "Ta sẽ không trở về." Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vầy: "Ta sẽ nhờ [người] làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về." Vị ấy nhờ [người] làm y ấy. Sự việc [y] được hoàn tất là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy. (7)

8. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu, mang theo y chưa làm xong ra đi và còn chưa quyết định; vị ấy không khởi ý rằng: "Ta sẽ trở về" và vị ấy cũng không khởi ý rằng: "Ta sẽ không trở về." Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vầy: "Ta sẽ không nhờ [người] làm y này nữa. Ta sẽ không trở về." Sự việc tự mình dứt khoát là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy. (8)

9. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu, mang theo y chưa làm xong ra đi và còn chưa quyết định; vị ấy không khởi ý rằng: "Ta sẽ trở về" và vị ấy cũng không khởi ý rằng: "Ta sẽ không trở về." Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vầy: "Ta sẽ nhờ [người] làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về." Vị ấy nhờ [người] làm y ấy. Trong khi y ấy của vị ấy đang được làm thì bị mất. Sự việc [y] bị mất là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy. (9)

[Nhóm ba về "mang theo y chưa làm xong" 3]

10. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu, mang theo y chưa làm xong ra đi [nghĩ rằng]: "Ta sẽ trở về." Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vầy: "Ta sẽ nhờ [người] làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về." Vị ấy nhờ [người] làm y ấy. Sự việc [y] được hoàn tất là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy. (10)

11. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu, mang theo y chưa làm xong ra đi [nghĩ rằng]: "Ta sẽ trở về." Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vầy: "Ta sẽ không nhờ [người] làm y này nữa. Ta sẽ không trở về." Sự việc tự mình dứt khoát là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy. (11)

12. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu, mang theo y chưa làm xong ra đi [nghĩ rằng]: "Ta sẽ trở về." Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vầy: "Ta sẽ nhờ [người] làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về." Vị ấy nhờ [người] làm y ấy. Trong khi y ấy của vị ấy đang được làm thì bị mất. Sự việc [y] bị mất là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy. (12)

13. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu, mang theo y chưa làm xong ra đi [nghĩ rằng]: "Ta sẽ trở về." Vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới và nhờ [người] làm y ấy. Vị ấy có y đã được làm xong, nghe được [tin] rằng: "Nghe nói *Kaṭhina* tại trú xứ ấy đã được thu hồi." Sự việc nghe được [tin] là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy. (13)

14. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu, mang theo y chưa làm xong ra đi [nghĩ rằng]: "Ta sẽ trở về." Vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới và nhờ [người] làm y ấy. Vị ấy có y đã được làm xong, [nghĩ rằng]: "Ta sẽ trở về, ta sẽ trở về" và chờ đợi sự hết hiệu lực *Kaṭhina* ở bên ngoài. Sự việc vượt qua ranh giới là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy. (14)

15. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu, mang theo y chưa làm xong ra đi [nghĩ rằng]: "Ta sẽ trở về." Vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới và nhờ [người] làm y ấy. Vị ấy có y đã được làm xong, [nghĩ rằng]: "Ta sẽ trở về, ta sẽ trở về." Thời điểm hết hiệu lực *Kaṭhina* đã đến. Sự hết hiệu lực *Kaṭhina* của vị Tỳ-khưu ấy là chung [lượt] với các vị Tỳ-khưu. (15)

[Nhóm sáu về "mang theo y chưa làm xong"]
[Nhóm mười lăm về "mang theo y chưa làm xong"]
Dứt tụng phẩm "cầm lấy."

*****

1. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu ra đi với niềm mong mỏi về y. Vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới và lưu tâm đến niềm mong mỏi về y ấy. Vị ấy nhận được không như ý mong mỏi và không nhận được như ý mong mỏi. Vị ấy khởi ý như vầy: "Ta sẽ nhờ [người] làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về." Vị ấy nhờ [người] làm y ấy. Sự việc [y] được hoàn tất là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy.

2. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu ra đi với niềm mong mỏi về y. Vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới và lưu tâm đến niềm mong mỏi về y ấy. Vị ấy nhận được không như ý mong mỏi và không nhận được như ý mong mỏi. Vị ấy khởi ý như vầy: "Ta sẽ không nhờ [người] làm y này nữa. Ta sẽ không trở về." Sự việc tự mình dứt khoát là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy.

3. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu ra đi với niềm mong mỏi về y. Vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới và lưu tâm đến niềm mong mỏi về y ấy. Vị ấy nhận được không như ý mong mỏi và không nhận được như ý mong mỏi. Vị ấy khởi ý như vầy: "Ta sẽ nhờ [người] làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về." Vị ấy nhờ [người] làm y ấy. Trong khi y ấy của vị ấy đang được làm thì bị mất. Sự việc [y] bị mất là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy.

4. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu ra đi với niềm mong mỏi về y. Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vầy: "Ta sẽ lưu tâm đến niềm mong mỏi về y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về." Vị ấy lưu tâm đến niềm mong mỏi về y ấy. Niềm mong mỏi về y ấy của vị ấy bị tan vỡ. Sự đổ vỡ của niềm mong mỏi về y là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy.

5. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu ra đi với niềm mong mỏi về y [nghĩ rằng]: "Ta sẽ không trở về." Vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới và lưu tâm đến niềm mong mỏi về y ấy. Vị ấy nhận được không như ý mong mỏi và không nhận được như ý mong mỏi. Vị ấy khởi ý như vầy: "Ta sẽ nhờ [người] làm y này ngay ở đây." Vị ấy nhờ [người] làm y ấy. Sự việc [y] được hoàn tất là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy.

6. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu ra đi với niềm mong mỏi về y [nghĩ rằng]: "Ta sẽ không trở về." Vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới và lưu tâm đến niềm mong mỏi về y ấy. Vị ấy nhận được không như ý mong mỏi và không nhận được như ý mong mỏi. Vị ấy khởi ý như vầy: "Ta sẽ không nhờ [người] làm y này nữa." Sự việc tự mình dứt khoát là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy.

7. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu ra đi với niềm mong mỏi về y [nghĩ rằng]: "Ta sẽ không trở về." Vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới và lưu tâm đến niềm mong mỏi về y ấy. Vị ấy nhận được không như ý mong mỏi và không nhận được như ý mong mỏi. Vị ấy khởi ý như vầy: "Ta sẽ nhờ [người] làm y này ngay ở đây." Vị ấy nhờ [người] làm y ấy. Trong khi y ấy của vị ấy đang được làm thì bị mất. Sự việc [y] bị mất là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy.

8. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu ra đi với niềm mong mỏi về y [nghĩ rằng]: "Ta sẽ không trở về." Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vầy: "Ta sẽ lưu tâm đến niềm mong mỏi về y này ngay ở đây." Vị ấy lưu tâm đến niềm mong mỏi về y ấy. Niềm mong mỏi về y ấy của vị ấy bị tan vỡ. Sự đổ vỡ của niềm mong mỏi về y là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy.

9. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu ra đi với niềm mong mỏi về y và còn chưa quyết định; vị ấy không khởi ý rằng: "Ta sẽ trở về" và vị ấy cũng không khởi ý rằng: "Ta sẽ không trở về." Vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới và lưu tâm đến niềm mong mỏi về y ấy. Vị ấy nhận được không như ý mong mỏi và không nhận được như ý mong mỏi. Vị ấy khởi ý như vầy: "Ta sẽ nhờ [người] làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về." Vị ấy nhờ [người] làm y ấy. Sự việc [y] được hoàn tất là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy.

10. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu ra đi với niềm mong mỏi về y và còn chưa quyết định; vị ấy không khởi ý rằng: "Ta sẽ trở về" và vị ấy cũng không khởi ý rằng: "Ta sẽ không trở về." Vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới và lưu tâm đến niềm mong mỏi về y ấy. Vị ấy nhận được không như ý mong mỏi và không nhận được như ý mong mỏi. Vị ấy khởi ý như vầy: "Ta sẽ không nhờ [người] làm y này nữa. Ta sẽ không trở về." Sự việc tự mình dứt khoát là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy.

11. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu ra đi với niềm mong mỏi về y và còn chưa quyết định; vị ấy không khởi ý rằng: "Ta sẽ trở về" và vị ấy cũng không khởi ý rằng: "Ta sẽ không trở về." Vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới và lưu tâm đến niềm mong mỏi về y ấy. Vị ấy nhận được không như ý mong mỏi và không nhận được như ý mong mỏi. Vị ấy khởi ý như vầy: "Ta sẽ nhờ [người] làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về." Vị ấy nhờ [người] làm y ấy. Trong khi y ấy của vị ấy đang được làm thì bị mất. Sự việc [y] bị mất là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy.

12. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu ra đi với niềm mong mỏi về y và còn chưa quyết định; vị ấy không khởi ý rằng: "Ta sẽ trở về" và vị ấy cũng không khởi ý rằng: "Ta sẽ không trở về." Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vầy: "Ta sẽ lưu tâm đến niềm mong mỏi về y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về." Vị ấy lưu tâm đến niềm mong mỏi về y ấy. Niềm mong mỏi về y ấy của vị ấy bị tan vỡ. Sự đổ vỡ của niềm mong mỏi về y là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy.

Dứt nhóm mười hai về "không như ý mong mỏi."

*****

1. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu ra đi với niềm mong mỏi về y [nghĩ rằng]: "Ta sẽ trở về." Vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới và lưu tâm đến niềm mong mỏi về y ấy. Vị ấy nhận được như ý mong mỏi và không nhận được không như ý mong mỏi. Vị ấy khởi ý như vầy: "Ta sẽ nhờ [người] làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về." Vị ấy nhờ [người] làm y ấy. Sự việc [y] được hoàn tất là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy.

2. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu ra đi với niềm mong mỏi về y [nghĩ rằng]: "Ta sẽ trở về." Vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới và lưu tâm đến niềm

mong mỏi về y ấy. Vị ấy nhận được như ý mong mỏi và không nhận được không như ý mong mỏi. Vị ấy khởi ý như vầy: "Ta sẽ không nhờ [người] làm y này nữa. Ta sẽ không trở về." Sự việc tự mình dứt khoát là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy.

3. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu ra đi với niềm mong mỏi về y [nghĩ rằng]: "Ta sẽ trở về." Vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới và lưu tâm đến niềm mong mỏi về y ấy. Vị ấy nhận được như ý mong mỏi và không nhận được không như ý mong mỏi. Vị ấy khởi ý như vầy: "Ta sẽ nhờ [người] làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về." Vị ấy nhờ [người] làm y ấy. Trong khi y ấy của vị ấy đang được làm thì bị mất. Sự việc [y] bị mất là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy.

4. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu ra đi với niềm mong mỏi về y [nghĩ rằng]: "Ta sẽ trở về." Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vầy: "Ta sẽ lưu tâm đến niềm mong mỏi về y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về." Vị ấy lưu tâm đến niềm mong mỏi về y ấy. Niềm mong mỏi về y ấy của vị ấy bị tan vỡ. Sự đổ vỡ của niềm mong mỏi về y là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy.

5. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu ra đi với niềm mong mỏi về y [nghĩ rằng]: "Ta sẽ trở về." Vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới và nghe được [tin] rằng: "Nghe nói *Kaṭhina* tại trú xứ ấy đã được thu hồi." Vị ấy khởi ý như vầy: "Bởi vì *Kaṭhina* tại trú xứ ấy đã được thu hồi, vậy ta sẽ lưu tâm đến niềm mong mỏi về y này ngay ở đây." Vị ấy lưu tâm đến niềm mong mỏi về y ấy. Vị ấy nhận được như ý mong mỏi và không nhận được không như ý mong mỏi. Vị ấy khởi ý như vầy: "Ta sẽ nhờ [người] làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về." Vị ấy nhờ [người] làm y ấy. Sự việc [y] được hoàn tất là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy.

6. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu ra đi với niềm mong mỏi về y [nghĩ rằng]: "Ta sẽ trở về." Vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới và nghe được [tin] rằng: "Nghe nói *Kaṭhina* tại trú xứ ấy đã được thu hồi." Vị ấy khởi ý như vầy: "Bởi vì *Kaṭhina* tại trú xứ ấy đã được thu hồi, vậy ta sẽ lưu tâm đến niềm mong mỏi về y này ngay ở đây." Vị ấy lưu tâm đến niềm mong mỏi về y ấy. Vị ấy nhận được như ý mong mỏi và không nhận được không như ý mong mỏi. Vị ấy khởi ý như vầy: "Ta sẽ không nhờ [người] làm y này nữa. Ta sẽ không trở về." Sự việc tự mình dứt khoát là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy.

7. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu ra đi với niềm mong mỏi về y [nghĩ rằng]: "Ta sẽ trở về." Vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới và nghe được [tin] rằng: "Nghe nói *Kaṭhina* tại trú xứ ấy đã được thu hồi." Vị ấy khởi ý như vầy: "Bởi vì *Kaṭhina* tại trú xứ ấy đã được thu hồi, vậy ta sẽ lưu tâm đến niềm mong mỏi về y này ngay ở đây." Vị ấy lưu tâm đến niềm mong mỏi về y ấy. Vị ấy nhận được như ý mong mỏi và không nhận được không như ý mong mỏi. Vị ấy khởi ý như

vầy: "Ta sẽ nhờ [người] làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về." Vị ấy nhờ [người] làm y ấy. Trong khi y ấy của vị ấy đang được làm thì bị mất. Sự việc [y] bị mất là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy.

8. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu ra đi với niềm mong mỏi về y [nghĩ rằng]: "Ta sẽ trở về." Vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới và nghe được [tin] rằng: "Nghe nói *Kaṭhina* tại trú xứ ấy đã được thu hồi." Vị ấy khởi ý như vầy: "Bởi vì *Kaṭhina* tại trú xứ ấy đã được thu hồi, vậy ta sẽ lưu tâm đến niềm mong mỏi về y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về." Vị ấy lưu tâm đến niềm mong mỏi về y ấy. Niềm mong mỏi về y ấy của vị ấy bị tan vỡ. Sự đổ vỡ của niềm mong mỏi về y là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy.

9. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu ra đi với niềm mong mỏi về y [nghĩ rằng]: "Ta sẽ trở về." Vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới và lưu tâm đến niềm mong mỏi về y ấy. Vị ấy nhận được như ý mong mỏi và không nhận được không như ý mong mỏi. Vị ấy nhờ [người] làm y ấy. Vị ấy có y đã được làm xong, nghe được [tin] rằng: "Nghe nói *Kaṭhina* tại trú xứ ấy đã được thu hồi." Sự việc nghe được [tin] là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy.

10. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu ra đi với niềm mong mỏi về y [nghĩ rằng]: "Ta sẽ trở về." Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì khởi ý như vầy: "Ta sẽ lưu tâm đến niềm mong mỏi về y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về." Vị ấy lưu tâm đến niềm mong mỏi về y ấy. Niềm mong mỏi về y ấy của vị ấy bị tan vỡ. Sự đổ vỡ của niềm mong mỏi về y là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy.

11. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu ra đi với niềm mong mỏi về y [nghĩ rằng]: "Ta sẽ trở về." Vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới và lưu tâm đến niềm mong mỏi về y ấy. Vị ấy nhận được như ý mong mỏi và không nhận được không như ý mong mỏi. Vị ấy nhờ [người] làm y ấy. Vị ấy có y đã được làm xong, [nghĩ rằng]: "Ta sẽ trở về, ta sẽ trở về" và chờ đợi sự hết hiệu lực *Kaṭhina* ở bên ngoài. Sự việc vượt qua ranh giới là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy.

12. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu ra đi với niềm mong mỏi về y [nghĩ rằng]: "Ta sẽ trở về." Vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới và lưu tâm đến niềm mong mỏi về y ấy. Vị ấy nhận được như ý mong mỏi và không nhận được không như ý mong mỏi. Vị ấy nhờ [người] làm y ấy. Vị ấy có y đã được làm xong, [nghĩ rằng]: "Ta sẽ trở về, ta sẽ trở về." Thời điểm hết hiệu lực *Kaṭhina* đã đến. Sự hết hiệu lực *Kaṭhina* của vị Tỳ-khưu ấy là chung [lượt] với các vị Tỳ-khưu.

Dứt nhóm mười hai về "như ý mong mỏi."

*****

1. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu ra đi vì có công việc cần làm nào đó. Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì niềm mong mỏi về y sanh khởi. Vị ấy lưu tâm đến niềm mong mỏi về y ấy. Vị ấy nhận được không như ý mong mỏi và không nhận được như ý mong mỏi. Vị ấy khởi ý như vầy: "Ta sẽ nhờ [người] làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về." Vị ấy nhờ [người] làm y ấy. Sự việc [y] được hoàn tất là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy.

2. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu ra đi vì có công việc cần làm nào đó. Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì niềm mong mỏi về y sanh khởi. Vị ấy lưu tâm đến niềm mong mỏi về y ấy. Vị ấy nhận được không như ý mong mỏi và không nhận được như ý mong mỏi. Vị ấy khởi ý như vầy: "Ta sẽ không nhờ [người] làm y này nữa. Ta sẽ không trở về." Sự việc tự mình dứt khoát là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy.

3. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu ra đi vì có công việc cần làm nào đó. Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì niềm mong mỏi về y sanh khởi. Vị ấy lưu tâm đến niềm mong mỏi về y ấy. Vị ấy nhận được không như ý mong mỏi và không nhận được như ý mong mỏi. Vị ấy khởi ý như vầy: "Ta sẽ nhờ [người] làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về." Vị ấy nhờ [người] làm y ấy. Trong khi y ấy của vị ấy đang được làm thì bị mất. Sự việc [y] bị mất là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy.

4. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu ra đi vì có công việc cần làm nào đó. Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì niềm mong mỏi về y sanh khởi. Vị ấy khởi ý như vầy: "Ta sẽ lưu tâm đến niềm mong mỏi về y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về." Vị ấy lưu tâm đến niềm mong mỏi về y ấy. Niềm mong mỏi về y ấy của vị ấy bị tan vỡ. Sự đổ vỡ của niềm mong mỏi về y là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy.

5. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu ra đi vì có công việc cần làm nào đó [nghĩ rằng]: "Ta sẽ không trở về." Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì niềm mong mỏi về y sanh khởi. Vị ấy lưu tâm đến niềm mong mỏi về y ấy. Vị ấy nhận được không như ý mong mỏi và không nhận được như ý mong mỏi. Vị ấy khởi ý như vầy: "Ta sẽ nhờ [người] làm y này ngay ở đây." Vị ấy nhờ [người] làm y ấy. Sự việc [y] được hoàn tất là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy.

6. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu ra đi vì có công việc cần làm nào đó [nghĩ rằng]: "Ta sẽ không trở về." Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì niềm mong mỏi về y sanh khởi. Vị ấy lưu tâm đến niềm mong mỏi về y ấy. Vị ấy nhận được không như ý mong mỏi và không nhận được như ý mong mỏi. Vị ấy khởi ý như vầy: "Ta sẽ không nhờ [người] làm y này nữa." Sự việc tự mình dứt khoát là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy.

7. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu ra đi vì có công việc cần làm nào đó [nghĩ rằng]: "Ta sẽ không trở về." Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì

niềm mong mỏi về y sanh khởi. Vị ấy lưu tâm đến niềm mong mỏi về y ấy. Vị ấy nhận được không như ý mong mỏi và không nhận được như ý mong mỏi. Vị ấy khởi ý như vầy: "Ta sẽ nhờ [người] làm y này ngay ở đây." Vị ấy nhờ [người] làm y ấy. Trong khi y ấy của vị ấy đang được làm thì bị mất. Sự việc [y] bị mất là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy.

8. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu ra đi vì có công việc cần làm nào đó [nghĩ rằng]: "Ta sẽ không trở về." Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì niềm mong mỏi về y sanh khởi. Vị ấy khởi ý như vầy: "Ta sẽ lưu tâm đến niềm mong mỏi về y này ngay ở đây." Vị ấy lưu tâm đến niềm mong mỏi về y ấy. Niềm mong mỏi về y ấy của vị ấy bị tan vỡ. Sự đổ vỡ của niềm mong mỏi về y là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy.

9. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu ra đi vì có công việc cần làm nào đó và còn chưa quyết định; vị ấy không khởi ý rằng: "Ta sẽ trở về" và vị ấy cũng không khởi ý rằng: "Ta sẽ không trở về." Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì niềm mong mỏi về y sanh khởi. Vị ấy lưu tâm đến niềm mong mỏi về y ấy. Vị ấy nhận được không như ý mong mỏi và không nhận được như ý mong mỏi. Vị ấy khởi ý như vầy: "Ta sẽ nhờ [người] làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về." Vị ấy nhờ [người] làm y ấy. Sự việc [y] được hoàn tất là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy.

10. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu ra đi vì có công việc cần làm nào đó và còn chưa quyết định; vị ấy không khởi ý rằng: "Ta sẽ trở về" và vị ấy cũng không khởi ý rằng: "Ta sẽ không trở về." Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì niềm mong mỏi về y sanh khởi. Vị ấy lưu tâm đến niềm mong mỏi về y ấy. Vị ấy nhận được không như ý mong mỏi và không nhận được như ý mong mỏi. Vị ấy khởi ý như vầy: "Ta sẽ không nhờ [người] làm y này nữa. Ta sẽ không trở về." Sự việc tự mình dứt khoát là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy.

11. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu ra đi vì có công việc cần làm nào đó và còn chưa quyết định; vị ấy không khởi ý rằng: "Ta sẽ trở về" và vị ấy cũng không khởi ý rằng: "Ta sẽ không trở về." Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì niềm mong mỏi về y sanh khởi. Vị ấy lưu tâm đến niềm mong mỏi về y ấy. Vị ấy nhận được không như ý mong mỏi và không nhận được như ý mong mỏi. Vị ấy khởi ý như vầy: "Ta sẽ nhờ [người] làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về." Vị ấy nhờ [người] làm y ấy. Trong khi y ấy của vị ấy đang được làm thì bị mất. Sự việc [y] bị mất là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy.

12. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu ra đi vì có công việc cần làm nào đó và còn chưa quyết định; vị ấy không khởi ý rằng: "Ta sẽ trở về" và vị ấy cũng không khởi ý rằng: "Ta sẽ không trở về." Khi vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới thì niềm mong mỏi về y sanh khởi. Vị ấy khởi ý như vầy: "Ta sẽ lưu tâm

đến niềm mong mỏi về y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về." Vị ấy lưu tâm đến niềm mong mỏi về y ấy. Niềm mong mỏi về y ấy của vị ấy bị tan vỡ. Sự đổ vỡ của niềm mong mỏi về y là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy.

Dứt nhóm mười hai về "có công việc cần làm."

*****

1. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu và là vị du hành phương xa, ra đi chưa thâu thập phần chia về y. Các vị Tỳ-khưu đã hỏi vị du hành phương xa ấy rằng: "Này Đại đức, ngài đã trú mùa [an cư] mưa ở đâu? Và phần chia về y của ngài đâu?" Vị ấy nói như vầy: "Tôi đã trú mùa [an cư] mưa ở trú xứ kia và phần chia về y của tôi còn ở nơi ấy." Các vị ấy nói như vầy: "Này Đại đức, hãy đi và đem y ấy lại. Chúng tôi sẽ làm y cho ngài ở đây." Vị ấy đi về lại trú xứ ấy và hỏi các vị Tỳ-khưu rằng: "Này các Đại đức, phần chia về y của tôi đâu?" Các vị ấy nói như vầy: "Này Đại đức, đây là phần chia về y của ngài. Ngài sẽ đi đâu vậy?" Vị ấy nói như vầy: "Tôi sẽ đi trú xứ kia, các vị Tỳ-khưu ở đó sẽ làm y cho tôi." Các vị ấy nói như vầy: "Này Đại đức, được rồi, ngài chớ có đi. Chúng tôi sẽ làm y cho ngài ở đây." Vị ấy khởi ý như vầy: "Ta sẽ nhờ [người] làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về." Vị ấy nhờ [người] làm y ấy. Sự việc [y] được hoàn tất là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy.

2. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu và là vị du hành phương xa, ra đi ...(nt)... Sự việc tự mình dứt khoát là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy.

3. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu và là vị du hành phương xa, ra đi ...(nt)... Sự việc [y] bị mất là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy.

4. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu và là vị du hành phương xa, ra đi chưa thâu thập phần chia về y. Các vị Tỳ-khưu đã hỏi vị du hành phương xa ấy rằng: "Này Đại đức, ngài đã trú mùa [an cư] mưa ở đâu? Và phần chia về y của ngài đâu?" Vị ấy nói như vầy: "Tôi đã trú mùa [an cư] mưa ở trú xứ kia và phần chia về y của tôi còn ở nơi ấy." Các vị ấy nói như vầy: "Này Đại đức, hãy đi và đem y ấy lại. Chúng tôi sẽ làm y cho ngài ở đây." Vị ấy đi về lại trú xứ ấy và hỏi các vị Tỳ-khưu rằng: "Này các Đại đức, phần chia về y của tôi đâu?" Các vị ấy nói như vầy: "Này Đại đức, đây là phần chia về y của ngài." Vị ấy cầm lấy y ấy và đi đến trú xứ kia. Giữa đường đi, các vị Tỳ-khưu hỏi vị ấy rằng: "Này Đại đức, ngài sẽ đi đâu?" Vị ấy nói như vầy: "Tôi sẽ đi trú xứ kia, các vị Tỳ-khưu ở đó sẽ làm y cho tôi." Các vị ấy nói như vầy: "Này Đại đức, được rồi, ngài chớ có đi. Chúng tôi sẽ làm y cho ngài ở đây." Vị ấy khởi ý như vầy: "Ta sẽ nhờ [người] làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về." Vị ấy nhờ [người] làm y ấy. Sự việc [y] được hoàn tất là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy.

5. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu và là vị du hành phương xa, ra đi chưa thâu thập phần chia về y. Các vị Tỳ-khưu đã hỏi vị du hành phương xa

ấy rằng: "Này Đại đức, ngài đã trú mùa [an cư] mưa ở đâu? Và phần chia về y của ngài đâu?" Vị ấy nói như vầy: "Tôi đã trú mùa [an cư] mưa ở trú xứ kia và phần chia về y của tôi còn ở nơi ấy." Các vị ấy nói như vầy: "Này Đại đức, hãy đi và đem y ấy lại. Chúng tôi sẽ làm y cho ngài ở đây." Vị ấy đi về lại trú xứ ấy và hỏi các vị Tỳ-khưu rằng: "Này các Đại đức, phần chia về y của tôi đâu?" Các vị ấy nói như vầy: "Này Đại đức, đây là phần chia về y của ngài." Vị ấy cầm lấy y ấy và đi đến trú xứ kia. Giữa đường đi, các vị Tỳ-khưu hỏi vị ấy rằng: "Này Đại đức, ngài sẽ đi đâu?" Vị ấy nói như vầy: "Tôi sẽ đi trú xứ kia, các vị Tỳ-khưu ở đó sẽ làm y cho tôi." Các vị ấy nói như vầy: "Này Đại đức, được rồi, ngài chớ có đi. Chúng tôi sẽ làm y cho ngài ở đây." Vị ấy khởi ý như vầy: "Ta sẽ không nhờ [người] làm y này nữa. Ta sẽ không trở về." Sự việc tự mình dứt khoát là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy.

6. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu và là vị du hành phương xa, ra đi ...(nt)... "Ta sẽ nhờ [người] làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về." Vị ấy nhờ [người] làm y ấy. Trong khi y ấy của vị ấy đang được làm thì bị mất. Sự việc [y] bị mất là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy.

7. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu và là vị du hành phương xa, ra đi chưa thâu thập phần chia về y. Các vị Tỳ-khưu đã hỏi vị du hành phương xa ấy rằng: "Này Đại đức, ngài đã trú mùa [an cư] mưa ở đâu? Và phần chia về y của ngài đâu?" Vị ấy nói như vầy: "Tôi đã trú mùa [an cư] mưa ở trú xứ kia và phần chia về y của tôi còn ở nơi ấy." Các vị ấy nói như vầy: "Này Đại đức, hãy đi và đem y ấy lại. Chúng tôi sẽ làm y cho ngài ở đây." Vị ấy đi về lại trú xứ ấy và hỏi các vị Tỳ-khưu rằng: "Này các Đại đức, phần chia về y của tôi đâu?" Các vị ấy nói như vầy: "Này Đại đức, đây là phần chia về y của ngài." Vị ấy cầm lấy y ấy và đi đến trú xứ kia. Khi đã đi đến trú xứ kia, vị ấy đã khởi ý như vầy: "Ta sẽ nhờ [người] làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về." Vị ấy nhờ [người] làm y ấy. Sự việc [y] được hoàn tất là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy.

8. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu và là vị du hành phương xa, ra đi ...(nt)... "Ta sẽ không nhờ [người] làm y này nữa. Ta sẽ không trở về." Sự việc tự mình dứt khoát là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy.

9. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu và là vị du hành phương xa, ra đi ...(nt)... "Ta sẽ nhờ [người] làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về." Vị ấy nhờ [người] làm y ấy. Trong khi y ấy của vị ấy đang được làm thì bị mất. Sự việc [y] bị mất là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy.

Dứt nhóm chín về "chưa thâu thập."

*****

1. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu và là vị có sự trú ngụ thoải mái, đã cầm lấy y rồi ra đi [nghĩ rằng]: "Ta sẽ đi đến trú xứ có tên thế ấy. Nếu ở

nơi ấy có sự thoải mái cho ta, ta sẽ trú ngụ. Nếu không có sự thoải mái cho ta, ta sẽ đi đến trú xứ có tên thế kia. Nếu ở nơi kia có sự thoải mái cho ta, ta sẽ trú ngụ. Nếu không có sự thoải mái cho ta, ta sẽ đi đến trú xứ có tên thế nọ. Nếu ở nơi nọ có sự thoải mái cho ta, ta sẽ trú ngụ. Nếu không có sự thoải mái cho ta, ta sẽ trở về." Khi vị ấy đi khỏi ranh giới thì khởi ý như vầy: "Ta sẽ nhờ [người] làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về." Vị ấy nhờ [người] làm y ấy. Sự việc [y] được hoàn tất là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy.

2. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu và là vị có sự trú ngụ thoải mái, đã cầm lấy y rồi ra đi [nghĩ rằng]: "Ta sẽ đi đến trú xứ có tên thế ấy. Nếu ở nơi ấy có sự thoải mái cho ta, ta sẽ trú ngụ. Nếu không có sự thoải mái cho ta, ta sẽ đi đến trú xứ có tên thế kia. Nếu ở nơi kia có sự thoải mái cho ta, ta sẽ trú ngụ. Nếu không có sự thoải mái cho ta, ta sẽ đi đến trú xứ có tên thế nọ. Nếu ở nơi nọ có sự thoải mái cho ta, ta sẽ trú ngụ. Nếu không có sự thoải mái cho ta, ta sẽ trở về." Khi vị ấy đi khỏi ranh giới thì khởi ý như vầy: "Ta sẽ không nhờ [người] làm y này nữa. Ta sẽ không trở về." Sự việc tự mình dứt khoát là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy.

3. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu và là vị có sự trú ngụ thoải mái, đã cầm lấy y rồi ra đi [nghĩ rằng]: "Ta sẽ đi đến trú xứ có tên thế ấy. Nếu ở nơi ấy có sự thoải mái cho ta, ta sẽ trú ngụ. Nếu không có sự thoải mái cho ta, ta sẽ đi đến trú xứ có tên thế kia. Nếu ở nơi kia có sự thoải mái cho ta, ta sẽ trú ngụ. Nếu không có sự thoải mái cho ta, ta sẽ đi đến trú xứ có tên thế nọ. Nếu ở nơi nọ có sự thoải mái cho ta, ta sẽ trú ngụ. Nếu không có sự thoải mái cho ta, ta sẽ trở về." Khi vị ấy đi khỏi ranh giới thì khởi ý như vầy: "Ta sẽ nhờ [người] làm y này ngay ở đây. Ta sẽ không trở về." Vị ấy nhờ [người] làm y ấy. Trong khi y ấy của vị ấy đang được làm thì bị mất. Sự việc [y] bị mất là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy.

4. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu và là vị có sự trú ngụ thoải mái, đã cầm lấy y rồi ra đi [nghĩ rằng]: "Ta sẽ đi đến trú xứ có tên thế ấy. Nếu ở nơi ấy có sự thoải mái cho ta, ta sẽ trú ngụ. Nếu không có sự thoải mái cho ta, ta sẽ đi đến trú xứ có tên thế kia. Nếu ở nơi kia có sự thoải mái cho ta, ta sẽ trú ngụ. Nếu không có sự thoải mái cho ta, ta sẽ đi đến trú xứ có tên thế nọ. Nếu ở nơi nọ có sự thoải mái cho ta, ta sẽ trú ngụ. Nếu không có sự thoải mái cho ta, ta sẽ trở về." Vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới và nhờ [người] làm y ấy. Vị ấy, có y đã được làm xong, [nghĩ rằng]: "Ta sẽ trở về, ta sẽ trở về" rồi chờ đợi sự hết hiệu lực *Kaṭhina* ở bên ngoài. Sự việc vượt qua ranh giới là sự hết hiệu lực *Kaṭhina* đối với vị Tỳ-khưu ấy.

5. Vị Tỳ-khưu có *Kaṭhina* đã được thành tựu và là vị có sự trú ngụ thoải mái, đã cầm lấy y rồi ra đi [nghĩ rằng]: "Ta sẽ đi đến trú xứ có tên thế ấy. Nếu ở nơi ấy có sự thoải mái cho ta, ta sẽ trú ngụ. Nếu không có sự thoải mái cho ta, ta sẽ đi đến trú xứ có tên thế kia. Nếu ở nơi kia có sự thoải mái cho ta, ta sẽ trú ngụ. Nếu không có sự thoải mái cho ta, ta sẽ đi đến trú xứ có tên thế nọ. Nếu ở

nơi nọ có sự thoải mái cho ta, ta sẽ trú ngụ. Nếu không có sự thoải mái cho ta, ta sẽ trở về." Vị ấy đã đi ra khỏi ranh giới và nhờ [người] làm y ấy. Vị ấy có y đã được làm xong, [nghĩ rằng]: "Ta sẽ trở về, ta sẽ trở về." Thời điểm hết hiệu lực *Kaṭhina* đã đến. Sự hết hiệu lực *Kaṭhina* của vị Tỳ-khưu ấy là chung [lượt] với các vị Tỳ-khưu.

Dứt nhóm năm về "vị có sự trú ngụ thoải mái."

*****

1. Này các Tỳ-khưu, đây là hai điều vướng bận [và] hai điều không vướng bận của *Kaṭhina*. Và này các Tỳ-khưu, hai điều vướng bận của *Kaṭhina* là gì? Sự vướng bận về trú xứ và sự vướng bận về y. Và này các Tỳ-khưu, thế nào là sự vướng bận về trú xứ? Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu hoặc là cư ngụ tại trú xứ ấy hoặc là ra đi với sự mong mỏi [nghĩ rằng]: "Ta sẽ trở về." Này các Tỳ-khưu, như vậy là có sự vướng bận về trú xứ. Và này các Tỳ-khưu, thế nào là sự vướng bận về y? Này các Tỳ-khưu, trường hợp y của vị Tỳ-khưu chưa được làm, hoặc là chưa được làm xong, hoặc là niềm mong mỏi về y chưa bị tan vỡ. Này các Tỳ-khưu, như vậy là có sự vướng bận về y. Này các Tỳ-khưu, đây là hai điều vướng bận của *Kaṭhina*.

2. Và này các Tỳ-khưu, hai điều không vướng bận của *Kaṭhina* là gì? Sự không vướng bận về trú xứ và sự không vướng bận về y. Và này các Tỳ-khưu, thế nào là sự không vướng bận về trú xứ? Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu ra đi từ trú xứ ấy với sự buông bỏ, với sự từ bỏ, với sự dứt bỏ, với sự không quan tâm [nghĩ rằng]: "Ta sẽ không trở về." Này các Tỳ-khưu, như vậy là có sự không vướng bận về trú xứ. Và này các Tỳ-khưu, thế nào là sự không vướng bận về y? Này các Tỳ-khưu, trường hợp y của vị Tỳ-khưu đã được làm xong, hoặc bị mất, hoặc bị hư hỏng, hoặc bị cháy, hoặc là niềm mong mỏi về y bị tan vỡ. Này các Tỳ-khưu, như vậy là có sự không vướng bận về y. Này các Tỳ-khưu, đây là hai điều không vướng bận của *Kaṭhina*.

Dứt chương *Kaṭhina* là thứ bảy.

*****

Trong chương này có mười hai sự việc.
Một trăm mười tám phần mở đầu đã được giản lược.

TÓM LƯỢC CHƯƠNG NÀY:

1. Ba mươi vị Tỳ-khưu xứ Pāvā đã trú ở Sāketa với tâm phiền muộn. Trải qua mùa [an cư] mưa, các vị đã đi diện kiến đấng Chiến Thắng với các y bị đẫm nước.

2. Đây là câu chuyện của *Kaṭhina* và năm điều sẽ trở thành được phép: [Ra đi] không phải báo, không mang theo [đủ ba y], tương tợ như thế ấy là việc thọ thực thành nhóm.

3. Và [được sử dụng nhiều y] theo như nhu cầu, sự phát sanh [về y] sẽ là của các vị đã được thành tựu. Lời đề nghị và như vầy là được thành tựu, như vầy là không được thành tựu.

4. Việc được đánh dấu và luôn cả việc giặt, việc tính toán và việc cắt, việc kết chỉ tạm, việc may thêm, việc gắn miếng vải làm dấu, việc may chắc chắn, liên quan đến miếng vải viền.

5. Đường viền quanh, đắp lớp nữa, việc nhuộm, dấu hiệu gợi ý, lời giảng giải, mượn tạm thời, sự tích trữ, việc để qua đêm, chưa được phép, trừ ra ba y ấy.

6. Ngoại trừ y năm điều, hoặc nhiều hơn, với việc đã được cắt, có sự kết lại, không [thành tựu] trừ phi là cá nhân, được làm đúng đắn, vị đứng ngoài ranh tùy hỷ, *Kaṭhina* là không thành tựu, đã được thuyết giảng như thế bởi đức Phật.

7. [Vải] không bị dơ, xem như không bị dơ, tấm choàng cũ, vải quăng bỏ và vải bỏ ở cửa tiệm, không ra dấu hiệu, việc thuyết giảng, không mượn tạm thời và không tích trữ.

8. Không để qua đêm, việc đánh dấu đã làm và tương tợ như thế với ba y, năm điều hoặc nhiều hơn thế, đã được cắt, việc kết lại đã được làm.

9. Việc thành tựu do cá nhân, [được làm] đúng đắn, vị đứng trong ranh giới tùy hỷ, như thế là sự thành tựu của *Kaṭhina*, tám tiêu đề của sự thu hồi.

10. Các vị ra đi, sự hoàn tất và sự tự mình dứt khoát, việc bị mất, sự nghe được [tin], sự đổ vỡ của niềm mong mỏi, ranh giới, sự thu hồi là thứ tám.

11. Cầm lấy y đã làm, vị đi [nghĩ rằng]: "Ta sẽ không trở lại", sự thu hồi về *Kaṭhina* ấy của vị ấy là liên quan đến sự ra đi.

12. Cầm lấy y [chưa làm] đi ra khỏi ranh giới, vị ấy đã suy nghĩ điều này: "Ta sẽ nhờ làm và sẽ không trở lại", trong việc được hoàn tất là sự thu hồi *Kaṭhina*.

13. Cầm lấy, ở ngoài ranh giới, không có ý định: "Ta sẽ không trở về", sự thu hồi về *Kaṭhina* ấy của vị ấy là liên quan đến việc tự mình dứt khoát.

14. Cầm lấy y ra đi khỏi ranh giới đã suy nghĩ điều này: "Ta sẽ nhờ làm và sẽ không trở về", trong khi làm [y] của vị ấy bị mất, sự thu hồi về *Kaṭhina* ấy của vị ấy là liên quan đến sự bị mất.

15. Cầm lấy [y] rồi ra đi [nghĩ rằng]: "Ta sẽ trở về" rồi nhờ làm y ở bên ngoài, với y đã được làm xong, rồi nghe tin *Kaṭhina* ở nơi kia đã được thu hồi, sự thu hồi về *Kaṭhina* ấy của vị ấy là liên quan đến việc nghe.

16. Cầm lấy [y] rồi ra đi [nghĩ rằng]: "Ta sẽ trở về" rồi nhờ làm y ở bên ngoài, với y đã được làm xong, chờ đợi ở bên ngoài, sự thu hồi về *Kaṭhina* ấy của vị ấy là liên quan đến sự vượt qua ranh giới.

17. Cầm lấy [y] rồi ra đi [nghĩ rằng]: "Ta sẽ trở về" rồi nhờ làm y ở bên ngoài, với y đã được làm xong, [nghĩ rằng]: "Ta sẽ trở về" đã đến thời của việc

thu hồi *Kaṭhina*, sự thu hồi về *Kaṭhina* ấy của vị ấy sanh lên đồng một lượt với các vị Tỳ-khưu.

18. Cầm lấy và mang theo, có bảy và bảy phương thức đường lối, những trường hợp ra đi với y chưa làm xong là không có đường lối ở nhóm sáu.

19. Cầm lấy [y] rồi đi ra khỏi ranh [giới], sanh khởi ý rằng: "Ta sẽ nhờ làm" có ba điều này: Sự làm xong, sự tự mình dứt khoát và sự bị mất.

20. Cầm lấy [y và nghĩ rằng]: "Ta sẽ không trở về, ta làm ở bên ngoài ranh giới" có ba điều này: Sự làm xong, sự tự mình dứt khoát và sự bị mất. Do còn chưa quyết định vị ấy cũng không khởi ý, có ba đường lối hướng dẫn ở bên dưới.

21. Cầm lấy [y] và ra đi [nghĩ rằng]: "Ta sẽ trở về, ta làm ở bên ngoài ranh giới" vị nhờ làm [nghĩ rằng]: "Ta sẽ không trở về" khi việc hoàn tất là sự thu hồi về *Kaṭhina*.

22. Sự tự mình dứt khoát, sự bị mất, nghe được [tin], sự vượt qua ranh giới, được sanh khởi đồng thời cùng với các vị Tỳ-khưu, như vầy là mười lăm đường lối.

23. Mang theo [y] chưa được làm xong cũng tương tợ như là mang theo, bốn trường hợp này đây, toàn bộ có mười lăm đường lối.

24. Không như ý mong mỏi, như ý mong mỏi và có công việc cần làm, chúng là ba điều, nên hiểu việc ấy theo sự hướng dẫn là ba lượt, mỗi lượt là mười hai, mười hai.

25. Và chưa thâu thập là chín ở nơi này, thoải mái có năm phương thức ở nơi kia, điều vướng bận, điều không vướng bận, sự tóm tắt đã được thực hiện theo sự hướng dẫn.

--ooOoo--

VIII. CHƯƠNG Y PHỤC

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Rājagaha, Veḷuvana, nơi nuôi dưỡng các con sóc. Vào lúc bấy giờ, thành Vesālī được phồn thịnh và còn giàu có nữa, đông dân, người người chen chúc, vật thực dễ dàng và có bảy ngàn bảy trăm lẻ bảy tòa nhà dài, bảy ngàn bảy trăm lẻ bảy lầu mái nhọn, bảy ngàn bảy trăm lẻ bảy công viên, bảy ngàn bảy trăm lẻ bảy hồ sen. Và có nàng kỹ nữ Ambapālī xinh đẹp, đáng nhìn, duyên dáng, được phú cho làn da đẹp hạng nhất, có tài năng về múa, hát và đàn, được những người đàn ông có lòng say đắm cầu cạnh, nàng qua đêm với giá năm mươi tiền và nhờ nàng thành Vesālī càng thêm phần rạng rỡ.

2. Khi ấy, viên thị trưởng thành Rājagaha đã đi đến Vesālī do công việc cần thiết nào đó. Viên thị trưởng thành Rājagaha đã nhìn thấy thành Vesālī là phồn thịnh và còn giàu có nữa, đông dân, người người chen chúc, vật thực dễ dàng, có bảy ngàn bảy trăm lẻ bảy tòa nhà dài, bảy ngàn bảy trăm lẻ bảy lầu mái nhọn, bảy ngàn bảy trăm lẻ bảy công viên, bảy ngàn bảy trăm lẻ bảy hồ sen, có nàng kỹ nữ Ambapālī xinh đẹp, đáng nhìn, duyên dáng, được phú cho làn da đẹp hạng nhất, có tài năng về múa, hát và đàn, được những người đàn ông có lòng say đắm cầu cạnh, nàng qua đêm với giá năm mươi tiền và nhờ nàng thành Vesālī càng thêm phần rạng rỡ.

3. Sau đó, khi đã hoàn tất công việc cần làm ấy ở Vesālī, viên thị trưởng thành Rājagaha đã quay về lại thành Rājagaha và đã đi đến gặp đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha, sau khi đến đã nói với đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha điều này:

– Tâu Bệ hạ, thành Vesālī là phồn thịnh và còn giàu có nữa, đông dân, người người chen chúc, vật thực dễ dàng, có bảy ngàn bảy trăm lẻ bảy tòa nhà dài, bảy ngàn bảy trăm lẻ bảy lầu mái nhọn, bảy ngàn bảy trăm lẻ bảy công viên, bảy ngàn bảy trăm lẻ bảy hồ sen, có nàng kỹ nữ Ambapālī xinh đẹp, đáng nhìn, duyên dáng, được phú cho làn da đẹp hạng nhất, có tài năng về múa, hát và đàn, được những người đàn ông có lòng say đắm cầu cạnh, nàng qua đêm với giá năm mươi tiền và nhờ nàng thành Vesālī càng thêm phần rạng rỡ. Tâu Bệ hạ, tốt đẹp thay nếu chúng ta cũng có thể đào tạo kỹ nữ.

– Này khanh, như thế thì khanh hãy tìm người con gái tương tợ rồi hãy đào tạo nàng trở thành kỹ nữ như thế.

4. Vào lúc bấy giờ, trong thành Rājagaha có người con gái tên Sālavatī là người xinh đẹp, đáng nhìn, duyên dáng, được phú cho làn da đẹp hạng nhất.

Khi ấy, viên thị trưởng thành Rājagaha đã đào tạo người con gái Sālavatī thành kỹ nữ. Sau đó chẳng bao lâu, nàng kỹ nữ Sālavatī đã trở nên có tài năng về múa, hát và đàn, được những người đàn ông có lòng say đắm cầu cạnh và nàng qua đêm với giá đến một trăm tiền.

5. Sau đó chẳng bao lâu, nàng kỹ nữ Sālavatī đã mang thai. Khi ấy, nàng kỹ nữ Sālavatī đã khởi ý điều này: "Đàn bà mang thai đâu còn được đàn ông ưa thích. Nếu có người biết về ta rằng: 'Kỹ nữ Sālavatī mang thai' thì toàn bộ sự trọng vọng đối với ta đều sẽ mất. Hay là ta nên cáo bệnh?" Sau đó, nàng kỹ nữ Sālavatī đã bảo người gác cổng rằng:

– Này chú em gác cổng, chớ để bất cứ người đàn ông nào vào. Và ai hỏi ta thì cho hay rằng: "Bị bệnh."

– Thưa cô chủ, xin vâng.

Người gác cổng ấy đã đáp lại nàng kỹ nữ Sālavatī. Sau đó, đến lúc phát triển đầy đủ của bào thai ấy, nàng kỹ nữ Sālavatī đã sanh ra đứa bé trai. Khi ấy, nàng kỹ nữ Sālavatī đã bảo người tớ gái rằng:

– Này em, giờ hãy đặt đứa bé trai này vào trong giỏ đan cũ kỹ rồi mang đi quăng bỏ ở đống rác.

– Thưa cô chủ, xin vâng.

Rồi người tớ gái ấy nghe theo nàng kỹ nữ Sālavatī đã đặt đứa bé trai ấy vào trong giỏ đan cũ kỹ rồi mang đi quăng bỏ ở đống rác.

6. Vào lúc bấy giờ, vị vương tử tên Abhaya trong khi đi phục vụ đức vua vào lúc sáng sớm đã nhìn thấy đứa bé trai ấy đang bị bầy quạ bu quanh, sau khi nhìn thấy đã hỏi mọi người rằng:

– Này các khanh, vật gì bị bầy quạ bu quanh vậy?

– Thưa ngài, đứa bé trai.

– Này các khanh, còn sống không?

– Thưa ngài, còn sống.

– Này các khanh, như thế thì hãy mang đứa bé trai ấy về hậu cung của chúng ta và giao cho các vú nuôi chăm sóc.

– Thưa ngài, xin vâng.

Rồi những người ấy nghe theo Vương tử Abhaya đã mang đứa bé trai ấy về hậu cung của Vương tử Abhaya rồi giao cho các vú nuôi [nói rằng]: "Các người hãy chăm sóc." Lời đã nói về đứa bé là "còn sống" nên họ đã đặt tên đứa bé là "Jīvaka" (người đang sống). Và bởi vì "được nuôi dưỡng bởi vị vương tử" nên đã được đặt tên là "Komārabhacca."

7. Sau đó chẳng bao lâu, Jīvaka Komārabhacca đã đạt đến tuổi hiểu biết. Khi ấy, Jīvaka Komārabhacca đã đi đến gặp Vương tử Abhaya, sau khi đến đã nói với Vương tử Abhaya điều này:

– Thưa ngài, ai là mẹ của con, ai là cha của con?

– Này Jīvaka con, ta cũng không biết mẹ của con; tuy nhiên, ta là cha của con vì con đã được ta nuôi dưỡng.

Khi ấy, Jīvaka Komārabhacca đã khởi ý điều này: "Với kẻ không có nghề nghiệp thì các gia đình vương giả này quả là không dễ gì để sống nhờ vả. Hay là ta nên học lấy nghề nghiệp?"

8. Vào lúc bấy giờ, có người thầy thuốc tiếng tăm lẫy lừng sống ở Takkasilā. Khi ấy, Jīvaka Komārabhacca không xin phép Vương tử Abhaya đã đi đến Takkasilā gặp người thầy thuốc ấy, sau khi đến đã nói với người thầy thuốc ấy điều này:

– Thưa thầy, con muốn học nghề.

– Này Jīvaka con, như vậy thì con có thể học.

9. Sau đó, Jīvaka Komārabhacca học nhiều, học nhanh chóng, tiếp thâu tốt đẹp và đối với anh ta điều đã được học thì không quên đi. Sau đó, khi trải qua bảy năm Jīvaka Komārabhacca đã khởi ý điều này: "Ta học nhiều, học nhanh chóng, tiếp thâu tốt đẹp và đối với ta điều đã được học thì không quên đi. Và trong khi ta đã học được bảy năm rồi mà đích cuối cùng của nghề này vẫn không được biết đến, vậy thì khi nào đích cuối cùng của nghề này mới được biết đến?"

10. Sau đó, Jīvaka Komārabhacca đã đi đến gặp người thầy thuốc ấy, sau khi đến đã nói với người thầy thuốc ấy điều này:

– Thưa thầy, con học nhiều, học nhanh chóng, tiếp thâu tốt đẹp và đối với con điều đã được học thì không quên đi. Và trong khi con đã học được bảy năm rồi mà đích cuối cùng của nghề này vẫn không được biết đến, vậy thì khi nào đích cuối cùng của nghề này mới được biết đến?

– Này Jīvaka con, như vậy thì con hãy cầm lấy cái thuổng đi dạo xung quanh Takkasilā một do-tuần, nếu con thấy được bất cứ vật gì không phải là dược phẩm thì hãy đem vật ấy về.

– Thưa thầy, xin vâng.

Rồi Jīvaka Komārabhacca nghe theo người thầy thuốc ấy, đã cầm lấy cái thuổng, trong khi đi dạo xung quanh Takkasilā một do-tuần, đã không nhìn thấy bất cứ vật gì không phải là dược phẩm.

11. Sau đó, Jīvaka Komārabhacca đã đi đến gặp người thầy thuốc ấy, sau khi đến đã nói với người thầy thuốc ấy điều này:

– Thưa thầy, trong khi đi dạo xung quanh Takkasilā một do-tuần, con đã không thấy được bất cứ vật gì không phải là dược phẩm.

– Này Jīvaka con, con đã học xong. Bấy nhiêu đó đã đủ cho cuộc sống của con rồi.

Rồi [người thầy thuốc ấy] đã trao cho Jīvaka Komārabhacca chút ít [tiền] dự phòng đi đường.

12. Khi ấy, Jīvaka Komārabhacca sau khi nhận lấy chút ít [tiền] dự phòng đi đường rồi đã ra đi về phía thành Rājagaha. Sau đó, vào khoảng giữa cuộc hành trình, ở Sāketa chút ít [tiền] dự phòng đi đường ấy đã hết. Khi ấy, Jīvaka Komārabhacca đã khởi ý điều này: "Những con đường này hoang vắng, ít nước, ít thức ăn, không có [tiền] dự phòng đi đường không phải dễ dàng để đi, hay là ta nên kiếm [tiền] dự phòng đi đường?"

13. Vào lúc bấy giờ, ở Sāketa có người vợ của nhà đại phú bị bệnh đau đầu đã bảy năm. Nhiều thầy thuốc tiếng tăm vô cùng lừng lẫy đã đi đến và đã không thể làm khỏi bệnh; họ đã nhận lấy nhiều vàng khối rồi ra đi. Khi ấy, Jīvaka Komārabhacca đã đi vào Sāketa và hỏi dân chúng rằng:

– Này các người, ai bị bệnh? Tôi chữa trị cho ai đây?

– Này ông thầy, người vợ nhà đại phú kia bị bệnh đau đầu đã bảy năm. Này ông thầy, hãy đi và chữa trị cho người vợ nhà đại phú.

14. Sau đó, Jīvaka Komārabhacca đã đi đến tư gia của vị đại phú, sau khi đến đã bảo người gác cổng rằng:

– Này chú gác cổng, hãy đi và báo cho người vợ nhà đại phú rằng: "Thưa bà, người thầy thuốc đã đến. Ông ấy có ý muốn gặp bà."

– Thưa thầy, xin vâng.

Rồi người gác cổng ấy nghe theo Jīvaka Komārabhacca, đã đi đến gặp người vợ nhà đại phú, sau khi đến đã nói với người vợ nhà đại phú điều này:

– Thưa bà, người thầy thuốc đã đến. Ông ấy có ý muốn gặp bà.

– Này chú gác cổng, người thầy thuốc ra làm sao?

– Thưa bà, còn trẻ lắm.

– Này chú gác cổng, thôi đi! Thầy thuốc còn trẻ lắm thì sẽ làm được gì cho ta? Nhiều thầy thuốc tiếng tăm vô cùng lừng lẫy đã đi đến và đã không thể làm khỏi bệnh; họ đã nhận lấy nhiều vàng khối rồi ra đi.

15. Sau đó, người gác cổng ấy đã đi đến gặp Jīvaka Komārabhacca, sau khi đến đã nói với Jīvaka Komārabhacca điều này:

– Thưa thầy, người vợ nhà đại phú đã nói như vầy: "Này chú gác cổng, thôi đủ rồi! Thầy thuốc còn trẻ lắm thì sẽ làm được gì cho ta? Nhiều thầy thuốc tiếng tăm vô cùng lừng lẫy đã đi đến và đã không thể làm khỏi bệnh; họ đã nhận lấy nhiều vàng khối rồi ra đi."

16. – Này chú gác cổng, hãy đi và báo cho người vợ nhà đại phú rằng: "Thưa bà, người thầy thuốc đã nói như vầy: 'Thưa bà, bà không phải đưa trước vật gì. Khi nào khỏi bệnh, khi ấy bà muốn cho vật gì thì bà cứ việc cho vật ấy.'"

– Thưa thầy, xin vâng.

Rồi người gác cổng ấy nghe theo Jīvaka Komārabhacca, đã đi đến gặp người vợ nhà đại phú, sau khi đến đã nói với người vợ nhà đại phú điều này:

– Thưa bà, người thầy thuốc đã nói như vầy: "Thưa bà, bà không phải đưa trước vật gì. Khi nào khỏi bệnh, khi ấy bà muốn cho vật gì thì bà cứ việc cho vật ấy."

– Này chú gác cổng, như thế thì hãy để người thầy thuốc đi đến.

– Thưa bà, xin vâng.

Rồi người gác cổng ấy nghe theo người vợ nhà đại phú, đã đi đến gặp Jīvaka Komārabhacca, sau khi đến đã nói với Jīvaka Komārabhacca điều này:

– Thưa thầy, người vợ nhà đại phú cho gọi thầy.

17. Khi ấy, Jīvaka Komārabhacca đã đi đến gặp người vợ nhà đại phú, sau khi đến đã xem xét sự biến đổi diện mạo của người vợ nhà đại phú rồi nói với người vợ nhà đại phú điều này:

– Thưa bà, tôi cần một bụm tay bơ lỏng.

Khi ấy, người vợ nhà đại phú đã bảo người trao cho Jīvaka Komārabhacca một bụm tay bơ lỏng. Sau đó, Jīvaka Komārabhacca đã nấu sôi bụm tay bơ lỏng ấy với nhiều loại dược phẩm rồi bảo người vợ nhà đại phú nằm ngửa ở trên cái giường nhỏ và cho vào theo đường mũi. Sau đó, bơ lỏng đã được cho vào theo đường mũi ấy đã đi ra theo đường miệng. Khi ấy, người vợ nhà đại phú đã nhổ bơ lỏng ấy vào vật đựng rồi bảo người tớ gái rằng:

– Này em, hãy thu hồi lại bơ lỏng này bằng lớp gòn.

18. Khi ấy, Jīvaka Komārabhacca đã khởi ý điều này: "Thật là kỳ lạ! Bà chủ nhà này thật là hà tiện! Bởi vì thứ bơ lỏng chỉ đáng quăng bỏ này còn được bảo thu hồi lại bằng lớp gòn! Và nhiều thứ thuốc vô cùng quý giá của ta đã được sử dụng, rồi bà này sẽ cho ta vật thưởng công là cái gì đây?"

19. Khi ấy, sau khi xem xét sự biến đổi diện mạo của Jīvaka Komārabhacca, người vợ nhà đại phú ấy đã nói với Jīvaka Komārabhacca điều này:

– Thưa thầy, sao thầy có vẻ lo âu vậy?

– Trong trường hợp này, tôi đã khởi ý điều này: "Thật là kỳ lạ! Bà chủ nhà này thật là hà tiện! Bởi vì thứ bơ lỏng chỉ đáng quăng bỏ này còn được bảo thu hồi lại bằng lớp gòn! Và nhiều thứ thuốc vô cùng quý giá của ta đã được sử dụng, rồi bà này sẽ cho ta vật thưởng công là cái gì đây?"

– Thưa thầy, chúng tôi được gọi là gia chủ, hiểu về điều này là sự tiết kiệm. Bơ lỏng ấy là thuốc xoa chân rất tốt cho các tôi tớ và các người làm công, hay là dầu cho việc đốt đèn. Thưa thầy, thầy chớ có lo âu. Vật thưởng công cho thầy sẽ không phải bỏ phí.

20. Khi ấy, Jīvaka Komārabhacca đã trị dứt chứng bệnh đau đầu bảy năm của người vợ nhà đại phú chỉ bằng mỗi một việc làm ở mũi. Sau đó, người vợ nhà đại phú được khỏi bệnh, đã thưởng cho Jīvaka Komārabhacca bốn ngàn. Người con trai [nghĩ rằng]: "Mẹ ta đã khỏi bệnh!" nên đã thưởng cho Jīvaka

Komārabhacca bốn ngàn. Người con dâu [nghĩ rằng]: "Mẹ chồng ta đã khỏi bệnh!" nên đã thưởng cho Jīvaka Komārabhacca bốn ngàn. Người gia chủ đại phú [nghĩ rằng]: "Vợ ta đã khỏi bệnh!" nên đã thưởng cho Jīvaka Komārabhacca bốn ngàn, đứa tôi trai, [đứa tớ gái] và chiếc xe ngựa.

21. Sau đó, Jīvaka Komārabhacca đã cầm lấy mười sáu ngàn ấy, đứa tôi trai, đứa tớ gái và chiếc xe ngựa rồi ra đi đến thành Rājagaha. Theo tuần tự, Jīvaka Komārabhacca đã đi đến thành Rājagaha gặp Vương tử Abhaya, sau khi đến đã nói với Vương tử Abhaya điều này:

– Thưa ngài, đây là công việc đầu tiên của con gồm có mười sáu ngàn, đứa tôi trai, đứa tớ gái và chiếc xe ngựa. Thưa ngài, xin ngài hãy nhận lấy cho việc đã nuôi dưỡng con.

– Này Jīvaka con, thôi đi, hãy để cho chính con. Con hãy cho xây tư thất ở hậu cung của chính chúng ta.

– Thưa ngài, xin vâng.

Rồi Jīvaka Komārabhacca nghe theo Vương tử Abhaya đã cho xây tư thất ở hậu cung.

22. Vào lúc bấy giờ, đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha bị bệnh rò rỉ. Các vải choàng đều bị lấm lem bởi máu. Các vương phi sau khi nhìn thấy trêu ghẹo rằng: "Bữa nay, Chúa công tới chu kỳ. Kinh nguyệt của Chúa công đã có. Chẳng bao lâu Chúa công sẽ sanh con." Vì chuyện ấy, đức vua bị xấu hổ.

23. Sau đó, đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã nói với Vương tử Abhaya điều này:

– Này khanh Abhaya, trẫm có bệnh giống như vầy. Các vải choàng đều bị lấm lem bởi máu. Các vương phi sau khi nhìn thấy trêu ghẹo rằng: "Bữa nay, Chúa công tới chu kỳ. Kinh nguyệt của Chúa công đã có. Chẳng bao lâu Chúa công sẽ sanh con." Này khanh Abhaya, người nào có thể chữa trị cho trẫm thì hãy tìm thầy thuốc hạng như thế ấy.

– Tâu Bệ hạ, Jīvaka này của thần là thầy thuốc trẻ, giỏi giang, cậu ta sẽ chữa trị cho Bệ hạ.

– Này khanh Abhaya, như thế thì hãy ra lệnh cho thầy thuốc Jīvaka. Vị ấy sẽ chữa trị cho trẫm.

24. Sau đó, Vương tử Abhaya đã truyền lệnh cho Jīvaka Komārabhacca rằng:

– Này Jīvaka con, hãy đi và chữa trị cho đức vua.

– Thưa ngài, xin vâng.

Rồi Jīvaka Komārabhacca nghe theo Vương tử Abhaya sau khi nhét dược phẩm vào trong móng tay rồi đã đi đến gặp đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha, sau khi đến đã nói với đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha điều này:

– Tâu Bệ hạ, chúng ta hãy xem bệnh.

25. Khi ấy, Jīvaka Komārabhacca đã trị dứt căn bệnh rò rỉ của đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha chỉ bằng mỗi một liều thuốc thoa. Sau đó, đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha được khỏi bệnh, đã cho người trang điểm năm trăm người nữ với tất cả các đồ trang sức, xong bảo tháo ra, cho chất thành đống, rồi đã nói với Jīvaka Komārabhacca điều này:

– Này khanh Jīvaka, tất cả các đồ trang sức này từ năm trăm người nữ là của khanh.

– Tâu Bệ hạ, thôi đi, chỉ xin Bệ hạ hãy nhớ cho chức vụ của thần.

– Này khanh Jīvaka, như vậy thì khanh hãy phục vụ trẫm, các cung phi và hội chúng có đức Phật đứng đầu.

– Tâu Bệ hạ, xin vâng.

Jīvaka Komārabhacca đã trả lời đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha.

26. Vào lúc bấy giờ, có nhà đại phú ở thành Rājagaha bị bệnh đau đầu đã được bảy năm. Nhiều thầy thuốc tiếng tăm vô cùng lừng lẫy đã đi đến và đã không thể làm khỏi bệnh; họ đã nhận lấy nhiều vàng khối rồi ra đi. Hơn nữa, ông ta đã bị các thầy thuốc từ chối. Một số thầy thuốc đã nói như vầy: "Vào ngày thứ năm, người gia chủ đại phú này sẽ chết." Một số thầy thuốc đã nói như vầy: "Vào ngày thứ bảy, người gia chủ đại phú này sẽ chết."

27. Khi ấy, vị thị trưởng thành Rājagaha đã khởi ý điều này: "Người gia chủ đại phú này có nhiều cống hiến cho đức vua và cho thị trấn nữa. Tuy nhiên, ông ta đã bị các thầy thuốc từ chối. Một số thầy thuốc đã nói như vầy: 'Vào ngày thứ năm, người gia chủ đại phú này sẽ chết.' Một số thầy thuốc đã nói như vầy: 'Vào ngày thứ bảy, người gia chủ đại phú này sẽ chết.' Và thầy thuốc Jīvaka này của đức vua là trẻ tuổi, giỏi giang, hay là chúng ta nên cầu xin đức vua phái thầy thuốc Jīvaka chữa trị cho người gia chủ đại phú vậy?"

28. Sau đó, viên thị trưởng thành Rājagaha đã đi đến gặp đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha, sau khi đến đã nói với đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha điều này:

– Tâu Bệ hạ, người gia chủ đại phú này có nhiều cống hiến cho đức vua và cho thị trấn nữa. Tuy nhiên, ông ta đã bị các thầy thuốc từ chối. Một số thầy thuốc đã nói như vầy: "Vào ngày thứ năm, người gia chủ đại phú này sẽ chết." Một số thầy thuốc đã nói như vầy: "Vào ngày thứ bảy, người gia chủ đại phú này sẽ chết." Tâu Bệ hạ, tốt đẹp thay xin Bệ hạ hãy ra lệnh cho thầy thuốc Jīvaka chữa trị cho người gia chủ đại phú.

Khi ấy, đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã ra lệnh cho Jīvaka Komārabhacca rằng:

– Này khanh Jīvaka, hãy đi và chữa trị cho người gia chủ đại phú.

29. – Tâu Bệ hạ, xin vâng.

Rồi Jīvaka Komārabhacca nghe theo đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã đi đến gặp người gia chủ đại phú, sau khi đến đã xem xét sự biến đổi diện mạo của người gia chủ đại phú rồi đã nói với người gia chủ đại phú điều này:

– Này gia chủ, nếu tôi chữa cho ông khỏi bệnh, vật thưởng công cho tôi sẽ là cái gì đây?

– Thưa thầy, tất cả tài sản sẽ là của thầy và tôi sẽ là đầy tớ của thầy.

– Này gia chủ, vậy ông có thể nằm một bên hông trong bảy tháng không?

– Thưa thầy, tôi có thể nằm một bên hông trong bảy tháng.

– Này gia chủ, vậy ông có thể nằm bên hông kia trong bảy tháng không?

– Thưa thầy, tôi có thể nằm bên hông kia trong bảy tháng.

– Này gia chủ, vậy ông có thể nằm ngửa trong bảy tháng không?

– Thưa thầy, tôi có thể nằm ngửa trong bảy tháng.

30. Sau đó, Jīvaka Komārabhacca đã bảo người gia chủ đại phú nằm xuống trên cái giường nhỏ, sau khi buộc chặt vào cái giường nhỏ rồi đã cắt làn da đầu, tách đôi vết mổ, rồi lôi ra hai con sâu đưa cho mọi người thấy [nói rằng]:

– Các người có thể nhìn xem hai con sâu một nhỏ một lớn này. Các vị thầy nào đã nói như vầy: "Vào ngày thứ năm, người gia chủ đại phú này sẽ chết", các vị ấy đã nhìn thấy con sâu lớn này trong năm ngày nữa sẽ xâm nhập bộ não của người gia chủ đại phú; do sự xâm nhập vào bộ não mà người gia chủ đại phú sẽ phải chết. Các vị thầy ấy đã nhìn thấy đúng. Còn các vị thầy nào đã nói như vầy: "Vào ngày thứ bảy, người gia chủ đại phú này sẽ chết", các vị ấy đã nhìn thấy con sâu nhỏ này trong bảy ngày nữa sẽ xâm nhập bộ não của người gia chủ đại phú; do sự xâm nhập vào bộ não mà người gia chủ đại phú sẽ phải chết. Các vị thầy ấy đã nhìn thấy đúng.

Rồi Jīvaka Komārabhacca đã khép lại vết mổ, khâu lại làn da đầu, rồi bôi thuốc mỡ vào.

31. Sau đó, khi trải qua bảy ngày, người gia chủ đại phú đã nói với Jīvaka Komārabhacca điều này:

– Thưa thầy, tôi không thể nằm một bên hông trong bảy tháng.

– Này gia chủ, không phải ông đã hứa với tôi rằng: "Thưa thầy, tôi có thể nằm một bên hông trong bảy tháng" hay sao?

– Thưa thầy, đúng vậy. Tôi đã hứa. Nhưng mà tôi sẽ chết mất. Tôi không thể nằm một bên hông trong bảy tháng.

– Này gia chủ, như thế thì ngươi hãy nằm bên hông kia trong bảy tháng.

32. Sau đó, khi trải qua bảy ngày, người gia chủ đại phú đã nói với Jīvaka Komārabhacca điều này:

– Thưa thầy, tôi không thể nằm bên hông kia trong bảy tháng.

– Này gia chủ, không phải ông đã hứa với tôi rằng: "Thưa thầy, tôi có thể nằm bên hông kia trong bảy tháng" hay sao?

– Thưa thầy, đúng vậy. Tôi đã hứa. Nhưng mà tôi sẽ chết mất. Tôi không thể nằm bên hông kia trong bảy tháng.

– Này gia chủ, như thế thì ngươi hãy nằm ngửa trong bảy tháng.

33. Sau đó, khi trải qua bảy ngày, người gia chủ đại phú đã nói với Jīvaka Komārabhacca điều này:

– Thưa thầy, tôi không thể nằm ngửa trong bảy tháng.

– Này gia chủ, không phải ông đã hứa với tôi rằng: "Thưa thầy, tôi có thể nằm ngửa trong bảy tháng" hay sao?

– Thưa thầy, đúng vậy. Tôi đã hứa. Nhưng mà tôi sẽ chết mất. Tôi không thể nằm ngửa trong bảy tháng.

– Này gia chủ, nếu tôi không nói điều ấy thì ông không thể nằm được chừng này. Hơn nữa, tôi đã tính trước và biết rằng: "Với ba lần bảy ngày, người gia chủ đại phú sẽ khỏi bệnh." Này gia chủ, hãy đứng dậy, ông đã khỏi bệnh. Ông hãy biết vật thưởng công cho tôi là cái gì?

– Thưa thầy, tất cả tài sản hãy là của thầy và tôi là đầy tớ của thầy.

– Này gia chủ, thôi đi. Ông chớ có cho tôi tất cả tài sản và chớ có là đầy tớ của tôi. Hãy trao cho đức vua một trăm ngàn và tôi một trăm ngàn.

Sau đó, người gia chủ đại phú được khỏi bệnh, đã trao cho đức vua một trăm ngàn và Jīvaka Komārabhacca một trăm ngàn.

34. Vào lúc bấy giờ, người con trai nhà đại phú ở Bārāṇasī trong lúc chơi giỡn trò nhào lộn bị bệnh xoắn ruột. Vì thế, ngay cả cháo được húp vào cũng không tiêu hóa đúng đắn, vật thực được ăn vào cũng không tiêu hóa đúng đắn, thậm chí việc tiểu tiện, đại tiện cũng không bình thường. Do đó, cậu ấy trở nên ốm o, cằn cỗi, xuống sắc, có vẻ xanh xao, thân hình nổi đầy gân.

35. Khi ấy, nhà đại phú thành Bārāṇasī đã khởi ý điều này: "Con trai ta có chứng bệnh như thế này. Vì thế, ngay cả cháo được húp vào cũng không tiêu hóa đúng đắn, vật thực được ăn vào cũng không tiêu hóa đúng đắn, thậm chí việc tiểu tiện, đại tiện cũng không bình thường. Do đó, con trai ta trở nên ốm o, cằn cỗi, xuống sắc, có vẻ xanh xao, thân hình nổi đầy gân. Hay là ta nên đi đến thành Rājagaha cầu xin đức vua phái thầy thuốc Jīvaka chữa trị cho con trai của ta vậy?"

36. Sau đó, nhà đại phú ở Bārāṇasī đã đi đến gặp đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha, sau khi đến đã nói với đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha điều này:

– Tâu Bệ hạ, con trai thần có chứng bệnh như thế này. Vì thế, ngay cả cháo được húp vào cũng không tiêu hóa đúng đắn, vật thực được ăn vào cũng không

tiêu hóa đúng đắn, thậm chí việc tiểu tiện, đại tiện cũng không bình thường. Do đó, con trai thần trở nên ốm o, cằn cỗi, xuống sắc, có vẻ xanh xao, thân hình nổi đầy gân. Tâu Bệ hạ, tốt lành thay, xin Bệ hạ hãy ra lệnh cho thầy thuốc Jīvaka chữa trị cho con trai của thần.

37. Khi ấy, đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã ra lệnh cho Jīvaka Komārabhacca rằng:

– Này khanh Jīvaka, hãy đi. Sau khi đi đến Bārāṇasī khanh hãy chữa trị cho con trai nhà đại phú ở Bārāṇasī.

– Tâu Bệ hạ, xin vâng.

Rồi Jīvaka Komārabhacca nghe theo đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha, đã đi Bārāṇasī gặp người con trai nhà đại phú ở Bārāṇasī, sau khi đến đã xem xét sự biến đổi diện mạo của người con trai nhà đại phú ở Bārāṇasī rồi bảo mọi người tránh đi, dùng màn che vây kín lại, cột chặt [người con trai] vào cây cột nhà, bảo người vợ đứng ở phía trước, rồi cắt làn da ở bụng, lấy ruột ra, đưa cho người vợ thấy [nói rằng]:

– Hãy nhìn xem bệnh của tướng công bà. Vì điều này mà ngay cả cháo được húp vào cũng không tiêu hóa đúng đắn, vật thực được ăn vào cũng không tiêu hóa đúng đắn, thậm chí việc tiểu tiện, đại tiện cũng không bình thường. Vì điều này, người này trở nên ốm o, cằn cỗi, xuống sắc, có vẻ xanh xao, thân hình nổi đầy gân.

Rồi Jīvaka Komārabhacca đã gỡ rối phần ruột bị xoắn, đặt các thứ ruột vào trở lại, khâu lại làn da bụng, rồi bôi thuốc mỡ vào.

38. Sau đó cũng chẳng bao lâu, người con trai nhà đại phú ở Bārāṇasī đã được khỏi bệnh. Khi ấy, nhà đại phú ở Bārāṇasī [nghĩ rằng]: "Con trai ta đã được khỏi bệnh" rồi đã thưởng cho Jīvaka Komārabhacca mười sáu ngàn. Khi ấy, Jīvaka Komārabhacca đã cầm lấy mười sáu ngàn ấy rồi quay trở về lại thành Rājagaha.

39. Vào lúc bấy giờ, đức Vua Pajjota bị bệnh vàng da. Nhiều thầy thuốc tiếng tăm vô cùng lừng lẫy đã đi đến và đã không thể làm khỏi bệnh; họ đã nhận lấy nhiều vàng khối rồi ra đi. Sau đó, đức Vua Pajjota đã phái sứ giả đi đến gặp đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha [nói rằng]:

– Quả là tôi bị bệnh như thế này. Tâu Bệ hạ, tốt đẹp thay, xin Bệ hạ hãy ra lệnh cho thầy thuốc Jīvaka. Vị ấy sẽ chữa trị cho tôi.

40. Khi ấy, đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã ra lệnh cho Jīvaka Komārabhacca rằng:

– Này khanh Jīvaka, hãy đi. Sau khi đi đến Ujjenī, khanh hãy chữa trị cho đức Vua Pajjota.

– Tâu Bệ hạ, xin vâng.

Rồi Jīvaka Komārabhacca nghe theo đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã đi Ujjenī gặp đức Vua Pajjota, sau khi đến đã xem xét sự biến đổi diện mạo của đức Vua Pajjota rồi đã nói điều này:

– Tâu Bệ hạ, thần sẽ đun sôi bơ lỏng và Bệ hạ sẽ uống thứ ấy.

– Này khanh Jīvaka, thôi đi. Ngươi hãy làm khỏi bệnh bằng cách nào mà có thể không dùng bơ lỏng. Đối với ta, bơ lỏng ghê tởm và không thích hợp.

41. Khi ấy, Jīvaka Komārabhacca đã khởi ý điều này: "Bệnh của vị vua này là như thế ấy; không dùng bơ lỏng không thể nào làm khỏi bệnh được. Hay là ta nên nấu sôi bơ lỏng có màu cam, có hương của cam và có vị của cam?" Sau đó, Jīvaka Komārabhacca đã nấu sôi bơ lỏng có màu cam, có hương của cam và có vị của cam với nhiều loại dược phẩm.

42. Khi ấy, Jīvaka Komārabhacca đã khởi ý điều này: "Đối với vị vua này, bơ lỏng đã được uống vào, trong khi được tiêu hóa, sẽ làm ợ chua. Vị vua này thì tàn bạo có thể cho người giết ta, hay là ta nên hỏi phòng xa trước?"

43. Sau đó, Jīvaka Komārabhacca đã đi đến gặp đức Vua Pajjota, sau khi đến đã nói với đức Vua Pajjota điều này:

– Tâu Bệ hạ, những người thầy thuốc chúng tôi nhổ các thứ rễ cây, thâu hoạch các thứ dược phẩm vào thời điểm thích hợp. Tốt đẹp thay, xin Bệ hạ hãy ra lệnh cho các trạm xe và các cổng thành rằng: "Jīvaka muốn đi bằng xe nào thì hãy để cho đi bằng xe đó, muốn đi ra bằng cổng nào thì hãy để cho đi ra bằng cổng đó, muốn đi ra lúc nào thì hãy cho đi ra lúc đó, muốn đi vào lúc nào thì hãy cho đi vào lúc đó."

44. Sau đó, đức Vua Pajjota đã ra lệnh cho các trạm xe và các cổng thành rằng: "Jīvaka muốn đi bằng xe nào thì hãy để cho đi bằng xe đó, muốn đi ra bằng cổng nào thì hãy để cho đi ra bằng cổng đó, muốn đi ra lúc nào thì hãy cho đi ra lúc đó, muốn đi vào lúc nào thì hãy cho đi vào lúc đó."

45. Vào lúc bấy giờ, đức Vua Pajjota có con voi cái tên là Bhaddavatikā có thể đi năm mươi do-tuần. Rồi Jīvaka Komārabhacca đã đem lại bơ lỏng cho đức Vua Pajjota [nói rằng]:

– Xin Bệ hạ hãy uống cam.

Sau đó, khi đã cho đức Vua Pajjota uống bơ lỏng xong, Jīvaka Komārabhacca đã đi đến chuồng voi và tẩu thoát khỏi thành phố bằng con voi cái Bhaddavatikā.

46. Sau đó, khi đã được đức Vua Pajjota uống vào và trong khi tiêu hóa, bơ lỏng ấy đã làm ợ chua. Khi ấy, đức Vua Pajjota đã nói với mọi người điều này:

– Này các khanh, Jīvaka xảo trá đã làm cho trẫm phải uống bơ lỏng. Chính vì thế, các khanh hãy truy nã thầy thuốc Jīvaka.

– Tâu Bệ hạ, thầy thuốc đã tẩu thoát khỏi thành phố bằng con voi cái Bhaddavatikā rồi.

47. Vào lúc bấy giờ, đức Vua Pajjota có nam nô lệ tên là Kāka đã được sanh ra có nguồn gốc phi nhân có thể đi sáu mươi do-tuần. Khi ấy, đức Vua Pajjota đã ra lệnh cho nô lệ Kāka rằng:

– Này khanh Kāka, hãy đi và hãy bảo thầy thuốc Jīvaka rằng: "Thưa thầy, đức vua bảo đem thầy quay trở về." Này khanh Kāka, bọn người gọi là thầy thuốc này vô cùng quỷ quyệt. Khanh chớ có nhận lấy bất cứ vật gì từ ông ta.

48. Sau đó, vào khoảng giữa đường đi tại thành Kosambī, người nô lệ Kāka đã bắt gặp Jīvaka Komārabhacca đang dùng điểm tâm. Khi ấy, người nô lệ Kāka đã nói với Jīvaka Komārabhacca điều này:

– Thưa thầy, đức vua bảo đem thầy quay trở về.

– Này chú em Kāka, hãy chờ cho ta ăn. Này chú em Kāka, ngươi cũng nên ăn đi.

– Thưa thầy, thôi đi. Tôi đã được đức vua ra lệnh rằng: "Này khanh Kāka, bọn người gọi là thầy thuốc này vô cùng xảo trá. Khanh chớ có nhận lấy bất cứ vật gì từ ông ta."

49. Vào lúc bấy giờ, Jīvaka Komārabhacca đã dùng móng tay khảy lấy [chút] dược phẩm rồi ăn trái cây āmalaka và uống nước. Khi ấy, Jīvaka Komārabhacca đã nói với nô lệ Kāka điều này:

– Này chú em Kāka, ngươi hãy ăn trái cây āmalaka và nên uống nước.

Khi ấy, nô lệ Kāka [nghĩ rằng]: "Thầy thuốc này ăn trái cây āmalaka và uống nước. Xem ra không có điều gì là quỷ quyệt cả" rồi đã ăn nửa trái āmalaka và uống nước. Khi người nô lệ ấy vừa ăn vào nửa phần của trái āmalaka ấy liền bị ói ra ngay tại chỗ ấy.

50. Khi ấy, nô lệ Kāka đã nói với Jīvaka Komārabhacca điều này:

– Thưa thầy, tôi có còn mạng sống không?

– Này chú em Kāka, chớ có sợ. Rồi chính ngươi sẽ được khỏi bệnh. Còn đức vua thì tàn bạo, đức vua ấy cũng có thể ra lệnh giết ta; vì thế ta không quay trở lại.

Sau khi bảo nô lệ Kāka dẫn đi con voi cái Bhaddavatikā, Jīvaka Komārabhacca đã ra đi về phía thành Rājagaha, tuần tự đã đi đến thành Rājagaha gặp đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha, sau khi đến đã trình sự việc ấy cho đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha.

– Này khanh Jīvaka, khanh đã làm tốt lắm, là việc khanh đã không quay trở về. Đức vua ấy tàn bạo cũng có thể ra lệnh giết khanh.

51. Sau đó, đức Vua Pajjota được khỏi bệnh, đã phái sứ giả đi đến gặp Jīvaka Komārabhacca [nói rằng]:

– Jīvaka, hãy đi đến. Trẫm sẽ ban đặc ân.

– Thưa ngài, thôi đi. Chỉ xin đức vua nhớ cho chức vụ của thần.

52. Vào lúc bấy giờ, có xấp vải đôi sản xuất tại xứ Sivi được phát sanh đến đức Vua Pajjota. [Đây] là loại tốt nhất, thượng hạng, nổi tiếng, cao quý và sang trọng trong vô số các loại vải, trong vô số các xấp vải đôi, trong hàng trăm xấp vải đôi, trong hàng ngàn xấp vải đôi, trong hàng trăm ngàn xấp vải đôi. Sau đó, đức Vua Pajjota đã phái người đem xấp vải đôi sản xuất tại xứ Sivi ấy ban cho Jīvaka Komārabhacca.

53. Khi ấy, Jīvaka Komārabhacca đã khởi ý điều này: "Xấp vải đôi sản xuất tại xứ Sivi này đã được đức Vua Pajjota gởi đến cho ta, là loại tốt nhất, thượng hạng, nổi tiếng, cao quý và sang trọng trong vô số các loại vải, trong vô số các xấp vải đôi, trong hàng trăm xấp vải đôi, trong hàng ngàn xấp vải đôi, trong hàng trăm ngàn xấp vải đôi; không ai xứng đáng với vật này, ngoại trừ đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy, hay là đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha."

54. Vào lúc bấy giờ, cơ thể của đức Thế Tôn bị tiết ra dịch chất dơ. Khi ấy, đức Thế Tôn đã bảo với Đại đức Ānanda rằng:

– Này Ānanda, cơ thể của Như Lai bị tiết ra dịch chất dơ. Như Lai muốn uống liều thuốc xổ.

55. Sau đó, Đại đức Ānanda đã đi đến gặp Jīvaka Komārabhacca, sau khi đến đã nói với Jīvaka Komārabhacca điều này:

– Này đạo hữu Jīvaka, cơ thể của Như Lai bị tiết ra dịch chất dơ. Như Lai muốn uống liều thuốc xổ.

– Thưa ngài Ānanda, như thế thì ngài hãy thoa dầu nơi cơ thể của đức Thế Tôn một vài ngày.

56. Sau đó, khi đã thoa dầu nơi cơ thể của đức Thế Tôn một vài ngày, Đại đức Ānanda đã đi đến gặp Jīvaka Komārabhacca, sau khi đến đã nói với Jīvaka Komārabhacca điều này:

– Này đạo hữu Jīvaka, cơ thể của Như Lai đã được thoa dầu, đạo hữu hãy suy nghĩ xem bây giờ là thời điểm của việc gì.

57. Khi ấy, Jīvaka Komārabhacca đã khởi ý điều này: "Đối với ta, quả là không thích đáng, là việc ta có thể dâng đức Thế Tôn liều thuốc xổ thô tháo", nên đã dùng ba nắm sen và nhiều loại dược phẩm trộn lẫn nhau rồi đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã dâng lên đức Thế Tôn một nắm sen [nói rằng]:

– Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn hít vào nắm sen thứ nhất này, liều này sẽ làm đức Thế Tôn xổ mười lần.

Rồi đã dâng đức Thế Tôn nắm sen thứ nhì [nói rằng]:

– Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn hít vào nắm sen thứ nhì này, liều này sẽ làm đức Thế Tôn xổ mười lần.

Rồi đã dâng đức Thế Tôn nắm sen thứ ba [nói rằng]:

– Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn hít vào nắm sen thứ ba này, liều này sẽ làm đức Thế Tôn xổ mười lần.

[Rồi nghĩ rằng:] "Như thế, đức Thế Tôn sẽ có liều thuốc xổ tổng cộng ba mươi lần." Sau đó, khi đã dâng đức Thế Tôn liều thuốc xổ tổng cộng ba mươi lần, Jīvaka Komārabhacca đã đảnh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiễu quanh rồi ra đi.

58. Khi ấy, trong lúc đang đi ra khỏi cổng ra vào, Jīvaka Komārabhacca đã khởi ý điều này: "Ta đã dâng lên đức Thế Tôn liều thuốc xổ tổng cộng ba mươi lần. [Do] cơ thể của đức Như Lai đã bị tiết ra dịch chất dơ nên sẽ không làm đức Thế Tôn xổ đầy đủ ba mươi lần mà chỉ làm đức Thế Tôn xổ hai mươi chín lần. Tuy nhiên, khi đức Thế Tôn đã được xổ, Ngài sẽ tắm. Và khi đã được tắm, liều thuốc sẽ làm đức Thế Tôn xổ một lần nữa. Như thế, đức Thế Tôn sẽ có được liều thuốc xổ tổng cộng ba mươi lần."

59. Khi ấy, đức Thế Tôn sau khi dùng tâm biết được ý nghĩ suy tầm của Jīvaka Komārabhacca nên đã bảo Đại đức Ānanda rằng:

– Này Ānanda, ở đây, trong lúc đang đi ra khỏi cổng ra vào, Jīvaka Komārabhacca đã khởi ý điều này: "Ta đã dâng lên đức Thế Tôn liều thuốc xổ tổng cộng ba mươi lần. [Do] cơ thể của đức Như Lai đã bị tiết ra dịch chất dơ nên sẽ không làm đức Thế Tôn xổ đầy đủ ba mươi lần mà chỉ làm đức Thế Tôn xổ hai mươi chín lần. Tuy nhiên, khi đức Thế Tôn đã được xổ, Ngài sẽ tắm; và khi đã được tắm, liều thuốc sẽ làm đức Thế Tôn xổ một lần nữa. Như thế, đức Thế Tôn sẽ có được liều thuốc xổ tổng cộng ba mươi lần." Này Ānanda, như thế thì ngươi hãy chuẩn bị sẵn sàng nước nóng.

– Bạch Ngài, xin vâng.

Rồi Đại đức Ānanda, nghe theo đức Thế Tôn, đã chuẩn bị sẵn sàng nước nóng.

60. Sau đó, Jīvaka Komārabhacca đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Jīvaka Komārabhacca đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, đức Thế Tôn đã được xổ chưa?

– Này Jīvaka, Ta đã được xổ.

– Bạch Ngài, ở đây, trong lúc đang đi ra khỏi cổng ra vào, con đã khởi ý điều này: "Ta đã dâng lên đức Thế Tôn liều thuốc xổ tổng cộng ba mươi lần. [Do] cơ thể của đức Như Lai đã bị tiết ra dịch chất dơ nên sẽ không làm đức Thế Tôn xổ đầy đủ ba mươi lần mà chỉ làm đức Thế Tôn xổ hai mươi chín lần. Tuy nhiên, khi đức Thế Tôn đã được xổ, Ngài sẽ tắm. Và khi đã được tắm, liều thuốc sẽ làm đức Thế Tôn xổ một lần nữa. Như thế, đức Thế Tôn sẽ có được liều thuốc xổ tổng cộng ba mươi lần." Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn hãy tắm, xin đấng Thiện Thệ hãy tắm.

Khi ấy, đức Thế Tôn đã tắm nước nóng. Khi đã được tắm, [liều thuốc] đã làm đức Thế Tôn xổ một lần nữa. Như thế, đức Thế Tôn đã có được liều thuốc xổ tổng cộng ba mươi lần.

61. Sau đó, Jīvaka Komārabhacca đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, cho đến khi cơ thể của đức Thế Tôn trở lại bình thường, cần kiêng đồ khất thực là nước trái cây.

62. Sau đó chẳng bao lâu, cơ thể của đức Thế Tôn đã được bình thường. Khi ấy, Jīvaka Komārabhacca đã cầm lấy xấp vải đôi sản xuất tại xứ Sivi ấy đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Jīvaka Komārabhacca đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, con thỉnh cầu đức Thế Tôn một điều ước muốn.

– Này Jīvaka, các đấng Như Lai đã vượt khỏi các điều ước muốn.

– Bạch Ngài, điều ấy là hợp lý, điều ấy không bị chê trách.

– Này Jīvaka, hãy nói đi.

– Bạch Ngài, đức Thế Tôn là vị sử dụng y may từ vải bị quăng bỏ và hội chúng Tỳ-khưu [cũng vậy]. Bạch Ngài, xấp vải đôi sản xuất tại xứ Sivi này của con đã được Vua Pajjota gởi đến, là loại tốt nhất, thượng hạng, nổi tiếng, cao quý và sang trọng trong vô số các loại vải, trong vô số các xấp vải đôi, trong hàng trăm xấp vải đôi, trong hàng ngàn xấp vải đôi, trong hàng trăm ngàn xấp vải đôi. Bạch Ngài, xin Ngài thọ nhận xấp vải đôi sản xuất tại xứ Sivi này của con và cho phép y của gia chủ[1] đến hội chúng Tỳ-khưu.

Đức Thế Tôn đã thọ nhận xấp vải đôi sản xuất tại xứ Sivi.

63. Khi ấy, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi cho Jīvaka Komārabhacca bằng bài pháp thoại. Sau đó, khi đã được đức Thế Tôn chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi bằng bài pháp thoại, Jīvaka Komārabhacca đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiễu quanh rồi ra đi.

64. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: "Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép y của gia chủ. Vị nào thích thì hãy là vị sử dụng y may từ vải bị quăng bỏ, vị nào thích thì hãy chấp nhận y của gia chủ. Và này các Tỳ-khưu, Ta ngợi khen sự biết đủ [dầu] với loại này hay loại kia."

65. Rồi dân chúng ở thành Rājagaha đã nghe được rằng: "Nghe nói đức Thế Tôn đã cho phép y của gia chủ đến các Tỳ-khưu." Và những người dân ấy đã trở nên mừng rỡ, phấn chấn [nghĩ rằng]: "Giờ đây, chúng ta sẽ dâng các vật thí, chúng ta sẽ làm các việc phước thiện, bởi vì đức Thế Tôn đã cho phép y của gia chủ đến các vị Tỳ-khưu." Và chỉ trong một ngày, ở thành Rājagaha, nhiều ngàn y đã được phát sanh.

---

[1] Y của gia chủ (*gahapaticīvaraṃ*) được ngài Buddhaghosa giải thích: "Y được dâng bởi các gia chủ" (*VinA*. V. 1119).

66. Rồi dân chúng trong nước đã nghe được rằng: "Nghe nói đức Thế Tôn đã cho phép y của gia chủ đến các vị Tỳ-khưu." Và những người dân ấy đã trở nên mừng rỡ, phấn chấn [nghĩ rằng]: "Giờ đây, chúng ta sẽ dâng các vật thí, chúng ta sẽ làm các việc phước thiện, bởi vì đức Thế Tôn đã cho phép y của gia chủ đến các vị Tỳ-khưu." Và chỉ trong một ngày, ở trong nước, nhiều ngàn y đã được phát sanh.

67. Vào lúc bấy giờ, có tấm vải choàng được phát sanh đến hội chúng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép tấm vải choàng.

Có tấm vải choàng bằng tơ lụa được phát sanh.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép tấm vải choàng bằng tơ lụa.

Có tấm choàng lông được phát sanh đến hội chúng.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép tấm choàng lông.

Dứt tụng phẩm thứ nhất.

*****

1. Vào lúc bấy giờ, đức vua xứ Kāsi đã gởi đến Jīvaka Komārabhacca tấm mền len trị giá nửa *kāsi*[2] [hoặc] tương đương với nửa *kāsi*. Sau đó, Jīvaka Komārabhacca đã cầm lấy tấm mền len trị giá nửa *kāsi* ấy đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Sau khi đã ngồi xuống một bên, Jīvaka Komārabhacca đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, tấm mền len này của con trị giá nửa *kāsi* [hoặc] tương đương với nửa *kāsi* đã được đức vua xứ Kāsi gởi đến. Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn nhận lãnh tấm mền, điều ấy sẽ đem lại sự lợi ích và sự an lạc lâu dài cho con.

Đức Thế Tôn đã thọ lãnh tấm mền len.

2. Khi ấy, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi cho Jīvaka Komārabhacca bằng bài pháp thoại. Sau đó, khi đã được đức Thế Tôn chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi bằng bài pháp thoại, Jīvaka Komārabhacca đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiễu quanh rồi ra đi.

3. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] tấm mền len.

4. Vào lúc bấy giờ, có các y đủ loại phát sanh đến hội chúng. Khi ấy, các Tỳ-khưu đã khởi ý điều này: "Loại y nào đã được đức Thế Tôn cho phép, loại nào không được cho phép?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

---

[2] Ngài Buddhaghosa giải thích một *kāsi* trị giá một ngàn (*VinA*. V. 1119).

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép sáu loại y: Loại bằng sợi lanh, loại bằng bông vải, loại bằng tơ lụa, loại bằng sợi len, loại bằng gai thô, loại bằng chỉ bố.

5. Vào lúc bấy giờ, những vị Tỳ-khưu nào chấp nhận y của gia chủ, những vị ấy trong lúc ngần ngại, không chấp nhận loại vải dơ bị quăng bỏ [nghĩ rằng]: "Đức Thế Tôn cho phép chỉ một loại y chứ không phải hai." Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vị chấp nhận y của gia chủ, chấp nhận luôn cả loại vải dơ bị quăng bỏ. Này các Tỳ-khưu, Ta ngợi khen sự biết đủ với cả hai loại ấy.

6. Vào lúc bấy giờ, có nhiều vị Tỳ-khưu đi đường xa ở trong xứ Kosala. Một số Tỳ-khưu đã đi vào bãi tha ma để kiếm vải dơ bị quăng bỏ. Một số Tỳ-khưu đã không chờ đợi. Những vị Tỳ-khưu đi vào bãi tha ma đã nhặt được nhiều vải quấn tử thi. Những vị Tỳ-khưu không chờ đợi đã nói như vầy:

– Này các Đại đức, hãy chia phần cho cả chúng tôi nữa.

Những vị kia đã nói như vầy:

– Này các Đại đức, chúng tôi sẽ không chia phần cho các vị. Tại sao các vị đã không chờ đợi?

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép không chia phần cho các vị không chờ đợi nếu không muốn.

7. Vào lúc bấy giờ, có nhiều vị Tỳ-khưu đi đường xa ở trong xứ Kosala. Một số Tỳ-khưu đã đi vào bãi tha ma để kiếm vải dơ bị quăng bỏ. Một số Tỳ-khưu đã chờ đợi. Những vị Tỳ-khưu đi vào bãi tha ma đã nhặt được nhiều vải quấn tử thi. Những Tỳ-khưu chờ đợi đã nói như vầy:

– Này các Đại đức, hãy chia phần cho cả chúng tôi nữa.

Những vị kia đã nói như vầy:

– Này các Đại đức, chúng tôi sẽ không chia phần cho các vị. Tại sao các vị đã không đi vào?

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép chia phần cho các vị đã chờ đợi cho dầu không muốn.

8. Vào lúc bấy giờ, có nhiều vị Tỳ-khưu đi đường xa ở trong xứ Kosala. Một số Tỳ-khưu đã đi vào bãi tha ma trước để kiếm vải dơ bị quăng bỏ. Một số Tỳ-khưu đã đi vào sau. Những vị Tỳ-khưu đi vào bãi tha ma trước đã nhặt được nhiều vải quấn tử thi. Những vị Tỳ-khưu đi vào sau đã không nhặt được. Những vị ấy đã nói như vầy:

– Này các Đại đức, hãy chia phần cho cả chúng tôi nữa.

Những vị kia đã nói như vầy:

– Này các Đại đức, chúng tôi sẽ không chia phần cho các vị. Tại sao các vị đã đi vào sau?

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép không chia phần cho các vị đi vào sau nếu không muốn.

9. Vào lúc bấy giờ, có nhiều vị Tỳ-khưu đi đường xa ở trong xứ Kosala. Các vị đã đi vào bãi tha ma cùng một lúc để kiếm vải dơ bị quăng bỏ. Một số vị Tỳ-khưu đã nhặt được nhiều vải quấn tử thi. Một số vị Tỳ-khưu đã không nhặt được. Những vị Tỳ-khưu không nhặt được đã nói như vầy:

– Này các Đại đức, hãy chia phần cho cả chúng tôi nữa.

Những vị kia đã nói như vầy:

– Này các Đại đức, chúng tôi sẽ không chia phần cho các vị. Tại sao các vị đã không nhặt được?

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép chia phần cho các vị đi vào cùng một lúc cho dầu không muốn.

10. Vào lúc bấy giờ, có nhiều vị Tỳ-khưu đi đường xa ở trong xứ Kosala. Các vị đã thỏa thuận với nhau rồi đi vào bãi tha ma để kiếm vải dơ bị quăng bỏ. Một số vị Tỳ-khưu đã nhặt được nhiều vải quấn tử thi. Một số vị Tỳ-khưu đã không nhặt được. Những vị Tỳ-khưu không nhặt được đã nói như vầy:

– Này các Đại đức, hãy chia phần cho cả chúng tôi nữa.

Những vị kia đã nói như vầy:

– Này các Đại đức, chúng tôi sẽ không chia phần cho các vị. Tại sao các vị đã không nhặt được?

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép chia phần cho các vị đi vào sau khi đã thỏa thuận cho dầu không muốn.

11. Vào lúc bấy giờ, dân chúng cầm y đi đến tu viện. Trong khi không gặp được vị có trách nhiệm tiếp nhận nên họ mang về. Y được phát sanh ít ỏi. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép chỉ định vị tiếp nhận y là vị Tỳ-khưu có năm yếu tố: Vị không thể bị chi phối bởi sự ưa thích, không thể bị chi phối bởi sự sân hận, không thể bị chi phối bởi sự si mê, không thể bị chi phối bởi sự sợ hãi, vị biết [vật] đã được tiếp nhận hay chưa được tiếp nhận.

12. Và này các Tỳ-khưu, nên chỉ định như vầy: Trước hết, vị Tỳ-khưu cần được yêu cầu; sau khi yêu cầu, hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu

kinh nghiệm, có năng lực: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên chỉ định vị Tỳ-khưu tên [như vầy] là vị tiếp nhận y. Đây là lời đề nghị. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Hội chúng chỉ định vị Tỳ-khưu tên [như vầy] là vị tiếp nhận y. Đại đức nào đồng ý việc chỉ định vị Tỳ-khưu tên [như vầy] là vị tiếp nhận y xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên. Vị Tỳ-khưu tên [như vầy] đã được hội chúng chỉ định là vị tiếp nhận y. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

13. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu là các vị tiếp nhận y, sau khi thọ lãnh y, bỏ ngay tại chỗ ấy rồi ra đi. Y bị mất. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép chỉ định vị cất giữ y là vị Tỳ-khưu có năm yếu tố: Vị không thể bị chi phối bởi sự ưa thích, không thể bị chi phối bởi sự sân hận, không thể bị chi phối bởi sự si mê, không thể bị chi phối bởi sự sợ hãi, vị biết [vật] đã được cất giữ hay chưa được cất giữ.

14. Và này các Tỳ-khưu, nên chỉ định như vầy: Trước hết, vị Tỳ-khưu cần được yêu cầu; sau khi yêu cầu, hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên chỉ định vị Tỳ-khưu tên [như vầy] là vị cất giữ y. Đây là lời đề nghị. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Hội chúng chỉ định vị Tỳ-khưu tên [như vầy] là vị cất giữ y. Đại đức nào đồng ý việc chỉ định vị Tỳ-khưu tên [như vầy] là vị cất giữ y xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên. Vị Tỳ-khưu tên [như vầy] đã được hội chúng chỉ định là vị cất giữ y. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

15. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu là các vị cất giữ y, cất giữ y ở mái che, ở gốc cây, ở hốc cây nimba. Các y bị gặm nhấm bởi các con chuột và loài mối. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép chỉ định nhà kho chứa đồ thuộc loại nào mà hội chúng thích, [có thể] là trú xá, nhà một mái, tòa nhà dài, khu nhà lớn, hoặc hang động.

16. Và này các Tỳ-khưu, nên được chỉ định như vầy: Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên chỉ định trú xá tên [như vầy] là nhà kho chứa đồ. Đây là lời đề nghị. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Hội chúng chỉ định trú xá tên [như vầy] là nhà kho chứa đồ. Đại đức nào đồng ý việc chỉ định trú xá tên [như vầy] là nhà kho chứa đồ xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên. Trú xá tên [như vầy] đã được hội chúng chỉ định là nhà kho chứa đồ. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

17. Vào lúc bấy giờ, y ở trong nhà kho chứa đồ của hội chúng không được bảo quản. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép chỉ định vị quản lý nhà kho là vị Tỳ-khưu có năm yếu tố: Vị không thể bị chi phối bởi sự ưa thích, không thể bị chi phối bởi sự sân hận, không thể bị chi phối bởi sự si mê, không thể bị chi phối bởi sự sợ hãi, vị biết [vật] đã được bảo quản hay không được bảo quản. Và này các Tỳ-khưu, nên chỉ định như vầy: "...(nt)... Vị Tỳ-khưu tên [như vầy] đã được hội chúng chỉ định là vị quản lý nhà kho. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

18. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư bãi nhiệm vị quản lý nhà kho. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên bãi nhiệm vị giữ nhà kho; vị nào bãi nhiệm thì phạm tội *Dukkaṭa*.

19. Vào lúc bấy giờ, trong nhà kho chứa đồ của hội chúng, y được dồi dào. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép hội chúng chia phần theo sự hiện diện.

20. Vào lúc bấy giờ, toàn thể hội chúng trong lúc chia phần y đã gây ra cảnh náo động. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép chỉ định vị chia y là vị Tỳ-khưu có năm yếu tố: Vị không thể bị chi phối bởi sự ưa thích, không thể bị chi phối bởi sự sân hận, không thể bị chi phối bởi sự si mê, không thể bị chi phối bởi sự sợ hãi, vị biết [y] đã được phân chia hay chưa được phân chia. Và này các Tỳ-khưu, nên chỉ định như vầy: "...(nt)... Vị Tỳ-khưu tên [như vầy] đã được hội chúng chỉ định là vị chia y. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

21. Sau đó, các Tỳ-khưu là các vị chia y đã khởi ý điều này: "Y nên được chia như thế nào?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép trước tiên phân loại, phỏng định giá trị, làm cho đồng đều [giá trị], đếm số Tỳ-khưu, gom lại thành nhóm, rồi xác định phần chia về y.

22. Khi ấy, các Tỳ-khưu là các vị chia y đã khởi ý điều này: "Phần chia về y có nên được cho đến các Sa-di hay không?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép cho các Sa-di một nửa của phần chia về y.

23. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ có ý muốn vượt qua [sông hoặc đoạn đường hoang vắng] với phần chia của bản thân. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép trao cho phần chia của bản thân đến vị đang [chuẩn bị] vượt qua [sông hoặc đoạn đường hoang vắng].

24. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ có ý muốn vượt qua [sông hoặc đoạn đường hoang vắng] với phần chia nhiều hơn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép trao cho phần chia nhiều hơn khi vật đền bù được trao lại.

25. Sau đó, các Tỳ-khưu là các vị chia y đã khởi ý điều này: "Phần chia về y nên được trao cho như thế nào, theo thứ tự đi đến hay là theo thâm niên?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép bốc thăm để làm hoan hỷ các vị không được phần.

26. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu nhuộm y với phân bò và đất sét đỏ. Y có màu sắc xấu. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép sáu loại thuốc nhuộm: Thuốc nhuộm từ rễ cây, thuốc nhuộm từ thân cây, thuốc nhuộm từ vỏ cây, thuốc nhuộm từ lá cây, thuốc nhuộm từ bông hoa, thuốc nhuộm từ trái cây.

27. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu nhuộm y với nước lạnh. Y có mùi hôi. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép nồi nhuộm loại nhỏ để nấu thuốc nhuộm.

Thuốc nhuộm bị tràn ra. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép buộc vòng đế tròn [ở bên trong nồi thuốc nhuộm].

28. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu không biết thuốc nhuộm đã được nấu hay chưa được nấu. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép nhỏ giọt vào trong nước hoặc ở bề lưng của móng tay.

29. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu khi đổ thuốc nhuộm ra, cái nồi bị xoay tròn. Cái nồi bị bể. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép cái môi múc thuốc nhuộm, cái gàu có cán.

30. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu không có cái thùng để nhuộm. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép chậu nhuộm, lu nhuộm.

31. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu vò nhồi y trong cái đĩa, trong bình bát. Y đã bị thủng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép máng nhuộm.

32. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu trải y ra ở nền đất. Y bị lấm bụi. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thảm cỏ.

Thảm cỏ bị mối ăn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép sào máng y, dây treo y.

Các vị treo cao lên ở giữa. Thuốc nhuộm chảy ra hai bên. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép buộc ở các góc [y].

Góc [y] bị sờn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép sợi chỉ ở các góc [y].

Thuốc nhuộm chảy ở một bên. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép nhuộm bằng cách đảo y trở qua rồi đảo y trở lại và không được bỏ đi khi nước chưa ngừng nhỏ giọt.

33. Vào lúc bấy giờ, y bị cứng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép ngâm trong nước.

34. Vào lúc bấy giờ, y bị thô nhám. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép đập bằng bàn tay.

35. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư mặc các y ca-sa màu ngà voi chưa được cắt. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy."

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên mặc các y chưa được cắt; vị nào mặc thì phạm tội *Dukkaṭa*.

36. Sau đó, khi đã ngự tại thành Rājagaha theo như ý thích, đức Thế Tôn đã ra đi, du hành đến Dakkhiṇāgiri. Đức Thế Tôn đã nhìn thấy mảnh ruộng ở Magadha được kết nối bằng những khoảnh vuông vức, được kết nối bằng những đường biên xung quanh, được kết nối bằng những đường biên ngắn ở giữa, được kết nối bằng những mảnh vuông ở chỗ giao nhau, sau khi nhìn thấy đã bảo Đại đức Ānanda rằng:

– Này Ānanda, ngươi có nhìn thấy mảnh ruộng ở Magadha của chúng ta được kết nối bằng những khoảnh vuông vức, được kết nối bằng những đường biên xung quanh, được kết nối bằng những đường biên ngắn ở giữa, được kết nối bằng những mảnh vuông ở chỗ giao nhau không?

– Bạch Ngài, thưa có.

– Này Ānanda, ngươi có khả năng tạo nên các y có kiểu mẫu như thế cho các vị Tỳ-khưu không?

– Bạch Thế Tôn, con có khả năng.

37. Sau đó, khi đã ngự tại Dakkhiṇāgiri theo như ý thích, đức Thế Tôn đã quay trở về lại thành Rājagaha. Khi ấy, Đại đức Ānanda sau khi tự mình tạo nên

các y cho nhiều vị Tỳ-khưu đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, xin Thế Tôn hãy nhìn xem các y con đã tự mình tạo nên.

Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, Ānanda thật sáng trí. Này các Tỳ-khưu, Ānanda có đại trí tuệ bởi vì vị ấy hiểu ý nghĩa một cách đầy đủ của điều đã được Ta nói ra một cách vắn tắt. Vị ấy làm được dải nối theo chiều dọc [của y], vị ấy làm được dải nối theo chiều ngang [của y], vị ấy làm được mảnh lớn thuộc dải điều [của y], vị ấy làm được mảnh nhỏ thuộc dải điều [của y], vị ấy làm được mảnh lớn thuộc dải điều giữa [của y], vị ấy làm được mảnh lớn thuộc các dải điều bên [của y], vị ấy làm được mảnh nhỏ thuộc dải điều giữa [của y], vị ấy làm được mảnh nhỏ thuộc các dải điều kế [của y], vị ấy làm được mảnh nhỏ thuộc hai dải điều biên [của y], [như thế y] sẽ được cắt ra, sần sùi khi được ráp lại, phù hợp với Sa-môn, không còn được mong mỏi bởi những kẻ đối nghịch. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép y hai lớp đã được cắt ra, thượng y đã được cắt ra, y nội đã được cắt ra [rồi ráp lại].

38. Sau đó, khi đã ngự tại thành Rājagaha theo như ý thích, đức Thế Tôn đã ra đi, du hành đến thành Vesālī. Đức Thế Tôn đã nhìn thấy nhiều vị Tỳ-khưu ôm đồm với các chiếc y đang đi đường xa giữa Rājagaha và Vesālī, các vị đã làm cuộn y ở trên đầu, các vị đã làm cuộn y ở vai, các vị đã làm cuộn y ở hông. Sau khi nhìn thấy, đức Thế Tôn đã khởi ý điều này: "Những kẻ rồ dại này đã xoay xở được nhiều y thật nhanh chóng, hay là Ta nên xác định sự hạn chế về y, [và] nên quy định sự giới hạn về y?"

39. Sau đó, trong khi tuần tự du hành đức Thế Tôn đã ngự đến thành Vesālī. Tại nơi đó, ở Vesālī, đức Thế Tôn ngụ tại điện thờ Gotamaka. Vào lúc bấy giờ, trong khoảng thời gian tám đêm của mùa đông lạnh lẽo vào thời điểm tuyết rơi, đức Thế Tôn đã ngồi ở ngoài trời vào ban đêm chỉ với một y; đức Thế Tôn đã không có cảm giác lạnh. Khi canh đầu đã qua, cảm giác lạnh đã xuất hiện ở đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn đã trùm lên y thứ nhì; đức Thế Tôn đã không còn cảm giác lạnh. Khi canh giữa đã qua, cảm giác lạnh đã xuất hiện ở đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn đã trùm lên y thứ ba; đức Thế Tôn đã không còn cảm giác lạnh. Khi canh cuối đã qua, hừng đông đã rạng, trời đêm lộ vẻ rạng rỡ, cảm giác lạnh đã xuất hiện ở đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn đã trùm lên y thứ tư; đức Thế Tôn đã không còn cảm giác lạnh. Khi ấy, đức Thế Tôn đã khởi ý điều này: "Những vị nào là con trai của các nhà danh giá xuất gia ở trong Pháp và Luật này thường bị ảnh hưởng bởi sự lạnh và khiếp sợ sự lạnh, những vị ấy có thể tồn tại với ba y, hay là Ta nên xác định sự hạn chế về y, nên quy định sự giới hạn về y cho các Tỳ-khưu, [và] nên cho phép ba y?"

40. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, ở đây, trong khi đi trên đoạn đường xa giữa Rājagaha và Vesālī, Ta đã nhìn thấy nhiều vị Tỳ-khưu ôm đồm với các chiếc y đang đi ngược chiều, các vị đã làm cuộn y ở trên đầu, các vị đã làm cuộn y ở vai, các vị đã làm cuộn y ở hông. Sau khi nhìn thấy, Ta đã khởi ý điều này: "Những kẻ rồ dại này đã xoay xở được nhiều y thật mau mắn, hay là Ta nên xác định sự hạn chế về y, [và] nên quy định sự giới hạn về y?"

41. Này các Tỳ-khưu, ở đây, trong khoảng thời gian tám đêm của mùa đông lạnh lẽo vào thời điểm tuyết rơi, Ta đã ngồi ở ngoài trời vào ban đêm chỉ với một y, Ta đã không có cảm giác lạnh. Khi canh đầu đã qua, cảm giác lạnh đã xuất hiện ở Ta. Ta đã trùm lên y thứ nhì, Ta đã không còn cảm giác lạnh. Khi canh giữa đã qua, cảm giác lạnh đã xuất hiện ở Ta. Ta đã trùm lên y thứ ba, Ta đã không còn cảm giác lạnh. Khi canh cuối đã qua, hừng đông đã rạng, trời đêm lộ vẻ rạng rỡ, cảm giác lạnh đã xuất hiện ở Ta. Ta đã trùm lên y thứ tư, Ta đã không còn cảm giác lạnh. Khi ấy, Ta đã khởi ý điều này: "Những vị nào là con trai của các nhà danh giá xuất gia ở trong Pháp và Luật này thường bị ảnh hưởng bởi sự lạnh và khiếp sợ sự lạnh, những vị ấy có thể tồn tại với ba y, hay là Ta nên xác định sự hạn chế về y, nên quy định sự giới hạn về y cho các Tỳ-khưu, [và] nên cho phép ba y?" Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép ba y gồm có y *Saṅghāṭi* hai lớp, thượng y một lớp, và y nội một lớp.

42. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư [nghĩ rằng]: "Đức Thế Tôn đã cho phép ba y", rồi đi vào làng với ba y nọ, mặc ở tu viện với ba y khác và đi xuống tắm với ba y khác nữa. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư lại sử dụng y phụ trội?"

43. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do, ấy nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, không nên cất giữ y phụ trội, vị nào cất giữ thì nên được hành xử theo pháp.[3]

44. Vào lúc bấy giờ, có y phụ trội được phát sanh đến Đại đức Ānanda. Đại đức Ānanda có ý định dâng y ấy đến Đại đức Sāriputta. Và Đại đức Sāriputta cư ngụ ở Sāketa. Khi ấy, Đại đức Ānanda đã khởi ý điều này: "Đức Thế Tôn đã quy định rằng: 'Không được cất giữ y phụ trội.' Và y phụ trội này đã được phát sanh đến ta. Và ta có ý muốn dâng y này đến Đại đức Sāriputta mà Đại đức Sāriputta cư ngụ ở Sāketa. Vậy ta nên thực hành như thế nào?" Sau đó, Đại đức Ānanda đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

---

[3] Liên quan đến tội *Nissaggiya Pācittiya* thứ nhất (ND).

– Này Ānanda, bao lâu nữa Sāriputta sẽ đi đến đây?

– Bạch Thế Tôn, ngày thứ chín hoặc ngày thứ mười.

45. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: "Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép cất giữ y phụ trội tối đa mười ngày."

46. Vào lúc bấy giờ, có y phụ trội phát sanh đến các Tỳ-khưu. Khi ấy, các vị Tỳ-khưu đã khởi ý điều này: "Nên thực hành như thế nào đối với các y phụ trội?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép chú nguyện để dùng chung y phụ trội.

47. Sau đó, khi đã ngự tại thành Vesālī theo như ý thích, đức Thế Tôn đã ra đi, du hành về phía thành Bāraṇasī. Trong khi tuần tự du hành, Ngài đã ngự đến thành Bārāṇasī. Tại nơi đó, ở Bārāṇasī, đức Thế Tôn ngự tại Isipatana, nơi vườn Nai.

48. Vào lúc bấy giờ, y nội của vị Tỳ-khưu nọ bị rách. Khi ấy, vị Tỳ-khưu ấy đã khởi ý điều này: "Đức Thế Tôn đã cho phép ba y gồm có y *Saṅghāṭi* hai lớp, thượng y một lớp và y nội một lớp. Và y nội này của ta bị rách, hay là ta nên đắp thêm miếng vá, như thế xung quanh sẽ là hai lớp và ở giữa là một lớp?" Sau đó, vị Tỳ-khưu ấy đã đắp thêm miếng vá. Đức Thế Tôn trong khi đi dạo quanh các chỗ trú ngụ đã nhìn thấy vị Tỳ-khưu ấy đang đắp thêm miếng vá, sau khi nhìn thấy đã đi đến gặp vị Tỳ-khưu ấy, sau khi đến đã nói với vị Tỳ-khưu ấy điều này:

– Này Tỳ-khưu, ngươi làm gì vậy?

– Bạch Thế Tôn, con đắp thêm miếng vá.

– Này Tỳ-khưu, thật tốt thay, thật tốt thay! Này Tỳ-khưu, thật tốt thay việc ngươi đắp thêm miếng vá!

49. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép khi vải còn mới hoặc được xem như mới thì y *Saṅghāṭi* là hai lớp, thượng y là một lớp và y nội là một lớp. Khi các lớp vải đã bị sờn bởi thời gian thì y *Saṅghāṭi* là bốn lớp, thượng y là hai lớp và y nội là hai lớp. Nên thực hiện việc nỗ lực [tìm kiếm] vải dơ bị quăng bỏ hay [được bỏ rơi] ở các cửa tiệm theo như nhu cầu. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [đắp] miếng vá, [dùng] chỉ mạng, [đắp chồng] lớp nữa, miếng vá nhỏ và việc may lại cho chắc chắn.

50. Sau đó, khi đã ngự tại thành Rājagaha theo như ý thích, đức Thế Tôn đã ra đi, du hành về phía thành Sāvatthi. Trong khi tuần tự du hành, Ngài đã ngự đến thành Sāvatthi. Tại nơi đó, ở Sāvatthi, đức Thế Tôn ngự tại Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika.

51. Khi ấy, bà Visākhā, mẹ của Migāra đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi bà Visākhā, mẹ của Migāra đã ngồi xuống một bên, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi cho bà bằng bài pháp thoại.

52. Sau đó, khi đã được đức Thế Tôn chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi bằng bài pháp thoại, bà Visākhā, mẹ của Migāra đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn nhận lời con về bữa trai phạn vào ngày mai cùng với hội chúng Tỳ-khưu.

Đức Thế Tôn đã nhận lời bằng thái độ im lặng. Khi ấy, bà Visākhā, mẹ của Migāra hiểu được sự nhận lời của đức Thế Tôn nên đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiễu quanh rồi ra đi.

53. Vào lúc bấy giờ, khi trải qua đêm ấy có đám mây lớn khắp cả bốn châu đã đổ mưa xuống. Khi ấy, đức Thế Tôn đã bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, trời mưa ở Jetavana như thế nào thì trời mưa ở bốn châu như thế ấy. Này các Tỳ-khưu, hãy để cho thân thể ướt đẫm nước mưa, đây là trận mưa lớn khắp cả bốn châu lần cuối cùng.

– Bạch Ngài, xin vâng.

Các vị Tỳ-khưu ấy nghe theo đức Thế Tôn, có các y đã được cất đi, rồi để cho thân thể ướt đẫm nước mưa.

54. Khi ấy, bà Visākhā, mẹ của Migāra sau khi cho chuẩn bị sẵn sàng vật thực hảo hạng loại cứng, loại mềm rồi đã bảo người tớ gái rằng:

– Này em, hãy đi. Sau khi đến tu viện, hãy thông báo thời giờ rằng: "Bạch ngài, đã đến giờ, thức ăn đã chuẩn bị xong."

– Thưa bà, xin vâng.

Rồi người tớ gái nghe theo bà Visākhā, mẹ của Migāra đã đi đến tu viện và nhìn thấy các vị Tỳ-khưu, có các y đã được cất đi, đang để cho thân thể ướt đẫm nước mưa. Sau khi nhìn thấy [nghĩ rằng]: "Không có các Tỳ-khưu nơi tu viện, [chỉ có] các đạo sĩ lõa thể đang để cho thân thể ướt đẫm nước mưa" rồi đã đi đến gặp bà Visākhā, mẹ của Migāra sau khi đến đã nói với bà Visākhā, mẹ của Migāra điều này:

– Thưa bà, không có các Tỳ-khưu nơi tu viện, [chỉ có] các đạo sĩ lõa thể đang để cho thân thể ướt đẫm nước mưa.

55. Khi ấy, bà Visākhā, mẹ của Migāra là người sáng trí, kinh nghiệm, thông minh đã khởi ý điều này: "Chắc chắn là các ngài Đại đức có các y đã được cất đi và để cho thân thể ướt đẫm nước mưa! Cô gái đần độn này đây đã nghĩ rằng: 'Không có các Tỳ-khưu nơi tu viện, [chỉ có] các đạo sĩ lõa thể đang để cho thân thể ướt đẫm nước mưa'", nên đã bảo người tớ gái lần nữa rằng:

– Này em, hãy đi. Sau khi đến tu viện, hãy thông báo thời giờ rằng: "Bạch ngài, đã đến giờ, thức ăn đã chuẩn bị xong."

56. Khi ấy, các vị Tỳ-khưu ấy sau khi làm cho mát mẻ các phần thân thể, có cơ thể khoẻ khoắn, đã cầm lấy các y rồi đi vào trú xá của mình.

57. Sau đó, người tớ gái ấy đã đi đến tu viện, trong khi không nhìn thấy các vị Tỳ-khưu [nên nghĩ rằng]: "Không có các Tỳ-khưu nơi tu viện, tu viện thì trống không" rồi đã đi đến gặp bà Visākhā, mẹ của Migāra, sau khi đến đã nói với bà Visākhā mẹ của Migāra điều này:

– Thưa bà, không có các Tỳ-khưu nơi tu viện, tu viện thì trống không.

58. Khi ấy, bà Visākhā, mẹ của Migāra là người sáng trí, kinh nghiệm, thông minh đã khởi ý điều này: "Chắc chắn là các ngài Đại đức sau khi làm cho mát mẻ các phần thân thể, có cơ thể khoẻ khoắn, nên đã cầm lấy các y rồi đi vào trú xá của mình. Cô gái đần độn này đây đã nghĩ rằng: 'Không có các Tỳ-khưu nơi tu viện, tu viện thì trống không'", nên đã bảo người tớ gái lần nữa rằng:

– Này em, hãy đi. Sau khi đi đến tu viện, hãy thông báo thời giờ rằng: "Bạch ngài, đã đến giờ, thức ăn đã chuẩn bị xong."

59. Khi ấy, đức Thế Tôn đã bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, hãy sẵn sàng y bát. Đã đến thời điểm của bữa ăn.

– Bạch Ngài, xin vâng.

Các vị Tỳ-khưu ấy đã đáp lời đức Thế Tôn.

60. Khi ấy, vào buổi sáng, đức Thế Tôn đã mặc y, cầm y bát, rồi giống như người đàn ông có sức mạnh có thể duỗi ra cánh tay đã được co lại hoặc có thể co lại cánh tay đã được duỗi ra; tương tợ như thế, đức Thế Tôn đã biến mất tại Jetavana rồi hiện ra ở cổng nhà của bà Visākhā, mẹ của Migāra. Đức Thế Tôn đã ngồi xuống ở chỗ ngồi đã được sắp đặt sẵn cùng với hội chúng Tỳ-khưu.

61. Khi ấy, bà Visākhā, mẹ của Migāra [nghĩ rằng]: "Thật kỳ diệu thay! Thật phi thường thay! Đức Như Lai có đại thần lực, có đại oai lực! Bởi vì trong khi các cơn lũ đang dâng tới mức đầu gối, trong khi các cơn lũ đang dâng lên tới hông thế mà không một vị Tỳ-khưu nào có các bàn chân hoặc các y bị ướt!" nên mừng rỡ, phấn chấn, rồi đã tự tay làm hài lòng và toại ý hội chúng Tỳ-khưu có đức Phật đứng đầu, với thức ăn hảo hạng loại cứng, loại mềm. Đến khi đức Thế Tôn đã thọ thực xong, có bàn tay đã rời khỏi bình bát, bà đã ngồi xuống một bên.

62. Khi đã ngồi xuống một bên, bà Visākhā, mẹ của Migāra đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, con thỉnh cầu đức Thế Tôn tám điều ước muốn.

– Này Visākhā, các đấng Như Lai đã vượt khỏi các điều ước muốn.

– Bạch Ngài, các điều ấy là hợp lý, các điều ấy không bị chê trách.

– Này Visākhā, hãy nói đi.

– Bạch Ngài, con muốn dâng vải choàng tắm mưa đến hội chúng, dâng bữa ăn dành cho vị vãng lai, dâng bữa ăn dành cho vị xuất hành, dâng bữa ăn dành cho vị bị bệnh, dâng bữa ăn dành cho vị chăm sóc bệnh, dâng dược phẩm dành cho vị bị bệnh, dâng cháo hàng ngày, dâng vải choàng tắm đến hội chúng Tỳ-khưu-ni đến trọn đời.

63. – Này Visākhā, trong khi thấy rõ sự hữu dụng gì mà bà lại thỉnh cầu Như Lai tám điều ước muốn?

– Bạch Ngài, ở đây, con đã bảo người tớ gái rằng: "Này em, hãy đi. Sau khi đến tu viện, hãy thông báo thời giờ rằng: 'Bạch ngài, đã đến giờ, thức ăn đã chuẩn bị xong.'" Khi ấy, người tớ gái ấy đã đi đến tu viện và nhìn thấy các vị Tỳ-khưu, có các y đã được cất đi, đang để cho thân thể ướt đẫm nước mưa. Sau khi nhìn thấy [nghĩ rằng]: "Không có các Tỳ-khưu nơi tu viện, [chỉ có] các đạo sĩ lõa thể đang để cho thân thể ướt đẫm nước mưa" rồi đã đi đến gặp con, sau khi đến đã nói với con điều này: "Thưa bà, không có các Tỳ-khưu nơi tu viện, [chỉ có] các đạo sĩ lõa thể đang để cho thân thể ướt đẫm nước mưa." Bạch Ngài, sự trần truồng là không tinh khiết, ghê tởm, bị lên án. Bạch Ngài, trong khi thấy rõ sự hữu dụng này mà con muốn dâng đến hội chúng vải choàng [tắm] mưa đến trọn đời.

64. Bạch Ngài còn có điều khác nữa, vị Tỳ-khưu vãng lai không rành rẽ đường sá, không rành rẽ khu vực, đi khất thực trong lúc đang mệt nhọc. Vị ấy sau khi thọ thực bữa ăn dành cho vị vãng lai của con được rành rẽ đường sá, được rành rẽ khu vực, sẽ đi khất thực trong khi không còn mệt nhọc. Bạch Ngài, trong khi thấy rõ sự hữu dụng này mà con muốn dâng đến hội chúng bữa ăn dành cho vị vãng lai đến trọn đời.

65. Bạch Ngài còn có điều khác nữa, vị Tỳ-khưu là vị xuất hành, trong khi tìm kiếm vật thực cho mình sẽ bị trễ đoàn lữ hành, hoặc sẽ đến nơi [mà vị ấy] có ý muốn đi đến vào lúc trời tối, sẽ phải đi đường xa trong lúc đang mệt nhọc. Vị ấy sau khi thọ thực bữa ăn dành cho vị xuất hành của con sẽ không bị trễ đoàn lữ hành, sẽ không đến nơi [mà vị ấy] có ý muốn đi đến vào lúc trời tối, sẽ đi đường xa trong khi không mệt nhọc. Bạch Ngài, trong khi thấy rõ sự hữu dụng này mà con muốn dâng đến hội chúng bữa ăn dành cho vị xuất hành đến trọn đời.

66. Bạch Ngài còn có điều khác nữa, vị Tỳ-khưu bị bệnh trong khi không nhận được các thức ăn thích hợp, bệnh tình sẽ trầm trọng, hoặc sẽ chết đi. Trong khi vị ấy thọ dụng bữa ăn dành cho vị bị bệnh của con, bệnh tình sẽ không trầm trọng, sẽ không chết đi. Bạch Ngài, trong khi thấy rõ sự hữu dụng này mà con muốn dâng đến hội chúng bữa ăn dành cho vị bị bệnh đến trọn đời.

67. Bạch Ngài còn có điều khác nữa, vị Tỳ-khưu là vị chăm sóc bệnh, trong khi tìm kiếm thức ăn cho mình sẽ đem lại bữa ăn của vị bệnh lúc mặt trời đã lên

[cao], sẽ làm lỡ bữa ăn. Vị ấy sau khi thọ dụng bữa ăn dành cho vị chăm sóc bệnh của con sẽ đem lại thức ăn của vị bệnh lúc đúng thời, sẽ không làm lỡ bữa ăn. Bạch Ngài, trong khi thấy rõ sự hữu dụng này mà con muốn dâng đến hội chúng bữa ăn dành cho vị chăm sóc bệnh đến trọn đời.

68. Bạch Ngài còn có điều khác nữa, vị Tỳ-khưu bị bệnh trong khi không nhận được các loại dược phẩm thích hợp, bệnh tình sẽ trầm trọng, hoặc sẽ chết đi. Trong khi vị ấy thọ dụng dược phẩm dành cho vị bị bệnh của con, bệnh tình sẽ không trầm trọng, sẽ không chết đi. Bạch Ngài, trong khi thấy rõ sự hữu dụng này mà con muốn dâng đến hội chúng dược phẩm dành cho vị bị bệnh đến trọn đời.

69. Bạch Ngài còn có điều khác nữa, ở Andhakavinda, trong khi thấy rõ mười điều lợi ích, đức Thế Tôn đã cho phép [thọ dụng] cháo. Bạch Ngài, trong khi thấy rõ sự hữu dụng này mà con muốn dâng đến hội chúng cháo hàng ngày đến trọn đời.

70. Bạch Ngài còn có điều khác nữa, các Tỳ-khưu-ni tắm trần truồng với các cô điếm ở một bãi tắm của sông Aciravatī. Bạch Ngài, các cô điếm ấy đã chế giễu các Tỳ-khưu-ni rằng: "Các bà Đại đức ơi, các bà được cái gì với việc thực hành Phạm hạnh trong lúc còn trẻ trung vậy? Chớ không phải là các dục lạc nên được hưởng thụ hay sao? Khi nào trở nên già cả, khi ấy các bà sẽ thực hành Phạm hạnh, như thế các bà sẽ vớ được cả hai điều lợi." Bạch Ngài, khi bị các cô điếm chế giễu, các Tỳ-khưu-ni ấy đã mắc cỡ. Bạch Ngài, sự trần truồng của phụ nữ là không tinh khiết, ghê tởm, bị lên án. Bạch Ngài, trong khi thấy rõ sự hữu dụng này mà con muốn dâng đến hội chúng Tỳ-khưu-ni vải choàng tắm đến trọn đời.

71. – Này Visākhā, trong khi thấy rõ lợi ích gì mà bà lại thỉnh cầu Như Lai tám điều ước muốn?

– Bạch Ngài, ở đây các Tỳ-khưu đã sống qua mùa [an cư] mưa ở các phương sẽ đi đến Sāvatthi để diện kiến đức Thế Tôn. Các vị ấy sau khi đi đến gặp đức Thế Tôn sẽ hỏi rằng: "Bạch Ngài, vị Tỳ-khưu tên [như vầy] đã từ trần. Cõi tái sanh của vị ấy là gì? Cảnh giới kế tiếp của vị ấy là gì?" Đức Thế Tôn sẽ tuyên bố vị ấy ở quả vị Nhập lưu, hoặc ở quả vị Nhất lai, hoặc ở quả vị Bất lai, hoặc ở phẩm vị A-la-hán. Con sẽ đi đến gặp các vị ấy và hỏi rằng: "Thưa các ngài, có phải vị Đại đức ấy trước đây đã đi đến Sāvatthi?" Nếu các vị trả lời con rằng: "Vị Tỳ-khưu ấy trước đây đã đi đến Sāvatthi." Trường hợp ấy, con sẽ đi đến kết luận là "chắc chắn rằng vị Đại đức ấy đã thọ dụng hoặc là vải choàng [tắm] mưa, hoặc là bữa ăn dành cho vị vãng lai, hoặc là bữa ăn dành cho vị xuất hành, hoặc là bữa ăn dành cho vị bị bệnh, hoặc là bữa ăn dành cho vị chăm sóc bệnh, hoặc là dược phẩm dành cho vị bị bệnh, hoặc là cháo hàng ngày của con." Trong khi nhớ lại điều ấy, sự hân hoan sẽ được sanh khởi ở con đây, do sự hân hoan mà hỷ sẽ được sanh khởi, do tâm có hỷ mà thân sẽ khinh an, do thân

được khinh an con sẽ cảm giác sự an lạc, do có sự an lạc tâm sẽ được định, điều ấy sẽ có ở con là sự tu tập về căn quyền, sự tu tập về lực, sự tu tập về giác chi. Bạch Ngài, trong khi thấy rõ lợi ích này mà con thỉnh cầu Như Lai tám điều ước muốn.

72. – Này Visākhā, thật tốt lắm, thật tốt lắm! Này Visākhā, thật tốt thay trong khi thấy rõ lợi ích này mà bà thỉnh cầu Như Lai tám điều ước muốn. Này Visākhā, Ta cho phép bà tám điều ước muốn.

73. Sau đó, đức Thế Tôn đã nói lời tùy hỷ cho bà Visākhā, mẹ của Migāra bằng những lời kệ này:

"Trong khi bố thí cơm nước, người nữ nào được hân hoan, được thành tựu về giới, là đệ tử của đấng Thiện Thệ, sau khi chế ngự sự bỏn xẻn, rồi dâng cúng vật thí, [là yếu tố] dẫn đến cõi trời, xua tan sầu muộn, đem lại sự an lạc.

Sau khi đạt tuổi thọ của cõi trời, cô ấy đi vào đạo lộ không bợn nhơ, không nhiễm ô. Với ước muốn về phước báu, cô ấy có được sự an lạc, không có bệnh, vui hưởng dài lâu ở hội chúng nơi thiên đình."

74. Sau đó, khi đã nói lời tùy hỷ cho bà Visākhā, mẹ của Migāra bằng những lời kệ này, đức Thế Tôn đã từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vải choàng tắm mưa, bữa ăn dành cho vị vãng lai, bữa ăn dành cho vị xuất hành, bữa ăn dành cho vị bị bệnh, bữa ăn dành cho vị chăm sóc bệnh, dược phẩm dành cho vị bị bệnh, cháo hàng ngày, vải choàng tắm đến hội chúng Tỳ-khưu-ni.

Dứt tụng phẩm Visākhā.

*****

1. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu sau khi thọ thực thức ăn hảo hạng, có niệm bị xao lãng, không tỉnh giác và rơi vào giấc ngủ. Trong khi các vị có niệm bị xao lãng, không tỉnh giác và rơi vào giấc ngủ, tinh dịch bị xuất ra do chiêm bao, khiến chỗ nằm ngồi bị lấm lem vì chất dơ.

2. Khi ấy, đức Thế Tôn trong lúc đang đi dạo quanh các trú xá cùng với Đại đức Ānanda là Sa-môn hầu cận đã nhìn thấy chỗ nằm ngồi bị lấm lem vì chất dơ, sau khi nhìn thấy đã bảo Đại đức Ānanda rằng:

– Này Ānanda, tại sao chỗ nằm ngồi này bị lấm lem?

– Bạch Ngài, hiện nay các vị Tỳ-khưu sau khi thọ thực thức ăn hảo hạng, có niệm bị xao lãng, không tỉnh giác và rơi vào giấc ngủ. Trong khi các vị có niệm bị xao lãng, không tỉnh giác và rơi vào giấc ngủ, tinh dịch bị xuất ra do chiêm bao. Bạch đức Thế Tôn, do đó chỗ nằm ngồi này bị lấm lem vì chất dơ.

– Này Ānanda, điều ấy là như thế! Này Ānanda, điều ấy là như thế! Này Ānanda, tinh dịch bị xuất ra do chiêm bao vì các vị ấy có niệm bị xao lãng,

không tỉnh giác và rơi vào giấc ngủ. Này Ānanda, các vị Tỳ-khưu nào có niệm được thiết lập, được tỉnh giác và rơi vào giấc ngủ, tinh dịch của các vị ấy không bị xuất ra. Này Ānanda, các vị nào dầu là phàm nhân đã xa lìa sự tham đắm trong các dục, tinh dịch của các vị ấy không bị xuất ra. Này Ānanda, tinh dịch của vị A-la-hán có thể bị xuất ra là điều không có thực tế, không có cơ sở.

3. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do, ấy nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, ở đây trong lúc đang đi dạo quanh các trú xá cùng với Ānanda là Sa-môn hầu cận, Ta đã nhìn thấy chỗ nằm ngồi bị lấm lem vì chất dơ, sau khi nhìn thấy đã hỏi Ānanda rằng: "Này Ānanda, tại sao chỗ nằm ngồi này bị lấm lem?" "Bạch Ngài, hiện nay các vị Tỳ-khưu sau khi thọ thực thức ăn hảo hạng, có niệm bị xao lãng, không tỉnh giác và rơi vào giấc ngủ. Trong khi các vị có niệm bị xao lãng, không tỉnh giác và rơi vào giấc ngủ, rồi tinh dịch bị xuất ra do chiêm bao. Bạch đức Thế Tôn, do đó chỗ nằm ngồi này đã bị lấm lem vì chất dơ." "Này Ānanda, điều ấy là như thế! Này Ānanda, điều ấy là như thế! Này Ānanda, bởi vì đối với các vị có niệm bị xao lãng, không tỉnh giác, trong khi rơi vào giấc ngủ, tinh dịch của họ bị xuất ra do chiêm bao. Này Ānanda, các vị Tỳ-khưu nào có niệm được thiết lập, được tỉnh giác và rơi vào giấc ngủ, tinh dịch của các vị ấy không bị xuất ra. Này Ānanda, ngay cả các vị nào dầu là phàm nhân đã xa lìa sự tham đắm trong các dục, tinh dịch của các vị ấy cũng không bị xuất ra. Này Ānanda, tinh dịch của vị A-la-hán có thể bị xuất ra là điều không có thực tế, không có cơ sở."

4. Này các Tỳ-khưu, đây là năm điều bất lợi của vị có niệm bị xao lãng, không tỉnh giác và rơi vào giấc ngủ: [Vị ấy] ngủ khổ sở, thức dậy khổ sở, thấy điều ác xấu trong khi ngủ, chư thiên không hộ trì, tinh dịch bị xuất ra. Này các Tỳ-khưu, đây là năm điều bất lợi của vị có niệm bị xao lãng, không tỉnh giác và rơi vào giấc ngủ.

5. Này các Tỳ-khưu, đây là năm điều thuận lợi của vị có niệm được thiết lập, được tỉnh giác và rơi vào giấc ngủ: [Vị ấy] ngủ an lạc, thức dậy an lạc, không thấy điều ác xấu trong khi ngủ, chư thiên hộ trì, tinh dịch không bị xuất ra. Này các Tỳ-khưu, đây là năm điều thuận lợi của vị có niệm được thiết lập, được tỉnh giác và rơi vào giấc ngủ. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] vật lót ngồi để bảo vệ cơ thể, để bảo vệ y, để bảo vệ chỗ nằm ngồi.

6. Vào lúc bấy giờ, vật lót ngồi[4] quá nhỏ nên không bảo vệ được toàn bộ chỗ nằm ngồi. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vị mong muốn tấm trải nằm lớn chừng nào thì được làm tấm trải nằm lớn chừng ấy.

[4] Được dịch là vật lót ngồi thay vì tọa cụ, và tấm trải nằm thay vì ngọa cụ (ND).

7. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Belaṭṭhisīsa, thầy tế độ của Đại đức Ānanda, có bệnh ghẻ sần sùi. Các y bị dính vào thân vì chất máu mủ của vị ấy. Các vị Tỳ-khưu liên tục tẩm ướt các y với nước rồi kéo ra.

8. Đức Thế Tôn trong khi đi dạo quanh các chỗ trú ngụ đã nhìn thấy các vị Tỳ-khưu ấy liên tục tẩm ướt các y với nước rồi kéo ra, sau khi nhìn thấy đã đi đến gần các vị Tỳ-khưu ấy, sau khi đến gần đã nói với các vị Tỳ-khưu ấy điều này:

– Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu này bị bệnh gì vậy?

– Bạch Ngài, Đại đức này bị bệnh ghẻ sần sùi, các y bị dính vào thân vì chất máu mủ, chúng con liên tục tẩm ướt các y với nước rồi kéo ra.

9. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] y đắp ghẻ đối với vị nào bị ghẻ ngứa, hoặc bị nhọt, hoặc có vết thương chảy mủ, hoặc bị ghẻ sần sùi.

10. Khi ấy, bà Visākhā, mẹ của Migāra đã cầm cái khăn lau mặt đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, bà Visākhā, mẹ của Migāra đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, xin hãy thọ lãnh cái khăn lau mặt của con vì điều ấy đem lại sự lợi ích và sự an vui lâu dài cho con.

Đức Thế Tôn đã thọ nhận cái khăn lau mặt.

11. Khi ấy, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi cho bà Visākhā, mẹ của Migāra bằng bài pháp thoại. Sau đó, khi đã được đức Thế Tôn chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi bằng bài pháp thoại, bà Visākhā, mẹ của Migāra đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiễu quanh rồi ra đi.

12. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] khăn lau mặt.

13. Vào lúc bấy giờ, Roja, người Malla là bạn của Đại đức Ānanda. Tấm vải dệt bằng sợi lanh của Roja, người Malla đã bị rơi xuống ở cánh tay của Đại đức Ānanda. Và Đại đức Ānanda có nhu cầu về vải dệt bằng sợi lanh. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép lấy do sự thân thiết [đồ vật] của người có năm yếu tố: Là vị đồng quan điểm, thân thiết đã được nói trước, [vị ấy] còn sống và vị lấy biết được rằng: "Khi được ta lấy thì vị ấy sẽ hoan hỷ." Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép lấy do sự thân thiết [đồ vật] của người có năm yếu tố này.

14. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu có được đầy đủ ba y và còn có nhu cầu về các đồ lọc nước và các túi mang. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép miếng vải phụ tùng.

15. Khi ấy, các Tỳ-khưu đã khởi ý điều này: "Các vật nào đã được đức Thế Tôn cho phép như là 'ba y', hoặc là 'vải choàng tắm mưa', hoặc là 'vật lót ngồi', hoặc là 'tấm trải nằm', hoặc là 'y đắp ghẻ', hoặc là 'khăn lau mặt', hoặc là 'miếng vải phụ tùng', tất cả các thứ ấy nên được chú nguyện để dùng riêng hay là nên được chú nguyện để dùng chung?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép chú nguyện để dùng riêng ba y không được chú nguyện để dùng chung, chú nguyện để dùng riêng vải choàng tắm mưa trong bốn tháng của mùa mưa, sau đó chú nguyện để dùng chung vào các tháng khác, chú nguyện để dùng riêng vật lót ngồi không được chú nguyện để dùng chung, chú nguyện để dùng riêng tấm trải nằm không được chú nguyện để dùng chung, chú nguyện để dùng riêng y đắp ghẻ lúc còn bị bệnh, sau đó chú nguyện để dùng chung vào lúc khác, chú nguyện để dùng riêng khăn lau mặt không được chú nguyện để dùng chung, chú nguyện để dùng riêng miếng vải phụ tùng không được chú nguyện để dùng chung.

Khi ấy, các vị Tỳ-khưu đã khởi ý điều này: "Y nên được chú nguyện để dùng chung [có kích thước] tối thiểu là bao nhiêu?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép chú nguyện để dùng chung y [có kích thước] tối thiểu với chiều dài là tám ngón tay, với chiều rộng là bốn ngón tay theo ngón tay tiêu chuẩn.

16. Vào lúc bấy giờ, y làm bằng vải dơ bị quăng bỏ của Đại đức Mahākassapa là nặng nề [do việc đắp lên miếng vá ở các chỗ bị sờn]. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [thực hiện] việc mạng bằng chỉ.

[Y] có góc bị thừa. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép cắt góc bị thừa.

Các mối chỉ bị xổ ra. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép gắn vào miếng vải viền, [làm] đường biên xung quanh.

Vào lúc bấy giờ, các mảnh vải của y hai lớp bị bung ra. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép làm đường may ngang dọc.

17. Vào lúc bấy giờ, trong lúc y của vị Tỳ-khưu nọ đang được làm, toàn bộ các mảnh cắt không đủ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép hai [y] được cắt, một [y] không cắt.

Hai [y] được cắt, một [y] không cắt là không đủ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép hai [y] không cắt, một [y] được cắt.

Hai [y] không cắt, một [y] được cắt là không đủ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép đặt vào miếng vải khác loại. Và này các Tỳ-khưu, không nên sử dụng toàn bộ [ba y] không cắt; vị nào sử dụng thì phạm tội *Dukkaṭa*.

18. Vào lúc bấy giờ, có nhiều y được phát sanh đến vị Tỳ-khưu nọ. Và vị ấy có ý muốn cho đến cha mẹ y ấy. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, trong khi nói là "cha mẹ" thì chúng ta có thể nói điều gì? Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép cho đến cha mẹ. Và này các Tỳ-khưu, không nên cho vật bố thí vì đức tin đến đối tượng không xứng đáng; vị nào cho đến đối tượng không xứng đáng thì phạm tội *Dukkaṭa*.

19. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ đã để lại y hai lớp trong khu rừng Andhavana rồi đi vào làng để khất thực với y nội và thượng y. Những kẻ trộm đã lấy trộm y ấy. Vị Tỳ-khưu ấy trở thành ăn mặc bê bối, y phục luộm thuộm. Các Tỳ-khưu đã nói như vầy:

– Này Đại đức, vì sao ngài lại trở thành ăn mặc bê bối, y phục luộm thuộm?

– Này các Đại đức, trường hợp này là tôi đã để lại y ở trong khu rừng Andhavana rồi đi vào làng để khất thực với y nội và thượng y. Những kẻ trộm đã lấy trộm y ấy, vì thế tôi trở thành ăn mặc bê bối y phục luộm thuộm.

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên đi vào làng với y nội và thượng y; vị nào đi vào thì phạm tội *Dukkaṭa*.

20. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Ānanda vì thiếu sự ghi nhớ nên đã đi vào làng để khất thực với y nội và thượng y. Các Tỳ-khưu đã nói với Đại đức Ānanda điều này:

– Này Đại đức Ānanda, không phải đức Thế Tôn đã quy định rằng: "Không nên đi vào làng với y nội và thượng y" hay sao? Này Đại đức, vì sao ngài đã đi vào làng với y nội và thượng y?

– Này các Đại đức, đúng vậy. Đức Thế Tôn quy định rằng: "Không nên đi vào làng với y nội và thượng y." Hơn nữa, tôi đã đi vào [làng] với sự thiếu ghi nhớ.

21. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, đây là năm điều kiện cho việc để lại y hai lớp: Vị bị bệnh, hoặc là sự quy định về mùa mưa,[5] hoặc là vị đi qua bên kia sông, hoặc là trú xá có sự an toàn với then cài, hoặc là vị có *Kaṭhina* đã được thành tựu. Này các Tỳ-khưu, đây là năm điều kiện cho việc để lại y hai lớp.

[5] Ngài Buddhaghosa giải thích là trong bốn tháng mùa mưa (*VinA*. V. 1129).

22. Này các Tỳ-khưu, đây là năm điều kiện cho việc để lại thượng y: Vị bị bệnh, hoặc là sự quy định về mùa mưa, hoặc là vị đi qua bên kia sông, hoặc là trú xá có sự an toàn với then cài, hoặc là vị có *Kaṭhina* đã được thành tựu. Này các Tỳ-khưu, đây là năm điều kiện cho việc để lại thượng y.

23. Này các Tỳ-khưu, đây là năm điều kiện cho việc để lại y nội: Vị bị bệnh, hoặc là sự quy định về mùa mưa, hoặc là vị đi qua bên kia sông, hoặc là trú xá có sự an toàn với then cài, hoặc là vị có *Kaṭhina* đã được thành tựu. Này các Tỳ-khưu, đây là năm điều kiện cho việc để lại y nội.

24. Này các Tỳ-khưu, đây là năm điều kiện cho việc để lại vải choàng [tắm] mưa: Vị bị bệnh, hoặc là vị đi ra khỏi ranh giới, hoặc là vị đi qua bên kia sông, hoặc là trú xá có sự an toàn với then cài, hoặc là vải choàng [tắm] mưa không được làm hoặc được làm chưa hoàn tất. Này các Tỳ-khưu, đây là năm điều kiện cho việc để lại vải choàng [tắm] mưa.

25. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ sống mùa [an cư] mưa có một mình. Ở đó, dân chúng đã dâng các y [nói rằng]: "Chúng tôi dâng đến hội chúng." Khi ấy, vị Tỳ-khưu ấy khởi đã ý điều này: "Đức Thế Tôn đã quy định rằng: 'Hội chúng tối thiểu là nhóm bốn vị' và ta chỉ có mỗi một mình. Và các người này đã dâng các y [nói rằng]: 'Chúng tôi dâng đến hội chúng', hay là ta nên đem các y thuộc về hội chúng này đến Sāvatthi?" Sau đó, vị Tỳ-khưu ấy đã cầm lấy các y ấy đi đến Sāvatthi và trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này Tỳ-khưu, các y ấy là của chính ngươi cho đến khi hết hiệu lực của *Kaṭhina*.

26. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu sống mùa [an cư] mưa chỉ mỗi một mình. Ở đó, dân chúng dâng các y [nói rằng]: "Chúng tôi dâng đến hội chúng." Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép các y ấy là của chính vị ấy cho đến khi hết hiệu lực của *Kaṭhina*.

27. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ sống ngoài mùa [an cư] mưa có một mình. Ở đó, dân chúng đã dâng các y [nói rằng]: "Chúng tôi dâng đến hội chúng." Khi ấy, vị Tỳ-khưu ấy đã khởi ý điều này: "Đức Thế Tôn đã quy định rằng: 'Hội chúng ít nhất là nhóm bốn vị' và ta chỉ có mỗi một mình. Và các người này đã dâng các y [nói rằng]: 'Chúng tôi dâng đến hội chúng', hay là ta nên đem các y thuộc về hội chúng này đến Sāvatthi?" Sau đó, vị Tỳ-khưu ấy đã cầm lấy các y ấy đi đến Sāvatthi và trình sự việc ấy đến các vị Tỳ-khưu. Các vị Tỳ-khưu đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép chia ra bởi hội chúng đang hiện diện.

28. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu sống ngoài mùa [an cư] mưa có một mình. Ở đó, dân chúng dâng các y [nói rằng]: "Chúng tôi dâng đến hội chúng." Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vị Tỳ-khưu ấy chú nguyện các y ấy rằng: "Những y này là của tôi." Này các Tỳ-khưu, nếu trong khi y ấy chưa được chú nguyện thành của vị Tỳ-khưu ấy thì có vị Tỳ-khưu khác đi đến, nên trao

cho phần chia đồng đều nhau. Này các Tỳ-khưu, nếu trong khi y ấy đang được chia bởi các vị Tỳ-khưu ấy nhưng chưa được bốc thăm thì có vị Tỳ-khưu khác đi đến, nên trao cho phần chia đồng đều nhau. Này các Tỳ-khưu, nếu trong khi y ấy đang được chia bởi các vị Tỳ-khưu ấy và đã được bốc thăm thì có Tỳ-khưu khác đi đến, không cần trao cho phần chia nếu không thích.

29. Vào lúc bấy giờ, có hai vị Trưởng lão là anh em: Đại đức Isidāsa và Đại đức Isibhadda đã sống qua mùa [an cư] mưa ở Sāvatthi rồi đã đi đến trú xứ là ngôi làng nọ. Dân chúng [nghĩ rằng]: "Đã lâu lắm các Trưởng lão mới ghé đến" rồi đã thực hiện các bữa thọ trai cùng với các y. Các Tỳ-khưu thường trú đã hỏi hai vị Trưởng lão rằng:

– Thưa các ngài, những y thuộc hội chúng này đã được phát sanh nhờ vào các Trưởng lão, các Trưởng lão sẽ hoan hỷ phần chia hay không?

Hai vị Trưởng lão đã nói như vầy:

– Này các Đại đức, theo như chúng tôi biết về pháp đã được thuyết giảng bởi đức Thế Tôn thì các y này là thuộc về chính các vị cho đến khi *Kaṭhina* hết hiệu lực.

30. Vào lúc bấy giờ, có ba vị Tỳ-khưu sống mùa [an cư] mưa ở trong thành Rājagaha. Ở đó, dân chúng dâng các y [nói rằng]: "Chúng tôi dâng đến hội chúng." Khi ấy, các vị Tỳ-khưu ấy đã khởi ý điều này: "Đức Thế Tôn đã quy định rằng: 'Hội chúng ít nhất là nhóm bốn vị' và chúng ta chỉ có ba vị. Và các người này dâng các y [nói rằng]: 'Chúng tôi dâng đến hội chúng', vậy chúng ta nên thực hành như thế nào?"

31. Vào lúc bấy giờ, có nhiều vị Trưởng lão là Đại đức Nīlavāsī, Đại đức Sāṇavāsī, Đại đức Gopaka, Đại đức Bhagu và Đại đức Phaḷikasandāna cư ngụ ở Pāṭaliputta tại tu viện Kukkuṭa. Khi ấy, các vị Tỳ-khưu ấy đã đi đến Pāṭaliputta và hỏi các vị Trưởng lão. Các vị Trưởng lão đã nói như vầy:

– Này các Đại đức, theo như chúng tôi biết về pháp đã được thuyết giảng bởi đức Thế Tôn thì các y ấy là thuộc về chính các vị cho đến khi *Kaṭhina* hết hiệu lực.

32. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya đã sống qua mùa [an cư] mưa ở Sāvatthi, rồi đã đi đến trú xứ là ngôi làng nọ. Ở đó, các Tỳ-khưu đã tụ hội lại với ý định chia y. Các vị ấy đã nói như vầy:

– Này Đại đức, các y thuộc về hội chúng này sẽ được chia, ngài sẽ chấp nhận phần chia hay không?

– Này các Đại đức, xin vâng. Tôi sẽ chấp nhận.

Sau khi nhận phần y từ nơi đó, vị ấy đã đi sang trú xứ khác. Ở nơi đó, các Tỳ-khưu cũng đã tụ hội lại với ý định chia y. Các vị ấy cũng đã nói như vầy:

– Này Đại đức, các y thuộc về hội chúng này sẽ được chia, ngài sẽ chấp nhận phần chia hay không?

– Này các Đại đức, xin vâng. Tôi sẽ chấp nhận.

Sau khi nhận phần y từ nơi đó nữa, vị ấy đã đi sang trú xứ khác. Ở nơi đó, các Tỳ-khưu cũng đã tụ hội lại với ý định chia y. Các vị ấy cũng đã nói như vầy:

– Này Đại đức, các y thuộc về hội chúng này sẽ được chia, ngài sẽ chấp nhận phần chia hay không?

– Này các Đại đức, xin vâng. Tôi sẽ chấp nhận.

Sau khi nhận phần y từ nơi đó nữa, vị ấy đã cầm lấy gói y lớn rồi quay trở về lại Sāvatthi.

33. Các Tỳ-khưu đã nói như vầy:

– Này Đại đức Upananda, ngài có phước lớn. Nhiều y đã được phát sanh đến ngài.

– Này các Đại đức, phước của tôi là do đâu? Ở đây, tôi đã sống qua mùa [an cư] mưa ở Sāvatthi rồi đã đi đến trú xứ là ngôi làng nọ. Ở đó, các Tỳ-khưu đã tụ hội lại với ý định chia y. Các vị ấy đã nói với tôi như vầy: "Này Đại đức, các y này thuộc về hội chúng sẽ được chia, ngài sẽ chấp nhận phần chia hay không?" "Này các Đại đức, xin vâng. Tôi sẽ chấp nhận." Sau khi nhận phần y từ nơi đó, tôi đã đi sang trú xứ khác. Ở nơi đó, các vị Tỳ-khưu cũng đã tụ hội lại với ý định chia y. Các vị ấy cũng đã nói với tôi như vầy: "Này Đại đức, các y này thuộc về hội chúng sẽ được chia, ngài sẽ chấp nhận phần chia hay không?" "Này các Đại đức, xin vâng. Tôi sẽ chấp nhận." Sau khi nhận phần y từ nơi đó nữa, tôi đã đi sang trú xứ khác. Ở nơi đó, các vị Tỳ-khưu cũng đã tụ hội lại với ý định chia y. Các vị ấy cũng đã nói với tôi như vầy: "Này Đại đức, các y này thuộc về hội chúng sẽ được chia, ngài sẽ chấp nhận phần chia hay không?" "Này các Đại đức, xin vâng. Tôi sẽ chấp nhận." Tôi đã nhận phần y từ nơi đó nữa, như thế mà nhiều y đã được phát sanh đến tôi.

34. – Này Đại đức Upananda, có phải ngài đã sống mùa [an cư] mưa ở một nơi và chấp nhận phần y ở một nơi khác?

– Này các Đại đức, đúng vậy.

Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya đã sống mùa [an cư] mưa ở một nơi lại chấp nhận phần y ở một nơi khác?"

35. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này Upananda, nghe nói ngươi đã sống mùa [an cư] mưa ở một nơi và chấp nhận phần y ở một nơi khác, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– Này kẻ rồ dại, vì sao ngươi sống mùa [an cư] mưa ở một nơi lại chấp nhận phần y ở một nơi khác? Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).

Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, vị sống mùa [an cư] mưa ở nơi khác không nên chấp nhận phần y ở nơi khác; vị nào chấp nhận thì phạm tội *Dukkaṭa*.

36. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya một mình đã sống mùa [an cư] mưa ở hai trú xứ [nghĩ rằng]: "Như vầy nhiều y sẽ được phát sanh đến ta." Khi ấy, các vị Tỳ-khưu ấy đã khởi ý điều này: "Phần chia về y nên được cho đến Đại đức Upananda con trai dòng Sakya như thế nào?"

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, hãy cho đến kẻ rồ dại phần của một người.

37. Này các Tỳ-khưu, trường hợp một vị Tỳ-khưu sống mùa [an cư] mưa ở hai trú xứ [nghĩ rằng]: "Như vầy, nhiều y sẽ được phát sanh đến ta." Nếu vị ấy sống chỗ này một nửa [thời gian] chỗ kia một nửa [thời gian] thì nên cho phần chia về y gồm một nửa của nơi này, một nửa của nơi kia, hoặc ở chỗ nào vị ấy sống nhiều hơn thì phần chia về y nên được cho từ chỗ đó.

38. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị bệnh kiết lỵ. Vị ấy nằm dài ở đống phân và nước tiểu của chính mình, bị lem luốc. Khi ấy, trong lúc đi dạo quanh các trú xá cùng với Đại đức Ānanda là Sa-môn hầu cận, đức Thế Tôn đã đi đến trú xá của vị Tỳ-khưu ấy.

39. Đức Thế Tôn đã nhìn thấy vị Tỳ-khưu ấy đang nằm dài ở đống phân và nước tiểu của chính mình, bị lem luốc, sau khi nhìn thấy đã đi đến gần vị Tỳ-khưu ấy, sau khi đến đã nói với vị Tỳ-khưu ấy điều này:

– Này Tỳ-khưu, ngươi bị bệnh gì?

– Bạch Thế Tôn, con bị bệnh kiết lỵ.

– Này Tỳ-khưu, ngươi có người phục vụ không?

– Bạch Thế Tôn, không có.

– Vì sao các Tỳ-khưu lại không phục vụ ngươi?

– Bạch Ngài, con là người không có làm gì cho các Tỳ-khưu, do đó các Tỳ-khưu không phục vụ con.

40. Khi ấy, đức Thế Tôn đã bảo Đại đức Ānanda rằng:

– Này Ānanda, hãy đi và mang nước lại. Chúng ta sẽ tắm cho vị Tỳ-khưu này.

– Bạch Ngài, xin vâng.

Rồi Đại đức Ānanda nghe theo đức Thế Tôn, đã mang nước lại. Đức Thế Tôn đã xối nước. Đại đức Ānanda đã rửa ráy toàn bộ. Rồi đức Thế Tôn đã đỡ phần đầu, Đại đức Ānanda ở phần chân, đã nâng lên và đặt ở trên giường.

41. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng Tỳ-khưu lại rồi hỏi các vị Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, có phải có vị Tỳ-khưu ở trú xá đàng kia bị bệnh?

– Bạch Thế Tôn, thưa có.

– Này các Tỳ-khưu, vị ấy bị bệnh gì?

– Bạch Ngài, Đại đức ấy bị bệnh kiết lỵ.

– Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu ấy có người phục vụ không?

– Bạch Thế Tôn, không có.

– Vì sao các Tỳ-khưu không phục vụ vị ấy?

– Bạch Ngài, vị Tỳ-khưu ấy là người không có làm gì cho các Tỳ-khưu, do đó các Tỳ-khưu không phục vụ vị ấy.

42. – Này các Tỳ-khưu, các ngươi không có mẹ, không có cha là những người có thể phục vụ các ngươi. Này các Tỳ-khưu, nếu các ngươi không phục vụ lẫn nhau thì giờ đây ai sẽ phục vụ đây? Này các Tỳ-khưu, vị nào có thể phục vụ Ta [bằng sự thực hành theo lời giáo huấn và giảng dạy của Ta], vị ấy có thể phục vụ người bệnh.[6] Nếu có thầy tế độ, thầy tế độ nên phục vụ đến hết đời, nên chờ đợi [đến khi] vị ấy có sự hồi phục. Nếu có thầy dạy học, thầy dạy học nên phục vụ đến hết đời, nên chờ đợi [đến khi] vị ấy có sự hồi phục. Nếu có đệ tử, người đệ tử nên phục vụ đến hết đời, nên chờ đợi [đến khi] vị ấy có sự hồi phục. Nếu có học trò, người học trò nên phục vụ đến hết đời, nên chờ đợi [đến khi] vị ấy có sự hồi phục. Nếu có vị đồng thầy tế độ, vị đồng thầy tế độ nên phục vụ đến hết đời, nên chờ đợi [đến khi] vị ấy có sự hồi phục. Nếu có vị đồng thầy dạy học, vị đồng thầy dạy học nên phục vụ đến hết đời, nên chờ đợi [đến khi] vị ấy có sự hồi phục. Nếu không có thầy tế độ, hoặc thầy dạy học, hoặc người đệ tử, hoặc người học trò, hoặc vị đồng thầy tế độ, hoặc vị đồng thầy dạy học, hội chúng nên phục vụ; nếu không phục vụ thì phạm tội *Dukkaṭa*.

43. Này các Tỳ-khưu, người bệnh là khó phục vụ [là vị] có năm yếu tố: Là người có hành động không có lợi ích; không biết sự vừa phải trong việc có lợi ích; không quen dùng dược phẩm; không nói rõ ràng về bệnh tình đúng theo thực trạng như [bệnh] đang gia tăng là "[bệnh] gia tăng", [bệnh] đang giảm là "[bệnh] giảm", [bệnh] ổn định là "[bệnh] ổn định" cho người phục vụ bệnh nhân có sự mong muốn điều tốt đẹp; có bản tánh không chịu đựng được các cảm thọ khổ, khốc liệt, sắc bén, gay gắt, không chút thích thú, khó chịu, chết người thuộc cơ thể đã sanh khởi. Này các Tỳ-khưu, người bệnh có năm yếu tố này là khó phục vụ.

---

[6] "*Yo bhikkhave maṃ upaṭṭhaheyya, so gilānaṃ upaṭṭhaheyyā'ti*": Câu này được dịch sát theo từ sẽ là "Này các Tỳ-khưu, vị nào có thể phục vụ Ta, vị ấy có thể phục vụ người bệnh." Tuy nhiên ngài Buddhaghosa giải thích ý nghĩa của câu trên như sau: "*Yo bhikkhave maṃ upaṭṭhaheyya, so gilānaṃ upaṭṭhaheyyā'ti yo maṃ ovādānusāsanīkaraṇena upaṭṭhaheyya, so gilānaṃ upaṭṭhaheyya; mama ovādakārakena gilāno upaṭṭhātabbotiayamevettha attho. Bhagavato ca gilānassa ca upaṭṭhānaṃ ekasadisan ti evaṃ pan'ettha attho na gahetabbo*" (*VinA*. V. 1132): "'Vị nào có thể phục vụ Ta bằng sự thực hành theo lời giáo huấn và giảng dạy, vị ấy có thể phục vụ người bệnh.' Ở đây điều này có ý nghĩa là 'người bệnh nên được phục vụ bởi người thực hành theo lời giáo huấn của Tạ.' Hơn nữa, không nên hiểu ý nghĩa của trường hợp này như vầy: 'Sự phục vụ đến đức Thế Tôn và đến người bệnh là tương tợ như nhau.'"

44. Này các Tỳ-khưu, người bệnh là dễ phục vụ là vị có năm yếu tố: Là người có hành động có lợi ích; biết sự vừa phải trong việc có lợi ích; quen dùng dược phẩm; nói rõ ràng về bệnh tình đúng theo thực trạng như [bệnh] đang gia tăng là "[bệnh] gia tăng", [bệnh] đang giảm là "[bệnh] giảm", [bệnh] ổn định là "[bệnh] ổn định" cho người phục vụ bệnh nhân có sự mong muốn điều tốt đẹp; có bản tánh chịu đựng được các cảm thọ khổ, khốc liệt, sắc bén, gay gắt, không chút thích thú, khó chịu, chết người thuộc cơ thể đã sanh khởi. Này các Tỳ-khưu, người bệnh có năm yếu tố này là dễ phục vụ.

45. Này các Tỳ-khưu, người phục vụ bệnh nhân không thích hợp để phục vụ người bệnh là vị có năm yếu tố: Là vị không có khả năng để phân phát thuốc men; không biết điều gì có lợi ích và điều gì không có lợi ích, đem đến điều không có lợi ích và loại bỏ điều có lợi ích; phục vụ người bệnh vì mục đích tài vật và không có tâm từ; ghê tởm việc dọn dẹp nước tiểu, phân, nước dãi, vật nôn mửa; không có khả năng để chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi cho người bệnh bằng bài pháp thoại lúc này lúc khác. Này các Tỳ-khưu, người phục vụ bệnh nhân có năm yếu tố này là không thích hợp để phục vụ người bệnh.

46. Này các Tỳ-khưu, người phục vụ bệnh nhân thích hợp để phục vụ người bệnh là vị có năm yếu tố: Là vị có khả năng để phân phát thuốc men; biết điều gì có lợi ích và điều gì không có lợi ích, loại bỏ điều không có lợi ích và đem đến điều có lợi ích; có tâm từ và phục vụ người bệnh không vì mục đích tài vật; không ghê tởm việc dọn dẹp nước tiểu, phân, nước dãi, vật nôn mửa; có khả năng để chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi cho người bệnh bằng bài pháp thoại lúc này lúc khác. Này các Tỳ-khưu, người phục vụ bệnh nhân có năm yếu tố này là thích hợp để phục vụ người bệnh.

47. Vào lúc bấy giờ, có hai vị Tỳ-khưu đi đường xa trong xứ sở Kosala. Hai vị ấy đã đi đến trú xứ nọ. Ở đó, có vị Tỳ-khưu nọ bị bệnh. Khi ấy, các vị Tỳ-khưu ấy đã bàn bạc điều này: "Này Đại đức, việc phục vụ người bệnh đã được đức Thế Tôn khen ngợi. Này Đại đức, vậy chúng ta hãy phục vụ vị Tỳ-khưu này." Các vị ấy đã phục vụ vị kia. Trong khi được các vị ấy phục vụ, vị kia đã từ trần.

48. Sau đó, các Tỳ-khưu đã cầm lấy y bát của vị Tỳ-khưu kia đi đến Sāvatthi và đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, đối với vị Tỳ-khưu khi từ trần, hội chúng là chủ về các y và bình bát. Tuy nhiên, các vị phục vụ người bệnh lại có nhiều công đức. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép ban cho các vị phục vụ người bệnh ba y và bình bát thông qua hội chúng.

49. Và này các Tỳ-khưu, nên được ban cho như vầy: Vị Tỳ-khưu phục vụ người bệnh ấy nên đi đến gặp hội chúng và nên nói như vầy: "Bạch các ngài, vị Tỳ-khưu tên [như vầy] đã từ trần, đây là ba y và bình bát của vị ấy." Hội

chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị Tỳ-khưu tên [như vầy] đã từ trần, đây là ba y và bình bát của vị ấy. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên cho ba y và bình bát này đến các vị phục vụ người bệnh. Đây là lời đề nghị. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị Tỳ-khưu tên [như vầy] đã từ trần, đây là ba y và bình bát của vị ấy. Hội chúng cho ba y và bình bát này đến các vị phục vụ người bệnh. Đại đức nào đồng ý việc cho ba y và bình bát này đến các vị phục vụ người bệnh xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên. Ba y và bình bát này đã được hội chúng cho đến các vị phục vụ người bệnh. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

50. Vào lúc bấy giờ, có vị Sa-di nọ từ trần. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, đối với vị Sa-di khi từ trần, hội chúng là chủ về các y và bình bát. Tuy nhiên các vị phục vụ người bệnh lại có nhiều công đức. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép ban cho các vị phục vụ người bệnh y và bình bát thông qua hội chúng.

51. Và này các Tỳ-khưu, nên được ban cho như vầy: Vị Tỳ-khưu phục vụ người bệnh ấy nên đi đến gặp hội chúng và nên nói như vầy: "Bạch các ngài, vị Sa-di tên [như vầy] đã từ trần, đây là y và bình bát của vị ấy." Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị Sa-di tên [như vầy] đã từ trần, đây là y và bình bát của vị ấy. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên cho y và bình bát này đến các vị phục vụ người bệnh. Đây là lời đề nghị. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị Sa-di tên [như vầy] đã từ trần, đây là y và bình bát của vị ấy. Hội chúng cho y và bình bát này đến các vị phục vụ người bệnh. Đại đức nào đồng ý việc cho y và bình bát này đến các vị phục vụ người bệnh xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên. Y và bình bát này đã được hội chúng cho đến các vị phục vụ người bệnh. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

52. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ và vị Sa-di đã phục vụ vị bị bệnh. Trong khi được các vị ấy phục vụ, vị kia đã từ trần. Khi ấy, vị Tỳ-khưu phục vụ người bệnh ấy đã khởi ý điều này: "Phần chia về y nên được cho đến vị Sa-di là vị phục vụ người bệnh như thế nào?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép cho đến vị Sa-di là vị phục vụ người bệnh phần chia đồng đều.

53. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ có nhiều đồ đạc, có nhiều vật dụng đã từ trần. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, đối với vị Tỳ-khưu khi từ trần, hội chúng là chủ về các y và bình bát. Tuy nhiên, các vị phục vụ người bệnh lại có nhiều công đức. Này

các Tỳ-khưu, Ta cho phép ban cho các vị phục vụ người bệnh ba y và bình bát thông qua hội chúng, [cho phép] hội chúng đang hiện diện phân chia đồ đạc loại nhẹ và vật dụng loại nhẹ ở nơi ấy, [cho phép] đồ đạc loại nặng và vật dụng loại nặng ở nơi ấy là của hội chúng bốn phương hiện tại và vị lai,[7] không được phân tán, không được phân chia.

54. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ sau khi làm trở thành trần truồng đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, đức Thế Tôn là người ngợi khen về sự ít tầm cầu, sự biết đủ, sự từ khước, sự tiết chế, sự hài hòa, sự đoạn giảm, sự ra sức tinh tấn bằng nhiều phương thức. Bạch Ngài, sự trần truồng này đưa đến sự ít tầm cầu, sự biết đủ, sự từ khước, sự tiết chế, sự hài hòa, sự đoạn giảm, sự ra sức tinh tấn theo nhiều phương thức. Bạch Ngài, tốt đẹp thay xin đức Thế Tôn hãy cho phép sự trần truồng đến các Tỳ-khưu.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– Này kẻ rồ dại, thật không đúng đắn, không hợp lẽ, không thích đáng, không xứng pháp Sa-môn, không được phép, không nên làm! Này kẻ rồ dại, tại sao ngươi lại thực hành nghi thức của ngoại đạo là sự lõa thể? Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).

Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, không nên thực hành nghi thức của ngoại đạo là sự lõa thể; vị nào thực hành thì phạm tội *Thullaccaya*.

55. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ che thân bằng cỏ kusa ...(nt)... che thân bằng vỏ cây ...(nt)... che thân bằng tấm ván gỗ ...(nt)... che thân bằng mền dệt bằng tóc ...(nt)... che thân bằng mền dệt bằng lông ngựa ...(nt)... che thân bằng cánh chim cú ...(nt)... che thân bằng da linh dương rồi đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, đức Thế Tôn là người ngợi khen về sự ít tầm cầu, sự biết đủ, sự từ khước, sự tiết chế, sự hài hòa, sự đoạn giảm, sự ra sức tinh tấn bằng nhiều phương thức. Bạch Ngài, [việc che thân bằng] da linh dương này đưa đến sự ít tầm cầu, sự biết đủ, sự từ khước, sự tiết chế, sự hài hòa, sự đoạn giảm, sự ra sức tinh tấn theo nhiều phương thức. Bạch Ngài, tốt đẹp thay xin đức Thế Tôn hãy cho phép [việc che thân bằng] da linh dương đến các Tỳ-khưu.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– Này kẻ rồ dại, thật không đúng đắn, không hợp lẽ, không thích đáng, không xứng pháp Sa-môn, không được phép, không nên làm! Này kẻ rồ dại, tại sao ngươi lại mặc da linh dương vốn là biểu tượng của ngoại đạo? Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).

---

[7] *Āgatānāgata* = *āgata* + *anāgata*: Đã đi đến và chưa đi đến, được dịch thoát nghĩa là hiện tại và vị lai (ND).

Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, không nên mặc da linh dương vốn là biểu tượng của ngoại đạo; vị nào mặc thì phạm tội *Thullaccaya*.

56. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ mặc [y làm bằng] sợi của cây akka, ...(nt)... mặc [y làm bằng] sợi của cây makaci rồi đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, đức Thế Tôn là người thường ngợi khen về sự ít tầm cầu, sự biết đủ, sự từ khước, sự tiết chế, sự hài hòa, sự đoạn giảm, sự ra sức tinh tấn bằng nhiều phương thức. Bạch Ngài, [y làm bằng] sợi của cây makaci này đưa đến sự ít tầm cầu, sự biết đủ, sự từ khước, sự tiết chế, sự hài hòa, sự đoạn giảm, sự ra sức tinh tấn bằng nhiều phương thức. Bạch Ngài, tốt đẹp thay xin đức Thế Tôn hãy cho phép [y làm bằng] sợi của cây makaci đến các Tỳ-khưu.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– Này kẻ rồ dại, thật không đúng đắn, không hợp lẽ, không thích đáng, không xứng pháp Sa-môn, không được phép, không nên làm! Này kẻ rồ dại, tại sao ngươi lại mặc [y làm bằng] sợi của cây makaci? Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).

Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, không nên mặc [y làm bằng] sợi của cây makaci; vị nào mặc thì phạm tội *Dukkaṭa*.

57. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư mặc các y toàn màu xanh, ... mặc các y toàn màu vàng, ... mặc các y toàn màu đỏ [máu], ... mặc các y toàn màu tím, ... mặc các y toàn màu đen, ... mặc các y toàn màu đỏ tía, ... mặc các y toàn màu hồng, ... mặc các y không cắt đường viền, ... mặc các y có đường viền rộng, ... mặc các y có đường viền vẽ bông hoa, ... mặc các y có đường viền vẽ hình rắn hổ mang, ... mặc áo choàng ngắn, ... mặc loại vải dệt bằng sợi vỏ cây tirīṭaka, ... mang khăn xếp đội đầu. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Sa-môn Thích tử lại mang khăn xếp đội đầu giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậy?"

58. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên mặc các y toàn màu xanh, không nên mặc các y toàn màu vàng, không nên mặc các y toàn màu đỏ [máu], không nên mặc các y toàn màu tím, không nên mặc các y toàn màu đen, không nên mặc các y toàn màu đỏ tía, không nên mặc các y toàn màu hồng, không nên mặc các y không cắt đường viền, không nên mặc các y có đường viền rộng, không nên mặc các y có đường viền vẽ bông hoa, không nên mặc các y có đường viền vẽ hình rắn hổ mang, không nên mặc áo choàng ngắn, không nên mặc loại vải dệt bằng sợi vỏ cây tirīṭaka, không nên mang khăn xếp đội đầu; vị nào mang thì phạm tội *Dukkaṭa*.

59. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu đã sống qua mùa [an cư] mưa khi y chưa phát sanh lại ra đi, hoàn tục, từ trần, được biết là [xuống] Sa-di, được biết là người đã xả bỏ sự học tập, được biết là vị phạm tội cực nặng, được biết là vị bị điên, được biết là bị loạn trí, được biết là vị bị thọ khổ hành hạ, được biết là vị bị án treo về việc không nhìn nhận tội, được biết là vị bị án treo về việc không sửa chữa lỗi, được biết là vị bị án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác, được biết là kẻ vô căn, được biết là kẻ trộm tướng mạo [Tỳ-khưu], được biết là kẻ đã đi theo ngoại đạo, được biết là thú vật, được biết là kẻ giết mẹ, được biết là kẻ giết cha, được biết là kẻ giết A-la-hán, được biết là kẻ làm nhơ Tỳ-khưu-ni, được biết là kẻ chia rẽ hội chúng, được biết là kẻ làm chảy máu [đức Phật], được biết là kẻ lưỡng căn.

60. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu đã sống qua mùa [an cư] mưa khi y chưa phát sanh lại ra đi, nên trao cho vị nhận thế thích hợp đang hiện diện.

61. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu đã sống qua mùa [an cư] mưa khi y chưa phát sanh lại hoàn tục, từ trần, được biết là [xuống] Sa-di, được biết là người đã xả bỏ sự học tập, được biết là vị phạm tội cực nặng, thì hội chúng là chủ quản.

62. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu đã sống qua mùa [an cư] mưa khi y chưa phát sanh thì được biết là vị bị điên, được biết là bị loạn trí, được biết là vị bị thọ khổ hành hạ, được biết là vị bị án treo về việc không nhìn nhận tội, được biết là vị bị án treo về việc không sửa chữa lỗi, được biết là vị bị án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác, nên trao cho vị nhận thế thích hợp đang hiện diện.

63. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu đã sống qua mùa [an cư] mưa khi y chưa phát sanh được biết là kẻ vô căn, được biết là kẻ trộm tướng mạo [Tỳ-khưu], được biết là kẻ đã đi theo ngoại đạo, được biết là thú vật, được biết là kẻ giết mẹ, được biết là kẻ giết cha, được biết là kẻ giết A-la-hán, được biết là kẻ làm nhơ Tỳ-khưu-ni, được biết là kẻ chia rẽ hội chúng, được biết là kẻ làm chảy máu [đức Phật], được biết là kẻ lưỡng căn, thì hội chúng là chủ quản.

64. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu đã sống qua mùa [an cư] mưa khi y đã được phát sanh nhưng chưa phân chia lại ra đi, nên trao cho vị nhận thế thích hợp đang hiện diện.

65. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu đã sống qua mùa [an cư] mưa khi y đã được phát sanh nhưng chưa phân chia lại hoàn tục, từ trần, được biết là [xuống] Sa-di, được biết là người đã xả bỏ sự học tập, được biết là vị phạm tội cực nặng, thì hội chúng là chủ quản.

66. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu đã sống qua mùa [an cư] mưa khi y đã được phát sanh nhưng chưa phân chia thì được biết là vị bị điên, được biết là bị loạn trí, được biết là vị bị thọ khổ hành hạ, được biết là vị bị án treo về

việc không nhìn nhận tội, được biết là vị bị án treo về việc không sửa chữa lỗi, được biết là vị bị án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác, nên trao cho vị nhận thế thích hợp đang hiện diện.

67. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu đã sống qua mùa [an cư] mưa khi y đã được phát sanh, nhưng chưa phân chia được biết là kẻ vô căn, được biết là kẻ trộm tướng mạo [Tỳ-khưu], được biết là kẻ đã đi theo ngoại đạo, được biết là thú vật, được biết là kẻ giết mẹ, được biết là kẻ giết cha, được biết là kẻ giết A-la-hán, được biết là kẻ làm nhơ Tỳ-khưu-ni, được biết là kẻ chia rẽ hội chúng, được biết là kẻ làm chảy máu [đức Phật], được biết là kẻ lưỡng căn, thì hội chúng là chủ quản.

68. Này các Tỳ-khưu, trường hợp các Tỳ-khưu đã sống qua mùa [an cư] mưa và y chưa được phát sanh thì hội chúng bị chia rẽ. Ở đó, dân chúng dâng nước ở một nhóm và dâng y ở một nhóm [nói rằng]: "Chúng tôi dâng y đến hội chúng." [Y] ấy là của hội chúng.

69. Này các Tỳ-khưu, trường hợp các Tỳ-khưu đã sống qua mùa [an cư] mưa và y chưa được phát sanh thì hội chúng bị chia rẽ. Ở đó, dân chúng dâng nước ở một nhóm và dâng y ở chính nhóm ấy [nói rằng]: "Chúng tôi dâng y đến hội chúng." [Y] ấy là của hội chúng.

70. Này các Tỳ-khưu, trường hợp các Tỳ-khưu đã sống qua mùa [an cư] mưa và y chưa được phát sanh thì hội chúng bị chia rẽ. Ở đó, dân chúng dâng nước ở một nhóm và dâng y ở một nhóm [nói rằng]: "Chúng tôi dâng y đến nhóm." [Y] ấy là riêng của nhóm.

71. Này các Tỳ-khưu, trường hợp các Tỳ-khưu đã sống qua mùa [an cư] mưa và y chưa được phát sanh thì hội chúng bị chia rẽ. Ở đó, dân chúng dâng nước ở một nhóm và dâng y ở chính nhóm ấy [nói rằng]: "Chúng tôi dâng y đến nhóm." [Y] ấy là riêng của nhóm.

72. Này các Tỳ-khưu, trường hợp các Tỳ-khưu đã sống qua mùa [an cư] mưa và y đã được phát sanh nhưng chưa chia phần thì hội chúng bị chia rẽ. Nên chia đồng đều cho tất cả.

73. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Revata gởi y cho Đại đức Sāriputta qua tay của vị Tỳ-khưu nọ [nói rằng]: "Hãy trao y này đến vị Trưởng lão." Sau đó, ở khoảng giữa đường đi, vị Tỳ-khưu ấy đã lấy y ấy do sự thân thiết với Đại đức Revata. Sau đó, Đại đức Revata đã đích thân đi đến Đại đức Sāriputta và hỏi rằng:

– Thưa ngài, tôi đã gởi y cho ngài Trưởng lão. Y ấy đã đến chưa?

– Này Sư đệ, ta không nhìn thấy y ấy.

Sau đó, Đại đức Revata đã nói với vị Tỳ-khưu ấy điều này:

– Này Đại đức, tôi đã gởi y của ngài Trưởng lão qua tay của Đại đức. Y ấy đâu rồi?

– Thưa Đại đức, tôi đã lấy y ấy do sự thân thiết với Đại đức.

74. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu gởi y qua tay của vị Tỳ-khưu [nói rằng]: "Hãy trao y này đến vị tên [như vầy]." Ở khoảng giữa đường đi, vị ấy lấy [y ấy] do sự thân thiết với vị gởi đi; [y] đã được lấy đúng đắn. Vị ấy lấy [y ấy] do sự thân thiết với vị sẽ nhận; [y] đã được lấy sai trái.

75. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu gởi y qua tay của vị Tỳ-khưu [nói rằng]: "Hãy trao y này đến vị tên [như vầy]." Ở khoảng giữa đường đi, vị ấy lấy [y ấy] do sự thân thiết với vị sẽ nhận; [y] đã được lấy sai trái. Vị ấy lấy [y ấy] do sự thân thiết với vị gởi đi; [y] đã được lấy đúng đắn.

76. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu gởi y qua tay của vị Tỳ-khưu [nói rằng]: "Hãy trao y này đến vị tên [như vầy]." Ở khoảng giữa đường đi, vị ấy nghe rằng: "Vị gởi [y] đã từ trần" rồi xác định y của người đã chết là thuộc về vị [gởi] ấy; [y] đã được xác định đúng đắn. Vị ấy lấy [y ấy] do sự thân thiết với vị sẽ nhận; [y] đã được lấy sai trái.

77. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu gởi y qua tay của vị Tỳ-khưu [nói rằng]: "Hãy trao y này đến vị tên [như vầy]." Ở khoảng giữa đường đi, vị ấy nghe rằng: "Vị sẽ nhận [y] đã từ trần" rồi xác định y của người đã chết là thuộc về vị [đã từ trần] ấy; [y] đã được xác định sai trái. Vị ấy lấy [y ấy] do sự thân thiết với vị gởi; [y] đã được lấy đúng đắn.

78. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu gởi y qua tay của vị Tỳ-khưu [nói rằng]: "Hãy trao y này đến vị tên [như vầy]." Ở khoảng giữa đường đi, vị ấy nghe rằng: "Cả hai đã từ trần" rồi xác định y của người đã chết là thuộc về vị gởi đi; [y] đã được xác định đúng đắn. Vị ấy xác định y của người đã chết là thuộc về vị sẽ nhận; [y] đã được xác định sai trái.

79. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu gởi y qua tay của vị Tỳ-khưu [nói rằng]: "Tôi cho y này đến vị tên [như vầy]." Ở khoảng giữa đường đi, vị ấy lấy [y ấy] do sự thân thiết với vị gởi; [y] đã được lấy sai trái. Vị ấy lấy [y ấy] do sự thân thiết với vị sẽ nhận; [y] đã được lấy đúng đắn.

80. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu gởi y qua tay của vị Tỳ-khưu [nói rằng]: "Tôi cho y này đến vị tên [như vầy]." Ở khoảng giữa đường đi, vị ấy lấy [y ấy] do sự thân thiết với vị sẽ nhận; [y] đã được lấy đúng đắn. Vị ấy lấy [y ấy] do sự thân thiết với vị gởi; [y] đã được lấy sai trái.

81. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu gởi y qua tay của vị Tỳ-khưu [nói rằng]: "Tôi cho y này đến vị tên [như vầy]." Ở khoảng giữa đường đi, vị ấy nghe rằng: "Vị gởi [y] đã từ trần" rồi xác định y của người đã chết là thuộc về vị ấy; [y] đã được xác định sai trái. Vị ấy lấy [y ấy] do sự thân thiết với vị sẽ nhận; [y] đã được lấy đúng đắn.

82. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu gởi y qua tay của vị Tỳ-khưu [nói rằng]: "Tôi cho y này đến vị tên [như vầy]." Ở khoảng giữa đường đi, vị ấy nghe rằng: "Vị sẽ nhận [y] đã từ trần" rồi xác định y của người đã chết là thuộc

về vị ấy; [y] đã được xác định đúng đắn. Vị ấy lấy [y ấy] do sự thân thiết với vị gởi; [y] đã được lấy sai trái.

83. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu gởi y qua tay của vị Tỳ-khưu [nói rằng]: "Tôi cho y này đến vị tên [như vầy]." Ở khoảng giữa đường đi, vị ấy nghe rằng: "Cả hai đã từ trần" rồi xác định y của người đã chết là thuộc về vị gởi đi; [y] đã được xác định sai trái. Vị ấy xác định y của người đã chết là thuộc về vị sẽ nhận; [y] đã được xác định đúng đắn.

84. Này các Tỳ-khưu, có tám tiêu đề về việc phát sanh y: [Thí chủ] dâng trong ranh giới, dâng theo sự thỏa thuận, dâng theo sự thông báo về vật thực, dâng đến hội chúng, dâng đến cả hai hội chúng [Tỳ-khưu và Tỳ-khưu-ni], dâng đến hội chúng đã sống qua mùa [an cư] mưa, dâng sau khi đã thông báo, dâng đến cá nhân.

85. [Thí chủ] dâng trong ranh giới: Có bao nhiêu vị Tỳ-khưu đang ở trong ranh giới thì nên được chia bởi các vị ấy.

86. [Thí chủ] dâng theo sự thỏa thuận: Nhiều trú xứ có sự thọ lãnh chung, khi được dâng ở một trú xứ thì được dâng cho tất cả.

87. [Thí chủ] dâng theo sự quy định về vật thực: Các sự hộ độ thường xuyên được thực hiện đến hội chúng ở nơi nào thì dâng ở nơi ấy.

88. [Thí chủ] dâng đến hội chúng thì nên được chia phần bởi hội chúng đang hiện diện.

89. [Thí chủ] dâng đến cả hai hội chúng: Dầu cho có nhiều Tỳ-khưu mà có một Tỳ-khưu-ni cũng nên được chia một nửa. Dầu cho có nhiều Tỳ-khưu-ni mà có một Tỳ-khưu cũng nên được chia một nửa.

90. [Thí chủ] dâng đến hội chúng đã sống qua mùa [an cư] mưa: Có bao nhiêu vị Tỳ-khưu đã sống qua mùa [an cư] mưa ở trú xứ ấy thì nên được chia bởi các vị ấy.

91. [Thí chủ] dâng sau khi đã thông báo về cháo, hoặc về bữa ăn, hoặc về vật thực cứng, hoặc về y, hoặc về chỗ trú ngụ, hoặc về dược phẩm.

92. [Thí chủ] dâng đến cá nhân và [nói rằng]: "Tôi dâng y này đến vị tên [như vầy]."

Dứt chương "Y phục" là thứ tám.

*****

Trong chương này có chín mươi sáu sự việc

TÓM LƯỢC CHƯƠNG NÀY:

1. Viên thị trưởng thành Rājagaha đã nhìn thấy nàng kỹ nữ ở Vesālī, sau khi trở về lại thành Rājagaha đã báo điều ấy đến đức vua.

2. Người con trai của nàng Sālavatī chính là con [nuôi] của Abhaya. Được hỏi bởi vị vương tử là "còn sống không?" nên gọi tên là "Jīvaka."

3. Chính người ấy đã đi đến thành Takkasilā, đã học xong trở thành đại y sĩ, đã tiêu trừ bệnh đã bảy năm bằng việc làm ở mũi.

4. [Jīvaka] đã trị dứt bệnh rò rỉ của đức vua bằng liều thuốc thoa. [Đức vua bảo:] "Hãy phục vụ cho trẫm, các cung phi, đức Phật và hội chúng."

5. Và nhà đại phú thành Rājagaha, chứng xoắn ruột đã được chữa trị. [Jīvaka] đã tiêu trừ bệnh trầm trọng của đức Vua Pajjota bằng việc uống bơ lỏng.

6. Chức vụ và xấp vải xứ Sivi, [Jīvaka] đã bảo thoa dầu cho [cơ thể] bị tiết ra dịch chất dơ, liều thuốc xổ ba mươi lần với ba nắm sen.

7. Khi [đức Phật] đã trở lại bình thường, [Jīvaka] đã thỉnh cầu điều ước muốn. Và Ngài đã thọ nhận xấp vải xứ Sivi. Và đức Như Lai đã cho phép y là vật thí của gia chủ.

8. Ở xứ sở Rājagaha nhiều y đã được phát sanh. Tấm vải choàng, luôn cả tấm vải choàng bằng tơ lụa, tấm choàng lông, [tấm mền len] trị giá nửa *kāsi*.

9. Và nhiều [y] đủ loại, sự biết đủ, về các vị không chờ và các vị chờ, vào trước tương tợ vào sau, sự thỏa thuận, họ đã mang về lại.

10. Kho chứa và không được bảo quản, các vị bãi nhiệm cũng tương tợ y như thế, được dồi dào và cảnh náo động, nên chia như thế nào, nên cho như thế nào.

11. Của bản thân, với phần nhiều hơn, phần chia [về y], nên cho thế nào? Với phân và nước lạnh, để trào ra, vị không biết.

12. Trong khi đổ ra và chậu nhuộm, trong cái đĩa và ở nền đất, loài mối, ở giữa, chúng bị sờn, một bên và với [y] bị cứng.

13. [Các y] bị thô, không cắt, được kết nối bằng những khoảnh vuông vức. Ngài đã nhìn thấy các vị ôm đồm [với các y]. Sau khi suy xét, đấng Hiền Sĩ dòng Sakya đã cho phép ba y.

14. Với y phụ trội khác, đã được phát sanh và luôn cả y bị rách. [Mây đen] bốn châu lục, bà [Visākhā] đã thỉnh cầu điều ước muốn để được dâng vải choàng [tắm] mưa.

15. Vị vãng lai, vị xuất hành, vị bị bệnh và vị nuôi bệnh, dược phẩm, cháo thường xuyên và vải choàng tắm [các Ni]. [Thức ăn] hảo hạng, [vật lót ngồi] quá nhỏ.

16. Ghẻ sần sùi, [khăn lau] mặt, sợi lanh, được đầy đủ, việc chú nguyện, tối thiểu, đã được làm, là nặng nề, có góc bị thừa, chỉ bị xổ ra.

17. [Các mảnh vải] bị bung ra, làm không đủ, vải khác loại và có nhiều [y], rừng Andhavana, thiếu sự ghi nhớ, một mình, mùa [an cư] mưa và trong mùa khác.

18. Hai vị là anh em, ở Rājagaha, vị Upananda, lại ở hai nơi, bệnh kiết lỵ, vị bị bệnh, cả hai vị và luôn cả các vật thuộc về vị bệnh.

19. Vị lõa thể, cỏ kusa, vỏ cây, tấm ván gỗ và mền dệt bằng tóc, lông ngựa và cánh chim cú, da linh dương, sợi của cây akka.

20. Sợi của cây makaci, màu xanh và màu vàng, màu đỏ [máu] và màu tím, màu đen, màu đỏ tía, màu hồng và đường viền không cắt là tương tợ.

21. Đường viền rộng, vẽ bông hoa, rắn hổ mang, áo choàng ngắn, sợi vỏ cây và khăn xếp đội đầu, khi chưa được phát sanh, vị ra đi, cho đến phần hội chúng bị chia rẽ.

22. Họ dâng đến nhóm, đến hội chúng, Đại đức Revata đã gởi đi, vị lấy do thân thiết, vị chú nguyện, tám tiêu đề về y.

--ooOoo--

IX. CHƯƠNG CAMPĀ

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại Campā, ở bờ hồ sen Gaggarā. Vào lúc bấy giờ, ở xứ sở Kāsi có ngôi làng tên là Vāsabha. Ở đó có vị Tỳ-khưu tên Kassapagotta, là vị thường trú, gắn bó với truyền thống, đã có sự nỗ lực [nghĩ rằng]: "Làm thế nào để các vị Tỳ-khưu hiền thiện chưa đi đến có thể đi đến, các vị Tỳ-khưu hiền thiện đã đến rồi có thể sống thoải mái, và trú xứ này có thể đạt được sự lớn mạnh, sự tăng trưởng, sự phát triển?"

2. Vào lúc bấy giờ, có nhiều vị Tỳ-khưu trong khi đi du hành ở xứ Kāsi đã đến trú ngụ tại làng Vāsabha. Tỳ-khưu Kassapagotta đã nhìn thấy các vị Tỳ-khưu ấy từ đàng xa đang đi lại, sau khi nhìn thấy đã sắp xếp chỗ ngồi, đem lại nước rửa chân, ghế kê chân, tấm chà chân, rồi đi ra đón, tiếp rước y bát, hỏi dâng nước uống, thực hiện sự nỗ lực trong việc tắm [của các vị ấy], và cũng đã thực hiện sự nỗ lực về vấn đề cháo, về vật thực cứng và về bữa ăn nữa.

3. Khi ấy, các vị Tỳ-khưu vãng lai ấy đã bàn bạc điều này: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu thường trú này tốt thật! Vị ấy đã thực hiện sự nỗ lực trong việc tắm [của chúng ta], và cũng đã thực hiện sự nỗ lực về vấn đề cháo, về vật thực cứng và về bữa ăn nữa. Này các Đại đức, vậy thì chúng ta hãy sắp xếp việc định cư ngay tại nơi đây, ở làng Vāsabha." Sau đó, các vị Tỳ-khưu vãng lai ấy đã sắp xếp việc định cư ngay tại nơi ấy, ở làng Vāsabha.

4. Khi ấy, Tỳ-khưu Kassapagotta đã khởi ý điều này: "Sự mệt nhọc vì việc đi đến của các vị Tỳ-khưu vãng lai này [nay] đã được lắng dịu. Các vị này [trước đây] không biết các chỗ đi khất thực, bây giờ các vị này đây biết các chỗ đi khất thực. Thật khó khăn khi phải thực hiện sự nỗ lực trọn đời cho những người khác gia tộc, và sự gợi ý [yêu cầu] lại không được mọi người hoan hỷ. Hay là ta sẽ không thực hiện sự nỗ lực về vấn đề cháo, về vật thực cứng và về bữa ăn nữa?" Vị ấy đã không thực hiện sự nỗ lực về vấn đề cháo, về vật thực cứng và về bữa ăn nữa.

5. Sau đó, các vị Tỳ-khưu vãng lai đã bàn bạc điều này: "Này các Đại đức, trước đây, vị Tỳ-khưu thường trú này đã thực hiện sự nỗ lực trong việc tắm [của chúng ta], và cũng đã thực hiện sự nỗ lực về vấn đề cháo, về vật thực cứng và về bữa ăn nữa. Bây giờ, vị này đây không thực hiện sự nỗ lực về vấn đề cháo, về vật thực cứng và về bữa ăn nữa. Này các Đại đức, giờ đây vị Tỳ-khưu thường trú này đã trở nên hư hỏng. Này các Đại đức, vậy chúng ta hãy phạt án treo vị Tỳ-khưu thường trú."

6. Sau đó, các vị Tỳ-khưu vãng lai ấy đã tụ họp lại và đã nói với Tỳ-khưu Kassapagotta điều này:

– Này Đại đức, trước đây, chính Đại đức đã thực hiện sự nỗ lực trong việc tắm [của chúng tôi], và cũng đã thực hiện sự nỗ lực về vấn đề cháo, về vật thực cứng và về bữa ăn nữa. Hiện nay, Đại đức đây không thực hiện sự nỗ lực về vấn đề cháo, về vật thực cứng và về bữa ăn nữa. Này Đại đức, Đại đức đã phạm tội. Đại đức có nhận thấy tội ấy không?

– Này các Đại đức, không có tội gì ở tôi để tôi có thể nhận thấy.

7. Khi ấy, các vị Tỳ-khưu vãng lai ấy đã phạt án treo vị Tỳ-khưu Kassapagotta về việc không nhìn nhận tội. Khi ấy, Tỳ-khưu Kassapagotta đã khởi ý điều này: "Thật sự ta không hiểu được sự việc này: Điều ấy là tội hay không phải tội, ta có phạm tội hay không phạm, và ta đã bị án treo hay không bị án treo, đúng Pháp hay không đúng Pháp, có thể sửa đổi hay không thể sửa đổi, đáng được duy trì hay không đáng được duy trì? Hay là ta nên đi Campā và hỏi đức Thế Tôn về sự việc này?"

8. Sau đó, Tỳ-khưu Kassapagotta đã thu xếp chỗ trú ngụ rồi cầm y bát ra đi về phía Campā. Tuần tự, vị ấy đã đến Campā gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.

9. Điều này đã trở thành thông lệ của chư Phật Thế Tôn là niềm nở đối với các vị Tỳ-khưu đi đến. Khi ấy, đức Thế Tôn đã nói với Tỳ-khưu Kassapagotta điều này:

– Này Tỳ-khưu, sức khoẻ có khá không? Mọi việc có được tốt đẹp không? Ngươi đi đường xa có được ít mệt nhọc không? Và này Tỳ-khưu, ngươi từ đâu đến vậy?

10. – Bạch Thế Tôn, sức khoẻ khá. Bạch Thế Tôn, mọi việc được tốt đẹp. Và bạch Ngài, con đi đường xa ít có mệt nhọc. Bạch Ngài, trong xứ sở Kāsi có ngôi làng tên là Vāsabha. Ở đó, con là vị thường trú, gắn bó với truyền thống, đã có sự nỗ lực [nghĩ rằng]: "Làm thế nào để các vị Tỳ-khưu hiền thiện chưa đi đến có thể đi đến, các vị Tỳ-khưu hiền thiện đã đến rồi có thể sống thoải mái, và trú xứ này có thể đạt được sự lớn mạnh, sự tăng trưởng và sự phát triển?"

11. Bạch Ngài, sau đó có nhiều vị Tỳ-khưu trong khi đi du hành ở xứ sở Kāsi đã đến trú ngụ tại làng Vāsabha. Bạch Ngài, con đã nhìn thấy các vị Tỳ-khưu ấy từ đàng xa đang đi lại, sau khi nhìn thấy đã sắp xếp chỗ ngồi, đem lại nước rửa chân, ghế kê chân, tấm chà chân, rồi đi ra tiếp rước y bát, dâng nước uống, thực hiện sự nỗ lực trong việc tắm [của các vị ấy], và cũng đã thực hiện sự nỗ lực về vấn đề cháo, về vật thực cứng và về bữa ăn nữa.

12. Bạch Ngài, khi ấy, các vị Tỳ-khưu vãng lai ấy đã bàn bạc điều này: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu thường trú này tốt thật! Vị ấy đã thực hiện sự nỗ lực trong việc tắm [của chúng ta], và cũng đã thực hiện sự nỗ lực về vấn đề

cháo, về vật thực cứng và về bữa ăn nữa. Này các Đại đức, vậy thì chúng ta hãy sắp xếp việc định cư ngay tại nơi đây, ở làng Vāsabha." Bạch Ngài, sau đó, các vị Tỳ-khưu vãng lai ấy đã sắp xếp việc định cư ngay tại nơi ấy, ở làng Vāsabha.

13. Bạch Ngài, khi ấy, con đây đã khởi ý điều này: "Sự mệt nhọc vì việc đi đến của các vị Tỳ-khưu vãng lai này [nay] đã được lắng dịu. Các vị này [trước đây] không biết các chỗ đi khất thực, bây giờ các vị này đây biết các chỗ đi khất thực. Thật khó khăn khi phải thực hiện sự nỗ lực trọn đời cho những người khác gia tộc, và sự gợi ý [yêu cầu] lại không được mọi người hoan hỷ. Hay là ta sẽ không thực hiện sự nỗ lực về vấn đề cháo, về vật thực cứng và về bữa ăn nữa?" Bạch Ngài, con đây đã không thực hiện sự nỗ lực về vấn đề cháo, về vật thực cứng và về bữa ăn nữa.

14. Bạch Ngài, sau đó, các vị Tỳ-khưu vãng lai ấy đã bàn bạc điều này: "Này các Đại đức, trước đây, chính vị Tỳ-khưu thường trú này đã thực hiện sự nỗ lực trong việc tắm [của chúng ta] và cũng đã thực hiện sự nỗ lực về vấn đề cháo, về vật thực cứng và về bữa ăn nữa. Bây giờ, vị này đây không thực hiện sự nỗ lực về vấn đề cháo, về vật thực cứng và về bữa ăn nữa. Này các Đại đức, giờ đây vị Tỳ-khưu thường trú này đã trở nên hư hỏng. Này các Đại đức, vậy chúng ta hãy phạt án treo vị Tỳ-khưu thường trú."

15. Bạch Ngài, sau đó, các vị Tỳ-khưu vãng lai ấy đã tụ họp lại và đã nói với con điều này: "Này Đại đức, trước đây, Đại đức đã thực hiện sự nỗ lực trong việc tắm [của chúng tôi] và cũng đã thực hiện sự nỗ lực về vấn đề cháo, về vật thực cứng và về bữa ăn nữa. Bây giờ, Đại đức đây không thực hiện sự nỗ lực về vấn đề cháo, về vật thực cứng và về bữa ăn nữa. Này Đại đức, Đại đức đã phạm tội. Đại đức có nhận thấy tội ấy không?" "Này các Đại đức, không có tội gì ở tôi để tôi có thể nhận thấy."

16. Bạch Ngài, khi ấy, các vị Tỳ-khưu vãng lai ấy đã phạt án treo về việc không nhìn nhận tội đến con. Bạch Ngài, con đây đã khởi ý điều này: "Thật sự ta không hiểu được sự việc này: Điều ấy là tội hay không phải tội, ta có phạm tội hay không phạm, và ta đã bị án treo hay không bị án treo, đúng Pháp hay không đúng Pháp, có thể sửa đổi hay không thể sửa đổi, đáng được duy trì hay không đáng được duy trì? Hay là ta nên đi Campā và hỏi đức Thế Tôn về sự việc này?" Bạch Thế Tôn, con từ nơi đó đi đến.

17. – Này Tỳ-khưu, việc ấy là vô tội, việc ấy không phải là tội. Ngươi là không có tội, ngươi không có phạm tội. Ngươi là không bị án treo, ngươi không có bị án treo. Ngươi đã bị án treo bởi hành sự sai Pháp, có thể sửa đổi, không đáng được duy trì. Này Tỳ-khưu, ngươi hãy đi và hãy sắp xếp việc định cư ngay tại nơi ấy, ở làng Vāsabha.

– Bạch Ngài, xin vâng.

Rồi vị Tỳ-khưu Kassapagotta nghe theo đức Thế Tôn, đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiễu quanh rồi ra đi về làng Vāsabha.

18. Khi ấy, các vị Tỳ-khưu vãng lai ấy đã khởi lên nỗi phân vân, đã khởi lên sự ân hận: "Thật là bất lợi cho chúng ta, thật là không có lợi ích cho chúng ta, rồi chúng ta sẽ gặt quả xấu, rồi chúng ta sẽ không được quả tốt, là việc chúng ta đã phạt án treo không có cơ sở, không có nguyên nhân đến vị Tỳ-khưu trong sạch không có phạm tội. Này các Đại đức, vậy chúng ta hãy đi Campā và trình báo tội lỗi là tội lỗi, ở nơi đức Thế Tôn."

19. Sau đó, các vị Tỳ-khưu vãng lai ấy đã thu xếp chỗ trú ngụ rồi cầm y bát ra đi về hướng Campā. Theo tuần tự, các vị ấy đã đến Campā gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.

20. Điều này đã trở thành thông lệ của chư Phật Thế Tôn là niềm nở đối với các Tỳ-khưu đi đến. Khi ấy, đức Thế Tôn đã nói với các vị Tỳ-khưu ấy điều này:

– Này các Tỳ-khưu, sức khoẻ có khá không? Mọi việc có được tốt đẹp không? Các ngươi đi đường xa có được ít mệt nhọc không? Và này các Tỳ-khưu, các ngươi từ đâu đi đến vậy?

– Bạch Thế Tôn, sức khoẻ khá. Bạch Thế Tôn, mọi việc được tốt đẹp. Và bạch Ngài, chúng con đi đường xa ít có mệt nhọc. Bạch Ngài, trong xứ sở Kāsi có ngôi làng tên là Vāsabha. Bạch Thế Tôn, chúng con từ nơi đó đi đến.

– Này các Tỳ-khưu, các ngươi đã phạt án treo vị Tỳ-khưu thường trú có phải không?

– Bạch Thế Tôn, thưa phải.

– Này các Tỳ-khưu, dựa trên cơ sở gì vậy, dựa vào nguyên nhân gì vậy?

– Bạch Thế Tôn, không có cơ sở, không có nguyên nhân.

21. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– Này những kẻ rồ dại, thật không đúng đắn, không hợp lẽ, không thích đáng, không xứng pháp Sa-môn, không được phép, không nên làm. Vì sao những kẻ rồ dại các ngươi lại phạt án treo không có cơ sở, không có nguyên nhân đến vị Tỳ-khưu trong sạch không có phạm tội? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).

Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, không nên phạt án treo không có cơ sở, không có nguyên nhân đến vị Tỳ-khưu trong sạch không có phạm tội; vị nào phạt án treo thì phạm tội *Dukkaṭa*.

22. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp thượng y một bên vai, quỳ xuống đê đầu ở các bàn chân của đức Thế Tôn, rồi nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, tội lỗi đã chiếm ngự lấy chúng con, khiến chúng con như là ngu khờ, như là mê muội, như là không có đạo đức nên chúng con đã phạt án

treo không có cơ sở, không có nguyên nhân đến vị Tỳ-khưu trong sạch không có phạm tội. Bạch Ngài, đối với chúng con đây, xin đức Thế Tôn ghi nhận tội lỗi là tội lỗi hầu để ngăn ngừa trong tương lai.

– Này các Tỳ-khưu, đúng như vậy. Tội lỗi đã chiếm ngự lấy các ngươi, khiến các ngươi như là ngu khờ, như là mê muội, như là không có đạo đức nên các ngươi đã phạt án treo không có cơ sở, không có nguyên nhân đến vị Tỳ-khưu trong sạch không có phạm tội. Và này các Tỳ-khưu, chính từ việc đó, các ngươi đã thấy được tội lỗi là tội lỗi và sửa đổi đúng theo pháp, chúng ta ghi nhận điều ấy cho các ngươi. Này các Tỳ-khưu, chính điều này là sự tiến bộ trong Luật của bậc Thánh: "Người nào sau khi thấy được tội lỗi là tội lỗi và sửa đổi đúng theo pháp, sẽ có được sự ngăn ngừa trong tương lai."

23. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu ở Campā thực hiện các hành sự như thế này: Các vị thực hiện hành sự phe nhóm sai Pháp, thực hiện hành sự hợp nhất sai Pháp; thực hiện hành sự phe nhóm đúng Pháp, thực hiện hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp, thực hiện hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp; chỉ một vị phạt án treo một vị, chỉ một vị phạt án treo hai vị, chỉ một vị phạt án treo một số vị, chỉ một vị phạt án treo hội chúng; chỉ hai vị phạt án treo một vị, chỉ hai vị phạt án treo hai vị, chỉ hai vị phạt án treo một số vị, chỉ hai vị phạt án treo hội chúng; chỉ một số vị phạt án treo một vị, chỉ một số vị phạt án treo hai vị, chỉ một số vị phạt án treo một số vị, chỉ một số vị phạt án treo hội chúng; hội chúng cũng phạt án treo hội chúng.

24. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu ở Campā lại thực hiện các hành sự như thế này: Các vị thực hiện hành sự phe nhóm sai Pháp, thực hiện hành sự hợp nhất sai Pháp; thực hiện hành sự phe nhóm đúng Pháp, thực hiện hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp, thực hiện hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp; chỉ một vị phạt án treo một vị, chỉ một vị phạt án treo hai vị, chỉ một vị phạt án treo một số vị, chỉ một vị phạt án treo hội chúng; chỉ hai vị phạt án treo một vị, chỉ hai vị phạt án treo hai vị, chỉ hai vị phạt án treo một số vị, chỉ hai vị phạt án treo hội chúng; chỉ một số vị phạt án treo một vị, chỉ một số vị phạt án treo hai vị, chỉ một số vị phạt án treo một số vị, chỉ một số vị phạt án treo hội chúng; hội chúng cũng phạt án treo hội chúng?"

25. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu ở Campā thực hiện các hành sự như thế này: Các vị thực hiện hành sự phe nhóm sai Pháp, ...(nt)... hội chúng cũng phạt án treo hội chúng, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

26. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– Này các Tỳ-khưu, thật không đúng đắn cho những kẻ rồ dại ấy, thật không hợp lẽ, không thích đáng, không xứng pháp Sa-môn, không được phép, không

nên làm. Vì sao những kẻ rồ dại ấy lại thực hiện các hành sự như thế này: Các vị thực hiện hành sự phe nhóm sai Pháp, ...(nt)... hội chúng cũng phạt án treo hội chúng?

27. Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).

Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại và bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, nếu là hành sự phe nhóm sai Pháp thì không là hành sự và không nên thực hiện. Hành sự hợp nhất sai Pháp không là hành sự và không nên thực hiện. Hành sự phe nhóm đúng Pháp không là hành sự và không nên thực hiện. Hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp không là hành sự và không nên thực hiện. Hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp không là hành sự và không nên thực hiện. Chỉ một vị phạt án treo một vị không là hành sự và không nên thực hiện. Chỉ một vị phạt án treo hai vị không là hành sự và không nên thực hiện. Chỉ một vị phạt án treo một số vị không là hành sự và không nên thực hiện. Chỉ một vị phạt án treo cả hội chúng không là hành sự và không nên thực hiện. Chỉ hai vị phạt án treo một vị không là hành sự và không nên thực hiện. Chỉ hai vị phạt án treo hai vị không là hành sự và không nên thực hiện. Chỉ hai vị phạt án treo một số vị không là hành sự và không nên thực hiện. Chỉ hai vị phạt án treo cả hội chúng không là hành sự và không nên thực hiện. Chỉ một số vị phạt án treo một vị không là hành sự và không nên thực hiện. Chỉ một số vị phạt án treo hai vị không là hành sự và không nên thực hiện. Chỉ một số vị phạt án treo một số vị không là hành sự và không nên thực hiện. Chỉ một số vị phạt án treo cả hội chúng không là hành sự và không nên thực hiện. Hội chúng cũng phạt án treo hội chúng không là hành sự và không nên thực hiện.

28. Này các Tỳ-khưu, đây là bốn loại hành sự: Hành sự phe nhóm sai Pháp, hành sự hợp nhất sai Pháp, hành sự phe nhóm đúng Pháp, hành sự hợp nhất đúng Pháp.

29. Này các Tỳ-khưu, trường hợp ấy tức là hành sự phe nhóm sai Pháp. Này các Tỳ-khưu, hành sự này có bản chất sai Pháp, có bản chất phe nhóm, có thể sửa đổi, không đáng được duy trì. Này các Tỳ-khưu, hành sự như thế không nên thực hiện và hành sự như thế không được Ta cho phép.

30. Này các Tỳ-khưu, trường hợp ấy tức là hành sự hợp nhất sai Pháp. Này các Tỳ-khưu, hành sự này có bản chất sai Pháp, có thể sửa đổi, không đáng được duy trì. Này các Tỳ-khưu, hành sự như thế không nên thực hiện và hành sự như thế không được Ta cho phép.

31. Này các Tỳ-khưu, trường hợp ấy tức là hành sự phe nhóm đúng Pháp. Này các Tỳ-khưu, hành sự này có bản chất phe nhóm, có thể sửa đổi, không đáng được duy trì. Này các Tỳ-khưu, hành sự như thế không nên thực hiện và hành sự như thế không được Ta cho phép.

32. Này các Tỳ-khưu, trường hợp ấy tức là hành sự hợp nhất đúng Pháp. Này các Tỳ-khưu, hành sự này có bản chất đúng Pháp, có bản chất hợp nhất, không thể sửa đổi, đáng được duy trì. Này các Tỳ-khưu, hành sự như thế nên được thực hiện và hành sự như thế được Ta cho phép. Này các Tỳ-khưu, do đó ở đây, chúng ta sẽ thực hiện hành sự như thế, tức là "có sự hợp nhất đúng Pháp." Này các Tỳ-khưu, các ngươi nên học tập theo đúng như thế.

33. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư thực hiện các hành sự như thế này: Các vị thực hiện hành sự phe nhóm sai Pháp, thực hiện hành sự hợp nhất sai Pháp; thực hiện hành sự phe nhóm đúng Pháp, thực hiện hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp, thực hiện hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp; thực hiện hành sự thiếu lời đề nghị có lời tuyên bố, thực hiện hành sự thiếu lời tuyên bố có lời đề nghị, thực hiện hành sự thiếu lời đề nghị và thiếu cả lời tuyên bố; thực hiện hành sự nghịch với Pháp, thực hiện hành sự nghịch với Luật, thực hiện hành sự nghịch với lời dạy của bậc Đạo sư; thực hiện hành sự đã bị chê bai khi thực hiện, không đúng Pháp, có thể sửa đổi, không đáng được duy trì.

34. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư lại thực hiện các hành sự như thế này: Các vị thực hiện hành sự phe nhóm sai Pháp, thực hiện hành sự hợp nhất sai Pháp; thực hiện hành sự phe nhóm đúng Pháp, thực hiện hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp, thực hiện hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp; thực hiện hành sự thiếu lời đề nghị có lời tuyên bố, thực hiện hành sự thiếu lời tuyên bố có lời đề nghị, thực hiện hành sự thiếu lời đề nghị và thiếu luôn lời tuyên bố; thực hiện hành sự nghịch với Pháp, thực hiện hành sự nghịch với Luật, thực hiện hành sự nghịch với lời dạy của bậc Đạo sư; thực hiện hành sự đã bị chê bai khi thực hiện, không đúng Pháp, có thể sửa đổi, không đáng được duy trì?"

35. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư thực hiện các hành sự như thế này: Các vị thực hiện hành sự phe nhóm sai Pháp, ...(nt)... thực hiện hành sự đã bị chê bai khi thực hiện, không đúng Pháp, có thể sửa đổi, không đáng được duy trì, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy. ...(nt).

36. Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại và bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, nếu là hành sự phe nhóm sai Pháp thì không là hành sự và không nên thực hiện. Hành sự hợp nhất sai Pháp không là hành sự và không nên thực hiện. Hành sự phe nhóm đúng Pháp không là hành sự và không nên thực hiện. Hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp không là hành sự và không nên thực hiện. Hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp không là hành sự và không nên thực hiện. Này các Tỳ-khưu, nếu hành sự là thiếu lời đề nghị

có lời tuyên bố thì không là hành sự và không nên thực hiện. Này các Tỳ-khưu, nếu hành sự là thiếu lời tuyên bố có lời đề nghị thì không là hành sự và không nên thực hiện. Này các Tỳ-khưu, nếu hành sự là thiếu lời đề nghị và thiếu luôn lời tuyên bố thì không là hành sự và không nên thực hiện. Hành sự nghịch với Pháp không là hành sự và không nên thực hiện. Hành sự nghịch với Luật không là hành sự và không nên thực hiện. Hành sự nghịch với lời dạy của bậc Đạo sư không là hành sự và không nên thực hiện. Hành sự đã bị chê bai khi thực hiện, không đúng Pháp, có thể sửa đổi, không đáng được duy trì thì không là hành sự và không nên thực hiện.

37. Này các Tỳ-khưu, đây là sáu loại hành sự: Hành sự sai Pháp, hành sự phe nhóm, hành sự hợp nhất, hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự hợp nhất đúng Pháp.

38. Và này các Tỳ-khưu, thế nào là hành sự sai Pháp? Này các Tỳ-khưu, ở hành sự có lời đề nghị đến lần thứ hai, nếu thực hiện hành sự với một lời đề nghị và không tuyên bố tuyên ngôn hành sự, [như thế là] hành sự sai Pháp.

39. Này các Tỳ-khưu, ở hành sự có lời đề nghị đến lần thứ hai, nếu thực hiện hành sự với hai lời đề nghị và không tuyên bố tuyên ngôn hành sự, [như thế là] hành sự sai Pháp.

40. Này các Tỳ-khưu, ở hành sự có lời đề nghị đến lần thứ hai, nếu thực hiện hành sự với một tuyên ngôn hành sự và không xác định lời đề nghị, [như thế là] hành sự sai Pháp.

41. Này các Tỳ-khưu, ở hành sự có lời đề nghị đến lần thứ hai, nếu thực hiện hành sự với hai tuyên ngôn hành sự và không xác định lời đề nghị, [như thế là] hành sự sai Pháp.

42. Này các Tỳ-khưu, ở hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư, nếu thực hiện hành sự với một lời đề nghị và không tuyên bố tuyên ngôn hành sự, [như thế là] hành sự sai Pháp.

43. Này các Tỳ-khưu, ở hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư, nếu thực hiện hành sự với hai lời đề nghị và không tuyên bố tuyên ngôn hành sự, [như thế là] hành sự sai Pháp.

44. Này các Tỳ-khưu, ở hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư, nếu thực hiện hành sự với ba lời đề nghị và không tuyên bố tuyên ngôn hành sự, [như thế là] hành sự sai Pháp.

45. Này các Tỳ-khưu, ở hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư, nếu thực hiện hành sự với bốn lời đề nghị và không tuyên bố tuyên ngôn hành sự, [như thế là] hành sự sai Pháp.

46. Này các Tỳ-khưu, ở hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư, nếu thực hiện hành sự với một tuyên ngôn hành sự và không xác định lời đề nghị, [như thế là] hành sự sai Pháp.

47. Này các Tỳ-khưu, ở hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư, nếu thực hiện hành sự với hai tuyên ngôn hành sự và không xác định lời đề nghị, [như thế là] hành sự sai Pháp.

48. Này các Tỳ-khưu, ở hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư, nếu thực hiện hành sự với ba tuyên ngôn hành sự và không xác định lời đề nghị, [như thế là] hành sự sai Pháp.

49. Này các Tỳ-khưu, ở hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư, nếu thực hiện hành sự với bốn tuyên ngôn hành sự và không xác định lời đề nghị, [như thế là] hành sự sai Pháp. Này các Tỳ-khưu, đây được gọi là hành sự sai Pháp.

50. Và này các Tỳ-khưu, thế nào là hành sự phe nhóm? Này các Tỳ-khưu, nếu ở hành sự có lời đề nghị đến lần thứ hai, các Tỳ-khưu với số lượng cần thiết cho hành sự, các vị ấy không đến, sự tùy thuận của các vị cần phải gởi tùy thuận không được đem đến, các vị hiện diện phản đối, [như thế là] hành sự phe nhóm.

51. Này các Tỳ-khưu, nếu ở hành sự có lời đề nghị đến lần thứ hai, các Tỳ-khưu với số lượng cần thiết cho hành sự, các vị ấy đã đến, sự tùy thuận của các vị cần phải gởi tùy thuận không được đem đến, các vị hiện diện phản đối, [như thế là] hành sự phe nhóm.

52. Này các Tỳ-khưu, nếu ở hành sự có lời đề nghị đến lần thứ hai, các Tỳ-khưu với số lượng cần thiết cho hành sự, các vị ấy đã đến, sự tùy thuận của các vị cần phải gởi tùy thuận đã được đem đến, các vị hiện diện phản đối, [như thế là] hành sự phe nhóm.

53. Này các Tỳ-khưu, nếu ở hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư, các Tỳ-khưu với số lượng cần thiết cho hành sự, các vị ấy không đến, sự tùy thuận của các vị cần phải gởi tùy thuận không được đem đến, các vị hiện diện phản đối, [như thế là] hành sự phe nhóm.

54. Này các Tỳ-khưu, nếu ở hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư, các Tỳ-khưu với số lượng cần thiết cho hành sự, các vị ấy đã đến, sự tùy thuận của các vị cần phải gởi tùy thuận không được đem đến, các vị hiện diện phản đối, [như thế là] hành sự phe nhóm.

55. Này các Tỳ-khưu, nếu ở hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư, các Tỳ-khưu với số lượng cần thiết cho hành sự, các vị ấy đã đến, sự tùy thuận của các vị cần phải gởi tùy thuận đã được đem đến, các vị hiện diện phản đối, [như thế là] hành sự phe nhóm. Này các Tỳ-khưu, đây được gọi là hành sự phe nhóm.

56. Và này các Tỳ-khưu, thế nào là hành sự hợp nhất? Này các Tỳ-khưu, nếu ở hành sự có lời đề nghị đến lần thứ hai, các Tỳ-khưu với số lượng cần thiết cho hành sự, các vị ấy đã đến, sự tùy thuận của các vị cần phải gởi tùy thuận đã được đem đến, các vị hiện diện không phản đối, [như thế là] hành sự hợp nhất.

57. Này các Tỳ-khưu, nếu ở hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư, các Tỳ-khưu với số lượng cần thiết cho hành sự, các vị ấy đã đến, sự tùy thuận của các vị

cần phải gởi tùy thuận đã được đem đến, các vị hiện diện không phản đối, [như thế là] hành sự hợp nhất. Này các Tỳ-khưu, đây được gọi là hành sự hợp nhất.

58. Này các Tỳ-khưu, thế nào là hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp? Này các Tỳ-khưu, nếu ở hành sự có lời đề nghị đến lần thứ hai, [vị Tỳ-khưu] tuyên bố tuyên ngôn hành sự trước và xác định lời đề nghị sau, các Tỳ-khưu với số lượng cần thiết cho hành sự, các vị ấy chưa đến, sự tùy thuận của các vị cần phải gởi tùy thuận chưa được đem đến, các vị hiện diện phản đối, [như thế là] hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp.

59. Này các Tỳ-khưu, nếu ở hành sự có lời đề nghị đến lần thứ hai, [vị Tỳ-khưu] tuyên bố tuyên ngôn hành sự trước và xác định lời đề nghị sau, các Tỳ-khưu với số lượng cần thiết cho hành sự, các vị ấy đã đến, sự tùy thuận của các vị cần phải gởi tùy thuận chưa được đem đến, các vị hiện diện phản đối, [như thế là] hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp.

60. Này các Tỳ-khưu, nếu ở hành sự có lời đề nghị đến lần thứ hai, [vị Tỳ-khưu] tuyên bố tuyên ngôn hành sự trước và xác định lời đề nghị sau, các Tỳ-khưu với số lượng cần thiết cho hành sự, các vị ấy đã đến, sự tùy thuận của các vị cần phải gởi tùy thuận đã được đem đến, các vị hiện diện phản đối, [như thế là] hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp.

61. Này các Tỳ-khưu, nếu ở hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư, [vị Tỳ-khưu] tuyên bố tuyên ngôn, hành sự trước và xác định lời đề nghị sau, các Tỳ-khưu với số lượng cần thiết cho hành sự, các vị ấy chưa đến, sự tùy thuận của các vị cần phải gởi tùy thuận chưa được đem đến, các vị hiện diện phản đối, [như thế là] hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp.

62. Này các Tỳ-khưu, nếu ở hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư, [vị Tỳ-khưu] tuyên bố tuyên ngôn hành sự trước và xác định lời đề nghị sau, các Tỳ-khưu với số lượng cần thiết cho hành sự, các vị ấy đã đến, sự tùy thuận của các vị cần phải gởi tùy thuận chưa được đem đến, các vị hiện diện phản đối, [như thế là] hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp.

63. Này các Tỳ-khưu, nếu ở hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư, [vị Tỳ-khưu] tuyên bố tuyên ngôn, hành sự trước và xác định lời đề nghị sau, các Tỳ-khưu với số lượng cần thiết cho hành sự, các vị ấy đã đến, sự tùy thuận của các vị cần phải gởi tùy thuận đã được đem đến, các vị hiện diện phản đối, [như thế là] hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp. Này các Tỳ-khưu, đây được gọi là hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp.

64. Này các Tỳ-khưu, thế nào là hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp? Này các Tỳ-khưu, nếu ở hành sự có lời đề nghị đến lần thứ hai, [vị Tỳ-khưu] tuyên bố tuyên ngôn, hành sự trước và xác định lời đề nghị sau, các Tỳ-khưu với số lượng cần thiết cho hành sự, các vị ấy đã đến, sự tùy thuận của các vị cần phải gởi tùy thuận đã được đem đến, các vị hiện diện không phản đối, [như thế là] hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp.

65. Này các Tỳ-khưu, nếu ở hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư, [vị Tỳ-khưu] tuyên bố tuyên ngôn hành sự trước và xác định lời đề nghị sau, các Tỳ-khưu với số lượng cần thiết cho hành sự, các vị ấy đã đến, sự tùy thuận của các vị cần phải gởi tùy thuận đã được đem đến, các vị hiện diện không phản đối, [như thế là] hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp. Này các Tỳ-khưu, đây được gọi là hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp.

66. Này các Tỳ-khưu, thế nào là hành sự hợp nhất đúng Pháp? Này các Tỳ-khưu, nếu ở hành sự có lời đề nghị đến lần thứ hai, [vị Tỳ-khưu] xác định lời đề nghị trước và thực hiện hành sự với một tuyên ngôn hành sự sau, các Tỳ-khưu với số lượng cần thiết cho hành sự, các vị ấy đã đến, sự tùy thuận của các vị cần phải gởi tùy thuận đã được đem đến, các vị hiện diện không phản đối, [như thế là] hành sự hợp nhất đúng Pháp.

67. Này các Tỳ-khưu, nếu ở hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư, [vị Tỳ-khưu] xác định lời đề nghị trước và thực hiện hành sự với ba tuyên ngôn hành sự sau, các Tỳ-khưu với số lượng cần thiết cho hành sự, các vị ấy đã đến, sự tùy thuận của các vị cần phải gởi tùy thuận đã được đem đến, các vị hiện diện không phản đối, [như thế là] hành sự hợp nhất đúng Pháp. Này các Tỳ-khưu, đây được gọi là hành sự hợp nhất đúng Pháp.

68. Có năm hội chúng: Hội chúng Tỳ-khưu với nhóm bốn vị, hội chúng Tỳ-khưu với nhóm năm vị, hội chúng Tỳ-khưu với nhóm mười vị, hội chúng Tỳ-khưu với nhóm hai mươi vị, hội chúng Tỳ-khưu với nhóm trên hai mươi vị.

69. Này các Tỳ-khưu, ở đây, hội chúng Tỳ-khưu với nhóm bốn vị này có thể thành tựu hành sự đúng Pháp, có sự hợp nhất tất cả các loại hành sự ngoại trừ ba hành sự: Tu lên bậc trên, lễ *Pavāraṇā* và sự giải tội.

70. Này các Tỳ-khưu, ở đây, hội chúng Tỳ-khưu với nhóm năm vị này có thể thành tựu hành sự đúng Pháp, có sự hợp nhất tất cả các loại hành sự ngoại trừ hai hành sự: Tu lên bậc trên ở các xứ sở ở trung tâm và sự giải tội.

71. Này các Tỳ-khưu, ở đây, hội chúng Tỳ-khưu với nhóm mười vị này có thể thành tựu hành sự đúng Pháp, có sự hợp nhất tất cả các loại hành sự ngoại trừ một hành sự là sự giải tội.

72. Này các Tỳ-khưu, ở đây, hội chúng Tỳ-khưu với nhóm hai mươi vị này có thể thành tựu hành sự đúng Pháp, có sự hợp nhất tất cả các loại hành sự.

73. Này các Tỳ-khưu, ở đây, hội chúng Tỳ-khưu với nhóm trên hai mươi vị này có thể thành tựu hành sự đúng Pháp, có sự hợp nhất tất cả các loại hành sự.

74. Này các Tỳ-khưu, nếu hành sự là công việc của nhóm bốn vị có vị thứ tư là Tỳ-khưu-ni, mà thực hiện hành sự thì không là hành sự và không nên thực hiện. Này các Tỳ-khưu, nếu hành sự là công việc của nhóm bốn vị có vị thứ tư là cô Ni tu tập sự, mà thực hiện hành sự thì không là hành sự và không nên thực hiện. ...(nt)... có vị thứ tư là Sa-di, mà thực hiện hành sự thì không là hành sự và

không nên thực hiện. Có vị thứ tư là Sa-di-ni, mà thực hiện hành sự thì không là hành sự và không nên thực hiện. Có vị thứ tư là vị đã xả bỏ sự học tập, mà thực hiện hành sự thì không là hành sự và không nên thực hiện. Có vị thứ tư là vị bị phạm tội cực nặng, mà thực hiện hành sự thì không là hành sự và không nên thực hiện. Có vị thứ tư là vị bị án treo về việc không nhìn nhận tội, mà thực hiện hành sự thì không là hành sự và không nên thực hiện. Có vị thứ tư là vị bị án treo về việc không sửa chữa lỗi, mà thực hiện hành sự thì không là hành sự và không nên thực hiện. Có vị thứ tư là vị bị án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác, mà thực hiện hành sự thì không là hành sự và không nên thực hiện. Có vị thứ tư là kẻ vô căn, mà thực hiện hành sự thì không là hành sự và không nên thực hiện. Có vị thứ tư là kẻ trộm tướng mạo [Tỳ-khưu], mà thực hiện hành sự thì không là hành sự và không nên thực hiện. Có vị thứ tư là kẻ đã đi theo ngoại đạo, mà thực hiện hành sự thì không là hành sự và không nên thực hiện. Có vị thứ tư là loài thú, mà thực hiện hành sự thì không là hành sự và không nên thực hiện. Có vị thứ tư là kẻ giết mẹ, mà thực hiện hành sự thì không là hành sự và không nên thực hiện. Có vị thứ tư là kẻ giết cha, mà thực hiện hành sự thì không là hành sự và không nên thực hiện. Có vị thứ tư là kẻ giết A-la-hán, mà thực hiện hành sự thì không là hành sự và không nên thực hiện. Có vị thứ tư là kẻ làm nhơ Tỳ-khưu-ni, mà thực hiện hành sự thì không là hành sự và không nên thực hiện. Có vị thứ tư là kẻ chia rẽ hội chúng, mà thực hiện hành sự thì không là hành sự và không nên thực hiện. Có vị thứ tư là kẻ làm chảy máu [đức Phật], mà thực hiện hành sự thì không là hành sự và không nên thực hiện. Có vị thứ tư là kẻ lưỡng căn, mà thực hiện hành sự thì không là hành sự và không nên thực hiện. Có vị thứ tư là vị không đồng cộng trú, mà thực hiện hành sự thì không là hành sự và không nên thực hiện. Có vị thứ tư đứng ở ranh giới khác, mà thực hiện hành sự thì không là hành sự và không nên thực hiện. Có vị thứ tư đứng trên không trung nhờ vào thần thông, mà thực hiện hành sự thì không là hành sự và không nên thực hiện. Nếu hội chúng thực hiện hành sự cho vị nào mà vị ấy là vị thứ tư, thì không là hành sự và không nên thực hiện.

Công việc của nhóm bốn vị.

*****

75. Này các Tỳ-khưu, nếu hành sự là công việc của nhóm năm vị có vị thứ năm là Tỳ-khưu-ni, mà thực hiện hành sự thì không là hành sự và không nên thực hiện. Này các Tỳ-khưu, nếu hành sự là công việc của nhóm năm vị có vị thứ năm là cô Ni tu tập sự, mà thực hiện hành sự thì không là hành sự và không nên thực hiện. ...(nt)... có vị thứ năm là Sa-di, mà thực hiện hành sự ...(nt)... có vị thứ năm là Sa-di-ni, mà thực hiện hành sự ...(nt)... có vị thứ năm là vị đã xả bỏ sự học tập, mà thực hiện hành sự ...(nt)... có vị thứ năm là vị bị phạm tội cực nặng, mà thực hiện hành sự ...(nt)... có vị thứ năm là vị bị án treo về việc không nhìn nhận tội, mà thực hiện hành sự ...(nt)... có vị thứ năm là vị bị án treo về

việc không sửa chữa lỗi, mà thực hiện hành sự ...(nt)... có vị thứ năm là vị bị án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác, mà thực hiện hành sự ...(nt)... có vị thứ năm là kẻ vô căn, mà thực hiện hành sự ...(nt)... có vị thứ năm là kẻ trộm tướng mạo [Tỳ-khưu], mà thực hiện hành sự ...(nt)... có vị thứ năm là kẻ đã đi theo ngoại đạo, mà thực hiện hành sự ...(nt)... có vị thứ năm là loài thú, mà thực hiện hành sự ...(nt)... có vị thứ năm là kẻ giết mẹ, mà thực hiện hành sự ...(nt)... có vị thứ năm là kẻ giết cha, mà thực hiện hành sự ...(nt)... có vị thứ năm là kẻ giết A-la-hán, mà thực hiện hành sự ...(nt)... có vị thứ năm là kẻ làm nhơ Tỳ-khưu-ni, mà thực hiện hành sự ...(nt)... có vị thứ năm là kẻ chia rẽ hội chúng, mà thực hiện hành sự ...(nt)... có vị thứ năm là kẻ làm chảy máu [đức Phật], mà thực hiện hành sự ...(nt)... có vị thứ năm là kẻ lưỡng căn, mà thực hiện hành sự ...(nt)... có vị thứ năm là vị không đồng cộng trú, mà thực hiện hành sự ...(nt)... có vị thứ năm đứng ở ranh giới khác, mà thực hiện hành sự ...(nt)... có vị thứ năm đứng trên không trung nhờ vào thần thông, mà thực hiện hành sự ...(nt)... Hội chúng thực hiện hành sự cho vị nào mà vị ấy là vị thứ năm, thì không là hành sự và không nên thực hiện.

Công việc của nhóm năm vị.

*****

76. Này các Tỳ-khưu, nếu hành sự là công việc của nhóm mười vị có vị thứ mười là Tỳ-khưu-ni, mà thực hiện hành sự thì không là hành sự và không nên thực hiện. Này các Tỳ-khưu, nếu hành sự là công việc của nhóm mười vị có vị thứ mười là cô Ni tu tập sự, mà thực hiện hành sự thì không là hành sự và không nên thực hiện. ...(nt)... Hội chúng thực hiện hành sự cho vị nào mà vị ấy là vị thứ mười, thì không là hành sự và không nên thực hiện.

Công việc của nhóm mười vị.

*****

77. Này các Tỳ-khưu, nếu hành sự là công việc của nhóm hai mươi vị có vị thứ hai mươi là Tỳ-khưu-ni, mà thực hiện hành sự thì không là hành sự và không nên thực hiện. Này các Tỳ-khưu, nếu hành sự là công việc của nhóm hai mươi vị có vị thứ hai mươi là cô Ni tu tập sự, mà thực hiện hành sự thì không là hành sự và không nên thực hiện. ...(nt)... có vị thứ hai mươi là Sa-di, mà thực hiện hành sự...(nt)... có vị thứ hai mươi là Sa-di-ni, mà thực hiện hành sự ...(nt)... có vị thứ hai mươi là vị đã xả bỏ sự học tập, mà thực hiện hành sự ...(nt)... có vị thứ hai mươi là vị bị phạm tội cực nặng, mà thực hiện hành sự ...(nt)... có vị thứ hai mươi là vị bị án treo về việc không nhìn nhận tội, mà thực hiện hành sự ...(nt)... có vị thứ hai mươi là vị bị án treo về việc không sửa chữa lỗi, mà thực hiện hành sự ...(nt)... có vị thứ hai mươi là vị bị án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác, mà thực hiện hành sự ...(nt)... có vị thứ hai mươi là kẻ vô căn, mà thực hiện hành sự...(nt)... có vị thứ hai mươi là kẻ trộm tướng

mạo [Tỳ-khưu], mà thực hiện hành sự ...(nt)... có vị thứ hai mươi là kẻ đã đi theo ngoại đạo mà thực hiện hành sự ...(nt)... có vị thứ hai mươi là loài thú mà thực hiện hành sự ...(nt)... có vị thứ hai mươi là kẻ giết mẹ mà thực hiện hành sự ...(nt)... có vị thứ hai mươi là kẻ giết cha, mà thực hiện hành sự ...(nt)... có vị thứ hai mươi là kẻ giết A-la-hán, mà thực hiện hành sự ...(nt)... có vị thứ hai mươi là kẻ làm nhơ Tỳ-khưu-ni, mà thực hiện hành sự ...(nt)... có vị thứ hai mươi là kẻ chia rẽ hội chúng, mà thực hiện hành sự ...(nt)... có vị thứ hai mươi là kẻ làm chảy máu [đức Phật], mà thực hiện hành sự ...(nt)... có vị thứ hai mươi là kẻ lưỡng căn, mà thực hiện hành sự ...(nt)... có vị thứ hai mươi là vị không đồng cộng trú, mà thực hiện hành sự ...(nt)... có vị thứ hai mươi đứng ở ranh giới khác, mà thực hiện hành sự ...(nt)... có vị thứ hai mươi đứng trên không trung nhờ vào thần thông, mà thực hiện hành sự ...(nt)... Hội chúng thực hiện hành sự cho vị nào mà vị ấy là vị thứ hai mươi, thì không là hành sự và không nên thực hiện.

Công việc của nhóm hai mươi vị.

*****

1. Này các Tỳ-khưu, nếu [hội chúng có] vị đang chịu hình phạt *Parivāsa* là vị thứ tư mà ban cho hình phạt *Parivāsa*, đưa về lại [hình phạt] ban đầu, ban cho hình phạt *Mānatta*, có vị ấy là vị thứ hai mươi, mà giải tội thì không là hành sự và không nên thực hiện.

Này các Tỳ-khưu, nếu [hội chúng có] vị thứ tư là vị xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu mà ban cho hình phạt *Parivāsa*, đưa về lại [hình phạt] ban đầu, ban cho hình phạt *Mānatta*, có vị ấy là vị thứ hai mươi, mà giải tội thì không là hành sự và không nên thực hiện.

Này các Tỳ-khưu, nếu [hội chúng có] vị thứ tư là vị xứng đáng hình phạt *Mānatta* mà ban cho hình phạt *Parivāsa*, đưa về lại [hình phạt] ban đầu, ban cho hình phạt *Mānatta*, có vị ấy là vị thứ hai mươi, mà giải tội thì không là hành sự và không nên thực hiện.

Này các Tỳ-khưu, nếu [hội chúng có] vị thứ tư là vị đang chịu hình phạt *Mānatta* mà ban cho hình phạt *Parivāsa*, đưa về lại [hình phạt] ban đầu, ban cho hình phạt *Mānatta*, có vị ấy là vị thứ hai mươi, mà giải tội thì không là hành sự và không nên thực hiện.

Này các Tỳ-khưu, nếu [hội chúng có] vị thứ tư là vị xứng đáng sự giải tội mà ban cho hình phạt *Parivāsa*, đưa về lại [hình phạt] ban đầu, ban cho hình phạt *Mānatta*, có vị ấy là vị thứ hai mươi, mà giải tội thì không là hành sự và không nên thực hiện.

2. Này các Tỳ-khưu, sự phản đối giữa hội chúng của một hạng người có giá trị, của một hạng người không có giá trị. Này các Tỳ-khưu, sự phản đối giữa hội chúng của hạng người nào không có giá trị? Này các Tỳ-khưu, sự phản đối giữa

hội chúng của vị Tỳ-khưu-ni không có giá trị. Này các Tỳ-khưu, của cô Ni tu tập sự ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, của Sa-di ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, của Sa-di-ni ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, của vị đã xả bỏ sự học tập ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, của vị bị phạm tội cực nặng ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, của vị bị điên ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, của vị bị loạn trí ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, của vị bị thọ khổ hành hạ ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, của vị bị án treo về việc không nhìn nhận tội ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, của vị bị án treo về việc không sửa chữa lỗi ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, của vị bị án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, của kẻ vô căn ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, của kẻ trộm tướng mạo [Tỳ-khưu] ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, của kẻ đã đi theo ngoại đạo ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, của loài thú ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, của kẻ giết mẹ ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, của kẻ giết cha ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, của kẻ giết A-la-hán ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, của kẻ làm nhơ Tỳ-khưu-ni ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, của kẻ chia rẽ hội chúng ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, của kẻ làm chảy máu [đức Phật] ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, của kẻ lưỡng căn ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, của vị không đồng cộng trú ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, của vị đứng ở ranh giới khác ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, của vị đứng trên không trung nhờ vào thần thông ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, vị nào mà hội chúng [đang] thực hiện hành sự cho, sự phản đối giữa hội chúng của vị ấy không có giá trị. Này các Tỳ-khưu, sự phản đối giữa hội chúng của những hạng người này không có giá trị.

3. Này các Tỳ-khưu, sự phản đối giữa hội chúng của hạng người nào có giá trị? Này các Tỳ-khưu, sự phản đối giữa hội chúng có giá trị là [sự phản đối] của vị Tỳ-khưu trong sạch, đồng cộng trú, đứng chung ranh giới, cho dù vị ấy chỉ báo cho vị Tỳ-khưu kế bên biết. Này các Tỳ-khưu, sự phản đối giữa hội chúng của hạng người này có giá trị.

4. Này các Tỳ-khưu, đây là hai trường hợp mời ra. Này các Tỳ-khưu, có người không đáng để bị sự mời ra, nếu hội chúng mời vị ấy ra, một vị đã được mời ra đúng, một vị đã bị mời ra sai.

5. Và này các Tỳ-khưu, thế nào là người không đáng để bị sự mời ra, nếu hội chúng mời vị ấy ra, thì [vị ấy] đã bị mời ra sai? Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu là vị trong sạch, không có phạm tội, nếu hội chúng mời vị ấy ra thì [vị ấy] đã bị mời ra sai. Này các Tỳ-khưu, vị này được gọi là người không đáng để bị sự mời ra, nếu hội chúng mời vị ấy ra thì [vị ấy] đã bị mời ra sai.

6. Và này các Tỳ-khưu, thế nào là người không đáng để bị sự mời ra, nếu hội chúng mời vị ấy ra thì [vị ấy] đã được mời ra đúng? Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu là ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, không có giới hạn [về tội], sống thân cận với các gia chủ bằng những giao thiệp không đúng đắn với hàng tại gia, nếu hội chúng mời vị ấy ra thì [vị ấy] đã được mời ra đúng. Này các Tỳ-khưu, vị này được gọi là người không đáng để bị sự mời ra, nếu hội chúng mời vị ấy ra thì [vị ấy] đã được mời ra đúng.

7. Này các Tỳ-khưu, đây là hai trường hợp nhận vào.[1] Này các Tỳ-khưu, có người không đáng để được sự nhận vào, nếu hội chúng nhận vào vị ấy, một vị đã được nhận vào đúng, một vị đã được nhận vào sai.

8. Và này các Tỳ-khưu, thế nào là người không đáng để được sự nhận vào, nếu hội chúng nhận vào vị ấy thì [vị ấy] đã được nhận vào sai? Này các Tỳ-khưu, kẻ vô căn không đáng để được sự nhận vào, nếu hội chúng nhận vào vị ấy thì [vị ấy] đã được nhận vào sai. Này các Tỳ-khưu, kẻ trộm tướng mạo [Tỳ-khưu] ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, kẻ đã đi theo ngoại đạo ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, loài thú ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, kẻ giết mẹ ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, kẻ giết cha ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, kẻ giết A-la-hán ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, kẻ làm nhơ Tỳ-khưu-ni ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, kẻ chia rẽ hội chúng ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, kẻ làm chảy máu [đức Phật] ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, kẻ lưỡng căn không đáng để được sự nhận vào, nếu hội chúng nhận vào vị ấy thì [vị ấy] đã được nhận vào sai. Này các Tỳ-khưu, các vị này được gọi là những người không đáng để được sự nhận vào, nếu hội chúng nhận vào các vị ấy thì [các vị ấy] đã được nhận vào sai.

9. Và này các Tỳ-khưu, thế nào là người không đáng để được sự nhận vào, nếu hội chúng nhận vào vị ấy thì [vị ấy] đã được nhận vào đúng? Này các Tỳ-khưu, vị bị đứt cánh tay không đáng để được sự nhận vào, nếu hội chúng nhận vào vị ấy, thì [vị ấy] đã được nhận vào đúng. Này các Tỳ-khưu, vị bị đứt bàn chân ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vị bị đứt cánh tay và bàn chân ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vị bị sứt tai ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vị bị sứt mũi ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vị bị sứt tai và mũi ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vị bị đứt ngón tay ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vị bị đứt móng tay ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vị bị đứt gân chân ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vị có bàn tay dính liền giống cánh dơi ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vị gù lưng ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vị lùn tịt ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vị có bướu cổ ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vị bị hình phạt đóng dấu ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vị bị hình phạt đánh bằng roi ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vị bị cáo thị tầm nã ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vị bị phù chân voi ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vị bị bệnh trầm trọng ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vị bôi nhọ tập thể ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vị bị chột mắt ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vị tứ chi bị co rút ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vị bị què ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vị bị liệt nửa thân ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vị đi khập khiễng ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vị già yếu ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vị bị mù ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vị bị câm ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vị bị điếc ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vị bị mù và câm ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vị bị mù và điếc ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vị bị câm và điếc ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vị bị mù câm và điếc không đáng để được sự nhận vào. Nếu hội chúng nhận vào vị ấy thì [vị ấy] đã được nhận vào đúng. Này các Tỳ-khưu, các vị này được gọi là những người

[1] Sự nhận vào (*osāraṇaṃ*): Đề cập đến việc nhận vào trong trường hợp cho tu lên bậc trên (*VinA*. V. 1147).

không đáng để được sự nhận vào. Nếu hội chúng nhận vào các vị ấy thì [các vị ấy] đã được nhận vào đúng.

Tụng phẩm làng Vāsabha là phần thứ nhất.

*****

1. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu không có tội cần phải được nhìn nhận. Hội chúng, hoặc nhiều vị, hoặc một vị quở trách vị ấy về việc ấy: "Này Đại đức, Đại đức đã phạm tội, Đại đức có nhận thấy tội ấy không?" Vị ấy đáp như vầy: "Này Đại đức, không có tội gì ở tôi để tôi có thể nhận thấy." Hội chúng phạt án treo vị ấy về việc không nhìn nhận tội; [như vậy] là hành sự sai Pháp.

2. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu không có tội cần phải được sửa chữa. Hội chúng, hoặc nhiều vị, hoặc một vị quở trách vị ấy về việc ấy: "Này Đại đức, Đại đức đã phạm tội, Đại đức hãy sửa chữa tội ấy." Vị ấy đáp như vầy: "Này Đại đức, không có tội gì ở tôi để tôi có thể sửa chữa." Hội chúng phạt án treo vị ấy về việc không sửa chữa lỗi; [như vậy] là hành sự sai Pháp.

3. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu không có tà kiến ác cần phải được từ bỏ. Hội chúng, hoặc nhiều vị, hoặc một vị quở trách vị ấy về việc ấy: "Này Đại đức, tri kiến của Đại đức là ác xấu, Đại đức hãy từ bỏ tà kiến ác ấy." Vị ấy đáp như vầy: "Này Đại đức, không có tà kiến ác gì ở tôi để tôi có thể từ bỏ." Hội chúng phạt án treo vị ấy về việc không từ bỏ tà kiến ác; [như vậy] là hành sự sai Pháp.

4. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu không có tội cần phải được nhìn nhận, không có tội cần phải được sửa chữa. Hội chúng, hoặc nhiều vị, hoặc một vị quở trách vị ấy về việc ấy: "Này Đại đức, Đại đức đã phạm tội, Đại đức có nhận thấy tội ấy không? Đại đức hãy sửa chữa tội ấy." Vị ấy đáp như vầy: "Này Đại đức, không có tội gì ở tôi để tôi có thể nhận thấy. Không có tội gì ở tôi để tôi có thể sửa chữa." Hội chúng phạt án treo vị ấy về việc không nhìn nhận [tội] hay là về việc không sửa chữa [lỗi]; [như vậy] là hành sự sai Pháp.

5. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu không có tội cần phải được nhìn nhận, không có tà kiến ác cần phải được từ bỏ. Hội chúng, hoặc nhiều vị, hoặc một vị quở trách vị ấy về việc ấy: "Này Đại đức, Đại đức đã phạm tội, Đại đức có nhận thấy tội ấy không? Tri kiến của Đại đức là ác xấu, Đại đức hãy từ bỏ tà kiến ác ấy." Vị ấy đáp như vầy: "Này Đại đức, không có tội gì ở tôi để tôi có thể nhận thấy. Không có tà kiến ác gì ở tôi để tôi có thể từ bỏ." Hội chúng phạt án treo vị ấy về việc không nhìn nhận [tội] hay là về việc không từ bỏ [tà kiến ác]; [như vậy] là hành sự sai Pháp.

6. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu không có tội cần phải được sửa chữa, không có tà kiến ác cần phải được từ bỏ. Hội chúng, hoặc nhiều vị, hoặc một vị quở trách vị ấy về việc ấy: "Này Đại đức, Đại đức đã phạm tội, Đại đức hãy sửa chữa tội ấy. Tri kiến của Đại đức là ác xấu, Đại đức hãy từ bỏ tà kiến

ác ấy." Vị ấy đáp như vầy: "Này Đại đức, không có tội gì ở tôi để tôi có thể sửa chữa. Không có tà kiến ác gì ở tôi để tôi có thể từ bỏ." Hội chúng phạt án treo vị ấy về việc không sửa chữa [lỗi] hay là về việc không từ bỏ [tà kiến ác]; [như vậy] là hành sự sai Pháp.

7. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu không có tội cần phải được nhìn nhận, không có tội cần phải được sửa chữa, không có tà kiến ác cần phải được từ bỏ. Hội chúng, hoặc nhiều vị, hoặc một vị quở trách vị ấy về việc ấy: "Này Đại đức, Đại đức đã phạm tội, Đại đức có nhận thấy tội ấy không? Đại đức hãy sửa chữa tội ấy. Tri kiến của Đại đức là ác xấu, Đại đức hãy từ bỏ tà kiến ác ấy." Vị ấy đáp như vầy: "Này Đại đức, không có tội gì ở tôi để tôi có thể nhận thấy. Không có tội gì ở tôi để tôi có thể sửa chữa. Không có tà kiến ác gì ở tôi để tôi có thể từ bỏ." Hội chúng phạt án treo vị ấy về việc không nhìn nhận [tội], hay là về việc không sửa chữa [lỗi], hay là về việc không từ bỏ [tà kiến ác]; [như vậy] là hành sự sai Pháp.

8. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu có tội cần phải được nhìn nhận. Hội chúng, hoặc nhiều vị, hoặc một vị quở trách vị ấy về việc ấy: "Này Đại đức, Đại đức đã phạm tội, Đại đức có nhận thấy tội ấy không?" Vị ấy đáp như vầy: "Này Đại đức, đúng vậy, tôi có nhận thấy." Hội chúng phạt án treo vị ấy về việc không nhìn nhận tội; [như vậy] là hành sự sai Pháp.

9. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu có tội cần phải được sửa chữa. Hội chúng, hoặc nhiều vị, hoặc một vị quở trách vị ấy về việc ấy: "Này Đại đức, Đại đức đã phạm tội, Đại đức hãy sửa chữa tội ấy." Vị ấy đáp như vầy: "Này Đại đức, đúng vậy, tôi sẽ sửa chữa." Hội chúng phạt án treo vị ấy về việc không sửa chữa lỗi; [như vậy] là hành sự sai Pháp.

10. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu có tà kiến ác cần phải được từ bỏ. Hội chúng, hoặc nhiều vị, hoặc một vị quở trách vị ấy về việc ấy: "Này Đại đức, tri kiến của Đại đức là ác xấu, Đại đức hãy từ bỏ tà kiến ác ấy." Vị ấy đáp như vầy: "Này Đại đức, đúng vậy, tôi sẽ từ bỏ." Hội chúng phạt án treo vị ấy về việc không từ bỏ tà kiến ác; [như vậy] là hành sự sai Pháp.

11. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu có tội cần phải được nhìn nhận, có tội cần phải được sửa chữa. ...(nt)... có tội cần phải được nhìn nhận, có tà kiến ác cần phải được từ bỏ. ...(nt)... có tội cần phải được sửa chữa, có tà kiến ác cần phải được từ bỏ. ...(nt)... có tội cần phải được nhìn nhận, có tội cần phải được sửa chữa, có tà kiến ác cần phải được từ bỏ. Hội chúng, hoặc nhiều vị, hoặc một vị quở trách vị ấy về việc ấy: "Này Đại đức, Đại đức đã phạm tội, Đại đức có nhận thấy tội ấy không? Đại đức hãy sửa chữa tội ấy. Tri kiến của Đại đức là ác xấu, Đại đức hãy từ bỏ tà kiến ác ấy." Vị ấy đáp như vầy: "Này Đại đức, đúng vậy, tôi có nhận thấy. Đúng vậy, tôi sẽ sửa chữa. Đúng vậy, tôi sẽ từ bỏ." Hội chúng phạt án treo vị ấy về việc không nhìn nhận [tội], hay là về việc không sửa chữa [lỗi], hay là về việc không từ bỏ [tà kiến ác]; [như vậy] là hành sự sai Pháp.

12. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu có tội cần phải được nhìn nhận. Hội chúng, hoặc nhiều vị, hoặc một vị quở trách vị ấy về việc ấy: "Này Đại đức, Đại đức đã phạm tội, Đại đức có nhận thấy tội ấy không?" Vị ấy đáp như vầy: "Này Đại đức, không có tội gì ở tôi để tôi có thể nhận thấy." Hội chúng phạt án treo vị ấy về việc không nhìn nhận tội; [như vậy] là hành sự đúng Pháp.

13. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu có tội cần phải được sửa chữa. Hội chúng, hoặc nhiều vị, hoặc một vị quở trách vị ấy về việc ấy: "Này Đại đức, Đại đức đã phạm tội, Đại đức hãy sửa chữa tội ấy." Vị ấy đáp như vầy: "Không có tội gì ở tôi để tôi có thể sửa chữa." Hội chúng phạt án treo vị ấy về việc không sửa chữa lỗi; [như vậy] là hành sự đúng Pháp.

14. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu có tà kiến ác cần phải được từ bỏ. Hội chúng, hoặc nhiều vị, hoặc một vị quở trách vị ấy về việc ấy: "Này Đại đức, tri kiến của Đại đức là ác xấu, Đại đức hãy từ bỏ tà kiến ác ấy." Vị ấy đáp như vầy: "Không có tà kiến ác gì ở tôi để tôi có thể từ bỏ." Hội chúng phạt án treo vị ấy về việc không từ bỏ tà kiến ác; [như vậy] là hành sự đúng Pháp.

15. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu có tội cần phải được nhìn nhận, có tội cần phải được sửa chữa. ...(nt)... có tội cần phải được nhìn nhận, có tà kiến ác cần phải được từ bỏ. ...(nt)... có tội cần phải được sửa chữa, có tà kiến ác cần phải được từ bỏ. ...(nt)... có tội cần phải được nhìn nhận, có tội cần phải được sửa chữa, có tà kiến ác cần phải được từ bỏ. Hội chúng, hoặc nhiều vị, hoặc một vị quở trách vị ấy về việc ấy: "Này Đại đức, Đại đức đã phạm tội, Đại đức có nhận thấy tội ấy không? Đại đức hãy sửa chữa tội ấy. Tri kiến của Đại đức là ác xấu, Đại đức hãy từ bỏ tà kiến ác ấy." Vị ấy đáp như vầy: "Này Đại đức, không có tội gì ở tôi để tôi có thể nhận thấy. Không có tội gì ở tôi để tôi có thể sửa chữa. Không có tà kiến ác gì ở tôi để tôi có thể từ bỏ." Hội chúng phạt án treo vị ấy về việc không nhìn nhận [tội], hay là về việc không sửa chữa [lỗi], hay là về việc không từ bỏ [tà kiến ác]; [như vậy] là hành sự đúng Pháp.

16. Khi ấy, Đại đức Upāli đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Đại đức Upāli đã nói với đức Thế Tôn điều này:

17. – Bạch Ngài, về việc hội chúng hợp nhất thực hiện không có sự hiện diện đối với hành sự cần được thực hiện với sự hiện diện, bạch Ngài có phải việc ấy là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật?

– Này Upāli, việc ấy là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật.

– Bạch Ngài, về việc hội chúng hợp nhất thực hiện không có sự tra hỏi đối với hành sự cần được thực hiện với sự tra hỏi, ...(nt)... thực hiện không có sự thừa nhận đối với hành sự cần được thực hiện với sự thừa nhận, ...(nt)... ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng đến vị xứng đáng với cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, ...(nt)... thực hiện hành sự theo tội của vị ấy đến vị xứng đáng với cách hành xử Luật khi không điên cuồng, ...(nt)... thực hiện hành

sự khiển trách đến vị xứng đáng hành sự theo tội của vị ấy, ...(nt)... thực hiện hành sự chỉ dạy đến vị xứng đáng hành sự khiển trách, ...(nt)... thực hiện hành sự xua đuổi đến vị xứng đáng hành sự chỉ dạy, ...(nt)... thực hiện hành sự hòa giải đến vị xứng đáng hành sự xua đuổi, ...(nt)... thực hiện hành sự án treo đến vị xứng đáng hành sự hòa giải, ...(nt)... ban cho hình phạt *Parivāsa* đến vị xứng đáng hành sự án treo, ...(nt)... đưa về lại [hình phạt] ban đầu vị xứng đáng hình phạt *Parivāsa*, ...(nt)... ban cho hình phạt *Mānatta* đến vị xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu, ...(nt)... giải tội cho vị xứng đáng hình phạt *Mānatta*, ...(nt)... ban phép tu lên bậc trên đến vị xứng đáng sự giải tội, [...(nt)... giải tội cho vị xứng đáng tu lên bậc trên], bạch Ngài có phải việc ấy là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật?

– Này Upāli, việc ấy là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật.

18. Này Upāli, về việc hội chúng hợp nhất thực hiện không có sự hiện diện đối với hành sự cần được thực hiện với sự hiện diện, này Upāli, như thế là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật. Và như thế, hội chúng có sự vượt quá chức năng. Này Upāli, về việc hội chúng hợp nhất thực hiện không có sự tra hỏi đối với hành sự cần được thực hiện với sự tra hỏi, ...(nt)... thực hiện không có sự thừa nhận đối với hành sự cần được thực hiện với sự thừa nhận, ...(nt)... ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng đến vị xứng đáng với cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, ...(nt)... thực hiện hành sự theo tội của vị ấy đến vị xứng đáng với cách hành xử Luật khi không điên cuồng, ...(nt)... thực hiện hành sự khiển trách đến vị xứng đáng hành sự theo tội của vị ấy, ...(nt)... thực hiện hành sự chỉ dạy đến vị xứng đáng hành sự khiển trách, ...(nt)... thực hiện hành sự xua đuổi đến vị xứng đáng hành sự chỉ dạy, ...(nt)... thực hiện hành sự hòa giải đến vị xứng đáng hành sự xua đuổi, ...(nt)... thực hiện hành sự án treo đến vị xứng đáng hành sự hòa giải, ...(nt)... ban cho hình phạt *Parivāsa* đến vị xứng đáng hành sự án treo, ...(nt)... đưa về lại [hình phạt] ban đầu vị xứng đáng hình phạt *Parivāsa*, ...(nt)... ban cho hình phạt *Mānatta* đến vị xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu, ...(nt)... giải tội cho vị xứng đáng hình phạt *Mānatta*, ...(nt)... ban phép tu lên bậc trên đến vị xứng đáng sự giải tội, [...(nt)... giải tội cho vị xứng đáng tu lên bậc trên], này Upāli, như thế là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật. Và như thế, hội chúng có sự vượt quá chức năng.

19. – Bạch Ngài, về việc hội chúng hợp nhất thực hiện có sự hiện diện đối với hành sự cần được thực hiện với sự hiện diện, bạch Ngài, có phải việc ấy là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật?

– Này Upāli, việc ấy là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật.

– Bạch Ngài, về việc hội chúng hợp nhất thực hiện có sự tra hỏi đối với hành sự cần được thực hiện với sự tra hỏi, ...(nt)... thực hiện có sự thừa nhận đối với hành sự cần được thực hiện với sự thừa nhận, ...(nt)... ban cho cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ đến vị xứng đáng với cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ,

...(nt)... ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng đến vị xứng đáng với cách hành xử Luật khi không điên cuồng, ...(nt)... thực hiện hành sự theo tội của vị ấy đến vị xứng đáng hành sự theo tội của vị ấy, ...(nt)... thực hiện hành sự khiển trách đến vị xứng đáng hành sự khiển trách, ...(nt)... thực hiện hành sự chỉ dạy đến vị xứng đáng hành sự chỉ dạy, ...(nt)... thực hiện hành sự xua đuổi đến vị xứng đáng hành sự xua đuổi, ...(nt)... thực hiện hành sự hòa giải đến vị xứng đáng hành sự hòa giải, ...(nt)... thực hiện hành sự án treo đến vị xứng đáng hành sự án treo, ...(nt)... ban cho hình phạt *Parivāsa* đến vị xứng đáng hình phạt *Parivāsa*, ...(nt)... đưa về lại [hình phạt] ban đầu vị xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu, ...(nt)... ban cho hình phạt *Mānatta* đến vị xứng đáng hình phạt *Mānatta*, ...(nt)... giải tội cho vị xứng đáng sự giải tội, ...(nt)... ban phép tu lên bậc trên đến vị xứng đáng tu lên bậc trên, bạch Ngài, có phải việc ấy là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật?

– Này Upāli, việc ấy là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật.

20. Này Upāli, về việc hội chúng hợp nhất thực hiện có sự hiện diện đối với hành sự cần được thực hiện với sự hiện diện, này Upāli, như thế là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật. Và như thế, hội chúng không có sự vượt quá chức năng. Này Upāli, về việc hội chúng hợp nhất thực hiện có sự tra hỏi đối với hành sự cần được thực hiện với sự tra hỏi, ...(nt)... thực hiện có sự thừa nhận đối với hành sự cần được thực hiện với sự thừa nhận, ...(nt)... ban cho cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ đến vị xứng đáng với cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, ...(nt)... ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng đến vị xứng đáng với cách hành xử Luật khi không điên cuồng, ...(nt)... thực hiện hành sự theo tội của vị ấy đến vị xứng đáng hành sự theo tội của vị ấy, ...(nt)... thực hiện hành sự khiển trách đến vị xứng đáng hành sự khiển trách, ...(nt)... thực hiện hành sự chỉ dạy đến vị xứng đáng hành sự chỉ dạy, ...(nt)... thực hiện hành sự xua đuổi đến vị xứng đáng hành sự xua đuổi, ...(nt)... thực hiện hành sự hòa giải đến vị xứng đáng hành sự hòa giải, ...(nt)... thực hiện hành sự án treo đến vị xứng đáng hành sự án treo, ...(nt)... ban cho hình phạt *Parivāsa* đến vị xứng đáng hình phạt *Parivāsa*, ...(nt)... đưa về lại [hình phạt] ban đầu vị xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu, ...(nt)... ban cho hình phạt *Mānatta* đến vị xứng đáng hình phạt *Mānatta*, ...(nt)... giải tội cho vị xứng đáng sự giải tội, ...(nt)... ban phép tu lên bậc trên đến vị xứng đáng tu lên bậc trên, này Upāli, như thế là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật. Và như thế, hội chúng không có sự vượt quá chức năng.

21. – Bạch Ngài, về việc hội chúng hợp nhất ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng đến vị xứng đáng với cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, ban cho cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ đến vị xứng đáng với cách hành xử Luật khi không điên cuồng, bạch Ngài, có phải việc ấy là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật?

– Này Upāli, việc ấy là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật.

– Bạch Ngài, về việc hội chúng hợp nhất thực hiện hành sự theo tội của vị ấy đến vị xứng đáng với cách hành xử Luật khi không điên cuồng, ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng đến vị xứng đáng hành sự theo tội của vị ấy, ...(nt)... thực hiện hành sự khiển trách đến vị xứng đáng hành sự theo tội của vị ấy, thực hiện hành sự theo tội của vị ấy đến vị xứng đáng hành sự khiển trách, ...(nt)... thực hiện hành sự chỉ dạy đến vị xứng đáng hành sự khiển trách, thực hiện hành sự khiển trách đến vị xứng đáng hành sự chỉ dạy, ...(nt)... thực hiện hành sự xua đuổi đến vị xứng đáng hành sự chỉ dạy, thực hiện hành sự chỉ dạy đến vị xứng đáng hành sự xua đuổi, ...(nt)... thực hiện hành sự hòa giải đến vị xứng đáng hành sự xua đuổi, thực hiện hành sự xua đuổi đến vị xứng đáng hành sự hòa giải, ...(nt)... thực hiện hành sự án treo đến vị xứng đáng hành sự hòa giải, thực hiện hành sự hòa giải đến vị xứng đáng hành sự án treo, ...(nt)... ban cho hình phạt *Parivāsa* đến vị xứng đáng hành sự án treo, thực hiện hành sự án treo đến vị xứng đáng hình phạt *Parivāsa*, ...(nt)... đưa về lại [hình phạt] ban đầu vị xứng đáng hình phạt *Parivāsa*, ban cho hình phạt *Parivāsa* đến vị xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu, ...(nt)... ban cho hình phạt *Mānatta* đến vị xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu, đưa về lại [hình phạt] ban đầu vị xứng đáng hình phạt *Mānatta*, ...(nt)... giải tội cho vị xứng đáng hình phạt *Mānatta*, ban cho hình phạt *Mānatta* đến vị xứng đáng sự giải tội, ...(nt)... ban phép tu lên bậc trên đến vị xứng đáng sự giải tội, giải tội cho vị xứng đáng tu lên bậc trên, bạch Ngài, có phải việc ấy là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật?

– Này Upāli, như thế là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật.

22. Này Upāli, về việc hội chúng hợp nhất ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng, đến vị xứng đáng với cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, ban cho cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ đến vị xứng đáng với cách hành xử Luật khi không điên cuồng, này Upāli, như thế là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật. Và như thế, hội chúng có sự vượt quá chức năng. Này Upāli, về việc hội chúng hợp nhất thực hiện hành sự theo tội của vị ấy đến vị xứng đáng với cách hành xử Luật khi không điên cuồng, ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng đến vị xứng đáng hành sự theo tội của vị ấy, ...(nt)... thực hiện hành sự khiển trách đến vị xứng đáng hành sự theo tội của vị ấy, thực hiện hành sự theo tội của vị ấy đến vị xứng đáng hành sự khiển trách, ...(nt)... thực hiện hành sự chỉ dạy đến vị xứng đáng hành sự khiển trách, thực hiện hành sự khiển trách đến vị xứng đáng hành sự chỉ dạy, ...(nt)... thực hiện hành sự xua đuổi đến vị xứng đáng hành sự chỉ dạy, thực hiện hành sự chỉ dạy đến vị xứng đáng hành sự xua đuổi, ...(nt)... thực hiện hành sự hòa giải đến vị xứng đáng hành sự xua đuổi, thực hiện hành sự xua đuổi đến vị xứng đáng hành sự hòa giải, ...(nt)... thực hiện hành sự án treo đến vị xứng đáng hành sự hòa giải, thực hiện hành sự hòa giải đến vị xứng đáng hành sự án treo, ...(nt)... ban cho hình phạt *Parivāsa*

đến vị xứng đáng hành sự án treo, thực hiện hành sự án treo đến vị xứng đáng hình phạt *Parivāsa*, ...(nt)... đưa về lại [hình phạt] ban đầu vị xứng đáng hình phạt *Parivāsa*, ban cho hình phạt *Parivāsa* đến vị xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu, ...(nt)... ban cho hình phạt *Mānatta* đến vị xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu, đưa về lại [hình phạt] ban đầu vị xứng đáng hình phạt *Mānatta*, ...(nt)... giải tội cho vị xứng đáng hình phạt *Mānatta*, ban cho hình phạt *Mānatta* đến vị xứng đáng sự giải tội, ...(nt)... ban phép tu lên bậc trên đến vị xứng đáng sự giải tội, giải tội cho vị xứng đáng tu lên bậc trên, này Upāli, như thế là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật. Và như thế, hội chúng có sự vượt quá chức năng.

23. – Bạch Ngài, về việc hội chúng hợp nhất ban cho cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ đến vị xứng đáng với cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, bạch Ngài, có phải việc ấy là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật?

– Này Upāli, việc ấy là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật.

– Bạch Ngài, về việc hội chúng hợp nhất ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng đến vị xứng đáng với cách hành xử Luật khi không điên cuồng, ...(nt)... thực hiện hành sự theo tội của vị ấy đến vị xứng đáng hành sự theo tội của vị ấy, ...(nt)... thực hiện hành sự khiển trách đến vị xứng đáng hành sự khiển trách, ...(nt)... thực hiện hành sự chỉ dạy đến vị xứng đáng hành sự chỉ dạy, ...(nt)... thực hiện hành sự xua đuổi đến vị xứng đáng hành sự xua đuổi, ...(nt)... thực hiện hành sự hòa giải đến vị xứng đáng hành sự hòa giải, ...(nt)... thực hiện hành sự án treo đến vị xứng đáng hành sự án treo, ...(nt)... ban cho hình phạt *Parivāsa* đến vị xứng đáng hình phạt *Parivāsa*, ...(nt)... đưa về lại [hình phạt] ban đầu vị xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu, ...(nt)... ban cho hình phạt *Mānatta* đến vị xứng đáng hình phạt *Mānatta*, ...(nt)... giải tội cho vị xứng đáng sự giải tội, ...(nt)... ban phép tu lên bậc trên đến vị xứng đáng tu lên bậc trên, bạch Ngài, có phải việc ấy là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật?

– Này Upāli, việc ấy là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật.

24. Này Upāli, về việc hội chúng hợp nhất ban cho cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ đến vị xứng đáng với cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, này Upāli, như thế là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật. Và như thế, hội chúng không có sự vượt quá chức năng. Này Upāli, về việc hội chúng hợp nhất ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng đến vị xứng đáng với cách hành xử Luật khi không điên cuồng, ...(nt)... thực hiện hành sự theo tội của vị ấy đến vị xứng đáng hành sự theo tội của vị ấy, ...(nt)... thực hiện hành sự khiển trách đến vị xứng đáng hành sự khiển trách, ...(nt)... thực hiện hành sự chỉ dạy đến vị xứng đáng hành sự chỉ dạy, ...(nt)... thực hiện hành sự xua đuổi đến vị xứng đáng hành sự xua đuổi, ...(nt)... thực hiện hành sự hòa giải đến vị xứng đáng hành sự hòa giải, ...(nt)... thực hiện hành sự án treo đến vị xứng đáng hành

sự án treo, ...(nt)... ban cho hình phạt *Parivāsa* đến vị xứng đáng hình phạt *Parivāsa*, ...(nt)... đưa về lại [hình phạt] ban đầu vị xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu, ...(nt)... ban cho hình phạt *Mānatta* đến vị xứng đáng hình phạt *Mānatta*, ...(nt)... giải tội cho vị xứng đáng sự giải tội, ...(nt)... ban phép tu lên bậc trên đến vị xứng đáng tu lên bậc trên, này Upāli, như thế là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật. Và như thế, hội chúng không có sự vượt quá chức năng.

25. Sau đó, đức Thế Tôn đã bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, về việc hội chúng hợp nhất ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng đến vị xứng đáng với cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, này các Tỳ-khưu, như thế là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật. Và như thế, hội chúng có sự vượt quá chức năng. Này các Tỳ-khưu, về việc hội chúng hợp nhất thực hiện hành sự theo tội của vị ấy đến vị xứng đáng với cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, ...(nt)... thực hiện hành sự khiển trách đến vị xứng đáng với cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, ...(nt)... thực hiện hành sự chỉ dạy đến vị xứng đáng với cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, ...(nt)... thực hiện hành sự xua đuổi đến vị xứng đáng với cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, ...(nt)... thực hiện hành sự hòa giải đến vị xứng đáng với cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, ...(nt)... thực hiện hành sự án treo đến vị xứng đáng với cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, ...(nt)... ban cho hình phạt *Parivāsa* đến vị xứng đáng với cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, ...(nt)... đưa về lại [hình phạt] ban đầu vị xứng đáng với cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, ...(nt)... ban cho hình phạt *Mānatta* đến vị xứng đáng với cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, ...(nt)... giải tội cho vị xứng đáng với cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, ...(nt)... ban phép tu lên bậc trên đến vị xứng đáng với cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, này các Tỳ-khưu, như thế là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật. Và như thế, hội chúng có sự vượt quá chức năng.

26. Này các Tỳ-khưu, về việc hội chúng hợp nhất ban cho cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ đến vị xứng đáng với cách hành xử Luật khi không điên cuồng, này các Tỳ-khưu, như thế là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật. Và như thế, hội chúng có sự vượt quá chức năng. Này các Tỳ-khưu, về việc hội chúng hợp nhất thực hiện hành sự theo tội của vị ấy đến vị xứng đáng với cách hành xử Luật khi không điên cuồng, ...(nt)... thực hiện hành sự khiển trách đến vị xứng đáng với cách hành xử Luật khi không điên cuồng, ...(nt)... thực hiện hành sự chỉ dạy đến vị xứng đáng với cách hành xử Luật khi không điên cuồng, ...(nt)... thực hiện hành sự xua đuổi đến vị xứng đáng với cách hành xử Luật khi không điên cuồng, ...(nt)... thực hiện hành sự hòa giải đến vị xứng đáng với cách hành xử Luật khi không điên cuồng, ...(nt)... thực hiện hành sự án treo đến vị xứng đáng với cách hành xử Luật khi không điên cuồng, ...(nt)... ban cho hình phạt *Parivāsa* đến vị xứng đáng với cách hành xử Luật khi không điên cuồng, ...(nt)... đưa về lại [hình phạt] ban đầu vị xứng đáng với cách hành xử

Luật khi không điên cuồng, ...(nt)... ban cho hình phạt *Mānatta* đến vị xứng đáng với cách hành xử Luật khi không điên cuồng, ...(nt)... giải tội cho vị xứng đáng với cách hành xử Luật khi không điên cuồng, ...(nt)... ban phép tu lên bậc trên đến vị xứng đáng với cách hành xử Luật khi không điên cuồng, này các Tỳ-khưu, như thế là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật. Và như thế, hội chúng có sự vượt quá chức năng.

27. Này các Tỳ-khưu, về việc hội chúng hợp nhất [ban cho cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ] đến vị xứng đáng hành sự theo tội của vị ấy, ...(nt)... đến vị xứng đáng hành sự khiển trách, ...(nt)... đến vị xứng đáng hành sự chỉ dạy, ...(nt)... đến vị xứng đáng hành sự xua đuổi, ...(nt)... đến vị xứng đáng hành sự hòa giải, ...(nt)... đến vị xứng đáng hành sự án treo, ...(nt)... đến vị xứng đáng hình phạt *Parivāsa*, ...(nt)... đến vị xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu, ...(nt)... đến vị xứng đáng hình phạt *Mānatta*, ...(nt)... đến vị xứng đáng sự giải tội, ...(nt)... này các Tỳ-khưu, như thế là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật. Và như thế, hội chúng có sự vượt quá chức năng.

28. Này các Tỳ-khưu, về việc hội chúng hợp nhất ban cho cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ đến vị xứng đáng tu lên bậc trên, ...(nt)... ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng đến vị xứng đáng tu lên bậc trên, ...(nt)... thực hiện hành sự theo tội của vị ấy đến vị xứng đáng tu lên bậc trên, ...(nt)... thực hiện hành sự khiển trách đến vị xứng đáng tu lên bậc trên, ...(nt)... thực hiện hành sự chỉ dạy đến vị xứng đáng tu lên bậc trên, ...(nt)... thực hiện hành sự xua đuổi đến vị xứng đáng tu lên bậc trên, ...(nt)... thực hiện hành sự hòa giải đến vị xứng đáng tu lên bậc trên, ...(nt)... thực hiện hành sự án treo đến vị xứng đáng tu lên bậc trên, ...(nt)... ban cho hình phạt *Parivāsa* đến vị xứng đáng tu lên bậc trên, ...(nt)... đưa về lại [hình phạt] ban đầu vị xứng đáng tu lên bậc trên, ...(nt)... ban cho hình phạt *Mānatta* đến vị xứng đáng tu lên bậc trên, ...(nt)... giải tội cho vị xứng đáng tu lên bậc trên, này các Tỳ-khưu, như thế là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật. Và như thế, hội chúng có sự vượt quá chức năng.

Tụng phẩm về những câu hỏi của Upāli là thứ nhì.

*****

1. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu là vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí và tranh tụng ở hội chúng. Nếu ở đó, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này là vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí và tranh tụng ở hội chúng, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự khiển trách đến vị này." Các vị ấy thực hiện hành sự khiển trách đến vị ấy sai Pháp theo phe nhóm.

2. Vị ấy từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã được hội chúng thực hiện

hành sự khiển trách sai Pháp theo phe nhóm, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự khiển trách đến vị này." Các vị ấy thực hiện hành sự khiển trách đến vị ấy sai Pháp có sự hợp nhất.

3. Vị ấy lại từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị Tỳ-khưu cũng [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách sai Pháp có sự hợp nhất, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự khiển trách đến vị này." Các vị ấy thực hiện hành sự khiển trách đến vị ấy đúng Pháp theo phe nhóm.

4. Vị ấy lại từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị Tỳ-khưu cũng [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách đúng Pháp theo phe nhóm, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự khiển trách đến vị này." Các vị ấy thực hiện hành sự khiển trách đến vị ấy có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm.

5. Vị ấy lại từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị Tỳ-khưu cũng [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự khiển trách đến vị này." Các vị ấy thực hiện hành sự khiển trách đến vị ấy có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất.

6. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu là vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí và tranh tụng ở hội chúng. Nếu ở đó, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này là vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí và tranh tụng ở hội chúng, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự khiển trách đến vị này." Các vị ấy thực hiện hành sự khiển trách đến vị ấy sai Pháp có sự hợp nhất.

7. Vị ấy từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách sai Pháp có sự hợp nhất, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự khiển trách đến vị này." Các vị ấy thực hiện hành sự khiển trách đến vị ấy đúng Pháp theo phe nhóm.

8. Vị ấy lại từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị Tỳ-khưu cũng [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách đúng Pháp theo phe nhóm, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự khiển trách đến vị này." Các vị ấy thực hiện hành sự khiển trách đến vị ấy có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm.

9. Vị ấy lại từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị Tỳ-khưu cũng [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự khiển trách đến vị này." Các vị ấy thực hiện hành sự khiển trách đến vị ấy có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất.

10. Vị ấy lại từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị Tỳ-khưu cũng [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự khiển trách đến vị này." Các vị ấy thực hiện hành sự khiển trách đến vị ấy sai Pháp theo phe nhóm.

11. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu là vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí và tranh tụng ở hội chúng. Nếu ở đó, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này là vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí và tranh tụng ở hội chúng, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự khiển trách đến vị này." Các vị ấy thực hiện hành sự khiển trách đến vị ấy đúng Pháp theo phe nhóm.

12. Vị ấy từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách đúng Pháp theo phe nhóm, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự khiển trách đến vị này." Các vị ấy thực hiện hành sự khiển trách đến vị ấy có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm.

13. Vị ấy lại từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị Tỳ-khưu cũng [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự khiển trách đến vị này." Các vị ấy thực hiện hành sự khiển trách đến vị ấy có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất.

14. Vị ấy lại từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị Tỳ-khưu cũng [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự khiển trách đến vị này." Các vị ấy thực hiện hành sự khiển trách đến vị ấy sai Pháp theo phe nhóm.

15. Vị ấy lại từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị Tỳ-khưu cũng [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách sai Pháp theo phe nhóm, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự khiển trách đến vị này." Các vị ấy thực hiện hành sự khiển trách đến vị ấy sai Pháp có sự hợp nhất.

16. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu là vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí và tranh tụng ở hội chúng. Nếu ở đó, các vị Tỳ-khưu cũng [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này là vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí và tranh tụng ở hội chúng, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự khiển trách đến vị này." Các vị ấy thực hiện hành sự khiển trách đến vị ấy có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm.

17. Vị ấy từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự khiển trách đến vị này." Các vị ấy thực hiện hành sự khiển trách đến vị ấy có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất.

18. Vị ấy lại từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị Tỳ-khưu cũng [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự khiển trách đến vị này." Các vị ấy thực hiện hành sự khiển trách đến vị ấy sai Pháp theo phe nhóm.

19. Vị ấy lại từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị Tỳ-khưu cũng [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách sai Pháp theo phe nhóm, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự khiển trách đến vị này." Các vị ấy thực hiện hành sự khiển trách đến vị ấy sai Pháp có sự hợp nhất.

20. Vị ấy lại từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị Tỳ-khưu cũng [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách sai Pháp có sự hợp nhất, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự khiển trách đến vị này." Các vị ấy thực hiện hành sự khiển trách đến vị ấy đúng Pháp theo phe nhóm.

21. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu là vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí và tranh tụng ở hội chúng. Nếu ở đó, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này là vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí và tranh tụng ở hội chúng, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự khiển trách đến vị này." Các vị ấy thực hiện hành sự khiển trách đến vị ấy có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất.

22. Vị ấy từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự khiển trách đến vị này." Các vị ấy thực hiện hành sự khiển trách đến vị ấy sai Pháp theo phe nhóm.

23. Vị ấy lại từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị Tỳ-khưu cũng [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách sai Pháp theo phe nhóm, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự khiển trách đến vị này." Các vị ấy thực hiện hành sự khiển trách đến vị ấy sai Pháp có sự hợp nhất.

24. Vị ấy lại từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị Tỳ-khưu cũng [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã được hội chúng thực

hiện hành sự khiển trách sai Pháp có sự hợp nhất, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự khiển trách đến vị này." Các vị ấy thực hiện hành sự khiển trách đến vị ấy đúng Pháp theo phe nhóm.

25. Vị ấy lại từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị Tỳ-khưu cũng [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách đúng Pháp theo phe nhóm, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự khiển trách đến vị này." Các vị ấy thực hiện hành sự khiển trách đến vị ấy có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm.

26. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu là ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, không có giới hạn [về tội], sống thân cận với các gia chủ bằng những giao thiệp không đúng đắn với hàng tại gia. Nếu ở đó, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này là ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, không có giới hạn [về tội], sống thân cận với các gia chủ bằng những giao thiệp không đúng đắn với hàng tại gia, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự chỉ dạy đến vị này." Các vị ấy thực hiện hành sự chỉ dạy đến vị ấy sai Pháp theo phe nhóm.

27. Vị ấy từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã được hội chúng thực hiện hành sự chỉ dạy sai Pháp theo phe nhóm, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự chỉ dạy đến vị này." Các vị ấy thực hiện hành sự chỉ dạy đến vị ấy sai Pháp có sự hợp nhất ...(nt)... đúng Pháp theo phe nhóm ...(nt)... có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm ...(nt)... có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất. [Nên thực hiện sự luân phiên tương tợ phần dưới].

28. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu là vị làm hư hỏng các gia đình và có hạnh kiểm xấu xa. Nếu ở đó, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này là vị làm hư hỏng các gia đình và có hạnh kiểm xấu xa, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự xua đuổi đến vị này." Các vị ấy thực hiện hành sự xua đuổi đến vị ấy sai Pháp theo phe nhóm.

29. Vị ấy từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã được hội chúng thực hiện hành sự xua đuổi theo phe nhóm sai Pháp, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự xua đuổi đến vị này." Các vị ấy thực hiện hành sự xua đuổi đến vị ấy sai Pháp có sự hợp nhất ...(nt)... đúng Pháp theo phe nhóm ...(nt)... có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm ...(nt)... có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất. [Nên thực hiện sự luân phiên].

30. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu mắng nhiếc, nói xấu các gia chủ. Nếu ở đó, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này mắng nhiếc, nói xấu các gia chủ, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự hòa giải đến vị này." Các vị ấy thực hiện hành sự hòa giải đến vị ấy sai Pháp theo phe nhóm.

31. Vị ấy từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã được hội chúng thực hiện hành sự hòa giải sai Pháp theo phe nhóm, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự hòa giải đến vị này." Các vị ấy thực hiện hành sự hòa giải đến vị ấy sai Pháp có sự hợp nhất ...(nt)... đúng Pháp theo phe nhóm ...(nt)... có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm ...(nt)... có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất. [Nên thực hiện sự luân phiên].

32. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu sau khi phạm tội lại không muốn nhìn nhận tội. Nếu ở đó, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này sau khi phạm tội lại không muốn nhìn nhận tội, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội đến vị này." Các vị ấy thực hiện hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội đến vị ấy sai Pháp theo phe nhóm.

33. Vị ấy từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội sai Pháp theo phe nhóm, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự án treo, về việc không nhìn nhận tội đến vị này." Các vị ấy thực hiện hành sự án treo, về việc không nhìn nhận tội đến vị ấy sai Pháp có sự hợp nhất ...(nt)... đúng Pháp theo phe nhóm ...(nt)... có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm ...(nt)... có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất. [Nên thực hiện sự luân phiên].

34. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu sau khi phạm tội lại không muốn sửa chữa lỗi. Nếu ở đó, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này sau khi phạm tội lại không muốn sửa chữa lỗi, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi đến vị này." Các vị ấy thực hiện hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi đến vị ấy sai Pháp theo phe nhóm.

35. Vị ấy từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi sai Pháp theo phe nhóm, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi đến vị này." Các vị ấy thực hiện hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi đến vị ấy sai Pháp có sự hợp nhất ...(nt)... đúng Pháp theo phe nhóm ...(nt)... có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm ...(nt)... có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất. [Nên thực hiện sự luân phiên].

36. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu không muốn từ bỏ tà kiến ác. Nếu ở đó, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này không muốn từ bỏ tà kiến ác, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác đến vị này." Các vị ấy thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác đến vị ấy sai Pháp theo phe nhóm.

37. Vị ấy từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác sai Pháp theo phe nhóm, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác đến vị này." Các vị ấy thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác đến vị ấy sai Pháp có sự hợp nhất ...(nt)... đúng Pháp theo phe nhóm ...(nt)... có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm ...(nt)... có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất. [Nên thực hiện sự luân phiên].

38. Này các Tỳ-khưu, trường hợp được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách, vị Tỳ-khưu làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, rồi thỉnh cầu sự thu hồi hành sự khiển trách.

39. Nếu ở đó, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách, vị Tỳ-khưu này làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự khiển trách, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự khiển trách cho vị này." Các vị ấy thu hồi hành sự khiển trách cho vị ấy sai Pháp theo phe nhóm.

40. Vị ấy từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã được hội chúng thu hồi hành sự khiển trách sai Pháp theo phe nhóm, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự khiển trách cho vị này." Các vị ấy thu hồi hành sự khiển trách cho vị ấy sai Pháp có sự hợp nhất.

41. Vị ấy lại từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã được hội chúng thu hồi hành sự khiển trách sai Pháp có sự hợp nhất, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự khiển trách cho vị này." Các vị ấy thu hồi hành sự khiển trách cho vị ấy đúng Pháp theo phe nhóm.

42. Vị ấy lại từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị Tỳ-khưu cũng [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã được hội chúng thu hồi hành sự khiển trách đúng Pháp theo phe nhóm, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự khiển trách cho vị này." Các vị ấy thu hồi hành sự khiển trách cho vị ấy có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm.

43. Vị ấy lại từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị Tỳ-khưu cũng [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã được hội chúng thu hồi hành sự khiển trách có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự khiển trách cho vị này." Các vị ấy thu hồi hành sự khiển trách cho vị ấy có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất.

44. Này các Tỳ-khưu, trường hợp được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách, vị Tỳ-khưu làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, rồi thỉnh cầu sự thu hồi hành sự khiển trách.

45. Nếu ở đó, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách, vị Tỳ-khưu này làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự khiển trách, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự khiển trách cho vị này." Các vị ấy thu hồi hành sự khiển trách cho vị ấy sai Pháp có sự hợp nhất.

46. Vị ấy từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã được hội chúng thu hồi hành sự khiển trách sai Pháp có sự hợp nhất, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự khiển trách cho vị này." Các vị ấy thu hồi hành sự khiển trách cho vị ấy đúng Pháp theo phe nhóm.

47. Vị ấy lại từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị Tỳ-khưu cũng [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã được hội chúng thu hồi hành sự khiển trách đúng Pháp theo phe nhóm, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự khiển trách cho vị này." Các vị ấy thu hồi hành sự khiển trách cho vị ấy có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm.

48. Vị ấy lại từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị Tỳ-khưu cũng [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã được hội chúng thu hồi hành sự khiển trách có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự khiển trách cho vị này." Các vị ấy thu hồi hành sự khiển trách cho vị ấy có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất.

49. Vị ấy lại từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị Tỳ-khưu cũng [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã được hội chúng thu hồi hành sự khiển trách có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự khiển trách cho vị này." Các vị ấy thu hồi hành sự khiển trách cho vị ấy sai Pháp theo phe nhóm.

50. Này các Tỳ-khưu, trường hợp được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách, vị Tỳ-khưu làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, rồi thỉnh cầu sự thu hồi hành sự khiển trách.

51. Nếu ở đó, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách, vị Tỳ-khưu này làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự khiển trách, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự khiển trách cho vị này." Các vị ấy thu hồi hành sự khiển trách cho vị ấy đúng Pháp theo phe nhóm.

52. Vị ấy từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã được hội chúng thu hồi hành sự khiển trách đúng Pháp theo phe nhóm, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự khiển trách cho vị này." Các vị ấy thu hồi hành sự khiển trách cho vị ấy có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm.

53. Vị ấy lại từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị Tỳ-khưu cũng [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã được hội chúng

thu hồi hành sự khiển trách có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự khiển trách cho vị này." Các vị ấy thu hồi hành sự khiển trách cho vị ấy có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất.

54. Vị ấy lại từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị Tỳ-khưu cũng [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã được hội chúng thu hồi hành sự khiển trách có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự khiển trách cho vị này." Các vị ấy thu hồi hành sự khiển trách cho vị ấy sai Pháp theo phe nhóm.

55. Vị ấy lại từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị Tỳ-khưu cũng [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã được hội chúng thu hồi hành sự khiển trách sai Pháp theo phe nhóm, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự khiển trách cho vị này." Các vị ấy thu hồi hành sự khiển trách cho vị ấy sai Pháp có sự hợp nhất.

56. Này các Tỳ-khưu, trường hợp được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách, vị Tỳ-khưu làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, rồi thỉnh cầu sự thu hồi hành sự khiển trách.

57. Nếu ở đó, các Tỳ-khưu bàn như vầy: "Này các Đại đức, được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách, vị Tỳ-khưu này làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự khiển trách, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự khiển trách cho vị này." Các vị ấy thu hồi hành sự khiển trách cho vị ấy có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm.

58. Vị ấy từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã được hội chúng thu hồi hành sự khiển trách có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự khiển trách cho vị này." Các vị ấy thu hồi hành sự khiển trách cho vị ấy có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất.

59. Vị ấy lại từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị Tỳ-khưu cũng [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã được hội chúng thu hồi hành sự khiển trách có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự khiển trách cho vị này." Các vị ấy thu hồi hành sự khiển trách cho vị ấy sai Pháp theo phe nhóm.

60. Vị ấy lại từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị Tỳ-khưu cũng [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã được hội chúng thu hồi hành sự khiển trách sai Pháp theo phe nhóm, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự khiển trách cho vị này." Các vị ấy thu hồi hành sự khiển trách cho vị ấy sai Pháp có sự hợp nhất.

61. Vị ấy lại từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị Tỳ-khưu cũng [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã được hội chúng thu hồi hành sự khiển trách sai Pháp có sự hợp nhất, vậy chúng ta hãy thu hồi hành

sự khiển trách cho vị này." Các vị ấy thu hồi hành sự khiển trách cho vị ấy đúng Pháp theo phe nhóm.

62. Này các Tỳ-khưu, trường hợp được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách, vị Tỳ-khưu làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, rồi thỉnh cầu sự thu hồi hành sự khiển trách.

63. Nếu ở đó, các Tỳ-khưu bàn như vầy: "Này các Đại đức, được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách, vị Tỳ-khưu này làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự khiển trách, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự khiển trách cho vị này." Các vị ấy thu hồi hành sự khiển trách cho vị ấy có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất.

64. Vị ấy từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã được hội chúng thu hồi hành sự khiển trách có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự khiển trách cho vị này." Các vị ấy thu hồi hành sự khiển trách cho vị ấy sai Pháp theo phe nhóm.

65. Vị ấy lại từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị Tỳ-khưu cũng [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã được hội chúng thu hồi hành sự khiển trách sai Pháp theo phe nhóm, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự khiển trách cho vị này." Các vị ấy thu hồi hành sự khiển trách cho vị ấy sai Pháp có sự hợp nhất.

66. Vị ấy lại từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị Tỳ-khưu cũng [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã được hội chúng thu hồi hành sự khiển trách sai Pháp có sự hợp nhất, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự khiển trách cho vị này." Các vị ấy thu hồi hành sự khiển trách cho vị ấy đúng Pháp theo phe nhóm.

67. Vị ấy lại từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị Tỳ-khưu cũng [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã được hội chúng thu hồi hành sự khiển trách đúng Pháp theo phe nhóm, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự khiển trách cho vị này." Các vị ấy thu hồi hành sự khiển trách cho vị ấy có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm.

68. Này các Tỳ-khưu, trường hợp được hội chúng thực hiện hành sự chỉ dạy, vị Tỳ-khưu làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, rồi thỉnh cầu sự thu hồi hành sự chỉ dạy.

69. Nếu ở đó, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, được hội chúng thực hiện hành sự chỉ dạy, vị Tỳ-khưu này làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự chỉ dạy, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự chỉ dạy cho vị này." Các vị ấy thu hồi hành sự chỉ dạy cho vị ấy sai Pháp theo phe nhóm.

70. Vị ấy từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã được hội chúng thu hồi

hành sự chỉ dạy sai Pháp theo phe nhóm, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự chỉ dạy cho vị này." Các vị ấy thu hồi hành sự chỉ dạy cho vị ấy sai Pháp có sự hợp nhất ...(nt)... đúng Pháp theo phe nhóm ...(nt)... có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm ...(nt)... có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất. [Nên thực hiện sự luân phiên].

71. Này các Tỳ-khưu, trường hợp được hội chúng thực hiện hành sự xua đuổi, vị Tỳ-khưu làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, rồi thỉnh cầu sự thu hồi hành sự xua đuổi.

72. Nếu ở đó, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, được hội chúng thực hiện hành sự xua đuổi, vị Tỳ-khưu này làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự xua đuổi, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự xua đuổi cho vị này." Các vị ấy thu hồi hành sự xua đuổi cho vị ấy sai Pháp theo phe nhóm.

73. Vị ấy từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã được hội chúng thu hồi hành sự xua đuổi sai Pháp theo phe nhóm, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự xua đuổi cho vị này." Các vị ấy thu hồi hành sự xua đuổi cho vị ấy sai Pháp có sự hợp nhất ...(nt)... đúng Pháp theo phe nhóm ...(nt)... có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm ...(nt)... có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất. [Nên thực hiện sự luân phiên].

74. Này các Tỳ-khưu, trường hợp được hội chúng thực hiện hành sự hòa giải, vị Tỳ-khưu làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, rồi thỉnh cầu sự thu hồi hành sự hòa giải.

75. Nếu ở đó, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, được hội chúng thực hiện hành sự hòa giải, vị Tỳ-khưu này làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự hòa giải, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự hòa giải cho vị này." Các vị ấy thu hồi hành sự hòa giải cho vị ấy sai Pháp theo phe nhóm.

76. Vị ấy từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã được hội chúng thu hồi hành sự hòa giải sai Pháp theo phe nhóm, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự hòa giải cho vị này." Các vị ấy thu hồi hành sự hòa giải cho vị ấy sai Pháp có sự hợp nhất ...(nt)... đúng Pháp theo phe nhóm ...(nt)... có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm ...(nt)... có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất. [Nên thực hiện sự luân phiên].

77. Này các Tỳ-khưu, trường hợp được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội, vị Tỳ-khưu làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, rồi thỉnh cầu sự thu hồi hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội.

78. Nếu ở đó, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội, vị Tỳ-khưu này làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội cho vị này." Các vị ấy thu hồi hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội cho vị ấy sai Pháp theo phe nhóm.

79. Vị ấy từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã được hội chúng thu hồi hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội sai Pháp theo phe nhóm, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội cho vị này." Các vị ấy thu hồi hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội cho vị ấy sai Pháp có sự hợp nhất ...(nt)... đúng Pháp theo phe nhóm ...(nt)... có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm ...(nt)... có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất. [Nên thực hiện sự luân phiên].

80. Này các Tỳ-khưu, trường hợp được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi, vị Tỳ-khưu làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, rồi thỉnh cầu sự thu hồi hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi.

81. Nếu ở đó, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi, vị Tỳ-khưu này làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi cho vị này." Các vị ấy thu hồi hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi cho vị ấy sai Pháp theo phe nhóm.

82. Vị ấy từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã được hội chúng thu hồi hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi sai Pháp theo phe nhóm, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi cho vị này." Các vị ấy thu hồi hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi cho vị ấy sai Pháp có sự hợp nhất ...(nt)... đúng Pháp theo phe nhóm ...(nt)... có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm ...(nt)... có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất. [Nên thực hiện sự luân phiên].

83. Này các Tỳ-khưu, trường hợp được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác, vị Tỳ-khưu làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, rồi thỉnh cầu sự thu hồi hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác.

84. Nếu ở đó, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác, vị Tỳ-khưu này làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác, vậy chúng ta hãy

thu hồi hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác cho vị này." Các vị ấy thu hồi hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác cho vị ấy sai Pháp theo phe nhóm.

85. Vị ấy từ trú xứ ấy đi đến trú xứ khác. Tại nơi ấy, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã được hội chúng thu hồi hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác sai Pháp theo phe nhóm, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác cho vị này." Các vị ấy thu hồi hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác cho vị ấy sai Pháp có sự hợp nhất ...(nt)... đúng Pháp theo phe nhóm ...(nt)... có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm ...(nt)... có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất. [Nên thực hiện sự luân phiên].

86. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu là vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí và tranh tụng ở hội chúng. Nếu ở đó, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này là vị thường gây nên các sự xung đột, ...(nt)... và tranh tụng ở hội chúng, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự khiển trách đến vị này." Các vị ấy thực hiện hành sự khiển trách đến vị ấy sai Pháp theo phe nhóm.

87. Hội chúng ngụ ở đó tranh cãi rằng: "Hành sự phe nhóm sai Pháp, hành sự hợp nhất sai Pháp, hành sự phe nhóm đúng Pháp, hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại."

88. Này các Tỳ-khưu, ở đó, các Tỳ-khưu nào đã nói như vầy: "Hành sự phe nhóm sai Pháp" và các Tỳ-khưu nào đã nói như vầy: "Hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại", trong trường hợp này các vị Tỳ-khưu ấy là các vị nói đúng Pháp.

89. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu là vị thường gây nên các sự xung đột, ...(nt)... và tranh tụng ở hội chúng. Nếu ở đó, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này là vị thường gây nên các sự xung đột, ...(nt)... và tranh tụng ở hội chúng, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự khiển trách đến vị này." Các vị ấy thực hiện hành sự khiển trách đến vị ấy sai Pháp có sự hợp nhất.

90. Hội chúng ngụ ở đó tranh cãi rằng: "Hành sự phe nhóm sai Pháp, hành sự hợp nhất sai Pháp, hành sự phe nhóm đúng Pháp, hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại."

91. Này các Tỳ-khưu, ở đó, các Tỳ-khưu nào đã nói như vầy: "Hành sự hợp nhất sai Pháp" và các Tỳ-khưu nào đã nói như vầy: "Hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại", trong trường hợp này, các vị Tỳ-khưu ấy là các vị nói đúng Pháp.

92. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu là vị thường gây nên các sự xung đột, ...(nt)... và tranh tụng ở hội chúng. Nếu ở đó, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này là vị thường gây nên các sự xung đột, ...(nt)... và tranh tụng ở hội chúng, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự khiển trách đến vị này." Các vị ấy thực hiện hành sự khiển trách đến vị ấy đúng Pháp theo phe nhóm.

93. Hội chúng ngụ ở đó tranh cãi rằng: "Hành sự phe nhóm sai Pháp, hành sự hợp nhất sai Pháp, hành sự phe nhóm đúng Pháp, hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại."

94. Này các Tỳ-khưu, ở đó, các Tỳ-khưu nào đã nói như vầy: "Hành sự phe nhóm đúng Pháp" và các Tỳ-khưu nào đã nói như vầy: "Hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại", trong trường hợp này các vị Tỳ-khưu ấy là các vị nói đúng Pháp.

95. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu là vị thường gây nên các sự xung đột, ...(nt)... và tranh tụng ở hội chúng. Nếu ở đó, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này là vị thường gây nên các sự xung đột, ...(nt)... và tranh tụng ở hội chúng, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự khiển trách đến vị này." Các vị ấy thực hiện hành sự khiển trách đến vị ấy có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm.

96. Hội chúng ngụ ở đó tranh cãi rằng: "Hành sự phe nhóm sai Pháp, hành sự hợp nhất sai Pháp, hành sự phe nhóm đúng Pháp, hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại."

97. Này các Tỳ-khưu, ở đó, các Tỳ-khưu nào đã nói như vầy: "Hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp" và các Tỳ-khưu nào đã nói như vầy: "Hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại", trong trường hợp này, các vị Tỳ-khưu ấy là các vị nói đúng Pháp.

98. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu là vị thường gây nên các sự xung đột, ...(nt)... và tranh tụng ở hội chúng. Nếu ở đó, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này là vị thường gây nên các sự xung đột, ...(nt)... và tranh tụng ở hội chúng, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự khiển trách đến vị này." Các vị ấy thực hiện hành sự khiển trách đến vị ấy có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất.

99. Hội chúng ngụ ở đó tranh cãi rằng: "Hành sự phe nhóm sai Pháp, hành sự hợp nhất sai Pháp, hành sự phe nhóm đúng Pháp, hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại."

100. Này các Tỳ-khưu, ở đó, các Tỳ-khưu nào đã nói như vầy: "Hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp" và các Tỳ-khưu nào đã nói như vầy: "Hành

sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại", trong trường hợp này, các vị Tỳ-khưu ấy là các vị nói đúng Pháp.

101. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu là ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, không có giới hạn [về tội], sống thân cận với các gia chủ bằng những giao thiệp không đúng đắn với hàng tại gia. Nếu ở đó, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này là ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, không có giới hạn [về tội], sống thân cận với các gia chủ bằng những giao thiệp không đúng đắn với hàng tại gia, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự chỉ dạy đến vị này." Các vị ấy thực hiện hành sự chỉ dạy đến vị ấy sai Pháp theo phe nhóm ...(nt)... sai Pháp có sự hợp nhất ...(nt)... đúng Pháp theo phe nhóm ...(nt)... có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm ...(nt)... có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất. Hội chúng ngụ ở đó tranh cãi rằng: "Hành sự phe nhóm sai Pháp, hành sự hợp nhất sai Pháp, hành sự phe nhóm đúng Pháp, hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại." Này các Tỳ-khưu, ở đó, các Tỳ-khưu nào đã nói như vầy: "Hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp" và các Tỳ-khưu nào đã nói như vầy: "Hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại", trong trường hợp này, các vị Tỳ-khưu ấy là các vị nói đúng Pháp. Năm trường hợp này đã được tóm lược lại.

102. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu là vị làm hư hỏng các gia đình và có hạnh kiểm xấu xa. Nếu ở đó, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này là vị làm hư hỏng các gia đình và có hạnh kiểm xấu xa, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự xua đuổi đến vị này." Các vị ấy thực hiện hành sự xua đuổi đến vị ấy sai Pháp theo phe nhóm ...(nt)... sai Pháp có sự hợp nhất ...(nt)... đúng Pháp theo phe nhóm ...(nt)... có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm ...(nt)... có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất. Hội chúng ngụ ở đó tranh cãi rằng: "Hành sự phe nhóm sai Pháp, hành sự hợp nhất sai Pháp, hành sự phe nhóm đúng Pháp, hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại." Này các Tỳ-khưu, ở đó, các Tỳ-khưu nào đã nói như vầy: "Hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp" và các Tỳ-khưu nào đã nói như vầy: "Hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại", trong trường hợp này, các vị Tỳ-khưu ấy là các vị nói đúng Pháp. Năm trường hợp này đã được tóm lược lại.

103. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu mắng nhiếc, nói xấu các gia chủ. Nếu ở đó, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này mắng nhiếc, nói xấu các gia chủ, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự hòa giải đến vị này." Các vị ấy thực hiện hành sự hòa giải đến vị ấy sai Pháp theo phe nhóm ...(nt)... sai Pháp có sự hợp nhất ...(nt)... đúng Pháp theo phe

nhóm ...(nt)... có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm ...(nt)... có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất. Hội chúng ngụ ở đó tranh cãi rằng: "Hành sự phe nhóm sai Pháp, hành sự hợp nhất sai Pháp, hành sự phe nhóm đúng Pháp, hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất, hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại." Này các Tỳ-khưu, ở đó, các Tỳ-khưu nào đã nói như vầy: "Hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp" và các Tỳ-khưu nào đã nói như vầy: "Hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại", trong trường hợp này, các vị Tỳ-khưu ấy là các vị nói đúng Pháp. Năm trường hợp này đã được tóm lược lại.

104. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu sau khi phạm tội lại không muốn nhìn nhận tội. Nếu ở đó, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này sau khi phạm tội lại không muốn nhìn nhận tội, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội đến vị này." Các vị ấy thực hiện hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội đến vị ấy sai Pháp theo phe nhóm ...(nt)... sai Pháp có sự hợp nhất ...(nt)... đúng Pháp theo phe nhóm ...(nt)... có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm ...(nt)... có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất. Hội chúng ngụ ở đó tranh cãi rằng: "Hành sự phe nhóm sai Pháp, hành sự hợp nhất sai Pháp, hành sự phe nhóm đúng Pháp, hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại." Này các Tỳ-khưu, ở đó, các Tỳ-khưu nào đã nói như vầy: "Hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp" và các Tỳ-khưu nào đã nói như vầy: "Hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại", trong trường hợp này, các vị Tỳ-khưu ấy là các vị nói đúng Pháp. Năm trường hợp này đã được tóm lược lại.

105. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu sau khi phạm tội lại không muốn sửa chữa lỗi. Nếu ở đó, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này sau khi phạm tội lại không muốn sửa chữa lỗi, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi đến vị này." Các vị ấy thực hiện hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi đến vị ấy sai Pháp theo phe nhóm ...(nt)... sai Pháp có sự hợp nhất ...(nt)... đúng Pháp theo phe nhóm ...(nt)... có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm ...(nt)... có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất. Hội chúng ngụ ở đó tranh cãi rằng: "Hành sự phe nhóm sai Pháp, hành sự hợp nhất sai Pháp, hành sự phe nhóm đúng Pháp, hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại." Này các Tỳ-khưu, ở đó, các Tỳ-khưu nào đã nói như vầy: "Hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp" và các Tỳ-khưu nào đã nói như vầy: "Hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại", trong trường hợp này, các vị Tỳ-khưu ấy là các vị nói đúng Pháp. Năm trường hợp này đã được tóm lược lại.

106. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu không muốn từ bỏ tà kiến ác. Nếu ở đó, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này không muốn từ bỏ tà kiến ác, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác đến vị này." Các vị ấy thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác đến vị ấy sai Pháp theo phe nhóm ...(nt)... sai Pháp có sự hợp nhất ...(nt)... đúng Pháp theo phe nhóm ...(nt)... có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm ...(nt)... có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất. Hội chúng ngụ ở đó tranh cãi rằng: "Hành sự phe nhóm sai Pháp, hành sự hợp nhất sai Pháp, hành sự phe nhóm đúng Pháp, hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại." Này các Tỳ-khưu, ở đó, các Tỳ-khưu nào đã nói như vầy: "Hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp" và các Tỳ-khưu nào đã nói như vầy: "Hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại", trong trường hợp này các vị Tỳ-khưu ấy là các vị nói đúng Pháp. Năm trường hợp này đã được tóm lược lại.

107. Này các Tỳ-khưu, trường hợp được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách, vị Tỳ-khưu làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, rồi thỉnh cầu sự thu hồi hành sự khiển trách. Nếu ở đó, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách, vị Tỳ-khưu này làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự khiển trách, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự khiển trách cho vị này." Các vị ấy thu hồi hành sự khiển trách cho vị ấy sai Pháp theo phe nhóm. Hội chúng ngụ ở đó tranh cãi rằng: "Hành sự phe nhóm sai Pháp, hành sự hợp nhất sai Pháp, hành sự phe nhóm đúng Pháp, hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại." Này các Tỳ-khưu, ở đó, các Tỳ-khưu nào đã nói như vầy: "Hành sự phe nhóm sai Pháp" và các Tỳ-khưu nào đã nói như vầy: "Hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại", trong trường hợp này, các vị Tỳ-khưu ấy là các vị nói đúng Pháp.

108. Này các Tỳ-khưu, trường hợp được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách, vị Tỳ-khưu làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, rồi thỉnh cầu sự thu hồi hành sự khiển trách. Nếu ở đó, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách, vị Tỳ-khưu này làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự khiển trách, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự khiển trách cho vị này." Các vị ấy thu hồi hành sự khiển trách cho vị ấy sai Pháp có sự hợp nhất. Hội chúng ngụ ở đó tranh cãi rằng: "Hành sự phe nhóm sai Pháp, hành sự hợp nhất sai Pháp, hành sự phe nhóm đúng Pháp, hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại."

Này các Tỳ-khưu, ở đó, các Tỳ-khưu nào đã nói như vầy: "Hành sự hợp nhất sai Pháp" và các Tỳ-khưu nào đã nói như vầy: "Hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại", trong trường hợp này, các vị Tỳ-khưu ấy là các vị nói đúng Pháp.

109. Này các Tỳ-khưu, trường hợp được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách, vị Tỳ-khưu làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, rồi thỉnh cầu sự thu hồi hành sự khiển trách. Nếu ở đó, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách, vị Tỳ-khưu này làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự khiển trách, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự khiển trách cho vị này." Các vị ấy thu hồi hành sự khiển trách cho vị ấy đúng Pháp theo phe nhóm. Hội chúng ngụ ở đó tranh cãi rằng: "Hành sự phe nhóm sai Pháp, hành sự hợp nhất sai Pháp, hành sự phe nhóm đúng Pháp, hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại." Này các Tỳ-khưu, ở đó, các Tỳ-khưu nào đã nói như vầy: "Hành sự phe nhóm đúng Pháp" và các Tỳ-khưu nào đã nói như vầy: "Hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại", trong trường hợp này, các vị Tỳ-khưu ấy là các vị nói đúng Pháp.

110. Này các Tỳ-khưu, trường hợp được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách, vị Tỳ-khưu làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, rồi thỉnh cầu sự thu hồi hành sự khiển trách. Nếu ở đó, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách, vị Tỳ-khưu này làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự khiển trách, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự khiển trách cho vị này." Các vị ấy thu hồi hành sự khiển trách cho vị ấy có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm. Hội chúng ngụ ở đó tranh cãi rằng: "Hành sự phe nhóm sai Pháp, hành sự hợp nhất sai Pháp, hành sự phe nhóm đúng Pháp, hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại." Này các Tỳ-khưu, ở đó, các Tỳ-khưu nào đã nói như vầy: "Hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp" và các Tỳ-khưu nào đã nói như vầy: "Hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại", trong trường hợp này, các vị Tỳ-khưu ấy là các vị nói đúng Pháp.

111. Này các Tỳ-khưu, trường hợp được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách, vị Tỳ-khưu làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, rồi thỉnh cầu sự thu hồi hành sự khiển trách. Nếu ở đó, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách, vị Tỳ-khưu này làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự khiển trách, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự khiển trách cho vị này." Các vị ấy thu hồi hành sự khiển trách cho vị ấy có vẻ

ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất. Hội chúng ngụ ở đó tranh cãi rằng: "Hành sự phe nhóm sai Pháp, hành sự hợp nhất sai Pháp, hành sự phe nhóm đúng Pháp, hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại." Này các Tỳ-khưu, ở đó, các Tỳ-khưu nào đã nói như vầy: "Hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp" và các Tỳ-khưu nào đã nói như vầy: "Hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại", trong trường hợp này, các vị Tỳ-khưu ấy là các vị nói đúng Pháp.

112. Này các Tỳ-khưu, trường hợp được hội chúng thực hiện hành sự chỉ dạy, vị Tỳ-khưu làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, rồi thỉnh cầu sự thu hồi hành sự chỉ dạy. Nếu ở đó, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, được hội chúng thực hiện hành sự chỉ dạy, vị Tỳ-khưu này làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự chỉ dạy, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự chỉ dạy cho vị này." Các vị ấy thu hồi hành sự chỉ dạy cho vị ấy sai Pháp theo phe nhóm ...(nt)... sai Pháp có sự hợp nhất ...(nt)... đúng Pháp theo phe nhóm ...(nt)... có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm ...(nt)... có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất. Hội chúng ngụ ở đó tranh cãi rằng: "Hành sự phe nhóm sai Pháp, hành sự hợp nhất sai Pháp, hành sự phe nhóm đúng Pháp, hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại." Này các Tỳ-khưu, ở đó, các Tỳ-khưu nào đã nói như vầy: "Hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp" và các Tỳ-khưu nào đã nói như vầy: "Hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại", trong trường hợp này, các vị Tỳ-khưu ấy là các vị nói đúng Pháp. Năm trường hợp này đã được tóm lược lại.

113. Này các Tỳ-khưu, trường hợp được hội chúng thực hiện hành sự xua đuổi, vị Tỳ-khưu làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, rồi thỉnh cầu sự thu hồi hành sự xua đuổi. Nếu ở đó, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, được hội chúng thực hiện hành sự xua đuổi, vị Tỳ-khưu này làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự xua đuổi, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự xua đuổi cho vị này." Các vị ấy thu hồi hành sự xua đuổi cho vị ấy sai Pháp theo phe nhóm ...(nt)... sai Pháp có sự hợp nhất ...(nt)... đúng Pháp theo phe nhóm ...(nt)... có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm ...(nt)... có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất.

Hội chúng ngụ ở đó tranh cãi rằng: "Hành sự phe nhóm sai Pháp, hành sự hợp nhất sai Pháp, hành sự phe nhóm đúng Pháp, hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại." Này các Tỳ-khưu, ở đó, các Tỳ-khưu nào đã nói như vầy: "Hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng

Pháp" và các Tỳ-khưu nào đã nói như vầy: "Hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại", trong trường hợp này, các vị Tỳ-khưu ấy là các vị nói đúng Pháp. Năm trường hợp này đã được tóm lược lại.

114. Này các Tỳ-khưu, trường hợp được hội chúng thực hiện hành sự hòa giải, vị Tỳ-khưu làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, rồi thỉnh cầu sự thu hồi hành sự hòa giải. Nếu ở đó, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, được hội chúng thực hiện hành sự hòa giải, vị Tỳ-khưu này làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự hòa giải, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự hòa giải cho vị này." Các vị ấy thu hồi hành sự chỉ dạy cho vị ấy sai Pháp theo phe nhóm ...(nt)... sai Pháp có sự hợp nhất ...(nt)... đúng Pháp theo phe nhóm ...(nt)... có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm ...(nt)... hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp. Hội chúng ngụ ở đó tranh cãi rằng: "Hành sự phe nhóm sai Pháp, hành sự hợp nhất sai Pháp, hành sự phe nhóm đúng Pháp, hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại." Này các Tỳ-khưu, ở đó, các Tỳ-khưu nào đã nói như vầy: "Hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp" và các Tỳ-khưu nào đã nói như vầy: "Hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại", trong trường hợp này, các vị Tỳ-khưu ấy là các vị nói đúng Pháp. Năm trường hợp này đã được tóm lược lại.

115. Này các Tỳ-khưu, trường hợp được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội, vị Tỳ-khưu làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, rồi thỉnh cầu sự thu hồi hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội. Nếu ở đó, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội, vị Tỳ-khưu này làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội cho vị này." Các vị ấy thu hồi hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội cho vị ấy sai Pháp theo phe nhóm ...(nt)... sai Pháp có sự hợp nhất ...(nt)... đúng Pháp theo phe nhóm ...(nt)... có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm ...(nt)... có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất. Hội chúng ngụ ở đó tranh cãi rằng: "Hành sự phe nhóm sai Pháp, hành sự hợp nhất sai Pháp, hành sự phe nhóm đúng Pháp, hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại." Này các Tỳ-khưu, ở đó, các Tỳ-khưu nào đã nói như vầy: "Hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp" và các Tỳ-khưu nào đã nói như vầy: "Hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại", trong trường hợp này, các vị Tỳ-khưu ấy là các vị nói đúng Pháp. Năm trường hợp này đã được tóm lược lại.

116. Này các Tỳ-khưu, trường hợp được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi, vị Tỳ-khưu làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, rồi thỉnh cầu sự thu hồi hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi. Nếu ở đó, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi, vị Tỳ-khưu này làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi cho vị này." Các vị ấy thu hồi hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi cho vị ấy sai Pháp theo phe nhóm ...(nt)... sai Pháp có sự hợp nhất ...(nt)... đúng Pháp theo phe nhóm ...(nt)... có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm ...(nt)... có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất. Hội chúng ngụ ở đó tranh cãi rằng: "Hành sự phe nhóm sai Pháp, hành sự hợp nhất sai Pháp, hành sự phe nhóm đúng Pháp, hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại." Này các Tỳ-khưu, ở đó, các Tỳ-khưu nào đã nói như vầy: "Hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp" và các Tỳ-khưu nào đã nói như vầy: "Hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại", trong trường hợp này, các vị Tỳ-khưu ấy là các vị nói đúng Pháp. Năm trường hợp này đã được tóm lược lại.

117. Này các Tỳ-khưu, trường hợp được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác, vị Tỳ-khưu làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, rồi thỉnh cầu sự thu hồi hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác. Nếu ở đó, các vị Tỳ-khưu [bàn bạc] như vầy: "Này các Đại đức, được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác, vị Tỳ-khưu này làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác, vậy chúng ta hãy thu hồi hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác cho vị này." Các vị ấy thu hồi hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác cho vị ấy sai Pháp theo phe nhóm ...(nt)... sai Pháp có sự hợp nhất ...(nt)... đúng Pháp theo phe nhóm ...(nt)... có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm ...(nt)... có vẻ ngoài đúng Pháp có sự hợp nhất. Hội chúng ngụ ở đó tranh cãi rằng: "Hành sự phe nhóm sai Pháp, hành sự hợp nhất sai Pháp, hành sự phe nhóm đúng Pháp, hành sự phe nhóm có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp, hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại." Này các Tỳ-khưu, ở đó, các Tỳ-khưu nào đã nói như vầy: "Hành sự hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp" và các Tỳ-khưu nào đã nói như vầy: "Hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được làm sai, hành sự cần được làm lại", trong trường hợp này, các vị Tỳ-khưu ấy là các vị nói đúng Pháp. Năm trường hợp này đã được tóm lược lại.

Dứt chương Campā là thứ chín.

*****

Trong chương này có ba mươi sáu sự kiện.

TÓM LƯỢC CHƯƠNG NÀY:

1. Đức Thế Tôn đã ngự ở xứ Campā, câu chuyện làng Vāsabha, vị đã thực hiện sự nỗ lực liên quan đến điều mong muốn của các vị vãng lai.

2. Sau khi biết rằng: "Các vị đã biết làm", từ đó đã không thể hiện sự nỗ lực. [Nghĩ rằng]: "Vị không làm bị treo tội", vị ấy đã đi đến gặp đấng Chiến Thắng.

3. Hành sự phe nhóm sai Pháp và hợp nhất sai Pháp, hành sự phe nhóm đúng Pháp, có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm.

4. Hợp nhất có vẻ ngoài đúng Pháp, một vị treo tội mỗi một vị và một vị treo tội hai vị, [treo tội] một số vị, chỉ một vị treo tội cả hội chúng.

5. Hai vị cũng vậy, một số vị cũng thế và hội chúng treo tội hội chúng. Bậc Toàn Tri Cao Quý sau khi nghe được đã cấm đoán: "Là sai Pháp."

6. Về hành sự thiếu lời đề nghị có lời tuyên bố và thiếu lời tuyên bố có lời đề nghị.

7. Và thiếu cả hai phần, lại còn không thuộc về Pháp, không theo Luật, nghịch với bậc Đạo sư, có thể sửa đổi, không đáng được duy trì.

8. [Hành sự] sai Pháp phe nhóm, có sự hợp nhất, hai có vẻ đúng Pháp và đức Như Lai cho phép về [hành sự] đúng Pháp có sự hợp nhất.

9. Nhóm bốn vị, nhóm năm vị, nhóm mười vị, hai mươi vị và nhóm hơn hai mươi vị, hội chúng có năm hình thức như thế.

10. Trừ ra sự tu lên bậc trên và hành sự *Pavāraṇā*, cùng với hành sự giải tội, là thuộc về hành sự với nhóm bốn vị.

11. Trừ đi hai hành sự là việc tu lên bậc trên ở các xứ trung tâm và sự giải tội, còn tất cả hành sự là thuộc về hành sự liên quan đến nhóm năm vị.

12. Trừ ra mỗi sự giải tội, là các Tỳ-khưu nào thuộc nhóm có mười vị. Hội chúng hai mươi vị là nhóm thực hiện tất cả các hành sự, có liên quan đến hành sự ở tất cả các nơi.

13. Tỳ-khưu-ni, cô Ni tu tập sự, Sa-di, Sa-di-ni, vị đã xả bỏ [sự học tập], vị phạm tội cực nặng, vị bị án treo về việc không nhận thấy tội.

14. [Vị bị án treo] về việc không sửa chữa [lỗi], về tà kiến, kẻ vô căn, kẻ trộm tướng mạo [Tỳ-khưu], ngoại đạo, loài thú, kẻ giết mẹ và cha.

15. [Kẻ giết] A-la-hán, làm nhơ Tỳ-khưu-ni, chia rẽ, làm chảy máu [đức Phật], kẻ lưỡng căn, vị thuộc nhóm cộng trú khác, ở ranh giới khác, với thần thông.

16. Vị mà hội chúng thực hiện hành sự. Hai mươi bốn việc này là đã bị cấm đoán bởi đấng Toàn Giác bởi vì các việc này là không đầy đủ nhóm.

17. Hoặc là vị đang chịu hình phạt *Pārivāsa* là vị thứ tư mà ban cho hình phạt *Pārivāsa*, đưa về lại [hình phạt] ban đầu, hình phạt *Mānatta*, sự giải tội, thì không phải là hành sự và không phải là việc làm.

18. Vị xứng đáng sự đưa về lại [hình phạt] ban đầu, hình phạt *Mānatta*, và luôn cả vị xứng đáng sự giải tội, không thể là những vị thực hiện hành sự, năm hạng đã được bậc Toàn Giác giảng giải.

19. Tỳ-khưu-ni, cô Ni tu tập sự, Sa-di và Sa-di-ni, vị đã xả bỏ [điều học], vị phạm tội cực nặng, vị bị điên, bị loạn trí, bị thọ khổ hành hạ, không nhìn nhận tội.

20. Vị không sửa chữa [lỗi], về tà kiến, kẻ vô căn, luôn cả kẻ lưỡng căn, vị thuộc nhóm cộng trú khác, về ranh giới, ở không trung và hành sự là của vị này.

21. Sự phản đối của mười tám hạng người này là không có giá trị, sự phản đối của vị Tỳ-khưu trong sạch là có giá trị.

22. Đối với vị trong sạch, là đã bị mời ra sai, còn vị ngu si là đã được mời ra đúng. Kẻ vô căn, kẻ trộm tướng mạo [Tỳ-khưu], kẻ đi theo ngoại đạo, thú vật.

23. Kẻ giết mẹ, cha, A-la-hán, kẻ làm ô uế, chia rẽ hội chúng, luôn cả kẻ làm chảy máu [đức Phật] và kẻ nào là lưỡng căn.

24. Mười một hạng người này không đáng sự nhận vào. [Kẻ có] cánh tay, bàn chân, hoặc cả hai, lỗ tai, lỗ mũi, hoặc cả hai [bị đứt].

25. Kẻ có ngón tay, móng và gân, tay liền ngón, gù lưng và lùn tịt, có bướu cổ, bị đóng dấu, roi vọt, kẻ bị cáo thị tầm nã và kẻ có chân bị phù.

26. Kẻ có bệnh trầm trọng, bôi nhọ tập thể, bị chột mắt và tứ chi bị co rút, bị què, bị liệt nửa thân, đi khập khiễng, già yếu, bị mù, câm và điếc.

27. Bị mù và câm, bị mù và điếc, luôn cả bị câm và điếc, bị mù câm và điếc, các trường hợp này là ba mươi hai không thiếu sót.

28. Việc nhận vào của các vị ấy đã được đấng Toàn Giác giảng giải. [Tội] cần phải nhìn nhận, cần phải sửa đổi, [tà kiến] cần phải từ bỏ không tìm thấy.

29. Các hành sự án treo dành cho vị ấy có bảy trường hợp là sai Pháp. Đã vi phạm, rồi chấp nhận, cũng có bảy trường hợp sai Pháp.

30. Đã vi phạm, không chấp nhận, có bảy hành sự hoàn toàn đúng Pháp. Có sự hiện diện, có sự tra hỏi, với sự thú nhận là các nguyên nhân.

31. Cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, khi không điên cuồng, theo tội, khiển trách và chỉ dạy, xua đuổi, hòa giải, án treo và hình phạt *Parivāsa*.

32. Việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu, hình phạt *Mānatta*, sự giải tội, sự tu lên bậc trên là tương tợ như thế ấy, việc khác lại thực hiện cho tội khác, mười sáu trường hợp này là sai Pháp.

33. Việc ấy thì hành xử việc ấy, việc ấy cho vị ấy, mười sáu trường hợp này là hoàn toàn đúng Pháp. Nếu thay đổi lại từng điều một thì mười sáu trường hợp này là sai Pháp.

34. Theo nguồn gốc ấy từng đôi từng đôi [áp dụng] cho vị ấy, thì chúng cũng là mười sáu trường hợp đúng Pháp. Về sự luân phiên theo từng nguồn gốc một, đấng Chiến Thắng đã nói: "Là sai Pháp."

35. Hội chúng đã thực hiện hành sự khiển trách cho vị gây nên các sự xung đột, là hành sự phe nhóm sai Pháp nên vị ấy đã đi đến trú xứ khác.

36. Tại đó, họ đã thực hiện [hành sự] khiển trách sai Pháp có sự hợp nhất đến vị ấy. Ở một nơi khác, họ đã thực hiện [hành sự] khiển trách theo phe nhóm đúng Pháp đến vị ấy.

37. Tương tợ, họ đã thực hiện [hành sự] có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm rồi có sự hợp nhất, sai Pháp có sự hợp nhất và đúng Pháp theo phe nhóm nữa.

38. Và có vẻ ngoài đúng Pháp theo phe nhóm và luôn cả các trường hợp này có sự hợp nhất. Sau khi thực hiện theo từng nguồn gốc một, vị có sự khéo léo có thể buộc thành sự luân phiên.

39. Sự chỉ dạy là dành cho vị ngu si, thiếu kinh nghiệm, về [hành sự] xua đuổi đối với vị làm hư hỏng các gia đình và thực hiện hành sự hòa giải đến vị mắng nhiếc.

40. Về vị không nhìn nhận [tội] và không sửa chữa [lỗi], và vị nào không từ bỏ tà kiến, hành sự án treo của các vị ấy đã được giảng giải bởi vị Hướng Dẫn Đoàn Xe.

41. Các câu hỏi về các hành sự hướng dẫn ở phần trên nên áp dụng vào hành sự khiển trách. Đối với chính những điều ấy, vị làm bổn phận nghiêm chỉnh đúng đắn, đã thỉnh cầu.

42. Sự thu hồi đối với các hành sự ấy và với phần hướng dẫn hành sự ở dưới, về các hành sự ở nơi này ở nơi kia và [hội chúng] ngụ ở nơi đó tranh cãi.

43. Chưa được làm và luôn cả đã được làm sai, cần phải được làm lại và cũng trong việc thu hồi hành sự, các Tỳ-khưu ấy là các vị nói đúng Pháp.

44. Sau khi nhìn thấy sự hư hỏng, sự khiếm khuyết, [và] sự thành tựu hành sự, bậc Đại Hiền Sĩ đã nói về sự thu hồi, ví như nhà phẫu thuật chỉ dạy về phương thuốc trị bệnh.

--ooOoo--

X. CHƯƠNG KOSAMBĪ

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại Kosambī, tu viện Ghosita. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ phạm tội. Vị ấy có quan điểm về tội ấy là có tội, còn các vị Tỳ-khưu khác có quan điểm về tội ấy là vô tội.

2. Vị ấy, vào một lúc khác, có quan điểm về tội ấy là vô tội, còn các vị Tỳ-khưu khác có quan điểm về tội ấy là có tội.

3. Khi ấy, các vị Tỳ-khưu ấy đã nói với vị Tỳ-khưu ấy điều này:

– Này Đại đức, Đại đức đã phạm tội, Đại đức có nhận thấy tội ấy không?

– Này các Đại đức, không có tội gì ở tôi để tôi có thể nhận thấy.

4. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy sau khi đạt được sự hợp nhất đã phạt án treo vị Tỳ-khưu ấy về việc không nhìn nhận tội.

5. Và vị Tỳ-khưu ấy là vị nghe nhiều, kinh điển được truyền thừa, rành rẽ về Pháp, rành rẽ về Luật, rành rẽ về các tiêu đề, là bậc sáng trí, kinh nghiệm, thông minh, khiêm nhường, có hối hận, ưa thích sự học tập.

6. Khi ấy, vị Tỳ-khưu ấy đã đi đến gặp các Tỳ-khưu đồng quan điểm thân thiết và đã nói điều này: "Này các Đại đức, điều ấy là vô tội, điều ấy không phải là tội. Tôi không phạm [tội], tôi không phải là phạm [tội]. Tôi không bị án treo, tôi không phải là bị án treo. Tôi đã bị án treo bởi hành sự sai Pháp, có thể sửa đổi, không đáng duy trì. Vì Pháp, vì Luật, các Đại đức hãy về phe của tôi." Rồi vị Tỳ-khưu ấy đã có được các Tỳ-khưu đồng quan điểm thân thiết về cùng phe.

7. Vị ấy cũng đã phái sứ giả đến gặp các vị Tỳ-khưu đồng quan điểm thân thiết thuộc các xứ sở [nói rằng]: "Này các Đại đức, điều ấy là vô tội, điều ấy không phải là tội. Tôi không phạm [tội], tôi không phải là phạm [tội]. Tôi không bị án treo, tôi không phải là bị án treo. Tôi đã bị án treo bởi hành sự sai Pháp, có thể sửa đổi, không đáng duy trì. Vì Pháp, vì Luật, các Đại đức hãy về phe của tôi." Rồi vị Tỳ-khưu ấy đã có được các vị Tỳ-khưu đồng quan điểm thân thiết trong xứ sở về cùng phe.

8. Sau đó, các Tỳ-khưu ủng hộ vị bị án treo ấy đã đi đến gặp các Tỳ-khưu ban án treo, sau khi đến đã nói với các Tỳ-khưu ban án treo điều này: "Này các Đại đức, điều ấy là vô tội, điều ấy không phải là tội. Vị Tỳ-khưu ấy không phạm [tội], vị Tỳ-khưu ấy không phải là phạm [tội]. Vị Tỳ-khưu ấy không bị án treo, vị Tỳ-khưu ấy không phải là bị án treo. Vị Tỳ-khưu ấy đã bị án treo bởi hành sự sai Pháp, có thể sửa đổi, không đáng duy trì."

9. Khi được nói như thế, các Tỳ-khưu ban án treo đã nói với các Tỳ-khưu ủng hộ vị bị án treo điều này: "Này các Đại đức, điều ấy là có tội, điều ấy không phải là vô tội. Vị Tỳ-khưu ấy là phạm [tội], vị Tỳ-khưu ấy không phải là không phạm [tội]. Vị Tỳ-khưu ấy đã bị án treo, vị Tỳ-khưu ấy không phải là không bị án treo. Vị Tỳ-khưu ấy đã bị án treo bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì. Này các Đại đức, các vị chớ có ủng hộ, chớ có theo phe vị Tỳ-khưu đã bị án treo ấy."

10. Trong khi được các Tỳ-khưu ban án treo nói như thế, các Tỳ-khưu ủng hộ vị bị án treo ấy cũng đã ủng hộ và đã theo phe vị Tỳ-khưu đã bị án treo ấy y như thế.

11. Sau đó, có vị Tỳ-khưu nọ đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, vị Tỳ-khưu ấy đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, trường hợp có vị Tỳ-khưu nọ đã phạm tội. Vị ấy đã có quan điểm về tội ấy là có tội, còn các vị Tỳ-khưu khác đã có quan điểm về tội ấy là vô tội.

12. Vị ấy, vào một lúc khác đã có quan điểm về tội ấy là vô tội, còn các vị Tỳ-khưu khác đã có quan điểm về tội ấy là có tội.

13. Bạch Ngài, khi ấy các vị Tỳ-khưu ấy đã nói với vị Tỳ-khưu ấy điều này: "Này Đại đức, Đại đức đã phạm tội, Đại đức có nhận thấy tội ấy không?" "Này các Đại đức, không có tội gì ở tôi để tôi có thể nhận thấy."

14. Bạch Ngài, sau đó các vị Tỳ-khưu ấy đã đạt được sự hợp nhất và đã phạt án treo vị Tỳ-khưu ấy về việc không nhìn nhận tội.

15. Và bạch Ngài, vị Tỳ-khưu ấy là vị nghe nhiều, kinh điển được truyền thừa, rành rẽ về Pháp, rành rẽ về Luật, rành rẽ về các tiêu đề, là bậc sáng trí, kinh nghiệm, thông minh, khiêm nhường, có hối hận, ưa thích sự học tập.

16. Bạch Ngài, khi ấy vị Tỳ-khưu ấy đã đi đến gặp các Tỳ-khưu đồng quan điểm thân thiết và đã nói điều này: "Này các Đại đức, điều ấy là vô tội, điều ấy không phải là tội. Tôi không phạm [tội], tôi không phải là phạm [tội]. Tôi không bị án treo, tôi không phải là bị án treo. Tôi đã bị án treo bởi hành sự sai Pháp, có thể sửa đổi, không đáng duy trì. Vì Pháp, vì Luật, các Đại đức hãy về phe của tôi."

17. Bạch Ngài, rồi vị Tỳ-khưu ấy đã có được các Tỳ-khưu đồng quan điểm thân thiết về cùng phe.

18. Vị ấy cũng đã phái sứ giả đến gặp trực tiếp các Tỳ-khưu đồng quan điểm thân thiết thuộc các xứ sở [nói rằng]: "Này các Đại đức, điều ấy là vô tội, điều ấy không phải là tội. Tôi không phạm [tội], tôi không phải là phạm [tội]. Tôi không bị án treo, tôi không phải là bị án treo. Tôi đã bị án treo bởi hành sự sai Pháp, có thể sửa đổi, không đáng duy trì. Vì Pháp, vì Luật, các Đại đức hãy về phe của tôi."

19. Bạch Ngài, rồi vị Tỳ-khưu ấy đã có được các Tỳ-khưu đồng quan điểm thân thiết trong xứ sở về cùng phe.

20. Bạch Ngài, sau đó các Tỳ-khưu ủng hộ vị bị án treo ấy đã đi đến gặp các Tỳ-khưu ban án treo, sau khi đến đã nói với các Tỳ-khưu ban án treo điều này: "Này các Đại đức, điều ấy là vô tội, điều ấy không phải là tội. Vị Tỳ-khưu ấy không phạm [tội], vị Tỳ-khưu ấy không phải là phạm [tội]. Vị Tỳ-khưu ấy không bị án treo, vị Tỳ-khưu ấy không phải là bị án treo. Vị Tỳ-khưu ấy đã bị án treo bởi hành sự sai Pháp, có thể sửa đổi, không đáng duy trì."

21. Bạch Ngài, khi được nói như thế, các Tỳ-khưu ban án treo đã nói với các Tỳ-khưu ủng hộ vị bị án treo điều này: "Này các Đại đức, điều ấy là có tội, điều ấy không phải là vô tội. Vị Tỳ-khưu ấy là phạm [tội], vị Tỳ-khưu ấy không phải là không phạm [tội]. Vị Tỳ-khưu ấy đã bị án treo, vị Tỳ-khưu ấy không phải là không bị án treo. Vị Tỳ-khưu ấy đã bị án treo bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì. Này các Đại đức, chớ có ủng hộ, chớ có theo phe vị Tỳ-khưu đã bị án treo ấy."

22. Bạch Ngài, trong khi được các Tỳ-khưu ban án treo nói như thế, các Tỳ-khưu ủng hộ vị bị án treo ấy cũng đã ủng hộ và đã theo phe vị Tỳ-khưu đã bị án treo y như thế.

23. Khi ấy, đức Thế Tôn [nghĩ rằng]: "Hội chúng Tỳ-khưu đã bị chia rẽ! Hội chúng Tỳ-khưu đã bị chia rẽ!" rồi đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến gặp các vị Tỳ-khưu ban án treo, sau khi đến đã ngồi xuống ở chỗ ngồi được sắp đặt sẵn.

24. Sau khi ngồi xuống, đức Thế Tôn đã nói với các vị Tỳ-khưu ban án treo điều này:

– Này các Tỳ-khưu, các ngươi chớ có nghĩ rằng trong trường hợp [lập luận rằng]: "Là rõ ràng đối với chúng ta! Là rõ ràng đối với chúng ta!" thì có thể ban án treo đến vị Tỳ-khưu.

25. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu bị phạm tội. Vị ấy có quan điểm về tội ấy là vô tội, còn các Tỳ-khưu khác có quan điểm về tội ấy là có tội.

26. Này các Tỳ-khưu, nếu các Tỳ-khưu ấy nghĩ về vị Tỳ-khưu ấy như vầy: "Vị Đại đức này là vị nghe nhiều, kinh điển được truyền thừa, rành rẽ về Pháp, rành rẽ về Luật, rành rẽ về các tiêu đề, là bậc sáng trí, kinh nghiệm, thông minh, khiêm nhường, có hối hận, ưa thích sự học tập. Nếu chúng ta phạt án treo vị Tỳ-khưu này về việc không nhìn nhận tội, chúng ta sẽ không hành lễ *Uposatha* với vị Tỳ-khưu này, chúng ta sẽ hành lễ *Uposatha* không có vị Tỳ-khưu này; từ nguyên nhân ấy, hội chúng sẽ có sự xung đột, sự cãi cọ, sự lý luận, sự tranh luận, sự chia rẽ hội chúng, sự bất đồng trong hội chúng, sự phân ly trong hội chúng, việc làm khác biệt trong hội chúng."

27. Này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu quan tâm về sự chia rẽ không nên phạt án treo về việc không nhìn nhận tội đến vị Tỳ-khưu ấy.

28. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu phạm tội, vị ấy có quan điểm về tội ấy là vô tội, còn các Tỳ-khưu khác có quan điểm về tội ấy là có tội.

29. Này các Tỳ-khưu, nếu các Tỳ-khưu ấy nghĩ về vị Tỳ-khưu ấy như vầy: "Vị Đại đức này là vị nghe nhiều, kinh điển được truyền thừa, rành rẽ về Pháp, rành rẽ về Luật, rành rẽ về các tiêu đề, là bậc sáng trí, kinh nghiệm, thông minh, khiêm nhường, có hối hận, ưa thích sự học tập. Nếu chúng ta sẽ phạt án treo về việc không nhìn nhận tội đến vị Tỳ-khưu này, chúng ta sẽ không hành lễ *Pavāraṇā* với vị Tỳ-khưu này, chúng ta sẽ hành lễ *Pavāraṇā* không có vị Tỳ-khưu này, chúng ta sẽ không làm hành sự của hội chúng với vị Tỳ-khưu này, chúng ta sẽ làm hành sự của hội chúng không có vị Tỳ-khưu này, chúng ta sẽ không ngồi chung chỗ ngồi với vị Tỳ-khưu này, chúng ta sẽ ngồi ở chỗ ngồi không có vị Tỳ-khưu này, chúng ta sẽ không ngồi ăn cháo với vị Tỳ-khưu này, chúng ta sẽ ngồi ăn cháo không có vị Tỳ-khưu này, chúng ta sẽ không ngồi trong nhà ăn với vị Tỳ-khưu này, chúng ta sẽ ngồi trong nhà ăn không có vị Tỳ-khưu này, chúng ta sẽ không trú trong một mái che với vị Tỳ-khưu này, chúng ta sẽ trú trong một mái che không có vị Tỳ-khưu này, chúng ta sẽ không thực hiện sự đảnh lễ, sự đứng dậy, sự chắp tay, hành động thích hợp theo sự thâm niên với vị Tỳ-khưu này, chúng ta sẽ thực hiện sự đảnh lễ, sự đứng dậy, sự chắp tay, hành động thích hợp theo sự thâm niên không với vị Tỳ-khưu này; từ nguyên nhân ấy, hội chúng sẽ có sự xung đột, sự cãi cọ, sự lý luận, sự tranh luận, sự chia rẽ hội chúng, sự bất đồng trong hội chúng, sự phân ly trong hội chúng, việc làm khác biệt trong hội chúng."

30. Này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu quan tâm về sự chia rẽ không nên phạt án treo về việc không nhìn nhận tội đến vị Tỳ-khưu ấy.

31. Sau đó, khi đã giảng giải sự việc ấy cho các Tỳ-khưu ban án treo, đức Thế Tôn đã từ chỗ ngồi đứng dậy đi đến gặp các Tỳ-khưu ủng hộ vị bị án treo, sau khi đến đã ngồi xuống ở chỗ ngồi được sắp đặt sẵn.

32. Sau khi ngồi xuống, đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ-khưu ủng hộ vị bị án treo điều này:

– Này các Tỳ-khưu, các ngươi sau khi phạm tội chớ có nghĩ là không cần phải sửa chữa lỗi [cho rằng]: "Chúng tôi không phạm! Chúng tôi không phạm!"

33. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu phạm tội, vị ấy có quan điểm về tội ấy là vô tội, còn các Tỳ-khưu khác có quan điểm về tội ấy là có tội.

34. Này các Tỳ-khưu, nếu vị Tỳ-khưu ấy nghĩ về các Tỳ-khưu kia như vầy: "Các vị Đại đức này là các vị nghe nhiều, kinh điển được truyền thừa, rành rẽ về Pháp, rành rẽ về Luật, rành rẽ về các tiêu đề, là bậc sáng trí, kinh nghiệm, thông minh, khiêm nhường, có hối hận, ưa thích sự học tập, không thể nào vì nguyên nhân là ta hay vì nguyên nhân là vị khác [mà các vị ấy] bị chi phối bởi sự ưa thích, bởi sự sân hận, bởi sự si mê, bởi sự sợ hãi. Nếu các vị Tỳ-khưu này phạt án treo về việc không nhìn nhận tội đến ta, các vị sẽ không hành lễ

Uposatha với ta, các vị sẽ hành lễ *Uposatha* không có ta; từ nguyên nhân ấy, hội chúng sẽ có sự xung đột, sự cãi cọ, sự lý luận, sự tranh luận, sự chia rẽ hội chúng, sự bất đồng trong hội chúng, sự phân ly trong hội chúng, việc làm khác biệt trong hội chúng."

35. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu quan tâm về sự chia rẽ nên trình báo tội ấy vì niềm tin của các vị khác.

36. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu phạm tội. Vị ấy có quan điểm về tội ấy là vô tội, còn các Tỳ-khưu khác có quan điểm về tội ấy là có tội.

37. Này các Tỳ-khưu, nếu vị Tỳ-khưu ấy nghĩ về các Tỳ-khưu kia như vầy: "Các vị Đại đức này là các vị nghe nhiều, kinh điển được truyền thừa, rành rẽ về Pháp, rành rẽ về Luật, rành rẽ về các tiêu đề, là bậc sáng trí, kinh nghiệm, thông minh, khiêm nhường, có hối hận, ưa thích sự học tập, không thể nào vì nguyên nhân là ta hay vì nguyên nhân là vị khác mà [các vị ấy] bị chi phối bởi sự ưa thích, bởi sự sân hận, bởi sự si mê, bởi sự sợ hãi. Nếu các vị Tỳ-khưu này phạt án treo về việc không nhìn nhận tội đến ta, các vị sẽ không hành lễ *Pavāraṇā* với ta, các vị sẽ hành lễ *Pavāraṇā* không có ta, các vị sẽ không làm hành sự của hội chúng với ta, các vị sẽ làm hành sự của hội chúng không có ta, các vị sẽ không ngồi chung chỗ ngồi với ta, các vị sẽ ngồi ở chỗ ngồi không có ta, các vị sẽ không ngồi ăn cháo với ta, các vị sẽ ngồi ăn cháo không có ta, các vị sẽ không ngồi trong nhà ăn với ta, các vị sẽ ngồi trong nhà ăn không có ta, các vị sẽ không trú trong một mái che với ta, các vị sẽ trú trong một mái che không có ta, các vị sẽ không thực hiện sự đảnh lễ, sự đứng dậy, sự chắp tay, hành động thích hợp theo sự thâm niên với ta, các vị sẽ thực hiện sự đảnh lễ, sự đứng dậy, sự chắp tay, hành động thích hợp theo sự thâm niên không có ta; từ nguyên nhân ấy, hội chúng sẽ có sự xung đột, sự cãi cọ, sự lý luận, sự tranh luận, sự chia rẽ hội chúng, sự bất đồng trong hội chúng, sự phân ly trong hội chúng, việc làm khác biệt trong hội chúng."

38. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu quan tâm về sự chia rẽ nên trình báo tội ấy vì niềm tin của các vị khác.

39. Sau đó, khi đã giảng giải sự việc ấy cho các Tỳ-khưu ủng hộ vị bị án treo, đức Thế Tôn đã từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

40. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu ủng hộ vị bị án treo đã tiến hành lễ *Uposatha* và làm hành sự của hội chúng ngay tại nơi ấy, bên trong ranh giới.

41. Còn các Tỳ-khưu ban án treo đi ra khỏi ranh giới rồi mới tiến hành lễ *Uposatha* và làm hành sự của hội chúng.

42. Sau đó, có vị Tỳ-khưu nọ là vị ban án treo đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, vị Tỳ-khưu ấy đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, các Tỳ-khưu ủng hộ vị bị án treo ấy tiến hành lễ *Uposatha* và làm hành sự của hội chúng ngay tại nơi ấy, bên trong ranh giới. Bạch Ngài, còn

chúng con là các Tỳ-khưu ban án treo thì đi ra khỏi ranh giới rồi mới tiến hành lễ *Uposatha* và làm hành sự của hội chúng.

43. – Này Tỳ-khưu, nếu các Tỳ-khưu ủng hộ vị bị án treo ấy tiến hành lễ *Uposatha* và làm hành sự của hội chúng ngay tại nơi ấy, bên trong ranh giới, các hành sự ấy của các vị ấy sẽ là đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì theo như lời đề nghị và các lời tuyên bố đã được ta quy định. Này Tỳ-khưu, nếu các Tỳ-khưu ban án treo các ngươi tiến hành lễ *Uposatha* và làm hành sự của hội chúng ngay tại nơi ấy, bên trong ranh giới, các hành sự ấy của các ngươi sẽ là đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì theo như lời đề nghị và các lời tuyên bố đã được ta quy định. Nguyên nhân của việc ấy là gì? Các vị Tỳ-khưu ấy là không đồng cộng trú với các ngươi và các ngươi là không đồng cộng trú với các vị ấy.

44. Này Tỳ-khưu, có hai nền tảng của việc không đồng cộng trú: Tự bản thân thực hiện việc không đồng cộng trú cho bản thân, hoặc là hội chúng hợp nhất phạt án treo vị ấy về việc không nhìn nhận [tội], hoặc về việc không sửa chữa [lỗi], hoặc về việc không từ bỏ [tà kiến ác]. Này Tỳ-khưu, đây là hai nền tảng của việc không đồng cộng trú.

45. Này Tỳ-khưu, có hai nền tảng của việc đồng cộng trú: Tự bản thân thực hiện việc đồng cộng trú cho bản thân, hoặc là hội chúng hợp nhất phục hồi cho vị đã bị án treo về việc không nhìn nhận [tội], hoặc về việc không sửa chữa [lỗi], hoặc về việc không từ bỏ [tà kiến ác]. Này Tỳ-khưu, đây là hai nền tảng của việc đồng cộng trú.

46. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu nảy sanh sự xung đột, nảy sanh sự cãi cọ, đưa đến tranh luận lẫn nhau ở nhà ăn, nơi xóm nhà, rồi thể hiện thân nghiệp, khẩu nghiệp không thích hợp, rồi thực hiện sự va chạm bằng tay. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Sa-môn Thích tử nảy sanh sự xung đột, nảy sanh sự cãi cọ, đưa đến tranh luận lẫn nhau ở nhà ăn, nơi xóm nhà, lại thể hiện thân nghiệp, khẩu nghiệp không thích hợp, lại thực hiện sự va chạm bằng tay nữa?"

Các Tỳ-khưu đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu nảy sanh sự xung đột, nảy sanh sự cãi cọ, đưa đến tranh luận lẫn nhau ở nhà ăn, nơi xóm nhà lại thể hiện thân nghiệp, khẩu nghiệp không thích hợp, lại thực hiện sự va chạm bằng tay nữa?"

47. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói ...(nt)..., có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy. ...(nt).

Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại, rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, khi hội chúng bị chia rẽ, trong khi hành xử sai Pháp đưa đến việc không hài hòa thì nên ngồi xuống chỗ ngồi [nghĩ rằng]: "Dầu gì đi

nữa, chúng ta sẽ không thể hiện thân nghiệp, khẩu nghiệp không thích hợp với nhau, chúng ta sẽ không thực hiện sự va chạm bằng tay." Này các Tỳ-khưu, khi hội chúng bị chia rẽ, trong khi hành xử đúng Pháp đưa đến việc hài hòa, thì nên ngồi xuống chỗ ngồi kế cận nhau.

48. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nảy sanh sự xung đột, nảy sanh sự cãi cọ, đưa đến tranh luận ở giữa hội chúng, sống châm chích lẫn nhau bằng các vũ khí của mồm miệng. Các vị ấy không thể giải quyết được sự tranh tụng ấy. Khi ấy, có vị Tỳ-khưu nọ đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi đứng một bên. Khi đã đứng một bên, vị Tỳ-khưu ấy đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, ở đây, các Tỳ-khưu nảy sanh sự xung đột, nảy sanh sự cãi cọ, đưa đến tranh luận ở giữa hội chúng, sống châm chích lẫn nhau bằng các vũ khí của mồm miệng. Các vị ấy không thể giải quyết được sự tranh tụng ấy. Bạch Ngài, tốt thay xin đức Thế Tôn vì lòng thương xót hãy đi đến gặp các Tỳ-khưu ấy.

Đức Thế Tôn đã nhận lời bằng thái độ im lặng.

49. Sau đó, đức Thế Tôn đã đi đến gặp các Tỳ-khưu ấy, sau khi đến đã ngồi xuống ở chỗ ngồi được sắp đặt sẵn. Sau khi ngồi xuống, đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ-khưu ấy điều này:

– Này các Tỳ-khưu, thôi đủ rồi. Chớ có [gây ra] sự xung đột, sự cãi cọ, sự lý luận, sự tranh luận nữa.

Khi được nói như thế, có vị Tỳ-khưu nọ là vị nói sai Pháp đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn, bậc Pháp Chủ, hãy chờ đợi. Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn bớt lo nghĩ, hãy sống gắn bó với việc trú vào an lạc trong đời hiện tại; chúng con sẽ làm cho rõ ràng bằng sự xung đột, bằng sự cãi cọ, bằng sự lý luận, bằng sự tranh luận này.

Đến lần thứ nhì, đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ-khưu ấy điều này:

– Này các Tỳ-khưu, thôi đủ rồi. Chớ có [gây ra] sự xung đột, sự cãi cọ, sự lý luận, sự tranh luận nữa.

Đến lần thứ nhì, vị Tỳ-khưu là vị nói sai Pháp ấy đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn, bậc Pháp Chủ hãy chờ đợi. Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn bớt lo nghĩ, hãy sống gắn bó với việc trú vào an lạc trong đời hiện tại; chúng con sẽ làm cho rõ ràng bằng sự xung đột, bằng sự cãi cọ, bằng sự lý luận, bằng sự tranh luận này.

50. Khi ấy, đức Thế Tôn đã bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, trong thời quá khứ, ở thành Bārāṇasī, đức vua của xứ Kāsi tên Brahmadatta là giàu sang, có nhiều tài sản, nhiều của cải, có binh lực vĩ đại, nhiều xe cộ, lãnh thổ rộng lớn, có các kho hàng và vựa lúa đầy ắp.

51. Còn đức vua xứ Kosala tên Dīghīti thì nghèo, có ít tài sản, ít của cải, có binh lực kém, ít xe cộ, lãnh thổ bé, có các kho hàng và vựa lúa không đầy.

52. Này các Tỳ-khưu, khi ấy đức Vua Brahmadatta xứ Kāsi đã dàn trận đội quân gồm bốn loại binh chủng và nghênh chiến với đức Vua Dīghīti xứ Kosala.

53. Này các Tỳ-khưu, đức Vua Dīghīti xứ Kosala đã nghe rằng: "Nghe nói đức Vua Brahmadatta xứ Kāsi đã dàn trận đội quân gồm bốn loại binh chủng và nghênh chiến với ta."

54. Này các Tỳ-khưu, khi ấy đức Vua Dīghīti xứ Kosala đã khởi ý điều này: "Đức Vua Brahmadatta xứ Kāsi là giàu sang, có nhiều tài sản, nhiều của cải, có binh lực vĩ đại, nhiều xe cộ, lãnh thổ rộng lớn, có các kho hàng và vựa lúa đầy ắp. Còn ta thì nghèo, có ít tài sản, ít của cải, có binh lực kém, ít xe cộ, lãnh thổ bé, có các kho hàng và vựa lúa không đầy. Ta không có khả năng để chịu đựng chỉ một cuộc tấn công của đức Vua Brahmadatta xứ Kāsi, hay là ta nên tẩu thoát khỏi thành phố trước?"

55. Này các Tỳ-khưu, khi ấy đức Vua Dīghīti xứ Kosala đã đem theo hoàng hậu và tẩu thoát khỏi thành phố trước.

56. Này các Tỳ-khưu, sau đó, đức Vua Brahmadatta xứ Kāsi đã chiến thắng và đã làm chủ binh lực, xe cộ, xứ sở, kho hàng và vựa lúa của đức Vua Dīghīti xứ Kosala.

57. Này các Tỳ-khưu, khi ấy đức Vua Dīghīti xứ Kosala cùng người vợ đã ra đi về phía thành Bārāṇasī, theo tuần tự đã đến được thành Bārāṇasī. Này các Tỳ-khưu, tại đó ở khu vực ngoại ô nọ, nơi thành Bārāṇasī, đức Vua Dīghīti xứ Kosala cùng với người vợ ngụ trong nhà của người làm đồ gốm, dưới hình thức khác là cải trang thành du sĩ.

58. Này các Tỳ-khưu, sau đó chẳng bao lâu, hoàng hậu của đức Vua Dīghīti xứ Kosala đã mang thai. Nàng khởi lên niềm khao khát có hình thức như vầy: Nàng mong muốn vào lúc mặt trời mọc được nhìn thấy đội quân gồm bốn loại binh chủng có vũ trang, dàn trận, đứng ở trên đất bằng và được uống nước rửa đao kiếm.

59. Này các Tỳ-khưu, khi ấy hoàng hậu của đức Vua Dīghīti xứ Kosala đã nói với đức Vua Dīghīti xứ Kosala điều này: "Tâu Bệ hạ, thiếp đang mang thai. Thiếp đây khởi lên niềm khao khát có hình thức như vầy: Thiếp mong muốn vào lúc mặt trời mọc được nhìn thấy đội quân gồm bốn loại binh chủng có vũ trang, dàn trận, đứng ở trên đất bằng và được uống nước rửa đao kiếm." "Này ái hậu, trong lúc chúng ta đang lâm cảnh khốn cùng thì lấy đâu ra đội quân gồm bốn loại binh chủng có vũ trang, dàn trận, đứng ở trên đất bằng và nước rửa đao kiếm." "Tâu Bệ hạ, nếu không đạt được thì thiếp sẽ chết mất."

60. Này các Tỳ-khưu, vào lúc bấy giờ, vị Bà-la-môn giữ chức tế tự của đức Vua Brahmadatta xứ Kāsi là bạn của đức Vua Dīghīti xứ Kosala.

61. Này các Tỳ-khưu, khi ấy đức Vua Dīghīti xứ Kosala đã đi đến gặp vị Bà-la-môn giữ chức tế tự của đức Vua Brahmadatta xứ Kāsi, sau khi đến đã nói với vị Bà-la-môn giữ chức tế tự của đức Vua Brahmadatta xứ Kāsi điều này: "Này bạn, người bạn gái của bạn đang mang thai. Nàng khởi lên niềm khao khát có hình thức như vầy: Nàng mong muốn vào lúc mặt trời mọc được nhìn thấy đội quân gồm bốn loại binh chủng có vũ trang, dàn trận, đứng ở trên đất bằng và được uống nước rửa đao kiếm." "Tâu Bệ hạ, như thế thì chúng ta hãy gặp hoàng hậu."

62. Này các Tỳ-khưu, khi ấy hoàng hậu của đức Vua Dīghīti xứ Kosala đã đi đến gặp vị Bà-la-môn giữ chức tế tự của đức Vua Brahmadatta xứ Kāsi. Này các Tỳ-khưu, vị Bà-la-môn giữ chức tế tự của đức Vua Brahmadatta xứ Kāsi đã nhìn thấy hoàng hậu của đức Vua Dīghīti xứ Kosala từ đàng xa đang đi lại, sau khi nhìn thấy đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp thượng y một bên vai, chắp tay cúi chào hoàng hậu của đức Vua Dīghīti xứ Kosala và đã ba lần thốt lên lời cảm hứng rằng: "Quả đúng là đức vua xứ Kosala đã nhập thai! Quả đúng là đức vua xứ Kosala đã nhập thai! Quả đúng là đức vua xứ Kosala đã nhập thai! Tâu Hoàng hậu, xin chớ lo âu, vào lúc mặt trời mọc Hoàng hậu sẽ được nhìn thấy đội quân gồm bốn loại binh chủng có vũ trang, dàn trận, đứng ở trên đất bằng và được uống nước rửa đao kiếm."

63. Này các Tỳ-khưu, sau đó vị Bà-la-môn giữ chức tế tự của đức Vua Brahmadatta xứ Kāsi đã đi đến gặp đức Vua Brahmadatta xứ Kāsi, sau khi đến đã nói với đức Vua Brahmadatta xứ Kāsi điều này: "Tâu Bệ hạ, theo như các điềm báo hiệu cho thấy: Ngày mai, vào lúc mặt trời mọc, đội quân gồm bốn loại binh chủng có vũ trang, dàn trận, hãy đứng ở trên đất bằng và các đao kiếm hãy được rửa."

64. Này các Tỳ-khưu, sau đó đức Vua Brahmadatta xứ Kāsi đã ra lệnh cho mọi người rằng: "Này các khanh, vị Bà-la-môn giữ chức tế tự đã nói như thế nào thì các khanh hãy làm theo như thế ấy."

65. Này các Tỳ-khưu, rồi vào lúc mặt trời mọc, hoàng hậu của đức Vua Dīghīti xứ Kosala đã được nhìn thấy đội quân gồm bốn loại binh chủng có vũ trang, dàn trận, đứng ở trên đất bằng và được uống nước rửa đao kiếm.

66. Này các Tỳ-khưu, sau đó khi bào thai ấy đã được phát triển đầy đủ, hoàng hậu của đức Vua Dīghīti xứ Kosala đã sanh ra người con trai. Họ đã đặt tên cho đứa bé là Dīghāvu. Này các Tỳ-khưu, sau đó chẳng bao lâu, Hoàng tử Dīghāvu đã đạt được sự hiểu biết.

67. Này các Tỳ-khưu, khi ấy đức Vua Dīghīti xứ Kosala đã khởi ý điều này: "Vua Brahmadatta xứ Kāsi này là người làm nhiều việc thất lợi cho chúng ta. Binh lực, xe cộ, xứ sở, kho hàng và vựa lúa của chúng ta đã bị người này chiếm đoạt. Nếu người này biết được chúng ta thì sẽ ra lệnh giết chết luôn cả ba. Hay là ta nên cho Hoàng tử Dīghāvu sống ở bên ngoài thành phố?"

68. Này các Tỳ-khưu, khi ấy đức Vua Dīghīti xứ Kosala đã cho Hoàng tử Dīghāvu sống ở bên ngoài thành phố. Này các Tỳ-khưu, sau đó chẳng bao lâu, Hoàng tử Dīghāvu trong khi sống ở bên ngoài thành phố đã học được tất cả các tài nghệ.

69. Này các Tỳ-khưu, vào lúc bấy giờ, người thợ hớt tóc của đức Vua Dīghīti xứ Kosala sống [dưới quyền] của đức Vua Brahmadatta xứ Kāsi. Này các Tỳ-khưu, người thợ hớt tóc của đức Vua Dīghīti xứ Kosala đã nhìn thấy đức Vua Dīghīti xứ Kosala cùng với người vợ đang sống ở khu vực ngoại ô nọ, nơi thành Bārāṇasī, trong nhà của người làm đồ gốm, dưới hình thức khác là cải trang thành du sĩ; sau khi nhìn thấy đã đi đến gặp đức Vua Brahmadatta xứ Kāsi, sau khi đến đã nói với đức Vua Brahmadatta xứ Kāsi điều này: "Tâu Bệ hạ, đức Vua Dīghīti xứ Kosala cùng với người vợ đang sống ở khu vực ngoại ô nọ, nơi thành Bārāṇasī, trong nhà của người làm đồ gốm, dưới hình thức khác là cải trang thành du sĩ."

70. Này các Tỳ-khưu, khi ấy đức Vua Brahmadatta xứ Kāsi đã ra lệnh cho mọi người rằng: "Này các khanh, như thế thì hãy dẫn đức Vua Dīghīti xứ Kosala cùng với người vợ đến." "Tâu Bệ hạ, xin vâng."

Này các Tỳ-khưu, rồi những người ấy nghe theo đức Vua Brahmadatta xứ Kāsi đã dẫn đức Vua Dīghīti xứ Kosala cùng với người vợ đến.

71. Này các Tỳ-khưu, khi ấy đức Vua Brahmadatta xứ Kāsi đã ra lệnh cho mọi người rằng: "Này các khanh, như thế thì hãy trói chặt đức Vua Dīghīti xứ Kosala cùng người vợ bằng dây thừng chắc chắn, với cánh tay ở phía sau, cạo trọc đầu, rồi dẫn đi quanh từ đường phố này sang đường phố khác, từ giao lộ này sang giao lộ khác với tiếng trống có âm thanh inh ỏi, sau khi đưa đi ra bằng cổng thành phía Nam, hãy chặt thành bốn khúc tại phía Nam của thành phố, rồi quăng bỏ các phần ấy ở bốn hướng."

72. "Tâu Bệ hạ, xin vâng." Này các Tỳ-khưu, rồi những người ấy nghe theo đức Vua Brahmadatta xứ Kāsi, đã trói chặt đức Vua Dīghīti xứ Kosala cùng người vợ bằng dây thừng chắc chắn, với cánh tay ở phía sau, cạo trọc đầu, rồi dẫn đi quanh từ đường phố này sang đường phố khác, từ giao lộ này sang giao lộ khác với tiếng trống có âm thanh inh ỏi.

73. Này các Tỳ-khưu, khi ấy Hoàng tử Dīghāvu đã khởi ý điều này: "Mẹ và cha của ta được nhìn thấy đã lâu lắm rồi, hay là ta nên gặp mẹ và cha?"

74. Này các Tỳ-khưu, khi ấy Hoàng tử Dīghāvu đã đi vào thành Bārāṇasī và nhìn thấy mẹ và cha bị trói chặt cánh tay ở phía sau bằng dây thừng chắc chắn, bị cạo trọc đầu và đang bị dẫn đi quanh từ đường phố này sang đường phố khác, từ giao lộ này sang giao lộ khác với tiếng trống có âm thanh inh ỏi, sau khi nhìn thấy đã đi đến gặp mẹ và cha.

75. Này các Tỳ-khưu, đức Vua Dīghīti xứ Kosala đã nhìn thấy Hoàng tử Dīghāvu từ đàng xa đang đi lại, sau khi nhìn thấy đã nói với Hoàng tử Dīghāvu

điều này: "Này Dīghāvu thương, con hãy nhìn chớ có xa, chớ có gần. Này Dīghāvu thương, bởi vì các sự thù hận không được làm lắng dịu bởi thù hận. Này Dīghāvu thương, chính vì không thù hận mà các sự thù hận được lắng dịu."

76. Này các Tỳ-khưu, khi được nói như thế, những người ấy đã nói với đức Vua Dīghīti xứ Kosala điều này: "Đức Vua Dīghīti xứ Kosala này là người điên nên nói nhảm. Ai là Dīghāvu của ông ta? Ông ta đã nói với ai như vầy: 'Này Dīghāvu thương, con hãy nhìn chớ có xa, chớ có gần. Này Dīghāvu thương, bởi vì các sự thù hận không được làm lắng dịu bởi thù hận. Này Dīghāvu thương, chính vì không thù hận mà các sự thù hận được lắng dịu'?" "Này các khanh, ta không là người điên. Ta không nói nhảm. Hơn nữa, người nào thông thái thì người ấy sẽ hiểu rõ."

77. Này các Tỳ-khưu, đến lần thứ nhì ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, đến lần thứ ba, những người ấy đã nói với đức Vua Dīghīti xứ Kosala điều này: "Đức Vua Dīghīti xứ Kosala này là người điên nên nói nhảm. Ai là Dīghāvu của ông ta? Ông ta đã nói với ai như vầy: 'Này Dīghāvu thương, con hãy nhìn chớ có xa, chớ có gần. Này Dīghāvu thương, bởi vì các sự thù hận không được làm lắng dịu bởi thù hận. Này Dīghāvu thương, chính vì không thù hận mà các sự thù hận được lắng dịu'?" "Này các khanh, ta không là người điên. Ta không nói nhảm. Hơn nữa, người nào thông thái thì người ấy sẽ hiểu rõ."

78. Này các Tỳ-khưu, sau đó những người ấy khi đã dẫn đức Vua Dīghīti xứ Kosala cùng với người vợ đi quanh từ đường phố này sang đường phố khác, từ giao lộ này sang giao lộ khác với tiếng trống có âm thanh inh ỏi rồi đã đưa đi ra bằng cổng thành phía Nam, chặt thành bốn khúc tại phía Nam của thành phố, quăng bỏ các phần ấy ở bốn hướng, ổn định lại hàng ngũ, rồi đã bỏ đi.

79. Này các Tỳ-khưu, khi ấy Hoàng tử Dīghāvu đã đi vào thành Bārāṇasī đem lại rượu và cho các người lính gác uống. Đến khi những người lính đã bị say và té xuống thì Hoàng tử Dīghāvu đã tự mình gom góp các thanh củi, thực hiện giàn hỏa táng, rồi đặt thi thể của mẹ và cha lên giàn hỏa táng, châm lửa, chắp tay lên và hướng vai phải nhiễu quanh giàn hỏa thiêu ba vòng.

80. Này các Tỳ-khưu, vào lúc bấy giờ, đức Vua Brahmadatta xứ Kāsi đi đến nơi sân thượng ở phần trên tòa lâu đài. Này các Tỳ-khưu, đức Vua Brahmadatta xứ Kāsi đã nhìn thấy Hoàng tử Dīghāvu chắp tay lên và đang hướng vai phải nhiễu quanh giàn hỏa thiêu ba vòng, sau khi nhìn thấy đã khởi ý điều này: "Chắc chắn rằng người đàn ông này là thân quyến hoặc là có cùng huyết thống với đức Vua Dīghīti xứ Kosala. Hừ, chẳng có ích lợi gì cho ta. Bởi vì chẳng có người nào sẽ nói cho ta hay!"

81. Này các Tỳ-khưu, khi ấy Hoàng tử Dīghāvu đã đi vào rừng và than van khóc lóc cho đến nguôi ngoai, rồi đã lau khô nước mắt, trở vào thành Bārāṇasī, đi đến chuồng voi ở cạnh hoàng cung và đã nói với người thầy huấn luyện voi điều này: "Thưa thầy, tôi muốn học nghề." "Này chàng trai trẻ mến, như thế thì ngươi cứ việc học."

82. Này các Tỳ-khưu, sau đó Hoàng tử Dīghāvu, sau khi thức dậy trong đêm vào lúc hừng sáng, đã ca hát với giọng du dương và đã đánh đàn ở nơi chuồng voi.

83. Này các Tỳ-khưu, rồi đức Vua Brahmadatta xứ Kāsi, sau khi thức dậy trong đêm vào lúc hừng sáng, đã nghe tiếng ca hát với giọng du dương và tiếng đánh đàn ở nơi chuồng voi nên đã hỏi mọi người rằng: "Này các khanh, người nào sau khi thức dậy trong đêm vào lúc hừng sáng đã ca hát với giọng du dương và đã đánh đàn ở nơi chuồng voi?"

84. "Tâu Bệ hạ, chàng trai trẻ học trò của người thầy huấn luyện voi kia, sau khi thức dậy trong đêm vào lúc hừng sáng, đã ca hát với giọng du dương và đã đánh đàn ở nơi chuồng voi." "Này các khanh, như thế thì hãy dẫn chàng trai trẻ ấy đến." "Tâu Bệ hạ, xin vâng."

Này các Tỳ-khưu, rồi các người ấy nghe theo đức Vua Brahmadatta xứ Kāsi đã đưa Hoàng tử Dīghāvu lại.

85. "Này khanh, chàng trai trẻ, có phải khanh sau khi thức dậy trong đêm vào lúc hừng sáng, đã ca hát với giọng du dương và đã đánh đàn ở nơi chuồng voi?" "Tâu Bệ hạ, thưa phải." "Này khanh, chàng trai trẻ, như thế thì khanh hãy ca hát với giọng du dương và hãy đánh đàn đi." "Tâu Bệ hạ, xin vâng."

Này các Tỳ-khưu, rồi Hoàng tử Dīghāvu nghe theo đức Vua Brahmadatta xứ Kāsi và có ý định làm [đức vua] hài lòng nên đã ca hát với giọng du dương và đã đánh đàn. "Này khanh chàng trai trẻ, khanh hãy hầu hạ ta." "Tâu Bệ hạ, xin vâng."

Này các Tỳ-khưu, Hoàng tử Dīghāvu đã đáp lời đức Vua Brahmadatta xứ Kāsi.

86. Này các Tỳ-khưu, sau đó Hoàng tử Dīghāvu đã trở thành người thức dậy trước và đi ngủ sau, là người sẵn sàng làm mọi việc, có hành động chiều chuộng, có nói lời êm dịu đối với đức Vua Brahmadatta xứ Kāsi.

87. Này các Tỳ-khưu, sau đó chẳng bao lâu, đức Vua Brahmadatta xứ Kāsi đã bổ nhiệm Hoàng tử Dīghāvu vào vai trò cận thần thân thiết.

88. Này các Tỳ-khưu, sau đó đức Vua Brahmadatta xứ Kāsi đã nói với Hoàng tử Dīghāvu điều này: "Này khanh, chàng trai trẻ, như vậy thì khanh hãy thắng [ngựa] vào xe, chúng ta sẽ đi săn thú." "Tâu Bệ hạ, xin vâng."

Này các Tỳ-khưu, rồi Hoàng tử Dīghāvu nghe theo đức Vua Brahmadatta xứ Kāsi đã thắng [ngựa] vào xe rồi đã nói với đức Vua Brahmadatta xứ Kāsi điều này: "Tâu Bệ hạ, xe đã được thắng [ngựa] vào, xin Bệ hạ hãy suy nghĩ bây giờ là thời điểm của việc gì."

89. Này các Tỳ-khưu, khi ấy đức Vua Brahmadatta xứ Kāsi đã bước lên xe. Hoàng tử Dīghāvu đã điều khiển xe và đã điều khiển xe như thế nào đó để đội quân lính đã đi theo hướng khác, còn chiếc xe theo hướng khác.

90. Này các Tỳ-khưu, sau đó, khi đã đi xa, đức Vua Brahmadatta xứ Kāsi đã nói với Hoàng tử Dīghāvu điều này: "Này khanh, chàng trai trẻ, hãy dừng xe lại. Trẫm đã mệt và sẽ nằm xuống."

91. "Tâu Bệ hạ, xin vâng." Này các Tỳ-khưu, rồi Hoàng tử Dīghāvu nghe theo đức Vua Brahmadatta xứ Kāsi, đã dừng xe lại và ngồi xuống với thế kiết-già ở trên mặt đất.

92. Này các Tỳ-khưu, sau đó đức Vua Brahmadatta xứ Kāsi đã kê đầu lên bắp vế của Hoàng tử Dīghāvu và nằm xuống. Đức vua đang mệt mỏi nên chỉ trong chốc lát đã rơi vào giấc ngủ.

93. Này các Tỳ-khưu, khi ấy Hoàng tử Dīghāvu đã khởi ý điều này: "Đức Vua Brahmadatta xứ Kāsi này là người làm nhiều việc thất lợi cho chúng ta. Binh lực, xe cộ, xứ sở, kho hàng và vựa lúa của chúng ta đã bị người này chiếm đoạt. Mẹ và cha của ta đã bị người này giết. Đây quả là thời điểm của việc này là việc ta có thể thanh toán mối thù hận" rồi đã rút gươm ra khỏi vỏ.

94. Này các Tỳ-khưu, khi ấy Hoàng tử Dīghāvu đã khởi ý điều này: "Vào lúc chết, cha của ta đã nói với ta rằng: 'Này Dīghāvu thương, con hãy nhìn chớ có xa, chớ có gần. Này Dīghāvu thương, bởi vì các sự thù hận không được làm lắng dịu bởi thù hận. Này Dīghāvu thương, chính vì không thù hận mà các sự thù hận được lắng dịu.' Đối với ta, việc này không thích đáng là việc ta có thể làm trái lời dạy của cha" nên đã tra gươm vào vỏ.

95. Này các Tỳ-khưu, đến lần thứ nhì ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, đến lần thứ ba, Hoàng tử Dīghāvu đã khởi ý điều này: "Đức Vua Brahmadatta xứ Kāsi này là người làm nhiều việc thất lợi cho chúng ta. Binh lực, xe cộ, xứ sở, kho hàng và vựa lúa của chúng ta đã bị người này chiếm đoạt. Mẹ và cha của ta đã bị người này giết. Đây quả là thời điểm để ta có thể thanh toán mối thù hận" rồi đã rút gươm ra khỏi vỏ. Này các Tỳ-khưu, đến lần thứ ba, Hoàng tử Dīghāvu đã khởi ý điều này: "Vào lúc chết, cha của ta đã nói với ta rằng: 'Này Dīghāvu thương, con hãy nhìn chớ có xa, chớ có gần. Này Dīghāvu thương, bởi vì các sự thù hận không được làm lắng dịu bởi thù hận. Này Dīghāvu thương, chính vì không thù hận mà các sự thù hận được lắng dịu.' Đối với ta, việc này không thích đáng là việc ta có thể làm trái lời dạy của cha" nên lại tra gươm vào vỏ.

96. Này các Tỳ-khưu, khi ấy đức Vua Brahmadatta xứ Kāsi trở nên hoảng sợ, kinh hoàng, hốt hoảng, dáo dác, đã tức thời chồm dậy.

97. Này các Tỳ-khưu, khi ấy Hoàng tử Dīghāvu đã nói với đức Vua Brahmadatta xứ Kāsi điều này: "Tâu Bệ hạ, vì sao Bệ hạ lại trở nên hoảng sợ, kinh hoàng, hốt hoảng, dáo dác và tức thời chồm dậy?" "Này khanh, chàng trai trẻ, ở đây, con trai của đức Vua Dīghīti xứ Kosala là Hoàng tử Dīghāvu đã dùng gươm tấn công ta trong giấc ngủ mơ. Vì thế trẫm trở nên hoảng sợ, kinh hoàng, hốt hoảng, dáo dác và đã tức thời chồm dậy."

98. Này các Tỳ-khưu, khi ấy Hoàng tử Dīghāvu đã dùng bàn tay trái mân mê đầu của đức Vua Brahmadatta xứ Kāsi và dùng bàn tay phải rút gươm ra rồi nói với đức Vua Brahmadatta xứ Kāsi điều này: "Tâu Bệ hạ, thần chính là Hoàng tử Dīghāvu, con trai của đức Vua Dīghīti xứ Kosala. Bệ hạ là người làm nhiều việc thất lợi cho chúng tôi. Binh lực, xe cộ, xứ sở, kho hàng và vựa lúa của chúng tôi đã bị Bệ hạ chiếm đoạt. Mẹ và cha của tôi đã bị Bệ hạ giết. Đây quả là thời điểm của việc này là việc thần có thể thanh toán mối thù hận."

99. Này các Tỳ-khưu, khi ấy đức Vua Brahmadatta xứ Kāsi đã quỳ mọp xuống đê đầu ở hai bàn chân của Hoàng tử Dīghāvu và đã nói với Hoàng tử Dīghāvu điều này: "Này Dīghāvu yêu quý, hãy ban cho trẫm mạng sống. Này Dīghāvu yêu quý, hãy ban cho trẫm mạng sống." "Sao thần lại có khả năng để ban cho Bệ hạ mạng sống được. Chính Bệ hạ mới có thể ban cho thần mạng sống?" "Này Dīghāvu yêu quý, như thế thì khanh hãy ban cho trẫm mạng sống và trẫm sẽ ban mạng sống cho khanh."

100. Này các Tỳ-khưu, khi ấy đức Vua Brahmadatta xứ Kāsi và Hoàng tử Dīghāvu đã ban mạng sống cho nhau. Họ đã nắm lấy bàn tay và đã thực hiện lời thề không phản bội nhau.

101. Này các Tỳ-khưu, sau đó đức Vua Brahmadatta xứ Kāsi đã nói với Hoàng tử Dīghāvu điều này: "Này Dīghāvu yêu quý, như thế thì khanh hãy thắng [ngựa] vào xe, chúng ta sẽ đi." "Tâu Bệ hạ, xin vâng."

Này các Tỳ-khưu, rồi Hoàng tử Dīghāvu nghe theo đức Vua Brahmadatta xứ Kāsi, đã thắng [ngựa] vào xe rồi đã nói với đức Vua Brahmadatta xứ Kāsi điều này: "Tâu Bệ hạ, xe đã được thắng [ngựa] vào, xin Bệ hạ hãy suy nghĩ bây giờ là thời điểm của việc gì."

102. Này các Tỳ-khưu, sau đó đức Vua Brahmadatta xứ Kāsi đã bước lên xe và Hoàng tử Dīghāvu đã điều khiển xe, và đã điều khiển xe theo như thế nào đó để chẳng bao lâu sau, gặp lại đội quân lính.

103. Này các Tỳ-khưu, sau đó đức Vua Brahmadatta xứ Kāsi đã đi vào thành Bārāṇasī, cho triệu tập các viên quan đại thần cố vấn lại và đã nói điều này: "Này các khanh, nếu các khanh có thể nhìn thấy Hoàng tử Dīghāvu, con trai của đức Vua Dīghīti xứ Kosala thì các khanh nên làm gì người ấy?"

104. Một số vị quan đã nói như vầy: "Tâu Bệ hạ, chúng ta nên chặt hai tay. Tâu Bệ hạ, chúng ta nên chặt hai chân. Tâu Bệ hạ, chúng ta nên chặt hai tay và hai chân. Tâu Bệ hạ, chúng ta nên xẻo hai tai. Tâu Bệ hạ, chúng ta nên xẻo lỗ mũi. Tâu Bệ hạ, chúng ta nên xẻo hai tai và lỗ mũi. Tâu Bệ hạ, chúng ta nên chặt đầu."

105. "Này các khanh, đây chính là Hoàng tử Dīghāvu, con trai của đức Vua Dīghīti xứ Kosala. Không được làm bất cứ điều gì đến người này. Người này đã ban cho trẫm mạng sống và trẫm đã ban mạng sống cho người này."

106. Này các Tỳ-khưu, sau đó đức Vua Brahmadatta xứ Kāsi đã nói với Hoàng tử Dīghāvu điều này: "Này Dīghāvu yêu quý, điều mà cha của khanh vào lúc chết đã nói rằng: 'Này Dīghāvu thương, con hãy nhìn chớ có xa, chớ có gần. Này Dīghāvu thương, bởi vì các sự thù hận không được làm lắng dịu bởi thù hận. Này Dīghāvu thương, chính vì không thù hận mà các sự thù hận được lắng dịu', cha của khanh đã ám chỉ điều gì vậy?"

107. "Tâu Bệ hạ, điều mà cha của thần vào lúc chết đã nói: 'Chớ có xa' [ý là] 'Chớ có gây thù hận lâu dài.' Tâu Bệ hạ, đây là điều mà cha của thần vào lúc chết đã nói: 'Chớ có xa.' Tâu Bệ hạ, điều mà cha của thần vào lúc chết đã nói: 'Chớ có gần' [ý là] 'Chớ có mau chóng gây đổ vỡ với bạn bè.' Tâu Bệ hạ, đây là điều mà cha của thần vào lúc chết đã nói: 'Chớ có gần.' Tâu Bệ hạ, điều mà cha của thần vào lúc chết đã nói: 'Này Dīghāvu thương, bởi vì các sự thù hận không được làm lắng dịu bởi thù hận. Này Dīghāvu thương, chính vì không thù hận mà các sự thù hận được lắng dịu' [ý là] 'Mẹ và cha của thần đã bị Bệ hạ giết.' Như thế, nếu thần có thể tước đoạt mạng sống của Bệ hạ thì những người mong mỏi sự lợi ích cho Bệ hạ có thể tước đoạt mạng sống của thần, rồi những người mong mỏi sự lợi ích cho thần, có thể tước đoạt mạng sống của những người ấy; như vậy thù hận ấy không thể giải quyết bằng thù hận. Giờ đây, Bệ hạ đã ban mạng sống cho thần và thần đã ban mạng sống cho Bệ hạ; như vậy thù hận ấy đã được giải quyết bằng sự không thù hận. Tâu Bệ hạ, đây là điều mà cha của thần vào lúc chết đã nói: 'Này Dīghāvu thương, bởi vì các sự thù hận không được làm lắng dịu bởi thù hận. Này Dīghāvu thương, chính vì không thù hận mà các sự thù hận được lắng dịu.'"

108. Này các Tỳ-khưu, khi ấy đức Vua Brahmadatta xứ Kāsi đã khởi ý điều này: "Thật kỳ diệu thay! Thật phi thường thay! Hoàng tử Dīghāvu này thật sáng trí bởi vì hiểu được ý nghĩa một cách chi tiết của điều đã được người cha nói ra một cách vắn tắt" rồi đã trả lại binh lực, xe cộ, xứ sở, kho hàng, vựa lúa của người cha và còn ban cho người con gái [của mình] nữa.

109. Này các Tỳ-khưu, ngay chính những người ấy là các vị vua đã cầm lấy gậy, đã cầm lấy gươm mà còn có sự kham nhẫn và khoan dung như thế ấy. Này các Tỳ-khưu, ở đây, các ngươi hãy làm rạng rỡ việc các ngươi đang được xuất gia trong Pháp và Luật được khéo thuyết giảng như vầy, các ngươi hãy nên bày tỏ sự kham nhẫn và lòng khoan dung.

110. Đến lần thứ ba, đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ-khưu ấy điều này:

– Này các Tỳ-khưu, thôi đủ rồi. Chớ có sự xung đột, chớ có sự cãi cọ, chớ có sự lý luận, chớ có sự tranh luận nữa.

111. Đến lần thứ ba, vị Tỳ-khưu là vị nói sai Pháp ấy đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn, bậc Pháp Chủ, hãy chờ đợi. Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn bớt lo nghĩ, hãy sống gắn bó với việc trú vào an lạc trong đời hiện

tại; chúng con sẽ làm cho rõ ràng bằng sự xung đột, bằng sự cãi cọ, bằng sự lý luận và bằng sự tranh luận này.

112. Khi ấy, đức Thế Tôn [nghĩ rằng]: "Những kẻ rồ dại này đã tới mức tận cùng, những kẻ này không dễ gì mà nhắc nhở" rồi đã từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

Tụng phẩm Dīghāvu là phần thứ nhất.

*****

1. Khi ấy, vào buổi sáng, đức Thế tôn đã mặc y, cầm y bát, rồi đi vào thành Kosambī để khất thực. Sau khi đã đi khất thực trong thành Kosambī, trên đường khất thực trở về sau bữa ăn, đức Thế Tôn đã thu xếp chỗ trú ngụ, cầm y bát, rồi chỉ đứng giữa hội chúng nói lên những lời kệ này:

2. "Trong đám người ồn ào náo nhiệt, không kẻ nào nghĩ là mình ngu. Hơn thế nữa, trong khi hội chúng đang bị chia rẽ, không người nào khác đã biết đến.

3. Lời nói của bậc Trí đã bị hoàn toàn quên hẳn, chúng nói đủ mọi thứ chuyện. Có miệng há rộng theo như chúng muốn, chúng bị [sự náo động] lôi kéo đi mà chẳng biết.

4. Nó đã sỉ nhục tôi, nó đã đánh đập tôi, nó đã chế ngự tôi, nó đã tước đoạt của tôi. Những ai ấp ủ điều ấy, sự thù hận của những người ấy không được lặng yên.

5. Nó đã sỉ nhục tôi, nó đã đánh đập tôi, nó đã chế ngự tôi, nó đã tước đoạt của tôi. Những ai không ấp ủ điều ấy, sự thù hận ở những người ấy được lặng yên.

6. Ở thế gian này, các sự thù hận không bao giờ được lặng yên bởi sự hận thù và chúng được lặng yên bởi sự không thù hận; điều này là quy luật cổ xưa.

7. Và những người khác không nhận thức được, ở đây chúng ta nên tự kiềm chế. Và những người nào nhận thức được điều ấy, từ đó mà các sự tranh chấp được lặng yên.

8. Đối với những kẻ đang xâm chiếm lãnh thổ là những kẻ đã chặt đứt xương [thịt], đã đoạt mạng sống, đã cướp bóc ngựa, bò, tài sản, mà còn có sự hòa hợp đối với chúng, vì sao các người lại không thể có được?

9. Nếu có thể đạt được người bạn khôn ngoan là bậc trí tuệ sống tốt lành làm người đồng hành thì sau khi vượt qua mọi hiểm nạn, có thể đi với người ấy [một cách] hoan hỷ có niệm.

10. Nếu không thể có được người bạn khôn ngoan là bậc trí tuệ sống tốt lành làm người đồng hành thì giống như vị vua từ bỏ quốc độ đã chinh phục, hãy nên sống một mình như là voi Mātaṅga [sống] ở trong rừng.

11. Sống một mình là tốt hơn, không có tình bằng hữu ở kẻ ngu. Một mình hãy sống và không nên làm các điều ác, ít ham muốn như là voi Mātaṅga [sống] ở trong rừng."

12. Khi ấy, đức Thế Tôn chỉ đứng giữa hội chúng đã nói lên những lời kệ này rồi đi đến ngôi làng Bālakaloṇakāra.

13. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Bhagu đang trú tại ngôi làng Bālakaloṇakāra.

14. Đại đức Bhagu đã nhìn thấy đức Thế Tôn từ đàng xa đang đi lại, sau khi nhìn thấy đã sắp đặt chỗ ngồi, đem lại nước rửa chân, ghế kê chân, tấm chà chân, rồi đã đi ra đón và tiếp rước y bát. Đức Thế Tôn đã ngồi xuống ở chỗ ngồi được sắp đặt sẵn, sau khi ngồi xuống đã rửa hai bàn chân.

15. Đại đức Bhagu đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi Đại đức Bhagu đã ngồi xuống một bên, đức Thế Tôn đã nói với Đại đức Bhagu điều này:

– Này Tỳ-khưu, sức khoẻ có khá không? Mọi việc có tốt đẹp không? Việc đi khất thực có khỏi bị khó nhọc không?

– Bạch Thế Tôn, sức khoẻ khá. Bạch Thế Tôn, mọi việc được tốt đẹp. Và bạch Ngài, việc đi khất thực không có bị khó nhọc.

16. Sau đó, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi cho Đại đức Bhagu bằng bài pháp thoại, rồi đã từ chỗ ngồi đứng dậy và đi đến khu vườn cây Pācīnavaṃsa.

17. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Anuruddha, Đại đức Nandiya và Đại đức Kimbila trú tại khu vườn cây Pācīnavaṃsa.

18. Người giữ vườn đã nhìn thấy đức Thế Tôn từ đàng xa đang đi lại, sau khi nhìn thấy đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Này ông Sa-môn, chớ có đi vào khu vườn cây này. Ở đây, có ba người con trai gia đình danh giá và có tính tự trọng trú ngụ. Chớ có gây phiền nhiễu đến họ.

19. Đại đức Anuruddha đã nghe được người giữ vườn đang căn dặn đức Thế Tôn, sau khi nghe được đã nói với người giữ vườn điều này:

– Này đạo hữu giữ vườn, chớ ngăn cản đức Thế Tôn. Bậc Đạo sư của chúng tôi là đức Thế Tôn đã đến.

20. Sau đó, Đại đức Anuruddha đã đi đến gặp Đại đức Nandiya và Đại đức Kimbila, sau khi đến đã nói với Đại đức Nandiya và Đại đức Kimbila điều này:

– Các Đại đức hãy đi ra. Các Đại đức hãy đi ra. Bậc Đạo sư của chúng ta là đức Thế Tôn đã đến.

21. Khi ấy, Đại đức Anuruddha, Đại đức Nandiya và Đại đức Kimbila đã đi ra đón đức Thế Tôn, một vị đã nhận lấy y và bình bát của đức Thế Tôn, một vị đã sắp xếp chỗ ngồi, một vị đã mang lại nước rửa chân, ghế kê chân và tấm chà chân. Đức Thế Tôn đã ngồi xuống ở chỗ ngồi được sắp đặt sẵn, sau khi ngồi xuống đã rửa hai bàn chân.

22. Rồi các vị Đại đức ấy đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi đã ngồi xuống một bên. Khi Đại đức Anuruddha đã ngồi xuống một bên, đức Thế Tôn đã nói với Đại đức Anuruddha điều này:

– Này các vị Anuruddha, các ngươi sức khoẻ có khá không? Mọi việc có được tốt đẹp không? Việc đi khất thực có khỏi bị khó nhọc không?

– Bạch Thế Tôn, sức khoẻ khá. Bạch Thế Tôn, mọi việc được tốt đẹp. Và bạch Ngài, việc đi khất thực không có bị khó nhọc.

– Này các vị Anuruddha, các ngươi sống có sự hợp nhất, thân thiện, không cãi cọ, có được trạng thái như sữa với nước, có nhìn nhau bằng những ánh mắt thương mến không?

– Bạch Thế Tôn, chắc chắn là vậy! Chúng con sống có sự hợp nhất, thân thiện, không cãi cọ, được trạng thái như sữa với nước và nhìn nhau bằng những ánh mắt thương mến.

– Này các vị Anuruddha, các ngươi sống có sự hợp nhất, thân thiện, không cãi cọ, được trạng thái như sữa với nước và nhìn nhau bằng những ánh mắt thương mến là như thế nào?

23. – Bạch Ngài, ở đây, con khởi ý như vầy: "Thật lợi ích cho ta! Thật đã khéo đạt được cho ta khi ta sống với các vị đồng Phạm hạnh như thế này!" Bạch Ngài, đối với các Đại đức này, sự thân thiện của con đây qua thân nghiệp đã được thể hiện công khai hoặc kín đáo, sự thân thiện qua khẩu nghiệp, ...(nt)... sự thân thiện qua ý nghiệp đã được thể hiện công khai hoặc kín đáo, và bạch Ngài, con đây đã khởi ý như vầy: "Hay là ta nên buông rơi tâm của ta và hành động thuận theo tâm của các Đại đức này?" Bạch Ngài, rồi con đây đã buông rơi tâm con và hành động thuận theo tâm của các Đại đức này. Bạch Ngài, chúng con tuy có các thân khác nhau nhưng con nghĩ rằng chỉ có một tâm.

24. Rồi Đại đức Nandiya ...(nt)... Rồi Đại đức Kimbila cũng đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, ở đây, con cũng khởi ý như vầy: "Thật lợi ích cho ta! Thật đã khéo đạt được cho ta khi ta sống với các vị đồng Phạm hạnh như thế này!" Bạch Ngài, đối với các Đại đức này, sự thân thiện của con đây qua thân nghiệp đã được thể hiện công khai hoặc kín đáo, sự thân thiện qua khẩu nghiệp, ...(nt)... sự thân thiện qua ý nghiệp đã được thể hiện công khai hoặc kín đáo, và bạch Ngài, con đây đã khởi ý như vầy: "Hay là ta nên buông rơi tâm của ta và hành động thuận theo tâm của các Đại đức này?" Bạch Ngài, rồi con đây đã buông rơi tâm con và hành động thuận theo tâm của các Đại đức này. Bạch Ngài, chúng con tuy có các thân khác nhau nhưng con nghĩ rằng chỉ có một tâm. Bạch Ngài, chúng con sống có sự hợp nhất, thân thiện, không cãi cọ, được trạng thái như sữa với nước và nhìn nhau bằng những ánh mắt thương mến là như thế ấy.

25. – Này các vị Anuruddha, các ngươi sống có ít bị xao lãng, có sự nỗ lực, có sự quyết tâm hay không?

– Bạch Ngài, chắc chắn là vậy! Chúng con sống ít bị xao lãng, có sự nỗ lực, có sự quyết tâm.

26. – Này các vị Anuruddha, các ngươi sống ít bị xao lãng, có sự nỗ lực, có sự quyết tâm là như thế nào?

27. – Bạch Ngài, ở đây, vị nào trong chúng con đi khất thực từ làng trở về trước tiên, vị ấy sắp xếp chỗ ngồi, chuẩn bị nước rửa chân, ghế kê chân, tấm chà chân, rửa và đem lại chậu đựng đồ thừa, rồi đem lại nước uống và nước rửa. Vị nào đi khất thực từ làng trở về sau cùng, nếu vật thực đã được ăn còn thừa lại, nếu muốn thì vị ấy ăn; nếu không muốn thì đem quăng bỏ ở nơi không có cỏ xanh hoặc đổ xuống nước không có sinh vật. Vị ấy xếp chỗ ngồi lại, dọn dẹp nước rửa chân, ghế kê chân, tấm chà chân, rửa chậu đựng đồ thừa rồi cất đi, dọn dẹp nước uống, nước rửa và quét nhà ăn. Vị nào thấy lu nước uống, hoặc lu nước rửa, hoặc lu nước nhà vệ sinh hết nước, trống trơn, vị ấy đem [nước] lại. Nếu vị ấy không làm nổi, thì mời vị thứ hai lại với sự ra hiệu bằng tay và [chúng con] đem [nước] lại với dấu hiệu bằng tay. Bạch Ngài, nhưng không vì lý do đó mà chúng con nói ra lời. Bạch Ngài, cứ mỗi năm ngày, chúng con ngồi lại cho việc thảo luận giáo pháp trọn đêm. Bạch Ngài, chúng con sống ít bị xao lãng, có sự nỗ lực, có sự quyết tâm là như thế.

28. Sau đó, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi cho Đại đức Anuruddha, Đại đức Nandiya và Đại đức Kimbila bằng bài pháp thoại, rồi đã từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi, du hành về phía Pārileyyaka. Trong khi tuần tự du hành, Ngài đã ngự đến Pārileyyaka. Tại nơi đó, ở Pārileyyaka đức Thế Tôn sống trong khu rừng cây được bảo vệ, dưới gốc cây Sāla xinh đẹp.

29. Khi ấy, đức Thế Tôn trong khi thiền tịnh ở nơi thanh vắng có ý nghĩ suy tầm như vầy đã sanh khởi: "Trước đây, Ta đã sống không thoải mái, bị quấy rầy bởi các Tỳ-khưu ở Kosambī ấy, là những vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí và tranh tụng ở hội chúng. Bây giờ, Ta đây sống thoải mái, thoải mái, một mình, không người thứ hai, thoát khỏi các Tỳ-khưu ở Kosambī ấy là những vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí và tranh tụng ở hội chúng."

30. Cũng có con long tượng nọ sống bị quấy rầy bởi những con voi đực, bởi những con voi cái, bởi những con voi tơ, bởi những con voi bé và còn phải nhai các thứ cỏ đã bị đứt ngọn. Chúng nhai các nhánh cây đã được nó bẻ gãy lượt này lượt khác. Và nó uống các thứ nước đã bị khuấy đục. Khi nó vượt qua dòng sông cạn thì những con voi cái chạy lại cọ xát vào thân.

31. Khi ấy, con long tượng ấy đã khởi ý điều này: "Ta sống bị quấy rầy bởi những con voi đực, bởi những con voi cái, bởi những con voi tơ, bởi những con voi bé và còn phải nhai các thứ cỏ đã bị đứt ngọn. Chúng nhai các nhánh cây đã được ta bẻ gãy lượt này lượt khác. Và ta uống các thứ nước đã bị khuấy đục. Khi ta vượt qua dòng sông cạn thì những con voi cái chạy lại cọ xát vào thân. Hay là ta nên sống một mình, tách ra khỏi đám đông?"

32. Sau đó, con long tượng ấy đã tách khỏi bầy, đi đến Pārileyyaka, chỗ khu rừng cây được bảo vệ, nơi gốc cây Sāla xinh đẹp, kề cận đức Thế Tôn; sau khi đến nó đã dùng vòi phục vụ đức Thế Tôn nước uống, nước rửa và dọn dẹp cây cỏ.

33. Khi ấy, con long tượng ấy đã khởi ý điều này: "Trước đây, ta đã sống bị quấy rầy bởi những con voi đực, bởi những con voi cái, bởi những con voi tơ, bởi những con voi bé và đã nhai các thứ cỏ đã bị đứt ngọn. Chúng nhai các nhánh cây đã được ta bẻ gãy lượt này lượt khác. Và ta đã uống các thứ nước đã bị khuấy đục. Khi ta vượt qua dòng sông cạn thì những con voi cái đã chạy lại cọ xát vào thân. Bây giờ, ta đây sống thoải mái, thoải mái, một mình, không kẻ thứ hai, thoát khỏi các con voi đực, các con voi cái, các con voi tơ và các con voi bé."

34. Khi ấy, đức Thế Tôn sau khi nhận biết sự tách ly của bản thân đã dùng tâm biết được ý nghĩ suy tầm của con long tượng ấy, rồi vào lúc ấy đã thốt lên lời cảm hứng rằng: "Tâm của con long tượng, là con voi có ngà dài, cùng với chúa loài người có tâm được tương đồng về việc một mình vui thích ở khu rừng."

35. Sau đó, khi đã ngự tại Pārileyyaka theo như ý thích, đức Thế Tôn đã ra đi du hành đến thành Sāvatthi. Trong khi tuần tự du hành, Ngài đã ngự đến thành Sāvatthi. Tại nơi đó, ở thành Sāvatthi, đức Thế Tôn ngự tại Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika.

36. Khi ấy, các cư sĩ ở Kosambī đã khởi ý điều này: "Các ngài Tỳ-khưu ở Kosambī này là những người đã làm nhiều điều không lợi ích cho chúng ta. Đức Thế Tôn bị quấy rầy bởi các vị này nên đã bỏ đi. Vậy thì chúng ta không nên đảnh lễ các ngài Tỳ-khưu ở Kosambī nữa, không nên đứng dậy, không nên thực hiện việc chắp tay và hành động thích hợp, không nên trọng vọng, không nên cung kính, không nên sùng bái, không nên cúng dường, không nên bố thí đồ ăn khất thực cho các vị đi đến; như thế ấy, các vị này trong khi không được trọng vọng, không được cung kính, không được sùng bái, không được cúng dường bởi chúng ta, và khi đã không còn được trọng vọng, các vị hoặc là sẽ bỏ đi, hoặc là sẽ hoàn tục, hoặc là sẽ có niềm tin nơi đức Thế Tôn."

37. Sau đó, các cư sĩ ở Kosambī đã không đảnh lễ, không đứng dậy, không thực hiện việc chắp tay và hành động thích hợp, không trọng vọng, không cung kính, không sùng bái, không cúng dường, không bố thí đồ ăn khất thực cho các vị đi đến.

38. Khi ấy, các Tỳ-khưu ở Kosambī trong khi không được trọng vọng, không được cung kính, không được sùng bái, không được cúng dường bởi các cư sĩ ở Kosambī, và khi đã không còn được trọng vọng nữa, [các vị ấy] đã nói như vầy: "Này các Đại đức, vậy thì chúng ta nên đi Sāvatthi và giải quyết sự tranh tụng này trong sự hiện diện của đức Thế Tôn."

39. Sau đó, các Tỳ-khưu ở Kosambī đã thu xếp chỗ trú ngụ rồi cầm y bát đi đến thành Sāvatthi.

40. Đại đức Sāriputta đã nghe rằng: "Nghe nói các Tỳ-khưu ở Kosambī ấy là những vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí và tranh tụng ở hội chúng đang đi đến thành Sāvatthi."

41. Khi ấy, Đại đức Sāriputta đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Đại đức Sāriputta đã nói với đức Thế tôn điều này:

– Bạch Ngài, nghe nói các Tỳ-khưu ở Kosambī ấy là những vị thường gây nên các sự xung đột, ...(nt)... và tranh tụng ở hội chúng đang đi đến thành Sāvatthi. Bạch Ngài, con nên thực hành đối với các Tỳ-khưu ấy như thế nào?

– Này Sāriputta, như thế thì ngươi hãy duy trì theo sự đúng Pháp.

– Bạch Ngài, con nên hiểu đúng Pháp và sai Pháp như thế nào?

42. – Này Sāriputta, người nói sai Pháp sẽ được nhận biết do mười tám sự việc. Này Sāriputta, ở đây, vị Tỳ-khưu tuyên bố phi Pháp là "Pháp", tuyên bố Pháp là "phi Pháp"; tuyên bố phi Luật là "Luật", tuyên bố Luật là "phi Luật"; tuyên bố điều đã không được giảng, không được nói bởi đức Như Lai là "điều đã được giảng, đã được nói bởi đức Như Lai", tuyên bố điều đã được giảng, đã được nói bởi đức Như Lai là "điều đã không được giảng, không được nói bởi đức Như Lai"; tuyên bố điều đã không được thực hành bởi đức Như Lai là "điều đã được thực hành bởi đức Như Lai", tuyên bố điều đã được thực hành bởi đức Như Lai là "điều đã không được thực hành bởi đức Như Lai"; tuyên bố điều đã không được quy định bởi đức Như Lai là "điều đã được quy định bởi đức Như Lai", tuyên bố điều đã được quy định bởi đức Như Lai là "điều đã không được quy định bởi đức Như Lai"; tuyên bố vô tội là "phạm tội", tuyên bố phạm tội là "vô tội"; tuyên bố tội nhẹ là "tội nặng", tuyên bố tội nặng là "tội nhẹ"; tuyên bố tội còn dư sót là "tội không còn dư sót", tuyên bố tội không còn dư sót là "tội còn dư sót"; tuyên bố tội xấu xa là "tội không xấu xa", tuyên bố tội không xấu xa là "tội xấu xa." Này Sāriputta, người nói sai Pháp sẽ được nhận biết do mười tám sự việc này.

43. Này Sāriputta, người nói đúng Pháp sẽ được nhận biết do mười tám sự việc. Này Sāriputta, ở đây, vị Tỳ-khưu tuyên bố phi Pháp là "phi Pháp", tuyên bố Pháp là "Pháp"; tuyên bố phi Luật là "phi Luật", tuyên bố Luật là "Luật"; tuyên bố điều đã không được giảng, không được nói bởi đức Như Lai là "điều đã không được giảng, không được nói bởi đức Như Lai", tuyên bố điều đã được giảng, đã được nói bởi đức Như Lai là "điều đã được giảng, đã được nói bởi đức Như Lai"; tuyên bố điều đã không được thực hành bởi đức Như Lai là "điều đã không được thực hành bởi đức Như Lai", tuyên bố điều đã được thực hành bởi đức Như Lai là "điều đã được thực hành bởi đức Như Lai"; tuyên bố điều đã không được quy định bởi đức Như Lai là "điều đã không được quy định bởi đức Như Lai", tuyên bố điều đã được quy định bởi đức Như Lai là "điều đã được quy định bởi đức Như Lai"; tuyên bố vô tội là "vô tội", tuyên bố phạm

tội là "phạm tội"; tuyên bố tội nhẹ là "tội nhẹ", tuyên bố tội nặng là "tội nặng"; tuyên bố tội còn dư sót là "tội còn dư sót", tuyên bố tội không còn dư sót là "tội không còn dư sót"; tuyên bố tội xấu xa là "tội xấu xa", tuyên bố tội không xấu xa là "tội không xấu xa." Này Sāriputta, người nói đúng Pháp sẽ được nhận biết do mười tám sự việc này.

44. Rồi Đại đức Mahāmoggallāna đã nghe rằng: "Nghe nói các Tỳ-khưu ở Kosambī ấy là những vị thường gây nên các sự xung đột, ...(nt)... và tranh tụng ở hội chúng đang đi đến thành Sāvatthi." ...(nt)... Rồi Đại đức Mahākassapa đã nghe rằng: ...(nt)... Rồi Đại đức Mahākaccāna đã nghe rằng: ...(nt)... Rồi Đại đức Mahākoṭṭhita đã nghe rằng: ...(nt)... Rồi Đại đức Mahākappina đã nghe rằng: ...(nt)... Rồi Đại đức Mahācunda đã nghe rằng: ...(nt)... Rồi Đại đức Anuruddha đã nghe rằng: ...(nt)... Rồi Đại đức Revata đã nghe rằng: ...(nt)... Rồi Đại đức Upāli đã nghe rằng: ...(nt)... Rồi Đại đức Ānanda đã nghe rằng: ...(nt)... Rồi Đại đức Rāhula đã nghe rằng: "Nghe nói các Tỳ-khưu ở Kosambī ấy là những vị thường gây nên các sự xung đột, ...(nt)... và tranh tụng ở hội chúng đang đi đến thành Sāvatthi."

45. Khi ấy, Đại đức Rāhula đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Đại đức Rāhula đã nói với đức Thế tôn điều này:

– Bạch Ngài, nghe nói các Tỳ-khưu ở Kosambī ấy là những vị thường gây nên các sự xung đột, ...(nt)... và tranh tụng ở hội chúng đang đi đến thành Sāvatthi. Bạch Ngài, con nên thực hành đối với các Tỳ-khưu ấy như thế nào?

– Này Rāhula, như thế thì ngươi hãy duy trì theo sự đúng Pháp.

– Bạch Ngài, con nên hiểu đúng Pháp và sai Pháp như thế nào?

46. – Này Rāhula, người nói sai Pháp sẽ được nhận biết do mười tám sự việc. Này Rāhula, ở đây vị Tỳ-khưu tuyên bố phi Pháp là "Pháp", tuyên bố Pháp là "phi Pháp"; tuyên bố phi Luật là "Luật", tuyên bố Luật là "phi Luật"; tuyên bố điều đã không được giảng, không được nói bởi đức Như Lai là "điều đã được giảng, đã được nói bởi đức Như Lai", tuyên bố điều đã được giảng, đã được nói bởi đức Như Lai là "điều đã không được giảng, không được nói bởi đức Như Lai"; tuyên bố điều đã không được thực hành bởi đức Như Lai là "điều đã được thực hành bởi đức Như Lai", tuyên bố điều đã được thực hành bởi đức Như Lai là "điều đã không được thực hành bởi đức Như Lai"; tuyên bố điều đã không được quy định bởi đức Như Lai là "điều đã được quy định bởi đức Như Lai", tuyên bố điều đã được quy định bởi đức Như Lai là "điều đã không được quy định bởi đức Như Lai"; tuyên bố vô tội là "phạm tội", tuyên bố phạm tội là "vô tội"; tuyên bố tội nhẹ là "tội nặng", tuyên bố tội nặng là "tội nhẹ"; tuyên bố tội còn dư sót là "tội không còn dư sót", tuyên bố tội không còn dư sót là "tội còn dư sót"; tuyên bố tội xấu xa là "tội không xấu xa", tuyên bố tội không xấu xa là "tội xấu xa." Này Rāhula, người nói sai Pháp sẽ được nhận biết do mười tám sự việc này.

47. Này Rāhula, người nói đúng Pháp sẽ được nhận biết do mười tám sự việc. Này Rāhula, ở đây vị Tỳ-khưu tuyên bố phi Pháp là "phi Pháp", tuyên bố Pháp là "Pháp"; tuyên bố phi Luật là "phi Luật", tuyên bố Luật là "Luật"; tuyên bố điều đã không được giảng, không được nói bởi đức Như Lai là "điều đã không được giảng, không được nói bởi đức Như Lai", tuyên bố điều đã được giảng, đã được nói bởi đức Như Lai là "điều đã được giảng, đã được nói bởi đức Như Lai"; tuyên bố điều đã không được thực hành bởi đức Như Lai là "điều đã không được thực hành bởi đức Như Lai", tuyên bố điều đã được thực hành bởi đức Như Lai là "điều đã được thực hành bởi đức Như Lai"; tuyên bố điều đã không được quy định bởi đức Như Lai là "điều đã không được quy định bởi đức Như Lai", tuyên bố điều đã được quy định bởi đức Như Lai là "điều đã được quy định bởi đức Như Lai"; tuyên bố vô tội là "vô tội", tuyên bố phạm tội là "phạm tội"; tuyên bố tội nhẹ là "tội nhẹ", tuyên bố tội nặng là "tội nặng"; tuyên bố tội còn dư sót là "tội còn dư sót", tuyên bố tội không còn dư sót là "tội không còn dư sót"; tuyên bố tội xấu xa là "tội xấu xa", tuyên bố tội không xấu xa là "tội không xấu xa." Này Rāhula, người nói đúng Pháp sẽ được nhận biết do mười tám sự việc này.

48. Rồi bà Mahāpajāpatī Gotamī đã nghe rằng: "Nghe nói các Tỳ-khưu ở Kosambī ấy là những vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí và tranh tụng ở hội chúng đang đi đến thành Sāvatthi."

49. Khi ấy, bà Mahāpajāpatī Gotamī đã đi đến gặp đức Thế Tôn. Sau khi đến, bà đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi đứng một bên. Khi đã đứng một bên, bà Mahāpajāpatī Gotamī đã nói với đức Thế tôn điều này:

– Bạch Ngài, nghe nói các Tỳ-khưu ở Kosambī ấy là những vị thường gây nên các sự xung đột, ...(nt)... và tranh tụng ở hội chúng đang đi đến thành Sāvatthi. Bạch Ngài, con nên thực hành đối với các Tỳ-khưu ấy như thế nào?

– Này Gotamī, như thế thì bà hãy nghe pháp ở cả hai bên; sau khi nghe pháp ở cả hai bên, các Tỳ-khưu bên nào là các vị nói đúng Pháp thì bà hãy thuận theo quan điểm, điều mong mỏi, điều khao khát và ý định của các vị ấy. Và bất cứ điều gì hội chúng Tỳ-khưu-ni cần trông đợi từ hội chúng Tỳ-khưu thì nên trông đợi tất cả các điều ấy từ các vị nói đúng Pháp mà thôi.

50. Rồi gia chủ Anāthapiṇḍika đã nghe rằng: "Nghe nói các Tỳ-khưu ở Kosambī ấy là những vị thường gây nên các sự xung đột, ...(nt)... và tranh tụng ở hội chúng đang đi đến thành Sāvatthi."

51. Khi ấy, gia chủ Anāthapiṇḍika đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, gia chủ Anāthapiṇḍika đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, nghe nói các Tỳ-khưu ở Kosambī ấy là những vị thường gây nên các sự xung đột, ...(nt)... và tranh tụng ở hội chúng đang đi đến thành Sāvatthi. Bạch Ngài, con nên thực hành đối với các Tỳ-khưu ấy như thế nào?

– Này gia chủ, như thế thì ngươi hãy nên dâng vật thí cả hai bên; sau khi dâng vật thí rồi hãy nghe pháp cả hai bên; sau khi nghe pháp cả hai bên, các Tỳ-khưu bên nào là các vị nói đúng Pháp thì hãy thuận theo quan điểm, điều mong mỏi, điều khao khát và ý định của các vị ấy.

52. Rồi bà Visākhā, mẹ của Migāra đã nghe rằng: "Nghe nói các Tỳ-khưu ở Kosambī ấy là những vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí và tranh tụng ở hội chúng đang đi đến thành Sāvatthi."

53. Khi ấy, bà Visākhā, mẹ của Migāra đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, bà Visākhā, mẹ của Migāra đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, nghe nói các Tỳ-khưu ở Kosambī ấy là những vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí và tranh tụng ở hội chúng đang đi đến thành Sāvatthi. Bạch Ngài, con nên thực hành đối với các Tỳ-khưu ấy như thế nào?

– Này bà Visākhā, như thế thì ngươi hãy nên dâng vật thí cả hai bên; sau khi dâng vật thí rồi hãy nghe pháp cả hai bên; sau khi nghe pháp cả hai bên, các Tỳ-khưu bên nào là các vị nói đúng Pháp thì hãy thuận theo quan điểm, điều mong mỏi, điều khao khát và ý định của các vị ấy.

54. Sau đó, theo tuần tự các Tỳ-khưu ở Kosambī đã đến được thành Sāvatthi.

55. Khi ấy, Đại đức Sāriputta đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Đại đức Sāriputta đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, nghe nói các Tỳ-khưu ở Kosambī ấy là những vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí và tranh tụng ở hội chúng đã đến thành Sāvatthi. Bạch Ngài, con nên tiến hành về chỗ trú ngụ cho các Tỳ-khưu ấy như thế nào?

– Này Sāriputta, như thế thì nên cho chỗ trú ngụ được cách biệt.

– Bạch Ngài, nếu không được cách biệt thì nên thực hành như thế nào?

– Này Sāriputta, như thế thì nên làm thành cách biệt rồi giao cho. Này Sāriputta, nhưng Ta không nói rằng: "Có thể xâm phạm chỗ trú ngụ của vị Tỳ-khưu thâm niên hơn vì một lý do nào đó." Vị nào xâm phạm thì phạm tội *Dukkaṭa*.

– Bạch Ngài, nên thực hành như thế nào về tài vật?

– Này Sāriputta, tài vật nên được chia phần đồng đều cho tất cả.

56. Sau đó, vị Tỳ-khưu bị án treo ấy trong khi suy xét về Pháp và Luật đã khởi ý điều này: "Điều ấy là có tội, điều ấy không phải là vô tội. Ta bị phạm [tội], ta không phải là không phạm [tội]. Ta bị án treo, ta không phải là không bị án treo. Ta đã bị án treo bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì."

57. Khi ấy, vị Tỳ-khưu bị án treo ấy đã đi đến gặp các Tỳ-khưu ủng hộ vị bị án treo, sau khi đến đã nói với các Tỳ-khưu ủng hộ vị bị án treo điều này: "Này các Đại đức, điều ấy là có tội, điều ấy không phải là vô tội. Tôi bị phạm [tội], tôi không phải là không phạm [tội]. Tôi bị án treo, tôi không phải là không bị án treo. Tôi đã bị án treo bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì. Xin các Đại đức hãy đến và phục hồi cho tôi."

58. Khi ấy, các Tỳ-khưu ủng hộ vị bị án treo ấy đã đưa vị Tỳ-khưu bị án treo ấy đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, các vị Tỳ-khưu ấy đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, vị Tỳ-khưu bị án treo này đã nói như vầy: "Này các Đại đức, điều ấy là có tội, điều ấy không phải là vô tội. Tôi bị phạm [tội], tôi không phải là không phạm [tội]. Tôi bị án treo, tôi không phải là không bị án treo. Tôi đã bị án treo bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì. Xin các Đại đức hãy đến và phục hồi cho tôi." Bạch Ngài, giờ nên được thực hành như thế nào?

– Này các Tỳ-khưu, điều ấy là có tội, điều ấy không phải là vô tội. Vị Tỳ-khưu ấy bị phạm [tội], vị Tỳ-khưu ấy không phải là không phạm [tội]. Vị Tỳ-khưu ấy bị án treo, vị Tỳ-khưu ấy không phải là không bị án treo. Vị Tỳ-khưu ấy đã bị án treo bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì. Này các Tỳ-khưu, bởi vì vị Tỳ-khưu ấy đã phạm [tội], đã bị án treo và nhìn nhận. Này các Tỳ-khưu, chính vì điều ấy hãy phục hồi cho vị Tỳ-khưu ấy.

59. Sau đó, các Tỳ-khưu ủng hộ vị bị án treo ấy đã phục hồi cho vị Tỳ-khưu bị án treo ấy, rồi đã đi đến gặp các Tỳ-khưu ban án treo, sau khi đến đã nói với các Tỳ-khưu ban án treo điều này:

– Này các Đại đức, trong sự kiện mà hội chúng đã có sự xung đột, sự cãi cọ, sự lý luận, sự tranh luận, sự chia rẽ hội chúng, sự bất đồng trong hội chúng, sự phân ly trong hội chúng, việc làm khác biệt trong hội chúng, vị Tỳ-khưu này đây đã phạm [tội], đã bị án treo, đã nhìn nhận và đã được phục hồi. Này các Đại đức, vậy chúng ta hãy tiến hành sự hợp nhất hội chúng để giải quyết sự kiện ấy.

60. Sau đó, các Tỳ-khưu ban án treo ấy đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, các Tỳ-khưu ban án treo ấy đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, các Tỳ-khưu ủng hộ vị bị án treo ấy đã nói như vầy: "Này các Đại đức, trong sự kiện mà hội chúng đã có sự xung đột, sự cãi cọ, sự lý luận, sự tranh luận, sự chia rẽ hội chúng, sự bất đồng trong hội chúng, sự phân ly trong hội chúng, việc làm khác biệt trong hội chúng, vị Tỳ-khưu này đây đã phạm [tội], đã bị án treo, đã nhìn nhận và đã được phục hồi. Này các Đại đức, vậy chúng ta hãy tiến hành sự hợp nhất hội chúng để giải quyết sự kiện ấy." Bạch Ngài, giờ nên được thực hành như thế nào?

– Này các Tỳ-khưu, bởi vì vị Tỳ-khưu ấy đã phạm [tội], đã bị án treo, đã nhìn nhận và đã được phục hồi. Này các Tỳ-khưu, chính vì điều ấy, hội chúng hãy tiến hành sự hợp nhất hội chúng để giải quyết sự kiện ấy. Và này các Tỳ-khưu, nên được tiến hành như vầy: Toàn bộ tất cả gồm các vị bị bệnh và không bị bệnh nên tụ hội lại một chỗ và không một ai được phép gởi lời tùy thuận. Sau khi đã tụ hội lại, hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực:

61. "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Trong sự kiện mà hội chúng đã có sự xung đột, sự cãi cọ, sự lý luận, sự tranh luận, sự chia rẽ hội chúng, sự bất đồng trong hội chúng, sự phân ly trong hội chúng, việc làm khác biệt trong hội chúng, vị Tỳ-khưu này đây đã phạm [tội], đã bị án treo, đã nhìn nhận và đã được phục hồi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên tiến hành sự hợp nhất hội chúng để giải quyết sự kiện ấy. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Trong sự kiện mà hội chúng đã có sự xung đột, sự cãi cọ, sự lý luận, sự tranh luận, sự chia rẽ hội chúng, sự bất đồng trong hội chúng, sự phân ly trong hội chúng, việc làm khác biệt trong hội chúng, vị Tỳ-khưu này đây đã phạm [tội], đã bị án treo, đã nhìn nhận và đã được phục hồi. Hội chúng tiến hành sự hợp nhất hội chúng để giải quyết sự kiện ấy. Đại đức nào đồng ý việc tiến hành sự hợp nhất hội chúng để giải quyết sự kiện ấy xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Sự hợp nhất hội chúng để giải quyết sự kiện ấy đã được hội chúng thực hiện, sự bất đồng trong hội chúng đã được dàn xếp, sự chia rẽ hội chúng đã được dàn xếp. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

Lập tức sau đó, lễ *Uposatha* nên được tiến hành, Giới bổn (*Pātimokkha*) nên được đọc tụng.

62. Sau đó, Đại đức Upāli đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Đại đức Upāli đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, trong sự kiện mà hội chúng có sự xung đột, sự cãi cọ, sự lý luận, sự tranh luận, sự chia rẽ hội chúng, sự bất đồng trong hội chúng, sự phân ly trong hội chúng, việc làm khác biệt trong hội chúng, hội chúng không điều tra sự kiện ấy và xác định nguyên nhân không đúng rồi tiến hành sự hợp nhất hội chúng; bạch Ngài, có phải sự hợp nhất hội chúng ấy là đúng Pháp?

– Này Upāli, trong sự kiện mà hội chúng có sự xung đột, sự cãi cọ, sự lý luận, sự tranh luận, sự chia rẽ hội chúng, sự bất đồng trong hội chúng, sự phân ly trong hội chúng, việc làm khác biệt trong hội chúng, hội chúng không điều tra sự kiện ấy và xác định không đúng nguyên nhân rồi tiến hành sự hợp nhất; này Upāli, sự hợp nhất hội chúng ấy là sai Pháp.

– Bạch Ngài, trong sự kiện mà hội chúng có sự xung đột, sự cãi cọ, sự lý luận, sự tranh luận, sự chia rẽ hội chúng, sự bất đồng trong hội chúng, sự phân ly trong hội chúng, việc làm khác biệt trong hội chúng, hội chúng điều tra sự kiện ấy và xác định đúng nguyên nhân rồi tiến hành sự hợp nhất; bạch Ngài, có phải sự hợp nhất hội chúng ấy là đúng Pháp?

– Này Upāli, trong sự kiện mà hội chúng có sự xung đột, sự cãi cọ, sự lý luận, sự tranh luận, sự chia rẽ hội chúng, sự bất đồng trong hội chúng, sự phân ly trong hội chúng, việc làm khác biệt trong hội chúng, hội chúng điều tra sự kiện ấy và xác định đúng nguyên nhân rồi tiến hành sự hợp nhất; này Upāli, sự hợp nhất hội chúng ấy là đúng Pháp.

63. – Bạch Ngài, sự hợp nhất hội chúng có bao nhiêu loại?

– Này Upāli, sự hợp nhất hội chúng có hai loại. Này Upāli, có sự hợp nhất hội chúng không đạt được mục đích, chỉ đạt được từ ngữ và có loại vừa đạt được mục đích, vừa đạt được từ ngữ.

64. Này Upāli, thế nào là sự hợp nhất hội chúng không đạt được mục đích, chỉ đạt được từ ngữ? Này Upāli, trong sự kiện mà hội chúng có sự xung đột, sự cãi cọ, sự lý luận, sự tranh luận, sự chia rẽ hội chúng, sự bất đồng trong hội chúng, sự phân ly trong hội chúng, việc làm khác biệt trong hội chúng, hội chúng không điều tra sự kiện ấy và xác định không đúng nguyên nhân rồi tiến hành sự hợp nhất; này Upāli, việc này gọi là sự hợp nhất hội chúng không đạt được mục đích, chỉ đạt được từ ngữ.

65. Này Upāli, thế nào là sự hợp nhất hội chúng vừa đạt được mục đích, vừa đạt được từ ngữ? Này Upāli, trong sự kiện mà hội chúng có sự xung đột, sự cãi cọ, sự lý luận, sự tranh luận, sự chia rẽ hội chúng, sự bất đồng trong hội chúng, sự phân ly trong hội chúng, việc làm khác biệt trong hội chúng, hội chúng điều tra sự kiện ấy và xác định đúng nguyên nhân rồi tiến hành sự hợp nhất; này Upāli, việc này gọi là sự hợp nhất hội chúng vừa đạt được mục đích, vừa đạt được từ ngữ. Này Upāli, đây là hai sự hợp nhất hội chúng.

66. Sau đó, Đại đức Upāli đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp thượng y một bên vai, chắp tay lên cúi chào đức Thế Tôn, rồi trình lên đức Thế Tôn những lời kệ này:

67. "Trong các phận sự thuộc về hội chúng, trong các cuộc thảo luận, trong những việc điều tra về những vấn đề đã sanh khởi, ở đây, người như thế nào là người đem lại nhiều lợi ích? Ở đây, vị Tỳ-khưu như thế nào là xứng đáng việc chủ trì?"

68. "Trước tiên về mặt giới hạnh, là vị không bị chê bai, có hành động đã được suy xét, có giác quan khéo được canh phòng. Về nguyên tắc thì những kẻ đối nghịch không thể bôi nhọ bởi vì điều gì mà họ có thể nói về vị ấy, thì vị này chẳng có điều ấy.

69. Vị như thế đứng vững trong sự thanh tịnh của giới, là người có niềm tự tín, nói năng có tính thuyết phục, vị đi vào hội chúng không run, không sợ hãi, không bỏ rơi ý nghĩa trong khi nói về đề tài liên quan.

70. Tương tợ y như thế, khi được hỏi câu hỏi ở các hội chúng, vị ấy không ngần ngại và cũng không mắc cỡ, trong khi nói lời giải thích xứng đáng, đúng lúc, con người khôn ngoan làm hài lòng hội chúng các bậc tri thức.

71. Vị ấy có sự tôn kính các Tỳ-khưu trưởng thượng và có niềm tin đối với vị thầy của mình, có khả năng cân nhắc, rành rẽ về điều nên nói, là vị rành rẽ về yếu điểm của những kẻ đối nghịch.

72. Vì thế, những kẻ đối nghịch lâm vào thế yếu và đám đông người tuân theo sự chỉ dạy. Trong khi nắm giữ sự suy luận của mình, vị ấy không bỏ quên niềm tin tưởng của mình và không gây tổn hại trong khi trả lời câu hỏi.

73. Có khả năng trong các công việc đưa tin, có sự ghi nhớ tốt, đúng theo lời các vị đã nói với vị ấy về các phận sự của hội chúng. Được phái đi bởi nhóm các Tỳ-khưu, trong khi thực hiện lời dặn dò, không vì điều ấy mà suy nghĩ rằng: 'Ta làm công việc.'

74. Khi bị phạm tội về các sự việc dầu là thế nào chăng nữa, theo đó có phương thức thoát khỏi tội. Vị ấy khéo được truyền thừa cả hai *Bộ Phân tích* ấy, là vị biết về đường lối thoát khỏi tội.

75. Trong khi phân xử các sự việc, vị ấy áp dụng sự mời ra và người bị mời ra là đúng theo sự việc. Sự phục hồi là dành cho người đã trải qua việc ấy. Vị ấy cũng biết luôn cả điều ấy, là vị biết về *Bộ Phân tích*.

76. Vị ấy có sự tôn kính các Tỳ-khưu trưởng thượng, các vị mới tu, các vị Trưởng lão và các vị trung niên. Người thực hiện việc lợi ích cho nhiều người ở đây là bậc sáng trí. Vị Tỳ-khưu như thế ấy xứng đáng việc chủ trì ở đây."

Dứt chương Kosambī là thứ mười.

*****

TÓM LƯỢC CHƯƠNG NÀY:

1. Bậc Chiến Thắng cao quý ở tại Kosambī, sự tranh luận về việc không nhìn nhận tội, trong trường hợp nào [hội chúng] có thể phạt án treo thì trong trường hợp ấy [vị bị án treo] nên trình báo tội vì niềm tin [của các vị khác].

2. Bên trong ranh giới, ở chính tại nơi ấy, luôn cả [ngôi làng] Bālaka, từ vườn cây [Pācīna], khu rừng Pārileyyā và thành Sāvatthi, vị Sāriputta và vị Kolita.

3. Vị Mahākassapa, vị Kaccāna, vị Koṭṭhita và vị Kappina, vị Mahācunda, vị Anuruddha và cả hai vị Revata và Upāli.

4. Vị Ānanda và luôn cả vị Rāhula nữa, vị Ni Gotamī, ông Anāthapiṇḍika và bà Visākhā mẹ của Migāra, ... và chỗ trú ngụ được cách biệt, nên cho tài vật đồng đều.

5. Không vị nào được gởi trao sự tùy thuận, được vấn hỏi bởi vị Upāli, vị [Tỳ-khưu] không bị chê trách về tăng thượng giới, sự hợp nhất trong giáo pháp của đấng Chiến Thắng.

--ooOoo--

ĐẠI PHẨM ĐƯỢC ĐẦY ĐỦ